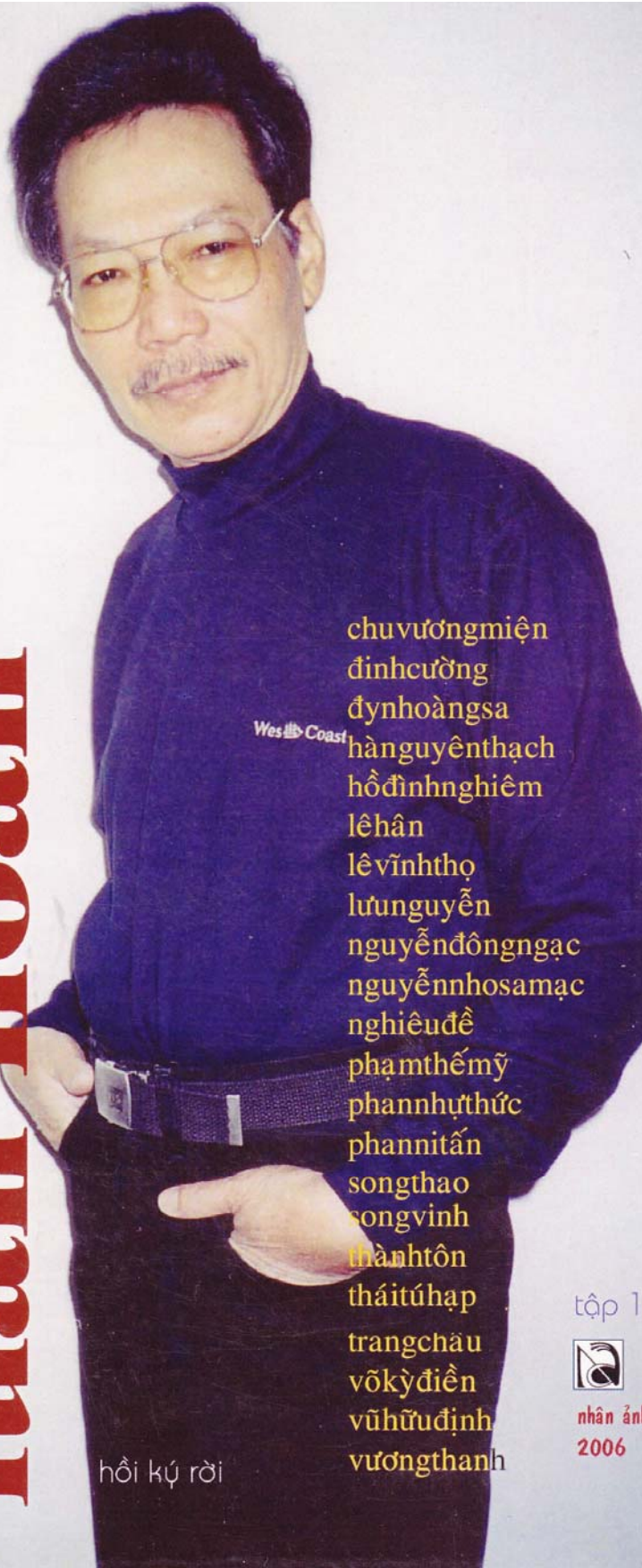


DỰA HỘI BÈ BÀN
luân năm



West Coast

- chuwươngmiện
- đinhcường
- đynhoàngsa
- hànguyênthạch
- hồđìnhghiêm
- lêhân
- lêvĩnhthọ
- lưnguyễn
- nguyễndôngngạc
- nguyễnnhosamạc
- nghiêude
- phạmthếmy
- phannhựthức
- phannitấn
- songthao
- songvinh
- thànhtôn
- tháitúhạp
- trangchâu
- võkỳđiền
- vũhữuđịnh
- vươngthanh

hồi kị rời

tập 1



nhân ảnh
2006



LUÂN HOÁN

đưa hơi bè bạn tập 1



nsmạc vđình pnhức đhsa nđngạc nđề



sthao pthêmữ hnhạch ttôn pntấn cvmiện



ttúhạp lêhân lnguyễn đcường tchâu lvinhtho



vthanh



**nhân ảnh
2006**



vkđiền svinh hđnghiêm



Chân thành cảm ơn các bạn đã cho tôi dựa hơi.
Đa tạ các bạn đọc.

LUÂN HOÁN



hội ký rời
LUÂN HOÁN
trình bày bìa Lê Bảo Hoàng
sửa chính tả Song Thao
layout Tạ Quốc Quang
chăm sóc ấn loát Lê Hân
NHÂN ẢNH
xuất bản

Dựa Hơi Bè Bạn

Dựa là động từ biểu thị động tác tựa vào một vật gì, một người nào, với mục đích để cho khỏi ngã, để được đi, đứng vững vàng, hoặc ngồi an toàn, thoải mái. Hơi là danh từ chỉ chất khí toả ra, xông lên, bốc ra, lan ra... từ nguồn nào đó. Hơi dùng ở đây có nghĩa là hơi thở của con người. Vì là chất khí nên hơi thường có mùi thơm hoặc thối. Dựa Hơi có nghĩa đen là vịn vào một thế lực, một uy tín, một danh giá của một người khác, để cho mình được thơm lây, được oai hơn, đúng như câu tục ngữ *dựa hơi hùm vãnh râu cáo*. Nghĩa bóng hay lối giải thích ngụ ý biện ở đây là dựa vào hơi thở, sức sống của người khác để ăn theo, hưởng theo một loại lợi tức nào đó. Với cuốn sách này, nghĩa đen hay nghĩa bóng đều đúng.

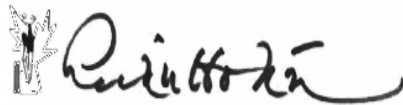


Khi có ý định bỏ đi tên sách dự trù ban đầu: **Bằng Hữu Một Thời** để chọn **Dựa Hơi Bè Bạn**, tôi tình cờ có cho nhà văn Nguyễn Sao Mai biết tên sách trong một dịp nói chuyện hằng ngày bằng điện thoại viễn liên. Anh Nguyễn Sao Mai tỏ ra không đồng ý. Anh không giải thích lý do, nhưng tôi hiểu anh cho rằng tên sách thiếu nghiêm chỉnh. Sau đó vài giờ, cũng trong câu chuyện trao đổi hàng ngày, cũng bằng điện thoại. Tôi có thuật ý kiến của anh Nguyễn Sao Mai với nhà văn Song Thao. Tác giả những chuyện Phiếm lầy lùng nhắt hiện nay, tuy không bày tỏ nhận xét như ông chủ nhà xuất bản Sóng Vắn ở Hoa Kỳ, nhưng đề nghị lấy tên: Hơi Thở Bạn Bè. Với tôi, tên sách này không tệ, nhưng không có gì đặc biệt, không sát cái thực chất vốn có, hơn nữa tôi đã có một Hơi Thở Việt Nam được xuất bản năm 1985 rồi. **Dựa Hơi Bè Bạn** do đó vẫn được tôi chọn để cống những linh tinh, vụn vặt của tôi có được từ bạn bè đến những người hiểu kỳ.

Dựa Hơi Bè Bạn là những chuyện có thật, không hư cấu, vờ vời gì. Những kỷ niệm được nhắc đến có thể rất vô duyên, nhạt

nhều với nhiều bạn đọc, nhưng với riêng tôi thì rất quý. Những kỷ niệm này cũng không mang được chút giá trị văn học nghệ thuật nào, nhưng cũng có thể gọi là vài mảnh vụn tài liệu về một vài người tôi có dịp sống, thờ kè.

Sách có phân đoạn, từng nhân vật đảng hoàng. Nhưng viết về một người tôi không nhất thiết chỉ vẽ ra người đó. Phần tiểu sử cũng không được đặc biệt, bởi một vài bạn, tôi đã làm công việc này trong cuốn **Tác Giả Việt Nam**. Bạn đọc có thể đưa ra nhận định: mỗi người bị tôi trình ra trong cuốn sách là một điểm tựa để tôi nói về cái tôi, vốn không cùng. Đúng. Nhưng không hẳn chỉ như thế. Các bạn gắng đọc kỹ, sẽ gặp giải thích của tôi. Ngoài ra khi nhắc đến kỷ niệm cùng bằng hữu, tôi còn cấp sự vụ lệnh cho tôi để lang thang khắp đó đây, tha hồ lạc đề. Có thể tạt qua một thành phố, một công viên rất đông dài, hoặc một sinh hoạt không lấy gì cần thiết. Mọi chuyện với tôi đều ngẫu nhiên và tùy hứng. Và tôi xin được trân trọng mời bạn đọc cùng tùy hứng với tôi khi mở ra trang sách. Chân thành cảm ơn.



Luân Hoán

Ghi Chú:

Sự sắp xếp bài viết không theo thứ tự A,B,C của danh tính bằng hữu, cũng không theo bất cứ ưu tiên nào. Bài viết hoàn tất trước đi trước, bài viết sau đặt kế tiếp, có bài viết từ lâu, nhưng mới được đánh máy sau nên vẫn nằm sau, bởi vừa viết vừa layout cùng một lúc

Những dấu (/) trong các bài thơ trích dẫn, chỉ để đánh dấu những chỗ có xuống dòng khác. Bản chính của những bài thơ không có dấu này..

Gặp Nguyễn Nho Sa Mạc từ Nguyễn Thị Liên Phụng

Làm thơ không phải là một cái nghề, hình như ai cũng cho như thế. Nhiều người cho đây là một thú chơi chữ nghĩa. Từ lâu tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng gần đây, tôi nghiệm ra, làm thơ quả thật là cái nghề, giống như mọi việc làm khác. Cái nghề này không nhất thiết phải làm hằng ngày, với mục đích để kiếm sống. Nó, có khi ngược lại, bởi đây là cái nghề làm cho người chọn theo phải hao mòn sức khỏe, tốn kém tiền bạc và nhiều khi mất cả danh dự. Nhận định này không phải của tôi, của nhiều người đây.



Hao sức khỏe vì phải thức khuya dậy sớm, lười ăn biếng ngủ để theo đuổi cái chất liệu, cái bóng dáng của thơ, rồi vẩn vơ suy tư, cặm cụi chọn chữ, lựa vần, dài lung ra để viết, như mấy anh “*học trò, dài lung tốn vải ăn no lại...năm*” (ca dao)

Tốn phí tiền bạc vì làm ra thơ rồi không thể để dồn đống, phải nghĩ cách gởi đến bạn đọc. Việc chạy nhật trình, đăng tuần báo, tạp chí chỉ mới là giai đoạn mở đầu. In ấn, xuất bản mới là vấn đề cụ thể, thiết thực. Chuyện này đương nhiên đòi hỏi phải động vào túi tiền của chính mình, hay của ai đấy, có thể là bà con, bè bạn. Cá nhân tôi, khi in thi phẩm đầu tay, Về Trời, đã phải xin phép ông già bán bớt một vài sào ruộng chia cho phần mình, mới có cơ hội đẩy đưa con tinh thần chính thức trình diện làng văn. Chẳng phải vô danh tiểu tốt như tôi mới phải trải qua như thế. Vừa mới đây, tôi có xem bộ phim về nhà thơ lỗi lạc Hàn Mạc Tử phát trên đài VTV 4, mới rõ hơn, ông xin tiền của mẹ không thành, phải xoay qua năn nỉ người em trai để cho tập Gái Quê có cơ hội ra đời. Thu vốn về được hay không là chuyện không có nhà thơ nào nghĩ tới. Cái sướng của người làm thơ có lẽ là điểm này.

Mất danh dự, sao vậy ? Giản dị thôi, thơ in ra chẳng thể để yên ngủ trong nhà, phải gởi bán, phải gởi tặng. Với những tác giả nổi danh thì không nói gì, nhưng những người làm thơ ương ương

cớ tôi thì không thiếu những ê chề. Đi qua hàng sách, thấy đứa con của mình vẫn nằm yên hóng bụi, chẳng thể không buồn. Gởi tặng bạn bè, trước tiên tôn tiền tem cước. Kẻ nhận, năm bảy người nhìn qua cái bì rồi để đó, phó thác cho cái dây chuyền đi từ bàn khách, đến một xó tối rồi vào thùng rác. Đôi ba người đọc chín, mười trang, rồi rủa thầm: “*thơ với chả thần !, rõ dở hơi*” Những điều này chẳng lẽ không xúc phạm danh dự.

Tuy gặp nhiều chướng ngại như trên, nhưng những người làm thơ mỗi ngày một đông, và vào khoảng năm 1962, trong đội ngũ những người làm thơ này xuất hiện thêm cái tên Nguyễn Thị Liên Phượng, qua một bài thơ được đăng tải trên tạp chí Mai, một tạp chí khổ lớn do ông Hoàng Minh Tuynh chủ biên, phát hành tại Sài Gòn. Bài thơ có tên Vàng Lạnh, nguyên văn như sau:

Vàng Lạnh

tặng Luân...

*“ Chuyện bữa ấy chiều nay em kể lể / màu môi chôn kỷ niệm
đã lâu rồi/ mi mắt đỏ ghi ân tình đổ vỡ/ đời nữ sinh vàng lạnh
tháng ngày trôi*

*em đã khóc cả buổi chiều hôm trước / chúng bạn đùa đã biết
chuyện riêng tư / nỗi yêu thương trong đời người con gái / bảo em
buồn nước nở trước trang thư*

*mới hôm nao người và em gặp gỡ / chiều Quảng Nam còn
khép kín chân em / người bước đi qua con đường phố nhỏ / trời
mùa xuân em đứng đón bên thềm*

*em thầm bảo em thương người ấy lắm / thương những chiều
đại lộ bóng người sang / em đứng đấy với môi hồng má thắm /
nhìn phố dài bỗng chốc biến rừng hoang*

*chuyện bữa ấy chiều nay em kể lể / dáng mi trầm nuối tiếc
những ngày qua / thứ bảy chiều chúng mình mừng sinh nhật / của
mối tình sớm nở sớm đi qua”*

Nguyễn Thị Liên Phượng (Tạp chí Mai)

Bài Vàng Lạnh được đông đảo giới thưởng ngoạn choai choai đồng ý có giá trị nghệ thuật. Riêng với cá nhân tôi, một người cũng đang được đăng bài trên tạp chí Mai, đã đến với Vàng Lạnh trong một “ý đồ” thô nhám, lãng mạn nhưng thiếu văn nghệ hơn. Sở dĩ tôi lâm vào “tật hư” này vì hai yếu tố đứng kèm bên bài thơ.

Một là tên tác giả của bài thơ, Nguyễn Thị Liên Phượng, một cái tên con gái thật đẹp, đủ để vẽ ra trong tâm hồn và trước mắt tôi một nữ sinh nhan sắc, tài hoa.

Hai là, ngay dưới đề bài, tác giả đã ghi vài chữ đề tặng, mà theo cảm nghĩ chủ quan của tôi lúc bấy giờ, rất lúng lờ, vừa che vừa mở, đầy ngụ ý : *“tặng Luân...”*

Với một tâm hồn lạng quạng, và một trí tưởng tượng lẫn lộn, tôi cố tình đẩy tôi vào một ngộ nhận rất ngây thơ. Một trong hai chữ đề tặng của Nguyễn Thị Liên Phượng là một nửa của bút hiệu tôi đang dùng. Và tôi đã rất lớ bịch quả quyết với chính mình: Phượng rõ ràng đã có tình ý, nhưng còn e ngại chưa dám viết trọn bút danh tôi. Từ một người đang yêu đời, tôi càng thấy đời đẹp thêm ra. Tôi lún sâu vào vũng thi thơ nhiều hơn và không quên bỏ công tìm manh mối “người tình sắp có thật”. Dĩ nhiên, tôi cũng không quên chải chuốt, làm dáng nhiều hơn, mặc dù lúc bấy giờ, tôi với mái tóc xù, một đôi mắt thiếu ngủ và một thân thể gầy gò, *“già hơn chúng bạn cùng con giáp”* rất nhiều. Rất đúng với nét vẽ của chính tôi: *“Tay ta gầy quá che không hết / khuôn mặt nhỏ đầy nét khổ đau”*(1960).

Sau khi thu thập được nhiều nguồn tin khá chính xác, vào một ngày đẹp trời, tôi chia tay hai người bạn chí thân Châu Văn Tùng và Hoàng Trọng Bản từ quán trà cúc Thành Ký trước nhà thờ Con Gà trên đường Độc Lập Đà Nẵng (Trần Phú ngày nay). Một mình, một xe đạp, thuận đường tôi ra ngã Hòa Cường, qua cầu Cẩm Lệ, vượt chợ Miêu Bông, bỏ đôn Quá Giáng, bỏ những ngõ tre Thanh Quýt, quán mì Quảng bên đường... tôi vào Vĩnh Điện.

Đoạn đường từ Đà Nẵng vào Vĩnh Điện không còn nhớ dài bao nhiêu, nhưng với tôi nó không hơn chiều dài một tiếng gọi tình...vu vơ. Điểm dừng đầu tiên của tôi là cổng trường Trung học Nguyễn Duy Hiệu. Chính điểm dừng này đã mở đầu cho một loạt thói quen đứng trước các trường Đồng Khánh, Hồng Đức, trường Nữ trung học Quảng Ngãi...của tôi sau này.

Trường Nguyễn Duy Hiệu nằm bên này cầu Vĩnh Điện. Từ Đà Nẵng vào, trường ở về phía tay trái, muốn vào thị trấn phải qua cầu, một cây cầu đúc hơi vùn lên ở giữa dòng và cong cong đổ về hai đầu, rất nghệ thuật. Khi tôi đến, học sinh đang trong giờ ra chơi. Sân trường Nguyễn Duy Hiệu rộng rãi, có nhiều cây phượng

chưa đủ tầm cao, lá thưa chưa giữ được những làn gió. Ngồi trên yên xe, chống chân xuống đất một chặp, thấy hơi kỳ kỳ, tôi đập lòng vòng trước công trường, đã được đóng căn thận. Mặc dù đập xe, tôi vẫn không quên thả tầm nhìn vào các tà áo dài trắng nhón nhờ trong sân trường, để thử nhận diện người tôi đang tìm, Nguyễn Thị Liên Phương. Dĩ nhiên, tôi không thể nào nhận ra, tìm ra. Và trong lúc đó, tôi chợt nhớ đến người bạn từng dạy giờ ở Nguyễn Duy Hiệu, nhà thơ Đĩnh Hoàng Sa. Bạn thơ này từng khoe với tôi, anh có một cô học trò ở đây, tên Ngọc Thoan, là một tuyệt sắc mỹ nhân. Tôi cũng chợt nhớ tôi đã có lần cùng Đĩnh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch, thả bộ dọc theo bờ sông Vĩnh Điện, ngược lên hướng phải để tìm đến nhà Ngọc Thoan. Ba chúng tôi vừa đi vừa nhìn cảnh sắc hai bên đường. Cây lá tươi xanh bao bọc những mái nhà âm áp khói bếp. Không gian thanh bình ngọt ngào tiếng chim. Ngôi nhà của Ngọc Thoan nằm trong tầm cỡ của địa chủ, giàu cây ăn trái, rộng bóng mát. Chuyển đi thăm Ngọc Thoan hôm ấy, mặc dù chúng tôi đã biết trước, nàng thơ không còn ở quê nhà. Hương sắc ấy đang theo học ở một thành phố xa. Nhưng chúng tôi cũng thực hiện cuộc đi dạo, cốt để ngó qua nơi người đẹp đã ở, con đường dáng hoa đã đi...may ra lượm được trong không gian hơi thở, ánh nhìn nào đó của Ngọc Thoan còn được cô hoa lãng mạn sưu tập, gìn giữ. Nhớ đến Ngọc Thoan tôi có thêm một hy vọng rất dễ thương: biết đâu Nguyễn Thị Liên Phương chính là Ngọc Thoan? Và trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy mình đã trúng số độc đắc.

Thời gian của những giấc chiêm bao tuyệt vời quả rất ngắn. Dù giấc mộng đó đang đến với tôi giữa ánh nắng mặt trời. Tiếng trống trường đã cuốn hết những tà áo trắng vào các lớp. Thiếu điểm tựa để lần quần chờ người, tôi qua cầu, vào thị trấn. Vừa đi vừa nhận dạng những người qua đường, không phải để tìm Nguyễn Thị Liên Phương, mà để tìm một khuôn mặt, khả dĩ có thể hỏi thăm về “nhà thơ”. Không có ai, chẳng có ai, tôi nhận xét, có khả năng này.

Vĩnh Điện là một thị trấn nhỏ. Đối với tôi, vùng đất này là cõi thân tình, bởi vì nơi đây là quê ngoại ruột của tôi. Tôi phải nói là “quê ngoại ruột” vì tôi có ít ra bốn bà mẹ. Mẹ Cả, mẹ Hai của tôi, mang họ Ông, gốc Phong Lệ, có huyết thống với cụ Ông Ích Kh-

iêm. Mẹ Cả tôi có công nuôi dưỡng tôi trong một thời gian dài. Mẹ đẻ ra tôi là con dân của thị trấn Vĩnh Điện. Mang họ Nguyễn.

Cách đây mấy năm, ngày mẹ tôi còn sống, tôi vẫn thường về đây trong những ngày kỵ giỗ. Nhà ông ngoại tôi nằm cách ngã ba Vĩnh Điện, Hội An không xa, nằm bên trái hướng xuống Hội An. Từ ngày má (chữ tôi gọi mẹ ruột) tôi qua đời, tôi chẳng mấy khi ghé về, một phần bà con họ ngoại tôi không còn ở đây nhiều, một phần chiến cuộc, một phần lười biếng. Tại Vĩnh Điện thời bấy giờ, tôi có bà chị, con của người di, buôn bán hàng xén ngay tại ngã ba Hội An, Vĩnh Điện, là nơi tôi thỉnh thoảng ghé lại. Và dĩ nhiên, lần đi tìm Nguyễn Thị Liên Phụng, tôi cũng ghé đến nhà chị Dần, tên con di Năm tôi.

Chị Dần là một người cởi mở, vui tính và giao thiệp rộng. Chị không biết Nguyễn Thị Liên Phụng là ai, nhưng biết được một vài người làm thơ ở đây. Qua chị, tôi biết được nhà của các nhà thơ Đĩnh Trầm Ca, Nguyễn Phú Long và một người, chị khuyên tôi nên ghé đến, là nhà anh Nguyễn Nho Bửu.

Theo chỉ dẫn của chị Dần, tôi đạp xe về hướng Cầu Lâu, bỏ vài ba ngõ hẻm thì vào một ngõ tre rộng. Qua một đoạn đường đất ruộng, non non một ngàn thước, thì rẽ trái, chừng hai trăm thước đường ruộng nữa, sẽ giáp một sân đất rộng, với những cây mai có tuổi thọ rất cao, đứng trong những chậu kiểng lớn bằng sành có hoa văn.

Anh Nguyễn Nho Bửu tiếp tôi trong vẻ bẽn lẽn như một người con gái. Anh quên cả việc mời tôi vào nhà, dù tôi thấy rõ anh muốn cảm chân khách. Tôi cũng lúng túng không hơn gì. Vờ vịt hỏi xa hỏi gần một hồi mới dám bày tỏ mục đích. Với một chút xiu lưỡng lự, Bửu nói có quen với Liên Phụng và cho biết cô ấy hiện ở Tam Kỳ. Anh hứa thuật lại cuộc tìm thăm của tôi đến chị ấy. Bửu cũng không quên ngần ngại hỏi tôi, có biết Nguyễn Nho Sa Mạc không ? Tôi trực nhớ, và nhìn qua bộ tịch của anh, tôi thăm dò: Anh là Nguyễn Nho Sa Mạc phải không ? Bửu vội vã từ chối, Và tôi cũng thiếu nhạy bén để nhận xét. Với kết quả biết được Nguyễn Thị Liên Phụng đang ở Tam Kỳ, hình như đã quá đủ trong chuyến đi tìm mỹ nhân của tôi. Khi chào Bửu ra về, tôi còn nhận thêm một niềm vui: được anh xin địa chỉ để đưa cho Nguyễn Thị Liên Phụng.

Trở lại Đà Nẵng không lâu, tôi nhận được thư đầu tiên của Nguyễn Thị Liên Phượng với con dấu của sở Bưu điện Tam Kỳ. Nguyễn Nho Bửu đã nói thật. Áo tương Nguyễn Thị Liên Phượng có tình ý với tôi càng được củng cố. Thư Phượng viết trên giấy vở học trò, được xếp làm đôi theo chiều dọc. Với màu mực tím, nét chữ nhỏ và đều, lời lẽ thùy mị, lồ lộ mùi hương con gái, mà là con gái đẹp nữa...Tôi tha hồ vẩn vơ.

Thư đi thư lại liên tục...Tôi vào chơi nhà Nguyễn Nho Bửu nhiều hơn, nhưng chưa lần nào được gặp Nguyễn Thị Liên Phượng. Trong các chuyến vào Vĩnh Điện, thường là vào cuối tuần đó, tôi làm quen được với anh em Nguyễn Phú Long, Nguyễn Phú Mỹ. Anh Long đang làm hiệu trưởng trường trung học Nguyễn Duy Hiệu. Anh Mỹ cũng dạy ở trường này. Một hôm nằm trong phòng sách tại nhà anh Long chờ ăn cơm trưa, tôi mở một cuốn sách, hình như là bản dịch tác phẩm Con Đường Thuốc Lá, một tờ giấy chép một bài thơ rơi ra làm tôi giật mình.

Đồng hành với Nguyễn Thị Liên Phượng, vào thời này, tại Đà Nẵng Quảng Nam, còn có Hoàng Thị Bích Ni, Châu Thị Ngọc Lê...Châu thị Ngọc Lê đăng thơ ở Tiểu Thuyết Thứ Bảy, ở Thời Nay...thì tôi biết rất rành ròi. Còn Liên Phượng mới có chút đầu mối. Hoàng Thị Bích Ni thì hoàn toàn bí mật. Trong bữa cơm, với “thông minh” bất ngờ, tôi đã phát hiện được Hoàng Thị Bích Ni là một nhân dáng thông dong cao đến gần một thước ...tám, tính tình hiền hậu vui vẻ và rất tỉ mỉ, ý tứ. “Chị” đang làm hiệu trưởng một trường trung học gần đây. Khổ một nỗi, Vĩnh Điện chỉ có duy nhất trường trung học Nguyễn Duy Hiệu của anh Nguyễn Phú Long, của anh Nguyễn Kim Phượng trong nhiều dịch phẩm và biên khảo sau này của làng văn nghệ Sài Gòn.

Do sự khám phá ra Hoàng Thị Bích Ni, Nguyễn Thị Liên Phượng cũng đã nhích gần lại với tôi sát hơn, thân tình hơn. Và chẳng bao lâu sau tôi được diện kiến, đi đến việc chơi thân với “nàng”. Giờ này, chắc các bạn đã biết tác giả của Vàng Lạnh là ai rồi. Tôi nói phớt ra cho xong. Cô ấy chính là nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc và cũng chính là anh Nguyễn Nho Bửu, hiền lành và nhút nhát của đất Vĩnh Điện.

Nguyễn Thị Liên Phượng hay Nguyễn Nho Sa Mạc, tên thật Nguyễn Nho Bửu, sinh năm 1944 tại La Qua huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, trong một gia đình trung nông. Tuy làm nông, nhưng

thân phụ anh có theo học chữ thánh hiền và chữ quốc ngữ, trông ông như một cụ đồ nho, khỏe mạnh. Thân mẫu anh đúng là mẫu người gói ghém đủ mấy chữ: bà mẹ Việt Nam, với sự hiền lành, bao dung, chan chứa tình yêu thương và cũng không mất những nét lam lũ, vất vả. Cả hai ông bà đều rất thương quý bạn của con trai. Nguyễn Nho Bửu có hai người anh. Anh Nguyễn Nho Quý, phục vụ cho chính thể Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Anh Nguyễn Nho Quang, làm việc cho Việt Nam Cộng Hòa, hiện sinh sống tại Pleiku. Sáu người em của Bửu gồm Nguyễn Nho Châu, có sinh hoạt hội họa, Châu bị tai biến mạch máu não, đang trong thời kỳ bình phục. Kế tiếp Châu là hai người sanh đôi Nguyễn Nho Kim, đã qua đời. Nguyễn Nho Ngọc, hiện sống tại Sài Gòn. Ba cô em gái, hai cô hiện ở quê nhà là Chín và Bích Quân. Cô Tâm, chị của hai cô kia, hiện sống tại Đà Nẵng.

Với chiều cao chừng một mét sáu mươi bảy, Nguyễn Nho Sa Mạc có dáng người thanh nhã, hồng hào da thịt đủ để đứng vào loại khỏe mạnh, không thiếu điều kiện khi tham dự trung bình quân dịch. Nếu không có một chút khuyết điểm về hàm răng, anh bạn làm thơ của tôi rất đẹp trai. Không biết hút thuốc, không mấy khi nhấm rượu và chuyện tư tình nam nữ còn nằm trên giấy trắng, mực tím, nhưng anh có đầy đủ phong cách của một trang nam tử hào hoa, rất hợp thời. Anh từng vẽ vài nét về mình:

*“Ta đứng tựa lữ cật đèn châm thuốc
rất vô tư nhìn năm tháng thay màu...”*

(Nguyễn Nho Sa Mạc)

Sau khi biết được Nguyễn Thị Liên Phụng là ai, tôi không phiền Bửu chút nào, trái lại chúng tôi càng chơi thân với nhau hơn. Nhân đây, tôi cũng xin nói qua “sự cố” của việc đề “*tặng Luân...*” của bài thơ Vàng Lạnh.

Nguyễn Nho Sa Mạc có hai người bạn thân. Một là anh Hồ Luân, thỉnh thoảng có làm thơ, nhà ở ngay ngã ba Vĩnh Điện, Hội An. Anh Luân là con của bác Hồ Dầu, một gia chủ giàu có. Và Liên, một cô gái, không đẹp nhưng rất có duyên. Một cuộc tình đến với cả ba. Nguyễn Nho Sa Mạc nhường cho bạn, bài Vàng Lạnh như một lời chia biệt, được đề tặng cho (Hồ) Luân và những dấu chấm lửng đó chính là... Liên. Tuyệt nhiên không phải là nửa cái đi trước của bút hiệu tôi, như tôi đã giàu tưởng tượng. Dù sao

tôi cũng cảm ơn, rất cảm ơn đã có thêm một người bạn thơ, sau khi trải qua một chặng tìm kiếm rất lý thú. Luân và Liên sau này trở nên chồng vợ. Tôi rất ít được gặp. Tôi ngờ ngờ Hồ Luân là nhạc sĩ Từ Huy ngày nay, nhưng hỏi qua nhiều bạn mới biết mình nhầm. Dù anh Từ Huy hình như cũng dân Vĩnh Điện và có khuôn mặt rất giống Hồ Luân.

Việc dùng tên con gái của một số tay bút ở tỉnh lẻ, để gởi bài đăng ở thủ đô Sài Gòn cũng là một thú vị. Tôi có hưởng được chút chút niềm vui này khi ký Châu Thị Ngọc Lê. Căn nguyên của bút danh này như sau. Tên thật của tôi là Lê Ngọc Châu. Tôi đảo ngược cách đọc thành Châu Ngọc Lê rồi thêm chữ Thị vào cho tăng phần duyên dáng. Họ Châu cũng là một họ có thật, như Châu Văn Tùng, bạn tôi. Ngoài ra, khi gởi bài đăng, tôi còn mượn địa chỉ của một người đẹp có thật tên Đoàn Thị Bích Hà, trên đường Đông Kinh Nghĩa Thục (Ngô Gia Tự bây giờ) để giao dịch thư từ. Không rõ giá trị những bài tôi viết dưới tên Châu Thị Ngọc Lê ra sao, nhưng được một số tuần san, nguyệt san tại Sài Gòn đăng tải, trong đó có Ngân Khôi, Thời Nay... Thơ của Châu Thị Ngọc Lê có lẽ cũng được nhiều người ghé mắt, nên cũng có người ghé tìm, tuy không cố tình, mất công như tôi và có lẽ chỉ là một sự thuận đường. Ông khách tìm người nữ làm thơ thật đáng kể, đó là một nhà phê bình nổi danh mang họ Đặng từ Sài Gòn về thăm nhà. Sau cái lần suýt gặp tai nạn ấy, tôi khai tử ngay cái tên đảo ngược, dùng một tên hơi hám nữ nhi mới Lê Quyên Châu, để phổ biến thêm một số thơ huê tình nữa.

Nguyễn Nho Sa Mạc, từ khi bị phát giác, anh gần như không còn dùng bút hiệu Nguyễn Thị Liên Phương. Anh đang theo học ở trường trung học Trần Cao Vân ở Tam Kỳ. Biết tôi là một người hơi ham chuộng nét đẹp nữ giới, anh dụ tôi vào Tam Kỳ với lời rủ rê khá hấp dẫn. Anh cho biết, Nguyễn Thị Liên Phương đúng ra, có thật bằng xương bằng thịt. Cô ấy đang là hoa khôi của Tam Kỳ. Anh có quen biết và hứa giới thiệu cho tôi để... “làm thơ”.

Tam Kỳ đối với tôi không phải là vùng đất xa lạ. Lúc bấy giờ thị xã này chỉ là một đoạn đường phố độc nhất. Đoạn đường này cũng là một phần của quốc lộ số 1. Những hàng quán hai bên đường thân mật đứng bên nhau, không lề đường, không vỉa hè. Tôi đã đến thị trấn này vào một năm thuộc thập niên năm mươi. Hồi

đó gia đình cha mẹ tôi tản cư lên trú ngụ tại vùng núi Tiên Phước. Ba tôi làm việc tại Kho Bạc Hội An bị điệu theo kháng chiến. Má tôi không bỏ nghề thương mại. Bà buôn bán tiêu, chè, quế, đá lửa, vải kaki...hầu hết đều thuộc loại bị cấm. Má tôi thường có những chuyến trao đổi hàng hóa tại Tam Kỳ, nên một đôi lần tôi được theo chân bà ghé chơi phần đất nằm trong vùng được gọi là “tự do” thời bấy giờ. Tam Kỳ cũng là nơi tôi đã cư ngụ vài tuần lễ trong thời gian theo học tại trường Trần Cao Vân. Lúc đó tôi ở trọ nhà một người bạn hàng cũ của má tôi. Bà bạn má tôi người Việt, nhưng có chồng người Tàu. Gia đình họ khá sung túc với ngôi nhà nằm dưới gốc một cây bàng lớn. Cây cổ thụ này đã cho tôi những buổi trưa tuyệt vời:

*“Nắng khoan thủng ngọn lá bàng / đặng con cà cưỡng, đặng
hàng keo xanh / đặng tôi đang ngủ ngon lành / giữa hai coi vông
đỡ nhánh ca dao / đưa tay bốc hạt nắng đào / xoa trên mặt rửa vết
cào chiêm bao / trưa Tam Kỳ ngã mũ chào...”*

(Trôi Sông trang 32)

Tuy ở trọ tại ngôi nhà dưới gốc bàng, nhưng tôi ăn cơm tháng tại quán ăn bà Cả Huế. Trong những giờ ăn, tôi có để ý một viên chức hành chánh. Ông ta là Quận trưởng hay phó quận gì đó, cũng ăn cơm tháng tại đây. Mỗi lần đến ăn ông mang theo một con sóc nhỏ rất đẹp. Con vật khá khôn, được ông thả chạy tự do trong quán rồi trở về với chủ. Tôi rất thích, cố tình bắt cặp vài lần, nhưng không thành công. Ngoài quán bà Cả Huế, nơi tôi thường ghé lại là quán sách Quảng Thành nằm gần ngã ba dẫn lên Tiên Phước. Sau này tôi mới biết nhà chị Phan Thị Trinh, vợ nhà thơ Thành Tôn, là cây xăng Hòa Phong, cùng cơ sở trà Mai Hạc là của cha mẹ nhà thơ Huy Tưởng, đều nằm trong đoạn phố phát đạt này. Rất tiếc, tôi chỉ có duyên với trường Trần Cao Vân hai buổi học. Chính những sự thân thiết chưa đến độ buồn chán đó, tôi rất thú vị trước lời rủ rừ của Nguyễn Nho Sa Mạc, để về thăm một miền đất cũ. Chứ không hẳn phải vì háo sắc, ham chơi.

Nguyễn Thị Liên Phương bằng xương thịt của Bửu quả nhiên có nhan sắc tuyệt hảo, với quý danh Thu Thuyền. Người đẹp không làm thơ bằng ngôn từ, chữ nghĩa. Thi phẩm của nàng được in sẵn trong đôi mắt tròn đen lấp lánh, và phơn phớt ở trên hai vành môi vừa hồng vừa muốt. Để thưởng thức những vần thơ trên, tôi đã

ghé uống cà phê, ăn mì Quảng khá nhiều lần tại hàng quán của nhà Thuyền. Đôi ba bài thơ của tôi đã từ một cái ghé ngồi, cái vách tựa quán mì Lợi Ký này, mà đến với những trang báo. Dĩ nhiên có bài được đề tặng cho người đẹp đang hoàng, rất tiếc nay đã thất lạc cả. Việc làm thơ tán gái, có lẽ không tốt đẹp gì theo quan niệm của nhiều người. Nhưng riêng tôi không bỏ được tật xấu này.

*“ Làm thơ để chạy nhật trình / đề tặng em để lừa mình đó
thôi / riết rồi thành một thú chơi / được ghiền đến suốt cuộc đời
khoái chưa*

(Mời Em Lên Ngựa-trang 28)

Quả như vậy. Dù thơ của tôi chưa được hân hạnh đăng (chạy) trên báo ngày (nhật trình) bao giờ. Tôi làm thơ vì nhiều góc cạnh của cuộc sống. Trong đó tình yêu trai gái chiếm một phần lớn. Nói đến chuyện trai gái là đề cập đến nhan sắc. Đối tượng dễ thương yêu không thể không vẽ ra, nhắc tới. Tiếng “nàng” đã có phần xa xưa. Một chữ “em” gọn nhẹ, thân mật và hình như luôn luôn mới, tôi vẫn ưa dùng. Em càng lộng lẫy sắc hương càng chập chùng nguy hiểm, và để ngừa trị những tổn thương chắc chắn xảy ra chỉ có thi ca, như tôi đã từng viết:

*“Em là một loại vi trùng / đục khối tim óc vô cùng hiểm nguy
/ ác từ vóc dáng em đi / độc từ đôi mắt kiêu kỳ lẳng lơ / trị em, chỉ
tạm có thơ / sắc thành thương nhớ vu vơ uống chùng*

(Mời Em Lên Ngựa, trang 39)

(sắc là động từ, như đun, nấu, cụ thể như sắc thuốc bắc)

Rất may, tuy mê nhiều người đẹp, nhưng chưa dám yêu ai, nên thơ thất tình của tôi hãy còn quá ít. Hoặc không chùng, thất tình thật thì không làm thơ nổi. Phải chăng cái đau hình như cần có một thời gian đủ để ngấm, mới pha cất ra thơ được ?

Những ngày tháng kế tiếp, cả hai chúng tôi vẫn làm thơ đăng báo đều đều, nhưng chỉ liên lạc với nhau qua thư từ. Để kỷ niệm chuyến lang thang tìm bạn tình, bạn thơ, tôi viết bài “Đi Tìm Nguyễn Thị Liên Phượng”:

1.

*“ Đạp xe vào Vinh Điện / đứng vào giờ ra chơi / trước trường
Nguyễn Duy Hiệu / tôi thả lòng đánh hơi
tóc thề rợp ánh nắng / áo trắng đắp sân trường / cây phượng*

đang độ lớn / say hút những mùi hương
tôi thấy cái trống lớn / treo ở cuối hành lang / tôi thấy một cô
giáo / gom bầy sáo sắp hàng
đứng ngoài cổng trường đóng / với hỏi cái sân trường /ai,
Nguyễn Thị Liên Phương ? / làm thơ thật dễ thương

2.

dắt xe qua cầu gió / vào thị trấn buồn buồn / mắt hỏi từng cửa
phố / từng dáng hoa qua đường
thị trấn nửa cây số / vốn là quê ngoại tôi / bỗng nhiên đâm bỡ
ngờ / như chưa từng ghé chơi /
đứng giữa ngã ba bụi / ngó xuống hướng Hội An / ngó vào
ngã Nam Phước / ngó ra thành phố Hàn
đi đâu, tìm những đâu ? / bài Vàng Lạnh vì đâu / đề tặng
Luân...(chăm chăm)/ phải chăng từng biết nhau ?

3.

đã vượt qua cánh đồng / lúa đang trở đồng đồng / mái nhà
tranh, cây mít /xôn xao ngọn gió lồng
khoe ra những tờ thư /(giấy học trò xếp đồ i / mực tím chữ tròn
nét / tuồng như tâm hương môi)
chàng trai trắng nước da / tiếp khách rất thật thà / nhận
chuyển lời gởi lại / tôi nghe lòng trở hoa
chiều xuống, Đà Nẵng xa / ghé nhà cậu ngâm nga / bài thơ
chưa kịp viết / xỏ lòng bay tà tà..”.

(Trôi Sông trang 94)

Trong thời điểm này, Nguyễn Nho Sa Mạc sáng tác rất đều tay. Thơ của anh được các tạp chí Bách Khoa, Văn, Mai, Văn Học và nhiều nguyệt san, bán nguyệt san tại thủ đô Sài Gòn phổ biến rộng rãi đến bạn đọc. Cũng như nhiều nhà thơ cùng trang lứa, Nguyễn Nho Sa Mạc bị nhiều chi phối bởi hoàn cảnh xã hội.

Sau ngày thực sự nắm giữ guồng máy quốc gia, khởi từ 23 tháng 10 năm 1955, Tổng Thống Ngô Đình Diệm thay đổi tên gọi Quốc Gia Việt Nam thành Việt Nam Cộng Hòa và điều khiển quốc gia một cách xuất sắc: ổn định các lực lượng phản loạn, phát triển vững mạnh kinh tế, đời sống dân chúng sung túc, xã hội thanh bình, an lạc. Giữa những thành công vượt bậc của miền nam, và mất cơ hội tổng tuyển cử giữa hai miền được ấn định vào

năm 1956, những người ruột thị phương bắc bắt đầu mở chiến dịch chiến tranh du kích với các hoạt động thông thường phá hủy đường sá, cầu cống, giăng mìn bẫy triệt hạ xe đò... Những công việc này được củng cố, đẩy mạnh bởi Mặt trận Giải phóng Miền nam, thành lập ngày 20 tháng 6 năm 1960. Và càng phát triển khi quân đội của tổ chức này thành lập ngày 15 tháng 2 năm 1961. Những hình ảnh làng mạc bị đốt cháy, dân lành bị sát hại đã hằn sâu trong tâm trí, suy tư của những người tuổi trẻ. Thơ văn của họ sáng tác, không thể không phản ánh hoàn cảnh họ đang sống, không khí họ đang hít thở. Nguyễn Nho Sa Mạc cũng không vượt khỏi điều này. Tuy nhiên nội dung thơ của anh không nặng nề thù hận, cũng chưa đến giai đoạn được gọi là phản chiến sau này. Thơ của Nguyễn Nho Sa Mạc mang nặng nỗi buồn của một dân tộc nhược tiểu, được viết nhiều ở thể loại bảy, tám chữ, ngũ ngôn. Anh rất ít sử dụng thể loại lục bát. Tuy không là một bài bình giảng, nhưng tôi xin trích một số bài thơ của anh dưới đây, để bạn đọc cùng thưởng ngoạn. Và vì thơ của anh chưa in thành sách, nên tôi hơi tham lam chép tất cả những bài ít ỏi tôi sưu tập được. Mong bạn đọc không cho đây là một thủ đoạn tăng số trang cho bài viết này:

Thơ cuối năm 1963

*“Ta đứng trên bờ cao lịch sử / nhìn những người đi qua / khi
bức tường đổ xuống / trời Việt Nam nở hoa
những trái tim không rung / những bàn tay vói lên / những
linh hồn ngã gục / những viên đạn bạo hành / những hàng cây
thập tự / đất còn vang âm thanh cho cây mầm bén rễ / xanh màu
xanh của trời / thom mùi thom của đất / giống Lạc Hồng ta ơi
lịch sử đầy bất khuất / lịch sử đầy đấu tranh / con mắt này lừa
đổ / con mắt này yêu thương
những mai mặt trời mọc / những chiều xuống mù sương / ta
nghe từng tiếng khóc / ta nghe từng tiếng cười / đi vào lòng lịch sử
/ hỡi anh em bạn hữu / người Việt Nam mến yêu”*

Mùa xuân của em

*“Rồi xuân sang em nhìn mưa để khóc / kỷ niệm chong đèn
thức suốt đêm qua / ngón tay nhỏ lần đàn sầu cô độc / tương
chừng như tuổi trẻ bỏ đi xa*

*thứ bảy chiều em rong hè phố cũ / con đường xưa hoa đỏ nở
rộn ràng /giòng sông đỏ bỗng nhiên buồn vô cớ / bờ vờ tìm thương
cát sỏi còn hoang*

*em đứng dậy xem mây chiều xuống thấp /trời tháng giêng mưa
lạnh thấm vai chùng / sân ga nhỏ con tàu không dừng lại / đôi sao
buồn ngủ giữa không trung*

*gió thì mệt, mùa xuân đang cúi mặt /hàng dừa xanh xõa tóc
đứng âm thầm / em muốn nói trên vòng tròn con mắt / hờn mùa
xuân với khuôn mặt sa sầm*

*rồi xuân đến sau lưng nhiều bão mộng / buổi em về xanh rừng
tóc cao nguyên / đôi chiều xa biểu hiện nét mi hiền /tay trắng muốt
nuôi linh hồn thảo mộc*

*em ngồi khóc, mùa xuân nhăn mặt khóc / môi em buồn cho
thời tiết buồn theo /con sông nhỏ bỗng vô cùng cô độc / trôi về
xuân với một ít rong bèo..”.*

Mùa xuân 21

*“Chiều cuối năm trái buồn lên via phố /trời quê hương nhiều
mây trắng sa mù / hai mươi tuổi những ngày nuôi mộng đỏ /đã
xanh rồi cây trái mọc suy tư*

*thân với máu xin thấp làm sương khói / giữa trần gian về tìm
lại con người / vũng tóc đỏ tháng ngày qua cô úa / lửa của đời
thiếu đốt tuổi hai mươi*

*con mắt trũng hôn vào lòng đất ẩm / cọng rác khô da thịt
cũng khô cằn / thiên nhiên vẫn mặt-trời-trên-cao-mọc / người tìm
chỉ khu vườn cũ giá băng ?*

*tôi gọi nhỏ tên người sa nước mắt / ở trên đời vừa đúng hai
mươi năm / máu sẽ khô- xin tìm này đừng rụng / giữa hư vô phần
mộ nhỏ yên nằm*

*lũ bạn tôi đưa còng lưng nằm ngủ / đưa vừng lên trong số
phận lưu đày / mỗi trái tim hẳn vết thương chia cắt / nỗi nhục này
cho con cháu mai sau*

*tôi thì vẫn tháng ngày xa phiêu lãng / giữa lênh đênh tìm nắm
một bàn tay / trời tháng giêng những ngày sầu nổi gió /nhớ Sài
gòn thương Hà Nội mây bay”*

Vàng lạnh 2

“Đừng nói nữa bài thơ vàng lạnh ấy /tình ngày xưa xin trả lại

cho người / kỷ niệm buồn vui một thuở xa xôi / chợt đứng dậy đi
lần vào thương nhớ

anh bỏ đi tìm tình yêu thành phố / những khi buồn muốn nhắc
lại tên em / đếm những vì sao rơi rụng bên thềm / chợt thức giấc
thấy đời mình cô độc

làm con trai lần đầu yêu để khóc / tập thư màu xanh nước mắt
đau thương /xin trả lại em thành phố với con đường / từng buổi
sáng buổi chiều ta qua đó

hai mươi tuổi hôm nào yêu người em môi đỏ / tình khai sinh
bằng tiếng hát hoàng hôn / những âm thanh nào nuốt chảy qua
hồn / em có thấy tình ra đi nhẹ

em còn nhớ chuyện hôm nào kẻ lẻ / đôi bàn tay chưa xiết chặt
làm cầu / khi tâm hồn hai đứa chứa yêu nhau / con nước chảy đi
xa rồi cát lở

em có nghe muôn hành tinh đổ vỡ / những mảnh buồn bốc
cháy giữa không trung / tình yêu hôm nay mệt mỏi vô cùng / đời
vàng lạnh xin em đừng nói nữa”

Sinh nhật

“Bằng đôi tay ôm kín nỗi buồn / ta đi trong trời đất hoàng
hôn / mà nghe sữa mẹ chan hòa chảy / máu ở buồng tim cũng loạn
cuồng

ta xiết hình em trong tiếng hôn / im nghe da thịt và linh hồn /
giữa không gian rộng ta vùng dậy / cuộc sống đi vòng quanh áo
cơm

ôi nửa cuộc đời ta đảo điên / đêm nằm ru giấc ngủ cô miên
/ hai mươi tuổi trong hồ suy tưởng / giữa mặt nhìn trời đi ngả
nghiêng”

Niên khóa 1964, Nguyễn Nho Sa Mạc từ trường Trần Cao
Văn Tam Kỳ đổi ra trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng để theo
học lớp đệ nhất C. Tại đây, anh có thêm một số bạn văn nghệ như
nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ, nhà văn Vương Thanh, các nhà thơ Hà
Nguyên Thạch, Đynh Hoàng Sa, Thành Tôn, Thái Tú Hạp... Thật
ra chúng tôi ít dịp được gặp nhau, vì mỗi người phải lưu lạc mỗi
nơi tùy theo hoàn cảnh riêng. Cuối năm 1964, để chuẩn bị đón tết
nguyên đán, chúng tôi đều có mặt tại thành phố Đà Nẵng. Những
ngày cuối năm thật vui vẻ. Gần như hôm nào chúng tôi cũng cùng

nhau bát phở. Những con đường Trần Hưng Đạo, Đồng Khánh, Độc Lập... những quán sách Lam Sơn, Sông Đà...ngày nào cũng ẩm những bàn chân của chúng tôi. Gặp nhau chúng tôi chỉ tán dóc chung chung về chuyện văn chương, báo chí cả nước. Nhưng gần như không bao giờ đưa cho nhau xem những gì mới viết. Chúng tôi chỉ đọc bài của nhau đã được đăng tải trên các tạp chí Sài Gòn. Chúng tôi không có cái sinh hoạt với tính cách tập thể của một hội, một nhóm văn, thơ như nhiều nhóm bạn văn khác.

Vào một buổi chiều 23 tháng chạp, ngày gia đình nhà Táo về trời, chúng tôi đang lang thang ở chợ Vườn Hoa, thì Nguyễn Nho Sa Mạc chia tay với lý do chuẩn bị tham dự buổi liên hoan cuối năm của trường Phan Châu Trinh. Chia tay với anh, tôi cảm thấy bứt rứt không yên. Trong lòng nôm nớp chờ đợi một bất trắc nào đó sắp xảy ra. Dầu vậy, ham vui, tôi vẫn tiếp tục lang thang cùng Hà Nguyên Thạch, Đynh Hoàng Sa. Đêm hôm đó cả ba chúng tôi đi dạo rất nhiều nơi. Khi đi ngang bệnh viện Đà Nẵng, trên đường Hùng Vương (bây giờ là trường trung học Y Tế), ba chúng tôi ngồi dưới hàng hiên cửa hàng mè xưởng Song Hỷ để ăn hột vịt lộn. Hột vịt lộn là một món ăn thường được bung đi bán dạo về đêm, rất thịnh hành trong thời điểm này. Sau khi ăn xong, chúng tôi cùng về ngủ tại nhà của Hà Nguyên Thạch. Bộ ván gỗ lên nước bóng đen, giữa gian nhà, sau bàn khách của nhà Thạch đã bén hơi tôi nhiều lần. Nhưng đêm đó tôi trần trọc mãi không yên. Mờ sáng hôm sau đang mệt mỏi thiếp đi, thì Châu Văn Tùng vội vã đến cho chúng tôi biết, Nguyễn Nho Sa Mạc đang nằm trong bệnh viện với tình trạng nguy kịch. Chúng tôi vội vã vào thăm anh. Bệnh viện Bửu đang nằm ở ngay trước mặt cửa hàng mè xưởng Song Hỷ của ông Lý Nghiêu (hiện ở Montréal Canada), nơi chúng tôi đã ngồi ăn hột vịt lộn. Không biết Bửu được đưa vào đó vào giờ nào, có cùng lúc với giờ chúng tôi ngồi thong dong hưởng thụ?

Nguyễn Nho Sa Mạc ra đi trước khi chúng tôi đến nơi. Thi thể của anh đã được chuyển xuống nhà xác, nằm lạnh lẽo, không hương đèn. Có lẽ vì cận Tết, nhân viên bệnh viện có phần vắng hơn. Công việc cấp cứu của họ chắc chắn giảm bớt nhiệt tình rất nhiều. Không biết Bửu có được cứu chữa đúng mức bình thường hay chỉ làm lấy rồi ? Cái chết của Bửu được ghi trong hồ sơ bệnh án vẫn tắt: mê man, chết. Không nêu ra một căn bệnh nào, một

lý do cụ thể nào, như trúng độc chẳng hạn. Dù như vậy chúng tôi cũng chẳng biết làm gì hơn. Quá đột ngột, quá bối rối, chúng tôi chỉ đứng nhìn nhau hoang mang, thỉnh thoảng rờ qua cái xác đã lạnh của Bửu và thẳm thở ra. Ngoài bốn chúng tôi lúc này còn có nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ ghé đến. Anh bình tĩnh và từng trải hơn. Chính anh phân chia những việc cần làm cho chúng tôi. Ai vào Vĩnh Điện nhắn tin cho gia đình. Ai đến nơi Bửu ở trọ để hỏi rõ ngọn ngành. Tôi và Châu Văn Tùng làm công việc này,

Nhà của Bửu ở trọ nằm trong một con hẻm, nhưng chỉ cách đường Ông Ích Khiêm chừng năm mươi thước. Đó là một căn nhà tường đúc, lợp ngói có vườn cây ăn trái bao bọc, khá xinh xắn. Bửu quả thật rất khéo chọn. Chỗ Bửu thường ngủ là bộ ván gỗ đặt tại nhà trên rất thoáng mát, với cánh cửa sổ đứng liền với những cành ôi xanh tốt.

Theo lời chủ nhà, Bửu không tỏ vẻ gì khác thường trước khi mất, ngoài việc về nhà hơi muộn hơn thường lệ. Dù muộn anh cũng chào hỏi mọi người ân cần và không quên cho biết sáng hôm sau sẽ về quê. Gia đình này chỉ có hai vợ chồng và một đứa con vị thành niên. Họ nghỉ đêm ở căn nhà dưới, cũng rất thoáng mát. Người chồng cho chúng tôi hay khuya hôm đó, ông có tỉnh cờ ra sân, ngó vào chỗ Bửu nằm, hơi ngạc nhiên thấy anh đắp chiếu thay vì đắp mền. Ông có đứng quan sát và đã cười trong bụng khi thấy bàn chân Bửu nằm ngoài chiếu, nhịp nhịp như đang theo âm điệu của một bài ca nào đó. Tuy ngỡ người khách trọ của mình phần khởi vì ngày Tết sắp đến, nhưng ông chủ nhà cho biết lòng ông có vẻ không yên khi trở lại chỗ nằm, nên chừng một giờ sau, ông lên nhà trên và phát hiện tình trạng không ổn của Bửu. Ông đã đưa anh đến bệnh viện và ghé nhà Châu Văn Tùng để báo tin dữ. Sở dĩ ông biết nhà Tùng vì Tùng rất thường ghé qua chơi với Bửu, từng có nói chuyện và cho ông biết anh là con ai. Bác Châu Văn Chi, một thời giữ chức Phó Thị Trưởng Đà Nẵng được nhiều người biết, hơn nữa nhà của Tùng chỉ cách nhà Bửu ở trọ một mặt đường và đoạn đường xóm ngắn băng qua Triệu Nữ Vương.

Thật đáng tiếc cái chết có thể gọi là bất đắc kỳ tử của Nguyễn Nho Sa Mạc lại được lặng lẽ bỏ qua, không một điều tra đại khái nào để minh chứng nguyên nhân cho rõ ràng. Mạng sống của người Việt Nam hình như thời nào cũng được coi nhẹ. Với cái chết này,

nếu xảy ra ở nước ngoài, người chủ nhà ít ra cũng bị làm phiền đôi lần. Cảnh sát của chúng ta hình như cũng không được báo tin. Bệnh viện chỉ cần có thân nhân nhận xác là xong mọi thủ tục.

Dĩ nhiên sự đau đớn của gia đình và hai thân sinh Bửu rất lớn, nhất là năm hết, Tết tới đến nơi. Tất cả chúng tôi đều theo xác Bửu vào Vĩnh Điện. Hình như có tục lệ không đưa người chết đường về sân nhà, nhưng thương xót con, ba mẹ Bửu đã bỏ đi điều kỳ này. Thi thể anh được nằm dưới một đàn lá xanh mới cắt, chung quanh bao bọc những tấm vải mang những dòng chữ đưa tiễn, phân ưu. Chuông mõ kinh Phật báo tử, tống tiễn man man trong mấy ngày cuối năm. Huyệt mộ của anh được đào giữa một vạt ruộng của gia đình. Điều này tôi nhớ trong thơ anh đã từng nói tới. Trong giờ hạ huyệt cũng như giờ mở cửa mả vào ba ngày sau, tôi và nhiều bạn văn khác của anh không cầm được nước mắt. Chúng tôi thương tiếc một người bạn, thương tiếc một thi tài đang sung sức, hứa hẹn góp tay rất ngoạn mục cho nền thi ca Việt Nam. Dòng họ Nguyễn Nho ở Vĩnh Điện của anh có đến mấy người thi sĩ, nhưng đã có hai người mệnh yếu. Nguyễn Nho Nhượn và anh, không thoát qua lời tự tiên đoán:

*“Ở trên đời vừa đúng tuổi hai mươi
máu sẽ khô, xin tìm này đùng rưng...”*

(Nguyễn Nho Sa Mạc)

Chẳng biết cầu xin tha thiết của anh có được như ý anh mong đợi. Bỏ lại Nguyễn Nho Sa Mạc giữa cánh đồng, tôi lững thững về Đà Nẵng. Tự trách mình đã theo Hà Nguyên Thạch, Đynh Hoàng Sa, không nhiệt tình giữ anh lại cùng vui. Hoặc không lang thang riêng với anh. Rõ ràng tôi linh tính biết Bửu có một tâm sự gì đó mà tôi đã thiếu trách nhiệm trong tình bạn. Biết làm sao, mọi việc đã rồi.

Tạp chí Bách Khoa, có dành nhiều trang đặc biệt đăng thơ Nguyễn Nho Sa Mạc như một tưởng niệm. Đứng ké trong cái chết của anh, còn có thơ tiễn đưa của tôi và Thành Tôn. Tất cả những bài này sau đó được Hoàng Oanh diễn ngâm trên Tao Đàn đài Phát Thanh Sài Gòn. Nhưng Bửu đã không thể nghe được, hiểu được. Bài thơ chia tay Bửu không có mặt trong những tập thơ đã in của tôi, anh Thành Tôn giữ được, tôi xin chép lại dưới đây cùng thơ của Thành Tôn dành cho Nguyễn Nho Sa Mạc:

Hoài Niệm

“Cũng vô nghĩa như hương đèn vàng bạc / lời buồn này trang
trí giữa làn tro / hơi góp gió mênh mông đầy nỗi nhớ / ôi điều tàn
từ già ngón tay thơ

muốn gọi Bửu bằng anh cho trang trọng / sao như còn e ngại
mắt lòng nhau / tình bạn hữu thẹn người xưa đâu nữa / khách sáo
san bằng âu yếm mi tau

xin một phút về vời đôi tiếng lệ / hồn trong hồn lưu luyến mắt
môi nhau / tay vô vọng quàng vai trời giá lạnh / thôi một vĩnh viễn
với mai sau

hẹn vun đắp mộ anh bằng tất cả / thương yêu về trên mỗi đứa
em trai / không nữa khóc sao nước đầy dòng mắt / thêm cửa chào,
cha mẹ ngỡ con trai

ba hoa thế để làm gì hờ Bửu / mình đã thành một kẻ lảm điệu
ngoạ ? / thương nhớ bạn xanh xao lời thơ nhỏ / viết vào lòng hay
vào khoảng bao la ?

thôi cũng mặc lũ chim rừng ca ngợi / mặt trời lên từng tiếng
xót xa này / vẫn điệu sống trên bàn tay hai đứa / đã muôn đời nức
nở với loài mây

(Sau Cái Chết Của Bửu, 25 Tết, 1964, Luân Hoán)

Nghìn năm sa mạc

chiêu niệm Nguyễn Nho Sa Mạc

“Người nằm xuống hoang vu hồn sỏi cát / có nghe chẳng lời
nói hắt hiu này / kẻ ở lại nhìn đời e thẹn mặt / nên vô cùng môi mắt
cánh chim bay

còn một chút buồn vương lên cỏ mọc / một chút hồn thất lạc
phố tình xưa / thấy gì khác hơn giọng cười tiếng khóc / chợt băng
khuâng xanh vàng mắt giao mùa

một năm đó còn gì trong cỏ mộ / tình đã đi ai kẻ nhớ về thăm /
còn âm hưởng bước chân mòn mấy phố / cũng ngậm ngùi như hơi
thở xa xăm

người nằm xuống giữa vô cùng sa mạc / chiếc hồn thơ bé
bồng ghé nơi nào / ai thấp khối cho bóng chiều râm mát / để canh
trường thao thức mấy vì sao

còn nhớ gì khi mùa xuân tìm đến / khi tình yêu đánh thức giấc
nghìn năm / làm chút nắng vàng cho dòng mắt thẹn / nghe hoang

vu hồn sa mạc yên nằm”

(Thành Tôn - Thấp Tinh)

Những năm sau ngày Nguyễn Nho Sa Mạc qua đời, tôi thỉnh thoảng ghé thăm cha mẹ anh, thấp vài nén nhang ngậm ngùi trên mộ bạn. Gia đình anh vẫn là chỗ thân tình của tôi, nhất là Nguyễn Nho Châu. Ngày tôi dắt cô bạn tình vị thành niên tị nạn tình yêu, Châu đã thưa với phụ mẫu cho chúng tôi tạm trú một vài đêm. Cuộc tình của chúng tôi thành tựu tốt đẹp, một phần đã nhờ sự cứu mang của gia đình Nguyễn Nho Sa Mạc.

Tôi và Thành Tôn có sưu tập một số thơ của anh định ấn hành dưới cái tên Vàng Lạnh, một cái tên Bửu rất thích. Nhưng lòng vòng trong không khí sinh hoạt văn nghệ tinh lẻ, chưa tạo được điều kiện thuận tiện, tôi đã ngã ngựa. Thành Tôn tiếp chân tôi vào quân đội. Rồi những biến động quá lớn của lịch sử làm chúng tôi bất lực. Ngày nay, Thành Tôn còn giữ một bản chép Vàng Lạnh. Tôi đang tìm cách liên lạc với Nguyễn Nho Châu, xin phép gia đình anh cho in tác phẩm độc nhất của Bửu để gửi đến bạn đọc. Việc in thơ, văn tại hải ngoại, ngoài những nhà xuất bản chuyên nghiệp, không mấy ai dám lãng mạn dính vào, nhất là thơ. Có rất nhiều người làm thơ mới xuất hiện. Có rất nhiều tập...thơ được ấn hành bởi những người thành công trong lãnh vực thương mại và nhiều lãnh vực khác, một cách dễ dàng. Nhưng với chúng tôi, gia tài vẫn đơn sơ là một tấm lòng, việc in thơ dễ hay khó thật rõ ràng. Tại quốc nội, thơ đăng báo được trả nhuận bút nghiêm chỉnh. Tại hải ngoại, chủ bút được trả tiền để in thơ là điều không hiếm thấy.

Đa số tuyển tập thơ, thậm chí có những cuốn mang tính cách phê bình, giới thiệu, chọn lọc do một vài người có chút danh hoặc chưa có gì thực hiện, vẫn phải tính trang chông tiền mua sự có mặt. Dĩ nhiên cũng có một vài ngoại lệ như tờ Việt Nam Thời Báo.

Việc in thơ của Nguyễn Nho Sa Mạc coi vậy mà không phải dễ dàng. Sau khi nhờ nhà thơ Uyên Hà Lê Đình Ba liên lạc với Nguyễn Nho Châu, tôi nhận được *email* của Uyên Hà, chuyển lời nhắn ưng thuận của Nguyễn Nho Châu. Nhưng chúng tôi chỉ có thể thực hiện, nếu không phải thanh toán phí khoản bản quyền. Thi phẩm của Nguyễn Nho Sa Mạc chúng tôi sẽ dành tặng cho bằng hữu, bạn đọc là chủ yếu.. Cũng qua điện thư của Uyên Hà,

nhà thơ kiêm nhạc sĩ Đynh Trầm Ca có nhắc: sinh thời Nguyễn Nho Sa Mạc đã từng chọn tên sách cho tập thơ mình là *Bé Mạc Tình Yêu*. Điểm này rất đúng, tôi đã nhớ ra. Cảm ơn anh bạn thơ Mạc Phụ (tên khác của ĐTCa). Nếu in được có lẽ nên chọn tên sách của chính tác giả đã chọn.

Dù sách có in được không, thơ của Nguyễn Nho Sa Mạc, Nguyễn Thị Phương Phương có đến được với bạn đọc một cách cụ thể hay không. Tôi vẫn tin người bạn của tôi đã có một chỗ ngồi trong lòng người yêu thơ, trong thi ca Việt Nam.



Nguyễn Nho Châu 2006

15-3-2006 Montréal Canada



Vũ Hữu Định, sáng từ phố núi Pleiku

1.

Với chiều cao khoảng một thước sáu nhưng có bề ngang, cộng với dáng đi chữ bát, cộng thêm lối ăn vận lè phè, nhà thơ Vũ Hữu Định trông gần như hơi thấp. Anh không có khuôn mặt đẹp trai, nhưng nhìn rất bắt mắt. Nụ cười xuề xoà luôn luôn đi trước giọng nói dí dỏm, bộc trực đã thấp sáng khuôn mặt ngả màu nâu sậm của nhà thơ miền Trung ra đời vào năm 1942 tại Huế với tên thật Lê Quang Trung.



Năm 1970, năm tôi không may mắn phải giã từ rừng núi và phố chợ Quảng Ngãi để trở về với Đà Nẵng, tôi đã gặp và quen nhà thơ Vũ Hữu Định. Lúc đó hình như anh đang mặc áo cán bộ xây dựng nông thôn. Địa bàn công tác của anh lòng vòng ven rìa thành phố như Thanh Khê, Hà Khê, An Hải, Sơn Trà... Anh chợt đi, chợt về. Đặc biệt là lúc nào cũng có vẻ thong dong, giàu có thời giờ phát phơ phở xá. Anh làm thơ nhiều trong giai đoạn này. Thơ của anh hầu hết được đăng trên các tạp chí văn chương tại thủ đô Sài Gòn. Bài “*phố núi cao ...phố núi đầy sương...*”, một bài thơ viết về thị trấn Pleiku, một phố thị miền núi của cao nguyên Việt Nam, với đầy đủ nét hoang sơ, lạnh lùng, đã được nhìn, được vẽ bởi một nhà thơ hết lòng yêu thiên nhiên, nên vô cùng linh động, thân mật. Trời đất và con người như một khối đồng nhất, thở chung một nhịp. Tất cả đều có thật, ngoại trừ nhân vật chính, người đã khai mở, dẫn dắt thi tứ của chàng thi sĩ dừng chân ở một nơi “*đi dăm phút trở về chốn cũ.*”

Trong cái hạn hẹp của một không gian hoang vắng, trước cái trống lạnh của tâm hồn, Vũ Hữu Định chợt thấy trên đường anh đang đi “*may mà có em đời còn dễ thương.*” Và anh đã chân thành “*cảm ơn thành phố có em*”, một thành phố núi đã ưu ái cho đời anh “*còn một chút gì để nhớ, còn một chút gì để thương.*” Người em tuyệt vời kia, cái ngôi sao lấp lánh, thấp sáng cho cảnh sắc Pleiku quần tụ chung quanh, trong một cuộc nhúng lờn vào rượu,

Vũ Hữu Định đã tiết lộ cùng tôi, *em* chỉ là vóc dáng tưởng tượng mà anh đã nhặt ra trong những giờ phút trôi nổi linh hiển nhất của anh: *làm thơ*.

Mặc dù người đẹp của Vũ Hữu Định không hiển hiện bằng xương thịt như anh đã bày tỏ, nhưng nàng đã thở vào thơ anh làn hơi ấm áp tình người đủ để ngôn ngữ anh tác thành bài thơ lộng lẫy. Và may mắn hơn nữa bài thơ đã được nhạc sĩ Phạm Duy, một nhạc sĩ tài hoa, chấp thêm cho đôi cánh vàng, nên sức bay của nó càng lên cao, thêm xa, sống còn đến ngày nay trong lòng người thường ngoạn.

Thơ Vũ Hữu Định giống như bản tính của anh: yêu đời, thông dong, cởi mở. Ngoài thơ và rượu, giao du với bạn bè cũng là cái thú lớn của anh. Người bạn thân của anh thời sau 1975 có lẽ là anh Đoàn Huy Giao, một cựu nhân viên nhà in Da Vàng của anh Hoàng Công Khanh, bạn tôi. (Khanh chính là người bung đi mất một trong những cụm hoa Thu, Đông, Xuân... trước ty thông tin Đà Nẵng).

Vũ Hữu Định lang thang suốt ngày chỉ với hai bàn chân, không phương tiện gì khác. Chúng tôi thường gặp nhau ở quán cà phê Lộng Ngọc của cố họa sĩ Lâm Quang Phước (con nhà thầu khoán Lâm Quang Tự, tốt nghiệp cùng vợ - Trinh- tại Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế, sau 1975, bỏ mình trong một cuộc vượt biển) hoặc tại một căn nhà trong con hẻm trên đường Nguyễn Hoàng, tổ ấm của đám thiếu nhi bụi đời sống ngoài hè phố. Vũ Hữu Định đảm nhiệm một phần công tác diu dắt tinh thần các em ở đây. Nhìn anh trò chuyện vui chơi với đám trẻ vô gia cư, ngoài việc bắt gặp nét hồn nhiên của anh, thỉnh thoảng tôi còn thấy thấp thoáng trong niềm vui của anh vương mắc một cái gì thật man mác ngậm ngùi.

Vũ Hữu Định có một đời sống vật chất không mấy khả quan. Quen biết nhau khá lâu nhưng anh từ chối không thuận cho tôi đến nhà chơi, cũng không hề đề cập đến gia cảnh của anh. Biết anh có vợ, có con nhưng mãi về sau này tôi mới tình cờ được gặp trong một hoàn cảnh thật buồn. Mặc dù nghèo nhưng Vũ Hữu Định vẫn thông thả rong chơi. Cảm mến bản tính của anh, trong một bài thơ nhắc đến bạn bè, bài "*Trên Vuông Chiếu Đời Ta*" in trong tập Rượu Hồng Đã Rót xuất bản năm 1974, tôi đã viết về Vũ Hữu Định như sau:

"Bỗng muốn như thằng Vũ Hữu Định / càng nghèo càng đời"

*càng rong chơi / lang thang với lũ-con-hè-phổ/ còn có ai hơn ?
 họa có trời / và vui lòng sâu hoa với gạo / chẻ tình nhau buộc lại
 tao nô / hát ca thay thế lời cầu nguyện / Thượng đế quên nhìn lũ
 bỏ rơi” (RHĐR-LH- 1974)*



Biến cố của đất nước năm 1975 đã làm đảo lộn cuộc sống của chúng tôi. Nhưng phải thành thật mà nói, tôi và Vũ Hữu Định được may mắn, rất may mắn hơn nhiều người. Sau thời gian cải tạo ngắn ngày tại trại Ngõ Văn Sở (trong thành phần sĩ quan đã giải ngũ), tôi được trở về công việc cũ nhờ có chút nghiệp vụ kế toán ngân hàng mà chính phủ mới đang cần. Trong lúc đó Vũ Hữu Định hình như đang còn bị cải tạo vì hai tội danh: cán bộ xây dựng nông thôn, tình nghi hoạt động cho CIA vì có chân trong tổ chức nuôi dưỡng đám thiếu nhi vô gia cư. Bỗng một đêm sau khi cửa hàng bán quạt máy cũ và phụ tùng của vợ tôi đã đóng cửa, chúng tôi đã ăn tối xong ngồi xơ rở đợi điện đổ lại, thường thường vào lúc chín giờ, thì có tiếng gõ cửa sau. Vũ Hữu Định bất ngờ đến thăm dẫn theo một người đàn ông trung niên. Người đàn ông với áo quần mặt mũi thơm tho hương đất Bắc, một mùi hương tôi đang rất sợ. Vũ Hữu Định vẫn cười mở, vui vẻ như ngày nào. Anh không chậm trễ giới thiệu: nhà thơ Phùng Quán. Thật ngỡ ngàng xúc động. Trong niềm vui được gặp một nhà thơ từ lâu mình ưa thích, không hiểu sao tôi vẫn có chút lo sợ vẩn. Vũ Hữu Định

im lặng trong lúc anh Phùng Quán chăm chú đọc bài thơ đầu trong tập *Rượu Hồng Đã Rót* của tôi.

“*Thơ đúng là thơ!*” Anh Phùng Quán chột nói. Tôi liếc qua, không thấy anh Quán nhìn lại tôi, nhưng tôi đã cảm thấy yên tâm. Dĩ nhiên sau đó chúng tôi trò chuyện, tán gẫu về văn nghệ. Tiếc rằng ngày nay cả hai anh Phùng Quán và Vũ Hữu Định đều đã ra người thiên cổ nên tôi không dám kể lễ nhiều ở đây.

Lần gặp gỡ anh Phùng Quán đó là lần đầu và cũng là lần cuối. Cũng may tôi đã ghi lại ít dòng thơ để kỷ niệm. Bài thơ có tên *Mừng Gặp Người Bạn Thơ* được in trong tập “*Hoi Thơ Việt Nam*” do Sông Thu và Nhân Văn xuất bản tại Hoa kỳ năm 1986. Tôi xin phép được trích dẫn hai đoạn cuối của bài thơ đó:

....
“*Bạn có nhớ không lời mẹ dặn / hoang vu nằm dưới những
gót giày / ta mơ trời sáng ngời chép lại / thơ bạn run lên những
ngón tay /*

*giờ chừ dãi bạn không còn rượu / chan chứa còn đôi giọt
mực này / và đây khói thuốc ngày gặp gỡ / đóm lửa lòe lên được
mấy giây”*

(*Hoi Thơ Việt Nam*, trang 83)

Bài thơ này tôi chưa có dịp gửi đến anh Phùng Quán và chắc hẳn bạn đọc cũng rất khó phát giác tôi viết để tặng anh. Bởi lẽ ba chữ *Lời Mẹ Dặn* tôi cố tình cho in bình thường không viết hoa. Vũ Hữu Định cũng chưa đọc qua bài thơ này, kể cả nhiều bài khác tôi viết sau năm 1975. Tôi ngại cho anh đọc bởi vì anh có tính thích bốc thơm bạn bè lại không được kín miệng khi đã say chuyện văn nghệ. Thời điểm này Vũ Hữu Định cũng làm thơ nhiều, mỗi lần ghé tôi chơi anh đều đọc cho tôi nghe những sáng tác mới. Tiếc rằng trí nhớ của tôi rất tồi tệ và thú thật tôi đã rất lơ đãng trước nhiệt tình của anh. Tôi sợ. Không phải sợ Vũ Hữu Định mà sợ những ông bạn văn mới có, cũ có đang vây quanh bên anh.

Trước khi tôi xin nghỉ việc để lo giấy tờ xuất cảnh, Vũ Hữu Định còn tạo cho chúng tôi một kỷ niệm khó quên. Lúc đó không hiểu vì lý do nào, và từ bao giờ Vũ Hữu Định được vào làm việc tại Nhà Đèn Đà Nẵng. Anh còn tạo được uy tín trong đám công nhân cùng sở. Họ đã ủy thác cho anh làm đại diện đến ngân hàng để xin rút số tiền bị thu hồi còn quản lý. Danh sách công nhân quá

đông. Theo quy chế ngân hàng chỉ duyệt chi cho mỗi cá nhân một số nhất định. Vũ Hữu Định đã thuyết phục tôi lợi dụng sự ưu ái của người kế toán trưởng đối với cá nhân tôi, duyệt chi cho anh và tất cả bạn anh toàn bộ số tiền. Tôi thật vui khi hoàn thành được công việc này. Nhưng chưa đầy một tháng sau, tôi lo sợ biết được cả số tiền đó Vũ Hữu Định đã thua trong một cuộc cá độ bóng tròn trước sân Chi Lăng. Tôi chờ đợi sự rắc rối đến với người kế toán trưởng và chắc chắn có ảnh hưởng đến tôi khi có người đến khiếu nại sự duyệt chi. Nhưng rồi mọi sự cũng qua. Gặp Định, vẫn với nụ cười đi tiên phong, anh đã hạ ngay những bực mình cố hữu của tôi. Tôi cũng là một người mê bóng tròn nên thời gian cùng Định đứng tán dóc trước sân Chi Lăng không phải là ít.

Một hôm đang ngồi với họa sĩ Hoàng Trọng Bản trong một quán cà phê vỉa hè ở Saigon, tôi bàng hoàng nhận được tin Vũ Hữu Định đã mất qua một người quen vừa từ Đà Nẵng vào. Người bạn đó kể lại anh nghe đồn có hai nguồn tin về cái chết đáng tiếc này. Thứ nhất, Vũ Hữu Định đến chơi nhà một người bạn văn bên An Hải (bên kia sông Hàn) và vì nhậu quá say, trong lúc tìm nơi tiểu tiện đã ngã xuống từ trên gác lửng bỏ mạng. Thứ hai, Vũ Hữu Định được một số đồng bạn văn mời nhậu, tất cả cùng quá chén và trong cái say hương rượu nội địa đó có người đã cố tình xô ngã Vũ Hữu Định vào cửa tử.

Giữa thời cái ác lấn cái thiện, mạng sống con người rẻ hơn phân bón, trước cái chết của một người từng được gán nhãn hiệu nguy quyền, nguy dân, ai hơi đâu phí công điều tra, tìm hiểu. Tôi nhức đầu liền mấy ngày trước tin Vũ Hữu Định mất. Tôi không hề tin anh bị mưu sát, nhưng lạ thật, trong lòng cứ bồn khoăn.

Hôm nay, ngồi trên đất người, tự cho phép mình về hưu non, nhớ, viết về đám bạn già cũ trong những ngày ngồi chờ ăn cháo lú cũng là một cái thú. Và khi viết về Vũ Hữu Định, nỗi băn khoăn của tôi vẫn còn thao thức. Tôi hy vọng sẽ có một ngày nhận được từ đâu đó trong đám bạn bè cũ của chúng tôi, cho tôi biết thật chính xác về cái chết của Vũ Hữu Định. Dĩ nhiên biết chỉ để mà biết. Quả là một trong những cái lằm cằm của một con người đang ở vào giai đoạn nuôi mạng sống mình bằng hai thành phần thực phẩm: kỷ niệm nhiều hơn chất đạm

Viết về Vũ Hữu Định mà không nhớ, không tìm ra đôi bài thơ của anh để gởi đến bạn đọc cùng thưởng thức thì thật là thiếu sót.

Đã thế, vì kỷ niệm, tôi đã tham lam trích dẫn ít dòng thơ của tôi và cuối bài viết này tôi cũng không thể không liềm trích thêm bốn câu nữa trong thi tập “*Nuôi Thom Chùm Kỷ Niệm Xanh*” (xuất bản năm 1994) đã dành cho Vũ Hữu Định như một nén nhang:

“*Gặp nhau giữa đám bụi đời / Trãi lòng mà rước nhau ngồi
với thơ / Mây theo Lý Bạch, bất ngờ / Nổi lòng ta rắc rượu vào
ánh trăng*”

*Xin vĩnh biệt người bạn thơ đã để lại trong tôi rất nhiều điều
để nhớ, rất nhiều điều để thương.*

(Tập Chí Văn số 163, tháng 12-1996, California, Hoa Kỳ)

2.

Đoạn trên được viết vào năm 1995, tạp chí Văn tại Hoa Kỳ đăng trong số 163 tháng 12 năm 1996. Trước khi in, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Văn, có than phiền qua điện thoại với nhà văn Song Thao: “*Viết về Vũ Hữu Định, nhưng ông ấy (LH) không trích câu thơ nào của Định, mà toàn trích thơ của ông ta (LH)...*” Anh Hoàng chỉ trích rất đúng. Tuy nhiên vào thời đó tại hải ngoại (có thể chỉ tại Montréal Canada) không tìm ra bài thơ nào của Định. Kể cả tại thư viện Côte des Neiges hay thư viện Mile End rất giàu sách Việt ngữ, trên đường Avenue du Parc. Tôi là người cả đời không hề thuộc hoàn hảo một bài thơ nào, kể cả thơ của mình. Bài *Còn Một Chút Gì Để Nhớ* được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc, tôi cũng không thuộc và cũng không tin bài này được phổ đúng nguyên tác một trăm phần trăm. Biết thiếu sót nhưng tôi không thể làm gì hơn. Hơn nữa bài viết của tôi không có mục đích bình giảng, giới thiệu về thơ. Nó chỉ có mục đích gợi lại một vài nét kỷ niệm với tác giả. Và đã là kỷ niệm thì việc tôi đã làm thơ về tác giả đó không thể không nhắc đến, không minh chứng. Anh Nguyễn Xuân Hoàng tuy chỉ trích nhưng vẫn cho “đi” bài. Có lẽ anh cũng đã nhận thấy điểm này. Cũng như anh, tôi rất tiếc đã không có thơ của Định để giới thiệu với bạn đọc. Rất may, cũng vào năm 1996, tại quốc nội, một số bạn văn, đã góp tay, góp tài chánh để thực hiện tập thơ của Vũ Hữu Định. Tập thơ hoàn tất hình như có gởi ra hải ngoại. Họa sĩ Đinh Cường, định cư tại Virginia Hoa Kỳ, có nhận được một bản. Anh Cường có điện thoại tin cho tôi, và khi biết tôi chưa có thi phẩm quý này, Đinh Cường gởi cho tôi một tập *photocopie*. Sau đó tôi nhận được

bản chính gửi tặng bởi nhà thơ Thành Tôn. Có bản chính, tôi được biết những bạn văn có lòng in thơ cho Vũ Hữu Định gồm có:

Trần Dạ Lữ, Nguyễn Tịnh Đông, Cung Tích Biền, Hạc Thành Hoa, Trần Từ Duy, Phạm Thanh Chương, Đoàn Thạch Biền, Mùng Mán, Võ Chân Cửu, Đỗ Trung Quân, Lê Nhược Thủy, Trần Phá Nhạc, Vũ Trọng Quang, Nguyễn Đạt, Ngô Nguyên Nghiễm, Trương Đình Quế, Phạm Chu Sa, Nguyễn Tiến Toàn, Phạm Triều, Huy Tường, Vũ Đức Sao Biển, Phan Bá Chức, Khiêm Lê Trung, Nguyễn Lương Vy, Nguyễn Công Khế, Lê Văn Đồng, Vĩnh Cửu, Huỳnh Văn Dung, Huỳnh Ngọc Chênh, Lữ Quỳnh, Đinh Trầm Ca, Vân Khanh, Phạm Mạnh Hiên, Ý Nhi, Lê Triều Điền, Trịnh Bửu Hoài, Nguyễn Nhật Ánh, Bùi Chí Vinh, Phạm Văn Hạnh, Lê Xuân Tiến, Ngô Thị Kim Cúc, Hồ Thi Ca, Lê Minh Quốc, Kim Tuấn, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Miên Thảo, Trần Xuân An, Lê Khắc Cường, Trần Thanh Quang, Nguyễn Tam Phù Sa, Đặng Trọng Dũng, Bùi Đức Long, Nguyễn Minh, Lê Thánh Thư, Nguyễn Tân Phát, Nguyễn Việt Hải, Trần Quang Lộc, Nguyễn Hữu Phước, Trương Văn Ngọc, Hàn Tấn Quang. Tổ chức thực hiện thi phẩm này do anh Trần Từ Duy, một cây bút của báo Cười ở Sài Gòn.

Danh sách này, tôi chép nguyên văn trong thi phẩm *Còn Một Chút Gì Để Nhớ...* của Vũ Hữu Định, ở 4 trang đầu, không đánh số. Tôi không rõ danh sách được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên nào hay không, có lẽ đây chỉ là tùy hứng của người đánh máy.

Tập thơ của Vũ Hữu Định được nhà xuất bản Trẻ tại thành phố HCM ấn hành. Bìa được trình bày rất trang nhã. Và trang cuối sách có ghi rõ (sao nguyên văn):

“Chịu trách nhiệm xuất bản: Lê Hoàng, Biên tập: Chinh Văn. Ảnh bìa 1: Thu Thủy. Trình bày: Nguyễn Việt Hải. Phụ bản: Nguyễn Trung, Đỗ Hoàng Tường, Đỗ Trung Quân, Nguyễn Việt Hải. Chữa bản in: Phan Ngọc. In 1000 cuốn, khổ 14 x 20, tại xí nghiệp in Tuần báo Văn Nghệ TP.HCM. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 666/185 do Cục Xuất bản cấp ngày 28.11.1994 và quyết định xuất bản số 634 TN/95 do Nhà xuất bản Trẻ cấp ngày 30.5.1996. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 1996.”

Qua những thông tin trên cho thấy, việc in một tập thơ tại Việt Nam vẫn còn khá nhiều giai đoạn rắc rối trong thời điểm 1996. Dù sao cũng đáng mừng, một nhà thơ ở miền đất phương nam cũ đã

có thể trình làng những gì họ đã viết.

Tập *Còn Một Chút Gì Để Nhớ...* có 91 trang thơ kể cả 8 trang phụ bản. Số thơ của Vũ Hữu Định được sưu tập giới thiệu trong tập này được xếp theo mục lục: Còn một chút gì để nhớ (trang 7), Những ngày long đong (8), Tới Đại Ninh tìm nhà bạn (10), Bến Cũ (11), Tưởng tượng (12), Một ngày của gã thất tình (14), Màu trời cũ (16), Quê rượu (17), Màu núi vẫn xanh (18), Những cánh bèo trên sông Đại Ninh (19), Luận với đàn bà (20), Thấy gái luận với mình (21), Luận với anh bạn già (22), Đứng ở bờ sông thấy cá nhảy lên bờ luận với mình (25), Bất sá nhớ thằng bạn xa quê (28), Đêm nghe còi tàu (31), Lúc em khóc (32), Mỏi mòn sức lực (33), Gãy chiếc cầu tre (34), Cũng có khi nào (36), Năm xưa (38), Tưởng niệm Đỗ Công Tráng (41), Đêm mưa thiếu rượu, nhớ Lý Hạ (42), Anh đang còn thờ (44), Kỷ niệm (46), Ngày xuân ở quán (48), Quán cô hồn (51), Mù mù mờ mờ (52), Rừng, chim (54), Thượng nguồn (56), Chim sáo sang sông (58), Tiếng dội của sương chiều (60), Hoa (65), Gởi chút tình thân (66), Thời tiết (68), Khúc hát người lỡ vận (72), Kẽ ở lại (74), Đứng giữa đồng không (76), Bình minh trong núi (77), Về một chỗ nào (78), Đòi vẫn có em (80), Ngậm ngùi (82), Cũng phải nói một lần (85), Bài thơ năm bốn mươi (87). Tổng cộng 41 bài với đủ thể loại thông dụng.

Thay vì viết những dòng nhận xét về thơ, tôi đã làm một việc ngớ ngẩn là liệt kê những điều bên lề của cuốn sách, bởi vì tôi biết được khả năng của mình, không thể “tán hươu tán vượn”. Hơn nữa, chép lại những đề bài cũng chưa chắc là vô ích. Việc tôi làm có thể nói lên sự thiếu sót những sáng tác của tác giả Vũ Hữu Định, đồng thời đề bài sẽ giúp người sưu tập khỏi phải tìm lại những bài đã có. Dĩ nhiên, có đến chín mươi phần trăm, tôi chỉ ngụy biện.

Tháng 7 năm 1997 nhà thơ Đinh Trầm Ca, một người bạn chí thân của Vũ Hữu Định, ở Sài Gòn, có viết bài: *Thơ, Rượu và Sự Cứu Rỗi*. Bài viết của anh Đinh Trầm Ca được đăng trên đặc san Quảng Đà số xuân Mậu Dần, 1998 của vợ chồng Ái Cẩm, Thái Tú Hạp, thực hiện tại California, Hoa Kỳ. Qua bài viết này, tôi được biết thêm về Vũ Hữu Định đôi điều.

Vũ Hữu Định bắt đầu làm thơ từ đầu thập niên 60, với bút hiệu đầu tiên Hàn Phong Lệ, và theo thời gian cùng sự chiếu cố của các tạp chí, anh thay đổi nhiều bút danh khác nữa. Bản tính

của Định qua nhận xét của Đinh Trầm Ca: thích giang hồ, vui tính, thường tạo cơ hội gặp gỡ vui chơi cho nhiều người khác, thích tụ tập, nhiệt tình đề cao bạn bè mình quen với người khác. Nhưng hơi thiếu trách nhiệm với gia đình, nhất là với Vân, người vợ hiền, một đời chăm lo mẫu thân đau yếu của Định. Về tài năng, Đinh Trầm Ca nhận xét, Vũ Hữu Định có thể sử dụng đàn Tây ban cầm và giọng hát rất tốt, đã từng mượn quán của ca sĩ Khánh Ly ở Sài Gòn để ca hát cùng nhạc sĩ Trần Quang Lộc. Đinh Trầm Ca cũng cho biết, Vũ Hữu Định còn có một tập bản thảo thơ, chép tay, lấy tên là *Năm Năm*. Bản thảo này từng được Vũ Hữu Định bỏ lại tại nhà Đinh Trầm Ca. Ông Đinh Trầm Ca, tác giả ca khúc *Sông Quê*, đọc được nhiều bài thơ hay trong bản thảo *Năm Năm*, sau đó đem giao bản thảo lại cho Lê Quang Tấn, em ruột Vũ Hữu Định. Đinh Trầm Ca cũng không quên ao ước, trong tương lai sẽ có thêm một Trần Tử Duy khác lo liệu tiếp việc in ấn thơ cho Vũ Hữu Định.

Hy vọng của Đinh Trầm Ca trở thành hiện thực khi nhóm Thư Án Quán của Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư tại Hoa Kỳ cho phát hành thi tập *Thơ Vũ Hữu Định*. Cũng như những tác phẩm của Nguyễn Bắc Sơn, Y Uyên, Linh Phương... trước đây, Thơ Vũ Hữu Định được nhóm chủ trương gởi tặng bạn đọc trong tinh thần “*bảo lưu và truyền bá di sản văn học miền nam*”. Tập thơ được nhà phê bình Đặng Tiến viết lời dẫn nhập. Ông mở đầu bài viết bằng nhận định:

“Văn thơ Miền Nam 1954-1975 được gọi là nền văn học bất hạnh. Vì nó đã bị xuyên tạc, tuyên án, thiêu hủy và bôi xóa ; các tác giả đã bị tù đày, đọa đày và lưu đày. Trong số đó, có nhà thơ Vũ Hữu Định (1941-1981), từ 1972 đã xem mình như một người lữ vận :

Ta đã hát khúc hát đời lữ vận/ Hát âm u trong đêm tối một mình . (tr. 79)

Sau vài dòng giới thiệu tiểu sử Vũ Hữu Định, cùng nêu rõ việc làm của nhóm Thư Án Quán, nhà phê bình Đặng Tiến đưa ra nhận định:

“Thơ Vũ Hữu Định lần này gồm 80 bài – chắc là còn thiếu – là một tập thơ hay, tài hoa, trong sáng, đáp ứng được sở thích đông đảo người đọc ; một tác phẩm có giá trị cao về mặt tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật, lưu lại tấm lòng của nhà thơ quá cố, ghi tạc

niềm thủy chung của bằng hữu, trong một hoàn cảnh lịch sử, xã hội nghiệt ngã và bạc bẽo.

Qua thơ, những đề tài chính của Vũ Hữu Định, được ông Đặng Tiến phân tích rõ, từ cái tôi của tác giả, đến tình bè bạn, tình quê hương và tình yêu.

Với cái tôi, nhà phê bình trích dẫn những bài thơ, những câu sau đây để minh chứng:

“Bốn mươi tuổi rồi đây/ vợ năm con không no không đói

...

bốn mươi tuổi rồi/ hai lăm năm uống đắng (giời nghề rượu từ thuở mười lăm) / học hành thì lãng nhăng/ thân tự lập thân từ năm bảy tuổi/ không nhớ hết nghề đã trải/ bán báo, đánh giày, ở đợ/ đánh trống phòng trà, dạy học, làm thơ/ phó giám đốc nuôi trẻ bơ vợ/ còn cả chục nghề thôi không kể/ ham đọc sách chẳng phải vì ham học/ thần thánh trăm ông chẳng phục ông nào/ ông nào cũng tốt/ ông nào cũng tào lao/ có lăm thánh nhân thì đời chỉ rối mù/ nhiều triết học thêm tối mù đa sự ... bốn mươi năm khoảng dăm lần tù... (Kiếm điếm, tr.99)

“Sinh nhằm tuổi Ngọ, đêm vừa hết./ Mới hai tháng đã biết mùi bom đạn” (Ngựa hí đầu non)

“Đã theo mẹ đêm đêm qua xóm / xách đèn rao khoai sắn cầm hơi” (tr.80.)

“Bây năm tình chồng vợ/ bây năm em hảm hiu/ lần nào em sinh nở/ ta cũng phải vắng nhà/ đưa đầu lòng tù tội/ đưa thứ hai, đi xa”. (Cảm ơn người vợ, tr.143)

“Năm đĩa con như năm hạt ngọc/ Nếu không có em sao khỏi cát lăm / Còn anh thì cứ lông bông...” (tr. 101)

“Nợ nần chưa thoát nổi/ càng nợ, càng hăng vay/ thiếu cái danh, nhưng không thiếu bạn bè/ đi đâu cũng có phần rượu tặng. (trang 99)

Với tình bạn, những câu thơ của Vũ Hữu Định, được Ông Đặng Tiến trích dẫn:

“Trên non may có tình bằng hữu/ tuổi trẻ đau chung một khúc ca/ ôm nhau thức với vàng trắng lạnh/ vượt lá tìm sao định hướng nhà.

có những ngày đi trong núi thăm/ tuổi trẻ nhìn nhau, nhớ xóm thương làng/ thờ chung một tiếng nghe sầu cháy/ tâm sự chuyển nhau điệu thuốc quan san

cám ơn điều đứng rừng sinh tử/ cạm bẫy người giăng để giết người/ tuổi trẻ gần nhau trong gió lửa/ giữ dùm nhau những tiếng chim cười. (tr.58)

“Ngày Huế giải phóng/ mây lang thang trong Nam

...

xa nhau càng nghĩ càng thương/ thằng bạn thơ cuộc đời bầm dập/ trốn lính, đi lính, rồi thì học tập/ thương ơi câu nói « ở rừng cho vừa đời »

...

nghe nói mày về quê đi bán bánh mì/ vợ giặt mướn cho nhà thương để/ rồi nghe nói mày đi Nam trở lại/ quê không dụng nổi đôi vợ chồng thơ/ năm năm rồi mày sống xa quê/ ôi cái làng quê Nam Phổ Hạ/ một thời chiến tranh mày quay quắt mong về”

(tr. 54, bài Chuyện người tuổi trẻ, tặng Trần Dạ Lữ)

Với quê hương, Ông Đặng Tiến chọn những bài sau:

“Mùa lúa năm nay đòng đòng đã trở/ anh yêu mùa yêu đất yêu quê. (tr. 42)

“ Những con lạch anh chèo ghe thăm lúa / thả lưới giăng câu, mười mấy năm ròng

...

Cau với bưởi bây giờ thơm hương trái / em bên vườn da thịt có thơm không ?” (tr. 41)

“Mây còn bay nên đời còn mộng/ tuổi trẻ ra đi sao lại nhớ nhà/ ơi người tuổi trẻ sầu trong mắt/đêm trên rừng mộng gọi quê xa .

quê xa ta có em và mẹ,/nhớ ao bèo xanh bông tím thiết tha / nhớ người con gái bên hàng xóm/ chiều thả thuyền vớt mộng nở hoa...” (tr.57)

“nghĩ ra thì ở đâu cũng vậy / ta vẫn là ta khinh bạc đáng cay /

*có lẽ ta là thằng bất sá / có sao ở đâu rồi cũng bằng lòng/ thả trôi
cái sống cho đời đạt/ mẹ buồn ta tóc trắng lưng cong”* (tr.52)

*“Hoa đại ven đường gửi lại các em / Tiếng già gạo gửi cho
người mắt ng ử /Trăng mười bốn gửi tâm hồn thiếu nữ / Trăng
mười lăm gửi những kẻ yêu nhau”*

Với Tình Yêu, Đặng Tiến trích dẫn thơ Vũ Hữu Định:

*Anh đang sống thiếu một phần thân thể/ sống thiếu em nên
anh thờ không đều/ thèm ngực trần, môi ngọt với tay yêu đã trôi
chặt hồn trăm năm lãng tử /đã quen đau nên thấy được mặn mà /
của tội lỗi mà anh kêu hạnh phúc / ôi vết chém đã qua thời đau
nhức/ đấm da non để thành sẹo muôn đời / anh thờ đều để sống
em ơi.* (tr.44)

*“anh nằm đâu, ngồi đâu / ngó nước nguồn reo vỡ / nước
nguồn chảy bao năm / đá núi mòn dấu nhớ / anh nằm đây, ngồi
đây/ một mình anh vẫn thờ / mười năm trong trắc trở / anh thờ
khác ngày xưa/ nghe dội tiếng rừng mưa. nghe vang lời suối nhớ*

...

*anh nằm nghe lay động/ đau của những nhánh cành/ anh
ngồi trong lá xanh / trên những hòn lá chết / tay anh nắm tha
thiết / những chiếc lá còn tươi / thả xuống suối mà chơi / trôi đi
còn tiếng dội...”* (tr.46, bài Tiếng dội của sương chiều)

*“Anh đang sống - đang thờ đều rất lạ /Thờ yêu em yêu đau
đón của đời / Anh cảm được phút của mùa đang đổi / Giây của
sông dừng lại đợi chiều trôi / Ở đâu đó rừng của Thu ảm đạm /
Uống chút hương hoa của suối mà say/ Mây của nghìn năm mây
vẫn là mây/ Nhưng một buổi lạ như vừa mới có*

...

*Một ngày nào mặt trời kia rét lạnh / Máu đỏ trùng dương một
lần chết cuối cùng / Giấc lạnh vang lời gió nhẩn với rừng / Anh
hối hả trở về mau cho kịp”.* (tr. 95.)

*“ Sương quá, nâng ly, khà một tiếng/ Mừng rằng sắc núi vẫn
màu xanh/ Đám mây bay thấp ngang nhà cô/ Hương rượu nồng
hơn mọi thứ tình”.* (tr.14)

“Có lẽ con chim rừng bữa nọ / Hát với anh là chia sẻ ngọn nguồn”. (tr.18)

“ Con chim bỏ đi có bạn quay về / Cát tiếng hát chào niềm vui của gió”. (tr. 121)

“ Con chim lạ lòng năm nọ của tôi ơi / Hóa mấy kiếp mà sao tôi vẫn vậy” (tr.123)

Tôi đã vừa copy những chọn lựa, trích dẫn của nhà phê bình văn học Đặng Tiến khi viết về thơ Vũ Hữu Định. Dĩ nhiên ở trước mỗi trích dẫn, nhà phê bình đều đã đưa ra những nhận xét vàng ngọc của ông. Tôi đã ăn cắp phần trích dẫn của ông, nên không thể chép nguyên những đánh giá đầy trọng lượng của ông Đặng Tiến. Cũng xin được nói rõ, sở dĩ tôi đưa cả những thơ Vũ Hữu Định qua chọn lựa của một nhà phê bình nổi tiếng vào bài viết rất thù của tôi vì muốn giới thiệu thơ Vũ Hữu Định bù vào bài đã viết mấy năm trước (phần 1) nhưng tôi chưa được có, được đọc thi tập *Thơ Vũ Hữu Định*. Mong việc làm hồ đồ này được tác giả Đặng Tiến cũng như các anh Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư lượng thứ. Và để bạn đọc hiểu đại khái về những nhận định của người viết lời dẫn nhập cho thi phẩm *Thơ Vũ Hữu Định*, tôi xin trích một vài câu tiêu biểu của ông Đặng Tiến.

Về tình bạn:

... *“Tình yêu cũng như tình bạn, Vũ Hữu Định người đã ra đi, tình còn ở lại...”*

Về tình quê hương:

... *“Tình quê nơi Vũ Hữu Định quỵên với tình bạn và tình yêu là một khát vọng hạnh phúc trong nguồn cội...”*

Về tình yêu:

... *“Thơ tình ngày nay muốn thành công phải giàu lượng trí tuệ và chất nghệ thuật, nhưng thơ hoa mỹ lại mất nét thành thực đơn sơ mà tình yêu chính là xúc cảm đơn sơ. Thơ tình Vũ Hữu Định gây cảm xúc vì chỗ tha thiết mà tự nhiên ấy..”*

Nhà phê bình nhìn chung về thơ Vũ Hữu Định:

“Thơ Vũ Hữu Định là điển hình cho thơ trữ tình hiện đại. Nó không gai góc, thách thức; ngược lại, nó kết thân, đắm thắm, quen thuộc. Lay động người đọc bằng tình cảm trong sáng và

thiết tha, bằng nét tài hoa vô tội.”

Bài dẫn nhập cho thơ Vũ Hữu Định, ông Đặng Tiến viết xong tại Orléans, ngày 25 tháng 2 năm 2006. Ngày hôm qua, 7 tháng 3 năm 2006, tôi gửi điện thư xin anh cho đọc và nhận được sáng hôm nay, 8-3-2006. Vô cùng cảm ơn anh Đặng Tiến, (nhấn riêng: mong được đọc thêm các bài thơ của anh dưới bút hiệu Nam Chi).

Bên cạnh bài viết của nhà phê bình Đặng Tiến, tôi còn nhận được bài *Vũ Hữu Định Oi, Ngựa Hí Tiếng Gì* của nhà thơ Hoàng Lộc. Bài này anh Lộc cũng dành cho Thư Ân Quán, nhưng gửi cho tôi xem khi tôi hỏi về những kỷ niệm giữa anh và Vũ Hữu Định. Nhờ bài của Hoàng Lộc tôi lại được biết thêm vài sinh hoạt nữa của tác giả *Còn Một Chút Gì Để Nhớ...*

Mùa thu năm 1973, Vũ Hữu Định đã ngâm thơ ca hát rất thành công tại trường trung học Trần Quý Cáp Hội An. Anh đã từng làm báo xuân cho đám trẻ em hè phố tại Đà Nẵng và đã nhờ Hoàng Lộc in cho 500 mẫu bia, khi Hoàng Lộc ngồi vào chỗ của Hạ Quốc Huy, Lê Vĩnh Thọ, Vĩnh Điện...trước đó ở tiểu đoàn 10 Chiến tranh Chính trị, đồn trú tại Đà Nẵng.

Ngoài ra Hoàng Lộc còn cho biết Vũ Hữu Định còn một bản thảo thơ mang tên *Yêu Như Tình Dầu*.

Tôi nghĩ rằng còn rất nhiều bạn văn, bạn chơi của Định giữ gìn kỷ niệm với anh, hy vọng trong tương lai tôi sẽ còn được đọc nhiều hơn. Tôi làm công việc dư thừa này cũng là một cách dựa hơi Vũ Hữu Định cùng bạn bè anh, và cũng để bù lại những hiểu biết khiêm nhường của tôi về một người có quen biết, đã từng có thời sống chung trong một thành phố. Ngày tôi gặp lại ông thì sẽ gắn liền với Pleiku chắc không còn xa, tôi sẽ lặn lưng bài viết lần thân này cho ông ấy đọc chơi.



Phan Nhự Thức Đốt Tuổi Tìm Vui

1.

Từ Lãng Cha Cả, cơn mưa nhẹ hạt theo chân chúng tôi đến cổng số 1 quân trường Bộ Binh Thủ Đức thì dứt hẳn. Tờ nhật báo Tự Do và bao thuốc lá ruby vẫn nằm ngoan trong bàn tay phải. Nhưng “gói hành trang bọc nylon” kẹp dưới nách trái suýt rơi khỏi người tôi khi chiếc GMC vừa quay đầu, vừa thắng gấp trước sân văn phòng Liên Đoàn 1.



Đêm. Bóng tối đậm đặc. Không ai bảo ai, chúng tôi cùng á khẩu. Đám người lồ lộ hai bên thành xe cũng câm lặng. Bất ngờ, đám ngọt xớt vào cái đêm hè mênh mông, tiếng gọi hỏi mềm gọn:

- Có Luân Hoán đây không ?

Tôi thót giật mình, chưa nhận biết ai gọi. Chân vừa chạm đất, những hình phạt dần mặt đã chen nhau lấn tới, tôi không dám mất tập trung. Bài học đầu ở quân trường thơm mùi đất ẩm.

Rất vừa lòng với mình, không rơi vào những lời xúi ra tranh chức sinh viên báo chí đại đội, tôi giấu luôn những viết lách lãng nhãng ở chặng đời dân sự vừa qua. Nhưng chẳng được mấy ngày, cái giọng hỏi: “có Luân Hoán đây không ?” tìm đến. Lần này tôi đã đánh hơi ra cái mùi núi Ấn sông Trà và nhìn thấy rõ cái vóc dáng thấp nhỏ của một người bạn thơ chưa quen: anh Mê Kung. Lần đầu gặp anh, tôi nghiêm chỉnh chào tay đàng hoàng vì anh thuộc khóa 23, đàn anh.

Mê Kung tên thật Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1943 tại Đà Nẵng. Học hết cấp tiểu học, anh về quê nội, Quảng Ngãi học tiếp bậc trung học. Bắt đầu làm thơ từ giữa thập niên 60.

Ở quân trường, Mê Kung làm thơ nói về đời sống quân ngũ, và viết nhật ký quân trường đều đặn mỗi tháng cho tạp chí Bộ Binh. Ngoài việc sáng tác, anh còn lo tìm, mời những tay viết vừa nhập khóa 24. Với bản tính vui vẻ, cung cách mềm mỏng, Mê Kung dễ dàng trở thành bạn của nhiều người. Mê Kung cùng Cao Thoại Châu là hai người bạn thơ thân nhất của tôi trong thời

điểm này.

Nhiều lần tôi và Mê Kung ngồi sáng đêm ở khu gia binh Thiết giáp. Cũng không ít lần chúng tôi lang thang ngoài chợ Tăng Nhơn Phú. Mê Kung không mấy khi đề cập đến chuyện trai gái. Với anh, lúc nào cũng đầy ắp chuyện làm thơ, làm báo. Cởi mở và chân tình là hai đức tính đã giúp Mê Kung cứu vãn được tính ưa chuộng hình thức, có ít nhiều khoe khoang của anh.

Rời KBC 4100, Mê Kung về phục vụ ở tiểu khu Quảng Ngãi. Làm việc ngay tại tòa tỉnh. Bút hiệu Mê Kung thường bị bè bạn chọc ghẹo, nên anh đã dùng họ của mẫu thân, khai sinh một bút danh mới: Phan Nhự Thức. Khi tôi chọn về Sư Đoàn 2 Bộ binh và có mặt tại Quảng Ngãi, bút hiệu mới của anh đã được trình làng, qua những bài thơ anh đăng trên một số tạp chí ở Sài Gòn.

Phan Nhự Thức đã đưa tôi về ra mắt mẫu thân và mấy người em gái của anh. Gia đình anh sống trong một căn nhà cao ráo, có gác, trên đường phố dẫn vào thị xã. Con đường này cũng là một khúc thân thể của quốc lộ số 1. Thân mẫu anh phúc hậu rất quý mến bạn của con. Mấy người em gái anh rất xinh, nhất là Hồng. Tôi được gia đình anh mời tạm trú, không phải đóng tiền nhà. Nhưng tôi không cho phép mình hưởng ưu đãi này.

Tại Quảng Ngãi, ngoài Phan Nhự Thức, tôi còn có một số bạn cũ như Trung úy Huỳnh Bá Dũng (ban 3 sư đoàn 2), Trung úy Trần Hữu Lân (ban 4 sư đoàn 2), nhà thơ Đynh Hoàng Sa (dạy tại Trung học Trần Quốc Tuấn), nhà thơ Hà Nguyên Thạch (dạy trường Nữ Trung Học), nhà văn Vương Thanh (Trung úy, tiểu khu Quảng Ngãi), Trung úy Lê Văn Nghĩa (Chi đoàn phó Thiết Giáp), họa sĩ Nghiêu Đề. Những người bạn mới tôi được quen biết: nhà biên khảo Phạm Trung Việt, nhà thơ Minh Đường, nhà thơ Trần Thuật Ngữ, Trung úy Trần Anh Lan, nhà thơ Khắc Minh, họa sĩ Phạm Cung, anh Đào Đức Nhuận... Tất cả những người bạn cũ, mới đó đều nồng nàn với sinh hoạt văn học nghệ thuật giữa một thành phố đông phục màu ô liu, nhưng nhúc quân xa, súng đạn đủ loại. Thành phố Quảng Ngãi trong thời điểm này trông giống như một thị trấn trong phim cao bồi. Về thanh bình cùng đến với mặt trời. Mặt trận sẵn sàng mở ra cùng lúc với bóng đêm. Tiếng nổ và máu gần như là những chất liệu căn bản của thơ văn. Hơi thở tình lứa đôi chỉ là một thứ nước hoa làm nhẹ đi phần nào mùi tanh

của cuộc chiến. Trong cái không khí ấy, nếu không tham dự hành quân, tôi thường cụng ly với đám bạn hữu tại khu Trùng Khánh, nơi tôi cùng Châu Văn Tùng, Nguyễn Văn Pháp, Trần Mỹ Lộc có thuê một phòng trọ. Phan Nhự Thức không chiều nào vắng mặt. Anh đến, anh đi trong bộ quân phục ủi hồ, tay xách cặp da, lúc nào cũng nghiêm chỉnh, bận rộn. Anh vẫn công kênh quan trọng như những ngày còn trong quân trường, mặc dù trong cặp anh, có lần anh mở để khoe với tôi, chỉ vòn vẹn vài ba bài thơ viết chưa xong, một tập giấy mỏng, đôi ba cây bút màu. Không có hồ sơ hành chánh, không có văn bản quân sự nào liên quan đến nghề tay phải của anh. Các bản thảo của Phan Nhự Thức thật tốt số, luôn luôn nằm thẳng thớm trong cặp da.

Phan Nhự Thức là người thích sinh hoạt. Nhờ có anh đứng ra vận động xin tài chánh, chúng tôi cùng nhau thực hiện được tạp chí Trước Mặt, một tạp chí văn học nghệ thuật đúng nghĩa đầu tiên tại Quảng Ngãi. Tờ báo ra hàng tháng, kéo được chín, mười số thì đình bản. Tiếp nối Trước Mặt, Phan Nhự Thức điều hành tạp chí Tập Họp. Tiếc rằng cũng chỉ tập họp được năm, sáu lần chi đó rồi im lặng tan hàng.

Trong thời gian làm báo, Phan Nhự Thức đã chọn lựa trong số bản thảo của anh đủ một số bài ưng ý để hoàn thành một tác phẩm đầu tay. Cũng như nhiều bạn văn khác, Phan Nhự Thức có những bản khoả , lưỡng lự. Thói xấu ưa xúi giục, đốc sử của tôi có dịp ba hoa: “Làm thơ chủ yếu là tìm vui, dẫn thú vui này tiêu pha của mình một số tuổi đời, nhưng đã chơi, còn ngại gì” Như thêm một giọt nước cho tràn ly, Phan Nhự Thức mạnh dạn cho in tập Đốt Tuổi. Tên tập thơ do chính tôi chọn cho anh. Nhiều bạn chê thiếu thi vị, nhưng Phan Nhự Thức rất vừa lòng. Càng làm thơ càng mau già, tuổi cũng là một đơn vị của thời gian, đem tuổi mình ra đổi lấy thơ, không là đốt thì là gì? Thi phẩm Đốt Tuổi tuy không vang được tiếng vang khắp nước, nhưng trong lãnh địa Quảng Ngãi, nhờ nó, Phan Nhự Thức sáng lên rất nhiều.

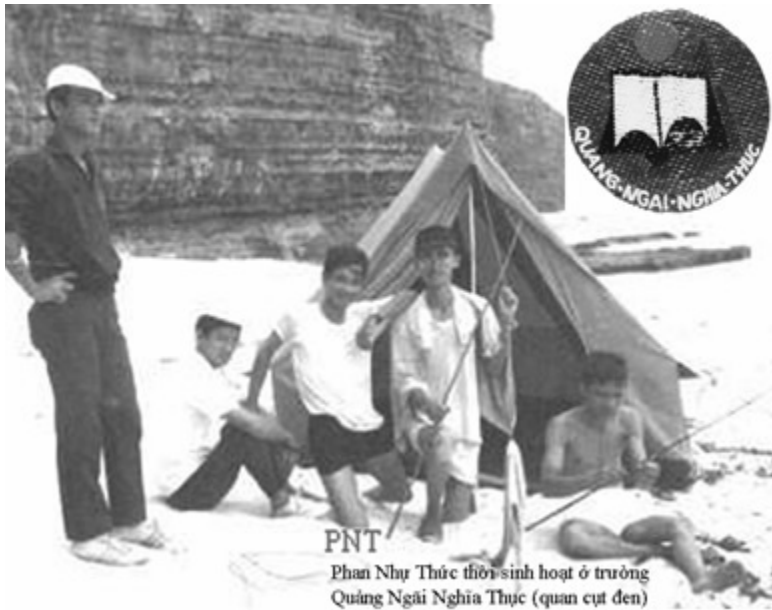
Sau ba lần có chiến thương cùng anh dững bội tình, tôi bị chơi đẹp một lần nữa. Tội nghiệp, lần này tôi cụng luôn một bàn chân. Khi chống nạng đứng giữa sân nhà Khắc Minh vào một ngày đầu xuân, tôi đã khóc ngon lành. Những giọt lệ tôi chảy ra không hẳn vì xót phận, tủi thân mà vì những giọt lệ của Vương Thanh, Phan

Nhự Thức, Khắc Minh có mặt hôm ấy, rú rê, không cầm được. Bạn của tôi, những người đang mặc quân phục, nhưng vẫn giữ được những trái tim mềm ướn, trẻ thơ thế ấy. Cảm tạ đất trời. Riêng Phan Nhự Thức, trong một hơi thơ dài, truy niệm cho nén chân trái tôi, có những câu:

*“Rượu đâu xin hãy tiếp/ hơi bằng hữu đêm nay / trời bỗng
bệnh nghiêng ngả / bàn ghế say ngất ngây / ai cười nghe vỡ đá /t
hay ta khóc chẳng hay ?/ ôi trong men chính choáng / ta bỗng nhớ
thương mây / giờ tàn đêm sắp sáng /ta say người có hay / hơi Luân
Hoán, Luân Hoán / nên buồn hay vui đây ?*

*Ôi đêm nay một mình / trên gác cao / Nghiêu Đề bỏ lại / tao
nhìn rõ bàn tay mây /một lần đấm vai tao /không thù oán / ôi cái
đấm của tình thương yêu / tao nhớ ra cùng nước mắt...”*

(Chia Buồn, chia vui -Phan Nhự Thức- NHCBC)



Thì ra, tôi đã có lần, vì lý do gì đó, tức giận, không kềm nổi bản tính võ biền, vũ phu của mình. Nhớ mãi không ra. Lỗi phải thế nào cũng là điều đáng ân hận. “cái đấm của tình thương yêu” sao mà đáng ngờ quá. Nhưng bạn tôi, Phan Nhự Thức, đã độ lượng, thi vị như thế, tôi còn làm được gì hơn là xin lỗi và cảm ơn anh.

Sau ngày tôi từ giã bờ xe gió, cửa đông Sư đoàn 2, các bạn tôi ở Quảng Ngãi nghiêng nhiều về hoạt động chính trị. Nhà thơ Hà Nguyên Thạch gia nhập đảng Dân Chủ của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, để giữ chức Phó Chánh sở Học Chánh. Nhà văn Vương Thanh (tên thật Trần Hữu Huy) cùng Phan Nhự Thức trở thành nghị viên thành phố. Hoạt động đẹp nhất của đám bạn tôi là thành lập được trường trung học Quảng Ngãi Nghĩa Thục, dĩ nhiên có sự giúp đỡ nhiều mặt của nhiều tấm lòng khác, đặc biệt là anh Nguyễn Liệu. (Anh Liệu tôi được nghe Phan Nhự Thức nhắc và nói đến nhiều, nhưng tôi chưa được gặp lần nào). Trường được xây dựng khang trang, rộng rãi. Ngày khai giảng đầu tiên, tôi được các bạn mời vào chia vui, mặc dù vết thương của tôi mới vừa kín miệng, còn trong giai đoạn băng bó.

Phan Nhự Thức và Khắc Minh lo cho tôi đủ điều trong lần tôi vào thăm Quảng Ngãi này. Một cuộc tình tôi có được với một bóng hồng ở cửa đông, hoa khôi trường nữ, đã chính thức đi qua. Đôi mắt Ba La ấy cùng nụ cười ở lại, núp trong vài luống thơ được bao lâu ? Đêm về mau, nằm giữa tôi và Phan Nhự Thức trong căn phòng ở 43 Phan Bội Châu thân quen là một cõi thơ xa lạ. Phải đẹp ai không là thơ ? Trong tiếng ngáy nhẹ của Thức, tôi trần trụi thấy lại mọi nơi, mọi vật, để rồi tự thấy mình đã rất khác, rất lạ với mọi thứ chung quanh. Phan Nhự Thức không có nhiều háo hức về sinh lý, tôi độ chừng như thế. Sáng ra mới biết mình lầm. Anh chỉ nhường ưu tiên cho bạn anh. Một người bạn đã có ít nhiều khác với sự lạnh lặn bình thường của anh.

Cuộc sống không chậm bước. Tôi về Đà Nẵng tiếp tục làm thơ lãng nhãng phản chiến, lắm cảm tình yêu trong các bàn tay đỡ dậy của Lê Vĩnh Thọ, Phạm Thế Mỹ, Vĩnh Điện trong lúc Phan Nhự Thức, Đynh Hoàng Sa trở thành ký giả cho vài nhật báo ở thủ đô Sài Gòn. Tôi được tin Phan Nhự Thức lập gia đình với một cô gái có quan hệ phụ tử với nhà văn Chu Tử. Cuộc tình duyên của anh chấm dứt cùng lúc với chế độ anh phục vụ. May mắn cho anh chỉ đi tù ngắn hạn, một điều rất lạ. Có lẽ “ơn huệ” này đã làm anh không hội đủ điều kiện để trở thành một ông H.O sau này.

Những ngày chờ đợi qua nước người, tôi được gặp Phan Nhự Thức thăm lặng, phát phơ tại Sài Gòn. Buổi tiệc tiễn chân tôi, anh vẫn chứng tỏ sự nhẹ nhàng, thanh thản của một tâm hồn đang bị

ruồng bỏ. Đi cùng nụ cười rất trẻ thơ là hàm răng chắc mà anh vẫn phân nản: “*đánh rã tay, không thấy trắng*” là những gì vẫn đọng sáng trong gia tài kỷ niệm về Phan Nhự Thức.

Trong mười mấy năm xa đất nước, tôi biết tin về Phan Nhự Thức rất ít. Một đôi lần họa sĩ Hoàng Trọng Bân, còn kẹt ở Sài Gòn cho biết Phan Nhự Thức đã lập lại gia đình và có được một đứa con. Tôi rất mừng cho anh nhưng vẫn không liên lạc được. Bân cho biết gia đình Thức sinh sống bằng nghề bán bún bò bên lề đường quanh cư xá Tô Hiến Thành. Nhưng địa chỉ thì không rõ. Tôi không biết thời gian này Thức đã mua được hộ khẩu làm thường dân tại thành phố chưa? Không nắm được hộ khẩu (một loại giấy tương tự như tờ khai gia đình) trong tay chắc chắn sẽ bị “hậu khổ” dài dài, dễ gì có một địa chỉ chắc chắn để liên lạc thư từ. Hơn nữa chạy ăn từng bữa đã là một vấn đề, hơi đâu lãng mạn phí tiền tem thư, giữa thời buổi quốc nội, hải ngoại còn dày đặc những thám thính, rình mò, đánh hơi. Phan Nhự Thức lại là người rất tự trọng, không hề nói đến cái tôi của mình, không mấy lo lắng cho chính bản thân anh. Sau sự ra đi vĩnh viễn của Vương Thanh và Đynh Hoàng Sa, tôi bất ngờ nhận tin Phan Nhự Thức lia đời qua điện thoại từ Thái Tú Hạp ở Hoa Kỳ. Tin buồn này làm tôi lững lờ suốt cả ngày. Nguyễn Khắc Ngữ, sử gia. Hoàng Xuân Giang, Hoàng Phúc, nhạc sĩ cũng đã vì ung thư bỏ cuộc, nay thêm Phan Nhự Thức. Con bàng hoàng chưa qua khỏi, sáng hôm sau Trần Hoài Thư gọi tiếp, khuôn mặt Phan Nhự Thức lại hiện lên vẫn với nụ cười nhưng sao cứ méo dần về một bên rồi nhạt nhòa chia xa. Trời đang có tuyết bụi, cái lạnh chợt đậm hơn. Tôi ra xe chạy miết mấy giờ liền, không mục đích, không điểm đến, nhưng không qua khỏi “cái làm sao ấy” ở trong lòng.

“*Khuôn mặt héo, lưng quyền nhô cao, đôi mắt đục, mái tóc bù rôi, hai hàm răng chỉ còn lợi, chiếc lưng còng, dáng người thấp nhỏ, khô đét...*” là Phan Nhự Thức dưới nét họa bằng ngôn từ của họa sĩ Khánh Trường, khi anh có dịp ngồi cùng ly với Phan Nhự Thức, chỉ cách mấy tháng trước tác giả Đốt Tuổi qua đời. Phan Nhự Thức chết không chỉ vì bệnh ung thư ở cổ, mà cả cuộc đời anh bị ung thư, như một bạn văn của anh đã nói. Dù cố gắng thả ngọn bút “bằng tất cả nghị lực và niềm tin.” Phan Nhự Thức hẳn không thể giấu được chính mình đang đứng trước lối cụt tuyệt vọng. Giữ được đến cuối đời lòng thanh thản, tỉnh tự trọng không

phải là việc dễ làm. Mừng cho bạn đã ra đi. Tiếng nói của bằng hữu dẫu vượt được ngàn dặm lãnh thổ cũng chắc gì vượt qua được nghìn trùng âm dương để cho lòng bạn có vài giây ấm lại. Còn làm được gì hơn ngoài thấp một nén hương không khói, không lửa này. Vĩnh biệt.

2.

Người chết sẽ về đâu ? Đến đâu ? Có thật có âm phủ với những chín tầng địa ngục ? Cầu Nại Hà có thật chẳng ? Ngục A Tỳ có thật chẳng ? Những Dạ Xoa, qui sứ sẽ làm những gì ? Có bắt tập hợp điểm danh ? Có bắt khai lý lịch ba đời đầy đủ như những ngày sau tháng 4 năm 1975 tại Việt Nam? Người chết, dù thế nào, có lẽ cũng không có thì giờ để nghĩ, để nhớ về những người bạn xưa. Nhưng với người sống, chuyện này vẫn thường được lặp lại, nhất là khi tuổi đời vượt qua ngưỡng cửa 60. Cá nhân tôi từng ngồi lần thẩn điểm danh bè bạn. Bằng hữu tôi có được trong thời kỳ tôi làm dân Quảng Ngãi, những ai còn ai mất ? Hà Nguyên Thạch, vinh hiển rồi bầm dập, bây giờ đang neo chân tại Vũng Tàu. Đynch Hoàng Sa đã ra đi vì tim mạch trở chứng. Vương Thanh đã bỏ quên Khu Rừng Mùa Xuân vĩnh viễn. Huỳnh Bá Dũng, Phan Nhự Thức, Nghiêu Đề, Trần Mỹ Lộc, Lê Văn Nghĩa, Minh Đường... nói thêm dài danh sách tử vong. Với không quá 13 người bạn thân quen, tôi đã đánh mất 7 người. Rồi còn tiếp tục mất những ai ? Không có sự ra đi nào thiếu nỗi ngậm ngùi. Nhưng cái chết của Phan Nhự Thức có phần chua xót hơn. Sự đau đớn không nằm ở chuyện tử vong, mà nằm ở những ngày cuối chặng đời anh. Trong năm 2000, nhà văn Vũ Uyên Giang, sinh sống tại North Carolina USA có gởi tặng tôi mấy số tạp chí Đất Sống. Tôi bắt gặp trong số 1 phát hành vào tháng 4 năm 2000 bài viết *Nén Hương Thấp Muộn* của nhà văn Uyên Thao (Vũ Quốc Châu), một cây bút đã nổi danh trong làng báo, làng văn miền nam với các tác phẩm *Những Con Cọp Giấy Cháy Nóng*, *Trống Trận*, *Trong Ánh Lửa Thù*, *Thơ Việt Nam Hiện Đại* vv.... Trong bài viết, nhà văn Uyên Thao nhắc qua một vài người vừa ra đi như nhạc sĩ Văn Phụng, nghệ sĩ Hoàng Thu... để rồi viết rất kỹ, rất cảm động về Phan Nhự Thức.

Uyên Thao nhắc lại lần đầu tiên Phan Nhự Thức đến thăm anh tại cư xá Thanh Đa, sau ngày anh được ra tù, năm 1987. Lúc đó theo anh kể, Phan Nhự Thức đã “*xòm hẩn đi*” tạo cho anh cái cảm

tưởng Phan Nhự Thức “*đi đứng không vững*” nhưng vẫn hết lòng giúp đỡ bạn bè. Thức đã hứa sẽ liên lạc với anh Nguyễn Liệu, để vận động giúp đỡ Uyên Thao.

Những tiết lộ của nhiều bạn văn đã cho chúng ta thấy một phần đời của Phan Nhự Thức sau tháng 4-1975, được ghi lại trong bài viết của Uyên Thao:

Họa sĩ Đăng Giao xác định việc bán bún bò ven đường để sinh sống của Thức là có thực, khi anh chỉ rõ cho Uyên Thao địa điểm Thức hành nghề:

- “*Ô, bây giờ nó bán bún bò bên bờ đường ở khu cư xá Tô Hiến Thành. Ông cứ chạy xuống con đường đâm sang khu Lữ Gia nhìn kỹ là thấy*”

Nhà văn Nguyễn Thụy Long thì mách với Uyên Thao:

- “*Nó bị ung thư. Không biết đứa nào nói với tao là nó nằm bệnh viện Nguyễn Văn Học. Tao chạy đến tìm nó ngay. Ít ngày sau thì nó chết*”

Nhưng tiết lộ của nhà văn Thế Phong cùng Uyên Thao mới là những điều vô cùng chua xót. Tôi xin được phép trích một đoạn dài của nhà văn Uyên Thao:

... “*Nhưng tôi không thể xua đuổi khỏi đầu một chi tiết trong những ngày cuối đời của Phan Nhự Thức. Điều này tôi đã biết một phần qua Thế Phong và bây giờ Nguyễn Thụy Long kể. Tôi nhớ lại lần gặp Phan Nhự Thức và một nhận xét của tôi khi đó. Tôi thấy anh không ưu tư chút nào về bản thân. Thì ra đó là thời gian anh tin chắc mình sẽ xuất ngoại.*

Anh ra tù mấy năm nay và như nhiều người khác, anh đã nộp hồ sơ theo diện HO. Với tư cách người của chế độ cũ - vừa là sĩ quan vừa là nghị viên Hội đồng tỉnh- lại dư điều kiện bị tù 3 năm, nên anh chỉ còn chờ ngày phóng vấn để chấm dứt mọi thủ tục. Niềm tin của anh trở thành trái bóng xẹp hơi đột ngột.

Trong ngày phóng vấn mà anh chờ đợi với tất cả tin tưởng, anh đã đối diện với nụ cười khinh miệt của người phóng vấn anh. Người đó quăng trả anh tờ giấy ra trại kèm theo lời phát biểu:

- *Gần hai ngàn năm nay, tôi chưa thấy tháng Hai nào có ngày 30 cả. Ông mua tờ giấy này ở đâu ?*

Lúc đó Phan Nhự Thức mới phát giác ngày tháng ghi trên

giấy ra trại của anh là 30 tháng 2. Anh xác nhận đây là giấy thực và việc ghi ngày làm lần chỉ do trình độ hoặc sự ơ thờ của người làm giấy. Hơn nữa, chi tiết này chẳng đáng gì so với thực tế cuộc sống của anh. Nhưng anh không lay chuyển nổi ý nghĩ của người phỏng vấn khẳng khẳng nói anh xài giấy giả. Tất nhiên anh bị từ chối. Không ra đi là điều thất vọng, nhưng nỗi đau của anh là nụ cười miệt thị của người kia. Tôi nghĩ về phút cuối của anh và cảm thấy khó chịu.

Nguyễn Thụy Long chỉ diễn tả phút cuối đó bằng mấy lời đơn sơ: “Ít ngày sau nó chết”. Tiếng chết đã được ném ra, không còn gì để nói thêm nữa. Nhưng trước đó một giây, trước đó một ngày, trước đó nhiều ngày, Phan Nhự Thức đã sống với tâm trạng nào, với ý nghĩ nào? Tôi thấy Thức khó dứt nổi nỗi đau từ lúc rời địa điểm phỏng vấn tại văn phòng ODP. Khi kể với tôi chuyện này, Thế Phong nói:

- Nó không khiêu nại, cũng không thềm đi xin xác nhận không phải giấy ra trại giả. Cái thẳng thật lạ!

Lúc đó, tôi không kịp nghĩ về cách giải quyết của Thức, nên chỉ nói với Thế Phong:

- Khiêu nại cũng chẳng dễ gì!

.....

(Uyên Thao- Nén Nhang Thấp Muộn- Đất Sống tháng 4-2000)

Thức ơi, Thức ơi, sao lại có thể như thế được? Lúc được thả tự do chắc hẳn mày quá xúc động, quá mừng rỡ, quên cả việc đọc bản văn giấy phóng thích, giấy trả lại quyền làm người, dù sau đó những quyền căn bản mày không chắc có. Tao tin mày đã đọc tờ giấy “cực kỳ” quan trọng kia rất kỹ với ít nhất vài ba lần, với niềm vui vô hạn. Làm sao có thể phát hiện một lầm lẫn tình cờ hay cố ý như thế. Dù cố ý hay tình cờ cũng là điều đáng trách. Tao nghĩ tao cũng không chắc phát hiện ra, nhưng vẫn thấy giận mày. Và khi đã bị ném trả, sao mày dễ dàng buông xuôi, không xin kiểm chứng, minh xác lại. Có phải mày thiếu “thủ tục đầu tiên” rất thịnh hành ở Việt Nam, nên đã bỏ qua...một chuyến rong chơi, đổi đời, mà mày xứng đáng được có. Ngay sau cái vấp đầu đó sao mày im lặng, câm nín chịu đựng, không “than thở” cùng bè bạn. Những Hoàng Trọng Bản, Hà Nguyên Thạch, Cung Tích Biền, Lê Vĩnh Thọ, Huy Tường...ở đâu, mày không nhờ bè bạn góp ý, mách nước. Tao

biết nếu chuyện này xảy ra cho bất kỳ một bằng hữu khác, mày cũng sẵn sàng xăn tay áo vào cuộc để đòi lại công bình. Có thể mày bị sốc bởi những lời buộc tội thiếu suy ngẫm của viên chức có thẩm quyền cứu xét. Tao chột hình dung được khuôn mặt tự mãn, có văn hóa nhưng thiếu tinh tế và một chút tình người kia. Có thể chẳng nên trách giận gì ông ta, khi ông ấy cũng sống và hiểu rõ một xã hội mà mọi thứ đều có thể bỏ tiền ra mua, kể cả văn bằng đại học. Khi ông ta lên tiếng hỏi mày mua tờ giấy ra trại ở đâu là điều hợp lý. Ông ấy chỉ hơi ngu ngơ, hay cố tình thiếu thông minh, khi nhận định là giấy giả. Người cấp giấy giả, người xài giấy giả, tao nghĩ, bao giờ cũng cẩn thận, không thể để dính vào những lỗi lầm ngớ ngẩn như thế. Tao lại ngờ rằng, cơ quan cấp giấy cho mày, không phải thiếu trình độ phổ thông, để viên chức phỏng vấn sau này, có cơ hội sung sướng phát hiện. Biết chừng đâu đây là một cái bẫy, trước khi tha mày cho có vẻ nhân đạo. Cấp giấy cầm tay cho có khi tha, nhưng dùng nó vào một việc khác sau này là điều bất khả thi, có thể là cả một kế hoạch, có dự mưu. Có lẽ cần phải có tinh thần Tào Tháo trong cuộc sống tại Việt Nam.

Nhưng bây giờ đã quá muộn. Tao xin dành vài phút ngồi lặng yên, để thấy lại mày ngày đầu đi tìm tao tại quân trường Thủ Đức. Ngày tao mới vào Quảng Ngãi, mày hờn hờ bên cạnh. Dân Quảng Ngãi có lẽ đều là bà con họ tộc với mày, gặp ai mày cũng xuề xòa:

- Đây anh Luân Hoán...

Tao cũng không quên hình ảnh mày nháp nhô trên cuộc tình một đêm hôm nào. Cả hình ảnh mày lẳng xăng sắp xếp chỗ ngồi cho bạn bè trong quán đêm đưa tiễn tao... Còn nhiều nữa, mày đã quên, nhưng tao vẫn còn nhớ rất rõ đây Phan Nhự Thức ơi. Nhân đây, tao cũng xin mày cho phép tao được chép ra đây đôi bài thơ mày viết sau này, mà tao mới được Thành Tôn cho đọc. Cảm ơn bạn hiền. Hãy tiếp tục làm thơ ở cõi âm nhé. Nhà xuất bản tài tử Ngưỡng Cửa của tao, không còn ở mức khởi hành với những Thấp Tinh của Thành Tôn, Đốt Tuổi của Phan Nhự Thức... đã nghỉ chơi rồi. Nhưng tao cả đời luôn thú vị với trò xuất bản, nên mày yên tâm sáng tác nhé. Nhớ viết thật kỹ những cuộc tình có với các ma nữ nhé. Dĩ nhiên không phải là loại ma nữ mày đã gặp thời còn huy hoàng làm báo và giữ chức nghị viên. Để lấy hứng mày nên đọc lại những bài thơ của chính mày sau đây. Thân mến.

“ nhân danh thơ phục hồi ta và bạn / người bạn tình rong ruổi
công trên lưng/ theo vạt nắng đầu ngày vừa nguyên đán / em cựa
mình da thịt bỗng vang lừng

bởi khắc khổ ta một đời khép kín / em co ro gió tạt cuối hiên
buồn / những nhát cuốc, ngờ đâu, tay bịn rịn / đất bật lên từng
đóa lệ trào tuôn

thôi hãy xếp khối tình sầu hữu hạn / hãy cùng ta túy lúy trận
phong trần / đêm động phòng rượu tràn qua xír bạn/ một đường
bay tình vút khỏi tay nâng /

núm ngực hồng thở từng hơi thơm phức / buổi quay về hạnh
ngộ cuối trời đêm/ta tóc bạc cũng nghe lòng hừng hực / trời còn
xuân ta còn lửa tình, em

(Cõi Tình Xuân - Phan Nhự Thức)

Đã cạn dòng thơ từ buổi đó/ buổi xa rùng chim cất giọng khan
/ chiếc lồng nhỏ đời giam bé nhỏ / cõi ngoài mơ là dấu chấm than
đã hết thuở trăng sao xao xuyên / nắng băng khuâng nhỏ sáng
thương chiều / mây thổi gọi, gió tình thổi hẹn / tháng năm qua đời
xóa chữ yêu

chỉ còn lại mẩu đời giản lược / hòn sỏi kia giạt bãi ngậm ngùi
/ phơi lòng khô con kênh khô nướ / mặt mù sương vàng vọt tuổi
người

chỉ còn lại muỗi ruồi ve vãn / nỗi buồn dài buồn tủi thịt da
/ mắt nâu thâm nửa đời chờ sáng / một người tù gối mộng xót xa

tưởng như thế cho qua ngày tháng / bỗng một hôm trời trở
nắng băng khuâng / nỗi tình cờ vấy tay lãng mạn / thơ từ đâu đậu
xuống tim chàng

tóc người bay lao xao dưới phố / tỏa hương thơm theo gió bay
cao / gọi nỗi tình cõi ngoài sương gió / về nâng niu đời đã tiêu
hao

xưa làm thơ yêu em nắng dịu / mưa bay chưa ướt vờ học trò /
giờ làm thơ yêu em nắng gắt / mưa tạt lòng lệ nhỏ chờ vờ

dù có thể nào thơ vẫn thế / xin nâng ly mời rượu ân cần/
tình chén choáng bước lên cuộc sống / bỗng em qua tay vấy mùa
xuân

(Thơ Tình Trong Trại Cải Tạo – Phan Nhự Thức)

“Vẫn vạt nắng long lanh cùng gió mới / lá xanh tươi vươn đón

buổi khai mùa / cây mai già trở hoa vàng phơi phới / giọng con
cười thơm phức tiếng chào thưa

ta trần trọc suốt đêm dài đợi sáng / dẫu con đau vội vã mở tay
choàng / Con lên 8 mắt cười tròn khoan rạn / mừng tuổi con ta
chúc chóng lớn ngoan

đất dẫu cần tre nguyên che măng mọc / bỗng vô tình định mệnh
chém ngang vai / tre bật gốc rồi gió mưa tới tấp / mẹ dịu con làm
lủi trợn đêm dài

trời đất mãi xoay vẫn nên chẳng biết / xuân cứ về hoa nắng
vẫn long lanh / mai nở vàng cây ? âm chồi lá biếc / có ngờ đâu
mạch đất nứt tan tành

tre chưa già đành chờ ngày bật gốc / côi vô thường côi độ
lượng bao dung / biển đất phì nhiêu bón măng mới mọc / đóa tre
xanh vươn trợn cuộc vô cùng

thơ ta nguyện rạn từng lời khai bút / con xếp giùm tiền mừng
tuổi đầu năm / quán quít bên ta vẫn cười vẫn hát / dẫu nan y bệnh
nghe nhẹ ta nằm

mặt trời lên chiếu măng đời ngà ngọc / chim tập truyền vừa
thả một tin vui / con hãy ra vườn, cao tay hái lộc / cắm vào thơ ta
xuân đỡ ngậm ngùi”

(Bài Thơ Cuối Cùng của Phan Nhự Thức)



Đỳnh Hoàng Sa bỏ “Vùng Trú Ẩn Hoang Đường”

Giữa thập niên 50, trong khuôn viên trường trung học công lập Phan Châu Trinh, Đà Nẵng có khá nhiều cuộc tình mực tím, mực xanh. Nổi tiếng nhất là tình yêu giữa cậu học trò Trương Duy Hy và cô nữ sinh tóc thề Thanh Thảo. Lúc bấy giờ anh Hy chưa trở thành một sĩ quan pháo binh, chưa trở thành một nhà văn, một nhà viết nghiên cứu như hiện nay. Nhưng chị Thanh Thảo đã là một giọng ngâm thơ ngân vang cả xứ sông Hàn. Mỗi tình đẹp của anh chị Hy Thảo kết thúc rất có hậu bằng cuộc hôn nhân giàu hạnh phúc.

Trong đám bạn cùng lớp với anh Hy, khóa đầu tiên của trung học Phan Châu Trinh, còn có một anh chàng khác, cũng biết yêu rất sớm và tỏ ra trội hơn, khi đám công nhiên bày tỏ tình yêu thương qua thi ca. Để thể hiện sự gắn bó tha thiết, anh áp dụng trò chơi đã xưa, nhưng vẫn mới, ghép tên mình và tên người yêu làm bút danh.

Tên anh là Quý, Đinh Văn Quý. Tên người đẹp là Hương, họ Dương. Anh nhà thơ đa tình đã viết đầy mấy trang giấy bốn chữ Quý Hương, Hương Quý, khi nắn nét cẩn trọng, lúc phóng bút bay bướm. Rồi anh gọi thầm, gọi thành tiếng. Quý Hương nghe làm sao ấy, không ổn. Hương Quý nghe cũng chẳng thuận tai. Hơn nữa Hương Quý hay Quý Hương có vẻ thật thà chân chất, chúng bạn sẽ biết dễ dàng quá, mất vui. Phải có chút úp úp, mờ mờ, xa xa, gần gần cho mọi người đoán già, đoán non, tăng thêm chút lãng mạn mới thú vị. Thế là anh nảy ra ý cắt bớt một chút sáng kiến của ngài Giám mục Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ), bỏ cả hai cái dấu sắc cho đều huề. Rồi hơn thế nữa, để tỏ lòng cung kính phái đẹp, anh chàng sớm đại gái hoan hỉ cho tên người yêu đứng trước. Hương Quý, được chính thức có da có thịt trên các bích báo, đặc san của nhà trường và từ từ đi dần vào các nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san ở tuốt Sài Gòn.

Đinh Văn Quý. Sinh năm 1939 tại Quảng Nam. Cha đã qua đời, mẹ bước thêm bước nữa, nhưng anh và người em trai Đinh Văn Thìn (1941, cùng tuổi với tôi) vẫn cùng ở bên mẹ, bên một cô

em gái rất xinh và ngoan. Chị Hương hình như ra đời muộn hơn Quý một vài năm.



vợ chồng Đinh Hoàng Sa, chợ hoa Sài Gòn 1975

Không hiểu anh chị Quý, Hương có áp dụng câu thơ “Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở” của thi sĩ Hồ Dzếnh vào cuộc tình cuộc họ không, mà sau đó, mỗi người đều thầm ngâm thơ Thế Lữ. “anh đi đường anh, tôi đường tôi, tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi...”.

Một cuộc tình đẹp đi qua, ai mà không buồn, nhất là tình đầu. Quý buồn quá, đánh rơi luôn cái bút danh đầu tiên, Hương Quy. Năm tôi trở thành bạn của anh, Quý đã có nhiều bài đăng trên các tạp chí Bách Khoa, Phổ Thông...với cái tên mới Đinh Hoàng Sa. Bút hiệu của người viết, đa số thường được thành hình bởi nguyên nhân nào đó... và ít nhiều đều có mang ý nghĩa, kỷ niệm riêng. Không rõ nguyên nhân nào Quý sử dụng tên Đinh Hoàng Sa. Xét về liên quan địa lý, anh không dính gì đến quần đảo Hoàng Sa, cách Đà Nẵng 200 hải lý. Có thể vì yêu thích những bãi cát vàng, mà Quý dùng bút hiệu này chăng ? Nguồn gốc nào quả thật tôi không rõ, chỉ biết anh rất thú vị khi dùng chữ Y thay vào vị trí chữ i trong cái họ của anh. Quý xem sáng kiến này là một đặc biệt riêng. Chính vì thế nên anh rất bất bình, khi từ miền đất Vĩnh Điện, không xa Đà Nẵng bao nhiêu, mọc thêm một người làm thơ, chơi chữ tương tự, bạn Đinh Trầm Ca. Dĩ nhiên Đinh Hoàng Sa rất bực mình. Nhưng rồi theo thời gian, với cái tình văn nghệ, cả

hai hình như cũng đã quen biết nhau.

Đynch Hoàng Sa có Đynch Trâm Ca na ná, Hà Nguyên Thạch sau này có Hà Nguyên Dũng, Hà Nguyên Du...như là anh em. Chỉ có tôi, chưa thấy anh chị nào chịu Luân Hồi, Luân Lạc, Luân Phiên...gì cả. May mắn những năm sau này, mới có cậu con ông họa sĩ Trịnh Cung, dùng tên Luân Vũ. Nhưng anh ta không thèm chơi thơ văn, mà chơi nhạc, nổi tiếng là một danh thủ vĩ cầm tại California Hoa Kỳ, lẫy lừng hơn nhiều.

Thời ở Đà Nẵng, Đynch Hoàng Sa cùng tôi và Hà Nguyên Thạch thường lang thang qua những hàng sách. Ngoài việc ngắm mặt mũi những tác phẩm mới, những tạp chí, nguyệt san...từ Sài Gòn gởi ra, chúng tôi còn có nhiều cơ hội đứng không quá xa những dáng hoa trung học. Một mùi hương kỳ ảo bất ngờ có thể cho chúng tôi nguồn cảm hứng, để làm thơ. Luận về chuyện thi ca, nhiều người có quan niệm, làm thơ là một công việc nghiêm túc, hướng đến những mục đích cao quý, thanh khiết. Dĩ nhiên, đứng trăm phần trăm. Nhưng tôi còn thấy, làm thơ nhiều khi chỉ vì những điều rất vu vơ, dung tục như để ... tán gái chẳng hạn. Cá nhân tôi tuy chưa chạm được cuộc tình nào, nhưng cũng từng có một vài đêm nằm mơ mộng đầu đầu, đến từ hai quán sách Sông Đà, Lam Sơn. Rất may chủ nhân của hai cơ sở buôn bán chữ nghĩa này là hai ông trung niên rất hà tiện nụ cười, nên một phần nào đã hạn chế sự lạm dụng chỗ đứng tự nhiên để “nghề” người đẹp của chúng tôi.

Thật ra cái một ngòai quán nhấm nháp hương vị cà phê, mới là mục đích chính của những lần xuống phố. Đynch Hoàng Sa rất ghiền cà phê đen, than táo bón, mất ngủ, nhưng ngày nào anh cũng lai rai ít nhất ba, bốn cữ. Rượu xuất xứ nội ngoại, chúng tôi đều tiếp thu tuốt. Chỉ tiếc yếu địa, không anh nào trở thành bà con các vị lưu linh. Cũng như Hà Nguyên Thạch, Đynch Hoàng Sa khác tôi ở mục hảo ngọt. Các quán chè nổi tiếng của Đà Nẵng thời bấy giờ, không có bóng hai bạn thơ của chúng ta lai vãng. Nhưng hai quán kem Diệp Hải Dung đã được hân hạnh đón tiếp chúng tôi nhiều lần. Hình thức trang trí, âm nhạc và chỗ ngồi mát mắt đã giúp Quý bớt đi phần nào khó tính. Anh phê phán lung tung, cả những thực khách chung quanh. “*Nhìn cách ăn mặc biết trình độ văn hóa*” là câu anh thường vui vẻ nói với chúng tôi, khi chợt bắt gặp một thanh niên hơi đi trước thời trang. Đi chơi với Quý, một vài lần

còn suýt bị mấy anh cowboy hỏi thăm sức khoẻ bởi cái nhìn rất ư là diều cợt, thách thức của anh. Rất may trong đám anh chị của Đà Nẵng thời ấy, tôi quen nhiều khuôn mặt lớn như Lê Cai, Hùng Đầu Bò, Hiền Râu... nên đều được nể nang, thoát nạn.

Đọc sách, nghe nhạc là hai thú vui thường trực của Đynh Hoàng Sa. Trong những môn nghệ thuật, anh dị ứng với cải lương. Có lẽ vì chỗ cư trú chật hẹp, chung đụng cùng ông dưỡng ghê quanh năm suốt tháng ôm cái radio âm áp Đồi Cô Lựu, Lá Rụng Sân Chùa...đâm ra vậy. Lúc bấy giờ, đài phát thanh Sài Gòn cuối tuần nào cũng phát một tuồng cải lương dài đến mấy tiếng, đây là cơ hội để ba chúng tôi cùng ra khỏi nhà, lang thang.

Chuyện làm thơ giản dị hơn viết văn rất nhiều. Không cần trầm hương như một số vị ngày xưa. Đôi khi cũng không câu nệ ở vị trí xuất phát câu thơ. Không bàn ghế, không giấy trắng, mực đậm thơ vẫn cứ ra đời, sống chết tùy giá trị nghệ thuật của nó. Tôi không rõ Đynh Hoàng Sa thường sáng tác lúc nào. Và cũng theo thói quen chung, chúng tôi chỉ đọc thơ nhau sau khi các tạp chí đăng tải. Thơ của Đynh Hoàng Sa không nhẹ nhàng, văn vẻ như thơ Hà Nguyên Thạch, không giản dị, nông dân như thơ tôi. Thơ anh giàu những tư tưởng, nhân sinh quan. Trong Văn Học Miền Nam, phần Thơ, nhà văn Võ Phiến, khi viết về thi sĩ Bùi Giáng, có đưa ra nhận xét:

“... Khi khác, Đi Vào Cõi Thơ (1969), của các thi sĩ cùng thời mình. Bùi Giáng tỏ ra tinh quái lắm. Chẳng hạn về trường hợp một thi sĩ nợ - đồng hương với ông – ông nói qua lại một hồi, rồi ông bảo trót đánh mất tập thơ của bạn nên không trích được bài nào. Sau này, có dịp cầm chính tập thơ nợ trong tay, tôi loanh quanh tìm mãi không thấy có bài nào trích được ! Vậy Bùi Giáng có mất sách thực chẳng ?..”

Những phát hiện về Bùi Giáng trên của nhà văn Võ Phiến đã không cho phép tôi cả gan bàn suông về thơ Đynh Hoàng Sa trong giai đoạn này, bởi tôi không có trong tay một câu nào của anh. Tán phét mà không trích dẫn, đâm ra học đòi xảo thuật của Trung Niên Thi Sĩ, đầu dấm. Cũng xin thưa, Đynh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch là đồng hương chính danh của nhà thơ Bùi Giáng. Riêng tôi hình như chưa chắc là Quảng Nam, dù sinh ra và lớn khôn trên mảnh đất của anh “Năm Eo” (tiếng lóng gọi miền Trung). Bởi trong nhiều cuộc Quảng Nam chọn mặt gọi tên, tôi đều bị gạt ra.

Cụ thể gần đây nhất trong tuyển tập 100 Năm Thơ Quảng Nam, với 1050 trang do nữ thi sĩ Ý Nhi thực hiện, tôi nhận được một điện thư như sau:

From: huycap tapchivanhoc@yahoo.com

february 3, 2005 1:16: 46 AM

subject: Fw: Quảng Ngãi

From: tien.dang@wanadoo.fr

*Đặng Tiến nhờ chuyển thư này đến Luân Hoán,
Thành Tôn, Hoàng Lộc*

nội dung:

Gửi Luân Hoán. Lâu lắm không có thư, không biết địa chỉ còn đúng không. Quảng Nam có in một tuyển tập thơ, 1050 trang do cô Ý Nhi biên tập. Huỳnh Như Phương viết tựa nhắc tới các ông, nhưng bị đục bỏ. Vậy báo tin ông và bạn bè biết chơi. Chúc ông vui, sáng tác hay, ăn tết Ất Dậu to. Một năm mới tốt đẹp.

Thân, ĐT

phía dưới là Original Message

From: Huynh Nhu Phuong

to: ĐT

sent: Wednesday, January 19 2005 4:42 PM

subject: Re Quang Ngai

Anh Tiến biết không, trong bài Phương viết cho tập Trăm Năm Thơ Đất Quảng, những chỗ có nhắc tên hoặc trích thơ Luân Hoán, Hoàng Lộc, Thành Tôn...đều bị cắt bỏ. LH có bài Đêm Mưa Về Hội An, còn HL “Được Tin Người Yêu Cũ Tàn Cư Khỏi Hội An” Phương rất thích !

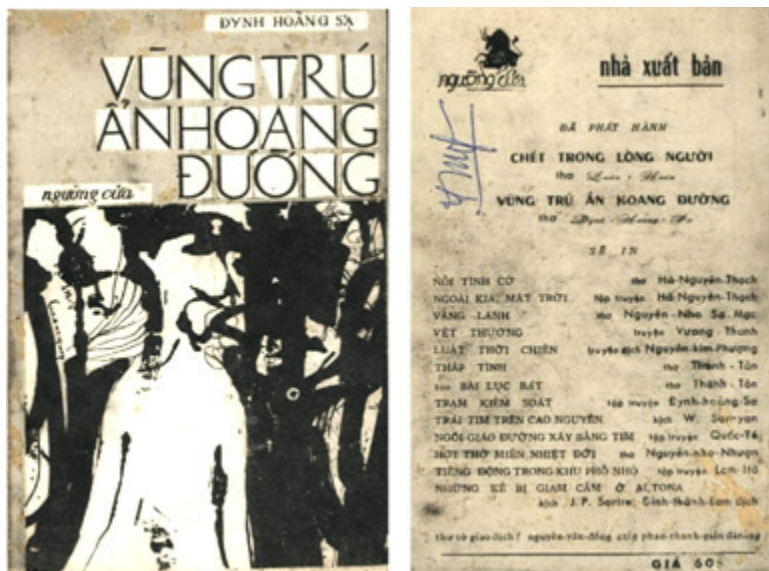
HNP

Ghi chú đồng dài, lạc đề như vậy, để chúng tôi cũng biết buồn hơn năm phút vì không được làm người Quảng Nam. Thật ra cả ba chúng tôi đều là đồng hương của tác giả Mưa Nguồn. Nhưng chưa được hân hạnh quen biết, gặp gỡ nhà thơ chuồn chuồn châu chấu lần nào. Cả ba chúng tôi không có cái may mắn “Đi Vào Cõi Thơ” dù chỉ được “liệt kê một loạt tên bài từ lùm” (câu của Võ Phiến) trong sách của ông Bùi Giáng.

Năm 1968, Tôi hội ngộ cùng Đynh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch tại thành phố Quảng Ngãi. Người bạn làm nghề dạy học của tôi dưới mắt nhìn của nhà văn Nguyễn Văn Quảng Ngãi: *“Đynh Hoàng Sa (Đinh Văn Quý) lúc nào cũng áo quần bánh bao, cũng đường bệ đúng như phong thái của một nhà giáo Trung học...”* Theo tôi, Quý không màu mè về trang phục. Anh lịch sự trong giản dị. Với vóc dáng không được cao lớn, áo quần nghiêm túc, chỉnh tề giúp anh có những nét đạo mạo cần thiết. Trường trung học công lập Trần Quốc Tuấn là nhiệm sở của anh. Ngoài giờ dạy, anh sinh hoạt vui chơi cùng chúng tôi. Xuê xòa, cởi mở, hòa đồng...Quý gần như không làm buồn lòng ai. Khi tôi trở thành người lính Quốc gia, trực tiếp tham chiến trên địa bàn Quảng Ngãi, Đynh Hoàng Sa nghe lời cô học trò Lê Thị Mỹ về ở rể nhà cha mẹ cô. Sau này, khi Lý, vợ tôi, có ý định cư ngụ tại Quảng Ngãi một thời gian, chúng tôi đã thuê chung với vợ chồng Quý Mỹ một căn phòng trong dãy nhà, nằm ngay sau lưng trường trung học Kim Thông, không xa Ty Bưu điện mấy bước. Chúng tôi đều chưa có những tiếng khóc trẻ thơ. Quý Mỹ nắm sát vách trong. Vợ chồng tôi kê giường ngay cửa ra vào. Hai gia đình chưa cùng nhau ở tròn một tháng thì chia tay vì cuộc tổng tấn công tết con khỉ của phương bắc.

Tác phẩm thứ hai của nhà xuất bản tài tử Ngưỡng Cửa phát hành là tập thơ Vùng Trú Ẩn Hoang Đường của Đynh Hoàng Sa. Tập thơ của anh tôi không giữ được bản nào. Gọi hỏi Thành Tôn cũng không có. Điện thư cho em tôi, Lê Hoàng, chạy tìm ở mấy tủ sách gia đình bè bạn cũ còn ở Đà Nẵng. Rất may Châu Văn Tùng còn giữ. Hoàng đánh máy toàn tập chuyển bằng điện thư qua cho tôi, nhưng khi đánh máy, Hoàng không bỏ dấu. Toàn thể tập thơ có 30 bài, đa số ngũ ngôn và thơ tự do. Tựa bài theo thứ tự: Vùng trú ẩn hoang đường, Trong quán khuya, Người đi trong mùa xuân, Nắng mùa xuân đời người, Trên bãi cát thời gian, Khi chiếc bánh xe quay nhanh, Mê lộ, Trong cuộc hành trình, Khi ánh đèn vụt tắt, Đôi mắt từ đất liền, Vén lời sa mù, Niềm tuyệt vọng nhân hai, Bụi ngùi, Với vội, Hương cỏ, Giòng sông nước lũ, Phiêu du, Hãy thấp dùm tôi, Một bóng tình trên cát, Vòng Hoa Tường niệm (tưởng nhớ nhà văn Nhất Linh), Nét buồn, Mâu thuẫn, Cũng may, Nỗi im lên mê hoặc, Bài đính hôn, Trước khúc quanh của bánh cuối cùng, Nhịp tim gõ cửa, Lời ru từ hư vô, Đường bay của loài đóm đêm,

Vòng tay cát bụi. Thơ của Đynh Hoàng Sa, ngoài vài bài lục bát, bảy chữ, đa số viết bằng thể tự do hoặc ngũ ngôn, xoáy sâu trong những suy tư về cuộc sống. Bên dưới đây là bìa tập *Vùng Trú Ân Hoang Đường*, do họa sĩ Đinh Cường thực hiện, cùng một số thơ trong tập, mời các bạn thưởng lãm.



Bài thứ 1 : *Vùng Trú Ân Hoang Đường*.

Bây giờ mùa xuân hay mùa hạ, trên con đường mơ hồ khởi điểm và vùng yên nghỉ, tôi chất vấn tôi cùng những thần linh câm nín như lũ ốc thời gian không cần biết trả lời kinh ngạc chạy khắp miền tâm linh.

Tất cả những cánh cửa tôi gõ vào đều bưng bít niêm bí ẩn như thần chết với cái nhìn tinh quái từ vùng bóng tối không rời con môi, thôi mà cứ lạnh lùng theo bước thời gian, mà cũng hư vô từ khởi điểm, hãy dập tắt những ánh sáng hão huyền đột hiện trên đường về vô tận.

Chỗ ngồi đó từ bao giờ ngự trị hai vì sao huyền hoặc, tinh hoa nhiệm màu trong suốt giòng lịch sử cỏ cây sinh vật loài người, ngự trang ảo ảnh bóng mát ốc đảo vùng trú ẩn hoang đường trên lộ trình cát lửa bao la.

Khoảng trống vắng hiện hình một dấu hỏi lớn dần theo tháng

năm và trở thành ấn tượng khắc sâu vào vách đá của hư vô trường cửu, ánh sáng kỳ-diệu của hai vì sao thần thoại từ khoảng trống long lanh màu dạ quang trong bầu trời dằng - dặc sương mù đêm tuyết.

Ánh sáng lạ lùng vừa ngọt ngào diệu vợi vừa ngơ ngác màu trinh nguyên vừa phảng phất kỳ hương dị thảo có mãnh lực làm hồi sinh những linh hồn hấp hối để dẫn thân vào cuộc lưu đày êm ả rút đấng-cay làm thực phẩm sinh tồn.

Bây giờ mùa thu hay mùa đông, tiếng gọi âm vang tha thiết dội vào vách núi xa xăm im lìm lẫn trốn tan chìm trong giòng nước lũ lao mình ra đại dương mịt-mùng trước niêm bỡ ngỡ của loài cây loài chim nhân chứng vô tình.

Bài thứ 2: Trong Quán Khuya

Một mình trong quán khuya / nâng ly rượu thứ nhất uống mừng em không về / đó là một hạnh phúc/ cho em và cho tôi.

tôi nâng ly thứ hai / uống mừng mình cô độc/ đó là một hạnh phúc / cho loài rêu u hoài.

tôi nâng ly thứ ba/ uống mừng mình tự do/ đó là một hạnh phúc/ cho loài mây giang hồ.

tôi nâng ly thứ tư/ uống mừng mình sẽ chết/ rất một mình một mình/ đó là một hạnh phúc/ rồi tôi gục xuống bàn/ không mừng gì nữa hết/ không buồn gì nữa hết.

Bài thứ 4 : Nắng Xuân Đòi Người

nắng mùa xuân đòi người/ vén màn che cửa sổ/ căn phòng hôn âm thầm/ thay lại một hình cây/ sương không thời gian phủ /

đây ánh sáng dư hương/ trên nền xanh dĩ vãng/ xác chết lịm từ lâu / dù phút giây tái hiện / nét sinh thời ban đầu/ hồ thu còn xao xuyến/ ánh đèn chột thấp lên/ soi tỏ nhà hoang phé/ từng đồ vật bỏ quên/ trong cũi lòng bóng tối / bùng mắt ngủ hồi sinh/ bốn mùa ao nước đục/ một khoảnh khắc trong xanh/ từng viên sỏi kỷ niệm/ chìm chìm xuống lòng ao/ từ bàn tay huệ trắng/ một đêm nào ló dạng/ bay ra trong đáy bùn/ thân cây và xác chết/ sỏi trắng với đèn ma /rúc lên rồi vụt biến/ trong màn sương bao la.(1961)

Bài thứ 6 : Khi Bánh Xe Quay Nhanh

Một cây sậy đứng yên trên mặt đất/ quả địa cầu tự nó quay

quanh và quay quanh mặt trời/ cây sậy tưởng mình muôn đời bất động/ con ruồi bu trên một chiếc tấm/ chiếc tấm nằm giữa bánh xe/ và bánh xe quay tròn quay tròn/ khi nhịp quay chậm chậm/ con ruồi vô ý thức ung dung / nhịp quay càng nhanh hơn / con ruồi sẽ chóng mặt/ nếu buông tay/ cánh sẽ gãy chân sẽ què thân sẽ nát/ chúng ta ngồi trên những chiếc tấm/ trong bánh xe gán xiếc vô hình/ chúng ta nói cười tranh dành yêu ghét/ trong đường vòng của bánh xe quay tít/ dưới ảnh hưởng cùng một sức ly tâm/ ai vấp vũng trốn thoát/ như con ruồi vấp vũng trong lưới nhện/ sẽ bị coi là những kẻ điên khùng/ hồn sẽ đầy vết thương/ và trọn đời mục rã ăn năn.

Bài thứ 8: Trong Cuộc Hành Trình

Trong cuộc hành trình của kiếp người/ Tôi làm rơi tuổi trẻ/ Xuống giòng sông đỏ phù sa của thời gian/ Cuồn cuộn chảy vào đại dương hư vô/ Làm sao tìm lại được/ Viên ngọc thanh xuân bằng giọt lệ/ Trong giòng sông đục ngầu tuôn chảy mãi/ Trong cuộc hành trình gian khổ ấy/ Tôi làm rớt tình yêu/ Xuống giòng nước đỏ phù sa của thời gian/ Cuồn cuộn chảy vào đại dương hư vô/ Làm sao tìm lại được/ Viên ngọc tình yêu bằng giọt lệ/ Trong giòng sông đục ngầu tuôn chảy mãi/ Trong cuộc hành trình cô độc ấy/ Tôi làm rớt nguồn vui/ Xuống giòng sông đỏ phù sa của thời gian/ Cuồn cuộn chảy vào đại dương hư vô/ Làm sao tìm lại được/ Viên ngọc nguồn vui bằng giọt lệ/ Trong giòng sông đục ngầu tuôn chảy mãi/ Trong cuộc hành trình vô hạn ấy/ Tôi làm rớt niềm tin/ Xuống giòng nước đỏ phù sa của thời gian/ Cuồn cuộn chảy vào đại dương hư vô/ Làm sao tìm lại được/ Viên ngọc niềm tin bằng giọt lệ/ Trong giòng sông đục ngầu tuôn chảy mãi/ Trong cuộc hành trình vô hạn ấy/ Cuối cùng tôi làm rớt cả đời tôi/ Xuống giòng nước đỏ phù sa của thời gian/ Cuồn cuộn chảy vào đại dương hư vô/ Làm sao tìm lại được/ Viên sỏi long lanh nhỏ bé/ Trong giòng sông đục ngầu tuôn chảy mãi.

Bài thứ 15: Hương Cỏ

Trong tâm tôi nẻo đường hăm khúc khuỷu / Dẫn loanh quanh vào vực thẳm hư vô/ Đã linh cảm mơ hồ sương lạnh lẽo/ Con u tu hoa phù thế băng quơ / Mắt giun để mượn âm thầm nhắm lại/ Đưa bàn tay cúi múc xám xanh này/ Mặc chúa tế loài côn

trùng hư hoại / Dẫn vào phiên đoán xử một trò chơi / Nổi ghê tởm
như một loài họa phẩm / Làn hương thơm hoen ố vị tanh hôi / Tóc
xanh thâm bỗng thấy mùi mốc ẩm / Nụ hoa đầu úng héo giữa cành
tươi / Còn một chút ngọt ngào trong đáy cốc / Đem nhúng vào
ao nước đục bùn nâu / Cho trọn vẹn một cánh bèo cô độc / Ném
vào thêm bi đát cả mai sau / Nhưng khôn nổi chút gì vô nghĩa đó
/ Chẳng hiền ngoan thân phận của loài rêu / Cũng xao xuyến vì một
mùi hương cỏ / Lòng biển sâu cuộn cuộn sóng dâng triều / Dù con
lốc của ma quyền sắp dậy / Xin hãy cho nguồn rung cảm lưu đầy
/ Được thổn thức no nê và run rẩy / Thú đau thương vắng mặt đã
lâu ngày / Còn một chút máu hồng trong huyết quản
Cũng nguyện xin tô điểm ánh sao này

Bài thứ 21 : **Nét Buồn**

Trên mặt hồ hiện tại / Làn nước im lìm xanh bóng mây / Giác
ngủ khá bình yên / Tàn cây khê thờ dài / Từng đợt sóng con lùa gọn
nhẹ / Và nhạc buồn dĩ vãng dắt tay qua / Một buổi mai không tên /
Vài giọng chữ bỏ quên tìm thấy / Tiếng gió buồn lao xao / Qua bãi
lau hoang vắng tâm hồn / Và nét buồn thoang thoảng / Như một
làn hương xa

Bài thứ 23 : **Cũng May**

Cũng may giọng nước trôi đi / Ngàn sau còn luyến lưu gì bờ
đâu

Cũng may thời khắc thay màu / Ngẩn ngơ tiếc nuối loài sâu
cuộc đời / Cũng may xuân mộng qua rồi / Nhưng mùa trắng lạnh
bụi ngùi ngóng trông / Cũng may tàn úa ngàn bông / Trần gian
ngậm thoảng trong lòng sắc hương / Cũng may chim đã lên đường
/ Rừng thu hình ảnh còn vương bóng chiều / Cũng may còn cũng
mấy nhiều / Vỡ tan khắc khoải niềm yêu hận sâu / Đấng cay đớn
hận về sau / Ráng mà thực tế xô nhào lều thơ

Bài thứ 25: **Bài Đính Hôn**

Giã từ con nước bình yên / Vui thân kiêu hãnh thanh niên miệt
mài / Xo ro thân ngựa lạc loài / Lui miềm thạch động u hoài lãng du
/ Hoang mang từng bước trong mù / Bến lau hiu quạnh vì vu điệu
buồn / Với sáu mây khói chập chùng / Còn mong viễn tưởng xanh
nguồn yên vui / Vượt biên cương cũng bụi ngùi / Tìm khe suối ngọt

*hãy vui thương đau / Nhân du thôi vẫy tay chào / Vòng giây trời
buộc trước sau một lần/ Té vui thực phẩm đường trần / Đến phiên
đành nhận khẩu phần người ngoại*

(Đỳnh hoàng Sa)

Sau khi nhận món quà Tết từ miền bắc gửi vào mừng năm Mậu Thân, đời sống “nhân dân ruột thịt miền nam” có phần khốn đốn. Một số dân chúng phải lo ma chay cho những người bị chôn sống tập thể, hoặc bỏ mạng vì tiếng “pháo”, một số khác phải tham gia tích cực hơn trong công việc bảo vệ hai chữ tự do. Thành phần giáo chức, những người lâu nay vì tình trạng sức khoẻ yếu được miễn dịch, bây giờ đã đến lúc phải thi hành nghĩa vụ. Đỳnh Hoàng Sa, với thân thể 37 kg theo học khóa 1/68 sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Ở giai đoạn đầu, cơ bản quân sự, anh được thụ huấn tại quân trường Quang Trung rồi chuyển đến Thủ Đức tiếp tục học chỉ huy cho đến tháng 9 năm 1968 ra trường. Nhắc đến việc tòng quân, Đỳnh Hoàng Sa viết:

*... “một điều thật khó tin / là cuối cùng mày cũng vào quân
ngũ / một điều càng khó tin / là cuối cùng tao cũng vào quân ngũ
/ cho đến bây giờ mày cũng như tao / thật tình không hiểu / mình
đã làm hay cuộc chiến đã làm / khi dùng những thằng làm thơ gầy
yếu / một thằng như mày nháy-mũi kinh niên / sợ mặt trời ngại cả
phố đông / một thằng như tao hen suyễn kinh niên / sợ mùa đông
ngại cả hơi sương / mỗi thằng chưa quá bốn mươi ký...”*

(NHCBCT_trang 124)

Tôi không còn nhớ Đỳnh Hoàng Sa được phục vụ trong KBC (khu bưu chính) nào. Hình như tôi chưa tận mắt trông thấy anh mặc quân phục. Anh làm “người hùng” không bao lâu thì tôi được trả về nguyên quán nằm viện. Không rõ Đỳnh Hoàng Sa ăn cơm nhà binh Việt Nam Cộng Hòa được mấy tháng trước khi anh chuyển gia đình vào Sài gòn, sống với nghiệp báo. Trong suốt giai đoạn này chúng tôi không liên lạc với nhau. Nhưng qua tin bạn bè tôi biết anh có đời sống kinh tế khả quan hơn. Những người đi chân chữ bát, thường thường trong đời sẽ có một đoạn sung túc, giàu có. Mừng cho anh và cũng hơi buồn vì mất liên lạc, tôi nhắn anh mấy câu trên tạp chí Văn Học của anh Phan Kim Thịnh qua một bài viết cho nhiều người: “*Bổn nhớ Đỳnh Hoàng Sa thường*

nói / ho hen nhiều lúc thế mà vui / ba mươi bảy ký còn đi lính / vẫn sống nhăn răng thế mới cừ ! / giờ thì bạn đã đi làm báo / ở thủ đô rồi, thế mới tươi / giờ thì bạn đã quên bè bạn / (bạn bè như thế đám đười ươi) ” / .

Qua báo chí, tôi biết Đynch Hoàng Sa đang chú tâm về chuyên ngữ truyện ngoại quốc. Thơ anh ít thấy xuất hiện trên các tạp chí vào giai đoạn này.

Năm 1984, tôi gặp lại Đynch Hoàng Sa tại Sài Gòn. Anh có dẫn tôi về tư gia của anh, số 116 nằm ngay mặt tiền đường Phú Thọ, thuộc quận 11. Đây là ngôi nhà đúc, ba tầng, kiên cố và bề thế. Chị Mỹ vẫn cười mở, bình dị như xưa. Tôi không dám khen vợ của bạn đẹp, nhưng quả thật, chị Mỹ rất xứng đáng nhận lời khen này của nhiều người. Anh chị có được ba cháu. Hai cháu trai, anh đã lo cho chúng đến được Hoa Kỳ. Đây là niềm sung sướng nhất của Quý. Trong thời kỳ một số lớn dân chúng phải ăn bo bo thay cơm, Quý tạo được nhà, đóng vàng cho con vượt biên không phải là chuyện đơn giản. Nguyên nhân đưa đến sự sung túc, được anh khoe với một người bạn của thời quân trường. Người bạn đó, anh Ng, Phương Tuấn đã có dịp cho chúng ta biết những gì Đynch Hoàng Sa đã làm:

... *“Quý vừa khề khà hớp rượu vừa kể chuyện của anh từ sau tháng 4-75. Chuyện chính do đâu anh có tiền mua nhà cửa ngon lành như thế. Thoạt Cộng Sản mới chiếm Sài gòn, thành phố nhanh chóng xuống dốc, dân chúng không đủ gạo ăn, phải ăn hạt bo bo, hoặc mì sợi được bóp vụn nấu chung với gạo thành cơm trộn mì. Thời gian này, Việt Nam được một số nước Âu châu gửi bột mì qua cứu đói. Gửi nhiều. Và nảy sinh ra nghề mới toanh: buôn bột mì. Không biết Quý mần mò thế nào biết được nghề này, biết chỗ bán bột mì do các viên chức Cộng sản có quyền hành chặn hót bán ra ngoài phần lớn số bột viện trợ. Quý mua bột mì từ gốc đó, chở vào Chợ Lớn, bán lại cho thương gia người Hoa kiếm được một số vàng quan trọng. Thực không ngờ, nhưng quả đúng như vậy, vì tôi biết một số anh em trẻ khác cũng lanh lẹ kiếm được nhiều vàng trong hơn cả năm rộ lên vụ bột mì này”*

Anh Ng. Phương Tuấn ghi lại tỉ mỉ hơn:

“Quý đạp xe đạp chở bột, về sau mua chiếc Honda dame,

dùng Honda chở bột. Quý kể:

- “Moa ham quá, moa khiêng từng bao bột nặng, hi hà hi hục chạy xe phải né tránh bọn công an trên đường phố khỏi bị chặn xét, tịch thu, có khi vào tù. Moa khiêng bột mệt lử người, bây giờ bệnh đau lưng đây. Moa lấy bột, giao bột, hết chuyến này tới chuyến kia, có khi đến 12 giờ khuya, vì càng khuya càng đỡ bị công an chặn xét. Moa phờ rầu ra, nhưng kiếm được tiền, ngày nào cũng mua vô năm phân hoặc cả chỉ”

“Lao động là vinh quang” quả đúng thật. Sau những ngày vất lộn với bột mì, Quý trở lại nghề dạy học. Anh Ng. Phương Tuấn cho biết tin này và không quên kể rành mạch:

... “Quý xin đi dạy Anh văn cho trường nhà nước, cốt lấy cái tiếng cho công an địa phương khỏi làm khó dễ, chứ lương dạy học lãnh ra chỉ đủ ăn tiêu vài ngày. Lợi tức thêm vào giúp gia đình Quý sống thong thả là nhờ số vàng còn cất dành được, dùng làm vốn mua qua bán lại một số mặt hàng đa dụng như vải vóc, quần áo, thuốc men... Chính vợ tôi mỗi khi lãnh từng thùng đồ từ Mỹ gửi về vẫn đưa phần lớn cho vợ Quý tiêu thụ. Xem ra cả hai đều có lợi. Một bên không bị mua hàng với giá rẻ, một bên thu được hàng, bán lấy lời”

Cuộc sống vật chất của Đynch Hoàng Sa sau 1975 đại khái như trên, còn tinh thần của anh ra sao. Ng. Phương Tuấn viết tiếp:

... “Những năm 1982, 1983, Quý và tôi đều quá rảnh. Cứ chiều chiều, vài anh em tụ tập tại nhà Quý, trên tầng lầu ba. Thằng đem tới vài khúc cá khô, thằng thủ theo một gói phá lẩu, thằng đùm một bọc lòng heo luộc. Rượu để tốt thì bao giờ đàn anh Quý cũng sẵn có. Vậy là rí rả nhậu. Nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Nhắc lại chuyện văn thơ ngày trước. Điểm những cuốn sách đọc được đang bán. Phân tích nhận định về chính sách Cộng Sản, sự thật về Cộng Sản, những vụ bắt bớ giam cầm, cảnh khốn khổ trong các trại giam. Ngồi nhậu ở nhà, trên lầu ba, xa khuất kín đáo, nói chuyện dễ dàng, an toàn hơn ngồi quán.

Trên lầu ba ngôi nhà Đynch Hoàng Sa, từng khoảnh khắc, chúng tôi cũng tạm quên đi nhiều phiền muộn trong cảnh sống tù túng eo hẹp. Ngoài ra, tới nhà Quý thì sách vở nhiều vô kể. Quý chịu khó lùng mua được nhiều sách hay, sưu tầm được nhiều

bài thơ nổi tiếng trước năm 1975 ở miền Nam. Bạn bè mượn đọc thông thả. Về sau khi hãng bia Sài Gòn sản xuất ra bia hơi, với số lượng lớn, chúng tôi không tới nhà Quý uống đế, mà đi tìm uống bia hơi loanh quanh vùng Sài Gòn. Chỗ nào có bia hơi là chúng tôi mò tới, kêu vài lít ra uống. Có khi Quý nói : Chuyện tụi mình đi uống bia hơi có thể viết thành một thiên ký sự dài dòng, nhiều chi tiết rất hay.

Gần như không chiều nào là Quý và tôi không đi uống bia. Lại có anh Thành Tôn nhập bọn nữa mới càng thêm hứng khởi. Thành Tôn là một anh bạn rất tốt. Làm việc ở Chợ Lớn, anh khám phá ra một nơi bán phá lẩu tuyệt cú mèo. Phá lẩu anh Thành Tôn mua thuộc loại ngon không nơi nào bằng. Bây giờ ăn phá lẩu dọc khu Bolsa thấy thua xa phá lẩu Sài Gòn, ăn tạm vậy thôi.

Đỳnh Hoàng Sa, Thành Tôn và tôi trải qua nhiều buổi chiều họp mặt cùng nhau mà nay ôn lại tôi cứ thấy xúc động đầy hoài nhớ vương vất. Những chiều Sài Gòn có bão rớt, dầm nước, gió lạnh, những chiều cuối năm cận Tết, trong quán nhậu bình dân, chúng tôi mỗi người một cốc bia lạnh lẽ ngó loanh quanh lơ đãng. Nhìn gần trên trên hè phố quang cảnh buôn bán , người qua kẻ lại xuôi ngược, tiếng kêu gọi bàn cãi vang vang góc này, góc kia vội vã cuối năm buổi chợ chiều...Nhưng chỉ ngẩng lên, phóng tia mắt qua hàng cây, trong không trung vụt thấy ra một cảnh khác, có nổi gì im vắng tịch mịch tỏa rộng, lênh láng mới u uất trong lòng, không cảm được, hoàn toàn buông thả cùng với những ngum bia trôi qua cổ họng, hết ly này tới ly kia. Cả một lúc lâu như thế, không có lời nào giữa chúng tôi. Một hôm Quý xoay xoay cái ly, chợt đọc lên:

Bỏ gối ta ngồi soi ngắm rượu

Giật mình xao động bóng thiên thu (thơ Đỳnh Hoàng Sa)

(trích Đề Nhớ Đỳnh Hoàng Sa của Nguyễn Phương Tuấn
đặc san Quảng Đà Xuân Canh Thìn 2000, Hoa Kỳ)

Bài của anh Tuấn không dài lắm, vừa đủ vẽ ra một hoạt cảnh có thật. Nói lên những tâm sự chân thành. Tôi đã cố tình trích dẫn gần nửa bài viết của anh. Một sự ăn gian số trang cho bài viết của mình, không chối cãi được. Dĩ nhiên tôi có thể dựa vào nguồn tin của anh Tuấn, để viết lại. Nhưng tôi đã không làm vì muốn có thêm một tiếng nói trung trực về người bạn của mình trong một

đoạn đời buồn nhiều hơn vui.

Khi gặp lại Đynh Hoàng Sa tại Sài Gòn, tôi thấy anh có phần trẻ ra. Nhưng cái bệnh chửi đời, mạt sát chế độ của anh không thuyên giảm phần nào. Anh bàn nhiều đến chuyện ra đi. Và tin tưởng anh cũng sẽ có ngày ung dung ngồi trên phi cơ bay ra ngoại quốc. Anh hoàn toàn có lý do để hy vọng. Hai con trai anh đang ở Mỹ. Anh nhờ tôi cố gắng liên lạc với các cháu sau khi qua đến Canada. Tôi đã thực hiện đầy đủ những gì anh yêu cầu. Địa chỉ của hai con anh ngày nay tôi vẫn còn giữ, Đính Hoàng Huy 14428 SE Tipaz Milwackia OR 97222 USA. Rất tiếc sau vài ba lần liên lạc, các cháu đổi chỗ ở và không cho tôi địa chỉ mới.

Những ngày ít ỏi ở Sài Gòn, tôi có cho Quý đọc một số bài trong tập Hơi Thở Việt Nam của tôi, anh rất thích. Nhưng không cho tôi đọc bài nào của anh. Khi tôi lên đường anh cũng không gởi gì theo vì sợ làm trục trặc chuyến đi của tôi. Thứ ba, ngày 19 tháng 3 năm 1985, tôi viết cho Quý, cùng lúc gởi thư cho Châu Văn Tùng, Hoàng Trọng Bân, Thành Tôn. Tôi ghi rõ điều này trong cuốn agenda nhỏ. Tôi không nhận được thư của Quý. Cho đến khi được tin anh bất ngờ qua đời năm 1990, không đợi kịp ngày “ung dung ngồi phi cơ”. Vợ anh, chị Lê Thị Mỹ đã đoàn tụ được với các cháu. Năm 2004 chị bất ngờ gọi thăm Lý, vợ tôi. Sau đó chị đổi địa chỉ. Gần đây anh Thành Tôn cho biết chị đang định cư tại quận Cam nhưng chưa có số điện thoại ổn định. Qua Thành Tôn, tôi rất vui khi biết hai con trai lớn của Quý đã thành đạt. Người con út còn biết nũng nịu bên mẹ.

Tôi vô cùng xót xa khi đọc được bài thơ Đynh Hoàng Sa viết tặng tiền tôi lên đường, qua công bố của Ng. Phương Tuấn. Bài thơ tha thiết ân tình đó, xin được trang trọng chia sẻ cùng bạn đọc:

Tổng Tiễn

gửi Luân Hoán

*Dù sẽ vượt đèo hay qua sông / trước sau cũng một chuyến đau
lòng / mười năm há chữa sâu trùng mắt / chờ đến bao giờ lắng
đục trong ? /*

*dù sẽ đi tàu hay đi xe / bản khoảnh gì nữa chuyện bên lề / bao
đêm gác tối ngồi thao thức /những dấu than như ác mộng đè
dù sẽ đi thuyền hay phi cơ / luyến lưu gì một góc vườn xo/*

*đầy cần, gió chướng, cành khô nhựa / tàn lụi hồn, thân, mộng
với thơ*

*dù đi bằng ngựa hay xe bò / quãng phút lòng tre sáo líu lo/ sá
chi nổi nhớ treo đầu gió /bương bả rừng hoa nở tự do*

*dù đi đường bộ hay đường mòn /hãy sớm lia xa cảnh héo hon /
đâu biết thiên đường đâu dễ có / còn hơn đứng cổ ngậm bồ hòn*

*dù đi ban ngày hay giữa đêm / kẻ sống cần hy vọng trước tiên /
đừng ray rứt mô cha má mẹ / chắc chi người chết được nằm yên*

*dù đủ hai chân hay một chân / khua tràn nhịp gõ hóa phân
vân / ngán gì chuyện thiếu bàn chân trái / còn óc, còn tay, còn
tâm can*

*như ta nguyên vẹn cả chân tay /ngoi ngóp không ra khỏi vũng
lầy / giá được như người vù khuất nẻo /cũng cam thân phận kẻ
lưu đầy*

*tổng tiền mà sao cùng lặng câm / mỗi người riêng nổi xuyên
xao thâm ? / người nhìn vớ vẩn lòng nan hep / ta ngắm chim bay
túi cát lằm*

*lẽ ra cùng cạn chén ly bôi / theo cách người xưa cũng vẽ vờ
/nhưng tiếc rằng người không mạnh rượu / thì thôi lòng cũng ngắt
ngư rồi*

(Đỳnh Hoàng Sa).

Một phần tâm sự bạn tôi được bày tỏ. Tôi không lý giải chỉ xin lặp lại một số câu cho nổi ngậm ngùi thấm thía hơn.: *dù đủ hai chân hay một chân / khua tràn nhịp gõ hóa phân vân/ ngán gì chuyện thiếu bàn chân trái / còn óc, còn tay, còn tâm can / như ta nguyên vẹn cả chân tay / ngoi ngóp không ra khỏi vũng lầy / giá được như người vù khuất nẻo/ cũng cam thân phận kẻ lưu đầy / tổng tiền mà sao cùng lặng câm / mỗi người riêng nổi xuyên xao thâm ?/ người nhìn vớ vẩn lòng nan hep/ ta ngắm chim bay túi cát lằm...*

Thật sự trong cái nhìn vớ vẩn của tôi đã tràn đầy ảm ứot.. Quý hẳn biết chắc điều đó. Tôi cũng đọc được ánh mắt của anh, của nhiều người khác nữa trong buổi tổng tiền chúng tôi lên đường. Chung chung là một nỗi buồn bao la cho mỗi chúng ta, những người không phải “sinh làm thế kỷ” mà bất lực không làm cho thời đại mình trong sáng, xinh đẹp hơn. Anh Ng. Phương Tuấn còn công bố thêm vài bài thơ khác của Đỳnh Hoàng Sa, như bài

Phuong Thảo, bài Mai Mốt Đùng Quên, chứng minh giai đoạn sau 1985 tại quê nhà, Đynh Hoàng Sa viết được khá nhiều. Tài sản quý giá ấy, không biết chị Mỹ có gìn giữ không? Chẳng phải tham lam nhưng tôi vẫn trích thêm bài Mai Mốt Đùng Quên:

*“mùng em vừa tấp đảo hoang sơ / cọng cỏ trùng khơi sóng
đầy đưa / mai mốt chim bay về đất hứa / đừng quên thuyền rệu
bãi lau thưa*

*mùng em vừa cập bến bình an / thoát tay hải tặc với sài lang /
mai mốt khi em vào đất mới / nhớ chiêu hồn bao kẻ chết oan*

*mai mốt em về Washington/ Paris, Melbourne hay London/
những thủ đô tung bừng ánh sáng/ cũng đừng quên phố cũ Sài
Gòn*

*mai mốt bơi thuyền trên sông Seine/ vượt Hudson hay xuôi
dòng Thames/ hãy nhớ về sông ngòi đất tổ/ nào Cửu Long, sông
Nhị, sông Tiền*

*mai mốt em trèo Everest/ Phú sĩ sơn hay đỉnh Mont Blanc/
cũng đừng quên núi rừng quê mẹ/ dãy Trường Sơn cùng ngọn
Thất Sơn*

*mai mốt chơi trên hồ Leman/ hồ Torrents hay Michigan / em
hãy nhớ tên hồ Than Thở/ và đừng quên lịch sử Hồ Gươm*

*mai mốt em từ cảng Marseilles/ San Francisco hay Sydney/
những bến cảng tân kỳ rộn rịp/ xin đừng quên bến Nghé đọa đày*

*mai mốt cùng ai đi tắm biển/ Darwin, Long Beach, Saint Tro-
pez / đừng quên dọc bến tàu Long Hải/ xác người vượt biển đã
trôi về*

*mai mốt từ phi trường Bangkok/ Berlin, Seattle, Orly/ em hãy
nhớ về Tân Sơn Nhất/ một thời tấp nập cảnh chia ly*

*mai mốt xem kỳ quan choáng ngợp/ nhà chọc trời, lăng tháp
lừng danh/ em hãy nhớ lều tranh vách đất/ vẫn âm thầm bên lũy
tre xanh*

*mai mốt nhiều phen em sẽ nếm/ món ngon vật lạ bốn phương
trời/ em hãy nhớ từng hương vị cũ/ cái nem, tô phở, ngọn rau
mùi*

*mai mốt xem kỳ hoa dị thảo/ hẳn trong tiềm thức ngát hương
xưa/ hoa ngâu hoa bưởi đầy tình khiết/ cùng vị sầu riêng vốn đậm
đà*

*mai mốt lâu thông bao thứ tiếng/ Pháp, Anh, Ý, Đức... của quê
người/ em nhớ trau dồi thêm tiếng mẹ/ từng ru em ngủ thuở nằm*

nói

*mai một tha hồ em thán phục/ rùng vãn tuyệt tác của năm
châu/ em chớ quên nguồn văn hóa Việt/ ngọt ngào cổ tích, đẹp ca
dao*

*mai một quen tai hòa tấu khúc/ nhạc Jazz, nhạc Rock, nhạc
Disco/ đừng quên tình điệu hò dân tộc/ đàn nguyệt, đàn tranh với
nhị hồ*

*mai một kinh qua nhiều lễ hội/ vui tai lạ mắt của phương xa/
em quên sao được ba ngày Tết/ mặn mòi truyền thống của ông
cha*

*mai một em lưu lạc xứ người/ bao màu da sắc tộc nơi nơi/ xin
em hãy nhớ về quê Việt/ nhiều thương đau và lắm nỗi trôi*

*mai một từ đâu trên trái đất/ tìm em hãy hướng về quê hương/
mai một vui vầy nơi đất khách/ đừng quên một góc Thái Bình
Dương !”*

Dynh Hoàng Sa



*Dynh Hoàng Sa, Nguyễn Nho Sa Mạc, Luân Hoán, Hà Nguyên Thạch
(sau Nguyễn Nho sa Mạc)*

Quý ơi, bạn nhắc gởi cô học trò Phương Thảo thân thương của bạn, một loại “*cỏ thơm thổi ngát phương này*” (ĐHS), vì “*vật hóa thân thành cánh vạc bay*”...(ĐHS), nhưng tôi nghe ra bạn nhắc gởi đến tôi, đến chúng tôi. Những lưu dân xa xứ. Chân

thành tạ ơn bạn. Chúng tôi chưa quên và chẳng bao giờ dám quên những hình ảnh gợi nhớ trong bài thơ thiết tha chân tình của bạn. Đúng hai mươi một năm rồi chúng ta không nhìn thấy nhau. Nhớ ứa nước mắt. Tôi giờ album nhìn sững tấm ảnh có tôi, có bạn, có Hà Nguyên Thạch, có Nguyễn Nho Sa Mạc. Tấm ảnh chụp ở hiệu Lê Hậu vào tháng 8 năm 1963. Đã 43 năm, tôi còn giữ nguyên vẹn, không ó nỡ một vết nào. Nhìn mặt chúng ta non dại, thật dễ thương. Bạn và Sa Mạc đã ra đi, Tôi và Đồng mỗi đứa một nơi, 21 năm không liên lạc. Sự hờ hững này phần lỗi về tôi, thiếu nhiệt tình tìm kiếm. Nhưng nay mai tôi hy vọng sẽ tìm được số điện thoại của Đồng, gọi để nghe nó chửi vài câu cho đủ sống lại những ngày xưa. Còn bạn, bạn bỏ đi đâu vậy ? Tôi còn nhớ bạn thường nói, đại khái: Thơ là một vùng trú ẩn. Một vùng trú ẩn hoang đường của thần tiên. Khi đuối lòng sẽ vào đó nghỉ ngơi, thay nhiên liệu. Vậy mà bạn bất ngờ ra đi, bỏ cái vùng trú ẩn thần tiên lại cho ai ? Giờ tôi biết tìm bạn nơi đâu ? Câu hỏi rất cải lương mà thật tình. Kỹ thuật viễn thông ngày một tiến bộ, có giúp chúng ta thêm đôi lần đầu láo ? Âm Dương đâu có bao xa. Dù sao bạn cũng nên ghi sẵn số phone của tôi. Đây nhé, gọi đến nhà: 514-525-6409, gọi qua di động: 514-588-6409. Khuya nay, nếu thuận tiện, bạn gọi tôi. Bây giờ, tôi sẽ làm ngay mấy câu thơ, chờ gặp nhau tôi sẽ đọc cho bạn nghe, như ngày bạn ghé 22 Lê Lợi Sài Gòn năm nào. Tình thân. 06 Avril 2006.

Ghi thêm:

Chân thành cảm ơn anh Ng. Phương Tuấn. Xin lỗi anh mang họ Nguyễn hay họ Ngô ? Chẳng lẽ là họ Ngụy, họ chung của chúng ta, sau 1975. Chúc anh vui vẻ. LH.



Bạn xưa ảnh mới



Châu Văn Tùng, Đặng Văn Hải, Nguyễn Văn Xuân
Phan Quảng, Đỗ Thị Hoa, Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Hữu Núi (Lam Hồ), Châu Văn Tường, Nguyễn Phú Dũng

Nguyễn Đông Ngạc, ngọn pipe chọt tắt trên môi

Nguyễn Đông Ngạc có lẽ là người bạn văn thứ ba tôi được gặp sau khi đến cư ngụ tại thành phố Montréal. Diễn tiến gặp gỡ và quen thân của chúng tôi không có gì đặc biệt và phong phú, nhưng tôi khó có thể quên đi cái tật dài dòng.

Ngày 31 tháng 01 năm 1985, gia đình chúng tôi có mặt tại Montréal. Mười tám ngày sau, hội chợ Tết Giáp Tý của người Việt được tổ chức tại Complexe Desjardins. Mặc dù rất háo hức, chúng tôi vẫn chưa dám đến xem. Một năm lạng quạng đi qua, Cộng đồng người Việt lại tổ chức lễ mừng xuân mới. Sinh hoạt này trở thành tập tục của người Việt khắp nơi, bên ngoài tổ quốc. Riêng tại Montréal được thực hiện từ năm 1978 đến nay và vẫn còn tiếp tục. Lễ hội đón xuân là một ngày qui tụ đông đảo nhất của những người cùng ngôn ngữ, gặp nhau để nói, để nghe tiếng mẹ đẻ thỏa thích. Lễ hội được tổ chức rất qui mô, trang trọng. Năm 1986, Tết con trâu, tuy còn khá nhiều ngại ngùng, chúng tôi cũng đã có mặt trong đám người vui xuân. Vị trí hành lễ vẫn được chọn ở Complexe Desjardins. Đây là một địa điểm rất thích hợp cho chúng tôi, cũng như nhiều gia đình khác, vì chỉ cần ngồi an toàn trong xe điện ngầm là đến nơi.

Complexe Desjardins nằm trong hệ thống phố ngầm Place des Arts, được khởi công xây dựng từ năm 1954, dưới thời thị trưởng Jean Drapeau. Đây là một trong những điểm chính của trung tâm thành phố Montréal, có khoảng 110 cửa hiệu, quán ăn, những trung tâm rộng lớn trình diễn nghệ thuật, rạp chiếu phim, phòng triển lãm...không ngừng phát triển cho đến năm 1994, qui tụ hàng ngàn du khách thăm viếng, dạo chơi đều đặn mỗi ngày. Complexe Desjardins có mặt tiền nằm trên đường Sainte Catherine Ouest, mang số 150. Sân khấu lễ hội đón xuân của người Việt nằm trong lòng cao ốc, phần dưới mặt đất, nối liền với đường dẫn đến trạm métro Place des Arts, nên không sợ lạnh, sợ lạc.

Trong mười hai tháng vừa qua, chúng tôi đã có đôi ba lần đến



nơi đây, nhưng vẫn bỡ ngỡ, và tưởng chừng như khóp trước sự hiện diện đông đảo của người Việt mình. Ai ai cũng tươi vui trong các bộ quần áo lộng lẫy, ngoại trừ chúng tôi vẫn giản dị nếu không muốn nhìn nhận là lạc hậu. Lần đầu tiên sau 11 năm, tôi mới có dịp nhìn thấy nhiều tà áo dài đủ màu sắc cùng một lúc. Cảm động và vui mừng làm chúng tôi run chân. Không đến nỗi rón ra rón rén, nhưng thú thật chúng tôi đã di chuyển rất thận trọng. Khi đã chiếm được chỗ đứng trên lầu một, thuận tiện cho tầm nhìn bao quát từ sân khấu đến các gian hàng quần áo chung quanh, chúng tôi giữ miết vị trí đó cho đến tàn cuộc.

Buổi lễ rất trang trọng. Đi từ việc chào cờ Canada, Việt Nam Cộng Hòa, truy điệu những người bỏ mình vì tự do, đến lễ dâng hương quốc tổ Hùng Vương, qua các màn đọc diễn văn, phát biểu ý kiến của các quan chức đại diện thành phố Montréal, tỉnh bang Québec cùng các vị trong các hội đoàn của cộng đồng người Việt, rồi đến các màn biểu diễn văn nghệ. Phần này khá phong phú có cả cỗ nhạc, thoại kịch, hoạt cảnh, ảo thuật, vũ dân tộc, vũ hương xa do các nhóm chủng tộc khác góp vui... Tân nhạc là dồi dào nhất.

Sau biểu diễn của ca sĩ Đoàn Chính, con trai nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, một hồi chánh viên trước 1975 (cùng ca sĩ Bùi Thiện), tôi nghe giới thiệu một giọng ca nữ. Người giới thiệu, ngoài việc xưng tên ca sĩ còn thông thêm câu: “*phu nhân của nhà văn Nguyễn Đông Ngạc*”. Trong lúc còn cảm thấy lạc lõng giữa đám đông bào lộng lẫy, xa lạ, câu thông không mấy hữu duyên này, chợt cho tôi một chỗ vịn. Tôi mừng thầm, ít ra là vậy, tôi đã có một người quen, dù chỉ quen với cái tên gọi. Những trang tạp chí Thái Độ, và tuyển tập Văn Nghệ Xám... ngày nào như đang mở ra trước mặt tôi. Thế Uyên, Nguyễn Đông Ngạc, Thái Luân hay nhiều người khác đã từng góp bài trong hai tạp chí, tuyển tập này, tôi đều chưa được gặp mặt, nhưng cảm nhận rất thân thiết. Tên Nguyễn Đông Ngạc được đọc lên không hẳn để bảo đảm giá trị của một giọng hát, bởi nguồn âm thanh từ cặp môi và trái tim của người nữ ca sĩ rất âm áp, điêu luyện. Tôi hân hoan nghe lại ca khúc Áo Lụa Vàng của người bạn cũ, anh Phạm Thế Mỹ. Tôi cũng thầm cảm ơn chị Nguyễn Đông Ngạc đã thấp lại niềm vui trong lòng tôi. Nhưng tôi không đi tìm ông bà để làm quen. Đêm đó, tôi nằm mở mắt và mơ nhiều giấc mơ nho nhỏ, rất đẹp. Cái tên Nguyễn

Đông Ngạc qua vài tuần sau mắt hẳn trong trí nhớ tôi, cho đến cái đêm tôi được anh chị Đỗ Quý Toàn mời tham dự một sinh hoạt tại nhà riêng.



Đêm hôm đó, tôi có dịp gọi đến các bạn, đa số mới gặp lần đầu, Hoi Thơ Việt Nam. Thi phẩm mỏng mảnh này chỉ vừa tròn một trăm trang, bìa của Nghiêu Đề, được nhà văn Tường Năng Tiến và nhà thơ Thái Tú Hạp hình thành từ Hoa Kỳ vừa gởi sang. Có thể xem đây là buổi ra mắt sách ngộ nghĩnh và ấm áp nhất. Không có việc giao sách nhận tiền. Bạn tham dự không phải thấp thỏm lo bị mời mua xã giao. Tôi ngồi trong vòng tròn dưới phòng thiền của anh chị Toàn ký tặng giáp vòng mà hơi thấy run. Không phải cái run gặp ngay ở trang đầu: *“chúng tôi là súc vật / hôm nay học làm người / xin chân thành “đăng ký” : / chúng tôi thừa trái tim !”* mà cái run sung sướng được thực sự sinh hoạt một cách tự do, được gặp mặt bè bạn chuyện trò không e dè, thủ thế.

Tôi với Nguyễn Đông Ngạc đã biết tên nhau từ trước, nên gặp mặt, chuyện trò vô cùng cởi mở. Gốc rễ của mỗi bên được búng ra để nhận diện. Ngạc nói về Nguyễn Nho Sa Mạc, cùng thời kỳ anh làm hiệu trưởng trung học Trần Cao Vân, Tam Kỳ. Tôi kể về Phan Trước Viên, Phan Duy Nhân...cái đám làm thơ, trói gà không chặt nhưng chữ nghĩa cứ ung lạp lánh ánh lửa. Nguyễn Đông Ngạc

cười nói rất thành thoi, còn đầy đủ phong cách của một ông thầy. Trán cao, chân mày rậm, hàng ria mép đen gọn, phảng phất một thời đẹp trai chưa qua hẩm. Người đàn ông hơi tự cao ấy, sau này, qua lời kể của mẫu thân anh, tôi nhìn thấy rõ nét hơn:

Đó là một cậu con thuộc “diện” khá ngộ nghĩnh. Cảm tình năm con cọp. Nhưng giấy khai sinh làm lại, ghi ước chừng ngày 10 tháng 9 năm 1939. Với gốc tổ ở làng Vẽ huyện Đông Ngạc tỉnh Hà Đông, nên cậu con trai đầu lòng của ông bà ty trưởng hỏa xa tỉnh Phú Yên, được vinh hạnh mang tên làng tổ. Thật ra Nguyễn Đông Ngạc ra đời ở làng Thường Lệ, tỉnh Phú Yên, và suốt mùa tiểu học, hấp thụ tinh hoa của làng Thanh Tước, quê ngoại.

Nhờ rơi vào một gia đình trung lưu, nên cậu cả Ngạc, ngay từ những năm đầu bậc trung học đã được đưa lên Hà Nội để làm học trò của trường Chu Văn An, hậu thân của trường Bưởi. (trường trung học này do người Pháp thành lập tại làng Bưởi, ngoại ô Hà Nội, nhằm đào tạo những viên chức hành chánh trung và cao cấp. Năm 1949, Quốc trưởng Bảo Đại cho thu nhận học sinh rộng rãi và đổi tên thành trường Chu Văn An. Năm 1952, vì số học sinh quá đông, trường được chia ra hai địa điểm giảng dạy: tại đường Đỗ Hữu Vị, và phía bắc Hồ Hoàn Kiếm. Năm 1954, trường được di tản vào Sài Gòn).

Học chữ học nghĩa chưa đủ, cả Ngạc còn học đánh đáo, bắn bi, đánh cả bài ba lá, xóc đĩa. Thành tích đạt được ở các môn nghiệp dư này khá cao, tiêu biểu: cắt bớt tiền chợ dành cho lưu học sinh (bởi gia đình thân sinh anh có mở trường tư nội trú) để đánh tổ tôm. Dùng tiền mua vật dụng linh tinh trong nhà (do mẹ nhờ) để đánh xóc đĩa. Nhưng may thay, đi kèm với cái bệnh ham chơi những trò ngoài tầm tuổi, Nguyễn Đông Ngạc không bỏ bê sách vở và sớm có bản tính hào phóng, sống hết mình với bạn hữu.

Theo gia đình vào Sài Gòn năm 1954. Bốn năm sau, ngày 15 tháng 9 năm 1958, Nguyễn Đông Ngạc trở thành một ông tú tròn trịa. Theo học y khoa một năm, ngón vọc xác chết cóc nhái, Nguyễn Đông Ngạc bỏ con đường trở thành ông bác sĩ, để rồi đỗ cùng một lúc hai trường Quốc gia Hành chánh và Đại học Sư phạm. Anh đã chọn nghề cầm phấn và được ném ra Quảng Tín (thuộc Quảng Nam trước đó và hiện nay) dạy Trần Cao Vân, rồi được đẩy về Bình Dương, hợp sức với những Lê Vĩnh Thọ, Lê Tấn Lộc... ở trung học Trịnh Hoài Đức. Cuối cùng được rút về thủ

đô Việt Nam Cộng Hòa. Lần lượt Nguyễn Đông Ngạc rao giảng ở các trường: Cộng đồng quận 6, Mạc Đĩnh Chi, Trưng Vương. Anh sớm trở thành một ông thầy Việt văn có uy tín.

Xen kẽ trong thời gian đứng trên bục giảng, bàn chân Nguyễn Đông Ngạc thom tho cỏ đất trường đua ngựa và bàn tay anh trải ra những luống chữ trên Hành Trình, Nghệ Thuật, Quần Chúng, Đất Nước, Văn Học...Cuộc sống phơi phới đào hoa của Ngạc bỗng bị neo giữ trong tay chị Nguyễn Thị Nga, đốc sự Quốc gia Hành Chánh, ái nữ của bà Nguyễn Thị Thế, em gái nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Nguyễn Đông Ngạc từ giã cuộc sống độc thân năm 1964, nhưng không tạm biệt những cuộc tình. Lãng mạn nhưng không trác táng. Dựa vào ưu điểm của quán sách Khai Trí, do bố mẹ anh gây dựng tại Bình Dương (không phải Khai Trí của ông Nguyễn Hùng Trương tại Sài Gòn), Nguyễn Đông Ngạc cho khai sinh nhà xuất bản Sóng, tung ra thị trường chữ nghĩa miền Nam trước 1975 các tác phẩm: Chuyện Tình (Love Story của Erich Segal), Một Ngày Cho Người Yêu (Goodbye Columbia của Philip Roth), Những Cuộc Tình Không Trở Lại (tuyển tập nhiều tác giả ngoại quốc), Buổi Sáng Cuối Cùng (Women In Love của D.H.Lawrence). Các tác phẩm này đều do bà Phan Lệ Thanh chuyển sang Việt ngữ. Công trình đồ sộ nhất trong các tác phẩm do nhà xuất bản Sóng của Nguyễn Đông Ngạc phát hành là tuyển tập Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương Chúng Ta, được đến tay bạn đọc năm 1973. Để thực hiện tác phẩm văn học này, Nguyễn Đông Ngạc đã phải dồn hết tâm sức lẫn tài chánh. Từ việc xin bài, gom bài đến nhờ chụp bắt chân dung từng tác giả, Nguyễn Đông Ngạc đều đích thân lo tận tình, chu đáo. Ngày nay, tại hải ngoại, tác phẩm này đã được tái bản. Tiếc thay, bản in lại, tháo gỡ những trang đầu, xóa luôn tên người thực hiện, cố tình quên đi công sức của người hình thành tác phẩm. Một công việc bảo tồn văn hóa rất đáng ca ngợi lại thiếu mất tính chất văn hóa, thật đáng buồn. Đồng tiền hóa ra cũng có khi to hơn lương tâm một số người sống đời với chữ nghĩa.

Sáng tác độc nhất của Nguyễn Đông Ngạc đã xuất bản là một tập thơ, mang tên Hết Rồi Mùa Thu Hà Nội do nhà xuất bản Hoa Nắng tại Sài Gòn, ấn hành năm 1971 với sự trang điểm hình thức của nhà văn Thái Lãng, một người bạn chí thân của tác giả.

Đời sống của mỗi một chúng ta không biết sẽ diễn tiến ra sao, nếu không có biến cố của đất nước năm 1975. Riêng với Nguyễn Đông Ngạc, cái chết của đứa con trai đầu lòng, cái chết của người bạn đời, cộng với cái chết của một chế độ, đã đẩy anh đến làm chủ nhân một căn chợ thực phẩm nhỏ, với tên Dakao trên đường phố Saint Laurent, Montréal. Nhưng chỉ một thời gian ngắn, những tác phẩm văn học của nhà văn Mai Thảo, nhà thơ Du Tử Lê, từ Mỹ gửi qua nhờ Nguyễn Đông Ngạc bán giúp, hoặc cho thuê, đều theo căn quán rất nghệ sĩ của anh hóa thân trong một vụ hoả hoạn.

Nguyễn Đông Ngạc mất chỗ đứng gần nhất với năm tháng cũ, mất luôn chỗ ngồi bình xập xám với bạn bè dưới *sous sol*, anh trở lại với nghề lao động chân tay, nơi anh khởi sự làm lại cuộc đời, sau 1975, để trở thành một công dân của một quốc gia mang vóc dáng lá phong làm quốc kỳ. Job của Ngạc không thơm lắm, nhưng lâu bền, vững bụng, cộng với sự đoàn tụ người bạn đời thứ hai, chị Nguyễn Ngọc, đã sớm đất ông nhà văn trở lại những đoạn đời bằng phẳng.

An Lạc Cốc của ông giám đốc nhà xuất bản Sóng ngày nào không rộng lắm, nhưng thừa sức chứa vài chục bạn văn nghệ tụ lại cụng ly, đầu hót suốt đêm. Hương khói thuốc, hương rượu nồng, hương phở...càng ngày càng đậm đà trên vách tường, trên trần nhà, sàn gỗ của căn *sous sol* trong ngôi nhà mang số 9635 trên đường Basile Routhier. Những anh hào văn hóa nghệ thuật bốn phương: Đoàn Chuẩn, Phạm Duy, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Mai Thảo, Du Tử Lê, Nguyễn Xuân Hoàng, Kiệt Tấn, Nguyễn Quốc Trụ, Dương Kiên, Thái Lãng, Vũ Kiện, Thụy Khanh, Phan Ni Tấn, Nguyễn Văn Ba, Sĩ Phú, Lạp Chúc Nguyễn Huy...đều có ghé đến An Lạc cốc của Ngạc để ngồi chung chiếu rượu với Đỗ Quý Toàn, Trang Châu, Song Thao, Luân Hoán, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Xuân Sơn, Phạm Nhuận, Lê Quang Xuân, Lưu Nguyễn, Lê Tấn Lộc, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Khắc Ngữ, Bắc Phong, Võ Kỳ Điền, Vivi, Trịnh Việt Đức, Trương Văn Tuyên...Cái tình của thơ văn chan mặn nồng thêm cái tình người cùng một cội rễ bị bứt chia, vung vãi khắp mặt địa cầu. Nguyễn Đông Ngạc luôn luôn là cái gạch nối dịu dàng giữa các người bạn. Ngoài việc họp mặt bè bạn, hướng dẫn đi chơi đây đó, anh còn viết nhiều bài giới thiệu, nhận định văn thơ bè bạn trong những dịp ra mắt sách, hoặc khi tác phẩm bè bạn được phát hành. Trong một số bản thảo anh để

lại gồm cả thơ văn (hiện tôi đang giữ một bản) tôi thấy những bài anh viết về nhà văn Mai Thảo, nhà thơ Khoa Hữu, nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, nhà văn Trang Châu, nhà thơ Lưu Nguyễn, nhà văn Nguyễn Văn Ba, kịch tác gia Dương Kiên... Trong đồng bản thảo này còn có nhiều bài thơ anh viết tặng bạn bè. Nhân đây tôi xin trích đăng một vài bài của anh thuộc chủ đề này:

*“Hợp mặt vắng người cũng kém vui / nâng ly thấy khưng ở
đâu môi / muốn nhắn e càng thêm khó xử / nhớ nhau đành biết
vậy mà thôi*

(Nguyễn Đông Ngạc, tặng Hoàng Xuân Sơn)

*“Ngồi một mình ngó bóng / biển trầm luân trong lòng / ai người
cùng cuộc mộng / tình đất nước mênh mông”*

(Nguyễn Đông Ngạc, tặng Lạp Chúc Nguyễn Huy)

*“Hãy trả thái bình cho kẻ ngu si / đắm mê đầu khổ cho thiên
tài / hãy mặc mọi người tự do tô vẽ cuộc đời / xanh đỏ tím vàng
đen trắng.../. hãy bình tâm nhìn cuộc thế đảo điên / những kẻ nhân
danh múa rối / thủ diễn những vai tuồng vô tích sự / chung cuộc
vẫn chỉ có chân thiện mỹ / Hãy như mây lỏng lộng trời cao / hãy
như sóng bồng bênh biển cả / hãy như thời tiết dâng đời hoa trái
/ hãy như lòng trời đất bao la / chung cuộc cũng chỉ như là thế
thôi*

(Nguyễn Đông Ngạc tặng Song Thao)

*“Óc tìm thượng giới trả lời / bút tiên mực máu gửi người trần gian
/ riêng mình còn môi cái thân / chỉ ham sống với giai nhân cợt đùa*

(Nguyễn Đông Ngạc tặng Hồ Đình Nghiêm)

*“Đường đi xuống thấp lại lên cao / làng cây phong mừng đón
bạn vào / ngoạo cảnh nghe chuông tâm thoát tục / phải chi thiền
được sướng làm sao”*

(Nguyễn Đông Ngạc tặng vợ chồng Đỗ Quý Toàn)

*“Trị nước xem như một trò đùa / chữ nghĩa tỏ bày lẽ được
thua / bao nhiêu xương máu trong lòng đất / lãnh tụ nhìn ra chân
lý chưa?*

(Nguyễn Đông Ngạc tặng Nguyễn Hữu Chung)

*“Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời / Sáng Tạo, Văn, thơ lãng
quên đời / rượu uống ngàn ly thôi cũng thế / ngất ngưỡng mình anh
một cõi chơi”*

(Nguyễn Đông Ngạc tặng Mai Thảo)

*“Em mang tiếng hát vào đời / cho mình nguồn hứng cho người
niềm vui / cũng là góp chút vẽ vờ / quên đi những cái mệt nhọc
vô duyên”*

(Nguyễn Đông Ngạc, tặng Nguyễn Ngọc)

*“Con ta chết tuổi thơ nôi / cha ta ngồi chết nụ cười trên môi/
vợ ta mạch máu vỡ đôi / ta nuôi hai đứa con cô trưởng thành/
quanh ta đồng loại ngón ngang / chết bom đạn chết hòa bình
không tên / ta từ cõi chết ngoi lên/ cái tâm ta bỗng bình yên lạ
thường”*

(Nguyễn Đông Ngạc tặng Nguyễn Đông Ngạc)

Riêng cá nhân tôi khá giàu kỷ niệm với Nguyễn Đông Ngạc. Đặc biệt nhất là những chuyến đi chơi bên ngoài thành phố Montréal.

Năm 1991, tuy không tha thiết nhiều với những tổ chức hội đoàn, nhưng nhân đại hội Văn bút Việt Nam Hải Ngoại được tổ chức tại Toronto (trước đó được tổ chức tại Montréal), chúng tôi ham vui, rủ nhau tham dự. Chuyến đi này cũng là lần đầu tiên tôi đến thành phố Toronto, một thành phố lớn nhất nước Canada, và có vị trí thứ nhì của thế giới, sau New York, nên tôi rất háo hức. Phương tiện di chuyển là chiếc Chevrolet hai cửa, hai màu đỏ, trắng. Tài xế cũng là chủ nhân, nhà văn Nguyễn Đông Ngạc. Khách hàng của anh gồm chị Nguyễn Ngọc, vợ chồng tôi và nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân. Trước khi khởi hành, Ngạc xem bản đồ, ghi chú ngắn gọn lộ trình, điểm đến trên một tấm giấy cứng bằng bàn tay, dán gần tay lái. Trước khi đến đường Décarie, để vào xa lộ 40 Est, Ngạc không quên ghé *dépanneur* trên đường Côte des Neiges để mua nhiều loại vé số 6/49, Banco, Super 7... Chơi vé số cũng là một cái ghiền của ông bạn tôi.

Chuyến phò hội của chúng tôi đến nơi vừa kịp bắt tay nhà văn Nguyễn Văn Sâm, nhà thơ Vi Khuê trước khi nhập tiệc tại nhà hàng Việt Nam của cựu dân biểu Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn

Văn Tiết. Sở dĩ có sự chậm trễ vì Nguyễn Đông Ngạc ghé vào vài trạm dừng bên đường để nghỉ ngơi, rút khói pipe. Thêm vào đó cây lá mùa thu đã cù rù ông nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân, yêu cầu dừng lại, bắt vài tác phẩm.

Tôi còn đi với Nguyễn Đông Ngạc đến Toronto nhiều lần khác sau này. Có lần anh kéo về ngủ lại tại nhà Loan, em gái anh ở Mississauga. Có lần chúng tôi ngủ tại quán rượu Temptation của Phạm Đình Cường. Nguyễn Đông Ngạc còn đưa tôi đến thủ đô Ottawa, thành phố Québec. Chuyến đi Québec có cả vợ chồng nhà văn Hồ Đình Nghiêm. Vui. Rất vui. Ngạc xúi tôi mang về từ chợ trời ở thành phố có phong cách Pháp này một cái ghế xoay bằng da nặng nề. Cái ghế ngày nay vẫn còn có mặt trong gagare nhà tôi. Qua những lần cùng đi chơi xa, tôi biết Nguyễn Đông Ngạc rất thích lái xe đường trường, thích tốc độ nhưng rất ưa dùng dọc đường. Có lần anh làm chúng tôi hết hồn vì vào nhầm một trạm chuyên dành cho giới tài xế xe tải hạng nặng. Những cặp mắt hào hứng bậm trợn cũng rất ngạc nhiên trước sự xuất hiện bất ngờ của chúng tôi, may không có gì đáng tiếc xảy ra.

Vào một chủ nhật, ngồi uống cà phê tại quán phở 89 trên đường Van Horne của một người em gái Ngạc, anh đề nghị tôi kết nghĩa huynh đệ với anh. Thú thật tôi đã ảm ố cho qua chuyện nhưng với Ngạc, từ đó anh xem như là một người anh. Anh thường lưu ý tôi về sức khỏe, về chuyện cẩn thận khi lái xe, bớt thức đêm, linh tinh đủ thứ chuyện. Anh cũng chính là người xúi tôi nghỉ việc, ăn thất nghiệp, nghỉ ngơi vui chơi một thời gian. Giao thiệp với Ngạc lâu ngày, tôi nghiệm ra, không riêng gì tôi, ai anh cũng quan tâm lo lắng. Sau cái chết của người bạn nghiên cứu sử Nguyễn Khắc Ngữ, ông anh Nguyễn Đông Ngạc thẳng thắn bày tỏ cùng tôi và các bạn văn khác về sự quan ngại của anh đối với những người bạn cao tuổi hơn. Những Mai Thảo, Thái Tuấn, Phạm Duy... là những người anh muốn thực hiện một cái gì đó cho họ để nhớ đời. Chưa kịp thực hiện những ước muốn, sự ra đi của hai nhạc sĩ trẻ tuổi hơn, Hoàng Xuân Giang (em nhà thơ Hoàng Xuân Sơn) và Hoàng Phúc đã làm cho Nguyễn Đông Ngạc mất rất nhiều niềm tin trong cuộc sống. Mặc dù đang rất khỏe mạnh, bình thường, anh lo chạy thử nghiệm, tìm bệnh cận kề. Anh không quên đốc thúc tôi đi kiểm tra sức khỏe. Tôi là chủ nhân một thân thể giàu có những mầm bệnh, năm nào cũng hết cảm đến cúm, hết

cúm đến nhức mũi, nhưng việc đi bác sĩ, đến bệnh viện là chuyện bất đắc dĩ, hơn nữa tôi tin vào truyền thống sống lâu của gia tộc, nên tôi ít lo cho tôi, hơn Ngọc lo cho chính anh.



Nguyễn Hải Bình, LH, NĐNgạc, Hòa Bình, Lý, Nguyễn Ngọc, Hải Phong

Tuần lễ cuối tháng 2 năm 1996 nằm vào tháng chạp năm Hợi, đất trời Montréal bất ngờ đẹp ra. Cảnh sắc mang đầy đủ vóc dáng những ngày cuối năm ở miền trung Việt Nam. Nắng trong veo. Gió thoảng nhẹ. Cái ẩm ở mức cộng 10 độ C, cùng với cái vắng lặng trên các con phố quanh quần nơi tôi cư ngụ, đã cho tôi cái cảm giác đang đi đứng, hít thở giữa quê nhà. Không riêng gì tôi, Lý cũng bày tỏ đã cảm nhận được như thế. Dễ hiểu thôi, thân xác của cô nàng đang ở Montréal, nhưng một phần hồn vía đã theo chân đứa con gái đầu lòng về thăm quê ngoại, sau mười một năm xa cách. Chưa có năm nào chúng tôi nao nao nhớ về những mùa Tết xa xưa ở quê nhà như năm nay. Nhưng khác với mọi năm, chúng tôi quyết định không dạo chơi trong khu Hội chợ Tết của người Việt, mặc dù năm nay, giờ khai mạc rất lý thú, rơi đúng vào giờ giao thừa ở quê nhà.

Còn hơn 13 giờ nữa, đồng bào tôi mới bắt đầu khai pháo đón xuân tại Complexe Desjardins, đám con chúng tôi đã mang về

những băng video chủ đề xuân và tết, được thực hiện tại Hoa Kỳ, Việt Nam. Ngay sau lúc Lý hoàn tất việc cúng rước ông bà, chúng tôi quây quần bên bàn ăn, vừa nhâm nhi bánh mứt, uống trà, vừa thưởng thức tài nghệ của các nghệ sĩ trên màn ảnh tivi. Đúng vào lúc Việt Dzũng giới thiệu nghệ thuật làm pháo ...thì điện thoại reo:

- Anh Hoán ơi, anh Ngạc...anh Ngạc...ảnh bị ngã...đưa đến bệnh viện Jean Talon...ảnh bị hôn mê luôn...

Tôi hỏi thêm chị Nguyễn Ngọc một vài chi tiết, rồi cả nhà kéo đến bệnh viện. Đã 22 giờ 45, cửa chính bệnh viện đã đóng, chúng tôi tiến đến cửa cấp cứu. Nhân viên gác cửa không cho chúng tôi vào, cũng không quên cho biết tại phòng Ngạc đang nằm đã có quá nhiều người. Tôi bồn chồn, bứt rứt xung là em của bệnh nhân và nhẹ lời năn nỉ. Sau vài giây lưỡng lự, anh nhân viên trực cho tôi và Lý vào một phòng đợi, gần phòng nằm của Ngạc. Tôi gặp mấy người em của Ngạc, hai đứa con gái của anh cùng nhiều khuôn mặt lạ. Tôi đọc được những nét lo âu trên nét mặt mỗi người. Chúng tôi yên lặng chờ, thay phiên nhau, hai người một lúc được vào thăm Ngạc.

Khi tôi nắm bàn tay không vương vấy những ống dây chuyền máu, chuyền nước biển của Ngạc, tôi lạnh người dù tay Ngạc còn rất ấm. Tôi bóp nhẹ từng đầu ngón tay anh như gỏi những lời nhắc nhở, khích lệ, tiếp sức sự chiến đấu với thần chết. Hơi Ngạc thờ hình như không đều, đôi mắt anh nhắm kín. Anh không hề biết đứa em chưa chính thức kết nghĩa đang đứng cạnh anh. Tôi chợt nhớ đến Hoàng Phúc, tự nghĩ không lẽ mình vẫn có duyên đứng nhìn bè bạn hấp hối. Tôi rùng mình không dám nghĩ tiếp và quay ra. Tại phòng đợi, tôi trấn an chị Nguyễn Ngọc, nhưng tôi cảm biết người bạn tôi không còn bao giờ mở mắt nhìn chúng tôi lần sau cùng. Tôi cố gắng bình tĩnh trước sự bất lực của mình.

Bệnh viện tin cho gia đình biết đã bắt lực và đề nghị gia đình nên cho cắt các nguồn trợ lực hơi thở của Ngạc càng sớm càng tốt. Mẫu thân anh cương quyết : *“U để nó ra, u không thể giết nó”*. Chị Nguyễn Ngọc cũng như các người em của anh cũng không dám. Cuối cùng mẹ Ngạc bảo chờ cô em út của Ngạc từ Toronto về quyết định, vì cô em này được Ngạc thương nhất nhà và cô cũng rất thương kính anh. Nhưng Ngạc đã tế nhị không để trách nhiệm nặng nề cho cô em. Anh thở hơi cuối cùng vào lúc 9 giờ

sáng ngày 21 tháng 02 năm 1996. Anh ra đi vì tai biến mạch máu não. Tai nạn khởi điểm trong lúc anh từ bàn ăn tiến vào bếp để xem lại một món ăn đón tết. Ngạc qua đời trước thời gian đủ để ghi trên cáo phó, chia buồn một chữ thọ. Anh thiếu một năm, đành yên phận hưởng dương ở tuổi 59. Giờ phát tang dành cho gia đình anh, tôi có mặt, lặng lẽ ngồi ở một góc phòng, hít mùi thơm khói hương. Tiếng tụng kinh, tiếng chuông mõ hình như càng ngày càng gần với tôi. Lễ hỏa thiêu Ngạc sau đó, tôi tham dự đưa tiễn như một chiếc bóng vô tình. Từ Nguyễn Khắc Ngữ, Hoàng Xuân Giang, Hoàng Phúc và nhiều người khác không nằm trong giới văn nghệ mà tôi tiễn đưa, hình như đã giúp tôi có sự bình tĩnh hơn trước sự ra đi vĩnh viễn của đời người.

Trong thời gian còn sống, Nguyễn Đông Ngạc đã góp một tay cho Chân Dung Thơ Luân Hoán hoàn thành. Anh để lại cho tôi, cho bạn đọc bài *Một Tấm lòng Thơ Qua Hơi Thở Việt Nam, Đưa Nhau Về Đến Đâu, Ngơ Ngác Cõi Người, Cảm Ơn Đất Đá Trở Thơ...* Anh kết thúc bài nhận định ưu ái của anh bằng 12 câu lục bát:

*“Đọc xong Ngơ Ngác Cõi Người /Ta nghe ngơ ngẩn ngậm
ngùi cõi ta/ Cõi nào cõi ấy xót xa / Đục trong riêng cái bao la cõi
lòng / Đoạn đời còn lại chưa xong /Bạn còn khúc cuối tấm gương
nội tình /Cõi này hẳn bạn phiêu linh / Mây mưa trắng gió một
mình rong chơi / Còn đây Ngơ Ngác Cõi Người / Ta còn ngơ ngẩn
ngậm ngùi cõi ta /Cảm ơn bạn tới thăm nhà / Tặng thơ, từ đó lòng
ta nói hoài (NDN)*

Là một người chuyên làm thơ, hay viết lãng nhăng tặng bạn bè, nhưng trước ngày Nguyễn Đông Ngạc chứng tỏ sức khỏe của anh thua tôi, tôi chỉ viết tặng anh 4 câu không mấy gì xuất sắc:

*“Thiếu tuổi để được về hưu/ dư tuổi để được ngược xuôi với đời/
thôi thì trà rượu cảm hơi / trung niên là tuổi chịu chơi nhất mà”*

Ngày làng văn Việt Nam hải ngoại mất đi ngọn bút Nguyễn Đông Ngạc, tôi được 55 tuổi. Một vài giọt nước mắt của tôi vẫn rất trong. Tôi muốn biến chúng thành những vằn điệu, nhưng không làm nổi. Đầu rỗng, lòng rỗng, cầm bút, nghĩ đến Ngạc, bên tai tôi lại vang lên giọng nói ấm ứot của chị Ngọc: Anh Hoán ơi, Anh Ngạc bị ngã...đến bệnh viện...hôn mê luôn... Và thấp thoáng trước

mặt, đôi mắt đăm chiêu, buồn bã, bất lực của một người mẹ, lẫn lộn với cái dáng bè thế, lạnh lùng của bệnh viện Jean Talon, thơ thần dường như trốn chạy sự chết chóc. Nhưng thơ trốn không lâu, một chiều, kẹt đường, tình cờ dừng xe ngay cửa bệnh viện. Tôi ngược nhìn lên nơi Ngạc từ chối cuộc sống, những câu lục bát đổ ập tới.

*“Thành thơ đánh một giắc tròn/ mặc thân nhào nát mặc hồn
loãng ra / dễ gì làm được con ma / mà thu lễ vật người ta cúng
mình / sợ hương, sợ khói, sợ tình / cũng bay vô nghĩa miếu đình
cho vui / đi tron tru một kiếp người / không gây ân oán, không
thù hận ai / kể như đáng mặt nhân tài / lòng trong như gió thoảng
ngoài thiên thu / mai sau, rùi, lại làm người / vẫn xin tiếp tục nói
cười hồn nhiên / sống thanh nhàn, chết bình yên/ bạn tôi, coi bộ
thành tiên không chừng !”*



Mùng một tết năm Bính Tuất rơi vào ngày chủ nhật, 29 tháng 1 năm 2006, là ngày giỗ thứ 10 của Nguyễn Đông Ngạc, vợ chồng chúng tôi muốn ghé đến chúc thọ thân mẫu anh, luôn tiện thắp cho anh một nén nhang, nhưng cuối cùng vẫn không thực hiện được. Cú điện thoại gọi sớm để mừng đầu năm của thân mẫu Ngạc đã chọc làm tôi bỏ ý định, chẳng hiểu vì sao. Hôm nay ngồi ghi đôi dòng kỷ niệm với người bạn quá vãng, tôi không khỏi ngậm ngùi.

Chiếc hộp quẹt S.T. Dupon, Paris sản xuất từ Pháp xưa cũ, quý giá Ngạc đã dùng trong suốt mười mấy năm rồi ngẫu hứng cho con trai út tôi vẫn còn đây. Màu vỏ đậm đà sắc nước biển được bọc những đường vàng sắc nét, hằn đậm dấu thời gian nhưng không che được vẻ sang trọng mặn mà. Tôi cầm nó trong tay, thảng thốt như cầm được bàn tay Ngạc. Những lần tay bắt mặt mừng đã đi qua. Mười năm đâu phải là ngắn. Người bạn vàng của tôi đã đi đâu thai chưa? Cầu mong anh đã không ăn cháo lú, để nhớ mãi một thời An Lạc Cốc. Một thời bằng hữu thơ văn. Còn tôi, kỳ lạ, chưa qua cầu Nại Hà, sao trí nhớ sớm hao hụt? Sắp xếp, bày biện những kỷ niệm vốn giàu có sao lại rất vụng về, đơn giản đến thế này. Tiếc thay!



Nghiêu Đề cõi nạ về ‘Vùng Thanh Thoát’



Bản vẽ phía trên là một tác phẩm của họa sĩ Nghiêu Đề, dành riêng dùng làm bìa cho tập thơ nhạc “ Hòa Bình Ơi Hãy Đến” của Lê Vĩnh Thọ, Phạm Thế Mỹ, Luân Hoán. Để hoàn tất tác phẩm này, ngoài Nghiêu Đề, tôi cũng có đóng góp một chút tài vật. Công sức của Nghiêu Đề nằm ở não bộ giàu sáng tạo và đôi tay tài hoa của anh. Tài vật của tôi nằm trong sự li lợm quấy rầy và hối thúc!

Kể từ khi có ý định in chung tác phẩm với hai anh Mỹ, Thọ, tôi có bổn phận tìm họa sĩ nhờ thực hiện mẫu bìa. Họa sĩ Nghiêu Đề đương nhiên là tay cọ tôi tin nhiệm tuyệt đối. Anh hết lòng với bạn bè, thường không từ chối những việc làm có liên quan đến nghệ thuật. Nhưng để anh chóng hoàn tất nhanh chóng một mẫu bìa không phải là chuyện dễ dàng. Với phong thái làm việc thông dong, tùy hứng, Nghiêu Đề không muốn bị ràng buộc, thúc dục. Anh không ưa có đôi mắt thiếu khả năng thẩm định nghệ thuật kè kè bên cạnh khi anh sáng tác. Còn tôi, bản tính khá xấu, khó bỏ, luôn luôn tò mò và nôn nóng muốn hoàn tất ngay những gì mình yêu cầu, nhờ vả sự giúp đỡ của bất cứ ai..

Phải thú thật, tôi rất sốt ruột khi nhìn Nghiêu Đề ngồi co một chân trên ghế, một tay cầm điều thuốc *ruby* cháy dở, một tay cầm ngọn bút sắt lưỡng lự. Cái bàn gỗ vuông cũ nằm sát cánh cửa sổ duy nhất đang mờ. Người họa sĩ tài hoa đang ngồi đó, im lặng. Anh thở khói thuốc, mắt nhìn theo những vòng trắng từ cặp môi anh bay ra. Nghiêu Đề thở khói thuốc rất tròn, rất sắc nét và rất tuần tự, cái này nối đuôi cái kia, riêng biệt, theo nhau bay một đoạn xa trước khi tan loãng. Nghệ thuật này tôi tập hoài không được. Tôi gắng giữ im lặng, ngồi tựa sát vách tường trong cùng, kính cẩn tôn trọng những giây phút bạn mình sắp phóng tay ra tranh. Nghiêu Đề vẽ. Tôi nao nao trong lòng. Thật muốn dòm một cái hết sức, nhưng kềm chế được. Chợt Nghiêu Đề hỏi, không nhìn tôi: - *Cuối tuần này, ông không đi hành quân à ?*. Hỏi xong anh vừa cười vừa chửi thề nhẹ nhẹ: - *Mẹ kiếp, cuối tuần cứ phải đi gác cho chúng nháy đăm*. Tôi biết Nghiêu Đề đã bỏ dở, dù cây bút vẫn còn được kẹp giữa mấy ngón tay dài của anh. Tôi đứng dậy, định đến xem Nghiêu Đề vẽ đến đâu. "*Ông yên tâm đi, mẫu bìa này, tôi sẽ làm thật tốt cho ông*. Ngừng một chút, anh lại cười: *ông chịu khó khuôn đi chỗ khác mấy trái lựu đạn nội hoá này giùm, để đây, thấy chúng tôi mất hết hứng thú*." Tôi thực hiện ngay yêu cầu của Nghiêu Đề. Nhưng anh cũng đã đứng dậy và chúng tôi đến quán cà phê Tám Hú.

Một ngày nắng đẹp. Nghiêu Đề không thiếu chuyện để nói. Tôi thì vẫn lực bực trong lòng. Trong thời gian chúng tôi ở chung phòng, không phải đây là lần đầu tiên Nghiêu Đề đồng ý lo phần nhan sắc cho các tập thơ của tôi. Trước "Hoà Bình Oi Hãy Đến". Nghiêu Đề đã chịu khó trang điểm cho hai tập thơ tôi in chung

cùng nhà thơ Khắc Minh. Anh trình bày đẹp, nhưng kỹ thuật ấn loát lúc bấy giờ còn thô sơ, hơn nữa chúng tôi không có đủ sức để đưa in tại những nhà in tối tân ở thủ đô, nên đã làm giảm rất nhiều nét nghệ thuật tài hoa của anh. Đã thế, chúng tôi chỉ có vài tiếng cảm ơn suông để đáp lễ, trả nợ. Nghiêu Đề không bao giờ ngại vấn đề này, anh không quên đùa - *Vẽ cho mấy... cha là bốn phận của tại hạ mà. Ê Luân Hoán, mày liệu xem còn in mấy cuốn nữa, tao sản xuất luôn cho một lúc để dành.* Anh nói giỡn nhưng đúng ý tôi quá chừng. Tuy vậy, tôi vẫn còn chút đỉnh liêm sỉ: - *Ông bạn khỏi lo, tôi còn báo cô ông dài dài đó. - Mẹ kiếp, cái thằng Quảng Nôm này.*



Tôi quen biết với Nghiêu Đề từ năm 1967 tại Sài Gòn. Có một lần anh dẫn tôi về 19 B Lý Trần Quán để thăm...xưởng vẽ của anh. Thật ra địa này là nhà ở của mẫu thân anh và anh. Lần tôi đến, chỉ được gặp bác gái nên không rõ có còn ai khác không. Ngôi nhà này là nơi cất giữ rất nhiều kỷ niệm của Nghiêu Đề. Trong một bài thơ dài, có đoạn anh viết:

... “ nhà ta có cánh bay đầy núi / rình giấu con đường xúm xít vui xưa / trắng đi biệt có hàng phố nhớ / bụi bay, vàng con ngõ ngày mưa / vẫn con đường Lý Trần Quán cũ / trần thân lẫn khắp

*ngõ- đã chưa ! / con đường thuở rong rêu nước tiểu / cửa rộng
dung chờ đưa con hư / hiên nhỏ có hàng cây bông giấy / chết tươi
khi làng nước đổi đời / bỏ quá chút đau còn trong ngực / mỗi lần
nhìn bông giấy reo vui / êm ái- đêm – có khi chợt thức/ thờ mẹ
trong nhà ngủ thành thoi / đang khuya có những đêm chợt thức /
nhà quen, chân chẳng bỏ đèn soi / phiêu bạt nuôi người về thành
phố / Sài Gòn mở toang qua mái hiên ta...”*

Tại nhà Nghiêu Đề, tôi có gặp được hai bức tranh sơn dầu trong một căn phòng. Cả hai bức đều bị ông cha dè phạt, bắt đứng úp mặt vào sát chân tường. Nghiêu Đề lật từng bức cho tôi xem, và lịch sự: “*Bạn muốn ‘thỉnh’ bức nào, tự nhiên*”. Tôi thật sự không hiểu ý chữ “thỉnh” của anh. Nên vội vã thối thác: “*tôi không có khả năng, cảm ơn*”. Nghiêu Đề cười, buông gọn: “*Không thích ?*” Để trả lời anh, tôi trầm trồ khen, nhưng cũng thừa tình quái, hà tiện tiếng nói, để hạn chế cái dốt về tài thường thức hội họa của mình. Tôi có qua mặt được Nghiêu Đề không ? Không rõ. Nhưng sau lần đó, chúng tôi liên lạc với nhau nhiều hơn.

Nghiêu Đề làm con dân đất Quảng Ngãi từ năm 1939. Anh được sinh ra tại thị trấn xưa cổ Thu Xà, một vùng đất có thời trù phú, sầm uất với tên gọi Phố Khách. Người Trung Hoa, người Chăm và người Việt gốc Huế... sinh sống làm ăn nhiều ở đây. Thời bấy giờ Thu Xà là nơi có ánh sáng điện trước tiên trên toàn cõi Quảng Ngãi. Nghiêu Đề là công tử của một gia đình giàu có. Thân phụ anh, người địa phương. Thân mẫu anh, bà Công Tôn Nữ Lệ Chi, gốc Huế. Nghiêu Đề lớn dần trong cái xứ “Tứ Tuyệt Chiêu Anh Hùng Tự” này. (*Chim mía Xuân Phố, Cá bóng Sông Trà, Kẹo gương Thu Xà, Mạch nha Mộ Đức*). Nhưng anh chính thức trưởng thành trên đất Sài Gòn. Theo học và tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định, sau đó anh gia nhập vào hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam được thành lập tại Sài Gòn năm 1965. Đến với Hội Họa sĩ Trẻ, Nghiêu Đề mang theo tầm vóc của một người đoạt huy chương bạc trong cuộc triển lãm Hội Họa Mùa Xuân tại Sài Gòn năm 1961. Thành tích thời bấy giờ như vậy là không khiêm nhường, nhưng Nghiêu Đề quan niệm về hội họa rất nhẹ nhàng. Trong thư trả lời phỏng vấn của nhà văn Nguyễn Ngu Í của tạp chí Bách Khoa năm 1962, anh viết:

... “*Mỗi người làm hội họa vẫn có tham vọng tìm cho mình*

một đường lối riêng. Tôi chia sẻ ước vọng đó, vậy thôi....

Ở quê tôi, có một giống chim lạ, sắc trắng, và dáng mong manh lắm, thường bay một mình trong đêm trăng. Người ta bảo nó bay mãi lên cao, và tan vào mặt trăng, không bao giờ trở lại. Tên nó là Nguyệt. Tiếng hót hay vô cùng. Không biết vì sao tôi yêu (yêu) nó. Chỉ biết mỗi lần nó bay ngang cùng tiếng hát đã làm tôi xúc động. Bây giờ tôi nghĩ Nghệ Thuật tôi muốn là một cái gì hết sức tự nhiên như tiếng hót của chim Nguyệt vậy. (không phải là tôi có xu hướng naturalisme). Như thế chắc anh biết tôi không muốn nói đến vấn đề dân tộc tính hay quốc tế tính. Một tác phẩm hẳn nhiên là mang những dấu vết của cuộc sống mà trong đó nó hình thành. Có điều, cũng như sự thật, nhiều khi người ta không nhìn thấy. Khi không phải là cẻ (kẻ) giả hình thì dân tộc tính trong tác phẩm là một điều tất nhiên. Nói mãi một chuyện tất nhiên, ngoài những hậu í nào khác, thì tôi chịu, không hiểu nổi, người ta thường làm lẫn nó với đề tài. Hoặc giả vì vậy người ta bàn tới nó chẳng ? Nói về mình đã khó, giải thích cả tác phẩm mình nữa, thì thật quá sức...

... Tôi thấy nghệ thuật như một cái gì không thật. Nó phù phiếm, nó lừa dối như khi tôi nói ‘anh yêu em’. Vậy mà tôi biết tôi sẽ nói “Anh yêu em suốt đời...”

Nghiêu Đề là một họa sĩ, viết về anh, không nhận xét những tác phẩm của anh là một thiếu sót lớn. Nhưng khả năng này làm sao tôi có được. Tốt nhất là chịu tiếng ma giáo, để góp nhặt một số nhận định có trọng lượng, của những tay sành sỏi trong nghệ thuật này. Và cũng xin nói, tôi chỉ xin rút tía vài nét gọn nhất.

Người dành quyền phát biểu trước tiên, tôi chọn, ông Huỳnh Hữu Ủy, một nhà nhận định về hội họa chuyên nghiệp và có nhiều uy tín.

... “ Nghiêu Đề thích màu xanh, tông màu lạnh và thế giới của anh đầy chất siêu thực, nhưng thế giới ấy không phải là màu ‘tái xanh, lạnh lẽo’ và hoàn toàn tương tượng. Hội họa của Nghiêu Đề luôn luôn là cuộc đời được phóng chiếu, cắt tía, cộng thêm đôi chút tương tượng kéo dài rồi vẽ vờ nên một thế giới vô cùng mộng ảo...Cái màu xanh của Nghiêu Đề không phải là tái xanh mà là một thứ xanh lấp lánh ửng sáng. Sờ dĩ như vậy, là vì bắt nguồn từ cách vận dụng kỹ thuật sáng tối của hội họa cổ điển cộng với một

phần bút pháp hồn nhiên của Rousseau...”

Cũng theo nhận định của ông Huỳnh Hữu Ủy, Nghiêu Đề có hai giai đoạn sinh hoạt hội họa. Giai đoạn thứ nhất từ thập niên 60 đến thập niên 70. Giai đoạn đầu này, theo ông Ủy: “*..là giai đoạn Nghiêu Đề làm việc nhiều nhất...xây dựng được thế giới và bút pháp của mình...*”. Giai đoạn thứ hai, từ 1982 đến 1984, là thời kỳ Nghiêu Đề làm tranh sơn mài tại Sài Gòn. Giữa hai giai đoạn này là thời vui chơi cùng bè bạn tại cư xá Thanh Đa, nơi Nghiêu Đề cùng vợ, chị Giang, và 3 con, một trai, hai gái sinh sống.

Tiếp theo nhận xét của nhà phê bình hội họa Huỳnh Hữu Ủy là vài ý kiến của những người “*cùng đi một đường nghệ thuật*” với Nghiêu Đề.

Họa sĩ Thái Tuấn:

... “*Nghiêu Đề là người thích dùng những màu tối, lạnh lẽo và màu chết.*

Nhưng chính bằng những gam màu lạnh, có khi tối tăm trong tranh Nghiêu Đề, bàng bạc trong đó sự nồng nàn thiết tha, như bức ‘Tỏ Tình’. bức ‘Đêm’...

Họa sĩ Nguyễn Trung:

... “*Nghiêu Đề thích những màu tái xanh lạnh lẽo. Không khí của anh là không khí siêu thực của chuyện tình. Chuyện được anh kể chậm rãi và hoàn toàn tưởng tượng...*”

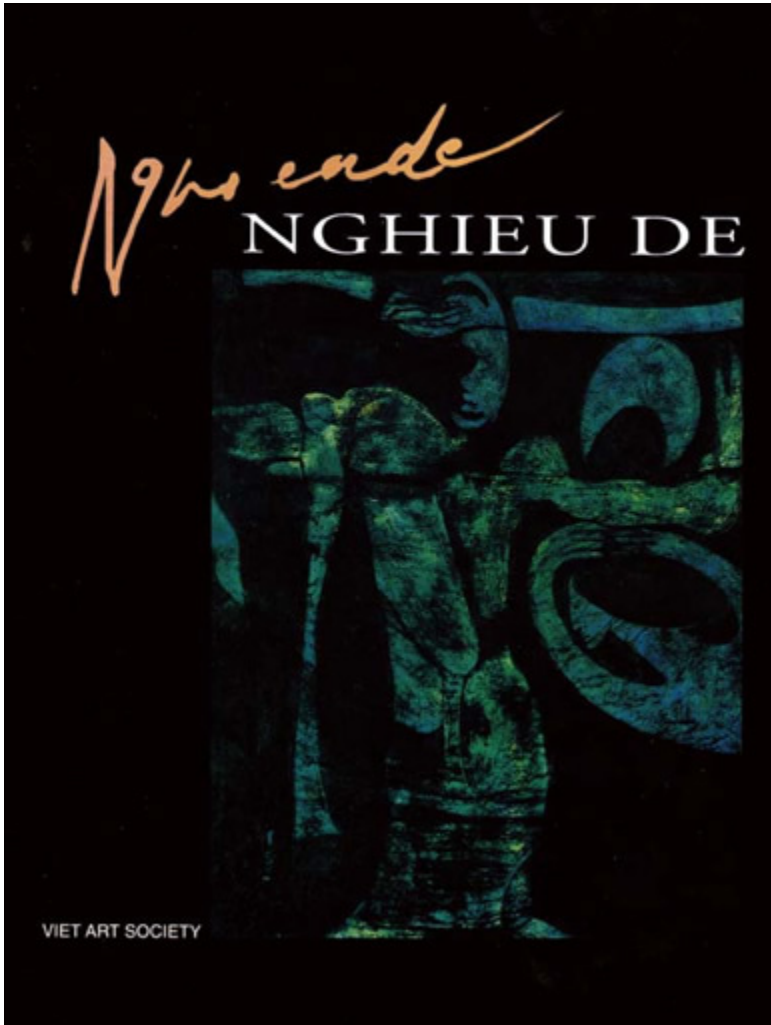
Còn rất nhiều nhà văn, thi sĩ danh tiếng viết về Nghiêu Đề như Đỗ Quý Toàn, Trần Dạ Từ, Du Tử Lê... Nhưng những bài viết của họ là những áng văn chương súc tích, dồi dào, tô đậm sức không thể cắt tĩa, sợ mất đi những ý nghĩa liên tục, và không thể trích toàn bộ, nên kính mời quý bạn tìm đọc trong tác phẩm ‘Nghiêu Đề’, một tuyển tập in màu những họa phẩm nổi tiếng của Nghiêu Đề đã được nhà xuất bản Viet Art Society ấn hành năm 1998.

Chẳng phải áy náy vì im lặng khi nhiều người tán thưởng Nghiêu Đề. Nhưng vì muốn “*dựa hơi*” anh, (cùng những họa sĩ khác), tôi sử dụng cái quen tay của mình, khi nhìn ngắm, chiêm ngưỡng những người đẹp, sống trong tranh Nghiêu Đề. Với tôi, thú thật, thích thú nhất vẫn là thiếu nữ, nên có thơ rằng:

“Hình như em chẳng có xương / xuất thân từ cõi trầm hương

*mơ hồ / môi hồ hững ngậm sợi thơ / thân thơm dải lụa mắc vào hư
không / móng manh vác cả tâm lòng / lạc quan thanh thân lòng
vòng cuộc chơi / thế gian được mấy góc trời / để tay Thánh chúa
vẽ môi mắt tình / dấu từ đường nét hiển linh / nghìn năm em vẫn
một mình khói sương”*

(SôngNúiCùngNgườiThơNgátThơ,LH)



Ngoài tài danh trong sinh hoạt hội họa, Nghiêu Đề từng cho xuất bản một tập truyện ngắn mang tên “Ngọn Tóc Trăm Năm”.

Tác phẩm này, ngày nay có lẽ không có nhiều người lưu giữ được. Cuốn sách xuất bản năm 1965, trong giai đoạn Nghiêu Đề giữ phần trình bày và minh họa cho một số kiệt tác thời tiền chiến được nhà xuất bản Cỏ Thơm in lại. Trong thời kỳ rực rỡ đẹp trai, quả thật Nghiêu Đề đã sinh hoạt rất nhộn nhịp. Anh bỗng dưng quay trở về Quảng Ngãi với vài lý do: tị nạn quân dịch và né tránh ái tình. Cả hai lý do này đều do chính anh vui vẻ tuyên bố. “Nín thở qua sông” của Nghiêu Đề hay “Dư sức qua cầu” của họa sĩ Hồ Thành Đức, cũng chỉ nói lên chuyện không thi hành nghĩa vụ quân sự. Riêng Nghiêu Đề, anh không hề mặc cảm vì sự bất phục tùng của mình. Anh quan niệm rất rõ ràng, chiến tranh tàn bạo, anh từ chối tham dự, dù làm một lính cảnh, hoặc phục vụ trong bóng mát, mà khả năng anh dễ dàng có được. Tôi nhắc lại diễm này, có thể làm cho chị Giang và các cháu không vui. Nhưng tôi nghĩ đây là quyết định trung trực của một người bạn đã từng thẳng thắn bày tỏ. Lối phản chiến của Nghiêu Đề còn ngon lành hơn tôi trước đây nhiều.

Có một điều tôi vẫn thắc mắc, khi sưu tập tài liệu cho cuốn “Tác Giả Việt Nam”. Phần tên thật của Nghiêu Đề, tôi không biết nên chọn tên nào cho xác thực giữa hai tên Trai và Tiếp. Song thân của Nghiêu Đề có được sáu người con. Trong số này có một người tên Trai và một người tên Tiếp. Thời tôi cùng ở Quảng Ngãi với Nghiêu Đề, tên anh được gọi là Trai. Với nước da trắng mịn, ít hoạt động nặng, ít phơi nắng nên da thịt Nghiêu Đề mỗi ngày như trắng thêm, một đôi lúc có vẻ hơi xanh. Chính vì thế anh được bè bạn tinh nghịch đặt thêm một biệt danh: Trai búng. Chính tôi đã viết một bài lục bát nhắc đến cái tên này, anh đọc chỉ cười xòa, chửi gọn hai chữ ‘bỏ mẹ’: “*Nghe anh Trai búng bây giờ/ nuôi con sao sáo đọc thơ trường kỳ...*” (Ca Dao Tình Yêu, bài thứ 8, trang 37). Phản ứng hiền lành của Nghiêu Đề không vì cái tên Trai búng, mà vì tôi chạm vào cái bay bướm của anh. Trong hai chữ “sao sáo” có một chữ là tên thật một thiếu nữ, Nghiêu Đề đang theo tán tỉnh.

Gần đây, tôi có điện thoại hỏi một người bà con của anh, hiện ở San Jose. Họ cũng xác nhận Nghiêu Đề tên Trai. Tiếp là tên người em. Nhưng có lẽ trên mọi giấy tờ của anh đều mang tên Tiếp, nên chúng ta nên tôn trọng như vậy. (trường hợp này hẳn không giống như nhà thơ Phổ Đức. Đại khái, Phổ Đức tên thật Lê

Phước Đại, sinh năm 1939, vì chiến tranh không đi học được, về sau lấy tên người em đã qua đời là Lê Phước Đệ, sinh năm 1944, để đi học).

Về việc chọn bút hiệu, có lẽ ông họa sĩ đã kể với một nhà thơ, sự tình cờ không kém phần tình nghịch, lạ đời của anh.

... “*Ngay bút hiệu Nghiêu Đề, cũng không hề mang, mặc một ý nghĩa sâu kín nào. Nó được nhặt ra từ hai lần mở tự điển, để nhặt ra hai chữ đầu tiên, bắt gặp – cho thấy với Nguyễn Tiếp, tức Nghiêu Đề, cuộc đời, danh vọng, sự nghiệp, chỉ là một cuộc chơi ngắn ngủi, phù phiếm...*”

(Du Tử Lê)

Nếu đúng như vậy thì thật tuyệt vời, không khác gì bói Kiều, bởi họa sĩ Thái Tuấn cho biết về bút hiệu Nghiêu Đề:

... “*Võ vẽ một chút chữ Nho, thua đó tôi dịch ngay cho tôi ý nghĩa: Nghiêu là ngọn núi cao. Đề là dẫn lên. Cái bút hiệu nghe cho vẻ cao ngạo, nhưng khi gặp gỡ thì lại hoàn toàn khác- trầm tĩnh, lạc quan, và thâm thúy- tôi vẫn tin người và tranh chỉ là một: nét vẽ là tấm kính để tìm bóng dáng của họa sĩ..”*

Họa sĩ Thái Tuấn còn kể rằng: ... “*Ngày xưa cô gái 5 tuổi của tôi, không phát âm được hai chữ Nghiêu Đề, đã luôn gọi là chú “yêu đời”. Và cũng từ đó gia đình tôi đã tặng Nghiêu Đề một biệt hiệu mới...*”. Biệt hiệu của gia đình họa sĩ Thái Tuấn dành cho Nghiêu Đề quả rất thích hợp với bản tính của anh. Nhưng cũng từ hai tiếng Nghiêu Đề, nhà thơ Phan Nhự Thức mỗi khi đến trước cửa nhà 43 Phan Bội Châu Quảng Ngãi, thường gọi lớn: “*Có ông ‘Nghêu Đề’ ở nhà không ?*”. Với biệt danh dí dỏm này, mời các bạn cùng suy ngẫm. Không chừng cũng có điểm đúng.

Ngoài bản tính cởi mở vui vẻ thường trực, Nghiêu Đề còn là một tay cù lét ngoại hạng. Với bất cứ vấn đề gì, Nghiêu Đề bàn tới cũng dẫn theo những tiếng cười thoải mái cho mọi người. Tôi xin mượn một chút xíu câu chuyện của nhà thơ Trần Dạ Từ kể, để minh chứng:

... “*Giữa họp mặt bạn cũ, vẫn đủ mặt Lê Tấn Điều, Nguyễn Khắc Nhân, Nguyễn Hữu Đông, có chuyện thắc mắc tiếng Việt.*

- “*Tổ Trác là gì, mẹ?*” *Cháu Út của ông bà Nghiêu Đề hỏi.*

Cả nhà xúm lại giải thích. Mặt mũi cô bé vẫn ngó ra, không

hiếu. Tôi phiên chính Nghiêu Đề lên tiếng.

- 'Có gì đâu. Ví dụ nhé. Mẹ muốn lấy chồng, mà lấy phải ông chồng như bố, ấy là bị tổ trác. Tổ trác là vậy'

Hiếu ngay và cười ồ.

Không chỉ cô Út của Nghiêu Đề. Chính ông bố và các bạn của ông ta, chúng tôi cùng hiểu ra là bản thân mình thuộc về một thế hệ có thể xài để định nghĩa hai tiếng 'tổ trác' "



Kính
Kính
thờ
trong ve a
là Khế một
Hàng Hối Hối vì Đại Vì
Tài tại út tôn là,
Luân Hien
Hoi Bè Bạ

Tề nhị và thâm thúy như vậy là nghề của chàng Nghiêu. Đi kèm với những đức tính tốt này, Nghiêu Đề rất đổi hiền lành. Tôi chưa thấy anh cãi vã với ai bao giờ. Anh vẫn thường khuyên tôi, không nên đem chén kiêu chọi với chén sành. "Một điều nhịn chín điều lành" hay "tránh voi chẳng xấu mặt nào" vân vân và vân vân. Ngoài ra anh còn có bệnh... 'làm biếng'. Căn bệnh này anh đã nói với nhà thơ Du Tử Lê.

... "Ở khoảng trời nào, giữa sân chơi nào, thủy chung, cũng vẫn một Nghiêu Đề thong dong, kinh bạc, bắt cần ngay chính đời mình.

Ông giải thích một cách khiêm tốn, rất Nghiêu Đề, là 'làm biếng;'

Trong văn học nghệ thuật, Nghiêu Đề làm biếng là vậy, còn trong đời thường, anh cũng không thiếu những cung cách làm biếng đặc biệt. Tôi đã có một lần làm chị Giang và các cháu không

bằng lòng khi viết vớ vẩn đầu đó: Nghiêu Đề lười biếng tắm. Sự việc này ít ra có thật trong khoảng thời gian Nghiêu Đề tạm trú trên chính quê nhà anh. Nghiêu Đề lười tắm, nhưng không phải anh ăn ở thiếu vệ sinh, Trái lại, anh thuộc loại ‘khôn bỏ mẹ’ (chữ Nghiêu Đề thường dùng) và ‘thơm phức ra phết’ (cũng chữ của Nghiêu Đề). Thời chúng tôi ở cùng chung cư Trùng Khánh, phòng tắm rất hẹp, không có vòi sen. Trong phòng tắm vừa một chỗ đứng này có xây một hồ chứa nước sẵn. Nước thật lạnh có lẽ vì phải ngâm lâu trong ruột những tường hồ xi măng. Không thiếu những con lãng quăng sinh sống trong hồ. Nghiêu Đề từ chối múc đại từng ca nước dội ào ào lên người như chúng tôi. Anh có lối tắm riêng mà anh gọi là ‘tắm từng phần’, vệ sinh hơn nhiều. Nghiêu Đề dùng một cái thau trung bình, mở nước từ vòi sát vách tường, nước mới, không lạnh lắm và cũng không có bất cứ vật gì khác. Anh mang thau nước đặt trước phòng tắm sáng sủa ánh trời và bắt đầu, tuần tự từ mặt mũi đến tứ chi. Một lối kỳ rửa hơi mát công như vậy không thể gọi là lười biếng. Nhưng đại đa số chúng tôi đều cho anh lười tắm vì sự khác đời của anh. Cái quần Jean Nghiêu Đề mặc thời ở Quảng Ngãi cũng có thể là một di vật quý giá của anh, nếu ai muốn sưu tầm những đồ vật anh đã xài. Nghiêu Đề tuyên bố một quyết tâm, anh sẽ biến chiếc quần bò anh mặc có thể tự đứng thẳng được, không cần xếp, không cần treo, ngay những lúc nó không bám trên người anh. Không rõ chiếc quần ấy bây giờ ở đâu ? Bụi bặm tháng ngày đã tạo đủ độ cứng, để nó tự đứng thẳng được chưa ?

Năm 1986, gia đình Nghiêu Đề đến Hoa Kỳ. Tôi đăng báo tặng anh một bài thơ : ‘Mừng Nghiêu Đề Đến San Diego, Cali’ :

*“ Nghe tin mày đến Mỹ / bỗng nhiên tao thờ dài / cái tính tao
thật khi / không bỏ được đùa dai*

*mừng mày mà tao khóc / thật là chẳng giống ai / nhưng chắc
mày cũng khóc / (đó chạy đâu cho sai)*

....

*thôi mừng mày đã đến / vải mới sơn cọ thừa/ bạn bè xưa
không thiếu / (mỗi thằng mỗi đề tài)/ vẽ đi cho tao ngắm/ một cái
gì tương lai...”*

(Ngơ Ngác Cõi Người).

Nghiêu Đề gửi cho tôi nhiều thư. Lá thư đầu, sau khi ở Mỹ

được một tháng rưỡi, anh mới viết. Trong đó có các câu:

... "Nói vậy chứ cỡ mấy với tao đã qua bao nhiêu ngày tháng
dữ như hùm beo, bây giờ dễ đâu mà chết bỏ. Nhất định bây giờ chỉ
có quân ta thắng lợi, quân địch thua to mà thôi. Tao rất vui vì ý
nghĩ đó. Nói cho cùng thì tao là thằng ở trường, đùa nào chơi với
tao nhất định nó là thằng tốt, chứ có lột của tao được cái gì đâu
mà lo ! Sao bạn ? Vợ con ? Đời sống ?..."

Nội dung một thư ngắn khác:

Luân Hoán

Đừng lo! tao nghe, nhưng mà
chẳng thấy máy đâu trong
mấy hìnt gọi theo đây!
Mấy vẫn làm việc chiếu, anh
em ryle vậy rất vui. Đứng ở
giống về đây, Hy vọng sẽ có
khoảng 3, 4 michi. Đắc treo chơi
với anh em. Thảm Vi Vi và nói
Vi Vi phone cho tao nói bây giờ buồn!
câu chác cả nhà vui về mai
Nếu có dư hien máy bay lên ao sẽ
Hãm máy về Vi Vi ở Canada
cho gửi lời thăm tất cả anh em

Hãm

ng hien de

Ao ước trong thư trên của Nghiêu Đề được thực hiện vào

tháng 8 năm 1992. Anh cùng chị Giang và hai cháu qua thăm chúng tôi bằng đường bay nội địa cho vừa túi tiền. Tôi và Vivi đón và đưa anh tại phi trường ở Vermont. Thời kỳ này tôi còn ở ập, chật hẹp lắm, nhưng anh em đã có những ngày thật vui vẻ bên nhau. Nhiều bạn văn hiện cư ngụ tại Montréal đã đến thăm anh. Tôi ghi lại hình đầy đủ. Dịp này nhà thơ nữ Thụy Khanh từ Pháp sang ra mắt sách. Chị Giang đã vui vẻ trình bày một ca khúc để giúp vui. Giọng chị còn rất ngọt ngào và “*vẫn như xưa*” theo nhận xét của nhà thơ Hoàng Xuân Sơn, người một thời đã vui chơi tại tổ ấm của Nghiêu Đề, nơi mà anh Hồ Hữu Thủ đã ghi nhận : “... *Căn nhà anh vẫn là một địa chỉ in mãi nơi ký ức tôi mỗi lần hồi tưởng về những đổi thay, phong trần của đất nước và của chính bản thân mình*”



Nghiêu Đề ưa thích phong cảnh đẹp, tôi đã đưa anh thăm viếng hầu hết những thắng cảnh giàu tính chất văn hóa của thành phố Montréal. Anh cũng ghé thăm những thành phố khác của đất nước Canada như thủ đô Ottawa, Québec, Toronto. Nghiêu Đề có một người bà con ở thành phố Longueuil, thân mẫu của cô bạn Hoàng Thị Hồng, tôi đưa anh sang đây để rồi ghé lại Terre des Hommes ngắm trời mây, hoa nở. Anh khoái chụp ảnh như tôi và

rất thú vị khi chọn điểm đứng. Đang đi trên xa lộ xuống Toronto, nơi anh có một người em cư trú, anh yêu cầu dừng xe bên đường để đứng chụp hình có cả bảng chữ Bonjour Québec, dựng tại giáp giới hai tỉnh bang Ontario và Québec. Cũng như ngoài đời, trong ảnh Nghiêu Đề luôn luôn tươi vui và giàu nét trẻ thơ.

Sau chuyến vui chơi, anh về Mỹ rồi về thăm Việt Nam vài ba lần, dù tài chánh anh không dư giả. Được đi, được gặp bè bạn có thể là cái thú Nghiêu Đề thích nhất. Anh làm thơ trong giai đoạn này thường hơn. Viết ít, nhưng bài nào của anh cũng đạt được tính chất nghệ thuật khả quan. Giữa những ngày vui vẻ như vậy, tôi được tin anh lâm trọng bệnh. Chắc chẳng cần nói ra sự hụt hẫng, trống rỗng bất ngờ của tôi. Người thiếu nữ trong họa phẩm Vùng Thanh Thoát, cặp ngựa đang ‘tỏ tình’ dưới trăng mà thi sĩ Đỗ Quý Toàn đã tâm đắc, như chập chờn trước mắt tôi cùng những kỷ niệm đứng ngay trước mặt, quá rõ ràng mà không vói tới. Tôi muốn làm một bài thơ cũng chẳng xong. Cái gì cũng chột trở nên vô nghĩa.

Con ngựa mà Nghiêu Đề từng khoe: ... *“Ta có chú ngựa ngon lành lắm / vẫn bay ngang trời đất tuyết vời..”* đã thật sự đưa anh bay vào ‘Vùng Thanh Thoát’ ngày 09 tháng 11 năm 1998 trên đất tạm dung. Bè bạn thương tiếc anh ghi danh vào nhiều Chia Buồn trên các tạp chí, tuần báo. Một tuyển tập họa phẩm được thành hình, một trang nhà do Y Chi thực hiện vào tháng 6-1999... và còn những đầu nũa lưu giữ hình ảnh một người bạn chân tình ?

... *“Mày giỏi lắm. mày chỉ dùng có bàn chân trái mà đã nát được kỷ luật giấy phép, để muôn năm về với vợ con, võ công đó tao muốn học vô cùng...”* (thư Nghiêu Đề). Nghiêu Đề ơi, tao muốn học sự lạc quan của mày. Còn món võ công mày đã dùng một cách bất ngờ, tao thật sự chưa muốn học để đích thực được muôn năm yên nghĩ. Tao vẫn luôn luôn phải xếp sau lưng mày, như mày đã nói, anh bạn “văn nghệ thủ đô” ạ. Hẹn gặp nhau. Sau!



Vương Thanh mãi mãi một khu rừng mùa xuân

Từ miền bắc Việt Nam, Trần Hữu Huy đến Đà Nẵng cùng một người mẹ già, vào năm 1954. Là một gia đình lương giáo, thờ cúng ông bà, nên nhà của mẹ con anh xây cất không nằm trong khuôn viên xóm đạo Thanh Bình. Ngôi nhà mái tôn, tường gạch, sân cát này nằm khá sát bãi biển, cách xa mặt đường nhựa khoảng một trăm thước. Khu vực này về những năm sau có mọc lên một Trung tâm mẫu giáo và tiểu học Rạng Đông. Chủ nhân kiêm Hiệu trưởng, anh Trần Ngọc Thành, bị xử

bắt sau 1975 cùng thầy giáo trường Kỹ Thuật Nguyễn Văn Bảy, vì tội “âm mưu lật đổ chính quyền”. Hiện nay trong khu này đã có mặt một khách sạn lớn nhất Đông Nam Á, mang tên Furma Resort Danang (số 68 đường Hồ Xuân Hương) mà người đẹp Võ Thị Sông Hương từng giới thiệu qua một DVD quảng cáo du lịch.

Vào những năm trung học, Trần Hữu Huy, học tại trường Trung học Sao Mai, một trường tư thục được thành lập năm 1957, bởi Công Giáo Việt Nam, địa phận Đà Nẵng. Trường nằm gần Cổ Viện Chàm, mặt hướng ra sông Hàn. Vị hiệu trưởng đầu tiên là Linh mục Lê Văn Ấn. Học sinh thành đạt về văn học sau này có nhà văn Vương Thanh, nhà văn nữ Hoàng Nga, nhà thơ Phan Xuân Sinh, Nguyễn Mậu Lâm...Sau 1975 trường bị nhà nước ta tịch thu và cho mang tên Trần Phú đến bây giờ. Trong những năm học ở Sao Mai, Huy làm quen với báo chí và bắt đầu làm những bài thơ. Cùng với một người bạn học tên Thức, có bút hiệu là Mặc Mai Nhân, Huy gửi bài viết đến các tuần báo ở thủ đô Sài gòn, dưới bút hiệu Thanh Thanh Hoa, hơi cải lương.



Những bài thơ của Mặc Mai Nhân và Thanh Thanh Hoa hình như không được giới làm báo thủ đô đăng tải nhiều, nên sau đó Mặc Mai Nhân bỏ cuộc chơi, còn Thanh Thanh Hoa chuyển qua viết truyện ngắn, với một cái tên mới, chững chạc hơn: Vương Thanh.

Truyện của Vương Thanh được chọn đăng đầu tiên trên tạp chí Văn Học, số 12. Đây là một truyện không ngắn, không dài, đi trong hai kỳ báo, có tên là Khu Rừng Mùa Xuân. Tên truyện này trở thành tên tập truyện của Vương Thanh sau này, khi tạp chí kiêm nhà xuất bản Văn Học của Phan Kim Thịnh ấn hành vào năm 1964.

Sau khi có bài đầu đặng trên Văn Học, Trần Hữu Huy mới tìm đến thăm tôi, và chúng tôi trở thành bằng hữu. Trong đám bạn văn thân thiết của tôi, Vương Thanh là một người có cơ thể lực lưỡng, to lớn nhất. Ngoài chiều cao như anh Nguyễn Phú Long (Hoàng Thị Bích Ni), Vương Thanh có một bề dày thật gồ ghề, cơ bắp. Mái tóc ngắn, gọn sạch, để trần, chuyên trị áo sơ mi ngắn tay, nước da không được trắng, càng làm tăng vẻ... lực sĩ mà chúng tôi thường nói đùa là “cụ trâu”. Vương Thanh xuề xòa, hay cười nhưng anh là một người không mấy dễ tính.

Chúng tôi chơi thân với nhau trong giai đoạn có biến cố Phật Giáo. Mặc dù gần như không bao giờ tham gia những cuộc xuống đường, nhưng chúng tôi thường có mặt trong những buổi phổ biến tin tức “tranh đấu” tại hầu hết các sân chùa ở Đà Nẵng, chủ yếu là chùa Tịnh Hội.

Những kỷ niệm giữa tôi và Trần Hữu Huy, không nhiều lắm, có thể nhớ rất rõ ràng. Vương Thanh có một thói quen, đi đâu anh cũng cầm trong tay một cái chìa khóa cửa nhà anh. Đó là một cái chìa khóa dài khoảng 10 centimètre, bằng sắt, bóng đen vì hơi tay. Một buổi chiều, Vương Thanh rủ tôi đến thăm nhà một người bạn làm thơ, anh Yên Nguyên Thanh. Lười đi xe đạp, Vương Thanh đèo tôi trên chiếc xe cũ mèm của anh. Nhà của Yên Nguyên Thanh, nằm ở ngoài rìa thành phố, trên đường ra Hoà Cường. Từ đường lộ chúng tôi phải rẽ phải vào một con đường đất, qua một sân chùa, hình như là chùa Vu Lan (tôi không còn nhớ chính xác tên chùa này), đến một vườn cây, gần nhà mấy chị em Xinh Xinh (những người thật đẹp sau này), mới tới nhà của Yên Nguyên Thanh. (Yên Nguyên Thanh làm thơ ngũ ngôn rất thành công. Bài của anh đăng nhiều ở nguyệt san Thời Nay, không hiểu vì sao về

sau không thấy anh viết, có thể đã đổi bút hiệu ?). Khi chúng tôi ra về thì đụng đầu với một toán choai choai cỡ tuổi chúng tôi, không rõ vì lý do gì đã “dàn trận” rất nghiêm túc ngay trên đường từ cổng chùa ra mặt lộ. Vương Thanh đang đạp xe chọt khựng lại. Chúng tôi thấy chừng sáu mạng với giầy xích khóa xe đạp và vài khúc củi tròn lăm le trong tay họ. Vương Thanh lớn xác nhưng khá nhất gan. Anh toan quay trở vào nhà Yến Nguyên Thanh. Ngồi phía sau, tôi hơi chồm lên phía trước, bảo nhỏ cứ đi thẳng ra, tiện thể tôi nắm lấy cái chìa khóa cửa nhà anh, cố tình để hơi lòi đầu chìa khóa đen đen ra một chút, như thủ sẵn một thứ vũ khí. Khi Vương Thanh đạp xe vào giữa hai hàng người. Tôi lạnh lùng nhìn trùng trùng vào mặt từng tên một, bình tĩnh trong hồi hộp, sẵn sàng nhảy xuống xe... Và có lẽ những người này nhận ra mặt tôi thỉnh thoảng có đi chơi với Lê Cai, Sĩ bàn tay sắt, Hiền Râu, Hùng Đầu Bò, Xếp Lùn, Anh, Hiền... Những tay đấm đá đương thời ở Đà Nẵng mà ngán chảng ? Hay vì cái vẻ cục mịch rất du côn bề ngoài của Vương Thanh ? Dù sao chúng tôi cũng thoát được một trận ăn đòn. Ra đến mặt lộ, Vương Thanh mới cười lớn, hỏi: ổn chưa ?

Một lần khác, một người bạn văn từ tỉnh khác đến chơi. Sau khi đi vòng vòng thành phố, Vương Thanh một hai rú chúng tôi ghé nhà anh. Trời hôm ấy vào cuối tháng chạp, gió lạnh vô cùng. Tôi đã muốn cảm cúm từ mấy hôm trước, nhưng vẫn cố gắng theo anh. Kết quả tôi nằm liệt suốt mấy ngày nguyên đán để thưởng thức món Tiêu Ban Lộ, một loại thuốc nước chế sẵn, đựng trong chai nhỏ.

Và một lần Vương Thanh vào Quảng Ngãi thăm chị anh hoặc bà con trong đó. Anh có hẹn tôi vào chơi cho biết xứ Quảng Ngãi. Tôi rất thích thú. Giờ hẹn khoảng một tiếng, từ 12 giờ trưa đến 1 giờ chiều. Điềm hẹn cổng chính bệnh viện Quảng Ngãi. Vương Thanh dặn kỹ tôi, cứ đến cổng viện là chắc ăn nhất, anh sẽ ra đón. Lúc bấy giờ anh Hiền tôi có cơ sở sửa xe, nên tôi quen biết một vài xe đồ, nếu đi trên các tuyến đường Đà Nẵng - Hội An hay Đà Nẵng - Quảng Ngãi, tôi thường được miễn phí. Quá thuận lợi cho một chuyến giang hồ vật. Tôi y hẹn với Vương Thanh. Đây là lần đầu tiên tôi đến Quảng Ngãi và chỉ biết độc nhất một đoạn đường ngắn, từ sân vận động bỏ không đến cổng bệnh viện. Tôi chờ Vương Thanh hơn cả thời gian định trước đến quá 20 phút. Nhưng anh chẳng to con, có lẽ ham ngủ quên đến. Tôi trở về Đà Nẵng với ý nghĩ trong bụng, phải từ mặt thẳng xô lá này. Nhưng không hiểu sao, chúng tôi vẫn

chơi với nhau, để rồi tôi có thêm một hors-jeu rất ngoạn mục nữa. Lần đó vào mùa Giáng Sinh, Vương Thanh còn học tại Sao Mai, anh khoe với tôi có một cô bạn gái cùng trường tên là Lê Như H, nhà ở trên đường Độc Lập, đoạn gần trại binh VNCH Ngô Văn Sở. Cô H.này tôi đã chiêm ngưỡng thoáng qua nhiều lần. Một người đẹp có hạng của xóm gia đình quan thuế, mà Hoàng Trọng Bản đã trâm trờ với tôi. Dĩ nhiên nhan sắc rất thích hợp để trở thành nàng thơ. Vương Thanh bảo đã có hẹn đi lễ nửa đêm với H, và anh đã khéo léo dụ tôi... *“cậu đi với bọn tớ cho vui...”* Còn cơ hội nào tốt hơn với một người ưa suu tầm nhan sắc làm chất liệu. Tôi đã không thoát khỏi cái bẫy của Vương Thanh. Tôi vốn khờ, hoặc cố tình khờ hơn nữa, để thực hiện đúng như lời Vương Thanh dặn: *“Minh sẽ đến nhà H chơi trước. Cậu đợi khi gần đến giờ đi lễ thì đến thẳng nhà H. tìm mình. Minh sẽ giới thiệu cậu với H. rồi cùng đi lễ cho vui. Cậu sẽ thấy con nhỏ của mình lịch sự, noble vô cùng”* Đến giờ, tôi rất ung dung gõ cửa nhà người đẹp và chưng hửng trước câu hỏi đầy nghi ngờ của Như H: *“ông tìm ai?”* Dù lúng túng, tôi cũng vẫn tắt bày tỏ lý do về sự xuất hiện của mình. H. nghe và vô cùng ngạc nhiên. Cô cho biết không hề quen ai tên Huy, và cô cũng không có ý định đi lễ nửa đêm, vì giản dị, cô theo đạo Phật. Vừa nói, H. vừa kéo sợi giây chuyền vàng đeo cổ cho tôi thấy một tượng Phật cũng bằng vàng, để mình chứng thêm cho lời nói. Thấy Phật, tự nhiên tôi như bị vấp té...lật đật xin lỗi đi một mạch ra cửa... Những bước chân tôi không nặng mà nhẹ như bay, cảm tưởng phía sau lưng đôi mắt H. đẩy ra những luồng gió giểu cợt bất tận. Vương Thanh trốn tôi đến mấy tuần sau, nếu không có số Văn Học mới anh mang đến làm quà, dù tôi cũng đã nhận báo biếu. Bù lại những tình nghịch nhẹ nhàng của mình, Vương Thanh thường cho tôi mượn căn nhà của anh, để tâm sự với người yêu, khi bà cụ có dịp vào Quảng Ngãi. Ngoài một cái buồng nhỏ khóa kỹ, căn nhà trống trải. Cái giường nằm của Thanh bên cạnh cái bàn nước, phơi phới trong gian nhà. Nhưng chả sao, những người mới tập yêu như tôi, chỉ cần ngồi ngó nhau thật gần, thỉnh thoảng chạm nhẹ bàn tay, hoặc tiến xa hơn, cho hai bàn chân trần rúc rích bên nhau, dưới mặt bàn một chút đã hoàn toàn bay bổng. Chúng tôi không bị mẹ Vương Thanh bắt gặp lần nào, nhưng có một lần tôi bị bà cụ mắng cho mấy câu. Không phải chuyện trai gái. Nguyên nhân bà cụ bắt gặp tôi, Vương Thanh, Đynh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Nho Sa Mạc

ngồi chễm chệ trong quán mọc tồn của cô Mừng, một *lolita* rất mượt. Quán nằm ngay mặt tiền trên đường về nhà Vương Thanh. Bà cụ mộ đạo Phật đúng giờ về ngang. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng chúng tôi vào đó đã gây một ấn tượng xấu trong suy nghĩ của một bà mẹ giàu khói hương. Thật ra, tôi, Vương Thanh, Nguyễn Nho Sa Mạc đều không biết ăn thịt chó. Món này thuộc sở thích của Đĩnh Hoàng Sa và Hà Nguyên Thạch. Lần đó chỉ ngồi ăn bánh tráng nướng, dòm mãi cũng chẳng ngộ được mặt cô Mừng, rồi bị bà cụ răn đe, sẽ cấm cửa chơi với con bà, tôi đâm ra sợ. Kỷ niệm thời thơ ấu của chúng tôi chỉ nghèo như vậy.

Vương Thanh, con trai duy nhất, nhưng không hiểu sao anh không được hoãn dịch ? Anh vào Thủ Đức khóa 20. Ra trường phục vụ dưới huy hiệu con Rùa, đồn trú tại Quảng Ngãi. Anh không hanh thông trong đời binh nghiệp. Mãi đến khi tôi vào lính khóa 24 và ra trường, anh vẫn dừng ở cấp bậc thiếu úy. Khi bị “đày” ra làm đảo trưởng Lý Sơn, anh mới được mang hai bông mai vàng, rồi sau đó trở thành một ông nghị viên...hình như không mấy hứng thú.

Tôi gặp lại Vương Thanh ở Quảng Ngãi cũng rất tình cờ. Và vui hơn nữa anh dọn vào ở chung phòng với tôi và họa sĩ Nghiêu Đề. Thật ra chúng tôi chỉ chọn một chỗ để thay ra bộ quân phục khi về thành phố ít giờ. Giai đoạn này tôi đi hành quân luôn. Vương Thanh cũng lu bù với quân vụ. Dù vậy, cả tôi và Vương Thanh đều góp tay cho hai tạp chí văn học thời bấy giờ tại Quảng Ngãi. Trong bài Một Thoáng Hương Xưa, đăng trên đặc san Quảng Nam Đà Nẵng, năm Quý Mùi, 2003, nhà văn Nguyễn Văn Quảng Ngãi viết một đoạn về Vương Thanh, tôi xin trích đây đủ:

“Vương Thanh (Trần Hữu Huy), người Bắc, nhưng gia đình sống lâu năm tại Đà Nẵng, dáng cao lớn, dềnh dàng, ít nói, nhiều lúc có vẻ hơi cọc, nhưng rất tình cảm, có thể khóc dễ dàng trước những chua cay bất ngờ. Tập truyện Khu Rừng Mùa Xuân của anh lúc đó được đón nhận khá nồng hậu. Anh thường tâm sự với tôi nhiều về thân mẫu của anh và lần nào ra Đà Nẵng anh cũng đưa tôi đến thăm bà cụ đang sống một mình rất cô đơn tại đây. Sau một thời làm Sĩ quan Chiến tranh Chính trị, anh đắc cử Nghị viên tỉnh Quảng Ngãi. Sau 1975, Vương Thanh và tôi bị giam chung nhiều nơi. Năm 1982 anh được phóng thích về lập gia đình, có

con và sống tại Gò Vấp. Năm 1984 tôi ra tù, tìm đến thăm anh và, buổi trưa, hai anh em cùng nằm trên nền xi măng chia xé biết bao nhiêu tâm sự. Vương Thanh đã qua đời vì bệnh lao năm 1987 (phát bệnh trong tù)”

(Nguyễn Văn Quảng Ngãi)

Nhà văn Nguyễn Văn Quảng Ngãi có một nhận xét rất đúng. Vương Thanh to con như voi (cỡ nhà thơ Song Vinh) nhưng rất mau nước mắt. Trong lần anh cùng Khắc Minh, Phan Nhự Thức đón tôi trở về trong sân nhà Khắc Minh với một đoạn chân cụt, Vương Thanh đã khóc thành tiếng như một cậu bé. Những tiếng nấc uất nghẹn của anh cùng những ánh mắt xót xa của Thức, của Minh vào buổi xế chiều ngày hôm ấy, tôi không bao giờ quên. Tình bằng hữu thật sự ấm áp trong những phút chợt lóe lên như vậy. Chân thành cảm ơn bằng hữu. Trong những ngày tại ngũ, Vương Thanh rất ít viết. Anh trở nên ít nói và không chơi thân với ai nhiều. Hình như giữa anh và Hà Nguyên Thạch có một sự hiểu lầm, không biết về sau hai bạn có chóng thông cảm nhau không.

Năm 1984, Hoàng Trọng Bân đưa tôi lên Hóc Môn tìm thăm Vương Thanh, tôi mới biết anh đã lập gia đình, và quyết tâm theo vợ chọn nghề dệt vải để mưu sinh. Hôm đó gia đình Vương Thanh đãi tôi và Bân ăn cơm trưa tại nhà anh. Thằng nào cũng mang nhiều vết thương trong lòng, nhưng rõ ràng chúng tôi đã cùng gặp lại ít nhiều năm tháng cũ. Vương Thanh nói cười nhiều hơn. Chuyện cô Lê Như H. được tôi nhắc nhỏ với Thanh, khi nhìn chị Huy lui cui dọn đồ ăn ra chiếu trải giữa nhà.

Trong những năm đầu cư ngụ tại Montréal, tôi có gởi thư về thăm Vương Thanh nhiều lần, nhưng không được anh hồi âm. Một phần buồn, một phần nản, tôi buông xuôi tất cả cho đến ngày nhận được tin Vương Thanh qua đời, vì tai biến mạch máu não. Cái chết của anh cũng không được anh em bạn văn thông tin đầy đủ. Cho đến hôm nay, tôi vẫn chưa rõ căn bệnh đích thực của anh. Nhưng biết để làm gì. bệnh nào cũng có thể đưa đến cái chết. Và đa số bệnh đều khởi sự từ bệnh nghèo đói, suy dinh dưỡng mà ra.

Từ Thanh Thanh Hoa đến Vương Thanh, Huy lúc nào cũng mang bên mình một chữ thanh. Một từ có nhiều nghĩa đẹp. Chắc Huy đã nghĩ nhiều nhất đến hai chữ Thanh Xuân. Anh đã tạo nên

một Khu Rừng Mùa Xuân và chỉ vĩnh viễn với một khoảng không gian tinh khiết này gợi lại đời. Đâu ai biết một người phương phi tốt tướng, nặng gấp đôi cơ thể tôi, đã nhanh chân hơn tôi gần đến hai mươi năm trên đường về cõi cát bụi. Buồn, vui ai biết hơn ai ?



Bạn Xưa Ảnh Mới



Hoàng Trọng Bản, Nguyễn Văn Pháp, Scotte Jeanne
Nguyễn Văn Phụng, Vĩnh Điện, Phạm Văn Qui
Trần Công Viên, Nguyễn Chí Thiệp, Nguyễn Văn Ngọc (N. Đ_Giang)

Song Thao, người bạn văn, biết sớm, gặp muộn

Để chuẩn bị di cư qua Montréal Québec Canada, năm 1984, gia đình tôi rời thành phố Đà Nẵng, vào tạm trú tại nhà người chị cả tôi, ở số 22 Lê Lợi, quận 1 Sài Gòn. Trong những ngày ngồi không chờ lên đường, tôi có ba lần tình cờ gặp mặt nhà văn Song Thao.



Lần thứ nhất. Trong đám người xô bồ Hoa, Việt, lóng ngóng tại cơ quan lo việc xuất cảnh, 1B Duy Tân, không hiểu sao, tôi đặc biệt chú ý đến một người đàn ông trạc tuổi tôi. Anh gọn gàng tuơng tất, so với cái lè phè của tôi, càng nổi bật về lịch sự, trang nhã của anh.

Lần thứ hai. Giữa lúc chen chúc trong hành lang của một biệt thự lộng lẫy, tại góc ngã tư Tú Xương - Trần Quý Cáp, để chờ được phái đoàn Sở Di Trú Canada phỏng vấn. Tôi chợt bất gặp lại khuôn mặt ông chừng chạc lần trước. Vẫn trang phục bảnh bao, anh đến cùng vợ và bốn con. Chúng tôi nhìn nhau, lạnh lùng, không một nụ cười xã giao. Cái hồi hộp, lo sợ lạ lùng của đám người chờ được phỏng vấn hôm đó, đã tạo ra một khung cảnh nghiêm trang đặc biệt. Gia đình nào cũng tỏ vẻ trầm lặng. Có lẽ vì cái không khí này, tôi đã bỏ ý định gặp anh để tìm thêm một vài kinh nghiệm cần thiết trước khi vào gặp giới hữu trách. Sau này, tôi được biết, lúc đó anh cũng có chú ý đến gia đình tôi và chị Song Thao, loáng thoáng nghe giọng nói của tôi, đã sớm đặt cho tôi một cái tên khá ngộ : “ Cái ông Đà Nẵng “. Chúng tôi ra mắt phái đoàn Canada ở hai phòng khác nhau, và lặng lẽ ra về.

Lần thứ ba. Nắm được giấy đăng ký chuyên bay trong tay, từ 1 B Duy Tân, tôi vội vã ra về thi đụng đầu Song Thao ngay cổng vào. Anh cùng đi với một người đàn ông khác. Họ chặn tôi lại, tỏ ý muốn xem mặt mũi những mẫu giấy tờ tôi vừa được cấp phát. Tôi nôn nóng chia cho Song Thao đọc lướt qua, rồi bỏ đi liền, không chào. Và anh, hình như cũng quên cảm ơn.

Chuyến bay của gia đình tôi trễ gần một tháng so với ngày đã

đăng ký. Chúng tôi được ăn cái tết Nguyên Đán cuối cùng ở Sài Gòn nhờ chính phủ Việt Nam đương thời, bốc đồng sửa lại âm lịch. Lang thang với Hoàng Trọng Bản trong những ngày còn lại, tôi có đề ý tìm gặp người bạn “ cùng đi một đường” mấy lần trước, nhưng đáng tiếc, không gặp.

Cuộc đời ở *appartement* tại Montréal của gia đình tôi bắt đầu ngày 02 tháng 2 năm 1985. Nhưng mãi đến giữa mùa hè 1986, tôi và Lý mới tình cờ gặp lại anh chị Song Thao, bên góc ngã tư Sherbrooke -Saint Laurent. Lần này, bốn chúng tôi không những chào mừng nhau mà còn thăm hỏi xã giao một đôi điều. Chúng tôi tự giới thiệu quý danh và trao đổi số điện thoại. Trong tháng ngày thiếu vắng những bạn vàng, gặp và quen Song Thao, một khuôn mặt mới, nhưng dường như đã thân từ lâu, tôi rất vui. Tuy không rành tướng thuật, nhưng qua năm ba phút đối thoại, tôi nhận ra Tạ Trung Sơn, tên thật của Song Thao, vui tính, bộc trực, cởi mở. Nhớ hôm đó, vợ chồng chúng tôi đang đứng chờ xe buýt với một chậu cây cảnh khá sum suê. Anh Sơn đã vui miệng hỏi:

- Ông bà mua cây gì đây?

Tôi ngớ ra vì không biết tên gọi loại cây vừa mua. Qua hai mùa tuyết lạnh, căn nhà mình cư ngụ dẫu bé nhỏ, vẫn cảm thấy lỏng lẻo. Nên chúng tôi cũng học đòi, bắt chước thiên hạ tha dần về vài chậu cây cảnh, cùng hồ cá, lồng chim...để chêm cho căn phòng giàu thêm sức sống, đỡ phải ngồi ao ước: “...phải chi có con kiến, hay một hai con ruồi...”. Thấy tôi có vẻ bần thần, anh Sơn vui vẻ mách:

- Cây này là cây Sinh Tiền; cái điều này ông bà nhất định nhật hết bạc các của Montréal đây, nhớ dành phần cho tụi này.

Tôi cười như ngầm thỏa thuận. Tiếc thay, chưa đầy một năm sau, cái cây mang tên Sinh Tiền do anh Sơn gọi, đã bị cái tính ưa đổi mới của tôi loại bỏ. Lâu rồi, quên hỏi anh Sơn, có loại cây Sinh Tiền hay không. Nếu có, mách tôi mua về, xem thử ở vài thập niên cuối cùng của đời người, mình có thêm một bóng hồng nào nữa hay không?

Sau lần gặp gỡ đó, chúng tôi có thêm vài lần tình cờ gặp nhau đôi ba phút tại các siêu thị, vào những ngày cuối tuần. Mỗi giao hảo của chúng tôi vẫn ở trong lần mức xã giao bình thường của những người cùng một dân tộc xa xứ. Chúng tôi không ai tiết lộ cái nghề tay trái xưa kia của mình. Mãi đến một buổi tối, tôi nhận

được một cú điện thoại:

- A lô cho gặp ông Châu.

- Xin lỗi, tôi đây.

Bên kia đầu dây, tiếng cười đi liền với câu hỏi:

- Ông là Luân Hoán phải không ? Tạ Trung Sơn đây.

Im vài giây.

- Sao ông biết vậy.

- Thì vừa mới đọc Làng Văn. Bà xã tôi đưa tấm ảnh “cái ông Đà Nẵng” in trên đó ra hỏi là tôi nhận ra ông ngay.

Tôi vui nhưng thoáng có chút bối rối, tính tôi hay mắc cỡ khi bất chợt có người lạ hoặc chưa quen thân gọi, nhắc đến bút hiệu của mình.

- Thì buồn viết bậy vậy thôi.

Tôi chưa biết nói gì thêm, anh Sơn tiếp:

- Nay, tôi biết tên ông lâu rồi nghe, từ cái hồi làm ở Thời Nay.

Tôi bỡ ngỡ:

- Ủa, anh có làm ở Thời Nay ?

- Tôi là Song Thao.

- Hà!

Tiếng “hà” của tôi đầy ngạc nhiên và vui vẻ. Song Thao, một cái tên không xa lạ với tôi. Khởi nghiệp viết báo từ năm 1959, Song Thao có nhiều bài viết đăng tải cùng lúc với thơ tôi trên nhiều tạp chí. Anh là cây bút thường xuyên của Thời Nay, Thời Việt, Đồi Nay, Tim Hiểu. Tôi với anh còn quen tên nhau đậm đà trên tạp chí Văn Học của Phan Kim Thịnh. Riêng ở bán nguyệt san Thời Nay, anh giữ nhiều mục, có cả lúc tuyển chọn thơ, nên anh nhắc hỏi đến những Nguyễn Thị Liên Phụng, Thái Tú Hạp, Hoàng Thị Bích Ni...những bạn thơ có gốc cội Trung phần như tôi. Sau khi nhận “bà con”, chúng tôi hào hứng hàn huyên. Giao tình bạn hữu giữa chúng tôi bắt đầu khởi sắc. Cảm ơn anh Hồ Trường An dưới bút hiệu Đào Huy Đán đã nối cho giao tình này từ những câu phỏng vấn của anh.

Đời sống trên xứ người, so với những năm trước 1975, đối với chúng tôi, quả có nhiều thua thiệt. Song Thao tâm sự về thời gian vàng son của anh:

Sau 6 ngày hiệp định Genève được ký kết, Song Thao theo thân phụ, một cựu viên chức của ngành không quân Pháp vào

tới thành phố Sài Gòn ngày 26 tháng 7 năm 1954. Chiều dài con đường học vấn của Song Thao thật bằng phẳng. Từ Dũng Lạc Hà Nội, qua Chu Văn An để rồi tốt nghiệp Đại học Văn Khoa Sài Gòn năm 1964. Trong thời kỳ sinh viên, anh đã có thể tự giải quyết về những chi phí của mình bằng cách cộng tác với các tờ báo, kể cả nhật báo Sống của nhà văn Chu Tử và dạy giờ tại trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu. Tốt nghiệp xong, Song Thao trở thành chuyên viên nghiên cứu của Bộ Xã Hội nắm giữ chức vụ Chánh Sự Vụ. Ngoài hai lần được tu nghiệp ở Hoa Kỳ, 1967; Phi Luật Tân 1973; anh còn có duyên thăm viếng các quốc gia Nhật Bản, Đại Hàn, Hồng Kông. Với một vốn liếng kiến thức như vậy, vẫn chưa đủ để trở thành một công dân bình thường của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, nên sau 1975, Song Thao được tiếp tục vào đại học cải tạo tư tưởng ở Long Thành. Cuối năm 1976, anh “tốt nghiệp”, có quyền về mở quán cà phê ở Phú Nhuận. Song song với nghề bán cà phê, Song Thao còn chịu khó học nghề sửa radio, tivi và tập tành vào nghề xây cất. Rất may, kể từ năm 1980 đến năm 1983 anh được trở lại bục giảng của trường cấp ba Thanh Đa trong bộ môn Anh Văn. Song Thao nộp đơn xin đoàn tụ gia đình tại trụ sở Nguyễn Du cuối năm 1983 và đến Montréal, Canada ngày 5 tháng 6 năm 1985. Một năm sau, mùa hè năm 1986, anh dự thi và trúng tuyển làm biên tập viên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ. Nhưng bất ngờ, Đài bị cúp giờ phát thanh nên không tuyển dụng anh ngay được, anh đành ở lại xứ lạnh này sinh sống với một nghề khiêm nhường hơn. Không hiểu với nghề nghiệp mới đã tiêu phí của anh bao nhiêu thời gian, công sức mà những năm đầu dựng nghiệp, anh có vẻ rất lười cầm bút.

Lợi dụng tinh thần hữu đang tốt đẹp, tôi hết lòng rù rê anh trở lại cuộc chơi. Trong một tập thơ viết về nhiều khuôn mặt bạn bè, tôi đã tặng Song Thao 4 câu :

*Nợ com áo, nợ xe nhà
Cong lưng anh trả tà tà khoai chua
Nợ văn chương nở chịu thua ?
Ở đây giấy bút quá thừa, mời anh*

Không hiểu khả năng chiêu dụ của bốn câu trên ra sao, nhưng chẳng bao lâu, tôi mừng thấy Song Thao hào hứng tán đồng và

một loạt truyện ngắn được đăng tải trên các tạp chí Làng Văn, Văn Học, Văn, Năng Mới, Thế Kỷ 21, Đi Tới... Với thân tình cùng anh Trương văn Nghĩa, giám đốc kiêm chủ nhân nhà xuất bản Kinh Đô tại Houston Hoa Kỳ, tôi giới thiệu nhà văn Song Thao và được anh Nghĩa nhận lời xuất bản tập truyện đầu tay của anh, tập Bỏ Chốn Mù Sương. Trong khi chờ đợi anh Vũ Ngọc Hiến sắp chữ, tôi và Song Thao lo trình bày bìa. Tôi đã mượn phép họa sĩ Nghiêu Đề, lấy ảnh chụp một bức tranh của Nghiêu Đề gửi tặng, tặng lại Song Thao làm mẫu bìa. Cái tội của tôi không những chỉ ở lỗi tự ý quyết định, mà tôi còn to gan lợi dụng tình bạn lâu năm, thay mặt tác giả, ký đại trên bức tranh. Khổ thay, giấy ảnh quá láng, không dùng viết đặc biệt, nên chữ ký giả không có chút hơi thở nào của Nghiêu Đề. Không vừa ý, tôi tẩy sửa đậm ra lem nhem. Đã có lỗi với Nghiêu Đề, tôi còn làm buồn cả Song Thao. Dù hai anh có tha cho, tôi cũng khó tha cho mình, nên tự hậu xin chừa cái tật ẩu tả, lợi dụng này.

Tác phẩm thành hình từ Houston gửi về, Song Thao đề tặng ngay các bạn văn của anh. Trong quyển dành cho tôi, ngoài lời đề tặng anh còn cho cả thơ :

*ở đây giấy bút quá thừa
bạn trao, ta cứ viết bừa cho vui*

Song Thao không phải viết bừa, anh đã hoàn tất một tác phẩm đúng nghĩa với đầy tâm huyết của anh.

Tập truyện Bỏ Chốn Mù Sương thành công ở cả hai mặt: giá trị nghệ thuật và số lượng tiêu thụ. Trong đêm ra mắt sách cùng lúc với thi phẩm Ngày Qua Rất Vội của nhà thơ Lưu Nguyễn, được tổ chức tại Montréal ngày 22 tháng 5 năm 1993, nhà văn Hồ Đình Nghiêm đã đưa ra những ưu điểm của tác phẩm Bỏ Chốn Mù Sương :

“...Nhà văn Song Thao là người kể chuyện rất mực đàng hoàng từ tốn. Văn anh giản dị trôi chảy, anh không phải là người ưa chơi khó người đọc...một giọng văn tinh táo, nhẹ nhàng không bản gắt..”

“Nhưng với tôi (HĐN), có lẽ điểm nổi bật nhất trong truyện ngắn của Song Thao là anh luôn quan tâm, đề cao phong tục, tập quán, sự thuận thảo, kính trên nhường dưới có phép tắc của người

Việt. Anh viết nhiều đến đời sống chốn này, mượn cuộc sống xa lạ này làm hậu cảnh, lót nền. Những nhân vật phản diện mang tên Alain, Kristina, Claude, Sylvie, Marie... đã như những vệt màu lạnh trên khung bố làm nổi bật cái đốm màu nóng chủ điểm mà anh muốn nhấn mạnh. Và bức tranh ấy đậm đà hẳn lên nhờ anh biết khai thác tâm lý của những nhân vật luôn luôn đối chọi nhau bởi những điểm dị đồng..”

(Nắng Mới số 21 tháng 6/1993)

Một độc giả khác, nhà văn Hà Thúc Sinh, sau khi phân tích những ưu điểm chín truyện ngắn của Song Thao, qua một giọng văn rất linh hoạt, đi xa với ngôn ngữ điềm sách thường có, anh đưa ra một nhận định để kết thúc bài viết :

“ Tôi ngừng nghe chuyện kể của tác giả Song Thao nơi đây với chút ý nghĩ bàng khuâng thế này : anh có giọng kể duyên dáng, ví von thông minh, có nhiều chi tiết mới lạ trong đời sống được khám phá bất ngờ. Nhưng với tác phẩm đầu tay (?) này, xem ra anh còn sung sức quá, có thể vì đó mà có nhiều chỗ hơi ức, nhiều đoạn diễn tả tâm trạng hay tâm tình các nhân vật, anh chăm ngồi bút hơi mạnh, hơi sâu vào bình mực. Điều đó cho người đọc niềm tin rằng ở những tác phẩm tới, có thể nhờ chút “môi tay”, anh sẽ hạn chế được lượng mực và người đọc không lo gì mà sẽ được đọc thêm nhiều truyện ngắn mới vẫn rộn ra, nhiệt tình nhưng dưới hình thức ngắn gọn, chặt chẽ và xa thể kỷ sự hơn”

(Nắng Mới số 23 tháng 8/1993)

Với tôi, truyện ngắn của Song Thao có vẻ không ngắn chút nào. Bởi hình như anh rất ham nhìn vào tận bản sắc và từng chi tiết chung quanh những nhân vật anh dựng. Đồng thời anh vịn vào những hình ảnh đó để phê phán kín đáo những khía cạnh của cuộc sống và đưa ra cái nhân sinh quan của mình. Nói tóm, truyện của Song Thao gần như có một chủ đích mà chủ đích đó là vun quén tinh thần dân tộc.

Chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Và cuối mỗi tuần thường gặp mặt ở các quán cà phê. Song Thao là người phải tiêu nhiều thời gian trên xa lộ để đến điểm hẹn, nhưng chả khi nào anh than. Anh quý bạn và ham đọc. Mặc dù tình hình



sinh hoạt văn học ở Montréal có vẻ chùng xuống nhưng chúng tôi vẫn sáng tác. Riêng Song Thao, giữa năm 1996 tác phẩm thứ hai của anh được trình làng, tập *Đông Đưa Cuộc Tình*. Lần này tôi lại khêu Đinh Cường để tặng anh một mẫu bìa. Tác phẩm không ra mắt nhưng lượng tiêu thụ khả quan và Song Thao mắc lại chứng bệnh ham viết như thời còn ở Việt Nam. Ngoài Văn Học, Hợp Lưu, Văn, Thế Kỷ 21, tôi còn rủ anh tặng truyện cho Sóng Văn, một tạp chí mới do hai anh em Nguyễn Sao Mai, Hoàng thị Bích Ti ở Hoa Kỳ chủ trương, mở đầu mỗi cho *Còn Đó Bóng Hình*, tập truyện thứ ba của Song Thao, được nhà xuất bản Văn Mới gửi đến bạn đọc năm 1997. Hai năm sau, năm 1999, tập truyện thứ tư của Song Thao, *Chân Màng Giày Số 6*, cũng lại được nhà Văn Mới xuất bản. Có lẽ Song Thao có duyên với Ông Nguyễn Khoa Kha, chủ nhân Văn Mới, nên năm 2000 tập truyện ngắn *Cuối Ngày, Một Lần Ngồi Lại* được gửi đến bạn đọc, và năm 2003, *Bên Lưng Những Con Chữ*, một tập truyện ngắn khác của anh cũng được ấn hành. Trong tình trạng tiêu thụ văn hóa phẩm không lấy gì làm khả quan của thị trường chữ nghĩa Việt ngữ hải ngoại, việc ấn hành liên tiếp nhiều tác phẩm, minh chứng vững chắc giá trị nghệ thuật sáng tác và nội dung phong phú của Song Thao. Truyện của

anh còn phổ biến rộng rãi trên các trang điện toán. Nhiều trang chủ lịch sự xin phép, và cũng không ít địa chỉ “vô tư”, lặng lẽ gửi đến bạn đọc. Đang trên tốc độ phát triển tốt đẹp như vậy, nhà văn Song Thao bỗng tạm ngưng sáng tác truyện ngắn để viết phiếm. Việc chuyển đổi thể loại của anh, nhiều bạn văn có ý kiến hơi khác nhau. Nhà văn Nguyễn Sao Mai tỏ ý hơi tiếc cho Song Thao, nhà văn Nguyễn Mộng Giác thì nhận xét ngược lại, ông cho rằng đây là một thay đổi hợp lý. Cá nhân tôi, từng thú vị khi đọc những trang phiếm của Song Thao trên tạp chí Năng Mới ở Montréal, nên rất ủng hộ ông bạn đã giữ mục Những Điều Trông Thấy trên nguyệt san Thời Nay ở Sài Gòn năm nào. Sự đồng tình của tôi hoàn toàn không phải vì trong nhiều bài phiếm của Song Thao có trích dẫn thơ tôi. Dĩ nhiên tôi cũng như nhiều bạn thơ khác rất vui được anh nhắc đến. Vốn sống, trình độ văn hóa, cách quan sát, nắm bắt đề tài và nghệ thuật luận bàn hết sức thông minh, dí dỏm tạo nên giá trị cao cho từng trang phiếm Song Thao. Để trở thành một chuyện phiếm từ mỗi góc cạnh thật nhỏ của cuộc sống, Song Thao phải giàu công góp nhặt tài liệu, rồi dùng trí tuệ để đúc kết nó thành những bài học nho nhỏ về quan niệm sống, cách xử thế, trải ra bằng những nụ cười. Chuyện phiếm của Song Thao nhờ đó mỗi ngày một giàu bạn đọc, không phân biệt trí thức hay bình dân. Trong vòng hai năm, 2005 và 2006, anh cho in liền hai tác phẩm Phiếm. Cuốn nào cũng trên ba trăm trang. Mức tiêu thụ phải được coi là lý tưởng. Cuốn Phiếm 1 của anh đã hết, nhưng người hỏi mua còn khá nhiều, nhà xuất bản Nhân Ảnh tại Toronto Canada của Lê Hân đang chuẩn bị tái bản. Để minh chứng giá trị tác phẩm phiếm của Song Thao, tôi trích dưới đây một số nhận xét của văn giới:

Nhà văn Phạm Phú Minh, chủ bút tạp chí Thế Kỷ 21 tại Hoa Kỳ:

... “Nghệ thuật viết phiếm là một loại nghệ thuật riêng biệt, không ai giống ai, giống như cái duyên dáng của một người kể chuyện vui vậy. Và chúng ta đang có một trường hợp cụ thể để xem xét, là cuốn PHIẾM của Song Thao. Thật ra hiện nay rất ít người viết phiếm thành công như Song Thao, và lại với một số lượng dồi dào đủ để in thành sách, nên đây là trường hợp hy hữu để khảo sát một loại hình viết lách không phải là mới lắm, nhưng

ít có người viết một cách say mê kiên trì như Song Thao.

... Song Thao viết chuyện phiếm rất đều tay, mỗi tháng “đúng hạn lại lên” đều gửi cho Thế Kỷ 21 một bài với ba đề tài, ngót nghét gần mười ngàn chữ. Độc giả thích ông ngay từ những bài đầu tiên. Báo Thế Kỷ 21 chữ nhỏ, mỗi trang chứa độ một ngàn chữ, như thế mỗi bài phiếm của Song Thao chiếm gần mười trang báo. Kinh nghiệm làm báo cho chúng tôi biết rằng một bài báo đến mười ngàn chữ là vào hạn quá dài, thường là phải cắt đôi để “kỳ sau tiếp,” nếu không sẽ gây nản cho người đọc. Nhưng phiếm của Song Thao thì khác, người đọc “tiêu thụ” mười trang dễ như không, lại còn viết thư về Tòa soạn để nói rằng họ thích lắm. Yếu tố nào khiến ông thành công như thế?

Trước hết là đề tài. Toàn là những đề tài gần gũi trong cuộc sống, không rả c rối cao xa...

... Ngẫm ra, viết được mấy trang như giỡn ấy không phải là dễ. Ngoài cái duyên và cái chắt t hài hước trời cho cộng với khả năng sáng tác văn học vững chắc của mình, tác giả bắt buộc phải đọc nhiều và nhớ nhiều. Tài liệu ngày nay như rừng như biển trong báo chí, sách vở và internet, phải chịu khó sưu tầm tìm đọc những gì có liên quan đến đề tài mình viết. Thời đại này là thời đại của kiến thức, người cầm bút mà không trau dồi kiến thức thì trang viết sẽ dễ trở nên hời hợt, chữ nhiều hơn ý. Nhiều người nghĩ bản chất của Phiếm là lan man, viết gì lại chẳng được, nhưng nghĩ thế là lầm. Mỗi bài Phiếm của Song Thao là một công phu. Là một nhà văn, trước hết tác giả trao cho chúng ta cái khía cạnh cảm xúc của đề tài, thường bắt nguồn từ vốn sống và kỷ niệm của riêng mình với bạn bè thân hữu qua các câu thơ, câu văn, lời nói. Tác giả sử dụng nguồn tư liệu sống này rất tự nhiên, như là một cách chia sẻ với độc giả cái thế giới thân mật của những người làm văn nghệ với nhau. Về lâu về dài, với sự đãi lọc của thời gian, một số câu chuyện có vẻ riêng tư này có thể thành những giai thoại hay tài liệu văn học cho đời sau...”

Nhà thơ Lưu Nguyễn, trong Luân Hoán, Một Đời Thơ:

“...Chuyện phiếm, theo tôi, thường là những mẩu chuyện chung chung, vui vui, quanh quanh, quẩn quẩn trong cuộc sống hằng ngày. Chuyện có đủ giản dị và cũng không thiếu phức tạp

để trình bày rõ ràng những hình ảnh sống động mà chúng ta vẫn bắt gặp. Người viết truyện ngắn, kẻ viết truyện dài, người viết tùy bút kẻ viết hồi ký...viết cái gì...tác giả cũng có, cũng cần một mục đích. Có và cần luôn luôn giúp người bút vững mạnh hơn. Giá trị của mỗi trang chữ nằm trong suy tư và lối diễn đạt của người viết, không cứ gì ở thể loại.

... Riêng tôi rất chịu cái lối kể chuyện đầy ngẫu hứng của Song Thao. Dí dỏm, duyên dáng lẫn thông minh đã giúp người bút của ông tạo nên những trang chữ linh động..”

Nhà thơ Du Tử Lê trên trang tin văn học:

“...Với sức sáng tác mạnh mẽ và rộng khắp nhiều lãnh vực, lần này, tuyển tập truyện “Phiếm” của Song Thao mang lại cho người đọc một chân dung khác. Chân dung một nhà văn với nụ cười hóm hỉnh, cùng những nhận xét tinh tế, bất ngờ, thú vị...”

Nhà văn Trà Lũ trong một bài nói chuyện với thính giả:

“...Đọc xong 380 trang sách trong cuốn Phiếm, tôi thấy mình được thư giãn hoàn toàn vì được cười rất thoải mái. Ông bà ta nói : Một tiếng cười bằng 10 thang thuốc bổ. Xin cảm ơn Bác Sĩ Song Thao đã cho tôi rất nhiều thuốc bổ.

Ngoài ra, tôi còn được tặng thêm kiến thức và học hỏi được rất nhiều điều vừa mới lạ vừa bổ ích. Xin cảm ơn Giáo Sư Song Thao”...

Còn rất nhiều những nhận xét khác, như của nhà văn Nguyễn Đình Toàn, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn...nhưng tôi không thể trích dẫn tất cả, nhất là các nhận xét từ bạn đọc được đăng trên một vài tạp chí. Cuốn Phiếm 1 của Song Thao cũng tạo thêm cho tôi một kỷ niệm rất đáng nhớ với anh. Đó là chuyện đi ra mắt sách tại thành phố Mississauga ngày 18 tháng 6 năm 2005, do nhóm Hy Vọng Cho Tuổi Thơ (Hope For Kids) bảo trợ, tổ chức.

Theo dự trù, Song Thao sẽ chở tôi và ba tác phẩm: Phiếm, Luân Hoán-Một Đời Thơ và Tác Giả Việt Nam bằng xe của anh. Một ngày trước khi lên đường, anh đã mang xe lên garage của anh Đào Trọng Quyền kiểm tra, thay dầu mỡ cẩn thận.

Thật bất ngờ, đêm đó năm ba anh giang hồ đã vào bãi đậu sau nhà anh, mượn tạm chiếc xe. Khoảng một giờ trước khi khởi hành, Song Thao mới phát hiện chuyện hi hữu này. Trong khi đã nghiêm quần áo, sẵn sàng lên đường, tôi được Song Thao báo tin này. Tôi gọi ngay xuống Mississauga cho Lê Hân. Em trai tôi thường thuê xe với giá tương đối thấp, đảm nhiệm việc gọi ngược lên Montréal để lo phương tiện. Xe đã thuê được, Song Thao nhận tin từ cảnh sát, xe anh đã tìm thấy, cho anh địa chỉ để đến nhận. Việc nhận lại xe tưởng đơn giản nhưng rất tốn thời gian. Kê giang hồ mượn tạm chiếc xe già nua của Song Thao, cuối cùng, đã vớt chiếc xe nơi một thành phố nằm về phía nam của Montreal, thành phố Longueuil. Cảnh sát Longueuil gọi tới nhận xe vào buổi sáng ngày thứ bảy, ngày chúng tôi dự tính đi Toronto. Anh Song Thao và con trai sang làm thủ tục lãnh xe tại trụ sở cảnh sát. Sau đó qua bên “phủ de” để lấy xe. Nhằm sáng thứ bảy, nơi này đóng cửa, chỉ có một nhân viên trực mà cảnh sát đã cẩn thận cho anh số điện thoại di động của người này. Điện thoại thì anh nhân viên này cho biết là đang bận đi câu xe cho cảnh sát nên sẽ trở về trong vòng nửa tiếng nữa. Chờ hơn một tiếng, anh chàng này vẫn chưa ló mặt. Điện thoại nữa, lại đang có một vụ câu xe khẩn cấp nữa, sẽ về trong khoảng một tiếng! Đã tới giờ phải đi Toronto, không thể trễ hơn được, Song Thao đành đi về, bỏ lại việc lấy xe cho cậu con trai ở nhà lo tiếp. Sau này, khi chiếc xe được lấy về, anh Song Thao mới gọi điện thoại khoe với tôi một cách thú vị: “*Xe tôi bây giờ hơn đứt xe anh! Nhờ mấy anh đạo chích mà xe tôi bây giờ muốn đi mấy thì cứ việc xoay luôn cả ổ khóa là xong, chẳng cần chìa khóa làm chi cho rắc rối. Xe anh còn phải tra...nửa chiếc chìa khóa vào mới chạy được!*” Giọng anh cười sáng khoái. Nguyên là chiếc xe của tôi bị gãy một nửa chìa khóa nằm trong ổ, một nửa dính trong chùm chìa khóa nên khi đề máy tôi chỉ cần dứt nửa chìa vào ổ là xong. Tôi vẫn tự hào về chuyện chỉ cần dùng nửa chìa khóa trong khi mọi người phải dùng nguyên cả chiếc! Chúng tôi quyết định dùng xe thuê để lên đường. Khởi hành muộn hơn dự trù khoảng ba giờ, nhưng chiếc *Sebring* mới cáu, đường thênh thang, Song Thao chạy một mạch, không cần ngủ lấy hơi năm ba phút ở dọc đường như thường lệ. Tôi ngồi một bên tay lái, ba hoa nhiều chuyện, giữa giọng ca Khánh Hà, một giọng hát anh chị Song Thao rất thích. Và tôi còn đặt thơ nữa. Thơ rằng:

*Đất nhà chưa hẳn mắt thiêng
ham vui qua xóm láng giềng bển duyên
ngồi bên tay lái bạn hiền
đi cho đến tận cái ghiền thú chơi*

*ra mắt sách...chỉ vậy thôi
mà sao chợt toát mồ hôi ngại ngại ?
viết chưa tới, ý chưa cùng
có là một đứa con chung mọi người ?*

*bất ngờ chợt cảm thấy vui
sách chưa bán đã lời rồi thấy không
lãi tình bạn đọc có lòng
vào trong ổ chữ cùng nằm lim dim.*

Cả hai chúng tôi đều hào hứng đến nỗi quên cả đồ xăng, khi đồng hồ báo tin xe sắp thiếu nhiên liệu mới giật mình, ra exit tìm cây xăng. Một thú vị thật bất ngờ, đồ xăng xong quay ra đường mới nhận ra điếm đang đứng chỉ cách nhà nhạc sĩ Phan Ni



*Bạn văn tại nhà ST: Song Thao, Hoàng Chiều Nhân, Nguyễn Minh Đức,
Trang Châu, Lưu Nguyễn, Hoàng Xuân Sơn, Luân Hoán, Hồ Đình
Nghiêm (ngồi dưới sàn nhà)*

Tấn chừng vài trăm thước. Địa chỉ 57 Shoreham Dr. Downsview trở thành điểm đến đầu tiên thay vì 3359 Scotch Pine Gate, Mississauga. Có đến bốn, năm cuốn Phiếm được bán mở hàng tại Toronto ngay tại nhà Phan Ni Tấn. Khách ái mộ chuyện phiếm của Song Thao quả là phong phú, đã gởi tiền sẵn cho chủ nhân nhờ mua.

Đêm đó tại nhà Hân, chúng tôi gặp lại những người bạn cũ như Bắc Phong, Phạm Đình Cường...cùng một số bạn mới, trẻ tuổi hơn chúng tôi. Các bạn tụ lại để tổng dợt phần ca nhạc giúp vui cho chương trình trưa mai. Tôi mệt, đi nằm sớm, nhưng chập chờn khó ngủ. Lý bỏ sẵn vào túi áo tôi cái máy phát âm tràng kinh Phật với ngôn ngữ Trung Hoa, tôi mở nghe. Giọng tụng buồn, không đậm thắm như giọng ru em xa xưa nhưng cũng đủ giúp tôi chìm dần vào giấc ngủ, thêm một đêm vắng hơi vợ, nhưng đã qua thời mơ mộng vẽ bản đồ rồi.

Buổi sinh hoạt ra mắt sách của chúng tôi được tổ chức tại thánh đường Noel Ryan Hall của thành phố Mississauga. Nhà văn Trà Lũ giới thiệu về tác phẩm Phiếm của Song Thao. Nhà văn Võ Kỳ Điền trình bày nhận xét về cuốn Luân Hoán, Một Đời Thơ của nhiều tác giả do Lê Hân thực hiện. Anh Đoàn Phế giới thiệu chung hai tác phẩm này. Trong phần cảm ơn thánh giả tham dự và ban tổ chức, anh Song Thao có nhắc qua cuốn Tác Giả Việt Nam, một tác phẩm của tôi sưu tập được in vội, gởi gấp từ Hoa Kỳ qua để kịp ra mắt, nhưng đáng tiếc, thiếu người giới thiệu. Có mặt trên bàn bày bán tác phẩm còn có cuốn Thi Sĩ Với Chiếc Máy Ảnh của nhiếp ảnh gia Lê Anh Tài từ Anh quốc gởi sang. Dù khách tham dự khiêm nhường vì bị chi phối bởi một vài cuộc sinh hoạt khác cùng giờ, nhưng kết quả nhìn chung không đến nỗi nào. Chúng tôi được ngồi nghe bạn bè nói về công trình của mình, được nghe các giọng ngọt ngào của Toronto. Bắc Phong, Phan Ni Tấn cũng rất hết lòng góp vui.

Sau buổi ra mắt, vợ chồng Phan Ni Tấn khoản đãi cơm tối thân mật tại gia. Thật không có gì vui hơn anh em làm văn học nghệ thuật lâu ngày gặp nhau. Tôi hình như có vui hơn anh Song Thao một chút, vì tôi được gặp lại hai người bạn rất cũ: anh Trần Gia Phụng và chị Phan Thu Hà, một người đẹp một thời của Đà Nẵng, một nhân vật đã sống cùng thơ tôi. Cảm ơn lắm.

Vào ngày 7 tháng 5 năm 2006 đến đây, tôi và Song Thao sẽ trở lại địa điểm sinh hoạt này một lần nữa để trình làng Phiếm 2 của Song Thao; Quá Khứ Trước Mặt, hồi ký rời của tôi và cuốn Tác Giả Việt Nam tái bản với khổ lớn có chân dung tác giả cùng sự trình bày bìa của họa sĩ Đinh Cường. Thi phẩm của Hoàng Xuân Sơn và tuyển tập nhạc của Phan Ni Tấn cũng trình làng với chúng tôi. Ngoài ra còn có sự hiện diện, trình diễn của nhạc sĩ Từ Công Phụng với các ca khúc tình yêu của ông. Một số bạn văn từ những tiểu bang bên Hoa Kỳ cũng dọa sẽ về tập hợp hàn huyên với nhau một buổi nhân dịp này. Tôi nghĩ, không khí sinh hoạt hôm đó sẽ vui lắm.

Cuộc đời sinh hoạt văn học của anh Song Thao rất phong phú. Những ngày tháng kế tiếp hứa hẹn càng ngoạn mục hơn, bởi vì anh đã vừa xong món nợ kéo cày của cái nghề tay phải. Thời gian hiện nay của anh dành hoàn toàn cho du lịch, cho sáng tác. Anh chị Sơn, Hương sẽ đi thăm Trung Quốc, đi nhìn Thái Lan, Nhật Bản như từng đi Cuba, Hương Cảng... Cuộc đời Song Thao thật tròn đầy hạnh phúc. Bốn đứa con gồm ba gái một trai của anh chị đều thành đạt, ổn định. Và niềm hạnh phúc nhất của anh, người đẹp cố đô Huế vẫn dịu dàng, ngọt ngào lo cho anh từng món ăn ngon miệng, từng giấc ngủ đậm đà tinh trắng mặt.

Tôi và Song Thao gần như mỗi ngày đều có ít phút chuyện trò qua điện thoại. Chuyện quanh quẩn linh tinh, thời sự, chính trị, văn học đều có. Và cũng không quên báo cho nhau biết một địa chỉ hay vừa gặp bất ngờ trên *internet*, một kết quả của trận *hockey* vừa qua, một huy chương mà Canada mới dành được trong Thế Vận Hội Mùa Đông 2006 tại Torino, Ý.... Cuộc sống của chúng tôi, những người hàng tháng lãnh lương tuổi vàng để chờ đợi giờ lên đường cho chuyến đi miền viễn, kể ra khá thanh nhàn. Tuy Song Thao cũng như tôi đều đang dùng thuốc ổn định nhịp máu, nhưng sự lo lắng về chuyện ra đi ít hơn những năm trước đây. Bước qua ngưỡng cửa 65, hình như thấy trẻ lại, sung sức hơn, yên tâm, vừa lòng với tuổi sống của mình hơn. Cái bệnh ù ù trong lỗ tai của tôi vẫn còn đó, nhưng tôi đã vô hiệu hóa sự chi phối của nó. Tôi nghe rất rõ từng hơi thở, từng đường bay của giọt tuyết, cánh chim. Vừa ngồi gõ bài vừa nghe nghe Ý Lan, Diễm Liên, Ánh Tuyết... hát là chuyện bình thường. Không luyện được

việc nghe cứ nghe, nghĩ cứ nghĩ, viết cứ viết, thì khó lòng thường thức hết các bộ phim tàu Đông Châu Liệt Quốc, Hoàn Châu Cát Cát, Phi Dao Phục Thù...hay các bộ phim Việt Nam: Ngọn Nến Hoàng Cung, Con Đường Gian Khổ, Dòng Đồi, Cầu Trầm...Cũng vì nghĩ, viết, đọc, nghe...trong căn phòng đóng kín cửa trên gác, tôi đã nhiều lần không nghe được tiếng chuông cửa do các nhân viên của bưu điện, UPS...bấm gọi giao thư, bưu phẩm. Anh Song Thao lại mách nước. Tôi gắn thêm một chuông mới ngoài cửa, mà nguồn âm thanh gắn vào ổ điện gần chỗ ngồi, từ đó tôi đỡ mất thời giờ đi lãnh quà, lãnh thư.

Anh Song Thao đang trong thời kỳ điều chỉnh lại thị giác. Đôi mắt anh có một chút vấn đề, đó là bệnh nhãn áp glaucoma. Bệnh không khó trị, nhưng mỗi tháng một lần anh phải chi tiền. Nhìn chung, anh Song Thao vẫn là một trung niên hồng hào lắm, anh có máy tập đi bộ tại nhà. Anh thường đi đây đi đó thở hít không khí trong lành, bệnh cảm cúm có ghé thăm cũng không ở chơi lâu với anh. Còn tôi, cũng không nghèo, có ...một chiếc xe đạp không bánh, vài chục đồng, một cặp tạ sắt nặng 5kg, và cái sấy tóc. Tạ mỗi ngày quơ qua quơ lại vài chục cái, xe đạp tuần đạp mười phút. Nhưng mỗi ngày phải sấy cái lưng năm ba lần. Sức nóng làm giãn nở bắp thịt, xua đuổi mệt mỏi thật công hiệu. Tôi vẫn có thể ngồi gõ, dán mắt vào màn hình từ 6 giờ sáng đến 9 giờ tối là chuyện bình thường. Cán cân thể lực giữa tôi và anh Song Thao nhìn qua là nhận ra ngay sự chênh lệch. Nhưng rồi ai sẽ đi trước ai? Chuyện buồn này rồi sẽ phải đến thôi. Để đạt được tuổi đời của ông nội cũng như thân phụ, tôi phải sống thêm 19 năm nữa. Anh Song Thao, ra đời trước tôi hai năm, anh muốn qua mặt phụ thân anh, cần phải tập thể dục thêm 25 năm nữa. Đùa vậy thôi, dù chỉ sống thêm một ngày chúng tôi vẫn vui. Chúng tôi luôn luôn là những trung niên chịu chơi.

Để tạm ngừng đoạn dựa hơi nhà văn Song Thao, tôi ghi lại mấy câu ngũ ngôn đã dành tặng anh. Thơ như là món ăn tráng miệng:

*Chân mang giày số 6
công Hương qua đại dương
tâm mang tượng thánh giá*

*sá chi côi đời thường
giữa đời khô khốc bụi
dòng phiếm sáng như gương
treo nụ tình nhân ái
trong từng mảnh đời thường*

(Luân Hoán-Một Đời Thơ)



Phạm Thế Mỹ, nhạc vẫn ngấm trong lòng quê hương

Có những cuộc chạm mặt bất ngờ, chớp nhoáng rồi chấm dứt, nhưng nhiều năm sau chợt trở nên thân tình khi gặp lại. Tôi đã được một cơ hội như vậy. Khoảng năm 1955, gia đình cha mẹ tôi thuê nhà cư ngụ bên dốc Cầu Vòng Đà Nẵng. Hồi đó tuy đã được 11 tuổi, nhưng tôi vẫn còn là một cậu bé khờ khạo và rất quê mùa. Ngày nào cũng áo cụt tay, quần đùi, đi chân đất. Tóc thuộc loại rể tre, lại hớt ngắn nên



thường dựng đứng lờm chờm như lông nhím. Không tháng nào không giải quyết bớt cái nạn tóc nhiều. Mỗi lần như thế, tôi chỉ được quyền gọi vào sân một ông thợ hớt tóc dạo, vừa đứng lúc đi ngang. Một cái ghế đầu đặt trong bóng mát nghiêng nghiêng từ mái nhà trải ra. Tôi ngồi thòng chân trên ghế, mặt cúi nhìn tấm vải trắng đã ố vàng hoặc vẫn vợ nhìn những cọng rác vô tư trên nền sân đất. Tiếng tông đơ kêu xanh xạch từ ót lên, nhột nhột vòng quanh hai mang tai...Chỉ năm, bảy phút là xong. Chuyện trả tiền, chuyện quét dọn sau đó có má tôi lo. Nhưng có một hôm, ba tôi cho tiền và chỉ cho tôi đến một tiệm hớt tóc gần nhà. Tôi không lạ gì tiệm hớt tóc này, vì đã từng đi ngang, ghé mắt nhiều lần. Tiệm nằm trên đường Khải Định, gần ngã tư Thống Nhất, cũng được kể là một loại ngon lành thời bấy giờ. Được đi hớt tóc tại tiệm còn gì sung sướng hơn. Tôi hí hửng chạy một mạch chừng ba trăm thước thì tới nơi. Chẳng phải do cơ thể hoạt động tích cực vì chạy. Nhưng không hiểu tại sao tôi vô cùng hồi hộp khi dừng chân trước cửa tiệm. Mấy cái ghế nằm vòng quanh, mấy tấm gương soi đồng dạng như có ma lực làm tôi chợt khóps. Phải định thần đến mấy phút, tôi mới rón rén bước vào.

- Hớt tóc hả cậu em?
- Dạ!
- Ngồi đó chờ một chút.

Vừa nói, anh thợ vừa loay tay đẽ đầu một ông khách, chỉ cho tôi cái ghế dài kê sát vách. Tôi ngoan ngoãn đến ngồi, mắt không ngừng quan sát. Lúc này tôi mới đểm thâm, quán có năm ghế bành để hành nghề. Những chiếc ghế không mới, hơi thô kệch, nhưng trông chúng thật bề thế, hơn hẳn những cái ghế dựa bằng gỗ ở các mái che hớt tóc bình dân bên lề đường. Trên tường, cạnh năm tấm gương soi đều có treo năm cái chai thủy tinh. Trong mỗi chai là những nhánh cây trường sinh vươn dài mềm mại, xanh tươi như được dán dính vào vách. Cùng với cây lá hồn nhiên còn có những tấm ảnh chân dung thiếu nữ nhiều màu sắc. Ngay chỗ ghế tôi ngồi chờ cũng có một tấm trên vách. Tranh vẽ một cô gái mặc áo bà ba màu tím hoa cà, cầm chiếc nón bài thơ, mắt mơ màng nhìn ra một dòng sông, ẩn hiện xa xa.

Trời đang nghiêng về buổi xế chiều. Ánh nắng hè bên ngoài có phần dịu bớt mùi hăng hắc. Tuy không ngớt quan sát trong quán, ngoài đường, nhưng tôi cũng rình chừng từng người khách sẽ đứng dậy. Trong lúc đang toan tính cái tư thế sắp phải ngồi lên ghế hớt tóc, tôi nghe tiếng xe gắn máy tắt trước cửa tiệm, rồi thấy một người thanh niên ăn vận thật lịch sự.

- Ủa, anh Mỹ, đi Sài Gòn về khi nào ? Về chơi rồi vào lại chớ?

Người thanh niên vừa cười vừa bước vào:

- Ủ, sẽ vào lại. Mình đang theo học nhạc trong đó. Trời nóng quá. Đến phiên mình liền được chưa ?

- Được chứ anh. Xong ngay đây, anh chờ cho một chút.

Người thanh niên tiến gần về phía tôi. Tự nhiên tôi ngồi nhích về một bên. Nhưng ông ấy không ngồi. Ông cũng không nhìn tôi mà ngắm bức tranh, trầm trồ:

- Tranh Lê Trung mượn thật.

Người khách ngồi gần chỗ tôi chờ đã đứng dậy. Tôi chuẩn bị tinh thần để bước tới. Nghĩ thầm trong đầu, cái ghế hình như hơi thấp, không biết có nhìn rõ mặt mình trong gương ? Nhưng người ngồi tiếp trên chiếc ghế vừa trống ấy không phải là tôi mà là người thanh niên mới vào sau. Tôi hơi ngỡ ngàng một chút nhưng đành lặng lẽ nhìn cả thợ lẫn khách đều thản nhiên, quên hẳn tôi cũng là một khách hàng. Tấm vải trắng đã được choàng kín phần trước thân người thanh niên Tôi chợt muốn bỏ về cho đỡ ghét. Nhưng không hiểu sao tôi lại ngồi yên, vĩnh tại:

- Nghe anh em nói lúc này anh viết nhạc phải không ?
- Ồ, học Quốc gia Âm nhạc nên cũng tập viết lai rai.
- Anh có định cho ca sĩ hát hay in ra bán không ?
- Chuyện in bán chắc còn lâu. Được ca sĩ chọn hát cũng không phải dễ. Nhưng tương lai chắc sẽ cố gắng.

Lời đối thoại giữa chủ khách còn kéo dài, đại khái đủ cho tôi hiểu lơ mơ ông thanh niên này là người làm ra bài hát. Thời bấy giờ tôi chưa biết dùng hai chữ nhạc sĩ. Bên ngoài hình như gió ngưng thổi. Cái nóng chột gia tăng đôi phần. Tôi thấy một người đàn bà từ phòng sau đi ra. Bà đến nắm sợi dây thòng từ trần nhà xuống, nhẹ nhàng kéo. Tấm vải treo ngang trên đầu mấy cái ghế ngồi lật qua, lật về. Thì ra đây là một cái quạt trần. Tuy lạ mắt nhưng tôi chỉ nhìn thoáng qua. Tôi vẫn còn đang hậm hực trong bụng.

Một khoảng thời gian sau, không còn nhớ bao lâu, khi đến chơi nhà anh Kiều Kiêm, anh rỏ tôi, cái radio Philips như một cái thùng gỗ của anh, cuốn hút tôi bằng tiếng hát tươi vui:

*Đây xóm nghèo quê tôi khi nắng lên
hương lúa ngọt tình quê thêm trĩu mền
đôi bướm vàng nhón như khi quyến luyến và
cô gái làng ngẩn ngơ một tình duyên*

*bên luống cà đời vui đang nở hoa
ôi ảo mộng đời tươi sao đẹp quá
chân bước về tìm vui đan mái lá và
nghe tiếng hò hát đưa duyên mặn mà
em bé thơ ơi, trên mình trâu nắng em ước mong điều gì
cô hái dâu ơi, bên dòng sông vắng cô có buồn người đi
trên đường về quê hương,
nghe dạt dào tình thương
cánh chim giang hồ vẫn trôi giữa đời
bước chân lãng du ơi chỉ mộng thôi*

*đây bóng dừa xanh xanh tôi mến thương
chim trắng về em vui reo ngàn hướng
kia cổng làng hàng cau nghiêng nắng xuống*

đàn em bé đùa hát ca quên sầu thương

*no ấm về tình ta thêm thắm tươi
bông lúa vàng nhờ tay anh cày xới
đây nắng đẹp miền quê thêm sáng chói
bình lên xóm nghèo ấm êm bao cuộc đời*

*nắng sớm lên soi tươi sáng chân trời chào niềm vui mới
xóm nghèo ơi*

(Nắng Lên Xóm Nghèo, Phạm Thế Mỹ)

Tôi im lặng nghe dòng ca từ nhẹ nhàng, giàu những hình ảnh tràn chảy theo giọng hát nồng nàn, trong veo. Tuy chưa hiểu gì về nghệ thuật, nhưng tôi cũng cảm biết đôi chút nét đẹp của lời ca tiếng nhạc. Âm thanh quả có sức quyến rũ kỳ diệu. Nó chọt trái ra trong lòng tôi những nhớ nhung lạ lùng. “...*Đôi bướm vàng nhớn nhơ...hàng cau nghiêng nắng xuống...*” sao mà thân quen, tha thiết vô cùng.

Mặc dù đã có ấn tượng tốt về ca khúc Nắng Lên Xóm Nghèo, với tên người sáng tác Phạm Thế Mỹ, nhưng tôi vẫn chưa biết, người dành phần ngời vào ghế hót tóc trước mình trước đây, chính là tác giả. Một thời gian sau nữa, lúc được chúng bạn trầm trồ về ông thầy dạy nhạc ở các trường Tây Hồ, Phan Thanh Giản, tôi mới nhớ và nhận ra.

Phạm Thế Mỹ, sinh năm 1930 tại đất Đập Đá, An Nhơn, Bình Định, lưu lạc theo kháng chiến một thời gian, rồi tấp về Đà Nẵng sinh sống. Tôi khởi sự làm thơ trong im lặng, không mấy tin tài sức của mình. Nhưng cái duyên đến với thi ca mỗi ngày một ngọt ngào, giúp tôi có thêm ít nhiều bè bạn hữu danh. Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ lúc bấy giờ chưa bước vào thế giới bằng hữu của tôi.

Hình như vào năm 1963, có vụ xử bắn một gian thương hay trọng tội gì đó tại sân vận động Chi Lăng, gần nhà tôi. Tò mò, tôi có đứng trước cổng chính dòm vào, rồi bỏ đi trước tiếng súng nổ. Những hình ảnh không mấy rõ ràng đó giúp cho tôi có thêm một bài ngữ ngôn, với ít nhiều tượng tượng, sau khi đẩy nạn nhân vào tội danh có màu sắc chính trị:

Chắc trời còn xanh lắm /cho tôi quì xuống đây/ tiếng ru nào

*trót dậy/ chắc buồn mà không hay/ tôi tay đầy vòng buộc/ thân
che lòng cát này/ quê hương sâu tôi đẩy /mắt nào nhìn lại đây?/
hỡi người anh phía trước/ hỡi người bạn sau lưng/ hỡi từng viên
đạn nhỏ/ cho tôi ly rượu mừng/ mùa xuân nào lại tới/ lời ca nào
lại bay/ giấc mơ nào của mẹ/ tiếng lệ nào của em/ cho tôi xin mở
mắt/ nhìn tay người đang run/ chiến công nào cao lớn/ hơn mạng
người đau thương ?/ lạ trời tôi đừng biết/ tôi là người như anh/
lạ trời tôi đừng biết/ tôi chết vì tay anh.*

(Lời Nguyễn Pháp Trường – Lê Hân kể nhạc, chép lời, in như một phụ bản trong thi phẩm Chết Trong Lòng Người trang 31, 32. Lối in phụ bản bằng nhạc, có lẽ đây là lần đầu tiên của những sáng tác thơ văn đã in)



Bài thơ được tạp chí Văn Học “đi”. Anh Phạm Thế Mỹ đã đọc được và phổ nhạc. Đây là món quà ngoài mong đợi của tôi, khi được quen biết với anh. Trong khi phổ nhạc, Phạm Thế Mỹ tôn trọng tuyệt đối lời thơ, không thay đổi bất cứ chữ nào, và cũng không bỏ bớt câu nào. Ca khúc này về sau được cô sinh viên Vạn Hạnh, mang tên Đặng Lan phổ biến trong khuôn viên trường Đại học Phật giáo tại Sài Gòn. Phạm Thế Mỹ rất vừa lòng với giọng ca Đặng Lan. Nhưng khi cho thu vào đĩa nhựa và cassette của nhà

sản xuất băng nhạc Việt Nam (101 Võ Di Nguy Sài Gòn), anh đã chọn giọng của nam ca sĩ Miên Đức Thắng, có lẽ để cho hoàn toàn thích hợp với nội dung. Miên Đức Thắng cũng là một môn đệ của Mỹ. Thắng về sau cũng có viết nhạc. Tôi gặp Thắng một lần tại Montréal. Anh bạn có giọng hát rất trầm ấm này khá lãng mạn, nếu có thêm chút đào hoa, có lẽ anh đã phải lụy vì tình ở xứ sở mới của tôi. Còn cô Đăng Lan khi rời Đại học, đã trở thành ca sĩ, và hiện nay, hình như định cư tại Úc. Ngày ấy, Phạm Thế Mỹ có mang về Đà Nẵng cho tôi nghe giọng hát Đăng Lan, trong một cuốn băng thu thử và không tiếc ca ngợi, rất tiếc tôi chưa có diễm phúc gặp mặt. Quả đất vẫn tròn, nhưng tuổi đời sắp cạn, có lẽ tôi phải chờ một hóa kiếp bay bướm hơn, mới có cơ hội nhìn được Đăng Lan, để nghe cô ấy hát lại *Lời Nguyễn Pháp Trường*.

Phạm Thế Mỹ, khi tôi quen, sống cùng gia đình trong căn nhà thuê của bà kim hoàn Tâm, thân mẫu của Hoàng Thị Hồng, trên đường Pasteur. Một đôi lần tôi ghé đến chơi, với mục đích nghe anh kể về mấy cô học trò học piano của anh. Với anh, cô nào cũng ngoan, cũng đẹp. Quả đúng vậy, như Minh Xuân đường Độc Lập chẳng hạn. Tuy khen học trò mình đẹp, nhưng Phạm Thế Mỹ là một ông thầy rất mực đứng đắn và yêu nghề. Thành phố Đà Nẵng khá rộng, nhưng thị dân như cùng nằm trong một bàn tay. Tiếng lành tiếng dữ một sớm một chiều, người người đều biết. Mấy ông rao giảng cái nghề để tạo cơ hội bướm hoa là âm nhạc như Phạm Thế Mỹ, Hoàng Bích Sơn đều nhận được sự tôn trọng tuyệt đối của học sinh. Giữ cho lòng được thanh thản và không vui đi những lãng mạn cần thiết cho việc sáng tác, quả rất bản lĩnh. Phạm Thế Mỹ thực hiện được điều này trong suốt thời kỳ anh đứng trên những bục giảng của các trường trung học tại Đà Nẵng.

Vào một buổi sáng năm 1964, tôi cùng Hoàng trọng Bản từ Cỏ viện Chăm thả bộ dọc theo bờ sông. Trời đẹp. Nhưng con đường Bạch Đằng chỉ thật sự quyen rũ từ đoạn Ty Bưu điện chạy xuống Trẹm. Khi vừa đến sân quần vợt, chúng tôi gặp đám người biểu tình chống hiến chương Vũng Tàu, từ phía Thanh Bò kéo về Tòa thị Chính. Lòng đường, vỉa hè, bờ sông, người theo người. Không đông lắm, nhưng tung bừng, huyền ảo. Tôi và Bản rất bất ngờ, nhưng cũng tò mò theo đoàn người đến đứng trước cơ quan

hành chánh của thành phố. Tiếng đả đảo mỗi lúc một lớn dần. Có lẽ khiếp sợ những âm thanh, ngôn ngữ này nên Bân nói nhỏ với tôi, anh cần về nhà có công chuyện. Tôi không lạ tính nhát gan của Bân nên lặng lẽ bắt tay anh. Còn lại một mình, tôi lờ ngó chưa thật sự nhập vào đám đông, nếu không chợt gặp Hà Xuân Kỳ. Kỳ không phải là bạn tôi. Anh là một người hàng xóm thời tôi còn ở khu Thuận Thành. Anh là một học sinh giỏi của trường bán công, học trên tôi nhiều năm, làm thơ rất hay. Thời ở Thuận Thành anh thuê nhà chung với anh Ngọc, không rõ họ gì, người Lăng Cô. Tôi thường qua chơi với cả hai. Dù mỗi lần diện kiến tôi chỉ làm người dựa cột.

Gặp Kỳ. Anh kéo tôi ào vào Tòa Thị chính. Những viên công chức đã tan sở từ bao giờ. Đêm hôm đó, chúng tôi chiếm giữ cơ quan lớn nhất thành phố này bất hợp pháp. Đội ngũ cầm đầu cuộc xuống đường mỗi lúc một đông. Tôi gặp cả anh chàng *Trăng Tàn Trên Hè Phố* rất năng nổ. Về khuya, mặc cho mấy anh ‘muu đại sự’ suy suy tính tính với nhau, tôi mò lên tầng cao hơn. Một cái giường rộng lớn tối đa, với ra nệm thơm tất mời gọi tôi. Tôi để nguyên giày, phóng lên nằm. Lim dim đâu được một lát, giật mình sợ mấy anh bên dưới sè sẹ rút lui. Tôi lừ đừ trở xuống. Gió sông Hàn mát rượi. Nếu được ngủ vài đêm thanh thản trong căn nhà này thích biết mấy.

Sáng hôm sau chúng tôi được tiếp chuyện với tướng Tôn Thất Xúng, Tư lệnh Vùng I. Tướng Xúng, người nhỏ con, không có cái oai của một võ quan. Ông lịch sự, nhã nhặn như một ông thầy giáo (hiện nay Tướng Xúng ở Montréal). Mấy đứa chúng tôi đứng sát sau lưng ông, khi ông phát biểu đòi điều trước quân chúng, từ cái lan can của Tòa Thị chính. Chẳng có một thỏa thuận nào, nhưng chúng tôi quyết định rời Tòa Thị chính, chuyển “bản doanh chi huy” lên rạp hát Trung Vương. Tôi là một trong những người đi tiên phong đến địa điểm này. Khi sắp đến nơi, tôi chứng kiến một đám đông vây đánh hội đồng một người nào đó ngay trước cửa hiệu ảnh Lê Hậu. Cuộc xuống đường đã trở thành cuộc bạo động đẫm máu. Tôi lặng lẽ rút lui. Tuy vậy tôi vẫn theo dõi diễn tiến hoạt động của các bạn tôi đang tiếp tục dấn thân vào. Một Hà Nguyên Thạch hùng hực với tờ lá cải *Đứng Đầu Gió*, một Phạm Thế Mỹ kín đáo nhưng tích cực. Anh cho người đến nhờ tôi đi thuê thợ khắc con dấu cho “ủy ban” tranh đấu. Không thể từ chối,

tôi hoàn tất cho anh công việc này. Nhưng khi đến giao, anh chán nản lắc đầu:

- Hoán đem về hủy nó giùm đi. Mình nản quá rồi.

Tôi mang con dấu chưa đóng thử lần nào bỏ xuống máng xối nhà Lý, rồi đạp xe qua nhà Châu Văn Tùng rủ đi uống cà phê, nhẹ nhàng kết thúc một vụ tham gia “tranh đấu tài tử”. Ngày nay nghĩ lại, tôi nghiệm ra, những cuộc xuống đường tại Đà Nẵng thường xảy ra sau Huế và nhiều nơi khác. Nhưng đã có màn tranh đấu là gần như có bạo động, có chảy máu. Và tôi không thiếu thơ thời sự cho những vụ này. Rất may theo năm tháng, những “trời dờ mưa dờ nắng / thờ hơi khói cay và mùi người chết...” được tôi hủy bỏ không chọn in.

Năm 1969, tôi thủ diễn xuất sắc vai người thương binh của nhạc sĩ Phạm Duy. Mẹ đã mất, nhà không có ao vườn, nên người cha già của tôi không cần phải lần mò. Ông đứng yên lặng trước ngưỡng cửa, đôi mắt ánh lên những nét cười ngậm ngùi.

- Thôi vậy được rồi, yên tâm rồi...

Câu nói của ba tôi không là thơ. Nhưng đối với tôi là một nguồn thi ca vô giá. Cùng với nguồn thi ca này, tôi còn có những đôi vai, và nhiều bàn tay của bè bạn khắp nơi. Những thăm hỏi, gởi gắm quý giá của các anh Trần Phong Giao, Phan Kim Thịnh, Xuân Hiến... cùng một nén hương đốt lên bởi nhiều người đã đỡ tôi đứng dậy. Trong nén hương này, Phạm Thế Mỹ, người bạn lớn hơn tôi 11 tuổi, thấp những lời chân tình bằng âm nhạc:

*“Châu ơi / sao mày không chết / sao mày không chết/ mà lại
mất một chân / mà lại mất một chân / Châu / tao nghe nói / mày
ước mơ / ngày hòa bình / mày chạy bộ từ Nam ra thăm xứ Bắc /
theo con đường sắt quê hương / nhưng bây giờ / chân mày đau /
chân mày đau / hỏi Châu ? / ới tao không ngờ / tao con đủ nước
mắt để khóc mày đêm nay.../rồi mai đây / và mai sau / mày sẽ nói
gì / với con mày / khi nó hỏi / sao bố đi chân gỗ ? / bàn chân bố
đâu ? / chẳng lẽ mày im / chẳng lẽ mày nói / Châu Châu ơi / tao
xin mày / đừng khóc đừng khóc nghe Châu ! / Châu / ngày hòa
bình ngày hòa bình / sắp đến / và đưa con đưa con mày / sắp ra
đời.../ nhưng thôi...tao nghĩ.../ mày vẫn còn may / vẫn còn đủ hai
tay / vẫn còn cả trái tim / thôi nghe Châu / đêm nay / tao chúc mày*

/ ngủ thật say / ngủ thật say... ”

(Bản Chân Nối Liên Nam Bắc, nhạc và lời của Phạm Thế Mỹ)

Có lẽ chẳng cần vẽ lại cái giây phút chúng tôi ngồi bên nhau. Mỹ vịn vào tiếng guitar để cất giọng. Nhưng chẳng phải một hai lần anh hát được trọn vẹn sáng tác của anh... Tôi xin bỏ qua. Bỏ qua. Một thời gian ngắn sau, chúng tôi thực hiện đúng tinh thần mấy câu thơ của Lê Vĩnh Thọ:... *“mất một chân có phải là điều bi đát / và cuộc đời đã đáng bi quan / gặp nhau vẫn bàn chuyện phải làm / vẫn bàn chuyện phải đến...”* Và chúng tôi mỗi người chú tâm hoàn tất phần việc của mình. Bản thảo *Hòa Bình Oi Hỡi Đến* đã sẵn sàng trình làng. Phạm Thế Mỹ lúc bấy giờ đã có một số giờ dạy tại Viện Đại học Vạn Hạnh. Anh chuẩn bị dời cả gia đình vào Sài Gòn để thuận tiện mọi sinh hoạt của anh.

Tập *Hòa Bình Oi Hỡi Đến* với bìa thật tuyệt hảo của họa sĩ Nghiêu Đề, cùng hai phụ bản độc đáo của Đinh Cường, Nghiêu Đề là một công trình ưng ý của chúng tôi. Tuyển tập được chia làm ba phần: thơ Luân Hoán, nhạc Phạm Thế Mỹ, thơ Lê Vĩnh Thọ. Phần nhạc của Phạm Thế Mỹ gồm các ca khúc: Tiếng Hát Loài Chim Chiến Tranh (tặng Đinh Cường), Lời Nguyễn Pháp Trường (thơ Luân Hoán, in lại từ CTLN), Tôi Phải Nói Với Anh Điều Này, Thầy Phù Thủy Giết Người, Nước Sông Nào Chẳng Mát Chẳng Ngon, Hỡi Hồn Mẹ Việt Nam, Rao Bán, Sài Gòn Vui Không Em, Giấc Mơ Của Mẹ (tặng má và anh Phạm Hồ), Cây Súng Ngủ Quên, Sớm Mai Hồng (cho Loan và Huệ), Hát Cho Quê Hương, Người Về Thành Phố, Hòa Bình Oi Hỡi Đến.

Nội dung phần thơ nhạc của ba chúng tôi nặng nề tính cách phản chiến. Viết về Phạm Thế Mỹ, nên tôi xin trích một bài tiêu biểu dòng nhạc này của anh:

“Năm chục đồng ai mua tôi bán / năm triệu đồng ai mua tôi bán / năm triệu đồng một triệu thanh niên / năm chục đồng một thằng sinh viên / đôi chân còn lành / đôi tay còn mạnh / ai mua tôi bán ai mua tôi bán / năm triệu đồng một vạn sinh viên / trăm triệu đồng triệu triệu thanh niên / tôi đang cần tiền / tôi đang cần rượu / ai mua tôi bán ai mua tôi bán / bán cả ruộng vườn / bán cả tình thương / bán cả bạn bè / bán cả vợ hiền / thêm một triệu đồng / bán cả luôn tôi / ai mua tôi bán ai mua tôi bán / thêm một

*triệu đồng bán cả luôn tôi / thêm một triệu đồng bán cả luôn tôi /
tôi đang cần con dân yêu nước / ai dư dùng tôi đây mua hết / năm
vạn đồng một thằng ma cô / năm triệu đồng một cụ quan to / ăn
lương thật nhiều / lên lon đều đều / ai dư xin bán tôi đây mua hết /
tôi đang cần nhiều bàn tay hôi / tôi đang cần nhiều thằng ăn chơi
/ thom như bọ vườn / lang thang đầy đường / tôi xin mua hết / tôi
xin mua hết / đây một triệu đồng / mua một thầy tu / đây một triệu
đồng / xây một nhà tù / thêm một triệu đồng / nhớ đừng quên tôi /
ai dư xin bán tôi đây mua hết / ai dư xin bán tôi đây mua hết / thêm
một triệu đồng nhớ đừng quên tôi / thêm một triệu đồng nhớ đừng
quên tôi” (trở lại đoạn đầu để hết).*

Trước khi chống nạng xuống gặp anh Nguyễn Rô, giám đốc Ủy ban Kiểm duyệt Vùng 1 Chiến thuật, tôi đã dự đoán tập thơ có nhiều bài khó qua ải, nên đã có chút đỉnh “ma giáo” để qua mặt anh. Thành thật gởi lời xin lỗi muộn đến nhà thơ Thuận Xuyên (bút hiệu của anh Rô), hiện cư ngụ tại Dallas Hoa kỳ. Sau khi được cấp phép in ngày 22 tháng 4 năm 1969 với số kiểm duyệt 41BUBKDVICT, Phạm Thế Mỹ mang bản thảo vào Sài Gòn và in xong ngày 14 tháng 5 năm 1969.

Công việc in sách thật ra chẳng dễ dàng với ba chúng tôi. Tôi đã nảy ra một sáng kiến, để có tiền in, chúng tôi cho in một số biên lai bán sách. Việc in biên lai giao cho Lê Vĩnh Thọ thực hiện, với phương tiện của tiểu đoàn 10 Chiến tranh Chính trị, hiện Thọ đang có thẩm quyền. Biên lai in xong, Phạm Thế Mỹ mang vào các trường bán trước cho học sinh của anh. Con số các em học sinh có lòng lên đến 600 người, nên chúng tôi cho in đến 600 cuốn trên giấy tốt. Dù sách in đã xong nhưng nhận ra và gởi về Đà Nẵng còn gặp sự trục trặc, Phạm Thế Mỹ phải nhờ đến uy tín của vị Viện trưởng để giải quyết.

Một cuộc chơi khá gian nan đã qua. Với số vốn là những tâm tư chân tình, chúng tôi lời được những nghi kỵ, ngờ vực. Có một số ít người lâu nay, vẫn cho Phạm Thế Mỹ là “*ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản*”. Thật ra anh chỉ là một Phật tử, yêu đạo, yêu đời và yêu nước. Nhiệt tình của anh khá mạnh trong những sinh hoạt tập thể đâm gây ra những đổ kỵ. Thêm vào đó, một đôi lần trong các cuộc chuyện trò, anh có bày tỏ ít nhiều trọng vọng với miền đất ngàn năm văn vật, mà người anh trai của anh, nhà thơ Phạm

Hồ, đang phục vụ, nên dễ gây ngộ nhận. Đừng nói gì Mỹ, thương phê bình chính hiệu như tôi, trong thời đó, cũng bị ông nhà giáo, TDN, tặng cho hai chữ Vi Xi, khi tôi tiếp chuyện nhà thơ Ngô Kha từ Huế vào thăm. Buổi sinh hoạt ra mắt tập *Lục Bát Ca* của tôi, Lê Vĩnh Thọ và Vĩnh Điện đã tưởng bắt thành nếu bạn Tống Nhạn, không đứng ra mượn hộ hội trường trường Phan Châu Trinh, nơi tôi xuất thân. Tống Nhạn là sĩ quan, gốc nhà giáo, con ông Tống Quyền, một viên chức rất có uy tín tại Hội An. Nhạn cùng tôi, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Thiếu Dũng... có mặt trong tạp chí Nhận Thức ở Huế một thời. Chính Nhạn cũng giải độc hai chữ VC hộ tôi bằng cách mời Đại tá Nguyễn Văn Thiện, Thị trưởng Đà Nẵng, ghé nhà tôi chơi, có xe quân cảnh hộ tống và gác đường đàng hoàng. Tinh bè bạn không ăn nhập gì với lý tưởng của bạn bè. Chúng tôi không hại lẫn nhau khi đã là bạn, nhất là bạn sinh hoạt văn học nghệ thuật. Tội nghiệp, sau 1975 Tống Nhạn tinh thần bất ổn và đã qua đời. Dĩ nhiên, Phạm Thế Mỹ cũng có quen biết Nhạn.

Giữa năm 1969, Phạm Thế Mỹ đã chuyển hết gia đình vào Sài Gòn. Giai đoạn này tôi thật sự không nắm rõ những sinh hoạt của anh. Nghe nói anh dạy nhạc và giữ chức Trưởng phòng Văn mỹ nghệ Viện Đại học Vạn Hạnh. Gần đây, trên trang điện toán Một Thời Áo Trắng, tôi đọc được một số viết về anh, từ những cựu học sinh Mạc Đĩnh Chi Sài Gòn. Xin được hân hoan trưng ra những tình cảm chân tình này:

“Thâm thoát đã hơn ba mươi năm kể từ ngày người viết bài này được ngồi nghe tim mình đập nhanh theo từng tiếng hát uất nghẹn của thầy Phạm Thế Mỹ khi thầy dồn hết tâm tư diễn đạt một cách xuất thần nhạc phẩm “Huế Của Ta” mà thầy vừa sáng tác...

.... Còn nhớ Thầy ngồi trên chiếc bàn học trò ấy, dồn hết tâm tình, mắt rung rung, môi rung rung theo những lời hát trong bài “Huế Của Ta”, một bài hát như được kết tụ bởi màu xám của óc, màu trắng của xương, và màu đỏ của máu. Giọng Thầy có lúc chìm xuống, trầm hùng

“lửa Đông Ba lửa cháy Vân Lâu / lửa cửa Tây ra tới cửa Đông / lửa nội thành lan ra đường phố “

Rồi vút cao lên trong kinh hoàng đờn đau cùng cực, “Huế ơi!”. Tiếng hát khởi đi từ con tim uất nghẹn, uất nghẹn trước những gậy đỏ, điều tàn sát vụn của chiến tranh... Và tiếng hát của thầy tiếp tục cất lên qua mắt lệ long lanh :

“Cầu Trường Tiền đau thương gục xuống, hàng vạn người bơ vợ không nhà, hàng vạn người bơ vợ đường phố, Huế ơi...!”

Tiếng hát của Thầy đã dứt nhưng Thầy vẫn ngồi đó, bất động. Cả lớp cũng gần như chết lặng. Mắt Thầy vẫn đăm đăm nhìn vào một cõi mênh mông. Chừng như trước mặt Thầy vẫn lảng vảng là những núi Ngự, dòng Hương, Đại Nội, Vân Lâu, Trường Tiền, Thừa Phủ. Chừng như trong mắt Thầy vẫn còn là những màu xám xịt của đất đá vụn vỡ, màu đỏ quạch của những bãi máu khô, màu trắng của áo trắng học trò . Và màu trắng trập trùng của ngàn giải khăn sô.

...Người viết bài này tin rằng thầy Phạm Thế Mỹ không chỉ là một nhạc sĩ tài ba mà còn là một thi nhân với tấm lòng nhân hậu mà câu văn lời thơ là những nhịp đập thoi thóp của một con tim luôn rung theo âm điệu của tình yêu, quê hương và cuộc sống...

Khách Ly Hương (Vinh danh thầy PTM, Virginia, 7-5-2001)

“Tuy không có cơ hội học nhạc với thầy Phạm Thế Mỹ, cũng như chưa có dịp tốt như Khách Ly Hương, được nghe Thầy hát trực tiếp trong lớp, nhưng Nguyễn Dung đã may mắn được làm học trò của thầy qua sinh hoạt văn nghệ dưới mái trường Mạc Đĩnh Chi lúc học Đệ Ngũ (1966- 1967) và Đệ Tam (1968-1969): Thầy đã điều khiển hai màn vũ Trống Mê Linh và Bên Cầu Tô Liễu (Kim Trọng, Thúy Kiều) của trường. Từ đấy, Nguyễn Dung cảm thấy mình gần gũi với Thầy, với những sáng tác nổi tiếng từ trước đến nay như: Bông Hồng Cài Áo. Những Ngày Xưa Thân Ái, Bóng Mát, Tóc Mây.... Mỗi lần được nghe bạn bè văn nghệ trình bày một bản nhạc của Thầy, Nguyễn Dung đều cảm thấy vui vui, hãnh diện như muốn nói với người bạn đó rằng: “ Tác giả bản nhạc đó là Thầy dạy múa của Dung đấy”!

Nguyễn Dung - Paris, 11-2002

...“Hình ảnh thầy Phạm Thế Mỹ trong trí nhớ tâm tưởng của những cựu học sinh Mạc Đĩnh Chi là một thầy giáo, một nhạc sĩ nổi tiếng với những bản nhạc đượm tình quê hương và tình người

rất được nhiều người ưa thích...Phải nói học sinh Mạc Đĩnh Chi may mắn có được sự dạy dỗ của thầy. Đặc biệt thầy đã nói tiếp bước chân của thầy Nguyễn Văn A để đưa sinh hoạt văn nghệ Mạc Đĩnh Chi, với những trường ca của thầy, cho ban hợp xướng, cho ban vũ (trong thập niên 60) được nổi tiếng khắp thủ đô Sài Gòn trong giới học sinh trung học”...

Bùi Mạnh Hùng - đông bắc Hoa Kỳ 9-11-2003

“Cassette nhà ai mở / Từ phía bên kia đường / Bản nhạc đã nằm lòng / Cửa người thầy nhạc cũ / Tôi thắm gọi Thầy ơi! / Bài giảng Thầy đây rồi / Những ‘vạch nhíp cuộc đời’ / Như fa thăng - mi giảm / Những Schubert, Mozart / Phát tiết ngàn tinh hoa / Cho cây đời xanh lá / Giọng Thầy còn vang mãi / Rối rắm, móc đơn đôi / Như ngõ gác cuộc đời / Tình người nhiều hệ lụy / Trắng sấp tàn hay chưa? / Trên đường phố ngày xưa / Không trắng xưa vẫn sáng / Trắng bàng bạc giữa đời / Trong miết suốt hồn tôi / Giữa ngày xuân nắng ấm!”

Vĩnh Tân, 1977

Những bày tỏ tình cảm như trên còn khá nhiều, nhưng tôi không thể trích dẫn hết, dù đây là những chi viện, tiếp sức rất quý. Trong khi chuẩn bị viết bài này, một tin rất vui, nhà văn Song Thao vừa cho biết, không thể không ghi lại vài dòng:

Trang điện tử của đài *VOVN.com*, tại thành phố Houston, Hoa Kỳ, đã đưa tin: nhóm thân hữu và học trò cũ của nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ sẽ tổ chức một buổi nhạc vinh danh ông với chủ đề *Nhạc Sĩ Phạm Thế Mỹ, Những Ngày Xưa Thân Ái*. Tuy chỉ thực hiện một nguồn tin, nhưng buổi phát thanh ngày 07 tháng 3 năm 2006 vừa qua tại đài *VOVN*, phải được xem là một sinh hoạt văn học khởi đầu của nhóm tổ chức chương trình vinh danh sắp tới. Có nhạc mở đầu (bằng giọng ca Quang Lê thể hiện *Trắng Tàn Trên Hè Phố*), có nhạc kết thúc (với *Áo Lụa Vàng* qua tiếng hát Khánh Ly). Và dưới hình thức một cuộc bàn chuyện với ít nhiều tâm sự, những nhân vật trong ban tổ chức cho thính giả biết một cách tường tận mục đích và ý nghĩa của sinh hoạt.

Chị Phương Hoa, với tư cách người của đài, giàu thông minh, duyên dáng lẫn dí dỏm dẫn cuộc nói chuyện rất vén khéo. Anh Sơn Huy, một học trò cũ, đã từng mục kích thảm cảnh của thầy

mình trong những năm gần đây, vẫn tất vùi dòng về Phạm Thế Mỹ, trước khi bày tỏ mục đích việc anh chủ xướng thực hiện sinh hoạt. Các anh chị Trần Chí, Đoàn Hữu Đức, Bạch Hạc... cũng nói rõ thêm ý nghĩa của đêm văn hóa nghệ thuật sắp tới, đồng thời thông báo mọi người tham dự sẽ được vào cửa tự do. Có thức ăn nhẹ miễn phí, có quà lưu niệm quý giá, là một CD gồm toàn những ca khúc đề đời của Phạm Thế Mỹ, sưu tập từ sản phẩm của những trung tâm phát hành âm nhạc cho phép. Những giọng ca trong đêm sinh hoạt cũng được giới thiệu, gồm Hoàng Tường, Vi Liên, Kim Loan, Bạch Hạc... Những người góp tâm lòng qua các tờ chi phiếu đầu tiên cũng được xướng tên, tạ ơn.

Với chỉ một công việc thông báo đã rất đậm đà chất văn học như vậy, chắc chắn buổi *Phạm Thế Mỹ, Những Ngày Xưa Thân Ái* tại thành phố Houston sẽ rất thành công. Thành phố xinh xắn này khá đông người Việt, và quan trọng là đồng bào mình ai cũng rất dễ thương, “*vui chơi nhưng không quên trách nhiệm*” theo nhận xét và chữ dùng của chị Phương Hoa. Tôi bùi ngùi vui mừng cho bạn tôi. Một điện thư ngay sau đó cho anh Sơn Huy, không để đóng góp tài chánh, mà để xin một số điện thoại, có lẽ tôi vô duyên, lộ bịch quá rồi. Thư không được hồi âm, điều đương nhiên. Xin được xin lỗi và cảm ơn anh Sơn Huy (1) Chấn chấn tôi đã thiếu tế nhị khi thêm nghe một giọng nói, vốn hát rất hay, đang phải chỉnh sửa lại âm giọng, sau một cơn tai biến đường máu.

Trở lại một thời đã qua. Vào ngày 20 tháng 2 năm 1975, hai tháng trước khi Việt Nam Cộng Hòa thân thương của chúng ta tan hàng, tạp chí Phổ Thông, một công trình của cô thi sĩ Nguyễn Vũ để lại, từ địa chỉ 816 đường Phan Thanh Giản Sài Gòn, đã phát hành 3000 ấn bản Phổ Thông số 30. Trong số này có in bản công bố kết quả cuộc thăm dò dư luận do tạp chí Phổ Thông thực hiện, nhân kỷ niệm Sinh nhật 20 của Phổ Thông -1955-1975.

Cuộc thăm dò bắt đầu từ năm 1974 qua 51 vị giáo sư, nam nữ công tư, 108 sinh viên của nhiều phân khoa, 20 nông dân, 43 công tư chức, 33 ký giả, nghệ sĩ, nhà văn, 54 quân nhân các cấp, 47 thương gia và tiểu thương, 33 bà nội trợ cùng 115 công nhân lao động các giới. Năm trăm lẻ bốn người này ở đều khắp miền nam Việt Nam, đã chọn, tôn vinh 16 nhân vật, gọi là “*Người của năm 1974*”, không phân biệt phe nhóm, ngành hoạt động, gồm

có: Tướng Nguyễn Khoa Nam, Thượng tọa Thích Trí Quang, Linh mục Trần Hữu Thanh, Chính khách Nguyễn Văn Huyền, Giáo sư Vũ Văn Mẫu, Nhà báo Trần Tấn Quốc, Nhà báo Nam Đình, Tiến sĩ Kinh tế Châu Kim Ngân (Tổng trưởng Bộ Tài chính Việt Nam Cộng Hòa), Tướng Ngô Quang Trưởng, Họa sĩ Nguyễn Hải Chí (Chóe), Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ, Nhà báo Vương Hữu Bột (cũng là nhà thơ Đỗ Quý Toàn), Giáo sư Lý Chánh Trung, Tiến sĩ Công pháp Nguyễn Huy Hân (Tổng Giám đốc Thuế vụ VNCH), Nhà thơ Luân Hoán, Nhà văn kiêm Luật sư Dương Kiên. Tất cả 16 người trên đều có chân dung in kèm. Trong phần giới thiệu Phạm Thế Mỹ, Phổ Thông viết:

“Phạm Thế Mỹ mở rộng thêm đường đi của anh trong năm 1974, bằng Trái Tim Việt Nam, trái tim bốc lửa khát vọng hòa bình. Người và cảnh vật trên đất nước ta chỉ tồn tại được, vươn cao lên, và bao dung mãi nhờ ngọn lửa ấm hòa bình.

Nhạc Phạm Thế Mỹ phản ảnh tiếng thì thầm, lời kêu gọi chân tình những người Việt hãy tỉnh dậy, sau cơn mê dài chiến tranh - cuộc tang tóc của chúng ta nằm mãi trong toan tính khôn khéo của ngoại bang trục lợi ? Riêng Phạm Thế Mỹ, anh trả lời bằng cách cất cao tiếng hát, ca tụng tình người và tình quê hương Việt Nam muôn đời.

Phạm Thế Mỹ sinh năm 1932 (2) tại Bình Định. Tham gia kháng chiến chống Pháp thời kỳ 1945-1954. Học Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn: 1954-1959. Dạy Việt Văn tại trường Trung Học Bồ Đề, Đà Nẵng từ 1959 - 1970. Giữ chức Trưởng Phòng Văn Mỹ Nghệ Viện Đại Học Vạn Hạnh từ 1970 - 1975.

Những tác phẩm đã xuất bản :

Nhạc bản rời: Bản đầu tay : Nắng Lên Xóm Nghèo. Bản mới nhất (cuối năm 1974): Nhớ Chứ Em Ơi Tổ Quốc Minh.

Tập Nhạc: Hòa Bình Oi, Hãy Đến (in chung thơ Lê Vĩnh Thọ, Luân Hoán), Trái Tim Việt Nam (Đối Diện xuất bản), Việt Nam Trong Lòng Thế Giới (thơ Quốc tế bản dịch Lê Vĩnh Thọ, Phạm Thế Mỹ phổ nhạc)

Trường Ca : Lửa Thiêng 1963, phổ biến hạn chế, Con Đường Trước Mặt (Phật Tử Âu Châu xb 1971), Trang Sứ Mới (Sinh Viên Phật Tử Pháp xb), Thêm Một Lần Hoa Nở (Viện ĐH Vạn Hạnh xb), Những Dòng Sông Anh Em (phổ biến hạn chế)

*Nhạc Kịch : Sắc Lụa Trữ La, Tiếng Hát Dậy Từ Lòng Đất,
Miếu Âm Hồn”*

(trang 13, Phổ Thông 30)

Có lẽ sẽ hơi dư thừa nếu đưa thêm vài nét nhận định về nhạc Phạm Thế Mỹ qua bất cứ chủ đề nào. Xin hãy đọc một ít ca từ. Tôi tin nguồn âm nhạc sẽ sống lại tức thời trong trí nhớ bạn:

*“Những ngày xưa thân ái anh gọi lại cho ai/Gió mùa xuân
êm đưa rung hàng cây lưa thưa/ Anh cùng tôi bước nhỏ, áo quần
nhăn giắc ngủ/ Đi tìm chim sáo nở, ôi bây giờ anh còn nhớ ?*

*Những ngày xưa thân ái xin gọi lại cho ai/ Trăng mùa thu lên
cao, khóm dừa xanh lao xao/ Anh cùng tôi trốn ngủ, ra ngòi hiền
lá đổ/ Trông bày chim trắng hiện mơ một nàng tiên dịu hiền*

*Đêm đêm nằm nghe súng nổ giữa rừng khuya thác đổ,/ anh
còn nhắc tên tôi ?/ Đêm đêm nhìn trăng sáng tỏ bên đồi hoa trắng
nở, cuộc đời anh có vui ?*

*Thời gian qua mau tìm anh nơi đâu/ Tôi về qua xóm nhỏ con
đò nay đã già/ Nghe tin anh gục ngã/ Dừng chân quán năm xưa/
Uống nước dừa hay nước mắt quê hương*

*Những đường xưa phố cũ thôi nhớ đành quên sao/ Xin gọi lại
tên anh giữa trời sao long lanh/ Anh giờ yên giấc ngủ tôi nằm
nghe súng nổ/ Như lời anh nhắc nhở, ôi căm hờn dâng ngập lối*

*Những ngày xưa thân ái xin buộc vào tương lai/ Anh còn gì
cho tôi, tôi còn gì cho em/ Chỉ còn tay súng nhỏ giữa rừng sâu giết
thù/ Những ngày xưa thân ái xin gọi lại cho em”*

(Phạm Thế Mỹ - Những Ngày Xưa Thân Ái)

Trang trọng mời tìm đọc thêm những *Bến Duyên Lành, Bên Gối Mộng, Đan Áo Mùa Xuân, Đưa Em Về Quê Hương, Rừng Cây Trút Lá, Tàu Về Quê Ngoại, Thư Về Em Gái Thành Đô, Thương Quá Việt Nam, Thuyền Hoa...* để thấy chân tình của một nhạc sĩ đã dành cho quê hương. Có lẽ quá nổi tiếng về nhạc quê hương, về ca khúc thẩm thiết tình người như *Bóng Mát, Bông Hồng Cài Áo...* mà nhiều người không biết tên tác giả những tình khúc nồng nàn như *Tóc Mây, Áo Lụa Vàng*, tôi không ngại chép lại lời các bài hát ấy như để nhắc nhở:

“Theo gió heo may đến đêm gọi tình/ Một trời áo tím trong

*mắt trên môi/ Như chiếc nôi êm ru con mộng lành/ Gọi vàng
trắng cũ sáng cho hồn vui*

*Như cánh hoa đêm đông đưa nụ tình/ Gọi mời cơn gió hôn lá
trên cao/ Như cánh chim đêm bơ vơ một mình/ Trời bao nhiêu gió
tóc bao nhiêu buồn*

*Mùa hè vui đôi chân chấp cánh/ Tóc mây hồng cho mắt long
lanh/ Trời mùa đông môi em thấp nắng/ Tóc mây dài, chân vui
đường vắng/ Rồi mùa xuân cây thay áo mới/ Tóc mây vàng cho
nắng thêm tươi/ Rồi mùa thu xôn xao lá úa/ Tóc mây buồn phủ
kín tim tôi*

*Ôi tóc mây bay ru lên điệu buồn/ Sợi tình theo gió vỗ cánh bay
xa/ Ôi tóc mây thom men say lạ thường/ Tình ta xanh lá tóc mây
không vàng”.*

(Tóc Mây - Phạm Thế Mỹ)

*“ Ngày xưa em đến, em mặc áo lụa vàng/ Em đi trong nắng,
chân chim xinh xắn,/ Chưa hề lấm bụi trần, chưa hề vương cỏ
sâu./ Em đi vào mộng mơ.*

*Ngày mai em đến, xin mặc áo lụa vàng, nghe em hãy nhớ./
Quê hương anh đó, đang cần đến tình người, đang cần đến nụ
cười./ Cho tâm hồn nghỉ ngơi.*

*Ôi ! nắng lụa vàng, nắng lụa vàng nắng ướt môi em./ Ôi ! nắng
lụa vàng, nắng lụa vàng quán quít chân em./ Trên con đường này,
ngày xưa, ngày xưa/ Trên con đường này, chiều nay, chiều nay*

*Chiều nay em đến, vẫn màu áo lụa vàng./ Như xưa trong
trắng, mang theo ánh nắng./ Cho đời bớt lệ sầu, cho lòng bớt hận
thù./ Anh đi vào tuổi thơ.*

*Mùa thu đã đến, trên đường lá rụng vàng./ Anh đi trong nắng,
mang theo ánh sáng./ Với màu áo tuyết vời, vời màu nắng rạng
ngời./ Anh đi vào niềm vui.*

(Áo Lụa Vàng - Phạm Thế Mỹ)

Phạm Thế Mỹ không chỉ thành danh bởi nhạc bản, trường ca, nhạc cảnh, mà còn rất tài hoa trong việc điều khiển những dàn hợp xướng, kịch đoàn, vũ công. Ra đời trong một gia đình gồm 11 người con. Với vai vế người sau cùng, anh có phần được người mẹ hiền ban thưởng tình thương yêu, sự chiều chuộng nhiều hơn. Tôi rất thường ghé thăm lúc anh cư ngụ trong một con hẻm trên đường

Hoàng Diệu, Đà Nẵng. Thân mẫu anh có hình dạng nhẹ nhàng hơn bà Năm Sa Đéc, kịch sĩ, một chút. Vui vẻ, thương bạn của con là bản tính hầu hết của những người mẹ Việt Nam chúng ta. Nhanh hoa Huệ bên anh thì quá đổi hiền hòa. Và Diễm, trưởng nữ của Mỹ, có lẽ nhờ ăn ngủ cùng âm thanh nên rất xinh đẹp. (Diễm hiện đang ở California, theo tin của nhạc sĩ Vĩnh Điện).

Có nghe Phạm Thế Mỹ hát mới thấy sự say nhạc của anh. Những hình ảnh đẹp nhất trong khi hát được anh gói vào nơi bàn tay, chọt mở ra, chọt thu về, như trao gói như gìn giữ trang trọng

- Sao, sao, Hoán nghe ra sao. Dễ sợ thật...

Câu hỏi thân quen này vẫn còn ám tai tôi. Nụ cười sung sướng rất trẻ thơ của anh được nở ra mãn nguyện. Là một nhạc sĩ giàu tình cảm nhưng Phạm Thế Mỹ sống khá mực thước. Vì là một ông thầy của những học sinh sẵn sàng yêu, nên anh đứng đắn trong lịch sự. Hơi chải chuốt một tí. Quần áo, đầu tóc bao giờ cũng tươm tăt, gọn gàng. Có một điều chắc ít ai biết, Phạm Thế Mỹ không bao giờ ngồi xe thô, xe ôm. Nếu không có phương tiện cá nhân, bắt buộc phải đi đâu cần thiết, anh đều nhờ vào xích lô. Không hút thuốc, không uống rượu, bia. Không la cà, bát phố. Anh chân tình với bạn bè, nghe lọt tai những góp ý hữu lý. Tôi nhớ một lần, anh viết : *“Đường Việt Nam thênh thang một lối...”* Tôi và Lê Vĩnh Thọ đề nghị anh thay từ *“một”* có vẻ *“độc đảng”* quá, anh thay ngay bằng từ *“ngàn”* một cách vui vẻ.

Tôi xem anh như một huynh trưởng. Anh quen gọi nửa sau bút danh của tôi: Hoán và xưng *“mình”* trong mọi dịp gặp mặt, chuyện trò. Không phách lối, kẻ cả. Anh thường hay xài một vài chữ khá ngộ. Để tán thưởng khen ngợi ai, hay một cái gì, điều gì, anh thường dùng ba chữ *“dễ sợ thật”*. Ví dụ, sau khi kể thành tích tuyệt vời về những hoạt động của linh mục Nguyễn Ngọc Lan, anh nói liền vào... *“dễ sợ thật !”* một cách ngon lành.

Phạm Thế Mỹ rất kính trọng nhạc sĩ Phạm Duy. Nhưng hình như người nhạc sĩ lớn này không thương thức tài hoa của đàn em cùng họ Phạm, sinh khác miền đất. Có một lần Phạm Thế Mỹ đưa tôi đến thăm nhà anh Phạm Duy ở Phú Nhuận. Đêm đó là lần đầu tiên tôi trình diện tác giả *Tình Ca* mà tôi hằng ngưỡng mộ.

Nhạc sĩ Phạm Duy không có tuổi già trong âm nhạc, trong văn hóa nghệ thuật, nên tôi xin được gọi là anh. Anh Phạm Duy tiếp

chúng tôi trong phòng ngủ nhỏ của riêng anh. Thân tình này chợt giảm đi tinh thần, khi anh Duy tự tại, nằm dài trong bộ áo quần bà ba đen một thời của nông dân mình. Anh không thèm nhòm dậu, cho những người đi sau có cơ hội chạm tay anh để lấy hơi. Với một người vô danh như tôi, điều này không chút mặc cảm tự ti nào. Nhưng với Phạm Thế Mỹ, người đã có dịp được anh truyền đạt ít nhiều tay nghề, khó có thể không buồn. Một chữ đủ làm thầy, nhưng tình thầy trò có bắt buộc hướng thượng một chiều ? Tôi nhớ đêm hôm đó anh Phạm Duy nói cả phần của chúng tôi. Nhưng tôi không nghe, không hiểu gì cả. Bộ áo quần bà ba đơn giản dễ thương và chất phác trở thành rất xa, rất lạ dưới mắt tôi. Chẳng phải vì chúng có sứ mệnh “xây dựng nông thôn” mà vì một điểm gì đó, tôi chưa nghĩ ra, không mong nghĩ ra. Tôi là người rất kính trọng tài hoa của anh Phạm Duy. Từng lén nghe nhạc anh để ngâm ngùi rơi nước mắt, đến nỗi làm ra thơ, thời sau 1975. “...*Đêm mưa nằm ngủ không đánh/ tôi trôi theo giọng Thái Thanh dập dìu / Tôi còn yêu, tôi cứ yêu..nhạc bao la trải bóng kiêu liêu trai...*”. Bây giờ cũng vậy. Một điều nhỏ, thú thật tôi đã tiếc, là anh đã chợt xin làm sống lại những ca khúc lỗi lạc vốn chưa hề chết của anh. Cái tiếc vớ vẩn của tôi hẳn được anh Phạm Duy cho là lãng mạn với ít nhiều ngu muội. Tôi vẫn một lòng kính quý người có “*tình hoài hương*” tuyệt vời này. Khi nhận điện thư lúc 15:08:22-0800 ngày 23 feb.2006 của nhà văn Nguyễn Đắc Xuân từ quê nhà tin: “*Sáng sớm 23-2-2006 anh Phạm Duy ho ra máu phải vào bệnh viện Việt Pháp cấp cứu. May chưa can chi...*” tôi rất buồn, đã nhắn đến anh một lời chúc sức khỏe chân tình. Còn sức khỏe Phạm Thế Mỹ, bạn tôi ra sao? Chính anh ấy đã thố lộ:

“Tôi vừa trải qua cơn bạo bệnh, bị đứt mạch máu, liệt nửa người, nằm đến 7 tháng, hiện vẫn còn nói ngọng. Tôi vẫn sáng tác, mới nhất là một trường ca dài 30 phút. Hiện ngoài những ca khúc rời, tôi đã viết 6 trường ca và 4 nhạc kịch”

(trích lại từ trích dẫn trong bài viết của Bùi Mạnh Hùng).

Dễ sợ thật !

Anh bạn Mỹ của tôi hiện nay là vậy. Trước những bất hạnh của anh mà sao tôi như mỉm cười ?

Năm 1984, gặp nhau tại Sài Gòn. Phạm Thế Mỹ nắm tay tôi

lôi về nhà đãi ăn và khoe một người đàn bà mới đến định cư trong đời anh. Anh vô cùng hào hứng:

- Hoán biết không ? Thật kỳ diệu, bà mới của mình cũng là Trần Thị Lý, giống y chang họ tên vợ của Hoán. Dễ sợ thật !

Thực hư về cái tên tôi không rõ. Tôi có chút vui cũng có chút buồn. Nhiều lần định gọi thăm cháu Điềm, (hẳn đã là một người đàn bà), để thăm hỏi nhiều điều nhưng lại thôi. Trong suốt 21 năm qua, tôi có nhận được mấy dòng thư của Phạm Thế Mỹ vào năm 1989. Anh có vẻ rất buồn. Bút tự cùng vài hình ảnh xưa cũ được bày ra để nhớ lại “những ngày xưa thân ái”



Trong khi lúng túng khi muốn viết những dòng đóng lại bài này cho thật chân tình. Tôi chợt nhớ đến một số bằng hữu và nảy ra ý, gửi e-mail xin vài nhận xét, với câu hỏi chung:

- Anh (chị) có biết nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ ? Đã từng nghe qua nhạc Phạm Thế Mỹ ? Anh (chị) nghĩ thế nào về tác giả, tác phẩm ?

Những câu trả lời, bắt buộc không quá 10 dòng, như một món quà thân mến gửi về người bạn cũ. Tôi tin anh Phạm Thế Mỹ sẽ vui vẻ khi nhận được, dù trong món quà có thể có ngọt ngào lẫn chua chát, tùy quan niệm thưởng ngoạn nghệ thuật cùng cái tâm của mỗi người. Câu trả lời, chỉ nhận qua e-mail trong vòng 72 giờ,

xếp theo thứ tự nhận được. Cảm ơn quý bạn đã tham dự

Nhà thơ, nhạc sĩ Phan Ni Tấn ND:

date : Sun, 19 Mar 2006 20: 40: 09-0500 (EST)

From: phannitan@yahoo.com

“Biết. Đã từng nghe. Nhạc PTM rấy hay, đặt trọng tâm về quê hương và thân phận con người”.

Họa sĩ La Toàn Vinh:

date: Sun, 19 Mar 2006 21: 41: 26 EST

From: LATOANVINH@aol.com

“Trong những năm cuối của thập niên 60 tôi đã từng nghe nhạc Phạm-Thế-Mỹ trên đài phát thanh, truyền hình v.v Nhạc của ông lồng lộng một vùng trời quê hương , man mác như bao cánh diều thảng trầm bên cạnh những biến động thời cuộc; đó là sự hiện diện của CHIẾN TRANH... như trong nhạc phẩm “Trăng Tàn Trên Hè Phố...”

Âm điệu trong nhạc Phạm Thế Mỹ đượm chất dân gian, rất dễ dàng chuyên chở đến từng con người, rất dễ hát , dễ cảm , dễ chia sẻ với nhau thêm, trong từng con người trẻ thời bấy giờ đang đối diện , nhận diện về sự đổ vỡ đã gần như tận cùng... Để cùng ước ao cho một ngày mai đoàn viên trong Thanh Bình...”

Nhà văn Song Thao

date: Mon, 20 Mar 2006 09:47:07-0500

From: tatrungson@hotmail.com

“Anh hỏi về nhạc với tôi thì cũng như...bù trất. Tôi nghe nhạc chỉ bằng một tai, nghĩa là nghe vậy thôi, còn hỏi tác giả của bản nhạc thì tôi phải thú nhận rất dở. Có khi tình cờ nghe thấy một bài nhạc quen quen, khi họ nói tên tác giả thì mới... “A! ra đó là nhạc của ông ấy”. Nhạc Phạm Thế Mỹ cũng vậy. Bữa trước tình cờ nghe thấy một bài nhạc quen quen, người giới thiệu nói đó là nhạc

của Phạm Thế Mỹ lúc đó mới biết ông Phạm Thế Mỹ cũng khá...quen với mình mà không biết. Phải chi anh hỏi về ca sĩ, nhất là nữ ca sĩ thì tôi rành sáu câu hơn nhiều!”

Nhà viết biên khảo Nguyễn Vy Khanh

date : Mon, 20 mar 2006 11:01:31 – 0800 (PST)

From: nguyenvykhanh@yahoo.com

“Tôi không quen biết nhạc sĩ PTM nhưng thời học trò rất yêu thích một số bài hát như Đan Áo Mùa Xuân, Trăng Tàn Trên Hè Phố, Thư Về Em Gái Thành Đô, Những Ngày Xưa Thân Ái, ... Tuy nhiên khoảng đầu thập niên 1970, dần thân trong một số hoạt động sinh viên ở Sài-gòn, tôi tình cờ biết được một số hoạt động trí thức và sinh viên vận của phía bên kia, cá nhân tôi bớt và rồi hết thích các sáng tác của những người lúc nào cũng có mặt bên các sinh viên học sinh hoặc viết báo chống chính quyền. Những năm gần đây, ở ngoài rồi, có những lúc (khá hiếm) nghe được các nhạc phẩm của các nhạc sĩ ấy thì nhạc của PTM được đón nhận lại, như một tiếc nuối, như nỗi buồn phiền đã nguôi nhưng vẫn chưa nguôi !”

Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn (còn là một giọng ca trong nhiều sinh hoạt công cộng)

date : Mon, 20 Mar 2006 11: 24: 06-0800 (PST)

From: son_hoang42@yahoo.com

“Tôi không biết nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ có sáng tác nhiều hay không, nhưng chỉ nghe chừng vài bài cũng đã thấm thía. Theo tôi nhạc PTM có giá trị thẩm định với thời gian. Nét nhạc của ông dạt dào hồn quê và thấm đượm tình người. Tôi có điển ca nhạc PTM và có được sự đáp ứng khá nồng nhiệt phía người nghe. Ca khúc Bông Hồng Cài Áo há chẳng phải là một trong những tuyệt tác viết về Mẹ hay sao ? ”

Nhà thơ Triều Hoa Đại

date : Mon, 20 Mar 2006 11:36 : 02-0800 (PST)

From : thdai1@yahoo.com

“Theo tôi, bất kỳ ai đã từng ở Đà Nẵng và miền Trung thì cũng đều biết đến nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ, bởi vì ông là một người có một tâm hồn rất nghệ sĩ, tính tình hòa nhã. Lời nhạc của Phạm Thế Mỹ là tiếng nói từ trái tim ông bộc phát, một trái tim yêu người, yêu cuộc đời. Và hơn thế nữa, theo tôi, hình như ông rất yêu những người “chân lấm tay bùn”, “Đáy xóm nghèo quê tôi khi nắng lên, hương lúa đẹp tình quê thêm trĩu mển...”. Tôi rất thích bài này khi còn đi học, và chắc sẽ còn thích mãi đến cuối đời”

Nhà thơ Song Vinh

date : Mon, 20 Mar 2006 21: 55: 46-0800 (PST)

From: songvinh@yahoo.com

“Sài Gòn của những năm 1973 là thời điểm để nhạc của Phạm Thế Mỹ đi sâu vào lòng người. Có lẽ trong chúng ta ai cũng một lần đã nghe Những Ngày Xưa Thân Ái. Bài ca gắn liền tuổi trẻ với loạn ly, để hôm nay trở thành tiêu mục cho nhiều trang học sinh hải ngoại. Nhạc Phạm Thế Mỹ không ngừng ở đó. Hãy nghe thêm Bông Hồng Cài Áo, Đường Về Hai Thôn, Thư Về Em Gái Thành Đô, Tóc Mây... để biết trên dòng nhạc của Phạm Thế Mỹ gắn bó với nhiều thứ tình: quê hương, con người, lứa đôi.. Khi bước chân xa xứ hôm nay, chúng ta vẫn còn Bóng Mát của Phạm Thế Mỹ như một chúy gì nhớ nhung nhắn gửi”

Nữ sĩ Nguyễn Thảo

date: 21 Mar 2006 05 : 44: 44 -0800(PST)

From: chantam1@yahoo.com

“Cho dù ở độ tuổi nào trong thời chinh chiến tại quê nhà, chỉ cần có nghe nhạc, thích nghe nhạc một chút xíu thôi, có lẽ hầu hết mọi người đều biết

đến dòng nhạc êm đềm của người nhạc sĩ mang tên Phạm Thế Mỹ. Tình bạn, tình quê hương và trên tất cả là tình Mẹ, phải nói rằng nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ đã chinh phục hàng triệu con tim Việt Nam qua ba nhạc phẩm tiêu biểu Những Ngày Xưa Thân Ái, Trăng Tàn Trên Hè Phố và Bóng Hồng Cài Áo.

Phạm Thế Mỹ người nhạc sĩ đã 77 tuổi hiện đang sống quãng đời còn lại trên một căn gác nhỏ ngèo khó ở Khánh Hội, Sài Gòn, sau khi bị chấn thương sọ não hơn một năm trước”

Nhà phê bình Đặng Tiến (nhà thơ Nam Chi)

date: Wed 22 Mar 2006 12:55:41 + 0100

From: dangtien@wanadoo.fr

“Tôi có quen Phạm Thế Mỹ, ông ấy là hàng xóm ở Đà Nẵng. Những năm 60 tôi có nghe nhạc Phạm Thế Mỹ. Nhạc trong sáng, dịu dàng, lời ca thường gợi cảnh nông thôn, êm đềm, thi vị. Ông ấy còn làm thơ, thường là thơ mới, hiện đại. PTM là người nặng lòng với dân tộc và đất nước, nên đã tham gia những phong trào đấu tranh cho dân chủ, tự do và hòa bình vào những năm 1963-1975. Thơ nhạc của ông phản ánh tâm tình dân tộc thiết tha của ông ấy. Tôi cũng biết hai người anh là nhà thơ Phạm Hồ (Hà Nội), nhà văn Phạm Văn Ký (Paris, đoạt giải thưởng lớn về tiểu thuyết của Hàn Lâm Viện Pháp quốc với truyện dài Perdre La Dameure - Mất Nơi Trú Ẩn- 1962. Phạm Văn Ký là người đã viết tựa cho tập Gái Quê của Hàn Mặc Tử năm 1932. Thời ấy ông đã có tập thơ tiếng Pháp Une Voix Sur La voie - Tiếng Nói Trên Đường- ông ấy đã qua đời). Tôi vẫn nhớ bà mẹ PTM mà tôi quý mến, sinh thời bà ấy quan tâm và rất thương tôi”

Nhạc sĩ Phạm Anh Dũng

date: Wed, 22 Mar 18 : 26: 35-0800 (PST)

From: phamanhdung1@yahoo.com

“Phạm Thế Mỹ là một nhạc sĩ có tài. Anh viết nhiều loại nhạc, kể cả trường ca, nhạc kịch. Nhưng Phạm Thế Mỹ nổi tiếng về những ca khúc hay nhạc âm hưởng dân tộc, ngũ cung, tiêu biểu như Bong Hồng Cài Áo. Ngoài trừ bài Tóc Mây có âm điệu trữ tình của nhạc tiền chiến”.

Nhà văn Phan Nhật Nam

Thu 23 Mar 2006 12:22:19 EST

From: Pnn943@aol.com

“Khi ở Đà Nẵng (50-60), có giai đoạn (57-59), tôi ở sau lưng nhà Phạm Thế Mỹ (đường Nguyễn Thị Giang, bên cạnh trụ sở Lao động và nghĩa trang người Pháp) Vì là người dị ứng với giới ca nhạc từ nhỏ (lúc chưa đủ trí khôn để hiểu tại sao), khi lớn lên tôi hiểu ra (và tin là mình hiểu đúng). Những người đến với âm nhạc vì nhu cầu nghề nghiệp và thành công nhờ kỹ thuật hơn là một tấm lòng, Văn Cao, Phạm Duy hay Trịnh Công Sơn cũng thế. Tuy nhiên khi ở tù ngoài Bắc, nghe anh em đàn hát (trong giá lạnh, đêm đen, cảnh khổ, sự chết) bài Trăng Tàn Trên Hè Phố làm tôi rất xúc động, vì đây là của miền Nam chứ không chỉ của Phạm Thế Mỹ”

Ca sĩ Quỳnh Giao

Thu 23 Mar 2006 19: 15 : 05-0500

From: quynhgiaomusic@aol.com

“Tôi thích bài Tóc Mây khi nghe Thái Hiền hát bài này. Nhưng bản thân tôi thì chưa hát bài nào của anh Phạm Thế Mỹ. Tôi nghĩ phải biết một số tác phẩm về một người mới có ý kiến chính xác được... Nếu có ý kiến nho nhỏ, thì nhạc anh Phạm Thế Mỹ, theo tôi, có nét đặc thù của quê hương, từ lời đến âm điệu, điển hình nhất là bài Bóng Mát”.

Nhà thơ Phan Xuân Sinh .PXsinh@comcast.net . 25 Mar

“Tôi không những biết nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ, mà là học trò của thầy PTM thời trung học đệ 1 cấp. Tôi đã nghe nhiều nhạc PTM. Nhạc của ông là một trong những loại nhạc hiếm hoi thời đó. Nói lên được tâm trạng của một thế hệ không may mắn vì ngụp lặn trong một cuộc chiến tồi tệ. Riêng cá nhân tôi rất kính trọng phong cách của ông và nhạc của ông là tấm gương soi cho thế hệ chúng tôi, cất tiếng giùm chúng tôi trong những hoàn cảnh bi thiết nhất”.

Trong số những bạn tôi xin câu trả lời, có ba người từ chối. Trò chơi kết thúc như trên kẻ cũng đẹp quá rồi.

Montréal, hôm nay, 21 tháng 3 năm 2006, đất trời chính thức bước vào mùa xuân. Tuy vẫn còn đang ở bảy độ âm, nhưng tôi thấy ấm áp vô cùng. Mới chỉ tạm hoàn tất 9 bài viết cho một dự trù gồm trên hai mươi bằng hữu. Nhưng chắc rồi sẽ xong ngay thôi. Kể chuyện “đời xưa chưa cũ” đâu có gì phức tạp, khó khăn lắm, nhất là kỷ niệm đã có sẵn trong lòng, trong đầu, vui tay thì cứ việc gõ lên bàn chữ. Hơi khó hơn làm thơ một chút vì chưa quen ngón nghề. Câu, từ còn lúng túng, nhưng chắc không có sao. Có trắng, có chữ là được rồi. Không thành văn thì thành thơ xuôi. Hơi đâu nghe chị vợ, tình cờ một hôm thắc mắc: “*Anh viết cái gì cả ngày vậy, không biết mỗi lung à ?*” rồi giả đò quan tâm, liếc mắt kiểm soát, đọc thoáng một chập, la hoảng “*viết cái gì lắm cảm, vô ích quá. Đứng dậy xuống rửa ba cái chén giúp tôi một tay, coi bộ tốt hơn*”. Rửa chén thì tôi vẫn rửa ngon lành đấy chứ, nhưng “lắm cảm” cũng phải có để mà thư giãn tinh thần của một người... ngòi không chớ bộ. Có lắm cảm mới nhớ được thằng A còn sống, thằng B đã chết, thằng C vẫn còn cưới vợ như ông gì bảy mươi, cha ca sĩ Trần Thu Hà ấy.

Bạn của tôi ơi ! hời những “*bạn già.. lớp trước nay còn mấy / chuyện cũ mười điều chín chẳng như*” (Nguyễn Khuyến) của tôi ơi, Tôi nhớ tất cả các bạn, muốn viết một vài dòng cho mỗi người, từ các bạn thời tiểu học, thời ở mặt trận... Nhưng chắc chắn tôi không thực hiện nổi. Dù tôi không dùng quỹ thời gian còn lại để viết những bài bồi bản một người tài danh nào đó đã khuất núi,

để ăn ké chút hào quang, như một số người, cũng có danh tài chút đỉnh, đã viết, đã liên tục gửi vô tội vạ đến địa chỉ điện thư của nhiều người, trong đó có tôi. Tôi nhắc điều này ở đây có vẻ như lạc đề. Nhưng nghĩ kỹ có lẽ không. Người viết về người cả đấy mà. Và tôi phải băn khoăn, sao có người không chịu để tâm hồn của chính họ thanh thản? Có lẽ nhận e-mail không sạch sẽ nhiều quá, tôi đâm cáu. Thôi thì hôm nay phải tạm nghỉ ít giờ ra ngoài trời thở vài cái cho vững sức mà nhớ nhưng tiếp.



Ghi thêm:

Sau 2 phút kết thúc bài viết, tôi nhận được điện thư của anh Sơn Huy, đài VOVN cho số điện thoại của nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ. Chữ “đương nhiên” tôi ghi trên khi chưa nhận được hồi âm có vẻ vội vàng. Thật ra chính vì hiểu nguyên tắc, không ai báo số điện thoại người khác cho một người chưa rõ xuất xứ, chữ đương nhiên chính là điểm này. Mong anh Sơn Huy thông cảm và không quên cảm ơn anh một lần nữa.

Cơm tối xong. Nằm thẳng lưng trên giường, định xem *hockey* nhưng lại thôi, tôi nhờ Lý bấm số điện thoại gọi Phạm Thế Mỹ,

vào lúc 20 giờ 38 phút, số gọi đầy đủ từ Montréal về Sài Gòn: 0118-488.265.434. Chuông reo, con gái Mỹ bắt *phone*, rồi tôi gặp được người muốn gặp Cuộc điện đàm đến 21 giờ 11 thì ngưng.

Những giây phút đầu thật xúc động. Anh Mỹ thỉnh thoảng gọi lớn: *Hoán ơi ! nhớ quá...* tôi thì xưng hô lộn xộn lúc tôi, lúc em. Giọng anh nói có lúc nghe rõ như xưa, có lúc không nghe được. Giọng tôi anh nghe rất rõ, không thay đổi, theo nhận xét của anh. Anh cho biết ăn được, ngủ được. Thân thể không ốm yếu, chỉ bên chân phải không đi được tử tế. Anh buồn vì cả ngày như bị giam, có ngồi trước đàn dương cầm nhưng chóng chán. Anh thúc hối gởi thơ về cho anh phổ nhạc chơi. Anh đọc cho tôi địa chỉ: cư xá Vĩnh Hội, Phòng T11, Phường 6, Quận 4 thành phố HCM. Tôi hỏi về người mang tên Sơn Huy, anh không biết, nhưng lại biết anh Nguyễn Ngọc Túy, học sinh cũ. Anh Túy có tin cho anh biết về buổi *Phạm Thế Mỹ Ngày Xưa Thân Ái*, anh mừng lắm và đang mong đợi ngày ấy chóng đến, dù anh không được trực tiếp tham dự. Anh kể với tôi chuyện gia đình, khoe sắp có cháu nội và chị Lý vẫn đi dạy học lai rai nuôi gia đình qua ngày. Mỹ có ba cháu với chị Huệ, hiện đã trưởng thành, cùng ở California với chị. Anh cũng có một trai, 27 tuổi và một gái, vừa xong tú tài, với chị Lý. Anh cho biết Miên Đức Thắng đã đi đi về về Việt Nam làm ăn, và thỉnh thoảng ghé đến thăm anh. Ngoài Thắng ra gần như không còn ai. Anh cũng cho biết đã điện thoại thăm anh Phạm Duy, anh Duy vẫn thích nói nhiều như xưa. Anh nhắc đi nhắc lại đã 76 tuổi rồi (sinh năm 1930 là chính xác), lại không đi đâu được, bạn bè chẳng còn ai. "*Còn ai, ai biết còn ai / còn riêng ta với quan tài nhớ thương/ quệt tìm một chút bụi đường / gặng hình dung thử nỗi buồn đến đâu /ai về đâu, ai đến đâu/ đến đâu là đến đâu đâu bây giờ ?/ còn văn, còn nhạc, còn thơ / có còn cái chỗ cùng vào ba hoa/ cho dù chỉ còn lòng ta/ vẫn xin bè bạn thiết tha ghé về...*" (Luân Hoán).

Tôi hứa sẽ cố gắng về thăm anh, nhưng chính mình cũng không rõ giá trị của lời hứa được bao nhiêu phần trăm khả thi. *Hoán ơi, nhớ quá !* anh gọi lên năm, bảy lần trong câu chuyện. Làm sao mà không nhớ được những năm tháng đã có với nhau những kỷ niệm vui buồn. Tôi sẽ gởi cho anh những cuốn sách của tôi theo như lời anh căn dặn. Những thứ xa xỉ phẩm này chưa biết gởi bằng cách

nào. Ước chi Bru điện Việt Nam thực thi nghị quyết 36, 37 hay 38 gì đó một cách “vô tư” về văn hóa phẩm...Buồn buồn tôi viết mấy câu chơi, tạm lấy tên “thăm nhau qua điện thoại”.

*chợt nghe được giọng bạn hiền
sao tôi bỗng lặng im liền mấy giây
coi kia, giọt nước gì đây
rịn trên khóe mắt cay cay bất ngờ ?
Hoán ơi, nhớ quá...bao giờ
gặp nhau như thuở dật dờ ngày xưa ?
anh hỏi, tôi lặng... quên thưa
gượng tay chạm mắt lòng chưa sạch lòng
giọng anh như tấm gương trong
không soi cũng thấy thảng năm chúng mình
cái thời anh rót chân tình
lên từng nốt nhạc hiển linh cho đời
cái thời tôi mãi ham chơi
bỏ rơi một đoạn chân nơi chiến trường
nhạc anh thông cánh tay buồn
nâng tôi đứng dậy bình thường lâu nay
bây giờ, ai đỡ anh đây
câu thơ tôi chỉ sợi dây úng sâu
có còn được vịn vào nhau
vui chân qua khắp chiều sâu thân tình
giữ cho lòng mãi rập rình
cái thương cái nhớ xinh xinh cuộc đời
sống trong anh sống trong tôi
hạt thơ mầm nhạc xanh chồi như xưa
tôi chưa thừa, anh chưa thừa
ít ra còn điểm tựa vừa nhớ nhưng
vét tình vãi rộng không trung
Hoán ơi, nhớ quá, nơi dừng, đến chưa ?”*



Bạn xưa ảnh cũ



Ý Vân, Ngô Thị Ân, Nguyễn Thị Vinh
Hoàng Trọng Biên (+), Trần Ngọc Giao (hoa tiêu +), Huỳnh Hương
Châu Văn Tùng, Phan Quang, Ngũ Hồ Hải

Hà Nguyên Thạch Còn “ngại hôn bay” ?

*“Về đi cây, về với mầm/ thả hieu hắt
bóng, lá làm lười bay / về đi đêm, về với
ngày / ngọp bao la tối sao lay lắt buồn
/ về đi sông, về với nguồn / bỏ quên
rong cỏ, nước cuông nộ trôi / về đi em,
về cùng tôi / dắt nhau qua bến luân hồi
đón xuân”* (Hà Nguyên Thạch)



Nếu tôi là người đàn bà từng có may mắn cư ngụ một khoảng thời gian trong đời nhà thơ, nếu tôi từng được làm một người tình của thi sĩ, hay ít ra, nếu tôi là một người mà *đời không nở đánh, dù một cành hoa*, tôi sẽ nhanh chân, không ngần ngại về với những lời dỗ dành (tên bài thơ) dịu dàng, tha thiết trên.

Hà Nguyên Thạch là một nhà thơ tài hoa trong ngôn ngữ mượt mà, mơn trớn. Nhà phê bình văn học Đặng Tiến, một người làm thơ rất hay dưới bút hiệu Nam Chi, trong một bài viết giới thiệu thơ Vũ Hữu Định, đã nhận định chắc nịch như đinh đóng cột:

... *“Thơ tình yêu là lối thơ dễ làm và khó hay nhất”* Rồi ông lý giải: *“Một là vì đề tài lâu đời trở thành khuôn sáo, hai là người làm thơ tình khi thành thật thì chủ quan, đặc ý, tự nghĩ thơ mình là hay, hóa ra dễ dãi, trong khi người đọc bên ngoài cho rằng lắm cảm...”* Nghe có lý quá. Nhưng tôi lại có cảm tưởng: thơ tình yêu khó làm mà dễ hay. Khó làm vì không dễ gì viết được một bài thơ tình yêu được nhiều người tâm đắc. Dễ hay vì thơ tình yêu chân tình thường rất đơn sơ lẫn cùng lắm cảm. Không có chút lắm cảm mất đi năm mươi phần trăm thi vị. Bởi yêu, tự nó đã là chuyện... lắm cảm rồi. Có thể nói, không có chút lắm cảm là chưa biết yêu. Suy luận của tôi không dựa vào căn bản thuyết phục nào. Chỉ đưa ra để mời bè bạn suy nghiệm cho vui thôi. Tôi có “đặt” vấn đề, nhưng không chắc là thơ, nên chuyện hồ đồ khó tránh. Lâu nay tôi vẫn phục những nhà phê bình. Nhưng chưa gặp một nhà phê bình

nào khi họ viết về thơ của một người khác. Những ông như Đặng Tiến, Nguyễn Hưng Quốc... với tôi, họ chỉ là những thi sĩ. Từ những bài thơ hoặc văn vần họ làm nên những bài thơ xuôi, đọc lý thú vô cùng, nhất là chữ nghĩa của ông Nguyễn Hưng Quốc, hoàn toàn thom ngát chất thơ. Từ một bài thơ, các nhà phê bình đầy sự suy tưởng, lẫn tình cảm, phiêu lưu rất xa theo sự thông cảm nhạy bén từng vấn đề của họ, mà đôi khi chính người làm thơ không tự hiểu nổi.

Chết chữa...hình như tôi làm đáng quá, xin lỗi, đẩy cửa vào ngay đây.

“Thế giới thơ” Hà Nguyên Thạch, “vũ trụ thơ”(lại dùng những chữ lớn của các nhà phê bình) Hà Nguyên Thạch là một cõi thi ca đầm đìa nước. Nước mắt ? Dĩ nhiên cũng có. Nhưng bên cạnh những giọt lệ quý báu, hiếm hoi của một nam nhi, còn có vô số khối lượng nước từ thiên nhiên như sông biển ao hồ, thác, suối. Tôi có thể dẫn bạn theo Hà Nguyên Thạch, bơi lội, giỡn chơi hoặc buồn phiền bên những dòng nước ấy ngay bây giờ tức thì:

Vào tập, không cần phải tựa, hay năm mươi dòng đưa chân của người khác, đã có những câu lộng lẫy tuyệt vời của chính thi sĩ:

*“Con nước đó đã bao lần sóng vỗ
chút tàn phai đậu xuống mép chân cầu..”*

Và tiếp theo, nếu nói từng trang thì hơi quá, nhưng các bạn để ý đến ghi chú số trang dưới trích dẫn sẽ thấy rõ những nguồn nước phong phú trong thơ Hà Nguyên Thạch. Và tuy mê mãi viết nhiều về nước, nhưng phải nói câu nào cũng đều là ngọc bích cả, nên tôi chỉ trích thôi, dành quyền trầm trồ lại cho quý bạn đọc :

... *“ngày di động trên mỗi dòng thác đổ / có nghe không đời
lẫn dấu trong mù...”* (trang 5)

... *“ngày vãn nắng cho tim mình bốc cháy / nước vãn cuồn
giao tận đáy sông dài...”* (trang 6)

... *“hãy trôi xuống những dòng cao nước lũ / cho sông dài
nghe bờ cỏ hoang mang...”* (trang 8)

... “ở trên đó nguồn cao xô nước xuống / suối reo cười ai biết
đá mòn đau...” (trang 9)

... “trời của nắng và trăm miền của gió / biển một bờ hoang
sóng vỗ cũng thôi đành” (trang 10)

... “một viên sỏi tình cờ tung ra trên dòng nước / hạnh phúc
của em đang bong dần từng gợn sóng đuổi nhau vào bờ...” (trang 14)

... “bờ mới đến núi sông này xa lạ / nên anh tìm dòng nước
nhỏ làm quen...” (trang 20)

... “những lối ngõ đã cành hoang lá đổ / dòng sông dài nước
lũ nhớ nguồn xưa...” (trang 21)

... “đêm, bọt nước theo nhau vào bãi vắng / ôm bờ cao nghe
vỗ sóng rạt rào...” (trang 22)

... “từ con nước nhỏ nguồn cao / chở hồn anh xuống núi vào
biển hoang / một tay với thác thương ngàn / một tay gối sóng nghe
lòng lênh đênh...” (trang 24)

... “em thấy không những vệt nước trắng chạy dài trên sườn
núi xanh là / khối đăm mê tưởng chừng bất động/ tâm hồn anh
năm tháng vẫn cuồng giao” (trang 26)

... “nằm đây một bãi hoang sầu / nghìn con sóng vỗ nát nhàu
biển đêm / một loài chim lạ bay lên / bờ linh hồn nước đục lênh
tháng năm / mắt nhìn khoảng tối mù tăm / bàn tay dang mãi xa tầm
ước mơ / mệt nhòa bọt nước bọt vợ / lênh đênh từ buổi biển bờ
cách chia / ngày mai rồi ngày mai kia / cát khô bãi chết còn gì nữa
đâu / hồn thom mùi tóc cỏ lau / vọng trùng dương một điệu sầu
mênh mang” (trọn bài Nhạc biển, trang 29)

... “người đứng lại khi dòng sông chảy xiết / kỷ niệm nào hai
đứa trót trao nhau / người đứng đó bên dòng sông xanh biếc/ nhìn
nỗi buồn trên rong cỏ trôi mau...” (trang 30)

... “người bỏ lại ánh đèn khuya rừng khóc / con phố dài tay
với dòng nước đen / thôi đừng tiếc những lần qua thuở trước/
thành phố này xin giấc ngủ bình yên” (trang 31)

... “triều nước rút cuốn theo bờ mộng tưởng / trơ vơ nằm thân
ốc biển buồn tênh...” (trang 36)

... “con nước đổ mang hình anh trôi mát / buổi quay về này
một khoảng hư không...” (trang 38)

... “thân bốc cháy suốt một mùa hạ nắng / nằm im nghe nước
nở sóng triều dâng / bọt nước mỗi, chạy lên bờ đứng thờ / hơi mặn
nồng dành nhận chút băng khuâng...” (trang 41)

... “đêm thổi gió về khơi lòng biển động / con nước hiền bỗng
phá phách bờ xa/ nghe lở lói nửa thân mềm cát trắng / vết hằn đau
buổi ấy khó phai nhòa...” (trang 42)

... “chiều đi động bóng chân ngày / hơi con nước có sấu vây
xuống mù...” (trang 49)

... “mới hay trời đất không cùng / nước xa nguồn đã chia dòng
xuôi trôi / biển lênh đênh một mặt trời / trôi lên bọt nước bóng đời
vỡ tan” (trang 50)

... “trời cao trong đáy mắt / lòng sâu dưới chân đèo / nước
nguồn xuyên kẽ lá / thác ngàn đổ xuống theo...” (trang 60)

... “khi qua đó chân câu reo sóng nhỏ/ lời thanh xuân dạt bọt
nước quanh bờ...” (trang 66)

... “từ hôm nước vỡ sông trôi / biển mênh mông đó nói lời tuổi
thơ...” (trang 79)

Có lẽ vì tràn ngập sông nước, biển sóng, thác ngàn như thế nên toàn tập thơ của Hà Nguyên Thạch được mang một tên chung, rất gợi hình: Chân Cầu Sóng Vỗ. Tập thơ dày 104 trang gồm 41 bài đủ thể loại. Mẫu bìa của họa sĩ Nguyễn Khai. Phụ bản của các họa sĩ Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Khai, Hoàng Ngọc Biên. Nhà xuất bản Ngưỡng Cửa phát hành năm 1967, in trên giấy thiên thanh và hoàng ngự, cùng 50 bản đặc biệt cho bè bạn và nhà xuất bản.



Luân Hoán và Hà Nguyên Thạch

Ngoài thơ tình yêu lứa đôi chiếm đa số, Hà Nguyên Thạch cũng bày tỏ những ưu tư về cuộc chiến, cùng vẽ ra vài nét tiêu biểu về một quê hương nghèo khó, một dân tộc nhược tiểu. Thơ anh là những trần trở của tuổi trẻ, những rạo rức của tình yêu. Chải chuốt, bóng bẩy, giàu hình ảnh và điệu nghệ như một công tử thành phố thứ thiệt. Mà không thiệt sao được, khi anh được sinh ngay tại Phước Ninh trong lòng Đà Nẵng. Cũng ra đời năm 1941 như tôi, nhưng anh là đầu rắn, khác với cái đuôi rỗng của tôi. Một khác lệch nhau đã biết bao nhiêu khác biệt. Người ta thường nói thà làm đầu một con vật nhỏ, hơn phải là cái đuôi của con vật lớn. Nhưng làm sao chúng tôi chọn lựa được trước cái giờ đi đầu thai cấp bách. Rong hay rắn xem ra cùng lênh đênh. “*Mỗi cây mỗi hoa...*” mà. Điểm gặp nhau, may ra là nỗi buồn sâu thẳm ở trong lòng.

Hà Nguyên Thạch có một vóc dáng, một diện mạo rất giống nhà thơ Du Tử Lê. Tầm người không cao, không thấp, như nhau. Không mập, không gầy, như nhau. Bộ đi dáng đứng của hai nhà thơ cũng na ná. Khuôn mặt cả hai cũng vuông vức bắt mắt. Cả Du Tử Lê và Hà Nguyên Thạch đều có một cặp chân mày đậm đà. Một cái mũi vừa tầm cao nhưng hai cánh hơi lớn. Tôi hoàn toàn

không biết gì về tướng số. Nhưng nhớ có đọc qua đâu đó một lần. Những người có chiếc mũi và cặp mày như vừa mô tả là những người “cực kỳ” đào hoa. Một điểm chung nữa là cách chuyện trò với phái đẹp. Hà Nguyên Thạch cũng như Du Tử Lê, thật tuyệt vời trong nghệ thuật này. Tôi đã từng thấy cả hai anh thì thầm, rúc rích, duyên dáng, dí dỏm và có lẽ thông minh nữa trước người đối thoại khác phái của mình. Du Tử Lê, Hà Nguyên Thạch đều là những ông trọc phú tình nhân. Thơ của cả hai đều thuộc loại tuyệt bút. Ở đây tôi chỉ trích thêm một ít thơ của Hà Nguyên Thạch, có liên quan đến nghệ thuật này:

... “*sương cỏ xuống cả một vùng nước mắt/ vẫn bên lòng người hỏi biết cho không*”
(Hà Nguyên Thạch, trang 7)

... “*đời ngắn ngủi như một lần cỏ mọc/ anh cũng một lần xin mãi nhớ tên em...*”
(Hà Nguyên Thạch, trang 9)

... “*thầm gọi tên em: đêm cần ánh sáng / ngùi thương anh chim thức giấc trên cành / ngỡ bước chân em vang ngoài lối vắng / anh nghiêng lòng sầu nhớ cất mênh mông.../ ... nên bày biện hồn anh bằng ánh sáng / chờ âm thanh đàn kết tiếng em cười / rủ mây trời nâng dáng tóc em trôi / và hơi thở em nồng thơm ý sống / tiếng hát em thánng ngày ru anh ngủ / giấc bình yên trong đáy mắt em sâu / ta cho đời khi giới qua tìm nhau / nghe cuộc sống vỡ ra từng ý nghĩa*”
(Hà Nguyên Thạch trang 47 và 48)

Ngọt tai, ngọt lòng đến như vậy, dáng hoa nào không bị cuốn hút ?

Hà Nguyên Thạch là cựu học sinh trường trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng cũng như Trương Duy Hy, Đynh Hoàng Sa, Phan Nhật Nam, Vũ Ngự Chiêu, Lê Hằng, Nguyễn Hưng Quốc, Trần Gia Phụng, Huy Giang, Phan Duy Nhân, Lê Hân, Phạm Vũ Thịnh, Vương Ngọc Long, Võ Ý, Vô Tình, Tôn Thất Phú Sĩ, Nguyễn Hữu Viện, Trương Đức Thủy, Nguyễn Nam An, Thành Tôn, Nguyễn Nho Sa Mạc, Trần Vinh Anh, Nguyễn Đức Cung, Thùy An, Lam Hồ, Hoàng Trọng Bân, Châu Văn Tùng, Lê Mạnh Trùy, Tô Yên, Luân Hoán...và còn nhiều nữa, những người vui chơi trong thế giới văn học nghệ thuật, mà tôi chưa biết hết, chưa kịp nhớ ra.

Hà Nguyên Thạch trong tên thật Nguyễn Văn Đồng, con trai thứ hai (sau Nguyễn Văn Phượng) của ông trưởng làng Phước Ninh, bác Nguyễn Văn Được, theo học Đại học Sư Phạm Huế, ban Việt ngữ, cùng thời với Nguyễn Thiều Dũng (cháu nhà văn Nguyễn văn Xuân, hiện ở Việt Nam, là phu nhân của nhà nghiên cứu sử Châu Yến Loan), Tống Văn Diệu (em bà con của Tống Nhạn, hiện ở Birmingham, AL, USA)...

Trong thời gian uống nước sông Hương, ngắm các tà áo dài trắng qua cầu Tràng Tiền, Nguyễn Văn Đồng đã vụt trở thành một thi sĩ, thuộc trường phái lãng mạn. “*Sợ Hồn Bay Nén Niu Chặt Vai Cầu*” là một nhánh thơ trong cụm thi ca, đã giúp Hà Nguyên Thạch được báo chí Sài gòn, cũng như những người làm văn nghệ, nồng nàn đón nhận. Cũng từ đó, cái tên Hà Nguyên Thạch phổ biến rộng trong giới bạn văn. Thời ở Đại học Huế, Hà Nguyên Thạch đã cùng Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Thiều Dũng, Tống Văn Diệu...rủ rê Đynh Hoàng Sa cùng tôi góp bài cho tạp chí Nhận Thức do các anh ấy chủ trương. Đây là một địa bàn sinh hoạt văn học có cơ sở gần nhất với các bạn cầm bút thời bấy giờ tại Huế, Đà Nẵng.

Tôi không nhớ rõ bắt đầu kết thân cùng Hà Nguyên Thạch từ lúc nào. Hình như Thạch và Đynh Hoàng Sa đã đến tìm gặp tôi, rồi trở thành tri giao. Ba địa điểm chúng tôi thường gặp nhau là nhà ba má tôi trên đường Đông Kinh Nghĩa Thục (nay là Ngô Gia Tự), nhà mẹ và dượng Đynh Hoàng Sa trên đường Hoàng Diệu (trên chợ Cây Me một chút). Và nhiều nhất là tại nhà ông già của Hà Nguyên Thạch, số 42/3 Phan Thanh Giản (nay là Hoàng Văn Thụ).

Cụ thân sinh của Thạch có vẻ nghiêm khắc. Việc hành chánh phường xóm hình như không bề bộn lắm, nên lúc nào tôi đến, cũng đều chạm mặt ông. Ngoài cúi đầu chào, tôi chưa có dịp được tiếp chuyện với ông bao giờ. Sát vách nhà Thạch là nhà của chị Võ Thị Thương, một người đẹp giỏi toán nổi tiếng của trường Phan Châu Trinh lúc bấy giờ. Chị Thương đi du học tại Canada trước 1975, từng về giữ chức Giám đốc Điện lực tại Sài Gòn. Nhưng hiện nay chị cư ngụ tại thành phố Québec, làm chủ một vài quán ăn. Chị Thương có cô em tên Cúc mà tôi thường được nhận những

cái liếc mắt rất thơ. Cúc và Hòa (em trai chị Thương) đều định cư tại Québec, kinh doanh thành công trong dây chuyền ẩm thực của chị Thương. Trước nhà của Hà Nguyên Thạch là nhà ông Hoàng Đình Giáo, một nhân viên hành chính cao cấp ngành Ngân khố, đi làm bằng xe hơi riêng hảnh hoi. Nhưng điều quan trọng với tôi là trong cái *villa* kín cổng ắt có đôi mắt của Thanh Tâm rất sáng, và nụ cười rất tươi vui. Rất may cho Tâm, cô chỉ trở thành đồng nghiệp ngân hàng của tôi sau này, mà không bị thơ tôi tấn công. Tâm hiện ở Houston USA. Kể lễ đông dài như vậy để thấy tôi rành rẽ chỗ ra đời của Hà Nguyên Thạch đến mức nào. Sau này tôi trở thành con rể của hàng xóm Đồng, mọi người láng giềng càng trở nên thân thiết với tôi hơn nữa.

Thơ thần chẳng cầm chân được thời gian. Tuy theo hoàn cảnh riêng, chúng tôi chia tay một thời gian, rồi cùng tụ về thị xã Quảng Ngãi. Đynch Hoàng Sa dạy ở Trung học Trần Quốc Tuấn, Hà Nguyên Thạch, thú vị hơn, anh được dạy ở trường Nữ Trung Học. Dân Phan Châu Trinh Đà Nẵng hiện diện tại Quảng Ngãi thời bấy giờ, ngoài Đynch Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch, còn có Tô Yên, Lê Văn Nghĩa, lúc này còn là Trung úy Chi Đoàn Trưởng Thiết Giáp đóng bên cạnh bộ tư lệnh Sư Đoàn 2, Huỳnh Bá Dũng, Trung úy, trưởng phòng 3 Sư Đoàn 2 (đã hy sinh trong Tết Mậu Thân), Nguyễn Văn Phụng (anh ruột Hà Nguyên Thạch) Trung úy trưởng Ban 4 trung đoàn 4 Bộ Binh, Trần Hữu Lân, Trung úy, Trưởng phòng 4 Sư Đoàn 2 Bộ Binh, Nguyễn Đình Trí, Giáo sư trường Nữ Trung Học Quảng Ngãi, Trần Mỹ Lộc, Chuẩn úy, Trung đội trưởng tác chiến Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 4 BB (đã hy sinh tại Xuân Phổ Quảng Ngãi), Nguyễn Văn Pháp, Chuẩn úy, Sĩ quan liên lạc Việt Mỹ, Trung đoàn 4 BB, nhà văn Vương Thanh, Trần Hữu Huy, Trung úy, tiểu khu Quảng Ngãi, Châu Văn Tùng, Chuẩn úy, Trung đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 1/4 Bộ Binh. Và dĩ nhiên còn nhiều người khác tôi không được quen biết.

Hà Nguyên Thạch là một ông thầy giáo nổi tiếng ở xứ giàu chim mía này. Tôi tin chắc có khá nhiều cô nữ sinh áo trắng đã từng hơn một lần mơ tưởng đến ông thầy thi sĩ của mình. Thạch có một vài người yêu trong “*đám xuân xanh ấy*” đến tận phòng trọ “*nâng khăn sửa túi*” cho anh rất tận tình. Để rồi anh khép lại cuộc rong chơi độc thân cũng bằng một cô học trò tươi non, con một

phủ thương. Đó là giai đoạn sau khi tôi rời Quảng Ngãi.

Lúc tôi còn có mặt trong thị trấn nhà binh này, chúng tôi có nhiều sinh hoạt văn học. Lực lượng tham gia trong cuộc chơi gồm: họa sĩ Nghiêu Đề, từ Sài Gòn về tị nạn quân dịch. Khắc Minh, dân địa phương, thuộc diện lính cảnh của tòa tỉnh, con trưởng của một đại phú gia bậc nhất Quảng Ngãi. Phạm Trung Việt, công chức ngành thông tin, cha đẻ tác phẩm Non Nước Xứ Quảng (Ngãi). Minh Đường, nhà thơ chân chất, hơi khép kín với nghề truyền thanh. Phan Nhựt Thức, anh chàng này, theo ghi nhận của nhà văn Nguyễn Văn Quảng Ngãi đăng trên đặc san Quảng Nam Đà Nẵng, số Xuân Quý Mùi, 2003 như sau:... *“là người hòa nhã, dễ dãi, chân tình nên được anh em mến thương nhất và cũng bị rầy rà nhất nhưng không bao giờ biết giận...”*. Phạm Cung, họa sĩ, rất tiết kiệm tiếng nói. Trần Thuật Ngữ, bạch diện thư sinh thứ thiệt, và dĩ nhiên gần như hầu hết anh em từ Đà Nẵng vào như danh sách đã ghi trên. Công việc chúng tôi làm, tôi đã từng nhắc



tới, trong một bài viết ở tập Quá Khứ Trước Mặt, đó là hai tập chí Trước Mặt (gần đây nhà văn Trần Hoài Thu bắt gặp lưu trữ trong một thư viện đại học Cornell ở New York Hoa Kỳ) và Tập Hợp, nên chẳng dám nhắc lại.

Hà Nguyên Thạch làm thơ tình vẫn hay. Nhưng anh không dành nhiều thời gian cho thi ca. Cho đến năm 1975, anh in được 2 tập thơ, tập Chân Cầu Sóng Vỗ và một tập rất mỏng đánh dấu ngày Hà Nguyên Thạch lập gia đình. Tập này tôi nghĩ mãi không nhớ ra tên. Tuy không như Đynh Hoàng Sa, Phan Nhự Thức bỏ Quảng Ngãi vào Sài Gòn lập nghiệp. Nhưng Hà Nguyên Thạch bắt đầu có ý định sinh hoạt chính trị. Anh tham gia đảng Dân Chủ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và giữ chức Phó Chánh Sở Học chánh tỉnh Quảng Ngãi. “Trên Vương Chiếu Đồi Ta”, tên một bài thơ, tôi từng nhắc:

*“Bỗng nhớ đến tên Hà Nguyên Thạch /đi đâu hay đắp chiếu
ngủ vùi ?/ lâu nay sao chẳng làm thơ nhi/yêu quá cho nên đã đổ
lười ?/ hay là com áo chưa vừa phải/ xe ngựa đưa tài phải tới lui/
tao nói điều này e không phải/ nhưng tin mày không giận, mà cười
!”*
(LH-Rượu Hồng Đã Rót, 1974)

Quay qua, quay lại, thời gian qua nhanh, tôi bận rộn cùng những con số ở Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín Đà Nẵng, không có dịp vào thăm Hà Nguyên Thạch. Mãi đến tháng 11 năm 1984, tôi mới gặp lại Hà Nguyên Thạch, Đynh Hoàng Sa, Phan Nhự Thức tại Sài Gòn. Đynh Hoàng Sa có cuộc sống tương đối dễ thở. Đồng và Minh thì quá rách nát. Gặp nhau, *không còn để bàn chuyện phải làm*. Cũng không nhắc gì đến thi ca. Vài ba cuộc rượu rất u là lỏng lẻo, rời rạc.

Tôi ngồi chơi với Cung Tích Biền, Biền nói nhiều về Hà Nguyên Thạch, nhưng hình như tôi không hiểu mấy. Đại khái Hà Nguyên Thạch chạy bàn, Hà Nguyên Thạch lao công, Hà Nguyên Thạch say...

Trần Dạ Lữ, đèo tôi trên xe đạp, nói về Hà Nguyên Thạch, Chu Vương Miện tiếp tôi bên chòi sách cũ, nói về Hà Nguyên Thạch, Lê Vĩnh Thọ ở quá miệt chợ Búng, Bình Dương, mừng tôi, nói về Hà Nguyên Thạch, Rồi Hoàng Trọng Bản, rồi Nghiêu Đề nói về Hà Nguyên Thạch. Tin nào về người thi sĩ này cũng giàu

nét không vui. Bạn bè buồn cho anh về sự đổ vỡ trong hôn nhân.

Trước khi tôi ra đi, gần như đầy đủ các bạn đến chào tôi một lần chót trong một tiệc rượu, hình như gần nhà Thành Tôn. Đynch Trâm Ca hát Ngồi Lại Bên Cầu do anh phổ từ thơ Hoài Khanh, thật tuyệt, nhưng không giữ được chân Hà Nguyên Thạch, anh có chút bất mãn với Đynch Hoàng Sa, bỏ về trước, Chúng tôi nắm tay nhau. Không phải Đồng muốn khóc, hay chính tôi rơi nước mắt. Chẳng phải đâu, chúng tôi cùng giấu nhau, nhưng cùng thất bại. Tôi ra đi để vào “Cõi Thiên Đường” (chữ của anh Lê Ngọc Hiến tôi) nhưng có cảm tưởng xa vời như vào cõi miền viễn, không bao giờ gặp lại. Cuộc rượu tiễn đưa đã có chút gì lẩn tránh, tôi được Thành Tôn, Hoàng Trọng Bân đưa về sớm hơn dự định.

Hà Nguyên Thạch ! Hà Nguyên Thạch ! Người bạn từng nằm gác chân nhau, từng chia nhau một cỏi trắng hoa đang làm gì ? ra sao, sau những năm 1985? Những tháng trầm của anh đi từ một cuộc đời, tôi biết được ít nhiều qua các bài viết của nhà thơ Phan Xuân Sinh, (cũng dân Đà Nẵng chúng tôi, hiện làm ông chủ một quán rượu tại Boston, USA), nhà văn Nguyễn Văn Quảng Ngãi (nhìn hình đăng trên đặc san QNĐN tôi thấy phương phi lắm, nhưng tiếc, chưa được quen biết).

Câu chuyện phim tàu tôi đang nghe từ DVD phát qua tivi theo thói quen trong lúc gõ bài, đến đoạn Tề Cảnh Công lo sợ Lỗ Định Công dùng Đức Khổng Tử (551-479 trước Tây lịch) làm Nhiếp Tướng Sự (tướng quốc) Nước Lỗ sẽ mạnh. Cái ghé của Tề Cảnh Công có thể bị đe dọa. Lê Di, quân sư của Tề hiến kế lập một Bộ Nữ Nhạc, dâng qua Lỗ. Lỗ Định Công quả thật đã vì bộ nữ nhạc mà lơ là bàn chuyện quốc sự với ngài Khổng Trọng Ni. Chán vì việc này lại thêm bà Thượng Quan, người vợ yêu quý đã thất lạc gần một năm, Đức Khổng Tử bỏ Lỗ chu du qua các nước Vệ, Khuông, Trần, Thái, Sở...để thuyết giáo cái đạo của mình. Một hôm trên đường đi, ngài gặp một bà lão, ôm người con trai vừa qua đời gào khóc náo nùng. Ngài áy náy hỏi:

“- Phu nhân khóc một cách thảm thiết như vậy, xem ra không phải chỉ mất một người thân đâu ?

- Tiên sinh nói rất là đúng, năm kia cha chồng tôi bị cọp cắn chết . Năm ngoái chồng của tôi lại bị cọp cắn chết nữa, để lại tôi

và con tôi ngày đêm cứ sợ sệt mà sống qua ngày. Nhưng năm nay con trai của tôi lại cũng bị cọp cắn chết nữa rồi, bây giờ chỉ còn mình tôi...

- Đã như thế sao phu nhân không dọn đi nơi khác

- Tiên sinh không có biết, đây là giao giới giữa hai xứ Lỗ, Tề, không ai quản lý, không có hà chánh để cho bá tánh sống không nổi, nên chúng tôi đều ở lại”

Đức Khổng Tử ngậm ngùi ngẩng nhìn trời hỏi:

- “Hà chánh còn dữ hơn cọp sao ?”

Đoạn truyện vừa đi lạc vào trang viết của tôi phía trên nằm trong bộ Đông Châu Liệt Quốc, thời Xuân Thu DVD 4. Những đối thoại giữa ngài Khổng Trọng Ni và bà lão, tôi cốp y nguyên văn lời chuyện âm. (xin lỗi nhà sản xuất)

Chuyện một thế chế chính trị khắc nghiệt làm cho dân chúng tìm đường lánh xa, xem ra cũng có phần có thật. Sau tháng 4 năm 1975, đất nước Việt Nam được thống nhất một cõi chữ S. Không hiểu vì lý do gì dân chúng miền nam, đua nhau vượt biên, vượt biển dần dà kéo luôn theo một phần dân chúng phương bắc, nhất là Hải Phòng. Sự kiện này hình như là một biến cố của lịch sử, chắc chắn phải được ghi chép để đời. Nhưng những dòng sử dành cho các thế hệ hậu sinh sẽ ra sao ? Hào quang của cái “chiến thắng thần thánh” trước một kẻ địch không đánh, chỉ chạy và tan rã sẽ choáng hết những gì đi kèm bên nó. Vậy thì có lẽ không được trung thực lắm. Chúng ta không nói đến chuyện “ai thắng ai”, “ai cứu ai” vì có vẻ lục lâm thảo khấu quá. Chỉ nói đến việc “thời sự” chính xác. Đây rõ ràng là “Câu chuyện Việt Sử”. Chúng ta hiện không có một “*Thôi Chử vô đạo thí quân đoạt quốc*” (lại chuyện Tàu) và che lấp cái tội của mình bèn cách giết sử gia Sử Dư Trực Khương. Nhưng lưỡi kiếm của bạo quyền thời Thôi – Khánh, không làm chùng ngọn bút lông của các người em của sử gia. Họ theo nhau, chịu đổi mạng sống để viết vừng câu “*Hà ngũ nguyệt át hợi Thôi Chử thí kỳ quân*”. Sử Tàu ngàn năm trước là vậy. Sử ta bây giờ dưới xã hội chủ nghĩa ra sao ? Mấy ông nghiên cứu sử sẽ viết như thế nào về biến cố lịch sử 1975 ?

Chuyện thời sự đã qua cần quên đi cho tâm hồn nhẹ nhàng. Sao tôi vẫn nhớ và vô cớ mang vào bài viết này để làm gì cho nặng nề, làm mất cảm tình của nhiều người đọc ? Tôi cũng thấy cái vô

duyên của mình ở đây. Nhưng nghĩ lại nguyên nhân đưa đến nỗi thăng trầm nhiều chua xót của bạn mình, lại không nở xóa bớt cái rườm rà đáng trách.

Trong cái đoạn gọi là lịch sử ấy, ông bạn tôi, nhà thơ Hà Nguyên Thạch trôi dạt vào Sài Gòn cùng gia đình. Tránh được một cuộc tập trung cải tạo vì giai cấp trí thức tiểu tư sản, cộng thêm cái tội đảng viên đảng Dân chủ. Tuy tránh được tù tội nhưng vẫn nơm nớp lo sợ, nên cũng như toàn thể thị dân khác, Hà Nguyên Thạch lo tìm đường ... xuất ngoại. Không lặn lưng được cái mục đích cao đẹp “đi tìm đường cứu nước” như của ông Trần Dân Tiên, mà chỉ mưu cầu yên bản thân và gia đình, Hà Nguyên Thạch thất bại liên tục sau nhiều lần cố gắng thay đổi số mạng. Nơi đến của nhà thơ là nhà tù. Khi được trở ra thì vợ con anh đã ra được nước ngoài. Mừng và buồn lẫn lộn. Giá chị Thạch không nằm trong một thiếu số phụ nữ Việt Nam đặc biệt, thì có lẽ sau đó và đến ngày nay, nhà thơ của chúng ta đâu có không biết nước Mỹ rộng lớn “phồn vinh giả tạo” đến mức nào. Chương trình đoàn tụ gia đình đẹp đẽ biết mấy đã không dành cho một người làm thơ biết thương yêu, đã từng lót thơ trên mặt giường đêm động phòng, đáng buồn thay.

Hà Nguyên Thạch ở lại cùng Sài Gòn. Đêm đêm anh ghé về tá túc bên hiên kiosque bán sơn mài của nhà văn Cung Tích Biền trong một thời gian dài. Quán cà phê văn nghệ nổi tiếng của nhà thơ Huy Tưởng trên đường Bà Lê Chân, nằm gần chợ Tân Định, cũng được hân hạnh tiếp hơi ấm của cơ thể Hà Nguyên Thạch. Người làm thơ chạy bàn, bung cà phê, dĩ nhiên chẳng khác gì một “lao động vinh quang” bình thường. Có khác chăng là những suy tư bất ngờ, anh chợt đánh rơi vào chắt đấng một cách vô hình. Nhưng tôi tin Hà Nguyên Thạch không rớt nước mắt. Cùng với cà phê, Hà Nguyên Thạch còn đến với kem đánh răng Momosa, được sản xuất từ cơ sở Nguồn Sống, mà ông chủ lúc bấy giờ là nhà thơ Phan Xuân Sinh. Hà Nguyên Thạch mang kem đi bỏ mỗi tại hầu hết các chợ ở Sài Gòn. Một thân một mình, để tìm quên sau những vất vả thể xác, Hà Nguyên Thạch đến với rượu. Đây cũng là một bằng hữu chí tình xưa cũ của anh. Làm sao có thể trách Thạch khi anh có vài nét đi sai lạc với bản tính hiền hòa, lịch sự vốn có của anh. Phan Xuân Sinh kể lại trong một bài viết trên mục Đất Tình của Vương Chiếu Luân Hoán:

... “Một lần uống rượu tại nhà anh Đĩnh Trầm Ca (hình như vậy), lúc đó có anh Trịnh Công Sơn. Nửa chừng bữa rượu tôi phải đi công chuyện. Ngày hôm sau đi làm Đĩnh Trầm Ca kể lại cho tôi nghe lúc cuối bữa rượu anh Hà Nguyên Thạch gây gổ với anh Sơn. Thiệt tình thì chỉ có Hà Nguyên Thạch chửi tùm lum, còn anh Sơn thì yên lặng. Sau có lẽ cảm thấy không chịu được lời nặng nề của Hà Nguyên Thạch, anh Sơn bật khóc. Theo tôi đoán, trong suy nghĩ của Hà Nguyên Thạch, thời gian đó anh Trịnh Công Sơn được ưu đãi, cuộc sống có phần nào dễ chịu. Trong lúc anh Hà Nguyên Thạch, ngược lại, quá khổ, từ những bức xúc đó, bình thường không có nơi nào trút được, chỉ có khi uống rượu mới nói toạc ra cho hả dạ, không cần biết đụng chạm hay nể nang ai cả”

Tôi hình dung ra được những phần chí của Hà Nguyên Thạch. Cũng thấy được những chua xót, buồn tủi mà Thạch phải chạm mặt ngay sau cơn giận dữ đi qua cùng men rượu phai nhạt. Thương và buồn cho bạn, nhưng chính tôi cũng không thoát nổi vòng vây chán nản, phiền muộn, bế tắc trong nhiều năm đầu tại quê người.

Năm 1993, trên tuyển tập thơ *Tháng Giêng Sài Gòn Anh Làm Thơ Yêu Em* được nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố HCM ấn hành tại Sài Gòn, do nhà thơ Hà Nguyên Dũng, (không bà con gì với Hà Nguyên Thạch) từ Việt Nam gửi tặng, tôi gặp được một bài thơ của Hà Nguyên Thạch. Bài *Mùa Xuân Nào Đó*, in kèm với những nét phác họa Thạch. Không rõ bản vẽ của ai, của Nguyên Hạo ? hay của Nguyễn Sông Ba ? đã thể hiện rất giống Hà Nguyên Thạch. Bài thơ nguyên văn như sau:

“Còn những chén rượu sầu lòng chưa uống cạn/ nên làm thơ còn có nghĩa chờ say / lúc say khướt sẽ lăn tròn hoài vọng / chạy quanh đời nghe hồn nhẹ như mây / em hãy nhớ hong tình trên ngọc tóc / cho trăm năm lòng rối tận chân mây / anh cũng sẽ trôi hoài theo dòng máu chảy/ chờ tìm em, ngày đổi nhịp tình phai

Còn những ánh mắt nhìn nhau không nói hết/ nên làm thơ là gõ nhẹ lên tim người / một sớm nào ngôn ngữ vỡ trên môi / em có thể giấu trong tim dòng nước mắt / khóc cuộc tình vừa trở nụ hôm qua / bóng lá sầu bỗng chen giữa cành tươi / nghe kỷ ức xếp từng ngăn lá rụng / (thuở yêu người gió thổi mãi không nguôi!)

Còn những gót chân người đi qua rất vội / nên làm thơ là khép

*kín hồn mình /hồn
mông quá nên em nhìn
vẫn thấy / dấu tình si
loang lổ giữa lòng anh
/ khối vàng tay không
giữ nổi áo người xanh
/ chắc em hiểu vì sao
những bờ cỏ úa / mọc
hoang vu trong đây
mắt u tình/ mọc rất
dày trên cõi đấng thơ
anh / em nào biết một
mai đời cũng xé / (ngã
xuống thơ anh tìm lại
dấu môi mình)*



*Còn những mùa
xuân lòng chưa đuổi
kịp /nên làm thơ là*

*thách thức với thời gian / dựng đau thương như một cõi thiên
đàng / nuôi hạnh phúc bằng những chùm trái cấm / em có đến xin
quay lưng cùng ngày tháng / bởi trăm năm cũng giã chết giữa
môi hương /một đời người tay với mãi làm than / chân giẫm mãi
cho bóng trườn khát vọng / (sống là gắng xô ngã thân mình chung
với bóng / mộ thiên thu đã xây sẵn giữa lòng sầu)/*

*Chắc ngậm ngùi mai lỡ có xa nhau/ em hãy nhớ còn mùa xuân
nào đó”*

(TGSGALTYE trang 169, 170)

Bài thơ Thạch viết năm 1970, theo như ghi chú phía dưới. Thơ còn buồn, buồn lắm. Nhưng tôi thấy ra một dấu hiệu lạc quan trong cuộc sống Hà Nguyên Thạch. Quả đúng như vậy. Nhà văn Nguyễn Văn Quảng Ngãi, đã có dịp gặp anh. Ông ghi lại mấy dòng trong bài Một Thoáng Hương Xưa trên đặc san Quảng Nam Đà Nẵng:

... “Hiên Hà Nguyên Thạch đã lập gia đình mới, có con, đang sống tại Vũng Tàu và có dạy một ít giờ cho một Đại học tư ở Sài Gòn....”

Trong bài viết của Phan Xuân Sinh, đã dẫn trên, cuối bài Sinh

viết:

... “Mới đây được nghe họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi cho biết, đã gặp Hà Nguyên Thạch tại Sài Gòn. Thạch có uống rượu với anh Khôi, nhưng anh trầm tĩnh hơn, ít nói hơn và cuộc sống của anh cũng thoải mái hơn. Bây giờ anh được đi dạy trở lại, tuy có muộn màng nhưng còn hơn phải đạp xe lang thang như ngày trước. Mừng cho anh quá”.

Cũng như Phan Xuân Sinh, cũng như nhiều bạn văn khác, tôi thành thật vui khi biết được những tin trên. Chắc chắn tôi sẽ được gặp lại người bạn thơ cũ trong một vài năm đến đây, dù chúng tôi đã vừa cùng vượt qua cánh cửa “trung binh quân dịch” lần thứ hai. Và đang sẵn sàng, chấp hành “lệnh động viên” của cõi âm.



Thành Tôn Thấp Tình Đi Thuyết Giáo

Con đất Đại Lộc, thuộc tỉnh Quảng Nam là nơi phát sinh ra phong trào dân biến, chống lại sưu cao, thuế nặng đầu tiên tại Việt Nam vào năm 1908. Về mặt văn học, xứ đất thịt này đã sinh ra: danh sĩ Huỳnh Quý (Mậu Tý 1828 - Bính Dần 1926), thường được gọi là Tú Quý. Nhà thơ Nam Trân (1907-1967), tác giả thi tập Huế Đẹp Và Thơ. Nhà thơ Thành Tôn. Nhà thơ kiêm họa sĩ, võ sĩ Hạ Quốc Huy (1947), hiện ở California Hoa Kỳ. Nhà thơ Hạ Đình Thao. Nhà thơ Nguyễn Hữu Thụy (1954) hiện sống tại Sài Gòn. Nhà thơ Trinh Đường (1917-2001), một người tham gia phong trào kháng chiến chống Pháp và lún sâu trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, nhưng đã có những câu thơ, mô tả trung thực về làng quê, nơi ông đã sinh ra :



*“Còn cát giữa sông thuyền mắc cạn
làng ta cuối xóm lở về đâu
trông lên núi Trọc nguồn khô kiệt
đến trẻ sơ sinh cũng bạc đầu”*

(Trinh Đường)

Trong những nhà thơ kể trên, tôi được gần gũi, thân thiết nhất với Thành Tôn. Anh ra đời vào ngày 09 tháng 9 năm 1943 tại xã Lộc Phước, con ông Lê Mẫn và bà Nguyễn Thị Cưu. Thành Tôn sống tại quê nhà một thời gian ngắn, rồi cùng gia đình dời ra thị xã Hội An để tránh khỏi lửa chiến tranh. Qua hết cấp tiểu học tại gia, Thành Tôn vào trung học Trần Cao Vân, Tam Kỳ. Năm 1958, anh trở lại Hội An, theo học tại trường Trần Quý Cáp, trong hai niên khóa đệ tam và đệ nhị. Thành Tôn đến Đà Nẵng vào năm 1962, anh hoàn tất năm đệ nhất tại trường Phan Châu Trinh. Vì hoàn cảnh gia đình, anh vừa học Văn Khoa Huế, vừa dạy giờ tại các trường tư thục Phan Thanh Giản, Thánh Vinh Sơn (một chi nhánh của trường trung học Sao Mai, tại An Hải). Cùng lúc này anh ghi danh học hàm thụ môn triết tại Đại học Đà Lạt. Năm

1966, anh thành hôn cùng chị Phan Thị Trinh tại Đà Nẵng. Cuộc tình của Tôn, Trinh hình như đã manh nha từ những ngày anh theo học ở Trần Cao Vân; bởi vì chị Trinh vốn là con dân của thị xã Tam Kỳ, mặc dù chị đang là công chức của Ty Thuế Vụ Đà Nẵng. Năm 1967, Thành Tôn thi hành lệnh động viên, theo học khóa 25 quân trường Bộ binh Thủ Đức. Trong khóa này còn có mặt các nhà thơ Chu Trâm Nguyên Minh, Phan Việt Thủy, nhạc sĩ Vũ Thành An... Tôi gặp nhà thơ Thành Tôn trong quân trường, nhưng không có mấy khi nói chuyện với nhau lâu. Tôn và tôi là hai sinh viên sĩ quan thuộc loại cù lằn, sợ kỷ luật, nhưng không thiếu lè phè. Thành Tôn ăn vận quân phục rất đẹp bởi dáng người anh cao thẳng, cứng cáp. Nếu mái tóc ngắn làm khuôn mặt tôi trở nên tro trụi, trông hốc như con gà chọi loắt choắt, thì lại giúp khuôn mặt Tôn thêm nét cương nghị, phương phi, rất nhà binh. Vào ngày một số sinh viên khóa 25, đi tập bắn lần đầu tiên, bị mìn của anh em giải phóng quân sát hại bên cầu Bến Nọc, gần vòng đai quân trường, tôi có gặp Thành Tôn ở cổng số 9. Anh cho biết, lẽ ra trung đội anh lãnh trách nhiệm mở đường như đã có lệnh, nhưng chần chờ sao đó, để trung đội khác nhanh chân hơn. Anh có vẻ ngậm ngùi. Tôi thầm nghĩ nếu đơn vị của Thành Tôn đi tiên phong, rất có thể sự việc đáng tiếc không xảy ra, hoặc trình trạng có thể xấu hơn, và Thành Tôn không chừng là một trong số những người đã sớm “anh dũng đền nợ nước”. Chuyện sống chết trong đời lính, không lường trước được, nhưng bỏ mình khi chưa ra khỏi quân trường là điều quá đáng thương.

Tôi rời trường Bộ binh Thủ Đức đẩy Thành Tôn bước vào giai đoạn 2. Anh ở lại tiếp tục thu hoạch những bài học chỉ huy cấp trung đội và đón đón tiếp các bạn văn Hoàng Bảo Việt, Lê Vĩnh Thọ, Hồ Trường An, Nguyễn Hữu Nhật vào khóa 26. Ngày mãn khóa anh chọn hình ảnh con rùa để đeo vào tay áo trái. Với tài năng và ít nhiều may mắn Thành Tôn được chọn làm chánh văn phòng (bí thư) cho hai đời Tỉnh trưởng Quảng Tín (Quảng Nam, trước và hiện nay): Đại tá Hoàng Đình Thọ, và Đại tá Đào Mộng Xuân. Sau đó anh được chuyển về phòng Tâm Lý Chiến, giữ chức Trưởng phòng cho đến cuối tháng 3 năm 1975.

Cũng như những sĩ quan “ngụy” khác, Thành Tôn trình diện Ban quân quản vừa được thành lập. Anh bị đẩy vào các trại giam

và cưỡng bách lao động tận miền Bắc để tẩy nã. Đoạn đường dành cho những người “thừa trái tim” quả có nhiều gian truân. Anh từng ở chung trại 12 Vĩnh Phú với Phan Nhật Nam, rồi đổi qua trại 10 Yên Bái cùng nhiều trại khác. Đòi sống từ những *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh, *Trại Kiềm Giam* của Nguyễn Chí Thiệp, *Địa Ngục Có Thật* của Tạ Ty, không xa lạ với Thành Tôn. Anh kiên nhẫn, chịu đựng để đạt chỉ tiêu tốt. Dù chỉ tiêu ra sao, tốt xấu như thế nào, anh không có quyền chọn lựa. Việc học hành để trở thành con người, không còn cần thiết những nhân, trí, tín, lễ, nghĩa...thông thường, căn bản, mà là những gì “vĩ đại” hơn, rõ ràng hơn, đại khái như “ba đồng thác cách mạng”. Rất may, Thành Tôn không lặp lại những bất khuất của Thiếu tá Thẩm phán Hồ Minh, của bác sĩ Phạm Văn Lương và rất nhiều *huynh đệ chi binh* khác. Anh được cấp bằng tốt nghiệp. Trên mẫu giấy “cực kỳ” quan trọng này, ngày tháng ấn ký của cơ quan hữu trách không có sự nhầm lẫn tai hại như giấy cấp cho nhà thơ Phan Nhự Thức. May thay !

Trong suốt chín năm đứng vững với đời, không có người đàn ông mình thương yêu nắm tay, chị Thành Tôn đã quyết định đưa gia đình vào Sài Gòn. Từ một chốn lạ nước, lạ đất, người đàn bà Tam Kỳ một mặt dành dụm thăm nuôi chồng, một mặt chăm sóc mẹ già và nuôi dạy 3 người con, có cháu ngày nay đã trở thành Y khoa Bác sĩ.

Thành Tôn được trở về với gia đình trong tâm trạng bi quan trước cuộc sống. Ngồi tập đàn từng mũi len giúp vợ, anh luôn luôn nghe ngóng những biến động của thời cuộc. Nghe chỉ để mà chơi thôi. Thú tiêu khiển này không mất tiền mua, nhưng nếu rủi ro có thể mất mạng. Khi có mặt tại Sài Gòn để chuẩn bị qua Canada theo diện đoàn tụ gia đình, chúng tôi thường ghé nhà anh chị Thành Tôn ở Bình Thạnh. Vợ tôi phục chị Trinh sát đất trước những tháo vát, quán xuyến của chị. Chị cũng luôn luôn xem vợ tôi như một người em gái, tận tình chỉ bảo rất nhiều điều cần thiết cho cuộc đời mới sắp đến của chúng tôi. Những hồn nhiên, cởi mở của Tôn ngày trước đã mất đi nhiều. Những bài thơ của anh trong lúc này là những tiếng thở dài sâu thẳm và kín đáo, không hề thể hiện qua chữ viết. Cũng may khi chúng tôi đã ra đi, Thành Tôn gặp lại một số bạn văn có lòng thời trước. Những Đynh Hoàng Sa, Vương

Thanh, Hà Nguyên Thạch, Lê Vĩnh Thọ, Hoàng Trọng Bân, Đynh Trầm Ca, Huy Tường...là những chỗ vịn tinh cảm giúp anh dần dần lấy lại một phần nào thể quân bình giữa nội tâm và ngoại giới . Ông Đại úy ngày xưa không mấy khi uống rượu, bây giờ đã biết hương vị của nhiều thứ đế quốc nội, lẫn bia hơi. Chỉ có thuốc lá chưa cù rử được anh.

Chín năm tù tội, lao động không công của Thành Tôn, được truy lãnh tương đối khả quan: anh trở thành một ông H.O. Hồ sơ xuất ngoại của anh được lập ngay đợt thứ nhất trong chương trình ra đi này, nhưng vì mẹ già, anh chấp nhận rời quê hương trong chuyến sau cùng (AF1), trở thành một trong những người định cư tại Mỹ muộn nhất.



Tại đất định cư mới, gia đình Thành Tôn sống rất gần với khu Phước Lộc Thọ của quận Cam. Cùng với thán năm, anh chị Thành Tôn khắc phục dần những khó khăn của cuộc sống. Sau nhiều thay đổi việc làm, anh dừng lại với nghề điện tử cho một hãng sản xuất *computeur*, và chị trở thành người kiểm soát lại hàng hóa thành phẩm của một nhà đan len. Anh chị đã bảo lãnh được cậu con trai duy nhất sang đoàn tụ, với công việc trong sở Bưu điện Hoa Kỳ. Cô con gái út, những năm đầu trên đất Mỹ, một hai đời trở về quê

huong, nay đã sắp tốt nghiệp Đại học. Chưa ra trường nhưng đã có nơi nhận vào làm việc. So với bạn bè, cụ thể như tôi, Hoàng Lộc, Thái Tú Hạp...Thành Tôn đến xứ tự do sau cùng, nhưng sự thành công về nuôi dạy con cháu của anh vượt chúng tôi xa. Tôi nghĩ sự thành công này là đáng trân quý nhất.

Ngoài những giờ lao động, Thành Tôn thân mật giao du với nhiều chân tình với nhà văn Võ Phiến, nhà văn Nguyễn Mộng Giác, họa sĩ Khánh Trường, giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ Võ Thắng Tiết...Anh cũng gặp được một số những người viết sau 1975. Và thỉnh thoảng cũng làm một khán thính giả tham dự vào những cuộc sinh hoạt văn hóa. Điều mừng nhất, anh có trở lại với thơ dù không mấy tha thiết. Qua nhiều cuộc điện đàm, tôi nhận thấy Thành Tôn chột tích cực, chột chán nản với chữ nghĩa, thơ văn. Dù anh vẫn đọc rất nhiều. Tủ sách của anh có lẽ rất phong phú. Anh vẫn thường gửi tặng tôi những tác phẩm quý hiếm anh sưu tập được. Những cuốn sách lọt vào tay anh như chuột sa vào hũ nếp, được anh chăm chút cẩn thận. Nhìn những tác phẩm được đóng lại bìa, bao bọc xinh xắn, tôi như đọc được những tình bạn thân thiết anh gửi kèm.

Thành Tôn bắt đầu làm thơ rất sớm. Thời ở Hội An, anh đã cùng Thái Tú Hạp, Hoàng Quy ấn hành một tuyển tập thi ca với tên Tình Người Sông Thu. Tuyển tập này được thực hiện dưới hình thức quay ronéo, phổ biến hạn chế. Ngoài hình thức yếu kém vì phương tiện và điều kiện in ấn thời bấy giờ còn rất nhiều khó khăn, những cuốn sách phát hành bằng ronéo không thiếu giá trị nghệ thuật ở nội dung, do đó tôi vẫn cho là những tác phẩm đáng quý. Những tác phẩm loại này có khá nhiều trong những thập niên 60, 70 trên các tỉnh lẻ và ngay cả ở thủ đô Sài Gòn. Cũng như một số bạn trẻ làm thơ khác, thơ Thành Tôn được chọn đăng trên hầu hết các tạp chí văn học nghệ thuật tại miền nam. Với bản tính chất phác, hết lòng với bè bạn, anh được hầu hết các bạn văn khắp nơi mến mộ. Là một người giữ chữ tín ngon lành nhất trong các bạn, đồng thời rất chịu khó, Thành Tôn đã được hai nhà xuất bản lớn thời bấy giờ là An Tiêm và Lá Bối chọn giữ chân đại diện và phát hành mọi mặt sách do hai nhà xuất bản này ấn hành. Lòng yêu chữ nghĩa đã giúp anh vượt qua những nặng nhọc để giúp cho việc phổ biến các tác phẩm có giá trị mở rộng thêm vùng tiêu thụ.

Thời ở Đà Nẵng, có lẽ tôi là người màu mè, nhiều chuyện nhất, nên đã rủ bè bạn lập ra một nhà xuất bản. Trong đám bạn tôi cũ có Thành Tôn, Hà Nguyên Thạch, Đĩnh Hoàng Sa, Vương Thanh tán đồng. Tôi chọn tên Ngưỡng Cửa và chọn logo là một con ngựa, trong tư thế sắp khởi hành rất hùng dũng, đều được các bạn chấp thuận. Nhà xuất bản Ngưỡng Cửa, tuy lập để cho vui, nhưng không thiếu nghiêm chỉnh. Khai mạc nhà xuất bản là một tập thơ của tôi, với một cái tên rất u ám: *Chết Trong Lòng Người*. Tập thơ dày 112 trang được nhà in tạp chí Văn Học của anh Phan Kim Thịnh tại Sài Gòn ấn hành năm 1967. Mặt bìa sau có ghi ba địa chỉ liên lạc: 1/ Lê Hân, 161 Yên Đổ, Sài Gòn. 2/ Luân Hoán. 96 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng. 3/ Hà Nguyên Thạch, 43 Phan Bội Châu, Quảng Ngãi. Giá bán sách được ghi một dòng dài: “*giá nhất định 42\$*”. Nhưng quan trọng nhất là giới thiệu những tác phẩm sẽ xuất bản như: *Nỗi Tình Cờ* (thơ Hà Nguyên Thạch), *Ngoài Kia-Mặt Trời* (truyện Hà Nguyên Thạch), *Vết Thương* (truyện Vương Thanh), *Vàng Lạnh* (thơ Nguyễn Nho Sa Mạc), *Luật Thời Chiến* (truyện dịch của Nguyễn Kim Phụng), 100 bài *Lục Bát* (thơ Thành Tôn), *Thấp Tình* (thơ Thành Tôn), *Trái Tim Trên Cao Nguyên* (thơ Đĩnh Hoàng Sa). Tuy giới thiệu đàng hoàng như vậy, nhưng về sau, khi xuất bản, các bạn tôi đổi tên sách. Thay vì *Nỗi Tình Cờ*, Hà Nguyên Thạch lấy *Chân Cầu Sóng Vỗ*. *Trái Tim Cao Nguyên* của Đĩnh Hoàng Sa đổi thành *Vùng Trú Ẩn Hoàng Đường*. Chỉ duy có tập *Thấp Tình* của Thành Tôn, không thay đổi.



Tập *Thấp Tình* của Thành Tôn với giấy phép xuất bản mang số 75 UBKD/VICT (Ủy ban kiểm duyệt vùng 1 chiến thuật) được ký ngày 31 tháng 7 năm 1969. Do chính tác giả thực hiện từ A đến Z: trình bày bìa, sắp chữ, đập máy in và tự đóng xong ngày 06 tháng 8 năm 1969. Ngưỡng Cửa đứng tên xuất bản. Việc tự một mình hoàn tất công đoạn in ấn một tác phẩm, trước Thành Tôn, nhà văn Võ Phiến, vào năm 1950 cũng tự thực hiện tác phẩm *Chữ Tình* của ông; và sau Thành Tôn, năm 1972 nhà xuất bản Con Đường, cũng hoàn tất tập *Lục Bát Của Huy Tường* dưới hình thức này. Vì tính chất đặc biệt đó, khi triển lãm sách ở Sài Gòn, tập *Thấp Tình* được để riêng một cũi, để bạn đọc thấy được lòng yêu sách

của tác giả, cùng sự hoàn hảo của cuốn sách chỉ với một người hoàn tất việc in ấn.



Thành Tôn đến thăm và bông Hoà Bình, trưởng nữ của LH, 1969

Với một trăm trang thơ, Thập Tinh được chia làm hai phần. Phần một gồm những bài thơ chuyên chở tình yêu quê hương cùng những tinh tự dân tộc của Thành Tôn. Khởi đầu với bài “Nói Với Con Gái”, anh viết:

*1. Con thức dậy cùng con chim sẻ non hé mầm trên mái hiên/
Con nhện rề rà chằng lưới dưới chiếc nôi đung đưa / Bóng tối thẹn
thùng dẫu mặt / Nước đái con tinh khiết chan hòa /*

*Con thức dậy cùng lúc con mèo thì thào cùng con chuột nhắt
/ Con chó con đùa bỡn với chiếc đĩa bếp / Bà nội đang vo nước
gạo trong xanh vào lòng thau trắng / Mẹ nhóm đóm lửa hồng cho
một ngày rực rỡ.*

*2. Con thức dậy với đôi mắt dịu dàng của tuổi thơ cha không
có / Đôi má mũm mĩm của ấu thời mẹ đánh rơi / đôi môi hồng hào
ngọt dịu của thiên thần bỏ quên đêm hợp cẩu / đôi tay hào hoa vẽ
vào chân không vùng trời ảo tưởng / đôi chân son thi thảo gió sớm
/ Con thức dậy và nằm đó cùng mặt trời / Con hãy khóc lên cùng
với ngày rạng rỡ / Con hãy cười cùng ánh sáng nguyệt hình / hãy*

khóc, hãy cười cùng bà, cùng mẹ đi con.

3. Cha cũng thức dậy trên chiếc giường đung đưa của bệnh xá / Trong khi những người bạn chuyển tay cây súng lạnh vọng canh ngoài / Đứng lúc tiếng súng ì ầm cùng với đất / Cha thức dậy cùng quê hương ta chan hòa máu đỏ.

4. Con thức dậy cùng cha / Thức dậy cùng cha / Thức dậy để quê hương ta cùng thức.

Tôi không là một Đặng Tiến, một Nguyễn Hưng Quốc, một Đỗ Quý Toàn, một Thi Vũ... nên chẳng dám ba hoa bình giảng gì về thơ của Thành Tôn, tôi chỉ xin trích đầy đủ nguyên văn một số bài để bạn đọc chiêm nghiệm. Phê bình thơ không phải là chuyện dễ dàng. Cảm nhận được. Nhưng từ sự cảm nhận đến việc trình bày cái cảm nhận ấy một cách rõ ràng, thông minh là điều tôi không nên và không muốn cố gắng. Bạn đọc với hàng ngàn đồng cảm, dị cảm khác nhau sẽ rất thích thú tự mình khám phá những thú vị trong thơ thành Tôn. Tôi xin trích tiếp để bạn đọc tham gia nhận định về thơ của một người có kỹ thuật sáng tác vững vàng trong tất cả các thể loại thơ đang được sử dụng.

Hương Đồng Phần Nội

Đợt khói lam chiều tương tư mái rạ/ anh thấy gì trong đó hay không ?/ nếp sống bình yên màu xanh sắc lá/ gói ghém cuộc đời nắng hạ mưa đông

tản bộ nhàn du dửng chân xóm Hạ/ mới thấy cảm nhiều luyến mến quê hương/ những túp lều tranh ẩm tình thôn dã/ tô đắp cuộc đời một nắng hai sương

sáng ra đồng những bác Tư cày cuốc/ trong trường làng những thằng Út ê a.../ vọng từ ruộng dâu tiếng hò quen thuộc/ giọng những cô Lại trầm bổng gần xa

sau cửa hoàng hôn đèn dầu lụn bác/ tất cả như vừa quên mọi âu lo/ áo vá quần khâu gói tròn chân thật/ niềm thương yêu len lỏi giữa câu hò

trống sớm làng Trung, chuông chùa xóm Thượng/ tiếng quê hương vang vọng thảng năm dài/ giọng hát : à ơi...chảy tràn tám hướng/ tiếng nói cuộc đời khoan nhặt êm tai

những thứ ấy những hương đồng phần nội/ tô điểm cuộc đời thâm lặng thêm duyên/ dù nắng rào đường, dù mưa chắn lối/

*chốn quê tình vẫn đậm nét trinh nguyên
nếp sóng bình yên màu xanh sắc lá/ gói ghém cuộc đời nắng
hạ mưa đông/ đợt khói lam chiều tương tư mái rạ/ anh có thấy gì
trong đó hay không ?*

Hỏi Âm

*Ngày anh đi, tôi vẫn còn bé dại/ chỉ biết cười thôi, dù buổi
chia ly/ nhưng vẫn nhớ, khi thuyền nan quay lái/ dòng sông xanh
dậy sóng tiễn người đi*

*anh say hải hồ, tôi mê học hỏi/ tình cảm chúng mình nào đã...
tàn phai/ lời tiếc thương anh nhắn về thăm hỏi/ bắt tri tôi ôn lại
tháng năm dài*

*ừ nhỉ, ngày xưa , cái gì lưu luyến/ dòng sông xanh. Trăng
thắm. Lũy tre làng/ bến nước đò ngoan, núi chờ mây quyện/ pháo
đỏ, rượu nồng...Giỗ, Tết xênh xang*

*tất cả ngày xưa , chừ là kỷ niệm/ bến Trâu Dầm, cầu Bà Đội...
tang thương !/ vì bởi thời gian một lòng quyết chiếm/ cả chúng
mình, cả bướm, cả muông chim*

*nào Bích, nào Ngân, nào Hà, nào Tố/ đã không còn vết tích
của ngày xanh/ mà lại Ngọc Bích, Thu Hà...rất ngộ/ đang bôn ba
trên mây nẻo kinh thành*

*và những Đào tong, Thi gậy, Hải móm/ cũng lên đường đẹp
loạn giữ quê hương/ như anh biết tre tàn măng sẽ nhóm/ câu hát
: à ơi...vẫn quyện trong sương*

*chưa rượu tao phùng đã nhiều ngậy ngát/ khi ngày xưa sóng
dậy ở trong tôi/ tiếng hát ru con, ru tình thứ nhất/ tiếng quê
hương hay tiếng nói cuộc đời*

*tôi phục tài anh, ngày xưa, còn nhớ/ và mối tình gắn bó với
quê làng/ muốn ngõ đôi lời, nhưng sao vẫn ngại/ anh có buồn khi
người ấy sang ngang ?*

(Thành Tôn - Thấp Tinh - 1969)

Trong phần thứ hai, bắt đầu từ trang 55 là: Miền Cư Ngụ, (thơ 7 chữ), Cuộc Tôi (lục bát), Tội Đồ (lục bát), Vào Lòng Đất (lục bát), Giả Dụ Cho Một Người (thơ 8 và 7 chữ), Tinh Thê (lục bát), Cuộc Đuối Bất (thơ 8 chữ), Gõ Cửa Đời (thơ tự do), Cúi Xuống (lục bát), Cuối Cuộc Kiếm Tim (thơ 8 chữ), Ranh Giới (lục bát), Gọi Tên (ngũ ngôn và nhiều chữ), Tiếng Động (lục bát), Thuyết

Giáo (thơ 7 và 5 chữ). Với những bài này, thơ Thành Tôn nghiêng nhiều về lý luận, trình bày tư tưởng. Thể loại anh cảm thấy thích hợp để diễn đạt những suy nghĩ của mình thường là lục bát, hoặc 7, 8 chữ ngắn dài lẫn lộn, không gò bó bởi âm vận. Nhưng với một kỹ thuật dùng chữ, chọn hình ảnh đã nhuần nhuyễn, thơ Thành Tôn bước một bước khá xa trong sự thành công về thi ca của anh. Mời đọc vài bài ở phần 2:

Ranh Giới

*Vui riêng, cười lẻ, khóc thầm/ đời sao sống vậy hỏi âm cõi
nào/ vô ra nhạt bóng lao đao/ co thân thủ thế trông vào những
đâu*

*nhện buồn chỉ đó canh trâu/ lưới chăng hồn dựng mắt sầu
nhật thừa/ tôi lui chân lạc tay thừa/ mẹ cha cũng vậy nên chưa
hiểu giùm*

*xuống lên trời tận đất cùng/ anh em ngày một muôn trùng
cách xa/ máu hồng mạch sẽ lân qua/ bàn chân vĩa phố một ta kẻ
chờ*

*dây dưa chấp nẻo ơ thờ/ ngọn đèn chường dấm cũng mờ bóng
quen/ sống không tiếng động thân hèn/ lại qua cũng vậy chi bằng
thu thân*

*đi, về bóng lạ bàn chân/ dòng sông nghiệp dĩ tiếp dần biển
khơi/ quanh co nghĩ rộng đất trời/ cái tôi hiện hữu một thời vong
nô*

khép dần cánh cửa hư vô/ thân chưa nhập thế cơ hồ cách xa

Cuối Cuộc Kiếm Tim

*Tôi rảo bước trên sợi giây ngợ vực/ nhưng lạ thay vẫn giữ
được thăng bằng/ tôi giả lơ với tôi từng uốn khúc/ tra hỏi mình
phải sống đây chằng*

*nó đã đến trú nơi tôi từng bữa/ và tò mò lục lạo nỗi ưu tư/ tôi
nhẫn túi có gì đâu đời sống/ tóc đã thừa dần râu đã hư*

*tôi rờ khắp châu thân rồi tự hỏi/ có tay chân mặt mũi cũng
tình cò/ ở trong đó âm thầm vang tiếng gõ/ và máu hồng chắc
cũng hư vô*

*tôi tra gạn tôi như cuộc chiến/ không lý do trên số phận con
ngươi/ sống lẩn lút để thấy mình hiển hiện/ mãi rồi quen nghĩ
cũng vui*

*khi bắt gặp tôi thấy mình úy mị/ thân cong vòng uốn dẫu hỏi
bâng quơ/ gương trước mặt vô tình không tráng thủy/ nên lập lò
tôi nổi hư vô*

(Thành Tôn - Thấp Tình -1969)

Thuyết Giáo

*Trên mỗi tâm thân xem đã nặng/ hai vai sầu đeo nhánh tử
sinh/ bởi có mặt anh tôi hiện diện/ nhưng mỗi chúng ta là cõi
riêng*

*sống không là cõi phúc/ chết đâu nổi cực thân/ đứng đi như
trò bấm nút/ không là nhau nhưng chấp nhận chung*

*cần có mặt nhau như tâm kiếng/ sao hóa trang thêm những
râu/ khi mở mắt biết mình sẽ nhắm/ tranh dành chi nổi thiệt hơn*

*Đời chưa đủ giả dối/ sao còn đeo mặt nạ chung thân/ sống là
thu vào trong chiếc vỏ/ ta vẫy vùng cho nó lẩn*

*làm người không lựa chọn/ diệt sinh đâu là chuyện tiên thiên/
mỗi chúng ta còn đeo thêm chiếc bóng/ dân co và lân quản trong
chân*

*không là anh nếu tôi vắng mặt/ sống là soi vào nhau/ đừng
sắp chúng ta thành công cụ/ đã đành là động vật như ai*

*hãy cúi xuống gõ bốn chân như ngựa/ hãy đứng lên từng bước
như đười ươi/ cử động đó đâu là ta có phải/ bởi sống đời không
luận suy*

*Tôi bắt tay anh chắc gì thân thiện/ nhưng đâu thù nghịch
nhau/ sống là dùng dưng xoay hai mặt/ sắp giữa gì cũng chung*

(Thấp Tình, Thành Tôn, 1969)

Sau lưng bìa thi phẩm Thấp Tình của Thành Tôn, nhà xuất bản Ngưỡng Cửa có ghi rõ tên năm thi phẩm đã xuất bản của Luân Hoán, Đynh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch, Phan Nhự Thức, Thành Tôn. Đồng thời ghi thêm phần sách sẽ in rất ngon lành: Bồng Xác Kê Thù (Phan Nhự Thức), Nổi Tình Cờ (Hà Nguyên Thạch), Cung Cách Riêng (Thành Tôn), Trạm Kiểm Soát (Đynh Hoàng Sa), Bầy Ngựa Hồng (Cao Thoại Châu), Vết Thương (Vương Thanh), Tiếng Động Trong Khu Phố Nhỏ (truyện Lam Hồ) vv...Tiếc rằng chúng tôi gặp một vài trục trặc, vì ở cách xa nhau, không đi tiếp được. Tôi thay tên Ngưỡng Cửa bằng tên Thơ, với dự định nhà xuất bản này chỉ chuyên in thơ và những gì liên quan đến thi ca

như biên khảo về thơ chẳng hạn. Logo nhà xuất bản tôi dùng con “nai vàng ngựa gác” để thay cho con ngựa phiêu bông. Logo này tôi nhờ họa sĩ Phạm Cung ở Quảng Ngãi vẽ. Để bớt cô đơn, tôi rủ Lê Thành Tôn và Lê Vĩnh Thọ cùng đứng chủ trương. Ba ông lê la lê lếch này, rút cuộc chỉ mới thực hiện được các tác phẩm: Hòa Bình Ơi Hỡi Đến (thơ, nhạc của Luân Hoán, Phạm Thế Mỹ, Lê Vĩnh Thọ, 1969), Lục Bát Ca (thơ lục bát của Luân Hoán, Lê Vĩnh Thọ do Vĩnh Điện phổ nhạc, 1970), Thơ Tình (thơ Khắc Minh và Luân Hoán, 1968), Điệp Khúc Chân Mây – Ca Dao Tình Yêu (thơ Khắc Minh và Luân Hoán, 1968), Nén Hương Cho Bàn Chân Trái (nhiều tác giả, 1969), Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu (thơ Luân Hoán, 1970), Rượu Hồng Đã Rót (thơ Luân Hoán, 1974).

Tập Thấp Tình của Thành Tôn đã khép lại cái cổng của Ngưỡng Cửa. Tập thơ này của anh được nhà văn Nguyễn Sao Mai, với chủ trương giới thiệu thơ văn Việt Nam đến cộng đồng văn chương âu-mỹ (qua hai tạp chí The Writers Post và Word-bridge do ông chủ trương), chuyển sang Anh ngữ. Trong nay mai cơ sở xuất bản Songvan Magazine sẽ tung ra thị trường văn thơ Hoa Kỳ dịch phẩm này. Hy vọng anh Thành Tôn sẽ nhân đây gom lại niềm hứng thú, để cho in thi phẩm Thuyết Giáo mà tôi tin bản thảo đã được hoàn tất từ lâu. Biết đâu anh không cho xuất bản thêm những bài thơ anh viết trong 15 năm được sống với một xã hội có nhiều màu đỏ kể từ khi ra tù, cho đến ngày đặt chân đến xứ cờ hoa. Những bài thơ đã xuất hiện ở các tạp chí Văn Học, Hợp Lưu, Văn... và các đặc san Quảng Nam Đà Nẵng chắc chắn cũng sẽ được tập hợp, gióng hàng ngay thẳng dưới một tên gọi rất Thành Tôn, ông bạn đã Thấp Tình lên để đi Thuyết Giáo cái đạo tình thương yêu, nhân bản của đời thường.

Viết về Thành Tôn, tôi không thể quên một vài kỷ niệm nhỏ với anh. Trước năm 1975, trong thời kỳ phong trào nuôi chim cút nở rộ. Tôi cũng tham gia rất “hồ hởi” vào cái dịch này. Nhưng phải nói, tôi không nặng phần kinh doanh, toan tính một chuyện làm ăn trên trứng cút. Vốn đã mê chim, nay có cơ hội có thể nuôi cả đàn thú lông vũ trong nhà còn gì thú bằng. Thay vì làm lồng chuồng vừa đúng tiêu chuẩn nuôi để sản xuất, tôi vung tay cho chuồng lồng có vẻ thẩm mỹ để trở thành một vật trang trí trong nhà. Lồng đẹp, chim nhiều, điện chong...rất ư bài bản. Chỉ tiếc

khi tôi nhập cuộc, phong trào đã xẹp xuống ở Sài Gòn, rồi từ từ hết hơi ở các tỉnh lẻ. Tôi chẳng buồn bã, thất vọng gì. Để giải quyết những tiếng kêu nhưc đầu suốt cả đêm ngày và giảm chi phí điện chong, tôi tìm cho những người thích ăn thịt chim. Chuyện cho chim cút bỗng gặp nhiều khó khăn. Mới ngày trước mua cặp chim có thể bạc trăm, ngày sau thì chẳng mấy ai nhận không. Thị trường tung ra tin đồn bệnh này, bệnh nọ về giống chim hại những người lãng mạn trong việc chăn nuôi. Tôi còn một số không có chỗ phóng sinh hợp lý, tôi mang xuống cho Thành Tôn nuôi giúp. Chẳng hiểu sao, người bạn hiền lành của tôi đưa tay ra đỡ giúp công việc này. Không biết về sau Thành Tôn giải quyết số phận những con chim ưa gáy, thích làm tình và háu ăn này ra sao.

Năm 1984 gia đình tôi dọn hết vào Sài Gòn. Tuy cư ngụ ở 22 Lê Lợi nhưng vợ chồng tôi vẫn thường xuyên ngồi xích lô đến chơi với vợ chồng Thành Tôn ở Chợ Lớn. Chị Trinh lúc này đang hành nghề đan áo len cho những người xuất ngoại. Dĩ nhiên cả gia đình chúng tôi đều được một chiếc áo từ đôi bàn tay lành nghề, khéo léo của chị. Sau khi qua Canada, chúng tôi mới biết những chiếc áo len ấy chỉ có thể sử dụng ở một đất nước có nhiệt độ ít lạnh về mùa đông hơn ở Montréal. Chúng tôi gửi ngược những chiếc áo len ấy về tặng bà con chúng tôi ở quê nhà, nhưng vẫn giữ lại một chiếc, màu đỏ dành cho Lý. Chiếc áo len Lý cũng chưa mặc qua bao giờ. Chúng tôi cất nó nguyên trong thùng thiếc đựng hàng thuở ra đi. Vài ba tháng tôi lại mở thùng ra một lần, vì lý do này hay lý do khác. Và mỗi lần như vậy, tôi lại nhìn chiếc áo với rất nhiều hồi tưởng. Chất len có thể không đủ ấm, nhưng tình bạn đến từ đôi tay người bạn đường của ông bạn thi sĩ thật rất đậm đà, có lẽ vì điểm này nên Lý đã quyết tâm giữ mãi chiếc áo, dù chỉ cất nó trong thùng. Tôi không còn nhớ những ngày tháng đó chúng tôi nói với nhau những gì, gửi gắm cho nhau điều nào. Kỷ niệm có thể là những khoảng trống không khi chúng tôi cùng ngồi nhìn những sinh động đang diễn ra trước đường phố. Hoặc những tiếng thờ rất nhẹ mà không dám cho nhau nghe thấy. Sau ngày gia đình Thành Tôn đến Hoa Kỳ, chúng tôi có dịp liên lạc với nhau qua điện thoại. Nghe được tiếng nói quen thuộc của nhau đã là một niềm vui. Một hôm Thành Tôn cho tôi biết anh còn giữ hai thẻ căn cước thời Việt Nam Cộng Hòa của tôi và Lý. Hai thẻ này tôi đã gửi cho anh giữ

hộ khi xuất cảnh, mà tôi quên hẳn Dĩ nhiên tôi rất mừng. Thành Tôn đã hoàn trả và tôi cũng đã sung sướng trình diện chúng trên trang sách “Luân Hoán Một Đồi Thơ” xuất bản năm 2005.

Trước khi có ý định thực hiện một số bài viết về kỷ niệm với bằng hữu dưới hình thức hồi ký rời, được gọi là “Dự Hơi Bè Bạn”, tôi đã mở mục Đất Tình trên trang Vương Chiếu Luân Hoán. Trong mục này, phần dành cho Đà Nẵng, bài viết về Thành Tôn này đã có dưới tên Châu Thị Ngọc Lê, nay có bổ túc chút ít, dấu vậy bài viết vẫn không đầy đủ. Nhiều kỷ niệm rất muốn bày ra lại có đôi chút quên quên nhớ nhớ không rõ nét, mà với Tôn, điều gì cũng phải chính xác mới nên viết. Tôi đành phải dừng thôi, ngời nhớ lại ngày xưa thử ra sao. Trong khi nhớ, mấy câu về này lại tới:

*“Bạn hiền chở sách đi đâu/ thùng nghiêng, xe ngã, áo nhàu
nắng trưa/ giúp tay bạn, câu hỏi đùa:/ bao nhiêu sinh mạng ông
thừa sức bụng ?/ xin đập thông thả, cầm chừng/ để hồn chữ
nghĩa sau lưng ngóng đời/ may ra ai đó thấy tôi/ bóc làm nhân
vật sống đời cũng vui/ đập chậm nhè, đừng quay lui/ An Tiêm, Lá
Bối ngậm hơi qua đường/ cuộc đời quả thật dễ thương/ thấp tình
phân phát mùi hương sách vàng”*

Đây là hình ảnh một vài lần tôi bắt gặp Thành Tôn chở những thùng sách nặng trên đường Độc Lập. Thơ thần đã lạng quạng quá rồi, nên không dám lếu láo. Nhất định ngừng tại đây.



Phan Ni Tấn ND, Câu Thơ Về Khiếm Với Lân

Nếu mỗi ngày được quen biết thêm một người, và trong số mười người quen biết có một người trở thành bạn thân thì thật thú vị. Tôi chưa được như vậy. Nhưng gia tài bằng hữu của tôi càng ngày càng phong phú. Một trong những khuôn mặt tôi được thân thiết sau 1975, tại hải ngoại là một người làm thơ, viết nhạc, thành danh cả hai bộ môn nghệ thuật: anh Phan Ni Tấn.



Anh dùng bút danh chính Phan Ni Tấn ND, và ký thêm Nhị Đương trong nhiều bút ký.

Phan Ni Tấn đặt tiếng thơ vào đời sống từ ngày 06 tháng 3 năm 1948 tại Cần Giuộc. Tuổi ấu thơ phơi phới giữa thành phố núi Ban Mê Thuột. Âm thanh của rừng của suối cùng tiếng đàn vĩ cầm sắc ngọt của nghệ sĩ Ba Lô đã trở thành gia vị trong mọi món ăn, nuôi dưỡng Phan Ni Tấn trưởng thành. Người nghệ sĩ chuyên sử dụng *violon* trình tấu những bản cổ nhạc cho đoàn Út Bạch Lan, Thành Được thời ấy, chính là thân phụ của cậu bé họ Phan. Giàu chất bổ dưỡng quý hiếm như vậy, nhưng năm 1960, Phan Ni Tấn đã vội vã xuống núi, khi mới bắt đầu bước vào bậc trung học trường Ban Mê Thuột được một tháng bốn ngày. Thủ đô Sài Gòn đã cuu mang anh qua hết bậc trung học, vào đại học Văn khoa, vào Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ và cuối cùng trở thành một sĩ quan của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, từ lò Thủ Đức. Chẳng đời binh nghiệp của anh kéo dài được năm năm, để có thêm một năm học hiểu sâu sắc về một chế độ. Những ưu việt quang vinh của một đảng lãnh đạo, đã không cảm được chân người yêu chuộng tự do. Phan Ni Tấn đến Thái Lan năm 1979 rồi đến vùng Downsview thuộc thành phố Toronto, tỉnh bang Ontario của Canada lập nghiệp.

Những người yêu thích thiên nhiên, thường ưa đi đây đi đó. Phan Ni Tấn từng bày tỏ cái thú của mình:

... “*Thuở nhỏ tôi vốn đã thích cái hoang dã của đồng ruộng hay vẻ man dại của núi rừng lúc hoàng hôn. Một tiếng chim kêu*

chiều, một tà sương khói vv... bao giờ cũng làm tôi mất nhiều thì giờ theo dõi, lắng nghe. Lớn lên tôi lại nổi máu giang hồ vật, rày đây mai đó. Mây trời, cỏ cây, chim chóc và những con đường, tất cả là bạn của tôi một thời. Những lần có dịp ra đi, tôi vẫn thường dọn mình để làm kẻ “dạ hành” trong một chuyến xe hàng, hay trên một chuyến tàu đêm. Phải chăng sự sinh ra và lớn lên giữa núi rừng cao nguyên đã ảnh hưởng phần nào (hay sâu đậm) nội tâm tôi cho mãi tới bây giờ...”

(chuyện Bằng Hữu, tạp chí Sóng, số 61 tháng 6-1987)

Có thể nhờ tâm hồn và cặp chân biết lang thang nên Phan Ni Tấn sớm là một thành viên của phong trào Du Ca Việt Nam. Đi nhiều thường có cơ hội yêu nhiều. Phan Ni Tấn cũng vậy. Nhưng tình cảm của anh không san sẻ đồng đều. Anh dành nhiều cho thiên nhiên, cho cuộc sống ngay trong thời kỳ nên biết tưởng nhớ mùi hương con gái. Chính Tấn đã thú thật trong một tự sự mờ vào tuyển tập Tình Khúc Phan Ni Tấn (xuất bản năm 2004):

“Viết nhạc khi bước vào ngưỡng cửa Đại học Khoa học Sài Gòn năm 1969. Qua năm thứ hai rớt, nhập ngũ trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức khóa 1/1971. Ra trường sống sót trong chiến tranh cho đến ngày mất nước. Thời đó nhìn ra chung quanh vòng tay vẫn trống vắng “người con gái Việt Nam Da Vàng”. Chỉ mang bầu nhiệt huyết của một anh sinh viên đại học, sau này là lính mà viết ra những loại nhạc đấu tranh trên dưới 100 bài. Đó là lý do tại sao ngày nay tôi không có nhiều thể loại tình ca đôi lứa...”

Phan Ni Tấn không cần phải thanh minh: *“Tuy nhiên nói như vậy không có nghĩa hồn mình là sỏi đá”*. Bởi sáng tác những ca khúc có nội dung về chiến cuộc, về quê hương, thân phận con người... đã là người có tâm hồn giàu rung cảm, biết khóc, biết cười trước mỗi tình huống của cuộc đời. Tình yêu nam nữ có thể là tình tốt đẹp, cần thiết nhất của một đời người, nhưng cái thứ tình tuyệt vời này thường không thể phát triển trước những loại cảm tình khác. Phan Ni Tấn đã biết chờ để được lãnh thưởng vào ngày 10 tháng 5 năm 1986 tại thành phố Toronto. Ngày ấy là ngày mỹ nữ Châu Khả Khiếm, với hai dòng máu Hoa Việt trở thành người chăm sóc suốt đời cho nhà thơ kiêm nhạc sĩ Phan Ni Tấn ND. Hình đám cưới, phóng lớn treo tại phòng khách căn nhà đã mua

đứt, trên đường Shoreham Dr Downsview, tôi thấy có các nhà thơ, văn Bắc Phong, Cung Vũ, Nguyễn Ngọc Ngạn... Dĩ nhiên chưa thể có bản mặt tôi vì lúc bấy giờ tôi mới chỉ là một độc giả của anh.

Phan Ni Tấn sáng tác nhiều, thơ anh đăng trên hầu hết các tạp chí văn học tại hải ngoại. Tôi gặp tên anh ở Văn Học Nghệ Thuật, Văn Học, Văn, Làng Văn, Sóng, Độc Lập, Hợp Lưu, Hồn Việt... ở Pháp, ở Úc, ở Canada, ở Mỹ... nơi nào cũng có tên Phan Ni Tấn, không thơ, thì nhạc. Cái tên Phan Ni Tấn ND cứ vậy lừng lựng đi vào trí nhớ tôi, tâm hồn tôi, cho đến một hôm, anh bạn tài hoa ấy, bấm chuông cái ổ chuột tôi thuê trên đường Bourret thành phố Montréal. Ngày hôm ấy là ngày 18 tháng 4 năm 1987, tôi được gặp một nghệ sĩ ốm yếu, thấp nhỏ hơn cả tôi. Hầu hết những người khách, người bạn, có lòng ghé thăm tôi đều được hưởng chung một chế độ đón tiếp dưới cả sự đơn giản. Nếu không có chị Lý của tôi ở nhà, thì không chừng thiếu cả nước uống. Thuốc lá, bia rượu hẳn nhiên không có. Nhưng tôi là người tuyệt vời hiếu khách, biết lắng nghe, ghi nhận hơn là biết nói. Tấm lòng tôi mở ra trong im lặng từ tốn và rất mực trang trọng. Tôi từng có ý định lập một cuốn “sổ vàng” xin chữ ký những người ghé thăm, nhưng thấy ký kỳ làm sao nên không thực hiện được, rất tiếc.

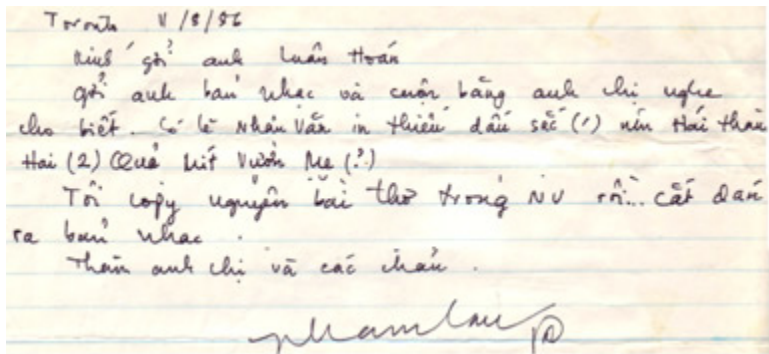
Lần đầu tiếp đón người bạn mới Phan Ni Tấn, tôi vẫn thiếu trà ấm, bánh ngọt dù có hẹn trước. Nhớ về cuộc hội ngộ này, Phan Ni Tấn viết:

“...Nhớ lần đầu tiên từ Toronto đi Montréal, tôi đã tới thẳng nhà Luân Hoán sau khi đã hẹn với anh. Tới nay tôi vẫn còn hình dung được buổi sơ ngộ này. Từ phòng ngủ chậm rãi bước ra là một dáng người gầy nhom, quả đúng như anh tự vẽ: “ôm nhom như con cò ma / phát phơ giữa cõi thi ca tối ngày”. Tuy anh không mang vóc dáng như tôi mừng tượng, song dung nhan không đến nỗi: “râu lởm chớm tóc rể tre lộn xộn”... Một con người khắc khổ khô héo đã mang tên tuổi mình đi vào thế giới thi ca bằng một di sản thơ khá đồ sộ. Vậy mà anh vẫn tỏ ra khiêm tốn, nói năng điềm đạm...” (Chân Dung Thơ Luân Hoán, trang 206). Cảm ơn Phan Ni Tấn đã ngợi khen. Sự giao tình giữa hai chúng tôi thật ra đã khởi sự qua thư từ, sau khi Tấn tìm thấy hứng để phổ nhạc bài Quả Mít Vườn Mẹ. Cũng như nhiều người, tôi yêu thích âm nhạc, được quen biết với một số nhạc sĩ, nhưng đi sâu vào vấn đề sáng tác của

bộ môn này thì tôi mù tịt. Phan Ni Tấn tiết lộ công việc phổ nhạc của anh như sau:

“...Tôi đã từng phổ nhạc từ thơ của nhiều tác giả trong nước trước 1975 cũng như ngoài nước sau này. Nhưng riêng trường hợp Luân Hoán, tôi phải đợi tới 14 năm sau mới có dịp phổ biến nhạc của tôi qua những dòng thơ chuyển hướng của anh. Và đương nhiên, bản nhạc đầu tiên tôi phổ thơ Luân Hoán là bản Quả Mít Vườn Mẹ, cùng tên với bài thơ. Nguyên bài gồm 20 câu, khi phổ nhạc tôi chia làm hai phần dựa theo hơi thơ, giọng kể và tiết điệu của bài thơ. Dĩ nhiên tôi phải thận trọng việc sáng tác sao cho sự trầm bổng của ca khúc được hài hòa và chân phương cần thiết. Mặc dù ngày nay phần lớn những ca khúc tân thời đã phá luật chân phương, cổ điển này...”

Phổ xong bài thơ, Phan Ni Tấn thu vào băng gởi cho tôi kèm theo mấy dòng:



Toronto 1/8/86
Kính gởi anh Luân Hoán
gởi anh bản nhạc và cuộn băng anh chi nghe
cho biết. Có lẽ Nhân Văn in thiếu dấu sắc (!) nên Hai Thưa
Hai (2) (Quả Mít Vườn Mẹ (!))
Tôi copy nguyên bài thơ trong NV rồi cắt dán
ra bản nhạc.
Thân anh chi và các cháu.
Phan Ni Tấn

Bốn ngày sau, ngày 15 tháng 8 năm 1986. Tôi nhận thêm một lá thư của Tấn, nội dung:

“Kính gởi Anh Luân Hoán,

Hôm qua nhận được tờ Văn Học, cảm bài Khiêng Nước nên hát thành bài gởi anh.

Cuộn băng có hai bài của anh do Nguyễn Hữu Nghĩa và tôi hát (tài tử) và hai bài thơ của Cung Vũ (tức Nghĩa) và Bắc Phong, sẵn thu luôn cho anh nghe cho vui.

Cũng trong tờ Văn Học đọc mới biết anh sắp ra một tập thơ (!) Vậy nếu anh hài lòng thì kèm theo một trong hai bản nhạc phổ thơ anh trong tập thơ. Nhạc thơ nuôi dưỡng nhau đọc ra rồi hát

lên nghe cũng cảm động lắm vậy.

Cuối thư, chúc anh vui nhiều. Thăm chị và các cháu.

Tình thân, Phan Ni Tấn”.



Tám ảnh đầu tiên, LH chụp với bạn văn tại hải ngoại (Montréal)

Bài thơ Quả Mít Vườn Mẹ thật ra không có chữ “hai” hay chữ “hái” gì đứng phía trước. Không hiểu sao tạp chí Nhân Văn nhầm lẫn. Nhưng chả sao. Bài thơ có tính cách thời sự nên không thể có tuổi thọ cao. Trái lại bài Khiêng Nước, tôi viết bằng chất liệu thật với cả tấm lòng tha thiết nên gây được sự xúc động lâu dài. Phan Ni Tấn phổ nhạc bài này rất thành công. Giọng anh hát cũng rất truyền cảm, tôi rất thích. Bài thơ phổ nhạc từ đó thường được Phan Ni Tấn hát một mình hoặc hát cùng nhà thơ Bắc Phong trong rất nhiều dịp sinh hoạt. Hát nhiều đến nỗi có bạn đùa: “*Khiêng nước mãi không mỏi hay sao?*”. Ca khúc này, theo Phan Ni Tấn cho biết lẽ ra ca sĩ Phi Nhung đã phổ biến trong video Thúy Nga Paris, với hoạt cảnh nghiêm chỉnh, nhưng đến phút chót, có một đề nghị thay đổi nhỏ, Phan Ni Tấn không đồng ý, nên được xếp lại. Các bạn có thể nghe ca khúc này tại trang nhà luanhoan hoặc trong CD tuyển tập ca khúc Phan Ni Tấn, có tên Sinh Nhật Cây Đàn qua giọng ca Ngọc Huy.

Nói về chuyện âm nhạc, không thể quên nhắc, Phan Ni Tấn là một nhạc sĩ, sinh hoạt tích cực trong giai đoạn đầu của phong trào Hưng Ca Việt Nam tại hải ngoại, Anh giữ vai Phó Chủ tịch Nội vụ, bên cạnh Chủ tịch phong trào, nhà văn Hà Thúc Sinh. Phan Ni Tấn đã cùng các bạn Khúc Lan, Nguyệt Ánh, Hà Thúc

Sinh, Nguyễn Hữu Nghĩa...đi và hát rất nhiều nơi trên thế giới . Tài năng và tâm huyết của những ca nhạc sĩ này sẽ được ghi nhận mãi trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt, dù xa xứ hay không, sau này.

Phan Ni Tấn đã có lòng thăm ỏ chuột của tôi. Hẳn nhiên tôi vẫn nuôi hy vọng có dịp thăm Phan gia trang của anh, nhất là ngắm mặt quý tử nam nhi của Tấn Khiêm, đã ra đời ngày 01 tháng 01 năm 1989, cùng tháng sinh nhật với tôi, nhưng chỉ sau 48 năm. Dịp đó được thực hiện năm 1991, khi cháu Phan Châu Lân được 2 tuổi. Chuyến đi thăm bạn, cũng là lần đi thăm thành phố Toronto đầu tiên của tôi. Nhưng không phải mất tiền xe tàu, tiền ăn ngủ. Phương tiện di chuyển là chiếc Chevrolet hai cửa của nhà văn Nguyễn Đông Ngạc. Khách hàng của Ngạc gồm chị Nguyễn Ngọc, vợ chồng tôi và nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân. Lý do phụ của chuyến đi: tham dự đại hội Văn Bút Hải Ngoại để bình bầu ban chấp hành mới. Tổ chức Văn Bút vào những năm này còn khá nghiêm chỉnh. Đại hội Văn Bút do đó còn thu hút được một số những người có lòng với chữ nghĩa tham dự.

Ông tài xế Ngạc không vội vã, tôi cũng không mấy bận mà với chuyện hội họp, nên chúng tôi tà tà. Thêm vào đó sự cù rũ của ông kính Lê Quang Xuân, chúng tôi dừng lại nhiều nơi trên đường, ghé lại nhiều điểm rục rờ lá phong mùa thu để chụp hình. Đến nơi không trễ lắm, cuộc họp chỉ mới sắp sửa kết thúc. Tôi còn kịp gặp nhà văn Nguyễn Văn Sâm, nhà báo Ngô Vương Toại, nhà báo Nguyễn Tăng Chương, nhà thơ Viên Linh, nhà thơ Vi Khuê... và một vài bạn văn đã quen tên, có liên lạc qua thư từ.

Đảm nhiệm Văn Bút thay ê kíp Nguyễn Ngọc Ngạn cho nhiệm kỳ 91-93 là Trang Châu, Trương Anh Thụy, Viên Linh, Võ Kỳ Điền, Lâm Công Quận...Một bữa ăn không biết ai đãi, được tổ chức tại nhà hàng Việt Nam của ông Nguyễn Văn Tiết, cựu dân biểu Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi có hân hạnh đến dùng bữa. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nàng thơ của bạn Cung Vũ, chị Nguyễn Hương, và “người đi bên cạnh cuộc đời” của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn. Cả hai kiêu đều còn tươi mát, hiền thực lắm.

Ngày hôm sau, chúng tôi tham quan phố Tàu Toronto. Tôi phải thành thật giật mình và thán phục người bạn Trung Hoa. Ở phần đất nào trên thế giới họ cũng mau chóng đi từ tiểu thương lên

đại thương và có thể là gian thương một cách ngoạn mục. Phố Tàu Toronto lớn gấp mười phố Tàu Montréal. Nhiều người cho rằng phố Tàu Montréal bé nhỏ không phải vì sự yếu kém của quý ngài *Các Chú* tại đây, mà vì sự kèm chân phát triển của nhà cầm quyền thành phố. Hư thực ra sao không rõ.

Đạo phố Tàu Toronto nhớ Chợ Lớn vô cùng. Đây có thể là một gợi hứng cho một bài thơ, nhưng chưa thấy ai khai thác. Thật tiếc cho những nhà thơ có dịp “*nhìn tổ quốc từ xa*”. Có cần phác thảo vài nét về phố Tàu Toronto không? Tôi nghĩ, không cần thiết lắm. Chuyện buôn bán, cách chào hàng, vị trí, sắp xếp, bài trí vân vân và vân vân của người Tàu đâu đâu cũng na ná như nhau. Một đồng dạng phát triển rất hay, rất hữu hiệu. Dồi dào hàng hóa, lòe loẹt, lộn xộn thêm một chút nhem nhuốc, cùng với nhiệt tình, nhã nhặn, chiều khách, tinh táo...rõ là một phố Tàu.

Tôi hôm đó chúng tôi được người bạn thơ Phan Ni Tấn lo phần ăn ngủ. Ông bạn thơ của tôi lúc này, mới được chị Châu Khả Khiêm vỗ béo, chưa phát tướng lắm. Có một điều rất đáng ghi nhận: những bạn văn thơ của tôi, người nào có hiền thê người gốc Hoa, đều rất chỉnh tề trên đường kinh tế, như Thái Tú Hạp, Phan Xuân Sinh, Nguyễn Đức Bạt Ngân...Nhạc sĩ Phan Ni Tấn cũng không ngoại lệ. Và chúng tôi, những người ham chơi có nhiều dịp thù tạc với anh tới chỉ mà khỏi lo ngại những chuyện bên lề. Lòng hiếu khách của ông bà Phan Kiêm vẫn tràn đầy đến bây giờ. Riêng đêm đó, trong cuộc rượu của Phan gia trang, tôi được gặp hai bằng hữu mới toanh:

Thụy Khanh, nhà thơ, cựu tiếp viên hàng không Việt Nam, cư ngụ tại Pháp. Môi còn thắm, mắt còn tinh. Tôi đứng chụp chung một tấm hình, không hiểu sao cứ thấy run. Con run kéo dài trong những thư từ qua lại thăm hỏi về sau.

Nguyễn Tấn Hưng, nhà văn, chuyên trị chữ “Một” đi đầu những tác phẩm. Bạn tự xưng là ông trùm. Nhưng nhìn ra chỉ là một nghệ sĩ. Không rõ cầm bút ra sao, đêm đó, Hưng vừa biểu diễn những ca khúc của mình, vừa...rớt nước mắt.

Tổng kết chuyến đi, tôi thu hoạch khả quan thấy rõ, dù không biết nội dung cuộc Đại hội Văn bút có những gì. Sau nghe nói có thuyết trình, có ngâm thơ, có cả giáo sư Lê Hữu Mục (đến từ Montréal) làm nhạc trưởng và cùng hát một ca khúc gì đó. Tôi thấy tiếc và giận mình. Lẽ ra tôi đã có cơ hội lên sân nói, ngâm chơi



mấy bài thơ, cho bỏ những năm ngậm miệng. Hú hồn cho quý quan khách, thánh giả !

Sau năm ghé thăm gia đình Phan Ni Tấn lần đầu tiên, tôi thật sự chưa biết rõ mặt thành phố Toronto. Một thành phố lớn nhất nước Canada và chỉ xếp liền sau lưng thủ đô thế giới, thành phố New York của Hoa Kỳ. Thiếu sót của tôi là động cơ chính cho những lần tôi ghé Toronto sau này, dù mục đích thăm viếng có đi kèm theo một lý do đặc biệt nào đó. Đến một thành phố không cư ngụ thường trực là một lý thú, riêng tôi, không bao giờ nhầm

chán. Tôi đã mang cả gia đình đến quây rầy Phan gia trang nhiều lần. Tình cảm giữa chị Khiêm và Lý, vợ tôi, rất tốt đẹp. Lòng hiếu khách thật sự của một người có lẽ bao giờ cũng được thể hiện đồng đều không phân biệt. Những bạn đến thăm nhà Phan Ni Tấn chắc chắn ai cũng là thượng khách cả. Chúng tôi đương nhiên được hưởng qui chế đón tiếp nồng hậu một cách bình thường, tự nhiên của cặp vợ chồng, chăm lo nấu nướng, làm bánh, bỏ mỗi sí khắp nơi trong thành phố, bành trướng đến cả Montréal, Windsor... Tài nấu nướng của chị Khiêm có thể đã cao thêm tay nghề, nhờ sự xuất hiện bất ngờ của bằng hữu, một phần đấy nhé. Riêng đại gia đình chúng tôi ngoài chuyện được ăn những món ngon, lạ miệng, ông bà chủ nhân còn chiêu đãi trong các nhà hàng được đa số thực khách tán thưởng. Ăn rồi dạo chơi là điều đương nhiên. Tòa lâu đài Casa Loma, đường bờ hồ Lake Shore, tháp CN Tower... chúng tôi lần lượt viếng thăm qua sự dẫn dắt và diễn giảng rất tận tình của hai bạn Tấn Khiêm. Bách, con trai út tôi, rất khoái khi vào Exhibition (Canadian National Exhibition). Trong vườn mỹ thuật này trưng bày rất nhiều tượng điêu khắc. Chúng tôi cũng được hướng dẫn đến tận thác Niaraga. Tại giải thác nổi tiếng này, những lần sau, với nhạc phụ, với Bình Chính, Bích Dũng, Vincent, Lyna, William, chúng tôi mang về tận Montréal những chiếc áo mưa màu vàng sau khi xuống cận kề ngọn thác, những chiếc áo mưa màu xanh sau khi theo con tàu lướt trên dòng nước. Bãi cỏ, công viên, tượng đá, cửa hàng, rạp chiếu phim, căn nhà ma, những trò chơi... đều bị chúng tôi quên về hết bằng phim ảnh. Cuộc đời lưu lạc, hình như đã đến lúc hết những giờ phiên muộn, nhường phần ưu tiên cho những thông thả vui vẻ.

Gia đình chúng tôi đến thăm Tấn được săn sóc nồng nhiệt như vậy. Nhưng sau này nhiều lần anh chị ghé lên tôi, vẫn phải chịu những bực mình. Tôi nhớ hôm Tấn Khiêm lên dự hôn lễ của con gái thứ của tôi. Cận thận tôi gọi vợ chồng cô trưởng nữ đến ngủ tạm nhà bố mẹ, để nhường cái áp cho gia đình Tấn Khiêm có một đêm thoải mái. Không ngờ cái ổ khóa thuộc loại hơi có chút tối tân, các cháu không chỉ dẫn. Tấn cũng không biết mã số mở tự động. Hai vợ chồng cùng cậu con phải ngả lưng tạm trong lòng xe Sprinter Cargo Van của Tấn. Một lần khác, khi gia đình tôi đã có nhà mới, Tấn cùng Bắc Phong lên dự đám cưới con gái anh Song

Thao. Tôi đã dành cho Tấn phòng ngủ của tôi, khá rộng và tiện nghi. Nhưng Tấn vẫn thức trắng đêm. Hóa ra anh không chịu được mùi thuốc lá từ phòng con trai út tôi, cách xa trên 3 mét, xuyên qua hai cánh cửa phòng để phá anh. Thật đáng tiếc. Những lần ghé lên thăm như vậy, Tấn Khiếm thường mang cho tôi quà. Nhiều nhất là các loại bánh ngọt do chính tay chị làm ra. Có một lần anh chị cho một bộ chén trà rất xinh, tôi quý lắm. Nhưng một hôm “*pha trà vào bình bạn cho/ vụng tay, vôi sứ, buồn xo mấy ngày/ thương bình yếu mệnh, loay hoay/ nấn vôi, tưởng vết đứt tay bạn hiền*” (Mời Em Lên Ngựa).

Năm 1988, Phan Ni Tấn cho xuất bản tập Hồi Ký Thơ. Tập thơ dày 128 trang, giấy tốt. Bìa là một bản vẽ của họa sĩ Võ Đình, được trình bày tổng quát bởi Dương Thượng Ngã, một bút hiệu khác của ông chủ tạp chí Làng Văn Nguyễn Hữu Nghĩa. Tập thơ có lời đề bạt của nhà thơ Đỗ Quý Toàn, gọn nhẹ nhưng bao quát:

... “*Khi viết về quê hương, Phan Ni Tấn có giọng trầm buồn. Nhưng không tuyệt vọng. Mà vẫn thiết tha. Rất nhiều khi dí dỏm.*

Một nhà thơ đương thời ở Montréal, Michel Garneau mới nói: La seule chose que je peux rêver de faire pour le Québec, c'est d'être un bon poète”. Điều tôi mơ ước làm được cho quê hương tôi, là làm một thi sĩ, làm thơ cho hay. Phan Ni Tấn cũng đang thực hiện những ước mơ của chàng cho quê hương...”

Điểm trang cho nhan sắc tập thơ là bàn tay giàu hoa tay Nguyễn Nhật Tân, cùng bức chân dung được bấm máy bởi danh tài nhiếp ảnh Trần Cao Linh. Nhưng hãy còn thiếu sót so với dự định của tác giả. Tấn viết cho tôi mấy dòng gởi kèm tập thơ:

... “*Gởi anh tập thơ đọc chơi. Tưởng có bản nhạc Hà Thúc Sinh phổ kèm theo, cuối cùng lại không. Mất vui. Mất lòng. Đôi khi người ta không “ái” nhau làm anh lảng giềng ở giữa bị kẹt... Tháng 9/88”*.

Tôi vừa buồn cho Tấn, vừa không vui vì bè bạn. Trong sinh hoạt chữ nghĩa, tôi may mắn được quen biết người này một chút, người kia một chút. Bè bạn thường đến với nhau bằng cái tâm. Một tin bất hòa như là một mất mát, một lòng lèo, bản khoản đến mấy ngày.

Trở lại với Hồi Ký Thơ. Đúng như tên gọi của nó. Cuốn sách có nội dung rất là hồi ký. Một hồi ký không chỉ ghi riêng về những chặng đời của tác giả, mà còn phản ánh trung trực cho cả một thế hệ thanh xuân của những thập niên 60, 70. Quê hương, cuộc chiến cùng thân phận con người nhược tiểu được thả nổi trong ngôn từ. Phan Ni Tấn viết rất linh hoạt trong từng giai đoạn. Ở vào tuổi thanh niên, bạn nào không từng trải qua những ngày tháng ở quân trường:

“Hôm nay lễ gắn Alpha/ diện đồ tiểu lễ mình ra xếp hàng/ Vũ Đình Trường nắng chang chang/ mà sao mình vẫn thấy man mát trời” (Lễ gắn Alpha)

“Ra trường mày đi lính gì ?/- nhất định là lính rắn ri! còn mày ?/ - tao thì quân cảnh, tối ngày/ tìm ba thằng lính như mày, nhốt chơi” (Tâm Sự Lính).

Rời lò luyện thép, những bênh bông này đâu dễ quên:

“Chờ bắc ở bến Ninh Kiều / Gió về thổi ướt cả chiều dưới sông / ta như bè nước bênh bông/ mấy năm đi biệt mà không về nhà / những thằng sóng sót trận qua/ chiều nay đợi chuyển bắc ra chiến trường”. (Bắc Cần Thơ)

“Xe lên tới đỉnh Mụ Già/ trên cao trời đất bao la vô cùng/ ngợp hồn ta giữa muôn trùng / lũng sương mây đọng trắng vùng sơn lâm/ dưới sâu cây đứng nghìn năm/ chìm trên đèo thăm âm âm bóng chiều/ theo xe ta xuống thôn nghèo/ hồn còn vất vẻo giữa đèo hoang vu” (Qua Đèo Mụ Già)

“Giọt máu trên cọng cỏ mềm/ của ai không biết nằm im như tờ/ dằng xa sau lớp bụi mờ/ mới nhìn tôi tưởng con cò thí thân” (Quảng Gà).

Phần thưởng cho những nỗ lực phụng sự tổ quốc, dù lạc quan vẫn phải chấp nhận những hình ảnh bi quan:

“khắc trên mộ chí tiêu điều/ tên anh tôi đã đã nhiều xót xa/ trời làm gió nổi mưa sa/ nghìn sau lau lách xuyên qua mộ người” (Lập Bia)

“Anh tôi chết trận Lê Trung/ mùa hè đở lửa nổ tung chiến trường/ tôi chơi thân tử buông tuồng/ nghe tin anh chết có buồn gì đâu” (Tên Ngôi Làng Nhỏ)

“Anh đi lành lặn thịt xương/ ra chôn sa trường năm ấy mùa khô/ đánh giặc cho tới mùa mưa/ anh về trong bộ xương khô khóc buồn” (Nỗi Buồn)

Và rồi một kết quả bất ngờ, cũng chẳng dễ gì phai nhòa trong ký ức:

“Trên đồng cạn/ dưới đồng sâu/ bộn tù hì hục thay trâu kéo cày/ mưa nhè nhẹ/ mưa bay bay/ thân tù, thân tội kéo cây thay trâu” (Bọn Trâu Người)

“Lạc lè lên dốc xuống đồi/ đoàn tù gánh củi dưới trời mưa bay/ về ngang qua nghĩa trang này/ mồ con Hai chết mấy ngày còn tươi/ tác yêu tác quái một thời/ đổi đời/ cái tạo làm người hoàn lương/ vì không quen gánh đoạn trường/ vượt ngục / bị bắn giữa đường oan khiên/ thôi em/ sống chỉ thêm phiền/ chết là lối thoát về miền tự do/ ngủ đi, ngủ nhé, vào mơ..”.(Nữ Tù LTH)

Dĩ nhiên trường “cái tạo” cũng phải có ngày đóng cửa. Những ngày tháng tiếp theo, tùy nghi hoàn cảnh để có những hướng tiến thân mới:

“Vùng kinh tế mới xa ca/ có bầy muỗi độc bay ra bay vào/ lam sơn chướng khí ào ào/ đón người mạnh giỏi đi vào ốm đau” (Vùng Kinh Tế Mới Đồng Tâm)

“Đến lúc hết thuốc chữa rồi/ thì đành bám bụng theo người vượt biên/ đêm ngày lặn lội như điên/ tay chân tôi chạm tới miền tự do” (Vượt Biên).

Dĩ nhiên tập thơ không chỉ viết với thể lục bát. Bảy chữ, tám chữ, ngũ ngôn đều có đủ, nhưng tôi chỉ lược ra những di dỏm của lục bát Phan Ni Tấn. Đây là thể loại anh dùng nhiều nhất ở tập thơ này.

Năm 1996, cơ sở tạp chí Nhân Văn cho phát hành tập thơ thứ hai của Phan Ni Tấn. Với 126 trang giấy màu mỡ gà, Phan Ni Tấn

gởi đến bạn đọc những bài thơ được mang một tên chung: “Câu Thơ Về Người”. Lần in thơ này, Phan Ni Tấn giao cho tôi một trách nhiệm có thể nói là hơi quá sức. Nhưng trân trọng tình bạn, tôi đã cố gắng hết sức để ba hoa thành một bản chữ “Trái Hoa” cho những bước thơ của Tấn:

“ Có người không làm thơ không biết phải làm gì. Chẳng lẽ chỉ rong chơi để lấp hết khúc đời còn lại, để chừng còn kéo dài đến vài thập niên. Làm thơ như vậy kể như một cứu rỗi. Nhưng cũng có người bận bẻ công việc. Lúc ở sở, lúc ở nhà, lúc thủ tiếp bạn rượu, lúc ca hát, lúc đưa vợ con dạo phố phường, lúc... lúc... Lu bù như thế mà vẫn làm thơ liên tu bất tận, quả là một tay cự phách trong làng chơi thơ. Không biết thơ, những thơ ở từ đâu ra? Ở trong cái đầu? Ở trong cái bụng? Hay ở trong những cái lỗ chân lông? Có lẽ trên khắp phần thân thể của con người thi sĩ thứ thiệt, chỗ nào cũng có thơ. Có người chỉ cần véo nhẹ vào một chỗ nào đó trên da thịt cũng đủ bung ra hương rượu, ví như anh chàng Phạm Nhuận (*em bữa nọ véo đùa chơi một cái, rượu bung da thom ngát chỗ đang nằm – Luân Hoán*) thì cũng có người, chỉ cần mon men tiếp giáp với vùng hơi thở của mình đã nghe thom ngát hương thơ. Người đó đâu phải ai xa lạ. Đó chính là cha đẻ tập Hồi Ký Thơ đạo nào. Và cũng là người đang gởi cho chúng ta những Câu Thơ



Về Người hôm nay.

Phan Ni Tấn, nhà thơ hiện hậu ấy vẫn luôn luôn viết cạnh quí danh của anh chữ N.D. bí mật. Nhiều bạn văn cho rằng đó là tên gọi của một người tình lỡ của “chàng”. Có thể là Ngọc Dung? Như Diệu? Nhã Duyên? Cũng có bạn tinh nghịch cho rằng hai chữ đó, nhà thơ gói ghém cái biệt tính của mình như “nhảy dù”, “ngủ dai”, hoặc tục hơn chút đỉnh, không chừng. Riêng tôi, mãi đến nay, N.D. vẫn chỉ một mình Phan Ni Tấn hiểu. Người đẹp Châu Khả Khiêm và cậu bé Phan Châu Lân chưa chắc đã được tiết lộ. Thôi, chúng ta cũng tạm nên cho đó là một khối kỷ niệm, có vui, có buồn của một nhà thơ giàu trôi nổi, của một nhạc sĩ có những sáng tác sắc sảo, vững vàng.

Tạm gác cái gia tài âm nhạc của Phan Ni Tấn, để vào thăm cái sản nghiệp thơ của anh, ta bắt gặp ngay một trái tim thiết tha với đời. Thơ, từ đó đã trở ra từng ngọn, từng cụm, từng chùm, từng núi. Mà kỳ lạ thay khi thông dong thường ngoạn, những định hình ngọn, chùm, núi... của ngôn ngữ chỉ thuần nhất là một cõi hương. Có nên phân chất một mùi hương, nhất là hương thơ?

Phan Ni Tấn N.D. làm thơ dễ dàng nhưng không dễ dãi như tôi - hơn tôi một điểm. Phan Ni Tấn N.D. là một người cởi mở, luôn luôn hòa mình với đám đông – hơn tôi một điểm nữa. Giới thiệu một nhà thơ có nhiều ưu điểm hơn mình như thế, quả tôi có chút lọng cọng. Khi Phan Ni Tấn N.D. từ Toronto gọi đề nghị tôi phải viết một cái gì đó cho Câu Thơ Về Người, tôi cảm thấy ngại ngùng. Nhưng cái ám áp của những ngọn khói trà mỗi lần có dịp ghé Phan gia trang như vẫn đầy trong lòng. Và cái âm giọng “dzậy xao” thật đặc biệt vẫn vang mãi bên tai, khi chợt nhớ về người bạn thơ, từng để cửa chờ mình mà chỉ thấy trăng lên bên “*oan hồn chai rượu trắng*”. Biết không thể làm phật lòng bạn vàng, tôi gọn nhẹ: “Được thôi”. Nhưng khi Tấn hỏi: “Anh viết tựa hay viết bạt?”, tôi bần khoản. Tựa làm sao? Mà bạt ra sao? Công việc hiển hách này phải từ cái thơm tay, quen tay của các anh Mai Thảo, Nguyên Sa, Đỗ Quý Toàn, Võ Phiến thì mới phải. Tôi nói: “Tấn cứ gởi bản thảo lên, mình sẽ có quyết định sau.” Và liền sau câu nói này tôi đã thầm biết mình sẽ phải ba hoa trong một số chữ nghĩa mang tên là tựa. Phần việc trái hoa này có phần đơn giản, hợp với cái tính lười của mình. Tôi nghĩ thế và cố tình quên đi đã từng nghe đầu

đó: “*Cái tựa của một quyển sách rất quan trọng.*”

Theo tôi, cho dầu có quan trọng đến cỡ nào đi nữa, chắc chắn nó cũng không thể qua mặt được cái nội dung thực tế của một tác phẩm. Cái nội dung hồng hào da thịt của Phan Ni Tấn N.D. từng trần trở cu mang đang ở liền ngay sau bài viết vớ vẩn này.

Xin thân ái mời quý bạn vào thăm: miếng lòng, miếng tình, miếng thơ của một người đã vẽ được chân dung mình một cách trung trực:

*Khi thiệt thom người, thom quần, thom áo
sẽ ngoe nguẩy ra ngoài nắng trong veo
ngắt một cành bông ngòi nhai trệu trạo
rồi hóa thành chim xòe cánh bay về*

...

*hay làm mưa bay nghiêng qua sợi tóc
của những cô em còn rất Việt Nam
dầu giấy tùy thân còn rõ ràng ngoại quốc
mà núi sông nào vẫn giấu trong tâm*

...

*nói đừng cười nha em dài em các
hết nửa đời anh ở núi ở rừng
nên anh quê mùa tính anh chất phác
nói tới yêu đương thì lại nhát gừng*

...

*bây giờ qua đây lòng anh vẫn vậy
vẫn cứ như gương một tấm sạch boong
hồn anh đơn sơ như là trang giấy
sóng hồng gì hơn ngoài một tấm lòng*

(thơ Phan Ni Tấn ND)

Tài vật của tôi quả không đủ giới thiệu nét tinh xảo của một tập thơ gồm 53 bài, đủ thể loại, diễn tả tình yêu, tình bạn, tình quê hương, tình người, tình đời. Nhà văn Trang Châu đã thay tôi làm công việc này. Trong lời bạt, anh viết:

... “*Tâm sự Phan Ni Tấn trong Câu Thơ Về Người tóm gọn là tâm tư của một người tìm quên, tìm quen và tìm về. Tìm quên không phải quên khá khứ mà quên hiện tại...*”

Thơ Phan Ni Tấn là thơ của những gì đã mất: quê hương, bằng hữu, kỷ niệm xưa, đời sống cũ. Do đó, ý thơ ngậm ngùi, hơi

thơ dằng dặc, nhạc điệu trong thơ u trầm..

...Thơ nói về quê hương, ở hải ngoại, không ít, nhưng nói một cách thấm thiết, chân tình bằng một ngôn ngữ thơ thì không nhiều. Thơ quê hương của Phan Ni Tấn dễ dàng đi vào tâm hồn người đọc, những tâm hồn đồng điệu.

...Hiện tại gia tài duy nhất còn lại với nhà thơ là trang giấy

mai có lênh đênh

cùng sâu

cũng còn trang giấy trắng

màu

thủy

chung

...

ta về nở giữa lòng trang giấy

câu hò cây lúa mọc bờ đê

Trang giấy ôm hết. Ôm hết nỗi sầu lẫn ước mơ của thi sĩ

Nói chuyện thơ, nhiều người nghe cho là chuyện tào lao. Dù cái tào lao có phần dễ thương. Nên tôi xin chuyển qua mô tả vóc dáng ông thi sĩ cho các bạn dễ nhận dạng. Vào thời điểm này, ông bạn thơ của tôi đã có bề ngang da thịt gấp rưỡi tôi. Chính vì thế trông hơi lùn một chút. Cái bụng có phần leo thang. Lúc này là lúc Phan Ni Tấn mặc quần có dây treo thích hợp hơn thời kỳ làm một thành viên của tổ tam nhân Tấn, Ngạn, Nghĩa. Với khuôn mặt vuông vức rất hảo hớn, Phan Ni Tấn nuôi chòm râu dưới cằm, trông rất hách. Nụ cười không sẵn sàng nhưng thường nở ra đúng lúc. Mắt nhìn chính trực, không có nhiều đa tình. Bước đi chậm và hơi nặng, phảng phất một chút lè phè, rất dễ bị hít đất, nếu gặp tôi ở quân trường. Nhìn chung, Phan Ni Tấn là người của im lặng. Ấy vậy mà anh là một thành viên tích cực của các phong trào Du ca, Hùng Ca và từng giữ chức Chủ tịch hội Văn bút Việt Nam Hải ngoại trung tâm Toronto, thời kỳ Văn bút chưa bị nhiễm trùng. Giao tình giữa Tấn và bằng hữu rất tốt. Qua anh, tôi quen biết thêm Phạm Đình Cường. Ông bạn này bề ngoài không hào hoa phong nhã gì mấy, đại khái như ông Bill Gate, nhưng cũng là một tay nhà giàu. Dĩ nhiên tài chánh ông khiêm nhường hơn nhiều. Nhưng nhân tình thì chắc ông phải hơn. Anh em ở Montréal xuống Toronto không ghé Phan gia trang thì ắt phải đến quán rượu *Temp-*

tation của Phạm Đình Cường. Quán phục vụ cho người bản xứ nên các nàng tiếp rượu đều là “tóc vàng sợi...ngắn” xinh đẹp, tràn trề sinh lực cả. Nhiều lần tôi, Lưu Nguyễn, Nguyễn Đông Ngạc, Song Thao túc trực đêm ở đây. Bên cạnh Phạm Đình Cường, tôi còn biết thêm nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, nhà văn Nguyễn Nghĩa. Nhà thơ Cung Vũ tôi cũng có quen nhưng qua việc đóng góp thơ cho Làng Văn, một tạp chí từng xuất sắc một thời.

Vẽ một chút Phan Ni Tấn, không thể quên vài nét cho chị Châu Khả Khiêm và cháu Phan Châu Lân. Các bạn có quyền nghĩ, chúng tôi áo thụng vái nhau. Nhưng đây là sự thật. Và có lẽ phải dùng từ ngữ hiện đại từ quốc nội: Chị Khiêm là người “cực kỳ” tốt bụng, là một nội tướng “còn trên cả tuyệt vời”. Bà xã tôi khoái chị ở mục cạo gió, mà chị đã ra tay xua đuổi con cảm mạo bất ngờ, trong một dịp xuống mua bánh mì Nguyễn Hương. Còn cháu Lân, thằng bé ốm nhom, nhút nhát ngày nào, đi đâu cũng nép dưới tay mẹ, ngày nay đã là một tay múa quyền có hạng, thu lượm được nhiều thành tích xuất sắc, nhất là cao hơn ông bố gần hai cái đầu. Nói đến Phan Ni Tấn không thể quên hai nhân vật chính của anh. Do vậy, đề bài viết này có tên “Phan Ni Tấn, Câu Thơ Về Khiêm Với Lân”, và trong bài thơ dài Giữ Riêng Vài Nét Như Là, tôi viết về Tấn như sau:

*“Phát phơ râu một nhúm/ hù ai hay dọa mình/ Hồi Ký Thơ
một gói/ ổ khoanh trong miếng tình/ nhạc thơ quanh quần lót/ từ
đầu cho đến chân / đi lòng vòng tứ xứ/ cũng về Khiêm với Lân”*
LH.

Tôi đã có ý dùng lại chữ đặc biệt của Tấn là chữ Miếng: “miếng tình”. “miếng lòng”, “miếng mặn mà” vv..(gặm miếng mặn mà cho thấm tháp...)

Năm 2004, tuyển tập Tình Khúc Phan Ni Tấn ND được ấn hành. Chăm sóc in ruột Lê Hân. In bìa Trang Sĩ Quý. Mũ bìa Trần Nho Bụi. Phụ bản của Vivi, Võ Đình, Tạ Ký, Etcetera, Thái Tuấn, Khánh Trường, Nguyễn Khai, Lê Tài Điển, Nguyễn Trung, Ngô Vương Toại. Đây đưa đôi lời của Nguyễn Ngọc Ngạn, Luân Hoán, Song Thao, Lê Hữu, Đặng Minh Châu Bá Thông. Một số ảnh tác giả chụp kỷ niệm với bằng hữu sinh hoạt văn học nghệ thuật, được in rõ nét, đậm đà. Vui tay tôi đếm được đúng 60 nhân vật sinh hoạt văn học nghệ thuật hiện diện bên anh, có cả những thế hệ đi trước

như Phạm Duy, Tạ Ty...

Nhận định về Sinh Nhật Cây Đàn, Song Thao viết:

“Tôi nghĩ Phan Ni Tấn trước sau gì cũng là một người tình. Người tình trong thơ. Người tình trong nhạc. Một người tình miệt mài giữ hơi thở của những cuộc tình. Người ta thấy tình yêu trùm lấp trong thơ, trong nhạc của anh. Tình quê hương ? Có. Tình nơi chốn đã đón chào anh vào đời. Tình cho những nẻo đường đã dẫm dấu bước chân anh. Tình gia đình ? Có. Tình cho người vợ hiền. Tình cho đứa con trai duy nhất. Nhưng mặ mà hơn cả, tôi thấy, anh vẫn mượt mà trong tình yêu đúng nghĩa là tình yêu...”

Nguyễn Ngọc Ngạn nhận xét:

“Phan Ni Tấn từ khi tôi quen biết hơn 20 năm qua, lúc nào cũng đi giữa hai dòng văn nghệ là thơ và nhạc. Năm 1988, anh xuất bản thi phẩm đầu tay Hồi Ký Thơ, chấm dứt bằng câu:

Thơ tôi nguyên quán Việt Nam

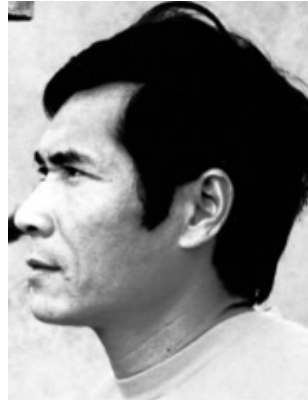
Đó là lời nói chân thật nhất của tâm hồn giản dị, Phan Ni Tấn. Bởi vì khi nhìn sang lãnh vực âm nhạc, dù là tình ca, người ta vẫn thấy cái “nguyên quán Việt Nam” rất rõ nét ở Phan Ni Tấn...”

Với gia tài đã trình làng: Lửa Dậy Trường Sơn (nhạc, 1983), Em Hát Em Vui (nhạc, cùng Nguyễn Hữu Nghĩa, 1987), Hồi Ký Thơ (thơ, Làng Văn, 1987), Câu Thơ Về Người (thơ, Nhân Văn, 1996), Tuyển Tập Tình Khúc Phan Ni Tấn ND (nhạc, 2004), Sinh Nhật Cây Đàn (CD 2005), Phan Ni Tấn, đã giữ cả hai ghế ngồi rất nghiêm túc trong hai bộ môn nhạc và thơ. Tất cả tâm huyết, trí tuệ của anh, đều hướng về con người, mà điểm đến ưu tiên vẫn là Khiêm với Lân. Hạnh phúc biết bao !



Chu Vương Miện, Thơ Với Cuộc Chơi Loanh Quanh Giữa Chợ

Không hiểu tại sao vào những năm 1957, 1958, tôi không có dịp gặp nhà thơ Chu Vương Miện, lù lù ở Đà Nẵng, làm học trò đệ tứ trường Bán công ? Trong niên khóa này, tôi là anh Đệ ngũ 3 trường Phan Châu Trinh, không cách xa trường Bán công bao nhiêu. Thắc mắc cho vui vậy, chứ làm sao mà biết nhau, khi cả hai thằng đều là những thứ vô danh trong công trường, không tham gia tích cực thể thao hay văn nghệ. Cũng chưa nhóm được mỗi tình trai gái nào xuất sắc, đủ có tiếng vang trong giới thư sinh.



Chu Vương Miện là dân chính công Quảng Nam ? Không. Vậy anh từ đâu tới ? - Xin thưa, anh là con dân của đất Quỳnh Lâu, một ngôi làng nằm trong địa phận quận Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên. Nhưng anh lọt lòng mẹ từ cái nôi quê ngoại, thuộc làng Phục Lễ, quận Thủy Nguyên tỉnh Kiến An. Hai quê nội ngoại cách nhau khoảng 10 cây số đường chim bay. Với hệ thống đường sá và phương tiện giao thông thập niên 20, nhị vị tình nhân, theo tiếng gọi tình, đến với nhau, nên duyên giai ngẫu, quả là một kỳ tích, một mối tình đẹp. Có thể đôi nam thanh, nữ tú đã từng gặp gỡ, tình tự qua dòng sông Lục Đầu Giang ? Con sông phôi lòng qua hai làng. Hình như một trong hai người đã từng làm thơ, thả trôi theo dòng nước ? Lục Đầu Giang bao la, sâu cạn ra sao không cần biết. Chỉ cần đọc tên lên, nghe ra rất đỗi quần tụ anh hào. Sông Đuống, sông Hộc, sông Thái Bình...sáu nhánh cùng gặp nhau khó lòng không bát ngát. Trời nước hùng vĩ, hữu tình chưa đủ. Thủy Nguyên, Yên Hưng còn chia nhau đứng hai bên dãy núi vôi Tràng Kênh, cao vút với ngọn U Bò, nơi ngài Trần Quốc Tuấn một thời đứng điều binh đánh giặc Nguyên chạy dài. Không rõ ngày nay nắng trưa, nắng chiều có còn chiếu vào vách đá, tạo những tia phản xạ xuống lòng sông, ánh lên màu bạc óng ánh để còn được

gọi là Bạch Đằng Giang ?

Quê quán Chu Vương Miện đẹp nào nùng đến vậy, mà anh dứt khoát bỏ ra đi, bỏ luôn cái *classe moyen* của trường dòng Saint Joseph ở Hải Phòng để vào Nam. Năm 1954 quả là cái mốc thời gian nhiều người khó quên.

Có được một ông bố nhà binh đào hoa, đi tới đâu cưới vợ tới đó, Chu Vương Miện chưa đến dịp thừa tự cái hạnh phúc này. Lúc khởi sự ca bài “hành phương nam” anh mới tròn mười ba tuổi. Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1941, làm đuôi một con rắn (Tân Ty) cũng ngon lành. Con rắn đực Nguyễn Văn Thường có được một thân mẫu với tư tưởng cấp tiến, từng quan niệm “mưa bao giờ mát mặt bấy giờ”, nên rất phóng khoáng trong việc chơi “hụi”, chơi “hè” liên miên bị lườm gạt nhãn túi. Nhưng Thường vẫn bụ bẫm trưởng thành, cao đến hơn một thước bảy.

Thời bỏ làng đi tìm đất mới, gia đình Chu Vương Miện bị đẩy xuống vùng Thanh Chiêm, Quảng Nam. Tiếp nhận gia đình anh là những người “ăn cục, nói hòn”. Có đến hơn ba tháng, giọng Bắc, giọng Quảng, người nào nói người nấy nghe, chưa có dịch vụ thông ngôn, nên sinh ra nhiều hoạt cảnh vô cùng hi hài. Khi vừa có thể thông hiểu người địa phương, cũng là lúc đơn vị ông bố chuyển vào Dốc Sỏi, Tam Kỳ. Chu Vương Miện lại ra đi đến một vùng “chế độ nào cũng ăn độn”. Anh kê khai nhân khẩu gia đình anh: “*một bố, một mẹ, một dì, một chị và tôi*” dĩ nhiên cũng tập ăn khoai ghế cơm. Khi cơm khoai hòa đồng ngon miệng, ông bố lại chuyển chuyển vào Châu Ổ Quảng Ngãi. Rồi tạm trụ lại trong cái tỉnh chim mía này. Chu Vương Miện thi tiểu học, vào Đệ thất trường Trần Quốc Tuấn, bắt đầu nhỏ giò. Nhưng cái nòi giống bố thì chưa tới. Chỉ ngó ngó, thích thích vu vu vợ vợ vậy thôi.

Giữa năm 1958, Chu Vương Miện lại theo gia đình ra Quảng Trị, học trường Nguyễn Hoàng. Rồi vào Đà Nẵng học trường bán công. Ông bố anh vẫn theo nghề lính, tòng sự tại Sư đoàn Không chiến 16, đồn trú tại Quảng Trị nên anh lại ra theo. Vì thuyền chuyển liên miên, con đường học vấn của anh bỗng có lăm ồ gà. Năm 1962, vừa tròn 21 tuổi, Chu Vương Miện trình diện Khóa 1 Hạ sĩ quan trừ bị, giống y chang một ca khúc thời trang đang thịnh hành. Ra trường với sự vụ lệnh về Sư đoàn 23 Bộ binh, thuộc Vùng 2 Chiến thuật, địa bàn hoạt động Ban Mê Thuộc. Chu Vương Miện làm việc trong Đại đội truyền tin, lính chiến nhưng

rất nhàn nhã, thông dong. Lúc này, anh đã làm thơ được hai năm. Hồn thiêng đá núi làm hồn thơ anh thêm mạnh.

Đời quân ngũ của Chu Vương Miện cũng ngắn ngủi thôi. Năm 1966 anh đã “giã từ vũ khí” rồi. Không thương tích. Thật may mắn cho anh. Giữ một chân thư ký hành chánh tại Bộ Cựu Chiến Binh, anh càng có giờ làm thơ. Tập *Đêm Đen 20 Tuổi* đã trình làng năm 1964. Tập *Tiếng Hát Việt Nam* có mặt năm 1965. Phải viết tiếp, viết mạnh để có những tác phẩm mới, nhất là giữ uy tín cho cái giải Đồng hạng Thi ca do đài phát thanh Quốc gia trao tặng năm 1965. Chu Vương Miện cho in *Trường Ca Việt Nam* năm 1966, rồi *Về Phía Mặt Trời* năm 1968. Toàn là thơ cả. Cùng với việc in sách, anh cho đăng thơ mình trên các tạp chí Bách Khoa, Văn Học, Thời Nay, Chiến Sĩ Cộng Hòa....Anh cũng từng góp tay với nhà văn Thế Phong (còn ở Sài Gòn) lập ra Đại Nam Văn Hiến Xuất Bản Cục. Một cái tên to lớn bề thế chỉ chuyên in bằng kỹ thuật ronéo thô sơ, nhưng được cái nội dung tác phẩm không tệ. Chu Vương Miện cũng đã cùng nhà phê bình Cao Thế Dung làm thư ký toà soạn nguyệt san *Quần Chúng* (Sài Gòn). Anh cộng tác mật thiết với nhóm Thái Độ của nhà văn Thế Uyên. Tôi quen, qua thư từ, cùng Chu Vương Miện trong giai đoạn này. Vì biết nhau muộn, tôi không tiện hỏi cái xuất xứ của ba chữ Chu Vương Miện. Từ đâu? Vì đâu? Phải chăng anh yêu thích thi tài nhà thơ Chu Mạnh Trinh, muốn biến mình cùng một dòng dõi?

Trước 1975, tôi không được nhà thơ Chu Vương Miện gởi tặng những thi phẩm của anh. Hình thức những ấn bản này do đó tôi chưa rõ mặt mũi. Nhưng về nội dung, chúng ta có thể nghe một vài lời bình thơ của nhà nhận định văn học Cao Thế Dung, trong tác phẩm *Văn Học Hiện Đại Thi Ca và Thi Nhân*. Ông Cao Thế Dung viết:

... “*Chu Vương Miện đi vào thi ca với thi phẩm “Đêm Đen 20 Tuổi” vừa đúng cái tuổi của thi nhân, cái tuổi còn nguyên trình trong thể chất tâm hồn, trái tim còn đượm thơm màu hồng ngọc:*

Đầy 20 lạc vào rừng tóc / nốt nhạc tròn cuốn trọn cả vòng vai / tôi muốn tìm em ở ngõ một ngày / dang mắt nhỏ đứng im loài rong biển / niềm ánh sáng ta vẫn còn chiêm ngưỡng / nghệ thuật tầm tang của Đức chúa Trời / mười sáu mùa hoa lướt nhẹ trên môi / em thâm lặng ngụ hồn ta trong sạch / rồi mộng寐 đi hoang về

đâu mắt / ta thần thơ núi lại ở vòng tay (Qua Mùa Đông)

Nhưng tuổi 20 hoa gắm đã không còn hoa gắm. Nhà thơ bước vào đời như hoàn toàn lạc lối. Những khi khổ đau chấp chùng-cuộc đời hương hoa chợt như biển tuyết. Nỗi cô đơn vây hãm lấy người tuổi trẻ. Nó chiếm đoạt tuổi trẻ, và dồn tuổi trẻ vào hoang sơ tím lạnh:

*Trăng còn giác ngủ trên môi / còn hoang theo chuyển luân hồi
về không / hư vô tinh tú chấp chùng / biển mây muôn sắc áo hồng
hoang xưa / đêm đêm nhật nguyệt mơ hồ / đời hoa tầm gửi cuối bờ
chân như / rừng hương dâng tỏa sương mù / cuối gành bãi vắng
sóng lùa lên cao (Đêm Đen)*

Rồi với giọng giảng văn đều đều, người nhận định văn học Cao Thế Dung, dẫn giải một số đoạn thơ khác của Chu Vương Miện trước khi trích dẫn thơ làm bằng. Và cuối cùng ông kết luận:

“Thơ Chu Vương Miện không dễ tan loãng. Dư âm của thơ ông là dư âm chứa đựng thể chất của một tâm hồn có nồng độ khao khát trong xúc cảm thực của thơ”.

Về nhận định kỹ thuật sáng tác, ông Cao Thế Dung, đưa ra ý kiến liên trong một mạch văn, nhưng tôi thấy hình như hơi mâu thuẫn, hoặc ít ra, không được rõ nét:

“Nhiều bài thơ tuy kỹ thuật điêu luyện mà người đọc vẫn không cảm thấy chất thơ của thơ. Chu Vương Miện tuy chưa điêu luyện về kỹ thuật và nội dung thiếu chứa đựng đầy đủ thể chất của tình ý, nhưng thơ của ông làm cho người đọc cảm được chất thơ qua cái phân trình trắng của hồn thơ.”

(Văn Học Hiện Đại- Thi Ca Và Thi Nhân)

Hình như nhà nhận định muốn nói: Chu Vương Miện viết chưa được đều tay. Hy vọng là vậy.

Thừa hưởng cái truyền thống đào hoa của thân phụ, nhưng Chu Vương Miện, không hơn được cha anh trong cái mục tình cảm này. Không rõ năm nào và với mục đích gì Chu Vương Miện đã có dịp đến thăm rừng núi hùng vĩ Tiên Phước của đất Quảng Nam, con đất mà một phần tuổi ấu thơ tôi đã hấp thụ sương núi, hương hoa:

“Bốn hướng mù mù mây giập đất/ thọc tay xuyên thủng, xé

*không ra/ nghìn giọt khí hàn trời mặt đất/ máu tương chùng như
động dưới da.*

*Rừng dạy cây vươn cành tự tại/ chen vai dựa bóng thờ vào
nhau/ nghìn năm chuyển bước không dọn nét/ âm thuận, dương
chuẩn tận ngàn sau.*

*Hương núi lừng lừng nuôi hổ sói/ đá chồng đá dưỡng đẻ giun
sinh/ mạch suối man man dòng nhạc tấu/ chim gọi tình nhau âm
tái sinh.*

*Tiên Phước đội trời nghênh ngang đứng / tôi chào ra mắt thuở
lên năm/ lòng như vật đất mời cây mọc/ xin gọi lại một lần, thay
viếng thăm....” (Luân Hoán)*

Tôi đã bỏ Tiên Phước mà đi, để lại những bài thơ đại khái như trên. Còn Chu Vương Miện, đến Tiên Phước ngoài chuyện để lại thơ, anh còn ãm theo suốt đời một giai nhân, để làm nàng thơ, luôn tiện làm người nội tướng. Tôi chưa được hân hạnh diện kiến bà chị tôi, nghe nói chị cũng dòng dõi họ Lê la như tôi, bà con cả, thú vị thật. Chị Lê Thị Thanh Sương chỉ cho Chu Vương Miện một cậu con trai duy nhất, đã đủ bỏ cái công làm rể đất Quảng Nam suốt đời của anh. Dưới đây là bài anh cho là kiệt tác của anh, viết dành cho chị, cho cả quê hương yêu dấu của chị

*“ Gió từ đèo Le gió về Trung Phước/ mây từ Hoàng Sa mây
kéo Sơn Chà/ ta từ Quảng Ninh ta vào Châu Ri/ làm rể Quảng
Nam cát mịn Tiên Sa/ lỗi hẹn một lần không về Giao Thủy/ nát
cả lòng nhìn dòng nước Vu Gia/ đây “đất học”, “vùng văn” làng
cô giáo/ một cụm gồm năm ngọn núi đá hoa/ em bỏ ta đi làm dâu
Hiếu Đức/ làng cổ Phong Nam dăng đặc hoa trà/ bãi bắc, bãi
nam-vùng Suối Đá/ sáu tháng mùa mưa sáu tháng mùa khô/ ở
thánh địa Mỹ Sơn dày tháp cổ/ em chê ta - chỉ một gã làm thơ/ Ngũ
hành Sơn nhìn qua Bà Ná/ mối tình đầu xin gọi lại Faifoo/ trái ba
mối tình ta về Tiên Phước/cả duyên trọn nợ ta gặp em/ Quế Trà
My-Tam Kỳ từ kiếp trước/ dấu tích Hội An(vùng Đại Chiêm)/ đây
Thuận Châu nhớ thương Trà Kiệu/ mối ân tình nàng công chúa
nhà Trần/ xuôi Chiên Đàn nước mặn về Châu Ô/ trái bao đời
sáng giá một Huyền Trân/ em dòng dõi Lê Duy Cường-Duy Mật/
biết bao đời chống Trịnh Nguyễn Tây Sơn/ cả dòng họ bị đẩy vào
Ngũ Quảng/ đem Lam Sơn thấp sáng nước non Chàm/ ta ngừng
đó một đời không đi nữa/ từ thôn Nam Thọ nước Thu Bồn/ cả giải*

*đất Nông Sơn nhiều quặng mỏ/ ngược nhìn lên sừng sừng núi Cà
Tang/ gió Thái Bình Dương lùa qua Non Nước/ mệnh mang sương
tỏa cù lao Chàm/ lỡ mai sau quá yêu đời ta chết;/ cũng một lần là
rẻ đất Quảng Nam”*

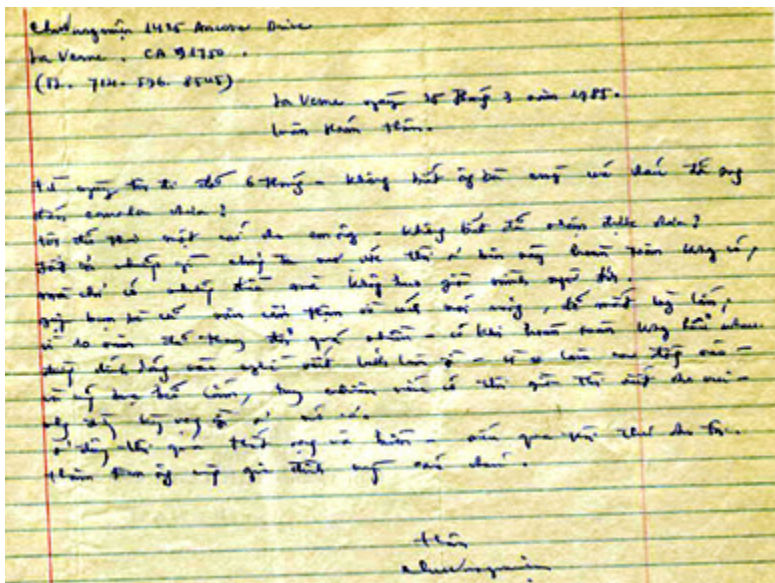
(CVM tc Thế Kỷ 21- 171 tháng 7-2003)

Năm 1984, tôi đưa gia đình vào tạm trú nhà bà chị ở 22 Lê Lợi Sài Gòn. Dịp này tôi và Chu Vương Miện có nhiều cơ hội bắt tay nhau. Anh đang là chủ một quán sách nhỏ bên lề đường. Phổ đông mà không vui. Quán sách với những tác phẩm mới. Hình thức đa số yếu kém. Truyện dịch đang được đón đọc. Chạy nhất là những tờ lá cải tin thể thao. Tôi có đứng chơi với Miện một đôi lần. Lúc này anh cũng đang chờ đợi đi đoàn tụ như tôi, nên câu chuyện thường lòng vòng trong vấn đề đi ở. Chúng tôi cũng có nhắc đến nhiều tên bạn hữu. Người nơi này, kẻ nơi kia, đều đói rách. Một số lớn còn nằm trong lò tập trung. Cuộc đời bất ngờ như một vết thương chưa liền miệng. Chúng tôi hạn chế cả lời nói, tiếng cười. Nhiều lúc có cảm tưởng mỗi người quanh mình đều thủ thế. Chu Vương Miện có một tấm lòng quý mến bạn rất đáng thương thức. Anh giúp đỡ nhiều bạn văn, bằng nhiều cách vén khéo, trang trọng, trong đó có nhà thơ Trần Dạ Lữ.

Chuyện ra đi đoàn tụ trong thời điểm 1984 tại Sài Gòn đã trở nên thông thoáng, nhộn nhịp hơn trước. Người lên Nguyễn Du. Người đến 1B Duy Tân. Người khám sức khoẻ. Người đi nhận vé máy bay. Người lên Chợ Lớn đóng thùng thiếc chở hàng. Người đi mua sắm áo ấm. Người đi bán vàng. Nhiều việc, nhiều chuyện phải làm, phải lo. Đã có chưa Giấy xác nhận không thiếu nợ ngân hàng thuộc chế độ cũ ? Giấy chứng nhận không còn sở hữu bất động sản nào của sở nhà đất và công trình cộng cộng ? Bao nhiêu chuyện linh tinh khác cộng với những dạo chơi, cà phê, cà pháo vớt vát trước khi ra đi, đã làm chúng tôi ít có giờ gặp nhau. Chuyện họa sĩ Hoàng Trọng Bân, một người bạn thân cũ của tôi, đã bỏ túi giấy xuất cảnh từ lâu mà vẫn chưa đi được (sau này, vĩnh viễn không đi được) làm tôi cứ lo nghĩ lung tung. Nếu không đi được như Bân thì mọi sự sẽ rất khó khăn với gia đình tôi. Nhất là cái điểm chính yếu Hộ Khẩu đã cất, thì hậu khổ chắc chắn đang đứng chờ, nếu phải quay trở về Đà Nẵng. Đâu có dám đi con đường Bác đi, nhưng trăm phần trăm sẽ bị đát. Cứ nghĩ đến chuyện ấy, trong

rong chơi mất vui. Nhưng cuối cùng, tôi đúng là người có số xuất ngoại, số chết xa tổ quốc mai sau. Cùng lúc với gia đình tôi, tên cả gia đình họa sĩ Nghiêu Đề, tên cả gia đình nhà văn Song Thao, tên cả gia đình nhà thơ Chu Vương Miện được...trúng tuyển, niêm yết trên bảng vàng ở 1 B Duy Tân. Nôn nao quá không nhớ chúng tôi ai rời đất nước trước ai.

Qua tới Montréal không bao lâu, tôi nhận được thư đầu tiên của Chu Vương Miện gửi ngày 25 tháng 3 năm 1985. Nội dung như sau:



Và từ đó thư từ Luân Hoán- Chu Vương Miện qua lại đều đều. Nhiều thư Chu Vương Miện viết rất dài, nhiều thư chỉ vắn vẹn vài câu. Nội dung chính vẫn là: “*Không nên dính vào nghề viết lách, văn nghệ báo chí không ra cái chi, không có tiền bạc chi cả...Mướp lăm*” Nhưng cũng có lúc anh lạc quan đôi chút: “...*Tuy nhiên ông ở Canada lo ở bên đó, mai một chúng ta gượng lên, chúng ta đứng với nhau...có thơ văn gì thì gửi như sau: 1/ Nguyên Sa (Đời): POBox 4658 Irvine CA 92796 (tel 714.552.7728) 2/ Du Tử Lê (Tay Phải): 12922 Panchero way Garden Grove CA 92643 (il 714-750.4661). - Lưu ý có gọi điện thoại viễn liên qua đây, nhớ*

gọi vào thứ bảy, chủ nhật và vào buổi tối từ 9 giờ-11giờ, rẻ nửa tiền, giờ khác đắt lắm. Đừng bao giờ làm những việc vu vơ như bỏ công sức (thì giờ) viết 4 tiếng đồng hồ để được một tờ báo biểu khoảng 20 xu làm chi, mai một cu چرا được sẽ tính sau... (thư ngày 30-3-1985). Tôi trích những lời trên, cả cái gạch dưới câu chữ của anh, để thấy cái chí tình với bạn bè của Chu Vương Miện. Anh luôn luôn xem tôi là một “con nai vàng ngơ ngác” trước cuộc sống hời hả, vật lộn ở quê người. Trong thư viết ngày 12 tháng 6 năm 1985, trả lời cái rủ rê thực hiện “Những Khuôn mặt Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam tại hải ngoại” của tôi, anh trả lời:

... “Ông đề nghị là một việc hết sức đúng đắn, nhưng ông vẫn mơ chưa tỉnh gì cả. Thế này nhé, xứ này toàn là thằng cả, thằng D., thằng T., thằng K, thằng V. Toàn là cá mè một lứa. Không ai biết ai. Không ai đọc ai, ngay những nhà văn nhà thơ vĩ đại của Nga, của Đức, Á châu, Phi châu cũng chả có ma nào biết, thì qui vị này ai mà đọc, ai mà mua. Sau nhiều năm bán sách, thì tôi nghiệm ra rằng anh nào có chút tiếng tăm đều háo danh, và thích được thiên hạ viết về mình, dù có đăng một bài ở tờ báo vát đi thì cũng vẫn khoái. Nên việc soạn tự điển Tác giả Việt Nam hải ngoại sau 75, khoảng 1000 người, là mục đích làm thương mại, là bán ngay cho “chúng nó”, bán cho 1000 tên có tên trong tự điển mà thôi . Nếu làm đăng hoàng, thư qua thư về, tiền tem cò, tiền in ấn rồi ai cũng chờ mình biểu cả, in 1000 cuốn biểu 1000 người thì làm chó gì gọi là làm kinh tế. Ở đây chả ai mua sách. Có cho thì đọc chơi (nể nhau lắm mới đọc, chứ không có thì giờ)...Cứ ổn định, rồi muốn báo bổ, sách vở gì sẽ bàn sau..”

Chu Vương Miện có thể nhận xét đúng đến 70% . Với chỉ 30 phần trăm còn lại, tôi đã thực hiện sưu tập *Tác Giả Việt Nam* dưới tên Lê Bảo Hoàng do Songvan xuất bản vào tháng 6 năm 2005 và Nhân Ảnh tái bản vào tháng 5-2006. Công trình này là một sưu tập các tác giả Việt Nam gồm đủ bộ môn nghệ thuật: thơ, văn, biên khảo, hội họa, âm nhạc, cải lương, chèo, kịch nói... trong khoảng thời gian từ 1905 đến 2005, không phân biệt chế độ chính trị, quốc nội hay hải ngoại. Nhưng không có mặt những nhân vật chưa thật sự thành danh đúng nghĩa, và không có những tác giả chỉ sáng tác nhằm phục vụ một chế độ. Sách đương nhiên có nhiều khuyết điểm, nhưng cũng được đông đảo bạn đọc đón nhận, không biểu

ai và không nhận tiền của bất cứ ai để hoàn tất. Sách thành hình bởi tấm lòng yêu văn hóa của nhà văn Nguyễn Sao Mai và nhà thơ Lê Hân. Có những dòng quảng cáo ké ở đây, vì chuyện thực hiện cuốn sách có dính chút ít đến dự định, từng bàn với Chu Vương Miện, và của ý riêng Chu Vương Miện trong việc làm tự điển bán cho chính “chúng nó”. Sách của tôi (TGVN-LBH) được Chu Vương Miện bán hộ được khoản 50 cuốn.

Trong thời kỳ thư từ qua lại thường xuyên, Chu Vương Miện thỉnh thoảng còn kẹp vào những lời tâm sự, dạy khôn của anh vài chục đô, gọi là cho tôi đi xem ciné. Cũng thỉnh thoảng anh cắt gởi qua những hình ảnh mỹ nhân tươi mát, có lẽ để làm dịu những suy nghĩ phiền muộn giữa cuộc đời... không thể gọi là khá của tôi.



Mặc dù luôn luôn nhìn sinh hoạt văn học nghệ thuật bằng con mắt bi quan, nhưng ông bạn tôi, lại là người rất tích cực trong công việc bảo tồn văn hoá dân tộc Việt, có thể đứng hàng đầu. Kể từ khi đến Hoa Kỳ, Chu Vương Miện đã cộng tác với hầu hết các tờ báo Việt ngữ khắp năm châu.. Từng giữ chức thư ký tòa soạn tạp chí Sóng tại Toronto Canada, báo Trông Đờng ở Mỹ. Anh sáng tác rất mạnh, đủ bộ môn: thơ, truyện, phiếm luận, biên khảo, điểm sách.. Nói tóm lại bộ môn nào anh cũng chơi xả láng. Ngoài bút hiệu

Chu Vương Miện anh còn ký Phương Hoa Sử, và nhiều tên khác. Viết nhiều, nhưng không có điều kiện in ấn, Chu Vương Miện trở lại thời Đại Nam Văn Hiến Xuất Bản Cục, anh phổ biến bằng *ronéo* các tác phẩm sau:

1/ Văn Học Dân Gian 44 trang, khổ 14 x 21.5 cm. Bìa bằng giấy carton màu vàng. Vào tập Chu Vương Miện cho biết đây là “công trình tập thể, Chu Vương Miện ghi lại”. Và anh đã ghi các chuyện: Áo Chuyền Da Xe Cộ Vắn, Toàn Thứ Vất Đi, Tác Phẩm Của Tôi Đây, Trí Ngủ, Dể Lắm, Vạch Ra Rồi Nắm, Hạ Tầng Công Tác, Đồng Chí Mà Không Đồng Hướng, Đồng Cảnh, Lộn Nhà, Bật Vào Mặt Các Anh Đây Chứ, Phải Biết Điều Chứ, Nói Chứ, Không Cần, Không Có Nhà Tù, Ba Giờng Thác Cách Mạng, Đừng Gửi Qua Hệ Thống, Làm Kinh Tế Bên Nhà, Kết Nạp Đảng Viên, Tại Sao Nhiều Ghé Thê, Thơ Bây Giờ Không Hay Nữa, Mà Văn Thì Cũng Thê, Giới Thiệu, Không Xuống Được, Chọn Quốc Ca, Báo Cáo, Có Tự Do Đâu, Cũng Là Đây Tớ cả, Chấn Cừu, Số Phận Loài Dơi, Đà Điểu, Thừa Kế, Thích Đi Đường Xa, Con Chó Của Nhà Văn Hà Võ Hoài, Đi Về Đâu ?, Chuyện Có Thật, Chuyện Có Thật Trong Văn Chương Bây Giờ, Đọc Thủ Đại Hiệp Đại Chiến Hiệp Sĩ Mù, Phía Đông Hay Phía Tây, Hai Cái Ngà Voi Ban Mê Thuật, Con Voi Của Cách Mạng, Làng Kinh Tượng, Con Voi Của Nhà Văn Ba Lan, Số Phận Bạc Cắc, Những Hạt Nước Vùng Băng Giá, Tù Gắn Trọn Đời, Phóng Sinh Chim Ở Chợ Cũ, Thả Chim Ở Lãng Ông Bà Chiểu, Chuyện Tiền Chiến, Ban Mê Thuật 1964.

Tôi chỉ ghi đề bài, hy vọng sẽ gọi được sự tò mò của bạn đọc. Điều nên biết, Chu Vương Miện kể chuyện rất có duyên, vừa cười vừa xót xa.

2/ Phiếm Luận, 64 trang khổ 14 x 21.5 cm, bìa carton màu da cam. sách ghi tên tác giả Phương Hoa Sử, tên sách Ba Mươi Năm Bài Bạc, cuốn này có thể là tự truyện của anh, Giọng văn dí dỏm. Trích tiêu biểu:

... “*Thảm thoát ở Ban Mê Thuật được 3 tháng, xừ bụi mù trời và buồn muôn thuở này, sáng sáng thổi còi cho chim bay lên. Hai giờ sau thổi còi cho chim bay xuống nước, và lại thổi còi cho chim bay lên, con chim có cấp bậc cao nhất ở bầy chim này mang cấp bậc Thượng sĩ, còn tôi là binh bét...*

...*Phát phơ với chuồng bồ câu được ba tháng, thì một sáng*

đẹp trời, ngài Đại úy Đại đội trưởng kêu lên:

Chủ mày ở đây cứ phát phơ với mấy cái con bò câu, đòi thì bài bạc, nó cũng phí đi, với nữa chủ mày gốc giáo viên, nên tiền sai biệt còn hơn lương Thiếu úy, để chủ mày ở mãi cái xứ cà rắng căng tai này nó cũng uổng, kỳ này có lớp hạ sĩ quan vậy đưa chủ mày đi, đi ba tháng ra Trung sĩ, mang cánh gà, nó cũng đỡ khổ hơn là binh bét...”

3/ Văn Học Nghệ Thuật, phẩm luận, ký Phương Hoa Sứ. Sách khổ như hai cuốn trên, bìa carton màu da cam đậm. Nội dung tập hợp những bài viết về thơ Chu Vương Miện, gồm các tác giả: Cự Hải (bút hiệu khác của Luân Hoán) giới thiệu tác phẩm Đất Nước (4 lần nửa trang)/ Châm Khanh, / Nguyễn Hùng Cường: CVM Dịu Dàng Thanh Thoát/ Hồ công Tâm : Chu Vương Miện Một Kiện Tướng Trong Hàng Ngũ Chiến Sĩ Cầm Bút / Lê Văn Phúc: Bến Cũ / Nguyễn Đạt Thịnh: Chu Vương Miện, Giác Mộng Lớn, Vòng Tay Nhỏ/ Nguyễn Lập Đông: Đọc “Bằng Hữu” thơ CVM/ Tạp chí Nhân Văn: Phỏng vấn CVM/ Phan Ni Tấn ND: Nhân Đọc tập thơ Đất Nước/ và một số thơ của Chu Vương Miện.

4/ Chuyện Cười Dân Gian, khổ sách nhỏ như những cuốn trên, bìa carton màu vàng, Tên tác giả Chu Vương Miện. Nội dung là những mẫu chuyện vui được góp nhặt viết lại, 68 trang.

5/ Điểm Sách, ký tên Phương Hoa Sứ, 58 trang, khổ nhỏ như những cuốn trên. Nội dung: gồm những bài Chu Vương Miện nhận định về tác phẩm của Anh Thuần, Cung Vũ (thơ Cỏ Biếc), Đỗ Quốc Anh Thư (Trong Thời Chinh Chiến), Nguyên Vũ (Giặc Cờ Đỏ), Vĩnh Liêm (Gã Ty Nạn), Tác phẩm của nhiều tác giả (Nước Mắt Sài Gòn),

6/ Sứ Dân Gian, ký tên Chu Vương Miện. Góp nhặt kể lại những chuyện tại Việt Nam sau 1975. Dày 55 trang, khổ nhỏ.

7/ Tác Phẩm Tác Giả, ký tên Chu Vương Miện. Gồm những bài Chu Vương Miện giới thiệu: Huy Phong, Lê Bá Kông, Lê Văn Phúc, Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Đạt Thịnh, Nguyễn Chánh Thi, Phạm Huấn, Phan Tấn Hải, Yên Anh. Sách dày 60 trang, khổ 14 x 21,5 cm. Bìa màu da cam đậm.

8/ Đất Nước thơ Chu Vương Miện, Việt Nam Mới xuất bản, khổ 12 x 18 cm, bìa carton màu xám, có bản vẽ rất ư thơ sinh, hình con cò bay.

9/ Đất Nước thơ Chu Vương Miện, Việt Nam Mới xuất bản

bìa carton vàng, khổ 14 x 21,5 cm., 47 trang.

Ngoài danh mục kê trên, Chu Vương Miện hiện đang cho đăng thơ rất nhiều trên Hồn Việt, Văn, Thế Kỷ 21, Hợp Lưu... nhưng chưa thấy anh cho ra tác phẩm mới. Thơ Chu Vương Miện có phong thái riêng. Đọc rất thú vị. Anh thỉnh thoảng dùng những hình ảnh có sẵn, những mẩu chuyện có từ trước, hoặc ngay cả tên bài của một người khác, viết lại với những cảm nghĩ mới, ngôn từ lạ và thường vui hơn.

Đây là bài “Lỡ Bước Sang Ngang”:

*“Chị giờ thì cũng trong đất lạnh / em giờ giữa biên giới tây nam / anh giờ bỏ xác rừng Việt bắc / cha mẹ giờ bốc đất mà ăn /
Ta đã bán thân cho sòng bạc / mấy chục năm trường thua trắng tay/ về nam toàn thấy người tù tội / ngược bắc đâu đâu cũng đọa đầy*

nhìn quanh một đống chai cùng hũ/ rượu cạn từ khuya gắng nhịn thêm / bụng to nước lạnh lên môi nhấp/ thăm thía men đời hận mấy phương

Ngoài kia hoa rộ như sắp tắt / trong này lửa đỏ bỏng tâm can / “quê nhà xa lắc xa lơ đỏ”/ mở mắt ra thấy lạc thiên đàng”

Giữa tôi và Chu Vương Miện thỉnh thoảng cũng có một đôi bài tặng qua tặng về. Phần thơ Miện tặng tôi như sau:

Bài: Bằng Hữu, về Luân Hoán:

“Trên rừng mà ngó sông Thu / Ái Vân trắng xóa mây mù còn bay / có đi mới nhớ chúng mày/ hành sơn năm cụm cỏ may vật vờ/ bây giờ mà nhớ về xưa/ lang thang rách rưới cũng thừa dấu chân/ mười năm quá đủ phong trần/ kẻ đi người lại muôn phần nhớ thương” (Chu Vương Miện)

Bài: Thăm Bạn Cũ: gọi Luân Hoán

“Lâu quá rồi cũng vắng tin nhau/ bạn Một Giò giờ lạc đêm thâu/ nghe nói hình như nơi bạn ngụ/ tuốt trên xứ Bắc Cực địa cầu/ lang thang lếch thếch hai năm chẵn/ Giật ...Quần Cho Vợ... mãi cũng rầu/ thơ vẫn nghe cũng chùng ì ạch/ đầu óc bây giờ nghe nhưic đau ?

ta ngày rong ruổi cày job rười/ tuổi già cổ kéo, khỏe ngang trâu/ tiền lương đủ trả xong tiền thuế/ +nhà+xe+nước+điện thoại vài câu/ thẳng con đi nhà trẻ tuần năm chục/ lao động vinh quang

mãi chả giàu/ vợ ta thì cũng vừa tốt nghiệp/ thợ cắt móng tay
kiếm nhô tóc sâu/ mở mắt ra thì ta đã cút/ bọc ngang xa lộ đến
nhức đầu/ vài trăm miles mắt mờ mắt tỉnh/ những sáng sương mù,
những lũng nước sâu

ta có thằng bạn già quá giang xír bạn/ an phận kéo bừa làm
kiếp cu li/ ngày cũng đổ mồ hôi 13 tiếng/ nhớ vợ nhớ con lòng
nặng như chì/ quê hương đất nước ngổn ngang như bãi cùi/ đếm
tóc trên đầu, thấy mình vất đi

ta sống đứng đưng không cười không khóc/ có thiết tha cóc
biết làm gì/ tim óc bây giờ như tô đậu hũ/ nhân nghĩa bằng mồm
nghe hoài phí đi/ lâu lâu lại nghe chiến khu khu chiến/ chiến đấu
nghe chừng cũng còn tí ti/ như cọng rom khô bùng lên lại tắt/ ôi
chuyện vô tiền nhắc nhở làm chi/ ở cái xír người cũng là côi tạm/
chờ mình quân hiền chúa hư hết đồng hồ/ quần quanh cũng dăm
ba thầy nói phét/ oằng oặc như là ếch gộp mưa/ dăm ba bữa lại
chìm vào đồng rác/dăm ba bữa lại màng nhện giăng bừa / lâu lâu
lại mở quán xá phục quốc/ lâu lâu lại hô hào tiền tiền đưa/ bắc
thang lên hỏi ông cụ Cuội/ vậy chớ bây giờ chiến thắng chút đỉnh
nào chưa ?

ông Cuội thì chả bao giờ nói thật/ chuyện khẩn trương cũng
kể như đùa/ 60 triệu đồng bào dưới toàn lựu đạn/ xiềng xích nào
cứ cột xiết vô/ bao kỳ vọng dồn hết những thầy nói láo/ sống chết
“Ne pas” tiền ông cứ vô/ cứu nước cứ tà tà như lừa phở/ toàn lưỡi
mồm và chuyện bá vợ/ mới qua thì ta đã không tin / ở thêm 2 năm
thì toàn hươu vượn cả/ ôi chuyện quê hương nhục nhằn từng hơi
thở/ kể còn trái tim còn mờ mịt nơi nào ?/ ta có tấm lòng đức thơ
thành đạn/ đành phải nằm chờ 30 tháng chèo queo/ sao chưa thấy
chân dung mùa hạ hào kiệt/ toàn cò quay móc túi toàn chuyện tâm
phào/ thấm thoát cũng gần 13 năm đi đứt/ chờ đến năm nào lòng
yêu nước dâng cao ?

bạn Một Giò giờ lạc đềm thâu.../ giặt...quần cho vợ mãi cũng
rầu/ thơ vẫn nghe cũng chừng ì ạch/ đầu óc bây giờ nghe nhức
đau ?” (Chu Vương Miện).

Không đặc biệt dành riêng cho tôi, tình bằng hữu của Chu
Vương Miện còn được anh ủy thác cho thơ, gởi đến nhiều kẻ thân
tình cũ, đồng cuộc, đồng đường xưa:

*“Người bán sách, nhà người ăm ắp sách/ những thánh hiền
nhân quân tử đáng dăm đồng/ bao lời lỗ cũng chả màng ngó đến/
phi thuốc rê đại khái 9 mùa đông...”*

(Nhấn Tin Nguyễn Hồng Rồng, CVM)

*“12 năm , đảng trưởng đảng phục lê / khăn gói gió đưa qua
Phi học Anh ngữ/ nhớ về chiến khu mà buồn chí tử/ đồng chí đồng
rận giờ tổn thất lao đao/ tối tối cà phê rồi đếm mấy vì sao...”*

(LQN, CVM).

Và những Nguyễn Tiến Văn, Phan Nhục Thức, Hà Nguyên Thạch, Trần Dza Lữ, Đynh Trâm Ca, Đynh Hoàng Sa, Chon Hạnh, Xuân Kiêm...Nhiều, nhiều nữa, đều nhận được quà tặng của anh. Tôi rất tiếc đã bỏ lạc tập Bằng Hữu của Miện, không trích thêm được. Xin hẹn có dịp bổ túc.

Dù viết về chủ đề nào, Chu Vương Miện cũng được đa số những người đọc thơ, chọn những chữ sau đây để đánh giá: khật khưỡng, ngông nghênh, day dứt, thoải mái, phóng khoáng, đậm đà, sâu sắc.. bởi thơ anh có đủ thương, hận, trách, nhớ vân vân và vân vân. Tôi nghĩ, Chu Vương Miện đến với thơ như đến với một cuộc chơi, thành thật, hết mình, tự nhiên và cao tay. Xưa kia anh đã từng giữ vịt, chăn trâu, gác bồ câu với một cái tâm phơi phới, hồn nhiên, thì nay anh đến với thơ cũng chân tình như thế. Nhờ đó thơ Chu Vương Miện mang, trải được những tình ý cảm xúc và suy nghĩ của anh, qua một kỹ thuật không làm người đọc bỏ dờ, dù anh gần như luôn luôn hướng về một chống đối, một chỉ trích nào đó. Giữa chợ, giữa đời đâu thiếu những khuyết điểm không như ý. Nhưng bất mãn chỉ để làm thơ thì thật là tuyệt . Hoan hô Chu Vương Miện, bạn tôi.



Thái Tú Hạp trăm năm một dạ yêu đàn

“*Sinh tháng 4-1940 tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Trước 1975, Sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đơn vị cuối cùng: Phòng tâm Lý Chiến Quân Đoàn I (bản doanh tại thành phố Đà Nẵng - TTPL ghi chú) Sau tháng 4-1975 đi tù nhiều năm tại Kỳ Sơn Quảng Nam. Nhờ vợ là người Hoa làm đơn báo lãnh về địa phương để “hưởng ân huệ tống xuất ra khỏi Việt Nam” theo chính sách bài Hoa Kiều kịch liệt trên toàn lãnh thổ Việt Nam năm 1978. Tôi thường gọi đùa “ Thoát nạn qua kẽ hở lịch sử”. Trong thời gian chờ đợi thủ tục dâng hiến tài sản tại địa phương, tôi đã đi xe thô, làm công nhân hợp tác xã Quế ở Đà Nẵng. Sau đó vượt biên đến trại tỵ nạn năm 1980. Học Graphics Design & Printing hai năm. Phụ giúp vợ về các dịch vụ thương mại đại diện in lịch từ Hồng Kông, Đài Loan, mở nhà hàng Doanh Doanh ở gần Chinatown, Los Angeles kiếm sống qua ngày. Cuối cùng do bạn bè thúc đẩy và khuyến khích từ tinh thần đến vật chất nên vợ chồng tôi đứng ra làm báo Saigon Times. Tình trạng gia đình: Hai trai và một gái. Hiện cư ngụ tại vùng Rosemead, Los Angeles, California, Hoa Kỳ”*



Trên đây là “sơ yếu lý lịch” được chính nhà thơ Thái Tú Hạp trả lời nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh trong một bài phỏng vấn dài chừng bốn mươi câu, in lại trong tác phẩm “Thái Tú Hạp” do Sông Thu xuất bản năm 1999.

Loạt phỏng vấn của nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh rất qui mô, bao gồm hầu hết các tác giả đã thành danh của Việt Nam hiện ở khắp thế giới. Chủ đề chính trong các câu hỏi của nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh, xoay quanh trong sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật, bao gồm nhiều bộ môn thơ, văn, hội họa, âm nhạc...đi kèm với vài nét đời sống riêng của mỗi tác giả. Tài liệu quý hiếm này, một số lớn đã được đăng tải trên các tạp chí văn học tại hải ngoại, và trong tương lai chắc sẽ được ấn hành thành sách.

Với những “sơ yếu” như trên, hẳn nhiên chưa được đầy đủ, và vì cuộc chuyện trò giữa hai nhà thơ khá dài, chúng tôi không tiện đánh máy “nguyên con”, nên xin được dựa vào đó, cùng một số bài khác trong “Đọc Thơ Thái Tú Hạp”, để ghi thêm vài nét:

Ngay từ thiếu thời, Thái Tú Hạp đã tham gia trong nhiều sinh hoạt tập thể. Tại Hội An anh là một huynh trưởng trong gia đình Phật Tử. Giáo lý nhà Phật đã đến với anh trong giai đoạn này, để mở ra những tích cực hoạt động xã hội của anh hiện nay tại hải ngoại, đồng thời cũng là mạch nguồn của tư tưởng thi ca chính yếu và xuất sắc của Thái Tú Hạp.

Bên cạnh sinh hoạt xã hội, Thái Tú Hạp đã sớm đến với “cuộc chơi văn chương chữ nghĩa”. Anh khởi sự làm thơ và có thơ đăng báo từ năm 1956. Trong giai đoạn đầu của cuộc chơi này, liên tục, kéo dài đến năm 1975, Thái Tú Hạp trình diện với độc giả tại các nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san, tạp chí của miền Nam, từ Tự Do qua Thời Nay, Gió Mới...đến Văn, Bách Khoa, Khởi Hành, Nghệ Thuật vv...Ngoài việc “*làm thơ để chạy nhật trình*” Thái Tú Hạp đã cùng với các bạn văn khác tại Cổ Phố lập một bút nhóm, sinh hoạt rất đều đặn và để lại được một tuyển tập thi ca có tên Tình Người Sông Thu với ba tác giả cùng thành danh sau này : Thái Tú Hạp, Thành Tôn, Hoàng Quy

Thái Tú Hạp già từ cuộc sống dân sự khá sớm, anh theo học khóa 15 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Sau đó là những năm tháng dành cho các tiểu khu, trường Chính trị Đà Lạt và đứng lại lâu bên cùng thành phố Đà Nẵng với cấp bậc Đại úy, từng sự tại phòng Tâm lý chiến Quân đoàn I.

Có lẽ để cứu vãn tình trạng sa sút của Đà Nẵng như tôi thấy “...*thư viện ốm đau, thư viện buồn buồn / đói sách vở sinh ra người rữ rươi...*” (LH-RHĐR), trong thành phố chột mọc lên nhiều hội đoàn, sinh hoạt khá tích cực như: Hội Khổng Học của nhà thơ Trần Gia Thoại. Hội Hồng Thập Tự của Bác sĩ Huỳnh Tấn Đối. Và nổi bật nhất là hội Khuyến Học với các công tác đã làm: lập thư viện, mở lớp bổ túc văn hóa đêm, mở quán ăn cho học sinh nghèo, tổ chức diễn thuyết, triển lãm, ra mắt sách...Chủ tịch hội Khuyến Học là nhà văn Nguyễn Văn Xuân. Đệ nhất Phó chủ tịch, đặc trách văn hóa, nghệ thuật, nhà văn Duy Lam (trung tá Nguyễn Kim Tuấn). Đệ nhị phó chủ tịch, đặc trách xã hội, nhà văn Phan Du. Thái Tú Hạp tham gia trong ban chấp hành, bên cạnh thẩm

phán Hồ Minh, bác sĩ Nguyễn Ngọc Lang, quản đốc nhà phát thanh Hoàng Quy, luật sư Hồ Công Lộ, nhà giáo Trần Đình Thanh Lam, Giám đốc nha Kiểm duyệt vùng I chiến thuật Nguyễn Rô và nhiều người khác, hình như có cả tôi.

Thái Tú Hạp sinh hoạt rất tích cực và một phần nhờ vào những công việc văn nghệ, Thái Tú Hạp đã thu hoạch được một cuộc tình lớn, chấm dứt cuộc đời độc thân. Khi đọc câu : “... *Em Phan Thanh Giản bỏ đời theo anh*”(TTH), xin quý vị hãy hiểu ngược lại. Đây chính là cái thi vị của thi ca, cái dễ thương của thi sĩ !

Là một người cởi mở, chân tình, Thái Tú Hạp tạo được sự giao hảo tốt đẹp với hầu hết các bạn văn tại địa phương cũng như tại thủ đô Sài Gòn và các thành phố khác. Những bạn văn tại Đà Nẵng, thường thấy chơi thân với Thái Tú Hạp có: Duy Lam, Cao Bá Minh, Cao My Nhân, Thành Tôn, Hoàng Quy... và nhất là cặp họa sĩ Lâm Quang Phước, Trương Thị Trinh. Sau khi cùng tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật Huế, họa sĩ Trinh dạy vẽ tại Đà Nẵng, trong lúc Phước gia nhập quân đội rồi cùng về phục vụ ở quân đoàn 1. Hai vợ chồng mở quán cà phê Lộng Ngọc, thu hút rất nhiều khách. Lâm Quang Phước là người vẽ và trình bày bìa cho thi phẩm đầu tay của Thái Tú Hạp, tập “Thềm Vè” xuất bản năm 1970. (họa sĩ Lâm Quang Phước vào nam đầu thập niên 80, sau đó một mình anh bị thiệt mạng trong một lần vượt biên, chưa kịp ra khỏi địa phận Việt Nam). Riêng tôi, không nhớ rõ đã kết bạn với Thái Tú Hạp từ bao giờ. Trong bài viết: “Luân Hoán, ông anh phía trước”, nhà thơ Hoàng Lộc, ghi lại: ... “*khoảng đầu thập niên 60, lần đầu tiên, tôi gặp nhà thơ Luân Hoán...Một hôm, anh Thành Tôn đưa tin: Luân Hoán sẽ ghé Hội An thăm các anh. Không biết các anh trong nhóm Tình Người Sông Thu có hớn hờ hơn tôi trước cái tin này? Đồng bạc của học trò thật khó khăn, do các anh đóng góp và lần thứ hai, sau khi đón tiếp Phan Duy Nhân, cũng là người thơ khá nổi thời ấy- ...*”(LH-Một Đời Thơ, trang 52). Thật tình, tôi chỉ nhớ một cách mơ hồ, lần đầu tiên gặp các bạn thơ ở Hội An. Tôi cũng không ngờ cái chân tình đậm đà và cái eo hẹp tài chánh của các anh. Về sau, trong những chuyến về thăm Hội An, tôi thường gặp Thái Tú Hạp trong khuôn viên chùa Vĩnh Nghiêm. Có đêm tôi đã cùng Hạp ngủ lại trên sân gạch chùa này. “*Đắp trăng nằm giữa sân chùa / gác chân nhau đọc thơ vừa ngát xanh / gà mừng ngày đã hát quanh / trở mình lệch vạt sương vanh dáng nằm* (LH-Nuôi

Thom Chùm Kỷ Niệm Xanh).

Hạp vừa trải qua một cuộc tình đẹp và lãng mạn. Nằm nghe anh đọc thơ và tâm sự quên cả ngủ. Tôi ngưỡng mộ và khâm phục Thái Tú Hạp về điểm “có người yêu” ghê lắm, nhưng không thấy anh lưu dấu cuộc tình nồng nàn của mình trong thơ. Nội dung chủ yếu thơ của Hạp trong thời kỳ này vẫn là những bài ngợi ca quê hương.

Từ năm 1969 đến năm 1978, tôi và Thái Tú Hạp có cơ hội gặp nhau nhiều hơn. Hạp đang ở rể trong gia đình một cặp thương gia người Trung Hoa giàu có. Vợ anh là một người đẹp của trường trung học tư thục Phan Thanh Giản Đà Nẵng. Tôi và Lý thỉnh thoảng có ghé đến thăm vợ chồng Hạp. Thân mẫu chị Trần Ái Cẩm là một người đàn bà rất tốt, sùng đạo Phật, lại có điều kiện tài chánh, nên bà đã góp công đức không nhỏ trong việc lập nên ngôi chùa Nguyên Thủy nằm trên đường Phan Châu Trinh. Tại ngôi chùa này, về sau thêm một trường tiểu học tư thục, do vợ Thái Tú Hạp làm hiệu trưởng. Vì lòng nhân đạo, mẹ của chị Ái Cẩm cũng thường xuyên vào nhà tù để thăm và giúp đỡ nhiều tội nhân, kể cả chính trị phạm.

Rạng sáng ngày 29 tháng 3 năm 1975, gia đình tôi từ cư xá Việt Nam Thương Tín trên đường Đông Đa, vội vã về nhà ba mẹ Lý thay vì nhà riêng của chúng tôi trên đường Hùng Vương. Qua một đêm đợi tàu thất bại, tôi hoàn toàn tuyệt vọng và lo lắng vô cùng. Sống chết chưa biết ra sao. Tôi theo chân một đạu hữu Cao Đài, anh Phan Minh Khóa, vào trốn tại Thánh Thất trên đường Nguyễn Hoàng chừng mười phút. Sau đó bám theo thẩm phán Hồ Minh, vào Chùa Tinh Hội, lẫn lộn trong đám Phật tử. Nhìn thấy lực lượng “ăn theo” (sau này được gọi là cách mạng 30 tháng 4), lớn mạnh vùn vụt, tôi hoảng hồn lại chạy về nhà. Nhưng không có lòng nào ngòai một chỗ với bao nhiêu tin xấu dồn dập đến, tôi chạy tìm Thái Tú Hạp, rồi cùng các bạn, Bác sĩ Vưu Nam Trân (hiện ở California), Luật sư Nguyễn Văn Nhất, lên cùng một xe, Trần lái, chạy lòng vòng thành phố, để tự trấn an. Mọi chuyện rồi cũng qua. Lệnh tập trung đã có. Hoàng Quy đến rủ tôi đi trình diện. Trên đường đi, chúng tôi ghé quán mì Quảng mới mở gần nhà cô giáo An Hà Châu, đường Phan Châu Trinh. Trong lúc ăn tôi suy nghĩ và chợt đổi ý, để Hoàng Quy đi một mình trước. Ông Quản

độc đài phát thanh buồn lắm nhưng bắt lực. Bãi trung tập đầu tiên “sĩ quan Ngụy” tại Đà Nẵng nằm trên một vùng đất tại Vĩnh Điện. Tuy không trình diện ghi danh cùng lúc với Hoàng Quy, nhưng tôi cũng theo đám thân nhân vào thăm các bạn. Không khí lúc tôi đến thăm thật đáng lạc quan. Tôi đã có cảm tưởng đây là một cuộc đi cắm trại qui mô. Mọi người đều có vẻ sẵn sàng “học tập” 15 ngày... để còn sớm về với gia đình. Ngoài Thái Tú Hạp, tôi còn được gặp anh Hồ Minh, Thiếu tá Thẩm phán, một người bạn chân tình của tôi. Không ngờ lần đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Sự ra đi vĩnh viễn của Minh giúp tôi có thêm một bài thơ sau này. Nhà văn Tường Năng Tiến, một trong những người điều hành nguyệt san Nhân Văn, trong một lá thư cho tôi vào năm 1985, có đoạn:

... *“Cũng xin cảm ơn anh về bài thơ Ngủ Trên Đồi Xanh. Theo thông lệ thì chúng tôi ‘không chịu đăng’ những bài thơ có đề tặng, thí dụ như chúng ta vẫn thường làm thơ tặng nhau trên báo. Riêng trường hợp của anh Hồ Minh thì khác. Tôi thực tiếc là chúng ta đã không làm được gì hơn cho những cái chết tức tưởi, đau đớn của anh em đồng đội. Một bài thơ chí tình, cảm động, thay nên hương lòng thì vẫn còn an ủi hơn là không có gì cả anh ạ...”*

Tôi xin được thấp lại ngọn hương ấy ở đây:

*“Mười mấy năm học luật/ chưa vào đâu, thăm đâu / bây giờ
lên rừng núi / anh học nghề chăn trâu*

*trâu già cứ khen trẻ / trâu mập cứ chê gầy / thung lũng cao đồi
thấp / dạo chơi cùng mây bay*

*ngày ngày nương chân núi / phát rẫy, quật ngã cây / thịt, gai
đâm máu chảy / biết chắc: còn sống đây*

*mười mấy năm học luật / chưa ra cái kiếp người / bây giờ lên
rừng núi / học thêm loài đười ươi*

*Việt nam là cộng sản / cộng sản là con người / con người đang
xuống giá/ xin anh đừng quay lui*

*giáo điều xin gắng thuộc/ đạo đức chó ngậm người / bình tâm
như cây cỏ / hạnh phúc thay điếc điếc !*

*mười mấy năm học luật / bảy tám năm học rừng / cả đời chưa
sáng mắt / sao anh bỏ nửa chừng ?*

*chúng giết anh ? không đúng / người không biết giết người/
thú giết “thằng nho nhỏ / trên tòa sen, trong người (1)*

*anh chết mà chẳng chết/ chưa cười nên mím cười/ sỏi lang
không nuốt được/ nhân quyền của con người
mười mấy năm học luật / Hồ Minh ơi Hồ Minh/ quê hương
mình quá đẹp/ anh nằm đâu cũng xinh”*

(Ngủ trên Đồi xanh-HTVN)

ghi chú: (1) trong giai đoạn này nhiều cán binh gọi đức Phật đứng trên tòa sen là thằng nhỏ)

Thái Tú Hạp may mắn được thả về khá sớm, so với nhiều bạn hữu khác. Tôi thì chỉ bị tập trung học tập ngay tại doanh trại Ngõ Văn Sở của Việt Nam Cộng Hòa cũ. Đang đi gỡ mìn loanh quanh vòng đai quân đoàn thì được gọi về nhiệm sở cũ, ngành ngân hàng, trong dịp nhà nước đổi tiền lần đầu tiên. Thái Tú Hạp và tôi thường gặp nhau. Trước một hôm gia đình Thái Tú Hạp ra đi, anh ngồi với tôi ở bờ sông, nói cho tôi biết chuyến đi vượt biên bán chính thức của anh. “Kẽ hở lịch sử” mà Thái Tú Hạp lọt ra ngoài, theo tôi, chính là sự tham nhũng có tầm vóc quốc gia, được hình thành khá sớm, nhưng chắc chắn không phải là đầu tiên sau khi miền Bắc thôn tính được miền Nam.

Năm 1985, sau khi có mặt tại Canada, tôi liên lạc thường xuyên với Thái Tú Hạp. Lúc này anh đã chủ trương nhà xuất bản Sông Thu. Công trình đầu tiên của anh tôi nhận được là tác phẩm Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại. Anh ký tặng vào tháng 4 năm 1985. Quà tặng tiếp theo là một số tạp chí phát hành tại Hoa Kỳ cùng những thi phẩm mới của Hạp. Vợ chồng Ái Cẩm, Thái Tú Hạp quả là những người có nhiều tài năng. Vừa mở quán vừa dựng nên cơ sở báo chí Saigon Times. Sinh hoạt luôn luôn phát triển. Tôi được đóng góp chút ít thơ thần trong các công việc của Cẩm và Hạp. Tính đến lúc tôi viết lại bài này, 23 tháng 4 năm 2006, một ngày mưa, công trình sáng tác của Thái Tú Hạp gồm có: Tinh Người Sông Thu, (thơ, in chung Thành Tôn, Hoàng Quy), Thèm Về (thơ, 1970), Chim Quyên Lạc Ngàn (thơ, 1982) Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại (sưu tầm, biên tập, 1985), Miền Yêu Dấu Phương Đông (thơ, 1987), Thơ Văn Phật Giáo (nhiều tác giả, biên tập 1993), Hại Bụi Nào Bay Qua (thơ, 1995), Thái Tú Hạp (tuyển tập nhiều tác giả viết về Thái Tú Hạp, Sông Thu, 1999), Giữa Trời Hoa Bay (tuyển tập những bài viết của Thái Tú Hạp về một số tác giả, Sông Thu, 2000)



Nhìn về “Chân Dung Thơ Thái Tú Hạp”, xin trích dẫn một số nhận xét của nhiều tác gia được tập trung trong “Thái Tú Hạp”:

Bùi Bảo Trúc :

... “Những bài thơ trong tập thơ mới nhất (*Miền Yêu Dấu Phương Đông*) cho thấy Thái Tú Hạp đã đưa được vào các sáng tác của ông những hình ảnh và không khí mới, cái không khí của mùi trầm hương, của hoa huệ, hoa lan thơm ngát những trang kinh, cái không khí siêu thoát của Thiên, của Phật Giáo cho dù đó là lúc ông nói về cánh rừng bên ngoài một trại tù

... “em còn hái nắng trong vườn trúc / nghe đời như một thoáng hư không” TTH

Duy Lam :

“... Nói chung Thái Tú Hạp làm thơ theo những khuynh hướng

trữ tình tâm cổ điển và thấp thoáng bàng bạc trong một số bài ta cũng có thể thấy bộc lộ những ý niệm về Thiên và cái cao xa của đạo Phật.”

Cao My Nhân :

... “Tôi không quảng cáo cho thi phẩm *Hạt Bụi Nào Bay Qua* của Thái Tú Hạp, hay bất cứ tập thơ của các thi sĩ khác. Nếu muốn giới thiệu tập thơ *HBNBQ*, tôi sẽ viết với cách nhìn của người làm thơ và yêu thơ. Và chẳng nội dung của thi phẩm *HBNBQ* do Sông Thu vừa xuất bản đã được hàng loạt những cây viết tên tuổi và thi hữu như Mai Thảo, Duy Lam, Luân Hoán, Bùi Bảo Trúc, Trần Lưu Nguyên Khanh, Trần Văn Nam giới thiệu phụ lục rồi, chưa kể còn hàng loạt những họa phẩm của những họa sĩ tầm tiếng như : Đinh Cường, Nguyễn Khai, Võ Đình, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Khánh Trường, Vũ Thái Hòa...góp mặt phần phụ bản... Nhưng điều tôi muốn đề cập tới là những tình cảm nồng thắm của tác giả dành cho quê hương Quảng Đà..” Chính những tình cảm ngọc ngà chân thực đó, đã đánh thức ta qua cơn ô nhiễm sâu muộn ly hương...” Có lẽ vì thế mà Thái Tú Hạp viết ra hai tiếng “quê thơ” thân thương, quý giá”

Mai Thảo :

... “Một gấn bó sắt son và bất biến với giống nòi và nguồn gốc do nơi những rung động ở quê nhà ngày trước, trên quê hương người bây giờ, trước sau nhất quán, không bao giờ đổi thay. Những bài thơ trong sáng, êm đềm, như một thiên định nào đó giữa hai giòng chữ đó là điều tôi ghi nhận được ở tư duy Thái Tú Hạp, ở cõi thơ và ngôn ngữ Thái Tú Hạp...”

Du Tử Lê :

... “Thi ca, với ông (TTH), không còn là những buộc ràng, những phản ánh nhân sinh. Thi ca với ông, không còn là những cánh cửa mở vào những vấn nạn đời thường, mà, thi ca với ông, càng ngày, càng cho thấy nó là một nghệ tương thông với trời đất, với những nguyên lý siêu hình, Trên những đường bay ngẫu hợp giữa trí tuệ và rung động, giữa ngôn ngữ (chỉ như chiếc thuyền chở người qua sông) và nhịp điệu (chỉ như những lượng sóng vỗ đầu đó giữa vô cùng lênh đênh) thơ Thái Tú Hạp đã “đáo bí

ngạn”. Đã tới bến bờ thức ngộ về lẽ sinh diệt , lẽ hữu hạn và vô nghĩa của kiếp người. Chính từ sự đảo bĩ ngạn kia, do nơi đạt tới bến bờ ngộ, đã thăng hoa tiếng thơ Thái Tú Hạp. Một thăng hoa an nhiên, tự tại, êm và lắng như cành hoa trong tay Phật và nụ cười của ngài Ca Diếp, năm xưa...Bằng cảm nhận đó, chúng ta sẽ bắt gặp rất nhiều cành hoa và nụ cười trong thơ Thái Tú Hạp hôm nay, ngay cả nơi những dòng thơ thể sự của ông...”

Nguyễn Mạnh Trinh :

...”*Hạt Bụi Nào Bay Qua*” là những bài thơ của một tâm hồn hiền hậu, đằm mát chất thiền. Đời sống , dù ở trong bất cứ cảnh huống nào, vẫn có niềm hy vọng, dần trải từ đất trời, tinh động trong cây cỏ hoa lá. Con người, lúc nào cũng thông dong tự tại , mặc kệ mọi sự, mặc kệ dòng đời chuyển động ngoài kia. An Tĩnh đã là một đặc tính của thơ Thái Tú Hạp. Rất hiền hòa, thi sĩ cũng nhẹ nhàng trong tình yêu. Như đóa hoa nở, tình yêu lớn từ những nhọc nhằn, những ngày gian khổ, những ngày của bóng đêm mờ mịt khói sương...”

...”*Thơ Thái Tú Hạp*, dù năm chữ, bảy chữ, hay tám chữ, lục bát, cũng đều có âm vận của bàng bạc nỗi buồn, của nỗi nhớ mong rất nhẹ nhàng nhưng đeo đẳng suốt những tháng ngày đang sống...”

TT Mây Trên Ngàn :

... “*Nhìn chung toàn thể tập Hạt Bụi Nào Bay Qua*”, thơ của anh (TTH) đã “tới”. Tới từ những nồng nàn yêu dấu của “ *trái tim người phương đông*”, từ những đam mê trần trở của một thời chinh chiến, tới những nhọc nhằn của chia ly, lao tù, tới những phân-vân -đời-hải-đảo...Tuy nhiên trên quan điểm Thiền quán vẫn chưa đạt, tuy có vài đoạn rất siêu thoát: ngàn mây trắng bay qua / tiếng kinh khuya vọng lại / ngộ trúc chiều chia xa/ đầu non vầng trăng khuyết (*Chợt Ngộ*)

hoặc : giờ trang kinh tự nhạ nhòa sắc không....”

Những người nhận xét về thơ Thái Tú Hạp còn có: Dương Viết Điền, Đặng Phú Phong, Lâm Chương, Lê Mai Lĩnh, Luân Hoán, Mỹ Tín, Nguyễn Triệu Nam, Nguyễn Chí Khả, Nguyễn Đức Trọng, Phù Vân, Phạm Phú Hay, Tuệ Chương, Tuệ Nga, Thích Như Điền,

Trần Hoài Thu, Trần Ngọc Chất, Trần Lư Nguyên Khanh, Trần Văn Nam, Triệu Phong, Vũ Kỳ, Vũ Hối, Vô Tình...

Dù nhận xét như thế nào cũng không bằng trực tiếp thưởng thức thơ của Thái Tú Hạp, tôi xin được mời các bạn tìm đọc các thi phẩm đã xuất bản của anh. Tôi xin mượn bản đánh máy sẵn trong trang của nhà văn Vĩnh Hảo, để gửi ngay đến bạn đọc một ít thơ của Thái Tú Hạp.

*“Mắt xưa trắng dẫm non ngàn / lời xanh biếc ngọc vô thường
yêu em / lá theo tiếp lục đường chim / hồn mai phục giữa hoa-ng-
hiêm lặng tờ”* (Vô Thường Yêu Em)

*“khuya nghe vũ trụ chuyển mình / sáng ra trời đất mới tinh /
cỏ cây như vừa tắm gội / chữ nghĩa không còn trang kinh / tâm già
nua ta chợt thức / đầu cành giọt nắng nguyên trinh.* (Vô Tự)

... *“Ta cạn chén càn khôn / giữa khuya đời tịch mịch /mộng
cũng tàn hư không / trang kinh nhòa thiên cổ*

*sương tóc bạc rừng phong/ chung trà nhớ viễn khách /em về
như giọt sương /sớm mai nào lá biếc*

*say chút rượu trầm luân / mùa xuân nhen lửa trợ / bỏ tiếng hót
đầu non / chim qua vườn thủy trúc*

*đêm giao thừa bất tận / tây trúc ngàn dặm xa / niệm từ tâm
giao động /con gió thoảng ngoài ta / thăm thăm hồn cổ hương /núi
sông đầy ẩn tích / em mắt sầu đông phương / tang thương vầng
nguyệt ủa / hạt bụi nào bay qua / đất trời khuya huyễn hoặc/ còn
gì trong sát na / đời buồn mai thức dậy.* (Một Thoảng Phù Vân)

... *“Từng hàng cây đứng im / nụ mầm thiên thu nảy /khu vườn
rộn rã chim / mặt trời vừa thức dậy /lá lao xao hát thầm / mùa
xuân muôn năm cũ / đã về trên đọt cây /khi sương còn ngái ngủ
/chỉ một mình ta thôi / trôi theo giòng suy tưởng / những tình xuân
vô lượng / rớt từ cõi nguyên khôi / lửa tàn trong thạch thất / rừng
khoác kín đôi chân /em vì ta bước lại / từ đó lộ ra xuân* (Tù Đổ
Lộc Xuân)

... *“Em cười như nụ hoa / trong mai tâm bồ tát /tiếng chuông
đời thoảng qua / phù vân chim hót lá*

tiền kiếp nào gặp nhau / hạt sương đầu cánh gió / ngẩn ngơ

hồn thương đau / khi nụ tình vừa chớm

*ngàn mây trắng bay qua / tiếng kinh khuya vọng lại /ngõ trúc
chiều chia xa / đầu non vầng trăng khuyết / sớm mai nào chợt ngộ
/ tâm ta tưởng là hoa / trong sắc màu giả tưởng/ có không nào
trong ta (Chợt Ngộ)*

*... “Tình xưa về ngự cõi riêng / đường ngói em rẽ hai miền
phù vân / còn bao nhiêu sóng trong lòng / đổ ra mấy nhánh trăng
vàng biển khơi /có không trên ngọn cát bồi /sớm hôm rồi chợt qua
đôi cỏ lau /lá xanh biếc núi ngàn sau / cụm hoa còn ngẩn ngơ sầu
chia xa /em về hoang tịch đời ta /dấu hương khói muộn nhạt nhòa
chân mây”. (Cõi Riêng)*

*... “Mai ta về giữa non cao / xé mây làm áo lụa đào cho em /
nghiệp từ mấy thuở trần duyên / nắng thanh xuân đậu ngoài hiên
ta bà / đưa nhau dạo giữa ngân hà / bỏ nhân gian lại chốn tà huy
câm / mai sau tình vỡ hư không /có nghe tiếng hót tiền thân chim
ngàn / từ trong thiên cổ tri âm / tiễn nhau xuống núi cưu mang
kiếp sâu / mai về khép cánh biển dâu / giờ trang vô tự trắng nhòa
sắc không /chờ nhau dưới cội vô thường /soi tâm tư hiện một vầng
trăng xưa” (Thanh Tịnh Khúc)*

*... “Thả mây cuối phố em qua / vầng trăng trên tóc quỳnh hoa
chỗ nằm / lược là vô tận hỏi thăm / hương bồ kết nở trăm năm môi
cười / hoa cam hoa bưởi ngậm ngùi / đã xa cố quận một đời viễn
phương / bao giờ trăm ngát rừng hương/ quế cay nồng tỏa suối
nguồn thánh thời / ta về hát giữa lệ rơi / đại hồng chung điểm một
thời xuân xưa”. (Mê Hoặc Trầm Hương)*

*... “ Mươi năm sầu rong ruổi mãi /con đường phố mới thênh
thang / sông hồ ta ngàn phiêu bạt /tình xa lòng cũng như không /
mười năm chợt về như nắng / đầu sông gió thổi mây qua /hiên nhà
xưa em vẫn đợi / hàng tre riu rít chim ca / dương liễu chiều reo
như suối /ngõ về thơm ngát hương hoa /tình ta cao như đỉnh núi /
tuổi vàng sao quá thiết tha/ mười năm trùng dương bát ngát /chợt
sầu như chuyện hôm qua / thư em như giòng sữa ngọt /chiều nhen
chút lửa lòng ta /có giấc mơ nào đẹp nhất /cho ta tìm lại hôm nay
/ những hình bóng xưa chắt ngát /nghe hồn đôi bóng mây bay /*

*muời năm nghìn con phố mới /lòng ta chỉ một quê hương /mẹ già
xưa môn mỗi đờ /mùa xuân vàng nắng yêu thương /muời năm giờ
như mây nổi /tang thương đời cũng phôi phai / núi sông nào lên
tiếng hát / hồn xuân về lại trong mai” (Nỗi Buồn Trong Thành Phố)*

Thái Tú Hạp và người vợ tài giỏi của anh không những nổi tiếng trong sinh hoạt văn học mà còn được biết nhiều đến sinh hoạt xã hội. Gần đây hai vợ chồng Hạp Cẩm đã cùng một số thân hữu tại Hoa Kỳ khởi xướng việc dựng tượng đài kỷ niệm thuyền nhân. Công việc hình như đang tiến triển thuận tiện. Nhìn chung, các hoạt động của ông bà chủ báo Saigon Times không có gì quá đi xa trong lãnh vực chính trị, nhưng Hạp vẫn ái ngại cho một chuyến về thăm quê hương. Đã hai mươi tám năm Hạp chưa có dịp ngắm lại sân chùa Vĩnh Nghiêm, tôi nghĩ anh không thể không buồn phiền. Tôi với Hạp cũng đã hai mươi tám năm chưa gặp nhau nhưng tình bằng hữu vẫn thân mật. Thỉnh thoảng Thái Tú Hạp gọi điện thoại thăm chừng tôi đã “đi” chưa. Nổi tiếng là ốm yếu, bệnh tật mà vẫn cứ lê lét từ năm này qua năm khác kể cũng tài. Hạp cũng không quên cù rũ tôi qua quận Cam cho biết mặt mũi thủ đô của người tị nạn Việt Nam, nhưng tôi vẫn lười, nhất là vẫn ngại cái mục tối ngủ không có cô vợ bên cạnh, như cái đêm 25-4-1992: *“Bảy năm xa vợ đôi ngày / đêm nằm thừa thãi chân tay quá chừng / lòi ra cả cái nhớ nhưng / lâu nay ngủ kỹ trong từng khớp xương”* (Mời Em Lên Ngựa).

Tôi ngại đi, nhưng Thái Tú Hạp coi bộ cũng không khá hơn, nếu không muốn nói là xếp sau lưng tôi về chuyện thực hiện động từ “đi”, với nhiều nghĩa rất linh hoạt của nó. Hạp đã thăm viếng được những đầu ngoài cái vùng Valley Rosemead, nơi anh cư ngụ ? Phần tôi thì nhiều lắm, kể cả đất nước Hoa Kỳ, nhưng không lẽ khoe ở đây. Tôi đi bắt ngờ, tôi đến im lặng trong thói quen vội vã. Hạp đã hứa hẹn sẽ tổ chức cho tôi một buổi ra mắt sách, một cuộc trình diện với bà con xứ Quảng Nam. Tôi vô cùng cảm động trước nhiệt tình của Hạp, trước những quý mến có thể có của đồng hương. Nhưng tôi thấy lo, thấy sợ và tôi đã trốn, sẽ trốn hết mọi ân tình, dù tôi sẽ đến quận Cam vào đầu tháng 7 năm 2006 này. Tôi dự định, ngày cuối cùng ở quận Cam, tôi sẽ gọi điện thoại thăm một số bằng hữu như Hạp, như Thành Tôn, vợ chồng Hồ Thành Đức, nhà thơ Đặng Hiền, họa sĩ Khánh Trường...rồi ra về nhẹ

nhàng, giống như đã thực hiện trong lần về Sài Gòn năm 2002. Nhìn thấy nhau thêm một lần là điều quá quý. Nhưng để giữ mãi một hình ảnh đẹp đã có, không bị bất ngờ trầy xước, có lẽ còn quý hơn. Tôi kính trọng bạn hữu. Tôi yêu mến ngày xưa và muốn trở thành một người cô đơn giàu có kỷ niệm. Giản dị chỉ như vậy.

Viết về Thái Tú Hạp, không thể quên đôi dòng về một Trần Ái Cầm, bông hồng ở gần chợ Cây Me Đà Nẵng ngày xưa. Trong bài Sống Đời Với Thơ, nhà thơ Nguyễn Đông Giang, đã dựa vào một số bài nịnh người đẹp của tôi, để giới thiệu những nhan sắc của Đà Nẵng một thời. Với dịch giả của các tác phẩm Băng Nhi, Tuyết Kha, Hoàng Châu Cát Cát..., Nguyễn Đông Giang viết:

“... Một cửa ngõ mà Luân Hoán đã băng khuâng khi đi qua là cửa ngõ Ái Cầm. Một người Hoa chính thống sinh ở Đà Nẵng và trọn đời mang trái tim Việt Nam. Điều gì làm cho nhà thơ băng khuâng đây ? Hãy thử đọc:

“ Băng khuâng qua ngõ Ái Cầm / chợ Cây Me ngó, thì thăm trên vai / chàng này coi cũng bánh trai/ tiếc rằng thiếu bước chân dài trở hoa / phòng hồng đã chập tiếng ca / một nhà thơ ở phương xa đã vào / trời thừa bao nhiêu vị sao / thừa thêm vị nữa chẳng sao đâu tình / vẫn vợ vào côi u minh / Tây cười dưới một giạt mình làm tỉnh”

Người thơ nghe được những thì thăm bình phẩm về mình, và cũng sớm thấy được cái đích đến không có nhiều kết quả. Nhưng vẫn cao ngạo ví mình như một ngôi sao. Vị sao đó đã thừa, đành vẫn vợ vào một nghĩa trang để chuyện vẫn với những người lính Pháp còn bỏ xương lại nơi này...”

Với những “bình loạn”, dẫn giải của Nguyễn Đông Giang, tôi chân tình cảm ơn. Về thơ cho Chợ Cây Me thì tôi đã viết hơn một bài. Thơ tặng các người đẹp thì tôi “*đã từng bất thường và đang ao ước được khác thường hơn những cái bất thường đã có*” giống như Nguyễn Đông Giang nhận xét. Sao tôi dám cả gan cùng mình vậy không biết ?

Năm 2000, Ái Cầm cùng con gái là ca sĩ Doanh Doanh (một giọng ca của trung tâm Asia hiện nay) tham dự chuyến du lịch tập thể, nhiều nơi. Chị đến Montréal, gọi tôi từ một khách sạn gần nhà.



Tôi và Lý đã đến đón mẹ con chị về cái *appartement* của chúng tôi cho biết mùi ở áp. Ái Cầm vẫn không khác xưa bao nhiêu. Gặp Lý vẫn xung mi tau tự nhiên, thân mật như thuở nào. Cùng xuất phát từ gia đình khá giả, nhưng Ái Cầm có đời sống riêng thành thoi hơn cô vợ của tôi rất nhiều, hình như vậy. Tài năng chăng ? Không hẳn. Hai bà đều mang cái họ “Trần” trụi. Có lẽ tùy theo cái mạng của thằng chồng nặng nhẹ. Hạp đầu rồng, 1940. Tôi đuôi rồng 1941. Quả là đầu đuôi có khác nhau. Hạp có một bà Trần, không mấy giống vợ cụ Trần Kế Xương. Tôi có một bà Trần hao như người đàn bà cao quý ngày xưa... Vẫn là ngon hơn. Nghĩ cho cùng, chúng tôi đều ngon như nhau, vì đã có được những nội tướng không có gì để phàn nàn. Tạ ơn Trời, Phật.



Lê Hân, một người thơ cô đơn giàu hạnh phúc

Tình anh em ruột thịt hẳn nhiên có phần đậm đà hơn tình bằng hữu. Nhưng trong đối thoại, tâm sự, hình như ở tình bằng hữu có sự cởi mở, tự nhiên hơn. Tôi với Lê Hân, tác giả thi phẩm Tình Thơm Mấy Nhánh, có cả hai nguồn chân tình này. Chúng tôi vừa là anh em vừa là bạn bè của nhau.

Năm 1941, thân mẫu tôi sinh một lúc hai người con. Một gái, một trai. Trong một bài lục bát tôi đã kể về lần sinh nở đặc biệt này:

*“Vào năm đại kiệt Canh Thìn/ trời triệu ta đến thiên đình rì tai/
“-chủ mày tính thích lai rai/ cõi trần đang mở dài dài tiệc hoa/ nếu ưng, xuống đó khê khê/ một trăm năm để tinh hoa trở đều”/ nghe xong, ta đông một lèo/ dựng đất mới nhớ quên đeo bản đồ/ còn đang bấm độn, bắt ngờ/ sơn thần thổ địa vái chào, trình ra /
“-Ở Hội An có một bà/ ăn chay cầu tự đã ba năm rồi...”/ chẳng cần suy nghĩ lời thôi/ ta chui vào bụng bà ngồi tình bơ/ ngộ thay, có ả tiên khờ/ cũng chui vào đó đợi giờ khai hoa/ tính ta vốn ngán đàn bà/ nên nhường ra trước, gọi là chị luôn/ nửa năm bò lật trên giường/ nhờ dài nhờ ỉa bình thường lớn mau/ chị ta tính trước suy sau/ sợ đời hành hạ chuồn mau về trời/ còn ta mang tiếng chịu chơi/ trơ thân ra nhận ngón đời thặng hoa/ từ bầm đập đến trót da/ thế nhưng vẫn muốn la cà sống lâu...”*

(Ngơ ngác cõi người người- Luân Hoán)

Như trong thơ, chị tôi, có quý danh Lê Thị Hạc, qua đời sớm. Còn tôi phát phơ đến hôm nay, không biết có kham nổi cái sứ mệnh “một trăm năm để tinh hoa trở đều” hay không ? Chuyện đó chờ coi sau.

Tôi vẫn thắc mắc, những người sinh đôi một cặp nam, hoặc một cặp nữ thì thường được kéo dài cuộc sống đến tiểu thọ (60), trung thọ (70) hoặc thượng thọ (80 trở lên). Còn những người sinh một nam một nữ, ắt phải có một người hy sinh. Lâm bồn, khai hoa,



vượt cạn...hay bình dân là... đẻ, với đa số bình thường, một con, đã là chuyện “mang nặng đẻ đau” toát mồ rồi. Má tôi lại phát hành gấp đôi, đau đến hai lần hơn. Năm đó má tôi được 37 tuổi. Con đau chắc đã làm cho bà sợ. Trong lúc tôi đã có phần nắm chắc cái vị trí con út, thì bất ngờ vào năm 1947, Lê Hân ở đâu trên trời, thông qua phép lực của ba tôi, rơi xuống tiếm vị, khi tôi đã lên 6.

Khác với tôi, ẻo uột, khó nuôi, phải bán khoán cho Chùa Cầu Hội An để giữ vững bản mạng, Lê Hân, bụ bẫm, lẫm liệt...là một cậu út “hoành tráng” mà ba má tôi đang chờ đợi. Dĩ nhiên tôi và chị Kim Anh cũng rất khoái được có một thằng em trai ngó thật đã con mắt. Phải nói ngay ở đây, Hân chỉ là con út của má tôi, chứ không là con út của ba tôi. Vị cha già thâm nhuần Nho học lẫn tây học này còn cho chúng tôi ba cậu em cũng rất ngon lành sau này: Lê Hoàng, Lê Quốc Hùng, Lê Phước Hưng. (Tôi, các em còn rất cực khổ ở Việt Nam).



Không ai có thể tự chọn cho mình một thời điểm để ra đời. Chuyện đầu thai, chuyện tiền kiếp hư hư thực thực tạm gác qua một bên. Em trai tôi đến với cuộc đời vào ngày 02 tháng 02 năm 1947 tại Hội An. Tôi thật sự không nhớ chính xác năm gia đình chúng tôi tản cư, nhưng nhớ rất rõ đêm lên đường Hân còn chưa biết lật. Những địa danh đến trên lộ trình chắc chắn có Điện Bàn, Đông Bàn, Trung Phước, Quế Sơn...nhưng thứ tự trước sau hoàn toàn lẫn lộn. Hình như sau khi đến Quế Sơn, ba má chúng tôi chia ra làm hai cánh để tìm đất đậu lại. Vì còn nhiều con nợ ở Quảng Ngãi, má tôi ẵm em Hân, dắt chị Kim Anh vào đó. Trong lúc ba tôi công tôi theo bước cơ quan. Xã Tiên Châu, Tiên Hội của Tiên

Phước là điểm dừng cuối cùng của ba tôi, và cũng là điểm tập hợp, chung sống của cả gia đình chúng tôi trong nhiều năm tiếp theo.

Có thể nói, suốt thời ấu thơ, Lê Hân sống giữa núi rừng thiên nhiên Tiên Phước. Vùng đất núi này cuối thập niên 40, bước qua thập niên 50 vẫn còn hoang dã. Dân địa phương thưa thớt, dân tản cư cũng không quá số lượng ngón trên hai bàn tay. Dốc đá, rẫy tranh, lùm mây (một loại cây), vạc quế, nương chè, hồ tiêu... nối tiếp nhau, chung đựng xanh tốt cùng nhiều loại cây: đùng đình, trầy, bời lồi, ráy, găng, chuối nước, cải tàu bay, rau sung, lá lốt, buồng ngọt, cỏ đá, sim, chà là, lòn bon, lười uoi, dầu lai, lật mát, đủ dè... hàng ngàn loại cây với những tên gọi thật ngộ nghĩnh. Trong cái bao la xanh ngát đó, Hân biết bò, biết đứng, biết đi rồi biết chạy. Chúng tôi sống dưới mái nhà lợp tranh-săn, vách phen trét đất sét, rộng rãi trên một mặt đồi, có dốc đá dẫn lên. Trước mặt nhà là vạc quế. Bên trái nhà là nổng đất rộng, nơi tăng gia sản xuất của gia đình chúng tôi. Nổng đất này có đường đất dẫn xuống một lò chè đã ngừng hoạt động. Hân thường trực có mặt ở đây vào những buổi chiều. Lang thang một mình để mót những củ khoai sót nảy mầm, hay vắn vơ theo chân “con gà tự túc” của em. Trong thời gian này tôi đã đến đình Tiên Hội hoặc các miếu làng để thọ giáo a, b, c từ các Thầy Y, thầy Phương. Hân ở nhà với con Bông (con dì tôi, theo má học buôn bán) hoặc với má, nhưng luôn thui thui chơi một mình. Những ngày tôi nghỉ học, hay những buổi phải ở nhà coi nhà, tôi và Hân thường bày những trò bắt chuột. Chúng tôi xước bẹ chuối thành những sợi dây, nối lại cho dài, cột vào một nắp vung. Nắp vung được mở hé trên miệng một cái nồi đất đen thui lọ nhẹ. Rồi chúng tôi rình, chúng tôi chờ. Không gian hoàn toàn thanh vắng, thỉnh thoảng vang lên những tiếng *máy bay bà già xa xa*, nghe vô cùng buồn ngủ. Chưa khi nào chúng tôi tóm được một con chuột. Những anh chàng Tý còn khôn lanh hơn chúng tôi nhiều. Giật mạnh tay, nắp vung rơi ra ngoài, hoặc giật nhẹ quá nồi không được đập kín. Cũng có vài lần cầm tù được vài anh. Nhưng không cách nào chộp cổ. Hé nắp là thủ phạm đào tẩu ngay. Không bắt được chuột, chúng tôi xoay qua “chấm” ve ve. Để nắm gọn những anh ve to tướng say sưa ca hát, chúng tôi dùng một cây dài quấn mù mít ở một đầu. (Vườn nhà chúng tôi ở nhiều mít lắm, có khi chín hái ăn không kịp, rụng thom ngát cả vườn), rồi đưa sè sẹ vào đuôi cánh con ve, thế là anh chàng giật mình bay,

nhưng không đủ sức vượt được cái mù mịt. Chúng tôi bắt được ve ve rất nhiều. Chơi một lát chán thả ra. Bắt rồi thả, thả rồi bắt cứ vậy trong suốt những mùa hè.

Trong thời gian này, tôi đã tham gia vào đội ngũ nhi đồng, đeo huy hiệu hình mặt trăng trên túi áo đảng hoàng, đội cả mũ ca lô. Hân thì chưa biết gì, nhưng vẫn hay bắt chước tôi trong nhiều “công tác”. Đáng kể nhất là nuôi gà “tự túc”. Với sở thích ưa màu mè và sự hùng dũng, tôi chọn nuôi một con gà trống. Mồng đỏ, đuôi uốn cong cầu vòng đủ sắc xanh, đỏ, tím, đen... Trong lúc đó Hân xin má một con gà mái để nuôi. Tôi vẫn chê con gà mái của Hân lợ lem, ngớ ngẩn. Thế nhưng chẳng bao lâu sau, con gà của Hân lục đục nháy chỗ này, nháy chỗ kia...cuối cùng nó nháy vào một cái rổ, Hân đã bắc ghè để trên đầu chuồng nuôi hai con thỏ của tôi. Chuồng thỏ kê sát vách phía sau hè. Gà của Hân nhảy ổ vài ba lần trong một ngày nhưng không đẻ. Chúng tôi rình xem, thấy hấn cứ loay hoay trong ổ như không được hải lòng. Nhưng bất ngờ ngày hôm sau, Hân reo lên, một quả trứng vàng rờ to đã nằm trên mặt rơm lồm giữa rổ. Từ đó đến hơn mười lăm ngày sau, cứ sáng sớm chúng tôi đặt trứng vào ổ một quả trứng, và khi gà đẻ xong lại cất vào cả hai quả. Để trứng ngoài ổ sợ về đêm chồn vào ăn mất. Cầm cái trứng ngay sau khi con gà rời ổ, thật là ấm tay. Con gà của tôi thì chỉ có biết gáy, và không ngót bắm chân cù rừ con gà đẻ thật sai của Hân. Lừa đầu má không cho ấp, nói là còn non trống. Hân buồn lắm. Em muốn có ngay một đàn gà con, đành phải chờ. Dĩ nhiên Hân cũng đạt được ước muốn. Còn tôi vẫn chỉ sở hữu một anh chàng thông dong, lười hết chỗ nói. Có đến việc ăn nó cũng mở lên thả xuống, nhường phần cho đám gà của Hân, trông thật là tức. Ngoài việc nuôi gà, Hân còn đã biết tập viết một vài chữ cái trên lưng những tàu lá chuối. Giấy tự túc vàng sìn nhà tôi không thiếu, má tôi buôn bán chè, tiêu, cau...giấy, bút luôn cả đồ xa xỉ phẩm nữa mà., nhưng Hân vẫn thích dùng que vẽ lên lưng lá. Ba tôi theo cơ quan suốt vài tuần lễ mới ghé về một lần. Má tôi cùng con Bông thì bận lo mấy cái bầu hàng bán, hàng mua của bà. Chị Kim Anh lo ca hát, tập diễn kịch. Chị Hòa thì đi học ở quận xa nhà, sáng đi chiều gần sụp mặt trời mới về. Tôi thì lo lêu bêu với mấy thằng cùng lớp a, b, c, có lúc quên cả Hân đang làm gì, ở đâu. Từ tuổi ấu thơ, em trai tôi chừng đã gặp cái cô đơn, giữa những người thân rồi. Đoạn đời ấu thơ của Hân, được chính em xác nhận

là “nghèo lắm”, nghèo cả những trò chơi:

*“Áu thơ tôi nghèo trò chơi ghê lắm/ nghèo thì nghèo vẫn có
áu thơ tôi/ tánh bốn thiện, tôi hiền như đá tảng/ chán lang thang
hai chân xếp bằng ngồi”*

Không rõ em tôi đã có căn cơ tịnh tâm, ngồi thiền ngay từ nhỏ chưa ? Hay chỉ ngẫu nhiên ngồi chơi suông vậy thôi. Xin hãy nghe tiếp những hồi tưởng của một cậu bé chưa hề có bè bạn:

*“Núi và rừng nuôi tôi cùng cây lá/ lá cây xanh tôi nhong
nhong nhỏ giò/ gần nhật nguyệt hơn là gần ba má / tôi, thiên nhiên
như bè bạn, thầy trò”*

Thì ra tôi đã nhầm, em tôi tuy ít gần gũi những người thân yêu trong gia đình. Nhưng lại rất gần với mặt trăng, mặt trời. Em không cô đơn. Bạn bè em chính là thiên nhiên. Hơn thế nữa, em tự biết mình, tự nhận mình là học trò của cỏ cây, đất đá, mây, trời... chung quanh. Được làm bè bạn, được thọ giáo với một không gian bao la, phong phú như vậy, không thể không hạnh phúc, không thể không biết hạnh phúc. Hân kể tiếp:

*“Những buổi sáng ngồi co chân phơi nắng/ chào con chim về
hót trước hiên nhà/ con chim nhỏ hình như thường giả dối/ đời
chắc buồn nhưng vẫn phải ngâm nga”*

Hình ảnh ngồi co chân dưới ánh nắng của một cậu bé quả là rất đẹp, Buổi ban mai ở núi rừng chắc hẳn còn nhiều khí đá bốc lạnh ? Cậu bé đã nhìn quanh, hẳn thế. Và gặp và chào con chim, người bạn rất thân của cậu. Trong cái cô đơn của mình chắc đời lúc cậu cũng đã biết buồn, nên hồ nghi, đổ tội cho con chim...vẫn biết đời không vui vẫn ca hát ?. Và Hân bước vào buổi trưa:

*“Những buổi trưa cúi lom khom trong bụi/ trốn tàu bay do
thảm đảo vòng vòng/ bàn tay cầm một nụ hoa đủ dẽ/ hương cùng
lông như bay bổng lên không”*

Có thể Hân chưa hề biết những thảm khốc của chiến tranh. Sự tang tóc sẽ đến sau những đường bay của chiếc “bà già” lững thững qua trên đầu. Em vào bụi để trốn, mà không biết trốn chính xác một cái gì. Hoặc em biết, nhưng vẫn ngây thơ mang theo bên mình một nụ hoa. Dù dẽ không phải là một loại hoa để trưng bày.

Loại hoa này rất nhỏ, thường chỉ bằng đầu một ngón tay, sắc vàng, không đẹp lắm, nhưng mùi hương thật đậm đà, thật ngát. Tâm hồn của Hân bây giờ cũng như một mùi hương. Cõi vĩnh hằng của hương thơm nơi nào, ngoài tinh không cao cả ?

*“Những buổi chiều rảo chân trong rẫy quế/ gió không đưa
mà nhận hết hương rình/ mỗi góc quế mở ra một cánh cửa/ cửa
chẳng để vào mà để dựa lưng”*

Thật rất lạ khi cảm nhận, hiểu ra làn gió đang bòn hút, gom góp những mùi hương trong không gian, thay vì chờ những hương thơm phân phát khắp nơi. Có phải cậu bé cho rằng gió chính là cái không gian bao la đang vây bọc lấy mình. Thật không thể không theo chân Hân rảo bước trong rẫy quế, để rồi dừng và dựa lưng vào từng góc cây. Mỗi góc cây lại ngộ ra là một cánh cửa để suy tư hay mơ mộng. Chẳng thể nói trẻ em không biết suy tư. Suy nghĩ về một trò chơi nào đó chẳng thể gọi là không suy tư ? Một ngày tuổi ấu thơ của Hân, em tôi, đã nhẹ nhàng khép lại, Hãy nghe em sớm nhìn rõ về mình:

*“Ấu thơ tôi chẳng có gì nữa cả/ không bi ve cũng chẳng có
dàn thun/ ngày dài quá, ngòi không, rình con chuột/ thò thụt ngu
ngơ sau cánh cửa buồng*

*một đôi lúc vài con gà tự túc/ lững thững vào nền nhà đất vãi
phân/ gắp mặt tôi cũng không cần hấp tấp/ bước hai chân, hai
chân bước phong trần*

*ấu thơ tôi quả đúng là như vậy/ cánh cửa đời cho tôi vốn hồn
nhiên/ chẳng gì quý, nhưng bây giờ ngó lại / cảm ơn rình, ơn núi,
đất sông Tiên*

*khó thể tắm ‘hai lần cùng dòng nước’/ nhưng con sông ai cảm
tắm trăm lần ?/ về lại ấu thơ là đã tắm/ trong con-sông-tôi đang
đổ theo dòng.”*

Cảm ơn Hân, em trai, em đã viết được những câu thơ thật giàu hình ảnh. Những thao thức của em đã có phần lấn lướt hơn anh. Cảm ơn em đã nhắc đến dòng sông Tiên, một dòng sông chúng ta từng vọc nước, từng nô đùa. Thơ em chính là dòng sông ấy. Anh tưởng như đang bước đi trên mặt đá nằm kín mặt sông ngày nào. Anh tưởng như đang mức từng ngụm nước trong lòng mo cau chuyền cho em đổ vào một hang để gậm đó. Thời gian đã trôi

xa hàng chục năm, nhưng chỉ ít dòng thơ của em, anh đã chạm tay vào được tất cả những kỷ niệm cũ. Cảm ơn, cảm ơn lắm, em thương.

Sau ngày có hiệp định chia hai miền đất nước, Hân, chị Kim Anh và má tôi mới trở về Liêm Lạc. Đất Tiên Phước giữ thân xác chị Hòa tôi ở lại. Câu viết giản dị này đã làm tôi ứa nước mắt. Bây giờ là 6 giờ 33 phút. Chiều nắng thật đẹp. Hôm nay, 14 tháng 4 năm 2006, Lý nghi lễ Phục Sinh, đang lục đục gì đó dưới phòng khách. Tôi ngồi gỡ những kỷ niệm về một người em, mà lâu nay đã trở thành một người bạn văn của tôi. Hân cũng vừa mới gọi nhắc chuyện ngày phát hành sách cùng Song Thao sắp tới. Trời đã bắt đầu nóng.



Lê Hân và bạn học thời Phan Châu Trinh Đà Nẵng

Trở lại với chuyện ngày xưa. Sau khi má chúng tôi về tới làng. Chúng tôi ra ngay Đà Nẵng. Cuộc sống với đầy đủ nhân khẩu của gia đình ba má tôi thực sự bắt đầu. Trong những năm tiểu học, Hân thường được tôi chỉ dẫn. Bày vẽ bài vở cho Hân thì ít, mà đánh, cú, cụng đầu em vào bảng đen thì nhiều. Cái nghề gỡ đầu trẻ của tôi chưa bắt đầu đã cáo chung. Hân thi đậu vào trung học công lập Phan Châu Trinh. Những năm trung học, Hân có nhiều bạn học rất tốt. Tôi mến nhất là các em Phạm Vũ Thịnh, Nguyễn

Thống, Phùng Duyên, Vương Ngọc Long...(lớp của Hân về sau nhiều em được học bổng xuất ngoại, thành đạt hiện sống ở nước ngoài. Phạm Vũ Thịnh hiện nay ở Úc, dịch rất nhiều cho tạp chí Hợp Lưu. Vương Ngọc Long, ở Mỹ, thì đã in thơ, thơ được phổ nhạc, phát hành khá nhiều CD). Hân làm quen với báo chí trong giai đoạn này. Em bắt chước tôi làm thơ, rồi làm ô chữ, đăng rất nhiều trên tờ báo thiếu nhi Tuổi Xanh ở Sài Gòn. Hân rời Phan Châu Trinh vào học đệ nhất Chu Văn An Sài Gòn. Một thân một mình nơi xứ lạ, em trở lại thời kỳ cô đơn như hồi ấu thơ. Được vào ở nội trú trong trung tâm Đắc Lộ, dù là người ngoại đạo, Hân đã tiến khá vững trên đường học vấn. Trong những năm này, chính Hân đã thường ghé tòa soạn Văn Học của Phan Kim Thịnh để hỏi thúc in thi phẩm thứ ba của tôi, tập Chết Trong Lòng Người. Năm 1967, tôi nhập ngũ theo lệnh gọi vào khóa 24 Thủ Đức. Tôi và đồng đội Mai Xuân Châu, vài ba lần ghé lại Đắc Lộ thăm Hân. Cùng ở Đắc Lộ với Hân, tôi còn có một cậu em con ông chú ruột, em Lê Hữu Liêm, sau này là luật sư, hiện ở Hoa Kỳ. Ngày Hân lên đường du học bằng học bổng của chính phủ Mỹ, cả gia đình đều không có ai vào Sài Gòn tiễn chân. Tôi cũng không xin được phép để ra phi trường. Nỗi cô đơn vẫn còn theo chân Hân đến sau này. Mời nghe cậu “du học sinh” tường thuật lại chuyến đi khỏi quê hương, rời xa người thân của mình:

*“Ra đi từ thuở chớm hai mươi/ môi rớt nơi đâu những tiếng
cười/ vài bộ áo quần, mười cuốn sách/ tám hình đen trắng thuở
năm nôi*

*bị rịn nhìn quanh phi trường rộng/ người đưa người, đâu
kẻ đưa ta/ không phải mồ côi mà đơn độc/ nhìn mây thấy rõ bóng
cha già*

*nhớ trực lại thời năm sáu tuổi/ ở rừng với củ với chồn tinh/
cục đá lâu năm là thằng bạn/ đọt chè, củ sắn xiết bao tình*

*ngơ ngáo lập thân từ thuở nọ/ bây giờ hồ dễ lạnh bàn chân/
được đi du học đâu phải dễ/ sao lòng vẫn nghe nhớ loanh quanh
tay xách va li, tay nắm vé/ thang lên tàu sao ngắn quá đi thôi/
không ai đưa tiễn sao còn vắng/ vạt nắng chênh vênh một góc trời
tàu đã vào mây, tàu theo gió/ vừa buồn vừa sợ vừa lo âu/ bàn
tay lần giờ trang tự điển/ vạn sự đầu nan sắp bắt đầu..”*

(Tình Thom Mấy Nhánh- Lê Hân, trang 120,121)

Tiết lộ cuộc đời tình cảm lú đờ của một người em, có nên chẳng ? Thật ra tình yêu của Hân một phần nào đã bày tỏ trong thơ. Có thể nói Hân vừa có nhiều may mắn, vừa có nhiều rủi ro. Một bạn đọc cũng là một người viết, phái nữ, đang sinh sống tại thành phố Houston Hoa Kỳ, sau khi đọc Tình Thơm Mấy Nhánh đã viết:



.... “ Bởi đã quen làm thơ và sống với thơ rất sớm, cho nên đến tuổi mười lăm anh đã viết được thơ tình rất nồng nàn. Nhìn thoáng qua thời sách vở thư sinh của anh Lê Hân thì đủ biết, anh là chàng tuổi trẻ có trái tim hình như lớn quá khổ bình thường:

... “Xum xuê những mối tình đầu khai hoa/ cổng trường ba lối vào ra/ tình tôi đứng ngắm cả ba lối tình” (Kho Tàng Thời Thư Sinh)

Quả vậy, thời trung học, Hân có một mối tình rất đẹp với Q. Cô gái xinh xắn, con một của một gia đình thương gia rất nặng tình với em trai tôi. Ba tôi đã tưởng có cô dâu thật hiếu thảo này, nhưng không ngờ sau chuyến lặn đạn qua tận xứ Hoa Kỳ để thăm người yêu, cuộc tình của hai đứa tan vỡ. Phần lỗi thuộc về đứa em khá lãng mạn của tôi. Hân thành hôn với người yêu mới, cũng dân du học. Đời sống êm đềm một thời gian dài với hai cháu trai rất

đẹp trai, bất ngờ đứt đoạn. Hân có nhiều người yêu tiếp theo. Có cô tôi đứng ra làm chủ hôn đăng hoàng, nhưng rồi cũng chỉ năm ba năm. Rất may, Hân không thất tình:

*“một đời tôi chưa thất tình/ yêu người là để yêu mình rõ hơn..
một đời tôi chưa biết buồn/ nợ duyên vốn rất bình thường tự nhiên..
yêu thương chẳng để tôn thờ/ là cho, là nhận tóc tơ, tôi người..”*

Có lẽ nhờ quan niệm thông thoáng như thế, nên em tôi được xem là một người cô đơn hạnh phúc.

Hình như từ năm 2000, hoặc sớm hơn một vài năm, Hân trở lại sinh hoạt văn học nghệ thuật. Phan Ni Tấn viết:

... “Tôi cũng biết Lê Hân, trong mấy năm gần đây đã có dịp phát huy lòng nhiệt tình hăng say của mình qua các hoạt động văn nghệ. Óc thẩm mỹ của anh thật hữu ích, đã khéo léo trình bày các tập thơ văn của bạn bè anh em mà không cần hỏi đáp...

Thơ Lê Hân hay, rất hay, đọc rất thú vị, hấp dẫn trong nhiều câu cú cũng như trong cách dùng từ. Thơ Lê Hân hay nhưng không mới, cũng không lạ. Lạ là ở người.

... Có nhiều người làm thơ tuy dễ nhưng dùng chữ không dễ. Ngược lại Lê Hân sử dụng từ rất nhuần nhuyễn, nhất là những động từ được tác giả thả vào câu đúng lúc, đúng chỗ, làm cho mạch thơ không những lai láng chảy qua từng vần, từng ý mà còn gây hứng bất ngờ. Bài “Luận Về Yêu” là một ví dụ:

*mỗi nhánh chữ đều có tôi phục kích/ nằm lăm le tình mộng
trong tim/ em lấp ló, tức thì tôi nhận diện/ yêu hay không là chuyện
của trái tim”*.

Giáo sư Đàm Trung Pháp, một cây bút quen thuộc của nhiều tạp chí văn học hải ngoại nhận xét:

“Lê Hân du học thành tài ở hải ngoại và mãi 35 năm sau mới trở lại thăm viếng quê nhà vào năm 2001. Quãng thời gian dằng dặc ấy đã chẳng làm giảm sút chút nào tấm lòng yêu thương anh dành cho quê cũ, cho người xưa. anh đã thăm lại Hội An, Đà Nẵng, quê mẹ, quê cha, và anh nhớ lại công ơn sinh thành dưỡng dục của song thân nay không còn nữa. Tình cảm anh rạt rào và chân chất khiến người đọc thơ anh phải cùng anh nhỏ lệ cho những thương, những nhớ, những tiếc của một người đi tìm lại thời gian đã mất. Tôi đã xốn xang trong lòng khi đọc những

đoạn thơ dưới đây của Lê Hân:

*chẳng trăm thương, chẳng ngàn thương/ cả lòng tôi trải lên
phường phố xưa...(Chào Hội An)*

*Đà Nẵng vẫn của tôi/ vĩnh viễn là của tôi/ dù giang hồ lưu lạc/
vẫn công trên lưng đời..(Đà Nẵng Của Tôi)*

*hỡi anh Nhứt, chị Dần...con quý cậu/ cho em nhờ thắp hộ
những ngọn hương/ trong đợt khói nhìn từ xa ngàn dặm/ biết đâu
chừng em gặp hết người thương ... (Làng Ngoại)*

*hưởng dương năm mươi bốn/ má tôi đã xa đời/ vóc đất đắp lên
mộ/ tôi khóc thật sự rồi/ tháng tư oi tháng tư/ tháng nhiệm màu
của Phật/ mẹ tôi theo trăng rằm/ chẳng phải về với đất (Má Tôi)*

*phút nhắm mắt không có con bên cạnh/ chắc dễ gì cha giữ
trọn niềm vui/ con quả thật chẳng mấy khi tâm niệm/ dâng lên cha
thương nhớ những trầm hương/ nhưng cùng tận trong tim con là
cõi/ thờ mẹ cha trong suốt cuộc vô thường (Dâng Cha).*

Tình yêu thương của Hân dành cho người, vật, cảnh sắc... đã được giáo sư Pháp giới thiệu rõ như trên. Còn tôi đã dành cho em những gì. Ngay từ thời thanh xuân, tôi đã tự biết mình không thể đem lại nhiều hy vọng làm mát mặt cho đại gia đình, cho tộc Lê làng Liêm Lạc. Tôi thoắt thác trách nhiệm làm cháu đích tôn cho ông nội tôi, một nhà nho rất quan tâm đến việc học hành. Tôi như thăm giao trách nhiệm này cho Hân. Và chính Hân nhiều lúc trở thành chiếc phao đỡ tôi qua những buồn phiền, chán nản. Ngay ở tập thơ đầu tay, tập Về Trời, Văn Học, Sài Gòn, xuất bản năm 1964, tôi đã thương mến dành một bài thơ dài cho em. *Bài Tâm Sự Cùng Em Trai* này, năm 2005, nhà thơ Thanh Thanh chuyển sang Anh ngữ, sau đó được phổ biến qua các trang điện tử. Bài thơ tôi bắt đầu viết từ một sớm mai dậy sớm. Nằm nghe những con chim se se âu yếm nhau trên mái nhà, ngoài hàng hiên mà cảm thấy bị quan. Xin trích vài câu hơn là giải thích:

*“hình như có tổ chim trên mái rạ/ anh nghe vui tiếng mẹ rìa
lông con/ chao ôi nhớ chiếc lồng tre thơ dại/ ôm say mê lên đôi
mắt xưa tròn/*

*giờ thì chúng tập nhau bay có lẽ/ cho anh xin viên sỏi nhỏ
trong em/ anh còn lại chút lương tâm này đó/ nở lòng nào đem
bắn chúng sao em...*

...khuya rồi đó, em về vui cha đọi/ đầu em thom anh gói cả làn

*môi/ cha hôn xuống nghẹn ngào rơi tiếng lệ/ - thằng anh mày rồi
chết sớm con ơi !”*

Bài thơ dài đến 56 câu, linh tinh những tâm sự buồn khi nghĩ về tương lai lẫn sức khoẻ của chính mình. Mừng hay buồn về nỗi lo sợ của người cha già ?

Năm 1968, trong những lúc đùa giỡn với cái chết, ngoài mặt trợn, tôi lại gọi về em trai tôi những tâm sự khác. trong bài Trái Tim Hành Quân (trong tập Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu)

*... “em hồi em / anh bây giờ là tên lính mù/ trong trận chiến
tối / phải dùng lệ mình và máu thân yêu / để nhìn mặt người / phân
chia thù bạn/ để bắn thật tình / để giết tự nhiên / ôi bàn tay anh
xác xơ tũn nhục/ khế vuốt mặt mày (ngại sẽ ăn năn)/ tuổi trẻ anh
bây giờ là đó / đời sống anh bây giờ là đó/ ai cũng có quyền xài
phí tự do/ hình như anh cười đứng đưng chịu đựng / em nhận ra
chưa, anh yêu mến của em*

*anh bây giờ là tên lính mù/ chỉ huy một trung đội điếc/ với
chiếc còi trên môi/ và hàng trăm câu chửi tục...*

*....anh bây giờ là tên lính mù / của tiểu đoàn 1/4/ thuộc sư
đoàn 2 bộ binh /chỉ biết ăn ngủ và hành quân / bài thơ này viết ra
như một sự tình cờ / anh gọi Hân,/ người em trai xa xứ / hãy cầm
lấy nỗi tình anh.”*

Cũng là một bài thơ dài, tôi chỉ trích tiêu biểu.

Sau cuộc “đổi đời tôi đập xích lô/ chở em đôi bạn đam mơ vẫn
buồn..”(LHoán). Em tôi không cho tôi có cơ hội ngồi vá bánh xe
đạp, hoặc đi dạo bán cà rem mà vẫn: ... “nghĩa là còn muốn làm
duyên/ còn nghe tim đập loạn thiên trong lòng” Em đã rủ cô vợ
T.T.B.V đến sở *Emploi et Immigration Canada* để ký giấy bảo
lãnh cho cả gia đình tôi qua đoàn tụ. Ngày hai em ký là ngày 24
tháng 7 năm 1979. Sáu năm sau chúng tôi gặp nhau. Tuy vậy, nếu
tính chi tiết, thời gian hai anh em cùng sống dưới một mái nhà
chưa quá 10 năm. Hiện chúng tôi cư ngụ ở hai thành phố, xa nhau
đến hơn 5 giờ lái xe.

Khi biết em tôi trở lại sinh hoạt văn học tôi rất vui. Dù sinh
hoạt để giải trí hoặc .. “chỉ là những trạm chõ cho những khoảng
trống khi những thú đánh tennis, đánh golf (Hân có chân trong
hội...) có phần giảm vì thân thể mỗi ngày càng giàu có thời

gian...”(TTMN). Ngoài ra, sau lần cùng H.Đ (cô vợ sau cả cô vợ V.T.T), về thăm Việt Nam trở qua, Hân và H.Đ rủ bè bạn sinh hoạt từ thiện, và nhóm Hy Vọng Cho Tuổi Thơ (*Hope For Kids*) có mặt.

Sinh hoạt từ thiện hình như đã chiếm khá nhiều thời gian của Hân. Là một người rất chịu khó tổ chức những buổi văn nghệ gây quỹ, Hân đã thực hiện được Dạ Vũ Hóa Trang (25-10-2003), Đêm Thơ Lê Hân, Nhạc Phan Ni Tấn (12-12-2003), Đêm nhạc thánh phòng (với sự tham dự của Lê Thu, Diễm Liên, Nguyễn Khang, Hoàng Lan, Vương Hương, Nguyễn Thế An, Hoàng Thi Thao... 13-3-2004), Đêm Hoàng Lan (23-5-2004), Buổi Ra Mắt Sách của Song Thao, Luân Hoán (19-6-2005). Đêm nhạc thánh phòng tại Montréal (với Trần Thu Hà, Trần Thái Hòa, Lê Thu...), Gần đây nhất là buổi trình diễn của nhạc sĩ Từ Công Phụng cùng ra mắt sách của Hoàng Xuân Sơn, Luân Hoán, Song Thao (07-5-2006)...



Từ Công Phụng, Luân Hoán, Song Thao, Lê Hân (2006)

Có lẽ vì vậy lâu nay tôi ít gặp thơ của Hân trên các trang điện tử. Và cũng chưa thấy tập thơ thứ hai được in thành sách. Dù chỉ với mục đích làm thơ để vui chơi, quá thời kỳ để chen chân vào

văn giới, thơ Lê Hân được khá nhiều người đón nhận, được nhiều trang điện tử đăng tải. Thảo Nguyên phát hiện một chi tiết lý thú:

“Anh Lê Hân tự nhận mình là tên liều mạng. Và với một chút chùng như chua chát, anh cho rằng thơ bây giờ đang được mùa – mà là mùa phá sản. Chỉ vì:

viết đại và in bừa/ đầy trời thơ thiếu thảng (Lời đầu tập)

Vì liều mạng nên anh vẫn làm thơ và in thơ, không ngoài một tấm lòng: “Yêu thơ và cứu thơ”. Một chút gì đó như trích thượng, phách lối trong lý do làm thơ và in thơ. Nhưng hẳn đây là một cái quyền của những người vui chơi với ngôn từ, chữ nghĩa...”

Rồi Bắc Phong, Phạm Vũ Thịnh, Vương Ngọc Long...rãi rác đâu đó nhắc đến Lê Hân, đến thơ Lê Hân. Cả tôi nữa cũng gọi đôi lời chào mừng tập thơ của em mình.

“Ông thân sinh tôi làm thơ. Tôi làm thơ. Em tôi làm thơ. Con tôi làm thơ. Và rồi cháu tôi sẽ làm thơ. Điều này không có gì lạ với người Việt Nam. Tôi tin một số lớn gia đình người Việt, đều có một vài người làm thơ, hay ít ra cũng thích thú với thơ..”

Chẳng còn điều gì để nói về em tôi nữa. Tôi vẫn ngại ngùng khi phải khuyên bảo chú ấy một điều gì. Chính là lúc tôi đóng vai người anh. Khi chúng tôi bàn về một mẫu bìa, một hình thức tổ chức...và không bàn chi đến những bài viết, là lúc tôi trong vai người bạn. Tôi vẫn giữ thói quen không đưa ra ý kiến về thơ văn của bằng hữu một cách dông dài, ngoài mấy chữ: *hay lắm. được đó...*tuồng như rất khách sáo.

Em tôi, một người làm thơ cô đơn giàu hạnh phúc. Tôi chẳng biết chọn ai trong số bạn gái của Hân hiện nay để làm em dâu, ngoài chú ấy chọn cho tôi, cho đại gia đình chúng tôi.

“Chị Kim Anh thương, em sẽ thúc chú ấy sớm lo việc này cho tuổi già sắp đến của chú đỡ cô quạnh. Thăm và chúc anh chín Hiễn sớm bình phục”



Lưu Nguyễn và cõi Thiên Thai giữa đời thường

Những năm lên bốn, lên năm sống tại núi rừng Tiên Phước, tôi rất thích ngày lễ cúng Mừng Năm. Vào những ngày cúng lễ này, má chúng tôi thường ở nhà cả ngày, còn tôi, chị Kim Anh và em Hân thường được đi lang thang để hái đủ mọi thứ lá tùy thích mang về nhà. Đứng vào lúc mặt trời đứng bóng, giữa trưa, một thau nước sạch, được đặt nghiêm chỉnh ngoài sân, một nơi thật thích hợp, thu trọn vẹn ánh nắng chiếu xuống mặt nước trong thau. Sau đó chúng tôi được rửa mặt với nước trong thau này. Dĩ nhiên chỉ rửa ‘làm phép’ cho ‘sáng mắt’ thôi. Thời bấy giờ tôi chưa được biết danh xưng Tết Đoan Ngọ. Một ngày Tết còn được gọi là Tết Đoan Dương, hay Tết Trùng Ngũ, Đoan Ngũ, vốn xuất xứ từ bên nước Trung Hoa. Đó là ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch. Tuy không biết rõ nguồn gốc và đầy đủ các tên gọi cho một ngày được cúng lễ, nhưng ngày Mừng Năm (tháng năm) vẫn theo tôi đến bây giờ. Tôi đã đọc một vài mẫu chuyện liên quan đến ngày Tết đặc biệt này, như chuyện nhà thơ Khuất Nguyên. Ông thuộc dòng họ Tam Lư, giữ chức Tả Đô nước Sở dưới triều Hoài Vương thời Thất Quốc (307 – 246 trước Tây lịch) bên Tàu. Tuy là người liêm chính và tài giỏi nhưng không được vua tin dùng, ông đã viết nên bài Ly Tao để than oán thân phận. Chưa hết, vào đời vua Tương Vương kế tiếp, ông còn bị bắt đi đày nên lại viết thêm bài Hoài Sa, rồi tự cột đá vào thân thể trầm mình tại sông Mịch La. Cái chết của ông vào ngày mùng năm tháng năm, đã đánh thức sự hối hận của nhà vua. Dân chúng được phép cúng tế ông, lễ vật được thả xuống dòng sông rất cung kính. Cùng với chuyện Khuất Nguyên, một câu chuyện phổ biến dân giả hơn là chuyện Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai. Chuyện này khá giản dị nhưng rất thơ mộng. Vào một ngày Tết Đoan Ngọ. Hai người bạn Nguyễn Triệu và Lưu Thần đã rủ nhau đi vào núi Thiên Thai để hái lá làm thuốc. Trên đường đi hai ông Triệu và Thần đã



gặp được các nàng tiên. Say mê cảnh trí cùng nhan sắc, hai ông phó thường dân đã kết duyên cùng hai nàng tiên. Tuy nhiên cuộc sống hạnh phúc thanh nhàn đã không giúp hai ông giàu diễm phúc quên được nếp nhà cũ, con đường xưa, nên xin phép vợ hồi hương thăm viếng. Rất đáng tiếc, khi trở về đến quê hương thì cảnh cũ đã đổi thay. Chán nản hai ông tìm về với vợ. Chuyện kể tiếp, hai ông không được gặp lại những người vợ tiên nữ nữa, và mất hút vĩnh viễn trong rừng. Nhưng theo tôi nghĩ, có thể hai ông đã được toại ý và đang chung sống rất hạnh với gia đình riêng của mình ở chốn có tên gọi bồng lai tiên cảnh. Câu chuyện thật hay này sống trong trí nhớ tôi một thời gian dài, rồi bỗng lảng chìm đầu mất. Cho mãi đến năm 1985, tôi chợt nhớ khi không ăn lễ cúng mừng năm như thường lệ, mà khi gặp một người bạn mới, trẻ tuổi hơn mình tại Montréal Canada.

Người bạn mới của tôi là một nhà thơ, một nhà sinh hoạt xã hội năng động và đang tạo được thanh danh trong cộng đồng người Việt tại thành phố Montréal. Có lẽ không riêng gì tôi, khi được giới thiệu danh xưng Lưu Nguyễn, thì đa số nhớ đến chuyện Lưu Nguyễn lạc Thiên Thai. Nhạc sĩ Văn Cao, nhạc sĩ Phạm Duy đã từng mang câu chuyện lý thú này vào trong nhạc qua vài ca khúc đề đời. Ngày đầu tiên tôi gặp Lưu Nguyễn của thế kỷ 20, do nhà thơ Phạm Nhuận giới thiệu trong một quán ăn để mừng sau một buổi ra mắt sách một bạn văn nào đó, tôi quên tên. Tôi nghĩ ngay anh chàng này tên Lưu, họ Nguyễn. Đảo ngược tên, họ ở cái xứ Canada này không thông dụng như bên Mỹ quốc, để đến thành thơ như ông Cao Tần Lê Tất Điều. Nhưng cũng không hiếm lắm. Tên Nguyễn Lưu thành bút hiệu Lưu Nguyễn thật giản dị. Nhưng cái tiên đoán của tôi trật đường rầy. Nhà thơ Lưu Nguyễn có cái tên rất đẹp, dù hình như trùng một cái tên đã có: Nguyễn Thế Nghiệp.

Tôi kết thân với Lưu Nguyễn Nguyễn Thế Nghiệp khá nhanh vì anh là một người đồng hương của tôi. Cái giọng nói Quảng Nam thường được đem lên sân khấu làm trò cười công cộng, nhiều lúc nghe thật thân thương, ấm lòng. Nghiệp phát âm lớn và rõ đó là thói quen rất đặc biệt của anh. Xuất thân từ làng Đông Phú thuộc quận Quế Sơn, một địa danh không lạ với người Quảng Nam như tôi. Đông Phú là một làng nhỏ trù phú dù nằm trong màu xanh trùng điệp của núi rừng. Từ ngày 05 (lại ngày mừng năm) tháng 8

năm 1947, Nghiệp bắt đầu hít thở hương đời, hương đá, cỏ hoang dã, nên tích tụ được một tấm lòng yêu thiên nhiên. Thời niên thiếu, anh đã từng một mình, một xe đạp lang thang rong chơi qua nhiều thôn làng, ruộng đồng, đình chùa. Anh có cơ duyên tốt nghiệp tiểu học trường làng là một thú vị đáng kể của thời trẻ thơ. Hơn thế nữa anh học Đệ thất đến Đệ tứ tại ngay quận Quế Sơn. Lên bậc đệ nhị cấp, Đệ tam đến Đệ nhất anh mới làm một cậu học sinh của trường trung học Trần Quý Cáp Hội An. Con đường học vấn của anh bằng phẳng, suông sẻ. Sau một năm học môn Triết ở Văn Khoa Sài Gòn, Nguyễn Thế Nghiệp vào Đại học Sư phạm Sài Gòn rồi tốt nghiệp, được bổ về dạy tại Phước Tuy đồng thời dạy tại một số trường tư thục ngay trong địa bàn Sài Gòn. Là một nhà giáo hiểu học, nên anh có thêm được văn bằng Cử Nhân Giáo khoa Triết Đông của Đại học Văn khoa Sài Gòn cấp. Vững vàng với trình độ học vấn, Nguyễn Thế Nghiệp bắt đầu tham gia sinh hoạt văn học. Anh có tên trong nhóm Nghiên Cứu Triết Học tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Những đoán văn, những bài thơ của anh khởi đi từ thời trung học đã được phổ biến trên một số báo chí. Nhưng chưa kịp hoàn hảo, Nguyễn Thế Nghiệp đã phải thi hành nghĩa vụ quân sự, qua ngã Bộ Binh Thủ Đức. Khóa 2/72 là chặng đầu đến với đời lính của anh. Dù là phó thường dân, hiền lành hơn bạn Tướng Năng Tiến, sau 1975 nhiều người còn bị lừa vào trại cải tạo, hướng chỉ đã làm duyên với quân đội, nên Nghiệp được cho vào K4 Long Khánh vài năm để hưởng cái ơn chiêu đãi của chính thể mới. Anh ra trại vào năm 1977, về Sài Gòn sống không có hộ khẩu vì bất tuân lệnh đi kinh tế mới. “Nhàn cư vi bất thiện” mà cái bất thiện dễ thương, hấp dẫn là chuyện vượt biên, nên Nghiệp tích cực tham gia vào đại phong trào này. Kỷ niệm khó quên trên đường đi tìm tự do của Nghiệp là 16 ngày trôi lênh đênh trên biển, cuối cùng tấp được vào Hòn Cau để đi vào nhà tù Côn Đảo hơn một năm dài. Cái vinh hạnh được làm tù nhân Côn Đảo của Nguyễn Thế Nghiệp chấm dứt vào tháng 4 năm 1980. Lòng vòng ba tháng ngồi không trong tư cách một người công dân không giấy tờ, anh được một người bạn tốt bụng, nhà văn Phan Tấn Hải, nhường chỗ trong một chuyến vượt biên. Thế chỗ của một người có tâm Phật, Nguyễn Thế Nghiệp được tàu Cap d’Anamour vớt sau ba ngày vật vờ với sóng gió. Anh được đưa đến tị nạn tại Singapore, rồi được định cư tại thành phố Montréal vào cuối năm 1980, do bảo lãnh của người

em ruột, Nguyễn Văn Nhi, đã đi du học từ trước 1975.

Với 5 năm định cư trước tôi, khi tôi gặp Nguyễn Thế Nghiệp, anh đã là một ông Lưu Nguyễn rồi. Cõi Thiên Thai của anh hình như cũng đã có, và do chính anh tạo nên ngay giữa đời thường trên xứ người. Từ năm 1982 anh đã cùng một số bạn, sinh hoạt trong một hội đoàn chính trị, điều hành một cơ sở ngôn luận, mang màu sắc tranh đấu với tên Vượt Biển. Để hiểu rõ về sự trưởng thành của Vượt Biển, tôi xin trích lại bài giới thiệu của chính tôi viết mấy năm trước đây, dưới tên Lê Bảo Hoàng:

“Năm 1979, tại quốc nội phong trào vượt biển tìm tự do càng ngày càng lên cao. Mặc dù những quốc gia Hoa Kỳ, Canada, Úc Đại Lợi... mở rộng cửa đón người tị nạn trong tinh thần ưu ái nhân đạo. Nhưng với hai bàn tay trắng đối diện với cuộc sống mới vô cùng xa lạ, người Việt trên đất người, không thể tránh khỏi những lo sợ, cô đơn. Để lấp bớt phần nào lỗ hổng tinh thần mà người ngoại quốc khó giúp đỡ được, một số người Việt ở khắp mọi nơi đã tìm lại với nhau, thành lập những hội đoàn. Và để việc kết nạp, sinh hoạt chóng có kết quả tốt, một số đoàn thể đã sớm phát triển những cơ quan thông tin, liên lạc. Những bản tin thực hiện đơn sơ nhưng quý báu được tung đi. Đó là bước đầu cho sự hình thành những đặc san, nguyệt san, tạp chí về sau.

Cũng như nhiều hội đoàn khác, Hội Ái hữu người Việt Nam tại Montréal đã bắt đầu biếu không những Bản Tin từ năm 1980. Với 12 trang khổ 22x28 cm, giấy trắng, Bản Tin của tổ chức này gói ghém những tin tức liên quan đến người Việt ở khắp nơi, cộng thêm những bài nhận định thời cuộc, được in dưới hình thức quay ronéo không mấy sáng sủa. Theo thời gian, cùng với mức ổn định cuộc sống, Bản Tin 12 trang, đã vươn mình để trở thành một đặc san, dưới một cái tên mới: Vượt Biển.

Vượt Biển có mặt tại Montréal từ năm 1981. Vẫn giữ hình dạng cũ, 22x28; vẫn thực hiện bằng quay ronéo trong nhiều số đầu. Nhưng số trang đã được tăng lên đến con số 44. Nội dung nhờ đó cũng dồi dào hơn. Ngoài xã luận, tin tức còn có thơ, truyện cùng những minh họa. Những người góp bài trong giai đoạn này gồm: Lưu Nguyễn, Lê Nghĩa, Hồng Nguyên, Trầm Nguyên, ...

Bước tiến mới của Vượt Biển có lẽ bắt đầu trong năm 1982, Từ đặc san, tiến lên nguyệt san, từ ronéo chuyển qua in typo, bìa

trắng láng. Và có đến 80 trang với khổ cũ. Điểm đặc biệt trong giai đoạn này là có ghi rõ danh tánh của những người đại diện tại nhiều thành phố. Ở Montréal liên lạc với ông Vũ Ngọc Hiến, ở Ottawa qua Nguyễn thành Danh, và Ông Nguyễn Huy Tâm phụ trách tại Toronto. Tòa soạn không thay đổi, hộp thư vẫn ở: CP 40 Succ Côte Des Neiges Montréal, PQ, H3S 2S4. Những người đóng góp bài viết có thêm những: Nguyễn Minh, Bình Ca, Mạc Vũ, Nguyễn Kỳ Tú, Gát Ca, Võ Văn Quân, ... Ngoài những mục đã có từ Bản Tin, Đặc San, Vượt Biển còn in những tin sinh hoạt dưới dạng hình ảnh.

Cùng với sự gia tăng dân số Việt Nam tại Montréal, cũng như không ngừng canh tân, vào mùa xuân năm Mậu Thìn, 1988, Vượt Biển vươn mình thêm lần nữa với một danh xưng nhẹ nhàng và có màu sắc văn nghệ hơn: *Nắng Mới*. *Nắng Mới*, tự xếp mình là một Tạp Chí thông tin, chính trị, văn học, nghệ thuật. Số 1 dành cho tháng 2 và tháng 3-1988. Trong số này lá thư ngỏ của ban biên tập ghi rõ:

... "Kể từ số Xuân Vượt Biển 59, Ban biên tập xin được đổi tên Vượt Biển thành Nắng Mới cho phù hợp với nhu cầu cần có những con người mới cho hoàn cảnh đấu tranh mới, cho việc cứu nước và dựng nước sau này..." Ngoài những tay viết quen thuộc *Nắng Mới* có thêm những Trình Chung, Bình Minh, Trung Hiếu, Trần Tiêu, Nam Hà, Nguyễn Việt Phục, Trần Văn Hội, Đại Ngu, Hồ Mộng Thiệp, Phương Việt, Hoài Nam, Thiên Phúc, Song Hát, Lê thị Bạch Nga, Nguyễn Bá Tứ, Nguyễn Thanh, Sông Trà, ... Dĩ nhiên đây không phải chủ lực nòng cốt của *Nắng Mới*. Nhưng sự gọi bài đóng góp đông đảo, nói lên được tính cách phổ biến khá rộng của tờ báo. Tuy vậy, *Nắng Mới* vẫn chưa phải là một tạp chí vượt quá lãnh thổ Montréal, trong tầm vóc văn hoá, nghệ thuật.

Với quyết tâm cộng theo lòng yêu văn nghệ tha thiết của những người chủ trương, *Nắng Mới* bước thêm một giai đoạn thay đổi. Ngay trang đầu độc giả đã được giới thiệu thành phần cốt cán của tờ báo. Chủ nhiệm Nguyễn Đăng, chủ bút Vũ Ngọc Hiến. Ban chủ trương, ngoài hai ông Đăng và Hiến còn có quý ông: Lưu Nguyễn, Lê Quang Xuân, Biên Cương, Đỗ An. Một danh sách về những người cộng tác cũng được nêu rõ. Điểm này, có lẽ đã giúp tờ báo trở nên trang trọng, có tính cách chuyên nghiệp hơn.

Sáng tác của những cây bút thành danh quen thuộc tại hải

ngoại như Hồ Trường An, Hoàng Xuân Sơn, Phan Ni Tấn ND, Vũ Kiện, Võ Kỳ Điền, Song Thao, Nguyễn Mạnh Trinh, Triệu Hoa Đại, Luân Hoán, Hoàng Lộc, Thái Tú Hạp, Nguyễn Tấn Hưng, Trang Châu, Nguyễn Đông Ngạc, Hoàng Chính, Hồ Đình Nghiêm, Hứa Hoành, Kiệt Tấn, Lê Tấn Lộc, Nguyễn Thị Vinh, Song Hồ, Trần Hoài Thư, Xuân Vũ, Nguyễn Đức Lập, Phạm Thăng, Nguyễn Văn Ba, Phan Tấn Hải, Nguyễn Hữu Nhật, Thụy Khanh, ... đã thường xuyên xuất hiện trên tạp chí, nói lên sự trưởng thành của *Năng Mới*.

Năng Mới đã là một tạp chí được đón nhận tại nhiều quốc gia có người Việt sinh sống. Tiếc thay tuổi thọ của tạp chí đang lên này, vội kết thúc vào năm 1994, sau khi gắng trở mình một lần nữa: ra khổ lớn và thất bại. Có lẽ điều kiện tài chánh đã buộc những người có lòng phải xuôi tay." (LBH).

Xin nói thêm, sớ dĩ tôi trích lại bài giới thiệu này, vì theo tôi nghĩ, công sức, tâm nguyện của Lưu Nguyễn "đầu tư" vào tờ báo này không nhỏ, vượt hẳn những người đứng tên chịu trách nhiệm. Khi đã quen biết, dĩ nhiên Lưu Nguyễn có mời tôi góp tay cho tờ báo. Sau nhiều lần cho đăng thơ lẻ tẻ, tôi có chút đóng góp thật sự trong số 32, xuân Tân Mùi. Trong số phát hành vào tháng 2-1991 này, tôi dùng bút hiệu Lê Ngọc Thạch Bích để giới thiệu "Những Khuôn Mặt Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật Hiện Cư Ngụ Tại Montréal". Tôi đã nhờ họa sĩ Vivi phác họa đầy đủ chân dung những người tôi chọn giới thiệu, đăng kèm. Đội ngũ này gồm: nhà thơ Bắc Phong, nhà thơ Đỗ Quý Toàn, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn, nhà văn Hồ Đình Nghiêm, nhà biên khảo Lê Hữu Mục, nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân, nhạc sĩ Lê Dinh, nhà thơ Lưu Nguyễn, Luân Hoán, nhà văn Nguyễn Đông Ngạc, nhà văn Nguyễn Hữu Chung, nhà thơ Phạm Nhuận, nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương, nhà văn Song Thao, nhà văn Trang Châu, nhà báo Trần Nhã Nguyên, nhà văn Trương Bảo Sơn, nhà văn Võ Kỳ Điền, sử gia Nguyễn Khắc Ngữ, nhà biên khảo Vũ Tiến Phúc, họa sĩ Vivi, ca sĩ Đoàn Chính, ca sĩ Hoàng Phúc, ca sĩ Hương Bình, ca sĩ Hoàng Kim Uyên (á hậu VN), ca sĩ Kim Tuấn, ca sĩ Lê Duy, ca sĩ Lê Phan Lâm, vũ sư Lưu Bình, ca sĩ Mỹ Dung, ca sĩ Mỹ Lan (vợ Nhật Trường sau này), ca sĩ Nguyên Ngọc, nhạc sĩ cổ nhạc Nguyễn Chí Hòa, ca sĩ Thanh Hằng, ca sĩ Thanh Hà, nhà báo Vũ Ngọc Hiến. Trong những số kể

tiếp, ngoài góp thơ với bút hiệu Luân Hoán, tôi còn dùng tên Lý Phước Ninh, để viết những bài tổng kết văn học hằng năm. Vì có tật xấu thường góp ý cả vào phần hình thức, nên tôi không được Lưu Nguyễn cũng như nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân vừa lòng lắm. Điều này tôi được biết qua một người bạn họa sĩ, thực hư thế nào không rõ, nhưng tôi cũng đã sớm dừng lại những tích cực hơi quá tay với Năng Mới.

Trước thời gian đan díu với Năng Mới, nhờ quen Lưu Nguyễn, tôi quen thêm được họa sĩ Vivi và nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân. Lúc bấy giờ Lưu Nguyễn thường sử dụng chiếc xe cũ, hình như hiệu Ford, màu mỡ gà, hai cửa. Anh thường đóng vai người dẫn đường cho tôi đến những cuộc sinh hoạt do chính anh giới thiệu. Ngồi bên anh, tôi thấy anh điều khiển xe chạy rất cẩn thận, nhưng nghe tin anh đã bị trừ gần đến số điểm mất bằng lái, kể cũng lạ. Trong mọi thứ tiêu khiển, có lẽ Lưu Nguyễn thích chơi *domino* nhất, thứ đến là uống rượu mạnh cùng bè bạn. Thuốc lá cũng là một người bạn của anh. Với một cơ thể giàu có da thịt, Lưu Nguyễn hình như không ngại dính vào mọi cuộc vui.

Anh là người đứng đầu cù rữ chúng tôi uống cà phê cuối tuần. Cứ chiều thứ năm là anh *phone* cho chúng tôi. Những chỗ ngồi của chúng tôi thường là Harvey's, McDonald,....và đặc biệt một chỗ, nhà văn Song Thao đã ghi lại tỉ mỉ:

“Không hiểu sao mấy ông bạn tôi lại thích ngồi tụ tập ở quán cà phê này. Có lẽ vì cái chữ M nằm đỏ chót trên tấm bảng hiệu chẳng? Ôm M bao giờ mà chẳng gọi nên những êm đềm, lá lướt, mang mang một vị ngọt ngào đắm thắm. Mà chẳng phải chỉ có một M đâu nhé. Tới ba M lận. Một M nồng nàn đỏ chót nằm đầu, rồi tới một M tươi mát màu da cam, một M kiêu sa vàng chói. Quanh bàn cà phê là những khuôn mặt thường xuyên lui tới. Lưu Nguyễn chẳng bao giờ để quên nụ cười ở chốn thiên thai, Lê Quang Xuân kính trắng trẻ xuống mũi nhả nha góp chuyện, Trang Châu đi dỏm ứng biến và Hồ Đình Nghiêm là người bỏ rất nhiều gia vị vào câu nói. Thịnh thoảng xẹt tới với “anh em” là Luân Hoán tứ thời bát tiết không nhưc đầu thì cũng sổ mũi ho hen, Nguyễn Đông Ngạc trầm mặc chế tạo khói thơm cho chiếc tẩu luôn luôn nóng ấm, Vũ Ngọc Hiến không vợ con mà lúc nào cũng bận bịu như có cả chục đứa con nít nằm trong máy điện toán, Phạm Nhuận ngất

ngưỡng duyên dáng và Nguyễn Ngọc, bóng hồng duy nhất mà chẳng lạc lõng một chút nào trong những câu chuyện khi đông khi tây quanh bàn cà phê...”

Lưu Nguyễn cũng là người thường tổ chức gặp mặt bè bạn, khi có một bạn vắng từ phương xa đến thăm Montréal. Đi và gặp bè bạn là hai việc không thể thiếu mỗi ngày của Lưu Nguyễn. Thật khó điện thoại gặp anh ở nhà. Những năm về sau, khi chiếc xe cũ đã an nghỉ, Lưu Nguyễn vẫn không ngớt lang thang bằng chính đôi chân của anh. Tài xế cho anh mãi đến bây giờ (2006) vẫn là những người ăn lương của sở giao thông vận tải công cộng. Vui tính, nói nhiều, mau ngủ và có tiếng ngáy như sấm, không rõ Lưu Nguyễn có vô tư hay không, nhưng đúng là một người thông dong, hạnh phúc

Với một bản tính thích hoạt động, Lưu Nguyễn có mặt trong nhiều tổ chức như hội Vượt Biển, hội Nhà giáo, hội Cựu quân nhân, hội Văn bút, hội Quảng Đà, Cộng Đồng Người Việt...

Anh từng giữ những chức Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Việt Nam tại Québec nhiệm kỳ 1991-1993. Sau nhiệm kỳ này, anh đóng đô trong vai phó chủ tịch cho đến ngày nay, không có đối thủ. Dĩ nhiên còn nhiều chức vụ quan trọng khác trong các sinh hoạt chính trị, nhưng tôi chỉ biết lơ mơ không dám viết bừa bãi.

Về sinh hoạt văn học, Lưu Nguyễn đăng thơ trên các tạp chí Văn, Văn Học, Làng Văn, Vượt biển, Sóng, Thời Tập, Canh Tân, Hợp Lưu, Năng Mới, Khởi Hành, Tạp chí Thơ, Thế Kỷ 21... Tuy mỗi nơi không nhiều, không đều, nhưng đã có thơ anh góp mặt. Năm 1990, khi thân tình giữa hai chúng tôi đã có chút ít trọng lượng, tôi không ngại cù rú Lưu Nguyễn in thơ. Cái tật xấu khó chữa của tôi đã hại tôi không ít. Với Lưu Nguyễn, tôi phải thu xếp, giới thiệu nhà xuất bản cho anh, cộng thêm một việc làm quá sức mình: viết tựa. Đã lên lưng cọp, tôi tiến tới luôn. Một tựa nhỏ cho tập thơ Tri Âm của Lưu Nguyễn do Sông Thu của Thái Tú Hạp bên Hoa kỳ ấn hành, là bài tựa đầu tiên tôi viết tại hải ngoại. Bài tựa không có gì xuất sắc, có trích 4 câu thơ của Lưu Nguyễn, tôi xin trích lại ít dòng:

... “Khi được Lưu Nguyễn dành cho cái vinh dự viết lời bạt hay lời tựa, tôi đã hí hửng nhận lời và vẽ ngay trong đầu những

lời lẽ óng mượt để được đing ké trên da thịt đũa con tinh thần đầu tiên của anh. Nhưng bây giờ, trước những trang thơ ám áp tình người, tôi chỉ muốn ngồi yên cảm nhận hơn là vẽ vờì bừa bãi những lời vô bổ. Và thắm thía nhận cái khả năng hạn hẹp của mình. Viết gì cho một tập thơ tự nó đã dẫn dắt những đọc giả của nó đến gặp được tác giả? Có tình nhật một vài hạt sạn trong nguồn nhạc điệu điều hòa để chỉ trích? Hay mức lời bốc thom, coi thường những bạn đọc khác? Không. Tôi không dám....

...Tuy vậy, tôi đã được nghe và bây giờ xin phép lặp lại chung chung một số nhận xét của bè bạn tác giả Tri Âm: ‘Thơ Lưu Nguyễn bình dị, nhẹ nhàng. Cảm xúc của anh chan hòa trong mỗi dòng thơ thật gần với đại đa số quần chúng. Đẹp nhất là những bài 7 chữ hay 8 chữ:

Bởi là ta nên suốt đời lẩn thẩn / trong mênh mông cứ đuổi bắt
mệt nhoài/ tìm trở lại chính mình, mình ngỡ ngán/ đêm buông rồi
bóng tối phủ hai vai ...” (Lưu Nguyễn – Tri Âm)



Năm 1993, Lưu Nguyễn cho ấn hành thi phẩm thứ hai của anh, tập Ngày Qua Rất Vội, do chính tạp chí Nắng Mới đứng tên xuất bản. Tập thơ này in đẹp, bìa của họa sĩ Đinh Cường. Các phụ

bản thực hiện bởi các họa sĩ Võ Đình, nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân, họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật, họa sĩ Đinh Cường.

Nếu tập Tri Âm được tổ chức ra mắt tại trụ sở Cộng Đồng Người Việt trên đường Victoria, thì tập Ngày Qua Rất Vội cũng được tổ chức trình làng cùng với tác phẩm đầu tay của nhà văn Song Thao. Ra mắt sách, có thể nói là một sinh hoạt văn học đã đem lại một đôi chút tự hào của người Việt tại thành phố lớn Montréal. Cũng trình diện những tác phẩm, cũng giới thiệu đôi chút thân thể sự nghiệp cầm bút của tác giả, nhưng không khí sinh hoạt này tại Montréal khác hẳn với những buổi tổ chức tương tự tại các thành phố lớn khác như Washington DC, Toronto, Boston... Những buổi ra mắt sách tại Montréal thường được tổ chức trong một thính đường trang nghiêm, rộng rãi, thoáng mát, âm thanh, ánh sáng chuyên nghiệp, và nhất là số lượng tham gia của người đọc bao giờ cũng rất đông. Con số tối thiểu 200 người có mặt là chuyện bình thường. Để có thể hình dung, tôi, một lần nữa, xin được lược trích bài của chính tôi viết, dưới tên Nguyễn Minh Dũng, về cuộc ra mắt Ngày Qua Rất Vội của Lưu Nguyễn, và Bỏ Chốn Mù Sương của Song Thao, đã in trên tạp chí Năng Mới, số 21 tháng 6 năm 1993:

“ Thông thường tin sinh hoạt đó đây được nhật nhanh nhất tại các quán cà phê. Và những nguồn tin bay từ hương khói thom lừng đó, thường đạt được trên 50% xác thực. Năm 1993, hình như văn giới Việt Nam tại Montréal, Canada, đã hẹn nhau để in ấn, phát hành tác phẩm. Những đứa con cùng mang tuổi Quý Dậu sẽ ra đời: Thơ Ở Làng Cây Phong (Đỗ Quý Toàn), Huế Buồn Chi và Thơ Quỳnh (Hoàng Xuân Sơn), Truyện Ngắn (Hồ Đình Nghiêm), Việt Nam Quê Hương Tôi (nhiếp ảnh, và thơ nhạc của Lê Quang Xuân và bạn văn), Ngày Qua Rất Vội (Lưu Nguyễn), Chữ Nghĩa (Nguyễn Đông Ngạc), Về Biển Đông (Trang Châu), Bỏ Chốn Mù Sương (Song Thao)...

Hình thành nhanh nhất là nhịp thở ngậm ngùi của Lưu Nguyễn trước tốc độ ngày tháng lưu lạc “Ngày Qua Rất Vội” và hình ảnh trĩu nặng tâm sự của Song Thao khi phải “Bỏ Chốn Mù Sương”. Một tập thơ một tập truyện, cả hai tác phẩm đã trình làng trong vóc dáng lộng lẫy, dưới hai ngọn cọ tài hoa Đinh Cường, Nghiêu Đề, phối hợp cùng những bàn tay trang điểm: Võ Đình, Lê Quang

Xuân, Nguyễn Hữu Nhật, Thái Tuấn, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêam, Vũ Ngọc Hiến. Chào mừng bước đầu của cuộc chơi nghệ thuật in ấn, các bạn văn Nguyễn Tấn Khang, Nguyễn Đông Ngạc, Trang Châu, Hồ Đình Nghiêam, Trương Văn Tuyên, Đào Trọng Quyền, Hoàng Kim Uyên, Hoàng xuân Sơn, Lê Phan Lân, Nguyễn Ngọc, Phạm Đình Cường, Phan Ni Tấn, Tiểu Thu, Tuyết Anh, Xuân Thảo, Luân Hoán, Lý Phước Ninh, ... đã nồng nhiệt giới thiệu “Ngày Qua Rất Vội” và “Bỏ Chón Mù Swong” đến giới yêu sách, yêu chữ nghĩa Việt Nam hiện có mặt tại Montréal Canada đêm 22 tháng 5 năm 1993....

... Trước khán giả tràn ngập thính đường Trung tâm sinh hoạt De La Peltrie, Côte Des Neiges, giáo sư Nguyễn Tấn Khang, chào mừng quan khách, trình bày lý do đêm sinh hoạt. Nhà văn Nguyễn Đông Ngạc mở đầu phần một của chương trình trong đề tài “Tám lòng của văn giới đối với tiếng mẹ đẻ”. Bằng một giọng đặc biệt Hà Nội, người chủ trương nhà xuất bản Sóng trước 1975, đã bày tỏ trung trực tâm tư, tình cảm của những cây bút chân chính, dù phải rơi vào nghịch cảnh khó khăn về tinh thần hoặc vật chất, vẫn không ngừng nghỉ sáng tác, để nuôi dưỡng, bồi bổ cho ngôn ngữ, chữ nghĩa dân tộc. Viết, sáng tác luôn luôn là trách nhiệm, là bổn phận và cũng là vinh dự của một người đã tự nguyện cầm bút. Chúc năng khiêm nhường và cao quý đó, Lưu Nguyễn, Song Thao đã và đang thực hiện.

Sau hơn bảy phút tâm sự của Nguyễn Đông Ngạc, nói riêng, của văn giới nói chung, không rõ vì đũa con tinh thần của Lưu Nguyễn có già ngày tháng hơn chút đỉnh, hoặc vì thơ chỉ là một loại tác phẩm dành để trang điểm hơn tiêu thụ, nên được ưu ái giới thiệu trước, qua những cảm nhận của đương kim Chủ tịch Văn bút Việt Nam Hải Ngoại, nhà văn Trang Châu.

Theo Trang Châu, ngay cái tựa sách “Ngày Qua Rất Vội” đã nói lên nỗi ray rứt của con người trước tốc độ thời gian. Trong cuộc sống xa xứ, buồn chán, ngày ngày quẩn quanh, ao ước từng giờ lao động chóng qua, càng trông đợi cái chi phiếu mỗi cuối tuần, càng thấy rõ bước đi của ngày tháng và chợt lo sợ. Trong cái lo sợ vừa đích thực vừa vu vơ đó, thi sĩ đã vì mình sống lại thời đã qua. Đã cho phép mình nâng niu những kỷ niệm đã giàu có bụi đời. Hành diện có, xót xa có. Tình trai gái có, tình quê hương, tình bằng hữu chất ngất trong thơ Lưu Nguyễn. Và Trang Châu đã tỉnh

mắt nhìn ra, ở tập Ngày Qua Rất Vội, Lưu Nguyễn đã tiêu xài chữ nghĩa, vắn điệu cho tình lúa đôi nhiều hơn tập Tri Âm, thi phẩm đầu tay của ông. Trang Châu còn tế nhị nhận xét: “thơ tình của Lưu Nguyễn chừng mực, kín đáo từ tốn đến gần như lễ độ” và ông không quên bào chữa cho thái độ thiếu tích cực khi yêu của tác giả: ‘yêu là một cái thú riêng cho mình, có được ai yêu lại cũng tốt, không được yêu lại cũng chẳng sao’ Phải chăng thi sĩ là như thế? Đều là như thế? Đẹp vô cùng và cũng thảm quá chừng !!!

Về bút pháp, Trang Châu đặc biệt thưởng thức thể lục bát của Lưu Nguyễn sử dụng. Cuối cùng ông đã mượn lời phê bình gia Nguyễn Hưng Quốc để gởi đến người đọc một đề nghị đọc thơ. Trang Châu không quên: ‘Ước mong quý vị khi đọc Ngày Qua Rất Vội mỗi vị sẽ có một giải thích mới làm cho tác phẩm phong phú hơn...’ Chúng ta tin rằng điều ước mong của Trang Châu sẽ được nhiều người tán đồng. Riêng cá nhân tôi, xin ăn ké bản tin này một câu trong dấu ngoặc: ‘Thơ Lưu Nguyễn thành công ở sứ mệnh truyền đạt khá trọn vẹn tình cảm từ người đến người’

Sau những nhận xét của nhà văn Trang Châu, nhà thơ Lưu Nguyễn, chủ tịch trung tâm văn bút Québec với bộ cánh lịch sự: áo sọc trắng, quần đen, vét xám, cà vạt xanh lên trình diện quan khách, khán thính giả. Với thói quen chân chất “ăn to nói lớn” của người Quảng Nam, ông đã sang sảng ngỏ lời cảm ơn khán thính giả, ban tổ chức cùng tất cả các bạn văn xa gần đã về cùng ông để mừng ngày sinh thứ nhất của đứa con tinh thần thứ hai của ông. Mặc dù từng xuất hiện trước đám đông nhiều lần trong mấy năm qua, nhà thơ cũng không giấu được những thoáng lúng túng có lẽ đã khỏi từ những cảm động chân thật trước sự ngưỡng mộ, ưu ái của khán thính giả....”

Bài tường thuật tại chỗ còn dài trong phần nhà văn Hồ Đình Nghiêm giới thiệu tác phẩm Bỏ Chồn Mù Sương cùng tác giả Song Thao, nhưng tôi xin ngừng trích ở đây.

Một kỷ niệm khó quên, sau những buổi ra mắt sách, chúng tôi thường có một cuộc cụng ly rất ‘hoành tráng’, Lưu Nguyễn thường là người đảm nhiệm phần việc này. Anh chọn nhà hàng, đặt món ăn. Mời rủ thêm một số thân hữu. Tài tình nhất là cách bố trí cách đưa rượu mạnh lên bàn tiệc, tại những nơi không có môn bài dành cho chất đưa cay. Lưu Nguyễn tỉ mỉ và tế nhị, gần

nếu không bao giờ làm mất lòng ai, dù anh rất thẳng thắn, thường phát biểu bộc trực.

Trong hai tập thơ, Lưu Nguyễn có một số bài đề tặng bạn anh như Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải, Quang Ngọc, Phan Quốc Cường... Dĩ nhiên tôi không có cái ân hận này. Tôi với anh luôn luôn đứng vững trong tình đồng hương. Chúng tôi cũng từng góp tay cùng vài bạn văn khác, dựng lên cái tên Việt Thường, để in tuyển tập thơ Bùi Giáng, thực hiện tuyển tập 20 Người Việt Tại Canada và Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000. Riêng Lưu Nguyễn, đã có mặt trong một số tuyển tập được phổ biến rộng rãi: Ngọn Cỏ Khô Trên Thung Lũng Mùa Xuân (Làng Văn, 1986), Chân Dung Thơ Luân Hoán (Kinh Đô, 1991), Tuyển Tập Thơ Văn Phật Giáo (Sông Thu, 1993), Việt Nam Quê Hương Tôi (tuyển tập nhiếp ảnh Lê Quang Xuân, 1993), Quê Hương Ngàn Dặm 2 (Người Việt Lưu Vong, 1995), Ngày Xưa Hoàng Thị (Văn Nghệ, thành phố HCM, 1995), 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (Đại Nam, 1999), Những Cây Bút Quảng Nam Đà Nẵng (Sông Thu, 1999), Luân Hoán Một Đời Thơ (Lê Hân chủ biên, Sông Thu, 2005).

Có một điều cần ghi nhận, sau khi tạp chí Nắng Mới đình bản, sinh hoạt văn học của Lưu Nguyễn hình như chậm lại. Anh ít gặp

Đình Cường, Luân Hoán, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn tại nhà L.H



bạn văn và rất ít có bài trên các tạp chí bốn phương. Nhưng anh vẫn sinh hoạt đều đặn trong tổ chức Văn bút cùng nhà văn Trang Châu. Tôi vẫn thỉnh thoảng gọi thăm anh. Và sẽ có mặt trong cuộc vui anh đón dâu vào tháng 8 tới đây. Lưu Nguyễn và Thanh Hoa có hai cháu, một trai, một gái đều đã thành đạt, nhất là cô con gái bác sĩ chuyên khoa làm anh càng yên trí thông dong. Tuy nhỏ tuổi hơn tôi, nhưng Lưu Nguyễn tỏ ra hiểu biết hơn tôi về những tục lệ hành lễ dân tộc. Anh là người hướng dẫn tôi khi cử hành hôn lễ của trưởng nữ tôi. Thậm chí còn cho tôi biết phải vái mấy cái, vái như thế nào trong nhiều dịp cùng đi tiễn chân những người bạn chung qua đời.

Chẳng phải để cảm cái tình anh đóng góp cho *Chân Dung Thơ Luân Hoán*, và *Luân Hoán, Một Đời Thơ*, tôi cũng đã viết tặng anh mấy câu lục bát: “*Bỏ thiên thai để trở về ? / cùng vài xỉ đủ nằm kề với thơ/ nghe mùi râu tóc phát phơ/ tôi ngồi xuống chiếu anh chờ Tri Âm*”. Thơ dở, chỉ quý ở kỷ niệm.

Lưu Nguyễn hôm nay, 2006, nhân dạng có thể không khác bao nhiêu với ảnh chụp trên. Nhưng chắc không còn thư sinh như thuở cùng tôi đi thăm Làng Cây Phong, dự đại hội Văn bút tại Toronto ngày nào. Gần cả năm nay chúng tôi không gặp nhau, chỉ thỉnh thoảng nói chuyện qua điện thoại. Thật mừng được biết anh vẫn thành thoi vui thú với những quân cờ domino, với những lá bài banco, cùng những ly cognac nồng ấm. Cối Thiên Thai giữa đời thường của Lưu Nguyễn không mất. Anh không có cái hậu không vui của Lưu Thần, Nguyễn Triệu, có lẽ vì anh biết làm thơ, biết yêu đời.

... “*Hình như hoa có nỗi buồn / hình như ta có nỗi buồn như hoa / Thanh Hoa Thanh Hoa Thanh Hoa / ngàn lời thương nhớ vẫn là nhớ thương*” (Thơ Lưu Nguyễn).



Đình Cường, Mộng Du Những Nhan Sắc

Sinh hoạt văn học nghệ thuật là một công việc vượt quá khả năng của tôi. Tôi làm thơ và in thơ có thể hơi nhiều, nhưng thời gian dành cho công việc này không bao nhiêu. Bởi tôi thường thực hiện thú vui với thơ trong những giờ đang làm một công việc khác, như đang đi trên đường đến đâu đó, đang làm những công việc lao động chân tay... và cả những khi nằm bệnh. Vì thế chuyện làm thơ, in thơ của tôi khó có thể gọi là làm văn học nghệ thuật. Tuy chỉ để chơi thôi, nhưng trong cái thú của mình, tôi đã làm phiền đến khá nhiều ông họa sĩ thứ ngon lành. Trước 1975, họa sĩ Nghiêu Đề xem tôi như một cục nợ. Sau 1975, mấy ông Đình Cường, Khánh Trường, Vivi...chắc đã ón mặt tôi nhiều lần.



Họa sĩ Đình Cường là một tên tuổi. Tôi không dùng những chữ đứng kèm: lớn, hay vĩ đại. Những chữ này có người tầm thường đã lợi dụng, dùng mòn cả rồi, không còn thú vị để lặp lại. Đình Cường được biết đến không riêng trong lãnh vực hội họa. Những người viết văn, làm thơ, viết biên khảo, viết nhạc...đều quen thuộc tên ông. Dĩ nhiên những người thương ngoạn nghệ thuật, từ thập niên 60 đến hôm nay, cũng dành cho ông nhiều cảm tình và ngưỡng mộ.

Tiểu gia đình của tôi hiện nay gồm có chín người trên 18 tuổi, nhưng chưa hẳn đã trưởng thành, cụ thể như tôi. Trong chín người đã có đến 8 người biết và kính mến họa sĩ Đình Cường. Người còn lại chưa được biết đến họa sĩ, là cô con dâu của tôi, Cao Nguyệt Lan, còn ở Kiên Giang, Việt Nam. Năm ngoái hôn lễ của hai cháu, tôi không về được. Để thay sự hiện diện của mình và cũng để chia vui cùng gia đình ông bà sui gia, tôi tự trình bày và in màu bằng máy rẻ tiền, Epson C60, một tấm thiệp chúc mừng. Tôi hay làm những *logo*, *poster* vớ vẩn, nên khá quen tay. Muốn tấm thiệp tăng phần trí thức, mỹ thuật, tôi không ngại dùng hình chụp họa phẩm

Thiếu Nữ Áo Vàng của Đinh Cường. Một họa phẩm tôi rất thích và đã mượn chung trong tiểu mục “trích Thơ Luân Hoán” trong trang Vương Chiếu. Tôi không xin phép và cũng không báo cho tác giả biết, vì chỉ làm độc một bản, gửi đến một gia đình. Thiệp gửi đi một thời gian, tôi gọi về thăm. Cô dâu khen qua điện thoại: *“Ba làm thiệp đẹp quá. Hình cô gái ba vẽ thật tuyệt. Ba mà con khen quá trời...”*. Tôi nghe hết hồn, vội đính chính :... *“Ồ, không phải ba vẽ đâu, tranh của một người bạn, ba dùng đỡ vậy thôi”*. Tuy cụt hứng, con bé cũng khen tiếp: *“Bạn ba vẽ đẹp quá, ông là họa sĩ hả ba ?”*. *“Vâng, một họa sĩ nổi tiếng”*. Dĩ nhiên tôi không quên khoe cái tên Đinh Cường một cách trang trọng và quý mến. Qua điện thoại, tôi không thể nói thật rõ về người bạn của mình, nên hôm nay, lợi dụng bài viết này, tôi viết ít dòng tiểu sử của họa sĩ Đinh Cường, hy vọng ít hôm nữa con dâu tôi qua, chữ đã thành sách cho cháu đọc, hiểu rõ hơn về một tài hoa của hội họa Việt Nam từ thập niên 60 đến hôm nay, và còn tiếp tục tỏa sáng.

Đinh Cường không dùng bút hiệu. Ông sinh năm 1939, tại Thủ Dầu Một, một vùng đất giàu hoa trái, ảm áp những bóng cây xanh. Trời đất chung đựng giữa những nhịp thở của sông, rạch, tiếng chim. Một quê hương đủ để làm ánh lên trong tranh ông sau này những hồn màu đất sét, những dáng bước nhẹ nhàng, chùng như vô âm của những con chim thời ấu thơ. Lớn lên, Đinh Cường theo học tại Pétrus-Ký Sài Gòn. Rồi vào Mỹ thuật Gia Định. Trường lớp giai đoạn đầu còn đơn sơ, thiếu chỗ, Đinh Cường phải ngồi học lớp Dự bị trong một căn nhà của trại gia binh, phía sau trường. Cùng chung bàn với ông còn có hai người bạn học thành danh sau này, Mai Chủng và Hồ Hữu Thủ. Cả ba đua nhau tiếp thu nghệ thuật trang trí được truyền đạt từ thầy Trịnh Hữu Định, một họa sĩ có tinh thần sáng tạo rất mới ở Pháp về (ông hiện sống tại Sài Gòn) Và nghệ thuật xây dựng tượng từ đôi tay chuyên nghiệp của thầy Đỗ Đình Hiệp (đã qua đời). Giáo sư Lê Văn Đệ cũng đã làm giàu thêm kiến thức hội họa cho Đinh Cường và các bạn ông trong giai đoạn này. Năm 1957, Viện Trường Viện Đại Học Huế, Linh mục Cao Văn Luận cho mở thêm phân khoa Cao Đẳng Mỹ Thuật. Đinh Cường đã về đây trong khóa 3, cùng với Nguyễn Khai. Sau khi tốt nghiệp vào năm 1963, Đinh Cường trở lại Gia Định học tiếp khóa Sư phạm Hội họa. Ông chính thức làm thầy dạy các kiểu nữ Đồng

Khánh của Sông Hương từ 1965. Có lẽ vừa dạy vừa lo sợ “*Ngày mai trong đám xuân xanh ấy / có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi*” (thơ HMT) nên năm 1967, Đinh Cường về giảng dạy tại Cao đẳng Mỹ Thuật Huế, đề huê đủ nam, đủ nữ, cho đến biến cố lịch sử 1975.

Ngay từ thời làm sinh viên cho đến lúc đứng trên bục giảng, Đinh Cường đã có sự sáng tác bền bỉ, nhờ tâm hồn yêu nghệ thuật tuyệt vời, cùng những lãng mạn cần thiết của một họa sĩ. Ông sớm tạo được chỗ đứng riêng cho ông trong hội họa Việt Nam. Những thành công này được đánh dấu bởi huy chương Bạc Hội họa Mùa Xuân năm 1962 và 1963, giải thưởng của tòa Lãnh sự Trung Hoa tại Triển lãm Mỹ thuật Quốc tế tổ chức tại Sài Gòn. Tranh của ông được Phủ Văn Hóa Việt Nam Cộng Hòa chọn tham dự tại *Musée d'Art Moderne* tại Paris, Pháp. Bên cạnh đó, những thành phố lớn của các quốc gia Hoa Kỳ, Nhật Bản, Brésil, Ấn Độ, Tunisie, Canada đều có tranh của ông ra mắt giới thưởng ngoạn qua các cuộc triển lãm qui mô. Trong thời gian từ 1962 đến 1975, Đinh Cường đã triển lãm chung và riêng trên 20 lần tại các thành phố Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, Đà Lạt, Pleiku, Nha Trang. Sau 1975 Đinh Cường cũng có nhiều cơ hội bày tranh riêng hoặc chung với các họa sĩ Trịnh Công Sơn, Bửu Chí... tại Sài Gòn. Những cuộc triển lãm rất thành công tiêu biểu sau 1975 tại hải ngoại có thể kể:

- . Tháng 2 -1990 tại McLean, Virginia USA
- . Tháng 6 -1991 tại Georgetown Art Gallery, Washington, USA
- . Tháng 9 -1991 tại Le Jardin du Boisé, Montréal, Canada
- . Năm 1993 được Smithsonian Museum, Washington, DC chọn.

Ngoài hội họa, Đinh Cường còn góp tay rất thành công trong nhiều bộ môn khác. Thơ, tiểu luận về hội họa, hoặc hồi ký, tạp ghi về bằng hữu được đăng trên các tạp chí văn học nghệ thuật: Hợp Lưu, Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21... Một số tác phẩm có đóng góp của Đinh Cường: Trịnh Công Sơn Cuộc Đời-Âm Nhạc-Thơ-Hội Họa, 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại...

Tôi có vẽ rành nghề viết tiểu sử, nhờ đã từng viết lý lịch nhiều lần. Nhưng việc tóm ghi mười dòng thân thế sự nghiệp của một người nổi tiếng xem ra vẫn rất khó. Trong những dòng trên, chắc chắn còn thiếu sót rất nhiều, mong có dịp sẽ bổ sung sau.

Tôi biết danh Đinh Cường từ đầu thập niên 60. Thời ấy tôi vẫn

tưởng Đinh Cường là con dân của đất cổ đô. Anh có sự ràng buộc thân tình và bền vững với Huế. Ngoài thời gian dài ăn ngủ với xứ thần kinh, Đinh Cường còn ký hợp đồng sống chung vĩnh viễn với một o có đôi mắt Huế hữu duyên vì biết háy / nét dài trang trong dáng nhũ lông mày (LH). Hơn thế nữa, anh còn rủ rê nhà văn Dương Nghiễm Mậu cùng về làm anh rể nhà văn Hồ Đình Nghiêm, người bạn văn sau này của tôi. Với Huế, Đinh Cường ngoài tình yêu, còn có tình bạn tuyệt vời với các anh Trịnh Công Sơn, Bửu Ý, Lữ Quỳnh... Tình yêu, tình bạn đã biến dòng máu trong cơ thể anh có hơn một nửa mùi thơm của núi Ngự, sông Hương. Việc tôi ngỡ anh là người Huế, do vậy không hoàn toàn sai.



Nhớ lại với những ngày đầu tôi biết danh Đinh Cường, vào những năm đầu của thập niên 60. Thời ấy Huế có nhiều người sinh hoạt văn học nghệ thuật, đang trên đường lập danh. Tên tuổi những người đã vượt đèo Hải Vân vào đến Đà Nẵng của chúng tôi có Ngô Kha, Trịnh Công Sơn, Đinh Cường, Lữ Quỳnh, Trần Quang Long...nhiều nữa. Riêng Đinh Cường, anh đã tham dự một cuộc triển lãm chung, trong đó có Hoàng Trọng Bân, Nguyễn Hạo của Đà Nẵng. Phòng tranh này tôi được hai bạn Lam Hồ và Tô Yên Lê Văn Nghĩa cho biết. Lúc đầu tôi dự trù sẽ đi xem nhưng không hiểu sao, giờ chót tôi cùng Châu Văn Tùng vào Hội An. Có

thể tôi nhớ không chính xác về lần bày tranh này. Nhưng một cuộc triển lãm khác của Đinh Cường tại *Centre Culturel Francais de Danang*, nằm ở ngã tư hai đường Độc Lập và Thống Nhất, thì tôi vẫn chưa quên. Cuộc triển lãm hình như được bảo trợ bởi Trung tâm Văn hóa Pháp. Trong buổi cắt băng khai mạc tôi thấy có những viên chức người Pháp, nhà văn Duy Lam, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và nhiều khuôn mặt trí thức khác. Dĩ nhiên không thiếu những thiếu nữ nhan sắc đang độ của Đà Nẵng. Đinh Cường lúc bấy giờ thon gọn, đẹp trai lắm, nhất là mái tóc rất nghệ sĩ. Anh mặc đồ lớn chững chạc, môi ướt nụ cười xã giao. Tôi là một người đến xem tranh vô danh và lặng lẽ. Cùng lúc ngắm những họa phẩm, thỉnh thoảng tôi liếc mắt quan sát ông họa sĩ cho biết. Và tôi xem tướng anh theo cảm nhận tự nhiên. Đây là một người ít nói, ưa làm việc, nhưng chỉ với những công việc mình yêu thích, nghĩa là ông có thể rất lười biếng và ham chơi, nhất là ham lang thang. Nghề coi tướng của tôi không học ở trường lớp nào, có chính xác chút nào không, chỉ có thể do chính Đinh Cường trả lời. Có một điều tôi không phủ nhận, những nét đặc trưng tôi vừa nêu đều rất phù hợp với tôi. Chính vì thế, tôi thấy có cảm tình ngay với anh. Nhưng tôi là người thiếu cởi mở và dè dặt, nên không tìm ra lý do nào để đến làm quen, hay ít ra xin được bắt tay để tỏ lòng ngưỡng mộ.

Cái tình của tôi với Đinh Cường trong nhiều năm chỉ có vậy, dù năm tháng tiếp theo, tôi vẫn theo dõi và rất thích tranh anh, được triển lãm nhiều nơi trong nước. Trong mỗi cuộc triển lãm, tranh Đinh Cường được đón nhận nồng nhiệt. Báo chí thủ đô phổ biến nhiều bài nhận xét tranh anh, được thực hiện bởi những người có trình độ thường ngoạn hội họa đáng tin cậy. Dĩ nhiên cũng không thiếu những nhận xét chân tình của bè bạn anh.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã gọi Đinh Cường là Thi sĩ của hoài niệm. Ông diễn đạt nhận xét của mình:

... *“Với cái nền lãng mạn đầy tính chất thi ca, Đinh Cường đã say sưa ‘vọc’ sơn dầu và nhồi nặn tâm hồn mình vào trong ấy. Thời gian ấy, tôi rất hiếm thấy những họa sĩ trẻ sử dụng sơn dầu nhuần nhuyễn như Đinh Cường. Và đó cũng là giai đoạn của những khóa thân xanh (nu bleu) khóa thân hồng (nu rose) phảng phất đường nét của Modigliani, một trong những bậc thầy về chân dung mà anh rất ngưỡng mộ và yêu mến...”*

Trịnh Công Sơn còn đẩy nhận xét đi xa hơn:

... “ Trong Đinh Cường luôn luôn có sự trở về . Anh không có cái logic của người luyện kim từ một mẫu sắt thô biến thành một thanh kiếm đẹp. Anh mang trong mình một nỗi nhớ không nguôi với kỷ niệm. Trong tranh Đinh Cường không có bóng dáng của cái gọi là sự trở thành (le devenir). Anh có vẻ như đang còn mãi đi tìm cái tuyệt đối trong sự tương đối được lặp đi lặp lại của một đời người. Tìm đến tranh Đinh Cường là tìm đến sự yên tĩnh đầm thắm, thơ mộng...”

Mười năm và có lẽ là nhiều hơn nữa, Trịnh Công Sơn viết thm về người bạn chí thân của mình:

... “Tôi là người khách vắng lai thường trực của atelier Đinh Cường. Đêm cũng như ngày. Thế giới tranh của Đinh Cường đối với tôi không có gì xa lạ, bởi vì chúng tôi đã cùng sống trong thế giới ấy từ những ngày lòng chưa hề vương bận về một tiếng thờ dài...”

Trịnh Công Sơn cho biết tiếp:

... “ Trong Đinh Cường có một thứ hoàng tử bé suốt đời song hành với hấn....Rong chơi là một thứ kinh vương giả trong tâm hồn Đinh Cường. Cứ lên đường, dù cao nguyên, dù biển là đã nghe thấy trong Đinh Cường vang lên một tiếng reo vui mãn nguyện. Đi không là sứ mệnh của đôi chân, mà đi, với Cường, là lòng ngưỡng vọng linh thiêng về một tiếng gọi. Tiếng gọi của một thế giới tự mình tìm thấy từ những ngày còn trẻ trung, tìm thấy và nhớ mãi.... Đi để nhận ra một cách buồn bã những gì thiên nhiên đã đánh mất mà mình vẫn còn lưu giữ lại trong tranh...”

(Trịnh Công Sơn, 11-1988, báo Thanh Niên)

Nếu trích đoạn hết những bài nhận xét của những người thành danh viết về Đinh Cường, tranh Đinh Cường, có lẽ tôi không thực hiện nổi, dù tôi đang có trước mặt những bài viết của họa sĩ Võ Đình, nhà văn Doãn Quốc Sỹ, nhà thơ Cao Đông Khánh, nhà văn Đỗ Long Vân, nhà thơ Du Tử Lê, nhà nghiên cứu phê bình hội họa Huỳnh Hữu Ủy, nhà văn Bửu Ý, nhà văn Hồ Đình Nghiêm... Tất cả đều đưa ra những nhận định, những đánh giá chân tình, giàu giá trị, rất đáng được tổng hợp cho một bài viết về Đinh Cường, nhưng như đã nói, tôi thiếu khả năng đúc kết, nên chỉ xin trích

thêm ý kiến của vài nhà báo tại Sài Gòn, sau 1975.

“Đình Cường từ Mỹ trở về. Tranh ông như rắn rỏi hơn, sâu đậm hơn mà không hẳn mất đi cái chất “tóc gió thổi bay”. Những mảng màu đầy chất hội họa và kỹ thuật tinh khéo. Đặc biệt là những bố cục, phong cảnh đô thị có kết cấu vừa đồ sộ vừa chông chênh, vừa tự tin, vừa lo lắng. Nửa Sân Tuyết hay Đất Cũ, Vong Thân hay Về Trên Phố Xưa chỉ là tên hai đầu của một sự kết nối, và vẫn chỉ là một thực thể là tâm hồn ông. Ở đây hay ở kia vẫn là một Đình Cường của Huế, thơ và thực hòa nhau, dù lúc này đây thực có nặng cân hơn và vì thế tranh ông thuyết phục hơn”.

(Nguyễn Quân, Tuổi Trẻ Chủ nhật, ngày 27-8-2000)

“Vừa từ Mỹ trở về để tham dự cuộc triển lãm, họa sĩ Đình Cường trưng bày những bức tranh phong cảnh tịch liêu, trầm mặc, thể hiện kỹ thuật sơn dầu chín chắn, đầy tự tin của tác giả. Thế giới trừu tượng của ông là cuộc chơi ý nhị, tinh xảo giữa ánh sáng và bóng tối, giữa những mảng màu sần sùi và nét vạch khô cứng với những khoảng không gian trơn nhẵn, phẳng lặng, trong hành trình trở về với cội nguồn thăm sâu của tâm khảm”.

(Long Nghi, báo Lao Động, ngày 30-8-2000).

Và cũng như đa số tác giả của nhiều bộ môn, Đình Cường đã có dịp tự bạch trong một *catalogue* dành cho một cuộc triển lãm:

“Xin đừng bắt tôi giải nghĩa tranh. Nó đã hiện ra đó và tôi đã hụt hơi, mệt mỏi. Thế giới xa lạ được dựng lên từ một hồi ức hay một bất gặp vụt đến, rồi loang dần trên một khoảng không đen, khoảng không mà tôi đã đối diện trong những ngày tháng sống chìm lìm, cảm nín, mỗi mòn, xô dạt lối về gần với hư vô, tiếng vọng bi thảm của một hồi chuông lạ Xin ghi nhớ một góc hành lang, nơi tôi đã đặt giá vẽ, đêm nào mưa bão thổi qua hay cơn nóng của một mùa hạ sắp tàn. Nơi đó tôi đã mài nhẵn ý thức, ném từng vô vọng, đổ từng hơi thở xuống những khung vải vốn hiện từ. Mỗi bức tranh là một hơi thở. Và nó thành hình tức là tôi đã chết. Tôi trở lại cùng người thường ngoạn. Nhìn sự mới lạ như lần đầu tiên mới đến. Xin hãy cảm chớ đừng bao giờ tìm hiểu”

(Đình Cường).

Trong một lần khác, trả lời phỏng vấn của Kỹ sư Nguyễn Ngọc

Bảo, biên tập viên báo Ngày Nay, đăng trong số phát hành ngày 01 tháng 11 năm 2005 tại Houston, Đình Cường bày tỏ tỉ mỉ hơn:

“...Bức tranh khi vẽ xong là như tất cả hơi thở của tôi phả vào đó. Có lúc thư thái, có lúc mệt mỏi. Khi tranh đã hoàn chỉnh thì mình như bắt gặp một thế giới khác. Nghệ thuật là một thế giới khác. Người xem tranh phải thấy được thế giới khác ngoài thực tại. Không cần suy ngẫm ra một triết lý hay sự gửi gắm một ý tưởng nào nếu nó không đạt đến nghệ thuật. Bức tranh tự nó hoàn chỉnh với tất cả ý tưởng. “Ý tưởng đẹp mà vẽ không tới chỉ khiến người ta ghê sợ và coi rẻ ý tưởng của anh thôi”, Répine, một họa sĩ trong nhóm Triển lãm Lưu động của Nga (1884-1930) đã phát biểu như vậy.

... Hội họa là một nghệ thuật phi tuyến tính (illinéaire) khác với hầu hết các thứ nghệ thuật khác, vốn được thể hiện một cách tuyến tính. Nói rõ hơn, ngôn ngữ, và tiếp đó là chữ viết, là tuyến tính, cho nên những thể loại nghệ thuật này như văn, thơ, kịch buộc phải nằm trong số phận đó, nghĩa là phải diễn ra tuần tự trước sau, và người nói cũng như người nghe, người viết cũng như độc giả, đều phải thấy được cái quy luật đó.

Ngay cả âm nhạc cũng được thể hiện và đón nhận theo cách thức vừa kể. Nhưng đối với hội họa thì không. Trước một bức tranh, người xem thường ngoạn một cách tức khắc và toàn diện, dù rằng xem kỹ hay chỉ xem lướt qua.

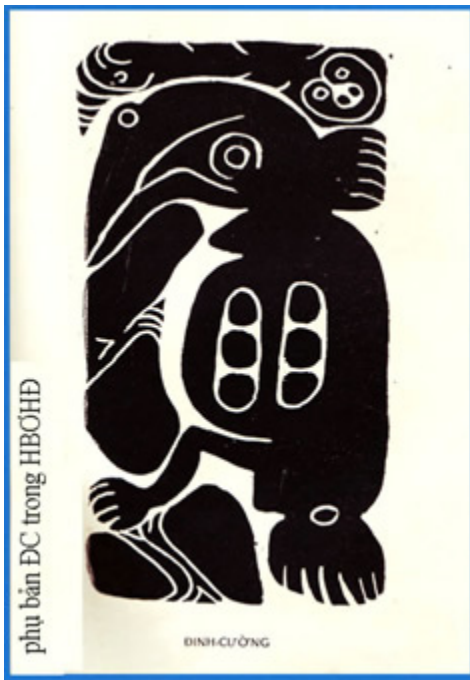
Tôi cho rằng người thưởng ngoạn, cả họa sĩ cũng là người thưởng ngoạn tác phẩm của mình, bao giờ cũng nhìn bức tranh như một nhất thể bao gồm những yếu tố đồng hiện, và mang tính chất tức khắc. Vì tính chất này của hội họa, nên tôi thấy hội họa không cần chuyển tải một thông điệp và người xem cũng không cần phải hiểu đúng ý nghĩa họa sĩ gửi gắm trong tranh...”

Riêng tranh thiếu nữ và khóa thân, một đề tài thường gặp trong tranh Đình Cường, anh quan niệm:

... “Thiếu nữ là đề tài muôn thuở của hội họa. Đó là vẻ đẹp thuần khiết và thánh thiện. “Không đường nét nổi bật, không sơn xác thịt, chỉ một hình vẽ không thôi, và như thế trong ý tính của nó, nó truyền cảm bằng cái nhẹ nhàng của hư tưởng”. Đỗ Long Vân, người bạn tôi yêu quý nay đã mất, có những đêm Đà Lạt năm xưa đã thức trắng cùng tôi khi tôi vẽ, đã viết như thấu hiểu về các thiếu

nữ hiện ra trong tranh tôi”

Thật ra những trình bày trên của Đinh Cường không ảnh hưởng bao nhiêu đến việc tôi đánh giá anh là một họa sĩ có tài. Tôi chỉ tiếc, tôi đã thiếu may mắn khi được quen biết với anh quá muộn. Năm 1969, tuyển tập thơ nhạc *Hòa Bình Ở Đây Đến* của tôi cùng Phạm Thế Mỹ, Lê Vĩnh Thọ phát hành. Trong tuyển tập này có sự đóng góp của Đinh Cường bằng một phụ bản. Nhưng tôi cũng chưa được bắt tay anh. Công xin phụ bản (in lại bên dưới) do nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ lo. Sau năm 1975 quý danh Đinh Cường vẫn thường đến với tôi. Rồi tôi qua Canada, gặp tên anh trên tạp chí Đất Việt, một cơ sở ngôn luận của những người có khuynh hướng thiên tả. Đinh Cường dĩ nhiên cũng bị một số người Việt quốc gia trong lãnh vực văn học nghệ thuật đặt vấn đề. Anh là bạn thân của Trịnh Công Sơn, của Bửu Ý, của Ngô Kha và của cả Hoàng Phủ Ngọc Tường...Nhưng một người chân chất yêu mến nghệ thuật, giàu lòng vị tha, có thể thích hợp với một chế độ độc tài sắt máu hay không, thời gian qua đã trả lời cho chúng ta.



Vào một đêm mùa thu của năm 1989, ngồi chơi với anh bạn nhà thơ trưởng giả Phạm Nhuận, trên một cao ốc ở trên đường Saint Denis, Montréal, tôi được Nhuận trao cái điện thoại để nói chuyện với một người chưa quen nhưng không xa lạ. Qua trao đổi ngắn gọn trong ít phút, chúng tôi chính thức mở đầu cho một tình bạn tốt đẹp. Đã là bạn của tôi, hầu như ai cũng phải trở thành những người phải cho hơn là nhận. Đinh

Cường, người bạn mới này cũng vậy. Anh cho tôi tình cảm chân thật. Anh cho tôi một số hiểu biết về hội họa. Anh tặng cường thêm cho tôi tính thích đi đây đi đó, và nhiều thứ khác nữa, trong đó có cả thú than thở, thú lười biếng. Ông bạn có danh xưng Thích Từ Từ, bất ngờ trở thành thần tượng có nhiều điều tôi đã học theo. Và bây giờ đang dựa hơi anh để le lói thêm.

Năm 1990, tôi và Đinh Cường chính thức bắt tay nhau lần đầu tiên qua buổi ra mắt thi phẩm mới nhất của nhà thơ Bùi Giáng, được anh em Việt Thường chúng tôi (Đỗ Quý Toàn, Luân Hoán, Hồ Đình Nghiêm, Phạm Nhuận, Lưu Nguyễn, Lê Quang Xuân), ấn hành lần đầu tiên tại hải ngoại. Đinh Cường là bạn thân của ông Trung Niên Thi Sĩ này. Nên dù mới qua định cư tại Salt Lake City USA được mấy tháng, anh cũng gắng qua Montréal, Canada tham dự. Anh là người đã vẽ chân dung Bùi Giáng nhiều nhất và có lẽ đạt nhất. Mẫu bia tập thơ Bùi Giáng chúng tôi công bố tại hải ngoại, cũng dùng một bản vẽ Bùi Giáng của anh. Thật ra, Đinh Cường không phải là bạn của riêng ai. Anh là bạn của nhiều người, của mọi người. Những người làm văn học nghệ thuật, những người thường thức và có lòng với thơ văn, hội họa, âm nhạc... Mọi người mến mộ tài nghệ lẫn bản tính nhu hòa, giản dị của anh, nên vẫn thường tạo cơ hội cho anh được ngao du đây đó trên nhiều thành phố lớn của thế giới. Trong bài trả lời phỏng vấn của Nguyễn Nam Anh (bút hiệu khác của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng), Đinh Cường cho biết nhờ vé máy bay ca sĩ Khánh Ly mua tặng, anh đã đến thăm được California, hội ngộ cùng những Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Khai, Nguyễn Xuân Hoàng, Nghiêu Đề, Mai Chừng, Lâm Triết, Viên Linh, Nguyễn Mộng Giác, Từ Mẫn, Châu Thọ, Tâm Đan Hoàng Thi Thao... Từ đó mở cho anh những chuyến đi xa hơn nữa, qua Canada, qua Pháp. Đinh Cường đã từng lên tiếng:

... *“Xin hết sức cảm ơn các bạn đã cho tôi ‘sờ mó’ được Paris, mà bao nhiêu năm như đã từng thân thuộc lắm, qua xóm Montmartre, qua thơ Apollinaire, qua những quán cà phê nghệ sĩ. Cảm ơn những con chim câu dễ thương đón tôi bên bờ sông Seine, những lễ đường lát gạch cũ kỹ. Cảm ơn những tình nhân ái qua những chiếc hôn chúc mừng Năm Mới trên công trường Champ Élysée. Cảm ơn tiếng hát Juliette Gréco lần trở lại Opéra. Cảm ơn Bích Anh. Cảm ơn những bữa cơm gia đình ở nhà chị Thụy*

Khuê, gặp lại bạn cũ Kiệt Tấn gật gù, những người viết trẻ giới Nguyễn Hưng Quốc, Trần Vũ... Và sung sướng nhất, hào hứng nhất là 'nhập bọn họa sĩ' với nhau. Anh Thái Tuấn từ Orléans lên cùng với Nguyễn Trung từ Sài Gòn qua đã bốn tháng. Lê Tài Điền một thời ở Huế với nhau và người bạn hiền hòa Nguyễn Cẩm cùng cô bạn Daniel người Pháp gốc Hung rất chịu khó đưa đón, săn sóc bạn..."(trả lời pv Nguyễn Nam Anh)

Tôi thật sự thú vị khi trích đoạn hơi nhiều những chân tình của Đinh Cường dành cho bè bạn anh, cho mỗi góc cạnh của một thành phố nghệ thuật mà anh từng mơ ước qua sách báo. Tôi nghĩ, Đinh Cường đi, không chỉ để ngao du thăm bằng hữu. Anh tìm kiếm, thu nhặt những hình ảnh, những tâm sự, những vốn sống, những xúc cảm trên mọi ngõ ngách. Chất liệu dùng cho tác phẩm của anh chắc chắn có cái hương, cái hồn góp từ những chuyến rong chơi kỳ thú của một họa sĩ yêu cuộc đời. Đi rồi về miệt mài bên giá vẽ. Hai cái *chevalet atelier* lên nước đã bỏ lại trong hẻm Tân Định, nơi sản sinh nhiều họa phẩm nổi tiếng của Đinh Cường. Nhưng anh đã có những cõi làm việc mới. Khởi đầu từ thành phố Salt Lake City rồi Virginia, Đinh Cường đã tha thiết và vẫn thiết tha với hội họa. Có lẽ lời khuyên của họa sĩ Ngọc Dũng dành cho anh rất ý nghĩa: *"Có gắng làm sao ở nhà mới vẽ được, chứ đi làm, cuốn hút theo guồng máy là không thể vẽ được..."*. Đinh Cường cũng đã thành thật: ... *"Những tấm tranh cũng đã từng nuôi sống tôi, tôi không thể bỏ vẽ được"*. Và anh đã thực hiện nghiêm túc điều này. Sau cuộc triển lãm đầu tiên do Võ Đình, Trương Hồng Sơn, Nguyễn Trần Chuyên, Phạm Nhuận, Phó Ngọc Văn tổ chức tại McLean Virginia, Đinh Cường tiếp tục bày tranh tại nhiều thành phố của Hoa Kỳ. Năm 1991, một cuộc triển lãm qui mô của Đinh Cường mở cửa tại Les Jardins Du Boisé thành phố Montréal, Canada trong 3 ngày 28, 29 và 30 tháng 9. Cuộc triển lãm thành công trọn vẹn nhiều mặt: tranh giàu tính chất nghệ thuật, thu hút đông đảo giới thưởng ngoạn, và nhất là chỉ trong hai ngày đầu, 70 % trong số 52 họa phẩm trưng bày đã theo chân giới thưởng ngoạn về sống tại nhiều tư gia. Tôi được Đinh Cường mở lời: *"bạn thích bức nào cứ chọn mang về mà treo"*. 'Được lời như cõi tấm lòng' nhưng may, tôi còn đủ tế nhị, nở nụ cười hứa hẹn với anh dịp khác.

Trong cuộc triển lãm này, Đình Cường giới thiệu cho tôi quen anh Lưu Trọng Hồ, Dược sĩ, cháu nhà thơ Lưu Trọng Lư, hiện ở thủ đô Ottawa của Canada. Những ngày sau cuộc triển lãm, tôi cùng nhà văn Nguyễn Đông Ngạc đưa Đình Cường qua thăm thủ đô Ottawa, thăm nhà thuốc của Lưu Trọng Hồ. Chúng tôi có cuộc du ngoạn vui vẻ. Đình Cường cũng rất thích chụp ảnh. Thời gian trôi qua từng giây phút. Sự khác biệt trên khuôn mặt mỗi người



đổi thay từng phút, nhưng khó nhận ra . Một tấm ảnh ghi lại hình dáng một thời, nhất là đang lúc vui vẻ, thật quý vô cùng. Mười mấy năm rồi, ngắm lại Đình Cường và tôi sát vai nhau bên dòng sông đào ở Ottawa mà ngỡ như mới hôm qua. Câu nói cái lương này coi vậy mà rất đúng. Trời đang xế chiều, nắng đẹp. Đình Cường không hút thuốc, tôi không hút thuốc, nhưng cả hai chịu được mùi khói từ ống tẩu của Ngạc. Gió nhẹ, mặt nước rung rinh. Chúng tôi nói khá nhiều chuyện có thể rất vu vơ. Nhưng chính những thứ vớ vẩn này thành hình cuộc sống, thành hình chúng tôi. Và mỗi tác phẩm đã núp đâu đó trong trí óc, tâm hồn mỗi người.

Đình Cường còn qua thăm Montréal, qua thăm bè bạn, qua thăm tôi nhiều lần. Tôi, Lý và Bích (vợ Hồ Đình Nghiêm), đưa anh dạo chơi khá nhiều nơi, chụp ảnh ở phố cổ Montréal, ở Jardin Botanique, ở góc quán cà phê...Thân tình giữa chúng tôi mỗi ngày một ấm áp. Năm 1993, cả gia đình chúng tôi rủ nhau qua thăm thủ đô Washington, ngắm cái mặt tiền của Tòa Bạch Ốc Hoa Kỳ cho

biết. Trong dịp này, chúng tôi có ghé Annandale, Virginia để thăm Đình Cường. Tổ ấm của anh cùng chị Tuyết Nhung và ba người con là nơi từng thu hút những bạn văn, bạn thơ đến thăm. Những Mai Thảo, Đặng Tiến, Như Phong, Đỗ Ngọc Yến, Võ Phiến, Kiều Chinh, Cao Đông Khánh, Luân Hoán, Phạm Nhuận, Hồ Đình Nghiêm...đã từng ghé qua, đã từng ngồi lại đầu đó trong căn nhà ấm hơi thở của Đình Cường, cùng những đứa con nghệ thuật của anh.



gia đình LH thăm nhà Đình Cường

Tôi và Lý hẹn gặp Đình Cường tại khu thương mại đông người Việt. Chẳng phải đợi lâu, Đình Cường lái xe đến. Lạ, cũng là chiếc Toyota Corolla màu đỏ sậm cùng đời như tôi. Đình Cường lái xe cẩn thận. Căn nhà anh chị Cường Nhung thuê khá rộng, có vườn cây thật thoáng mát. Tôi rất thích chỗ ngồi vẽ của Đình Cường. Ngoài tranh, tôi còn gặp ở đây những chiếc tượng nhỏ Đình Cường sưu tập tinh cò, rất lạ. Tôi thấy cả hình nhà thơ Bùi Giáng ngồi cười mỉm trên vách, giữa rất nhiều thiếu nữ đã được bàn tay Đình Cường làm cho bất tử. Trên đời này, nếu có thứ gì khiến tôi biết ghiền, có lẽ đó là người đẹp. Tranh thiếu nữ của Đình Cường càng làm tăng sự si mê của tôi. Mê tranh thiếu nữ từ bàn tay Đình Cường tạo nên, nhưng tôi không có tài giải thích. Rất

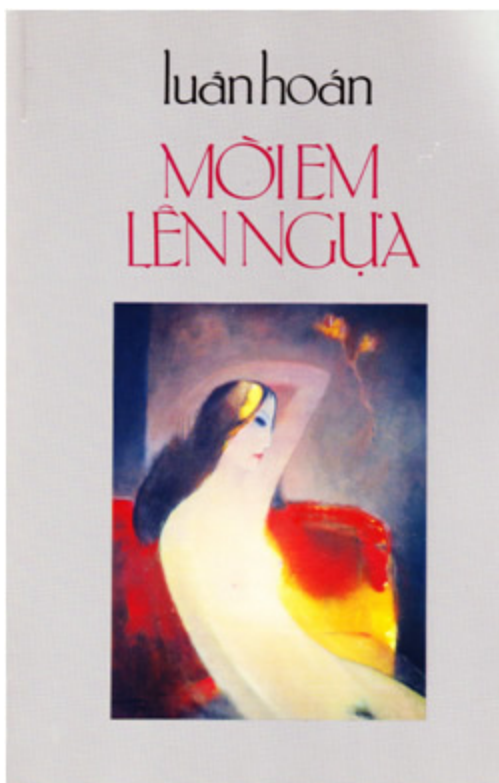
may nhờ có thơ, tôi đã ba hoa:

“ *Màu gói màu, sống thành thơ / có tình, có huyết, có đời
sống riêng / quây quần bên một ông tiên / cao tay ấn dựng thiên
nhiên tuyệt vời / sắc màu hít thở, rong chơi / hồn đông phương
lộng lẫy đời tóc tơ / tinh khôi, gợi mở, hững hờ / suốt hoa, khe
trúc, ướp thơ mượt mà / tưởng hoa, hoá chẳng là hoa / hiển linh
một khối nhân sinh ca hồng*

(Sông Núi Cùng Người Thom Ngát Thơ).

Tại nhà Đinh Cường, tôi gặp hai nhà văn Bùi Bảo Trúc và Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Dù mới gặp lần đầu, nhưng như giới võ lâm, từng biết danh nhau, tôi xin phép chụp ảnh chung làm lưu niệm. Cái trò chụp ảnh ‘*bắt cóc bỏ đĩa*’ này rất dễ gây hiểu lầm, nhưng đã ‘*cùng đi một đường*’ vui chơi văn thơ, chắc không mấy ai quở trách nặng. Câu chuyện với những người mới gặp không kéo dài được lâu. Đinh Cường đưa chúng tôi đi dự một buổi ra mắt sách. Trong chuyến đi có xe của đám con tôi tháp tùng. Thỉnh thoảng nơi trình làng tác phẩm khá rộng. Tổ chức khá chu đáo, chỉ tiếc những người có tình với chữ nghĩa hơi lười biếng dòi gót đến tham dự. Sau buổi ra mắt sách, Đinh Cường còn đưa cả gia đình chúng tôi đi siêu thị, theo yêu cầu của Lý, vợ tôi. Rồi anh đi ăn phở. Quán phở Đinh Cường thường lui tới đối ẩm với bè bạn mang tên Phở 89. Quán đông khách, nhưng tôi ăn không thấy ngon vì vội vã lên đường để xuống Virginia Beach, tìm lại những hạt muối của Mỹ Khê, Thanh Bình, Cửa Đại... ngày nào.

Trở lại với những thiếu nữ trong tranh của Đinh Cường. Anh đúng là một ông tiên có quyền uy hơn tôi nhiều. Anh cho các người đẹp mặc áo quần màu gì tùy thích, tùy cảm hứng. Các em lạng quạng, anh không ngại cho mặc trang phục của *eve* ngay. Khó một cái, tôi rất thích sự trừng phạt thật có hoa tay của Đinh Cường. Quá tâm đắc, tôi xin Đinh Cường làm cho một mẫu bia tập thơ *Mời Em Lên Ngựa*. Tôi dặn kỹ, phải cho cô em của tôi thật phơi phới xuân thì mới ngon. Đinh Cường chiều ý thằng bạn ba trời, anh vẽ một tranh nue thuộc loại ‘*khôa thân thơm*’ cho tôi. Cô thiếu nữ, mặt nhìn nghiêng, tóc thề có dải băng đô vàng, giống hệt người tình thật của tôi ngày nào. Cô bé ngồi trên một cái ghé bánh, có lưng tựa màu đỏ, mang dáng một bóng ngựa hồng, đầu cúi thấp,



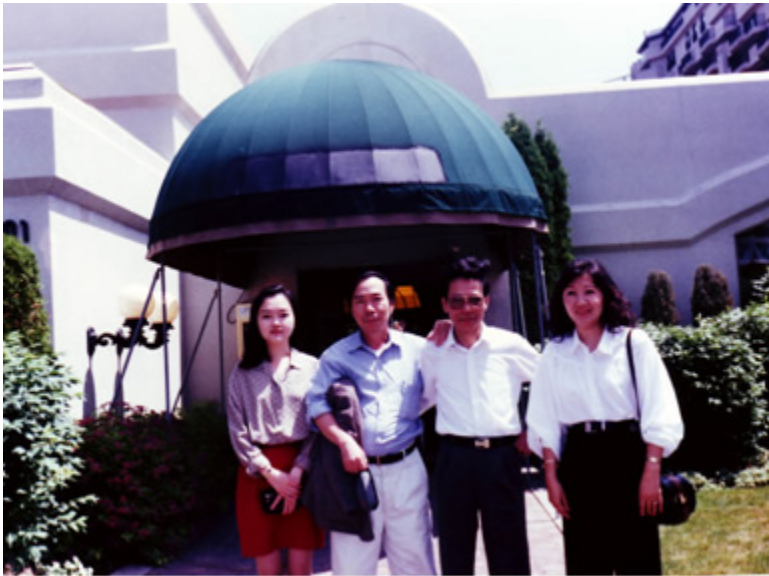
tiếp giáp với nền
nệm ghế óng vàng.
Cánh tay trái cô bé
đưa lên đầu, nắm hồ
nguồn tóc xôn xao
tiếng gió. Tay phải
cô buông thông dịu
dàng bên thân mình
dây, mảnh khánh,
báo hiệu cặp trường
túc hoa thơm lừng
phía dưới. Hai nhụy
sữa như hai giọt mật
hồng, không vun quá
cao nhưng cũng đủ
mời gọi. Bụng sát,
eo thon và vùng cổ
hoa mướt một cách
tự nhiên, không vén
tĩa. Tổng thể bức tra-
nh là một tác phẩm
tuyệt vời. Bốn chữ
Mời Em Lên Ngựa

được anh tự kể càng sắc sảo. Tập thơ do nhà xuất bản Sông Thu của nhà thơ Thái Tú Hạp tại Hoa Kỳ in.

Thái Tú Hạp trong thời kỳ này đang say sưa với thơ thiền. Có lẽ mùi trầm hương thanh thoát đã làm cho anh ngần ngại trước mẫu bìa. Anh gọi điện thoại đề nghị tôi cắt bỏ phần dưới bức tranh cho nhẹ nhàng. Một tác phẩm nue, loại đi phần chính thì còn gì ý nghĩa và mang tội với nghệ thuật. Dĩ nhiên tôi không đồng ý. Tôi không chịu hoang phí phần tam giác vàng vô giá của người thiếu nữ. Cuối cùng Thái Tú Hạp phải theo ý tôi, nhưng thật ra anh cũng xuống tay mất một chút. Mẫu chính của bản vẽ Đinh Cường có lần xếp giữa hai búp chân, làm nổi bật cõi thiêng liêng hơn nữa. Tiếc. Dù sao bìa tập thơ cũng rất hoàn hảo, đúng với cái ví von của tôi:

*chỉ một tên / và không cung nữ, không hoàng hậu / lộng lẫy
trong cùng một dáng Em”* (Mời Em Lên Ngựa)

Ngoài mẫu bìa, tập thơ còn có sáu phụ bản đều do Đinh Cường minh họa, dĩ nhiên cũng còn có cái khóa thân rất nghệ thuật. Thơ in xong, sách nằm trong tay, tôi sung sướng vô cùng. Bạn đọc có thể chẳng cần biết đến nội dung những bài vớ vẩn trang trong. Có một cuốn sách với một mẫu bìa đầy nghệ thuật, hẳn sẽ làm sáng cả tủ sách.



Châu Bích, Đinh Cường, LH và Lý tại phố cũ Montréal

Năm 1995, nhà văn Hồ Đình Nghiêm, em vợ Đinh Cường qua thăm ngôi nhà mới đồ sộ (so với bè bạn chúng tôi) của anh chị mình tọa lạc tại đường Natick Road vùng Burke Virginia. Lúc trở về Montréal, Nghiêm giao cho tôi bản vẽ chân dung Luân Hoán bằng màu nước, mà Nghiêm nói, Đinh Cường đã ngồi nhớ và vẽ dưới một gốc cây trong sân nhà. Tôi nhận tranh vô cùng cảm động, nhưng không làm được câu thơ nào để tạ lòng anh. Sau Nghiêm, nhà văn Song Thao cũng ghé thăm Đinh Cường. Lúc trở về anh Song Thao chuyển lời Đinh Cường: “*Đã dành cho ‘ông thầy’ một chỗ nghỉ ngơi, tha hồ phơi chân, không phải ngại, không phải xấu hổ, lúng túng*”. Đinh Cường, gọi đùa tôi là “ông thầy” với Song Thao. Có lẽ tôi là ông thầy mê tranh khóa thân, mê người đẹp chẳng ? Có mấy ai không đam mê nghệ phẩm này ?

Như đã nói trên, tôi là người thường quấy rầy mấy ông bạn họa sĩ. Sau khi thân tình đã tốt đẹp, tôi lợi dụng sự dễ dãi của Đinh Cường để xin anh nhiều mẫu bìa cho tôi, cho bạn tôi, cho em tôi, mà quên đi cái phí khoản mua màu, mua cọ. Để có một bìa sách, thường phải năn nỉ họa sĩ nhận cho vài trăm đô la. Tôi nghèo, Đinh Cường biết. Cái tình tôi với văn học nghệ thuật, Đinh Cường biết, nên anh luôn luôn vui vẻ thực hiện những yêu cầu của tôi, không một đòi hỏi, thắc mắc. Đông Đưa Cuộc Tình, tập truyện của Song Thao, bìa Đinh Cường. Tình Thơm Mấy Nhánh, thi phẩm của Lê Hân, bìa Đinh Cường. Và còn hàng trăm tác phẩm khác được Đinh Cường tra chuốt phần hình thức, thật không có thể kể hết. Năm 2005, em tôi, Lê Hân thực hiện cuốn Luân Hoán-Một Đồi Thơ, gồm nhiều tác giả viết. Tôi lại nhờ Đinh Cường làm bìa. Bìa vẫn đẹp. Lần này chân dung tôi anh vẽ có phần trẻ ra. Anh không muốn tôi già, nên cố tình quên đi hàng ria phớt phơ mười cái của tôi. Lý bảo: *“chắc anh Cường muốn cho anh có thêm bỏ nhí nên trang điểm cho anh kỹ thế, trẻ như thời đang yêu”*. Có thể thế thật, tạ ơn bạn hiền. Năm 2006, tôi cho tái bản cuốn Tác Giả Việt Nam, lại gọi anh. Đinh Cường than: *“loại sách này rất khó làm bìa”* Nhưng rồi một mẫu bìa vừa trí thức vừa nghệ thuật được Đinh Cường nhờ cậu con là nhà thơ kiêm họa sĩ Đinh Trường Giang scan, chuyển qua cho tôi theo đường điện thư. Liên sau đó Đinh Cường in ra giấy và chuyển bản mẫu qua theo đường bưu điện. Đã có công suy nghĩ vẽ ra, lại tốn công hao của gửi đi, Đinh Cường quả thật đã thương tôi và thật sự trân quý những công việc có tính cách văn học. Mẫu bìa thật xuất sắc, rất nhiều bạn thích. Đinh Cường giải thích ngắn vài dòng, đại ý tôi còn nhớ: *“Hình chữ S tượng trưng cho Việt Nam thông suốt mọi miền, như bạn không phân biệt khi chọn lựa tác giả để giới thiệu. Tranh nhỏ một bên là hình ảnh sự sung túc, phong phú như đàn én đang xây tổ”*. Có lẽ đây là một ngoại lệ Đinh Cường dành cho tôi. Cùng với Tác Giả Việt Nam, tôi còn cho in tập hồi ký rời thứ nhất với tên Quá Khứ Trước Mặt, viết về những vùng đất tôi đã có dịp gắn bó. Đinh Cường lại chọn cho tôi ảnh một tác phẩm mới nhất của anh để làm bìa. Anh hứa bảo đảm không cho bất cứ ai hoặc báo chí nào sử dụng tranh này. Cái tình anh dành cho tôi thân thiết đến vậy. Tôi đành phải nợ anh, không thể trả, không muốn trả. Một đôi lúc chợt nhớ cái dáng người bệ vệ của anh, với những bước đi chậm rãi,

cùng tiếng cười lời nói từ tốn, tôi viết chơi mấy câu:

*“vườn nhà phong diệp trái / quơ chổi gom thành thơ / cà phê
ngày mấy cũ ? / nhớ bạn, thềm giang hồ / lợp màu lên mặt vải /
ngùn ngụt mắt Tuyết Nhung / dẫn sơn cọ trôi miết / trong thế giới
vô cùng”*

Các bạn đọc đừng quên, người bạn họa sĩ của tôi làm thơ rất tới, viết tùy bút rất hay và cảm động, nhất là những đoản văn dành cho một bè bạn nào đó chẳng may bỏ cuộc chơi ở thế gian. ‘Nói có sách, mách có chứng’, xin mời đọc một vài bài thơ của một cây cọ có da thịt, có hơi thở:

Bài 1: Trưa Trên Phố Clarento (tặng Phó Ngọc Văn)

*“lỡ trưa tôi đi về trời nắng gió/ đâu có ai về trên phố Clarenton /
đâu có mái tóc mượt mà gió lộng / mà nghe như tiếng kinh buồn / rồi lại
mùa thu vàng lá rụng / em có buồn như trời thu không / ước chi về đi
dưới trời mưa bụi / ôi Huế rêu phong ủ kín trong lòng / lỡ mai tôi đi về
dưới suối / vàng mơ một giấc ngủ êm đềm / thì cứ như là mây với gió /
gió dạt xô về muôn tiếng chim / rồi lại em qua đồi cỏ ấy / gõ cả mây
hồng em nhớ ai / đời nghiêng nghe chút sầu thiên cổ / trưa một mình đi
phố lạ người” (Đình Cường)*

bài 2: Vãn Rừng Cao Su Của Ta (tặng Trịnh Công Sơn)

*“Hãy chẫy nhựa lại đi / những cây cao su đã từ lâu tội nghiệp /
mùa mưa tới rồi lá hãy thêm xanh*

*những chiều ta qua vùng Bình Long / buồn không biết mấy /
ôi những rừng cao su trong tuổi nhỏ ta / mang đầy vết thương tàn nhẫn /
làm sao ta lấy nhựa làm trái banh /những người phu không còn đi lấy mủ*

*Bây giờ những xác người làm rừng cao su sợ hãi / bom đạn tha hồ rơi như mưa /
những chiếc lá úa phủ đầy trên hố thẳm / ta bước đi buồn quá đời chiều nay /
những chiều rừng cao su lá phủ / những chiều mặt trời không thấy ta nhỏ nhoi*

*ngày xưa chạy chơi trong rừng cao su đầy mộng mị / ta ôm ấp trái banh còn thơm mùi nhựa mới / nay ta về sau bao nhiêu năm /
bao nhiêu năm rồi rừng cao su ơi / những cây cao su già đã chết / như người u già của ta*

hãy chảy nhựa lại đi / những cây cao su vừa đến tuổi / chiều nay ta ngồi nghe chim hót một mình / thứ chim hoàng hôn kêu gào thảm thiết / nhớ bạn bè ta nổi trôi lênh đênh / những giọt rượu nồng đã cạn / những đêm sương mù phủ đầy ta trên Dran / hay bờ biển nào hoang vu nhất / cho ta gửi lời thăm chiều nay

chiều một mình ta nhớ một chiếc hôn / hãy đem cho ta trái banh bằng nhựa mới / ta đá một mình, tuổi nhỏ tàn phai

hãy chảy nhựa lại đi / rừng cao su ơi / một ngày bình yên nào trở lại / một ngày mưa nào thơ mộng quá đi thôi”

(Đình Cường 29-4-1969)

Sau một tháng bày tranh ở thành phố Houston, Texas, Hoa Kỳ từ 15 tháng 9 đến 15 tháng 10 năm 2005, Đình Cường còn có vài cuộc triển lãm khác trên đất Mỹ. Tháng năm 2006 này anh sẽ về Việt Nam trong nhu cầu hâm nóng những nhan sắc, tình người, dân tộc, để chuẩn bị cho loạt tranh mới trong tương lai. Tôi không rõ, lần về này anh có bày tranh ở đâu đó không ? Hai người bạn thân của anh, Trịnh Công Sơn, Bửu Chỉ đều đã ra đi. Hẳn nhiên Đình Cường sẽ buồn ghê lắm, khi phải ghé về những điểm kỷ niệm cũ. Ai có thể không chia tay với cuộc sống ? Những gì để lại chưa chắc đã tới đâu, nhưng đã yêu nghệ thuật, đã lỡ sinh hoạt, đều luôn luôn tiến về phía trước. Đình Cường cũng vậy. Anh chưa dừng bao giờ. Con người mộng du nhan sắc ấy, tìm thấy hạnh phúc trong từng giây ngồi trước giá vẽ, trong từng phút thư giãn bên vợ con, trong từng giờ cụng lời nói ám áp cùng bè bạn. Anh trở thành một ông anh mẫu mực, tôi muốn hao hao giống một phần nào. Đọc lời nhắn của Đình Cường email: “*sẽ mang Tác Giả Việt Nam, Quá Khứ Trước Mặt về khoe với bè bạn ở Việt Nam rồi tặng lại Dương Nghiễm Mậu hay Bửu Ý*” tôi lâng lâng niềm vui. Bài viết về anh tôi gắng ngồi gõ trong cái nóng đang bắt đầu tới thăm Montréal, để anh tạm đọc kịp trước khi về quê nhà. Đâu có ích gì cho anh. Nhưng tôi nôn nao muốn thế. Bọc hành trang lên đường của Đình Cường hình như bao giờ cũng gọn nhẹ. Lần này không chừng thêm được vài gram cái chân tình của tôi. Nhớ nhét vào lòng nhé, ông anh!

Ghi chú thêm:

THE ART OF DINH CUONG là một tuyển tập những bức ảnh

chụp 28 tác phẩm sơn dầu của Đinh Cường, được Viet Art Gallery ấn hành tại Hoa Kỳ nhân dịp phòng tranh Đinh Cường mở cửa tại thành phố đông người Việt Houston, Texas, USA năm 2005. Trong tuyển tập in màu này có khá nhiều tranh thiếu nữ nổi tiếng như: *Woman with Scarf* (Oil on canvas 24"x30"-2004), *Pink Nude* (Oil on canvas 24"x30", 1994), *St. Joseph, Montréal* (Oil on canvas 30"x30", 1993), *Moon, Girl, Heather* (Oil on canvas 30"x30", 1991), *Nude and Cobblestone* (oil on canvas 24"x24", 1993), *Summer Lotus* (Oil on canvas 24"x30", 2005), *Pilgrimage* (Oil on canvas 24"x30", 2004), *Girl and Flowers* (Oil on board 14"x18", 1998), *Tree Turning Red* (oil on canvas 48"x60", 1989), *Stage* (Oil on canvas 24"x30", 2005) cùng nhiều tác phẩm thể hiện nhiều chủ đề, trong đó có bức *Sympathetic Abyss* (oil on canvas 22"x28" 2005) Đinh Cường rất thích, chọn cho tôi làm bìa tập *Quá Khứ Trước Mặt*. (Tựa bài này từ Đinh Cường)



Trang Châu, người mang nhiều thứ Sĩ

Thời Chiến quốc bên Tàu, tại đất Mông thuộc tỉnh Hà Nam Trung Hoa ngày nay, có một người làm quan một thời gian ngắn rồi lui về với cuộc sống bình dị cùng thiên nhiên. Ông trở thành một trong những nhà đại tư tưởng của Trung Hoa, có tên Trang Chu, còn được gọi là Trang Châu hay Trang Tử. Triết gia này nổi tiếng qua tác phẩm Nam Hoa Chân Kinh (sách Trang Tử) và đặc biệt với huyền thoại Trang Châu Mộng Hồ Điệp (nằm ngủ mơ thấy hóa thành bướm, tỉnh dậy bâng khuâng không rõ mình hóa bướm, hay bướm hóa ra mình). Khi tôi bắt gặp quý danh Trang Châu trên báo chí, tôi đã nghĩ tác giả này hẳn rất ngưỡng mộ cái đạo giáo của Trang Tử mà dùng tên ông làm bút hiệu.



Tuy sớm có cảm tình với một bút danh đẹp, nhưng tôi chưa biết gì nhiều về Trang Châu, cho đến khi ông lập gia đình. Lý do đại khái như thế này: phu nhân của ông là một á hậu trong cuộc thi hoa hậu đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa, Á hậu Hoàng Kim Uyên. Cô đã một thời sinh sống trong cùng một thành phố với tôi. Hơn thế nữa, cô là em của người bạn tôi chơi thân. Tuy chưa hề có vợ vãn nào, nhưng khi lướt những nhan sắc trong thành phố, bắt sống đời với thơ, để tỏ ra mình là một kẻ đại lãng mạn, tôi không bỏ sót Kim Uyên, nên đã viết:

“Tự xem như đã bà con / mà sao đôi lúc vẫn còn xốn xang ? / em cười, thế giới hoang mang / em đi, nhạc biếc nhạc vàng nói chân / câu thơ tôi chọt bản thân / giữ Kim Uyên lại thì bâng khuâng buồn / thả đi, hồng cả mấy chương / tình thơ một thuở như tuồng vắng tên”.

Việc Kim Uyên thành hôn cùng Trang Châu, giúp tôi biết, ông nhà văn này tên thật Lê Văn Châu, thứ nam của Trung tướng Việt Nam Cộng Hòa Lê Văn Nghiêm, là một bác sĩ quân y, phục vụ trong binh chủng Nhảy Dù. Tuy chưa bao giờ liên lạc với vợ chồng Trang Châu, nhưng chơi với Hoàng Trọng Bản, thỉnh thoảng tôi

có nghe tin về cặp trai giỏi gái đẹp này.

Tôi gặp và quen với Trang Châu sau khi định cư tại thành phố Montréal Canada. Thân tình bắt đầu từ một sinh hoạt văn học. Nhận đề nghị của nhà thơ Đô Quý Toàn, tôi liên lạc cùng Trang Châu, để mời anh góp mặt trong sinh hoạt Văn Bút, Trung Tâm Canada, mới bắt đầu dự trù thành lập. Điện thoại đến người chưa quen, tôi rất ngại. Nhưng không ngờ Trang Châu rất cởi mở. Anh nói đã có biết chút ít về tôi, và nếu có tôi trong hội đoàn này, anh sẽ tham gia. Sau đó không lâu, anh trở thành chủ tịch Văn bút Việt Nam trung tâm Québec (1987-1991), rồi chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại nhiệm kỳ 1991-1993.

Chẳng phải điều nghiên lý lịch, nhưng đã có cơ hội cho tôi biết thêm về Trang Châu hơn chút nữa. Anh sinh ngày 28 tháng 3 năm 1938 tại thành phố Huế. Thân mẫu anh, bà Trung tướng Lê Văn Nghiêm, nữ danh Trần Thị Thuận, có hai người con trai. Anh cả là Lê Văn Trang, một Trung Tá Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, phục vụ trong ngành Cảnh sát. Anh Lê Văn Trang hiện cũng cư trú tại Montréal, đã giữ chức Chủ tịch hội Cựu quân nhân Việt Nam tại thành phố này trong nhiều nhiệm kỳ. Bút hiệu Trang Châu, hóa ra cũng khởi đi từ một sự ghép tên. Nếu tôi dùng tên của nhị vị thân sinh mình làm bút danh, thì Trang Châu dùng tên của anh trai và của anh để cùng sống lâu với đời. Tình anh em ruột thịt như vậy là đậm đà vô cùng.

Là con của danh gia vọng tộc, nên Trang Châu được trang bị kiến thức rất đầy đủ, dù không may, thân mẫu anh qua đời khi anh vừa xong cấp tiểu học tại trường dòng Pellerin Huế. Ở bậc trung học, anh vẫn theo chương trình Pháp và đã phải chuyển đổi qua nhiều trường vì nền giáo dục của Pháp tại Việt Nam từ từ hạn chế. Từ trường Institut de la Providence (Thiên Hựu), anh qua Lycée Francais Huế, rồi tiếp tục làm học sinh của: Lycée Francaise du Touranne (Đà Nẵng), Lycée Yersin (Đà Lạt). Do yêu cầu của gia đình, để hoàn tất bậc trung học, Trang Châu ghi tên vào ban A (Sciences expérimentales) chuẩn bị cho việc vào y khoa. Học được hai tuần, anh xin chuyển qua ban C (philos lettres) vì không mấy thích các môn vụn vặt, toán, lý hóa. Số giờ Việt văn tại nhà trường rất hạn chế, mỗi tuần chỉ có hai giờ, nhưng nhờ yêu văn chương Việt Nam, anh đã tìm đọc các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn và toàn bộ Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan. Khi có *Bac II*, Trang Châu nộp đơn và được chính phủ Pháp cấp học

bỏ sang Paris theo học Sciences Politiques (Khoa học chính trị). Nhưng gia đình không cho phép, vì vẫn giữ ý muốn anh vào y khoa. Trước khi nộp đơn theo học Dự Bị Y khoa, còn có tên gọi P.C.B (Physique-Chimie-Biologie) Trang Châu gắng thử đi một ngành khác, Luật Khoa. Rất tiếc, trường Luật vừa đổi sang giảng dạy bằng Việt ngữ, nên Trang Châu đành học làm một ông bác sĩ mai sau. Chương trình học Y khá nặng, anh phải bù đầu với sách vở. Qua ba năm đầu của đoạn đường 7 năm, nỗi lo sợ bị *sortie latérale* (bị loại nếu rớt 2 năm liên tiếp) đã giảm, anh mới trở lại với thú đọc sách. Thủ đô Sài Gòn lúc bấy giờ tràn ngập loại *livre de poche*, Trang Châu mua và đọc các tác phẩm của Jacques Prévert, Guillaume, Apollinaire, André Maurois...nhưng anh không mấy thích Jean Paul Sartre, dù triết gia này đang lầy lừng, nhiều người viết và sống theo thuyết hiện sinh của ông.

Nếu tình yêu thi ca đã đến với Trang Châu từ thời trung học, do người tình đầu đời, một nữ sinh Đồng Khánh, chép tặng anh một tập thơ mấy trăm trang đủ mặt thi sĩ nổi tiếng, thì chuyện viết văn đến với anh như một tình cờ, qua sự ra đời của nguyệt san Tình Thương, một tờ báo của sinh viên y khoa.

Khởi hành ngay sau khi nền Đệ nhất Cộng hòa cáo chung, nguyệt san Tình Thương được điều hành bởi Phạm Đình Vy (Chủ nhiệm), Nguyễn Vĩnh Đức (Chủ bút), Ngô Thế Vinh (Tổng thư ký). Ban biên tập gồm những cây bút của sinh viên y khoa Đỗ Hữu Tước, Trần Đông A, Trần Mộng Lâm, Trần Đoàn, Trương Thìn, Lê Thành Ý. Tuy đến với Tình Thương từ số 2, nhưng Trang Châu được giao cho chức Thư ký Tòa soạn, với hai công việc: chọn thơ và trả lời thư tín. Nguyệt san Tình Thương đặt báo quán tại đường Nguyễn Bình Khiêm. Bài thơ Trang Châu làm duyên với Tình Thương là bài Bức Họa, được đông đảo bạn đọc tán thưởng.

Tuổi thọ của nguyệt san Tình Thương khiêm nhường, cuối năm 1966, tờ báo bị đóng cửa với lý do không thích hợp với chính phủ quân nhân đương thời. Tuy thời gian làm báo không dài, nhưng Trang Châu cũng kịp chọn cho mình lối làm thơ tự do ngắn từ hai đến tám câu, cô đọng ý tưởng trong ngôn từ chọn lọc.

Ngày từ già đời sinh viên đã đến, Trang Châu, một loại ‘COCC’ (con ông cháu cha), đã không chọn cho mình một đơn vị phục vụ an toàn. Anh chọn một binh chủng hiểm hách, dữ dằn nhất: Nhảy Dù, để trực tiếp cứu chữa cho đồng đội, để trực diện

với sự sống chết ngay trên quê hương mình. Anh không có chủ đích đi tìm cảm xúc mạnh. Anh chỉ mong phục vụ hữu hiệu cho một đơn vị thiện chiến, cần thiết cho sự sống còn của một chế độ có đầy đủ tự do. Khởi đầu, Trang Châu làm Y Sĩ trưởng Tiểu đoàn 6 Dù, đóng tại Vũng Tàu. Rồi chuyển về Tiểu đoàn 3 Dù, ở Ngã Tư Bảy Hiền. Hai năm sau, anh được chuyển về làm Y sĩ điều trị tại bệnh viện Đỗ Vinh của Sư đoàn Dù. Trong thời gian này, Trang Châu được thụ huấn một năm cho công việc gây mê tại Tổng Y viện Cộng Hòa, sau đó trở lại bệnh viện Đỗ Vinh thực hiện nghề chuyên môn này. Năm 1972, Trang Châu rời binh chủng Nhảy dù. Anh làm việc tại quân y viện Trần Ngọc Minh trong một thời gian ngắn trước khi về trường Quân Y, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Liên đoàn trưởng Liên đoàn Sinh viên và Khóa sinh, Trưởng khối Tâm lý chiến trường Quân y, kiêm đặc trách tập san Quân Y cho đến khi được lệnh của Tổng thống Dương Văn Minh tan hàng để tránh đổ máu. Trang Châu không có duyên ăn cơm của chính thể mới tại Việt Nam. Anh định cư tại thành phố Montréal từ năm 1975, và tiếp tục hành nghề bác sĩ cho đến nay, chưa ‘cáo lão hồi hưu’ dù đang ở vào năm thứ 68 của đời người.

Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật, Trang Châu thích nhất là làm thơ. Nhưng văn xuôi mới làm giàu cho anh những tác phẩm. Và trong văn xuôi, bút ký là bộ môn chính thức đưa Trang Châu đến với bạn đọc. Những trận lũ lụt lớn của miền Trung đã mang đến cơ hội cho Trang Châu phát triển tài năng này. Qua những lần khám bệnh, phát thuốc tại Quế Sơn, cùng theo chân những binh sĩ địa phương quân trong vài cuộc hành quân tảo thanh, Trang Châu đã hoàn tất một số trang phóng sự cho báo chí thủ đô. Bút ký đầu tay ‘Một Chuyến Đi’ gây được tiếng vang về sự dấn thân của trí thức miền nam. Bút ký ‘Khóa 68 Nhảy Dù’ để kỷ niệm việc học lấy bằng dù. Bút ký ‘Thử Lửa’ để ghi lại trận đánh ở làng Gia Hựu Bồng Sơn, rồi những trang viết khác, hẳn dấu vết chiến tranh cùng tình người tuàn tự xuất hiện. Một trong số đám con văn nghệ ấy đã cho Trang Châu một giải thưởng khó quên. Giải nhất, mười ngàn đồng, của báo Tiền Phong với ‘Đường Ra Bến Hải’. (Chánh chủ khảo của cuộc thi này là nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh – báo Tiền Phong là báo của quân đội, không phải là tờ Văn nghệ Tiền Phong). Sự khuyến khích tinh cò này đã giúp Trang Châu có niềm tin về những kỳ sự của mình, và anh hăng hái viết ‘Y Sĩ Tiền Tuyến’.

Cuốn sách được viết trong 6 tháng thì hoàn tất. Trang Châu gửi dự thi giải Văn Chương Toàn Quốc. Một giải thưởng có từ thời Đế nhất Cộng hòa. Bị gián đoạn năm 1963 và nổi lại từ năm 1969. Tác phẩm Y Sĩ Tiên Tuyền trúng giải nhất cho bộ môn bút ký. Một tháng trước khi công bố kết quả chính thức, nhà văn Nguyễn Đình Toàn đã tin cho Trang Châu biết tin vui này, qua tiết lộ của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, một thành viên của ban giám khảo. Tác giả Đêm Tâm Tình Viết Lịch Sử còn cho biết, sở dĩ ông chọn tác phẩm của Trang Châu vì tính chất trung trực (authentique) của nó. Ngày phát giải, Trang Châu có mặt trong dinh Độc Lập, bắt tay Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, và nhận hai câu thơ viết trên lụa của thi sĩ Vũ Hoàng Chương tặng. Sự thành danh về nghề viết Ký của Trang Châu còn được nhà văn Võ Phiến xác nhận trong tác phẩm Văn Học Miền Nam của ông. Võ Phiến viết:

... “Văn chương nghệ thuật đã xua vào bình chủng ưu tú bậc nhất của quân đội một chiến sĩ đặc lực. Ở Trang Châu có một lập trường ngộ nghĩnh: trường hợp một người vừa phục vụ nghệ thuật vừa phục vụ nhân sinh thật kỹ. Nói cách khác là một người vì nghệ thuật mà nhào vô phục vụ “nhân sinh” đến nơi đến chốn...”

(VHMN, Ký trang 2201).

Trang Châu định cư tại Montréal trước tôi 10 năm. Trong khoảng thời gian này có lẽ anh bận sửa soạn lại cuộc sống mới nơi xứ người, nên sinh hoạt văn học của anh hình như không được phát triển. Tính đến năm 2006, anh đã cho phát hành được các tác phẩm: Y Sĩ Tiên Tuyền (bút ký, Văn Học, Sài Gòn, 1969), Về Biển Đông (bút ký, 1995), Thơ Trang Châu (thơ, Sông Thu, 1989), Di Thu (tập truyện, Văn Mới). Trang Châu viết ít nhưng ở bộ môn nào anh cũng đạt được những tiêu chuẩn cần thiết của sự thành công.

Nhận xét về bút ký đã có nhà văn Võ Phiến vừa nêu trên, Về truyện, ta hãy đọc vài dòng nhà văn Song Thao viết về Di Thu của Trang Châu trong dịp tác phẩm này ra mắt bạn đọc tại thính đường Maison Bellarmin, số 25 Jarry Ouest, Montréal, ngày 12 tháng 11 năm 2000:

“...Trang Châu là một người đa tài. Cái đa tài làm tôi bối rối. Người viết ký, nhà thơ, nhà văn, biết gọi anh ra sao? Nhưng hôm nay, đón nhận cuốn truyện đầu tay của anh, chúng ta vui mừng bắt tay nhà văn Trang Châu.

Di Thu có thể được coi là một cuốn truyện tình vì trong 12

truyện thì có đến 11 truyện tình. Nhưng đừng tìm những mối tình thơ mộng trong truyện của Trang Châu. Không có chàng và nàng, không có trăng sao, không có những ám êm hạnh phúc. Truyện tình của Trang Châu là những mối tình không thường, không tron tru. Chỉ có những dằn vặt, đau thương, chia lìa, bất hạnh.

Hình như bao nhiêu ngọt ngào, tình tứ, thơ mộng, Trang Châu đã xài hết trong thơ nên khi đôi tay viết truyện, anh chỉ còn những đắng cay, chua chát. Truyện của anh là những bức tranh xám của những cuộc đời nhiều trở trêu, lấm sọng sượng. Như cuộc đời của nhân vật nữ trong truyện Trang Châu dùng làm tên cho cả tập truyện: Dì Thu. Dì Thu là con người bị cuốn hút trong cuộc sống của xã hội miền Nam đang lộn xác thời quân đội Đồng Minh qua tham chiến. Dì bỏ anh chồng chẳng ra gì. Mở bar, dì trở thành người đàn bà của mọi người. Gặp lại con của người bạn cũ nay đã trở thành một sinh viên y khoa, dì đã dìu cháu từng bước đi vào cuộc vui vầy thân xác.

Những nhân vật nữ trong truyện của Trang Châu không e ấp, không dùng dằng, họ xông thẳng vào tình trường với lòng tự tin vững chắc...”

Song Thao đã tỉ mỉ giới thiệu những nét đặc biệt trong từng truyện một, để đi đến kết luận rất thích hợp với nhiều nhận xét khác của bạn đọc.

... “Trong suốt tập truyện, người ta không bắt gặp những dè dũi, những chỉ trích, những phê phán, những chê trách. Chỉ có một giọng văn đầy tình người, giọng văn cảm thông của một ngời



bút trên quí cuộc sống, cuộc sống với những an vui, hạnh phúc, cũng như những nhọc nhằn, nghiệt ngã, bất an, huyệt hẫng. Trang Châu, vì vậy, là một người viết nhân bản. Anh chấp nhận cuộc sống như nó là.

Như một người sống với chữ nghĩa, Trang Châu đã đi một đoạn đường dài trên ba chục năm. Vẫn có lòng với chữ nghĩa, vẫn miệt mài với văn chương, vẫn thân tình với ngòi viết, Trang Châu chắc sẽ còn nhiều cống hiến cho văn học Việt Nam. Anh làm thơ, anh viết ký, anh viết truyện, hay anh sẽ còn nhào vào các thể loại khác, tâm lòng của anh với chữ nghĩa lúc nào cũng đáng quí.

Mong rằng anh vẫn ở với chữ nghĩa trong lúc mà chữ nghĩa Việt Nam chúng ta hình như đang mỗi mòn, còm cõi ở hải ngoại. Chung tình với chữ nghĩa là điều tôi tin Trang Châu sẽ giữ được. Vì anh đã từng viết: “Tôi thuộc loại lang / Treo bằng cáp dưới đất / Ấp ủ thơ trong lòng” (Song Thao).

Nhà văn Mai Kim Ngọc, tác giả Thuyền Nhân...trong bài tựa dài hơn 7 trang cho tập truyện Dì Thu, đã viết:

... “Tập truyện là một sưu tập người nữ, và truyện cũng như người của Trang Châu rất hấp dẫn. Trang Châu kinh sợ sự nhạt nhẽo và thích chất muối mà chỉ người nữ phong trần mới có. Về muối quả thật nhân vật nữ của Trang Châu có sẵn đến mức đậm đà, có khi đến chỗ mặn chát. Họ đối ứng có duyên, xử lý mọi chuyện dễ dàng, dễ dãi, và cái đùa cợt bất cần đời của họ dễ lây sang người đọc. Nhưng ngẫm lại, câu chuyện không hẳn chỉ có khôi hài mà còn rất nhiều bất hạnh. Nhân vật nữ của Trang Châu không được đời ưu đãi...

... Vấn đề của người đàn bà không còn là vấn đề đạo lý, để lấy đạo lý mà phán xét. Nó lớn hơn đạo lý. Nó là chuyện sống còn không những của bản thân người đàn bà mà còn của chính đời sống... Tôi nghĩ Trang Châu và những người đàn bà của ông muốn nêu lên chân lý này.” (Mai Kim Ngọc).

Tác giả của tác phẩm nổi tiếng Nụ Cười Tre Trúc, Kiệt Tấn thì đưa ra nhận xét thiên về kỹ thuật:

“Chuyện của Trang Châu giản dị, nồng nàn, nhiều tình cảm giàu lòng thương và có hậu. Tình dục của Trang Châu không ồn ào. Viết về tình dục, ngòi bút Trang Châu chừng như “hai kiểu e

lệ nép vào dưới hoa”. Phải chăng đó là cái duyên / dâm ngầm của người con trai xứ Huế ? Nhân vật của tác giả , nam cũng như nữ, lãng xãng đi tìm một tình yêu, một sự âu yếm, một tâm hồn đồng điệu, một hạnh phúc. Có khi tìm được, có khi không, có khi không có kết thúc. Và người đọc được mời tham dự, vẽ ra đoạn cuối. Tác giả viết thoải mái, không làm dáng, ngắn gọn, không làm người đọc sốt ruột...” (Kiệt Tấn, lời bạt cho Di Thu) .

Tôi đã nghe một câu phát biểu của Trang Châu, đại ý: “*Thơ vẫn là nghề tay trái. Nhưng tay trái ở gần trái tim, nên tôi ưa thích thơ vẫn*”. Nhiều người gọi Trang Châu là nhà văn. Còn chính anh thì tự coi mình là nhà thơ. Thơ của anh như thế nào ? Nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã trả lời cho chúng ta:

“Trong thơ Trang Châu tiếng nói không bị đập phá, không bị xô đẩy tới những biên cương không chờ đợi. Vì vậy tôi chắc thơ Trang Châu sẽ được tiếp đón dễ dàng với nhiều thế hệ người đọc.

Chúng ta có thể chia sẻ với thi sĩ những kinh nghiệm sống vì nhờ những lời thơ, nỗi lòng của thi sĩ trở thành một hiện tượng chung cho cả mọi người. Tôi ước ao mỗi chúng ta sẽ tìm thấy trong thơ Trang Châu một mảnh tâm hồn mình ở một nơi nào đó, vào một lúc nào đó. Nếu có những tình nhân trên trái đất chép những câu thơ này để gửi tặng nhau, thì thi sĩ còn ước ao gì hơn nữa ?” (Đỗ Quý Toàn)

Một nhà văn khác, Võ Kỳ Điền, nhận định:

“...Hình như có nhà phê bình văn học nào đã nói: văn thơ khi đã đạt tới mức nghệ thuật thì nên vứt bỏ kỹ thuật đi. Chúng ta không thấy cái dụng công sửa chữ, đổi lời nào ở toàn tập thơ. Theo tôi, người có trái tim bình thường là những người bình thường, có trái tim thật lớn mới là thi sĩ. Trái tim đó phải có nhiều ngăn để chứa thương yêu. Một ngăn cho người em, một ngăn cho người chị, một ngăn cho người vợ, một ngăn cho người tình, một ngăn cho người bạn và một ngăn lớn nhất, trang trọng nhất dành cho dân tộc khổ đau, quê hương làm than khôn khổ.

Trang Châu đích thực là thi sĩ của tình yêu. Anh yêu con người và đất nước Việt Nam.” (Võ Kỳ Điền giới thiệu Thơ Trang Châu).

Dĩ nhiên còn nhiều nhà văn, nhà thơ khác viết, nói về thơ

Trang Châu, nhưng một nhận xét về cái tài tổng quát của anh phải kể đến chị Nguyễn Ngọc, ca sĩ:

“Trang Châu có nhiều cái sĩ. Bác sĩ, thi sĩ, văn sĩ và gần đây anh chuẩn bị để thành ca sĩ qua những lần trình bày nhiều ca khúc quen thuộc trước một số thân hữu”. Phu nhân cố nhà văn Nguyễn Đông Ngạc quả thật không văn vẻ, cầu kỳ, chỉ nói lên cái nhận xét đơn giản mắt thấy, tai nghe của chị. Trang Châu quả thật có nhiều tài. Ngoài làm thơ, viết ký, viết truyện, anh còn là một ngòi bút viết nhận định rất thuyết phục về những tác phẩm văn học. Anh đã từng viết về Lưu Nguyễn, Hoàng Xuân Sơn, Phan Ni Tấn,... Riêng cá nhân tôi cũng đã từng được anh nhìn ‘Từ Cối Minh Đến Cối Người’ trong ‘Chân Dung Thơ Luân Hoán’, và đúc kết các nhận xét của những tác giả đã nhận định về tôi, trong bài anh nói chuyện, dành cho đêm ra mắt sách tuyển tập này (in trong Luân Hoán-Một Đời Thơ). Trang Châu có trí nhớ rất tốt, đặc biệt anh thuộc rất nhiều thơ của nhiều người và của chính anh. Một khả năng tôi chưa khi nào có được. Trong cương vị chủ tịch Văn Bút Việt Nam, Trung Tâm Québec, Trang Châu thường được mời phát biểu ý kiến hoặc thuyết trình về thơ văn cho nhiều hội đoàn khi có những sinh hoạt về mặt nổi. Anh bình dị, không cần nhắc, phân chia tổ chức này, tổ chức nọ. Có diễn đàn cần anh, là anh trình bày những đề tài anh tự chọn. Xuất hiện trước đám đông ở Montréal đối với Trang Châu đã thành việc bình thường. Điều này có lẽ rất khác hẳn với chính anh thời trước 1985.

Những thiện chí trên nói lên được tính ưa sinh hoạt của anh. Và nhờ đức tính này, Trang Châu đã thực hiện một việc làm thật ý nghĩa trong cuộc sống lưu lạc trên xứ người. Năm 1993, hưởng ứng chiến dịch tình nguyện vượt người vượt biển tại biển đông, anh tạm đóng cửa phòng mạch đông khách, từ giã cô vợ xinh đẹp, cùng hai cậu con trai, để đóng góp chút tâm nguyện vào công tác nhân đạo. Trên con tàu Mary Kingstown, thực hiện chuyến đi, gồm có thuyền trưởng Francois, Bạch Tuyết, Caroline (phu nhân và ái nữ của thuyền trưởng), bác sĩ Xavier, bác sĩ Nguyễn Ngọc Kỳ, bác sĩ Nguyễn Thượng Vũ, bác sĩ Lê Văn Châu (Trang Châu), nữ ký giả Vũ Thanh Thủy, nhiếp ảnh gia Patrick, thuyền phó Sami, Laurent và nhiều người khác.

Chuyến đi rất thành công, đã cứu được bốn ghe vượt biển với tổng số trên một ngàn nạn nhân được đưa đến cõi tự do. Trong đợt

vớt lần thứ nhất, gồm 51 người, trong đó có một bác sĩ, tôi từng quen biết, và cũng là dân Đà Nẵng như tôi, bác sĩ Phùng Văn Hạnh (hiện định cư tại Montréal). Trang Châu có công trực tiếp phát hiện chiếc ghe thứ hai. Phần thưởng đền đáp ơn anh hẳn nhiên rất lớn dù chỉ thu gọn trong hai chữ cảm ơn âm tình người. Ngày lên đường, Trang Châu đã nhận lá cờ vàng ba sọc đỏ từ cộng đồng người Việt. Ngày trở về trên nền quốc kỳ tổ quốc đã đầy chữ ký lưu niệm của *boat people*. Trang Châu còn mang về ba bài thơ của cô Võ Thị Kim Dung, một thiếu nữ nạn nhân được cứu sống.

Nhiều tháng tiếp theo, những hình ảnh lênh đênh trên đại dương cùng những tiếng khóc gọi, tiếng reo mừng, sống mãi liệt trong lòng người y sĩ. Anh không thể không ghi lại những cảnh bi hùng anh đã có cơ may bắt gặp trong đời. Thơ không thể phơi trải nổi tình anh một cách giản dị. Thế là Trang Châu trở về với ký. Tác phẩm Về Biển Đông được viết theo đúng quan niệm sáng tác của anh: ... *“Muốn viết cho sống động không phải chỉ kể lại những gì mình thấy, mà còn phải viết ra được những gì mình cảm nhận lúc sự việc đang xảy ra hay vừa xảy ra. Nói tóm lại viết ký không những phải sống mà còn phải biết cảm cái mình sống rồi mới đem cái cảm của mình đã sống chia sẻ với mọi người...”*. Tập bút ký Về Biển Đông của Trang Châu được Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ của nhà văn Trương Anh Thụy (cháu nhà văn Trương Bảo Sơn) ấn hành năm 1995 với mẫu bìa của họa sĩ Đinh Cường. Tôi có được tác giả thân tặng một bản. Đọc rất thích, nhưng xin được bắt chước na ná chị Trương Anh Thụy: ... *“chúng tôi không muốn lạm dụng lòng tin cậy của tác giả - giao phó việc viết lời ‘giới thiệu’ này - đem ‘bật mí’ hết cả cốt truyện, mà xin dành lại sự thích thú khám phá đó cho độc giả bốn phương...”* (Về Biển Đông trang 7).

Trong vài dịp có mặt bên Trang Châu, tôi nghe vài người hỏi anh *“Anh viết truyện từ bao giờ?”*. Trang Châu vui vẻ trả lời. Tôi nhớ đại khái, xin thuật lại: Truyện ngắn đầu tiên Trang Châu đăng trên báo Sóng Thần của nhà văn Chu Tử, sau nhiều do dự. Tiếp theo số Sóng Thần Xuân này, là tạp chí Văn Học của anh Phan Kim Thịnh. Có khoảng 10 truyện trên Văn Học trong thời gian từ 1972-1974. Tuy ít, nhưng nhà xuất bản Đường Sáng đã mua bản quyền, chưa kịp ấn hành thì đất nước đã qui về một, với chiến dịch tịch thu, đốt hủy sách báo. Tại hải ngoại, những năm sau lưng của

1985, mới thấy truyện của Trang Châu xuất hiện trên Hợp Lưu, Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21, Năng Mới...Trang Châu còn cho biết, nếu muốn rõ quan niệm sáng tác của anh, có thể đọc truyện ngắn mới nhất ‘Mùa Xuân Hai Bên’ đăng trên tạp chí Thế Kỷ 21, số xuân Bính Tuất, sẽ rõ. Theo tôi, có lẽ anh muốn nhắc đến đoạn này trong truyện: . *“Tôi chọn lối viết với những đoạn kết lửng lơ, nó đóng lại để mở ra, nó lắng xuống để gây nên thao thức, băn khoăn trong lòng người đọc”*

Trang Châu đã một vài lần nhận xét thơ tôi bằng bài viết hân hoan. Còn tôi đọc thơ anh có những thú vị nào? Tôi hỏi tôi và thấy mình không có câu trả lời. Viết vài dòng khen thơ anh là điều không khó, và cũng là sự thật. Nhưng bạn đọc chắc chắn sẽ phê ngay một câu, không cần đọc kỹ: “áo thụng vái nhau”. Vậy viết để làm gì? Thà dành thời giờ gỡ ra đây vài bài thơ của anh, để mọi người cùng thưởng ngoạn, cùng có những nhận xét, khoái hơn.

Bài 1: Hạnh Ngộ

*“ đưa em bản paso này / lòng như hoa mới nở / tay thương
đón bàn tay / chân vui niềm hạnh ngộ
đưa em điệu luân vũ này / quay-cuồng con bão nhớ / tóc vương
hồn ai đây / tình len trong tiếng thở
đưa em bản tango này / tay tròn ôm ước mộng / mắt đắm nhìn
mắt say / môi hồng trên môi ẩm
ôm em điệu slow này / thời gian ơi chậm lại / bóng tối hãy
thêm dày / ân tình khăng khít mãi”* (Thơ TC trang 29)

Bài 2: Tâm sự Người Lính Dù (tặng Nguyễn Văn Y)

*“ Lòng đã nguyện với hồn thiêng sông núi: / hiến dâng đời khi
đất nước lâm nguy / anh bỏ nhà năm mười chín tuổi ra đi / ôm
chi lớn trong tầm tay súng nhỏ / những tháng quân trường mồ hôi
tháo đổ / và sa trường là khắp nẻo biên khu / tính đến hôm nay
năm tuổi lính dù / ba lần chiến công, hai lần chiến tích /
một buổi xung phong vào lòng đất địch / anh ôm dù lao xuống
giữa mật khu / những chiếc dù to chụp xác quân thù / tin chiến
thắng bốn phương về rộn rã: / Ấp Bắc, Bãng Lãng, Đức Cơ, Bình
Giã ... / khói súng cay nồng lấm áo chiến binh / những chuyến đi
dài nuốt trọn đời anh / không kịp nhớ, kịp thương một lần lấy đẹp
! / súng gác lưng đèo đêm ba mươi tết / sương rơi rơi kín lạnh nẻo*

rừng già/ sờ để giày mòn tính quãng đường xa / anh mới thấy đi
đã trơn vồng đất nước / sao lòng chiều nay buồn lên côi cút ?/ hay
anh si tình anh lính dù ơi !/ có phải một lần qua xứ đừa rồi / anh
gởi trọn tình theo tà áo đỏ ?

ai đứng bên bờ kính xóm lạ / nắng lưng chiều soi mái tóc
nghiêng nghiêng / anh đến nơi đây bản thảo, thôn hiền / xin đừng
bước, vì em thơ mộng quá !/ gối chiếc ba lô nằm nhìn cây lá/
nghe lũ chim rừng riu rít gọi nhau / anh chợt buồn, chợt nhớ đầu
đâu”..

(thơ TC trang 49))

Bài 3: Đề Nghị Một

“Nếu em muốn làm ngăn cách / cần gì phải một con đường
hay một dòng sông / cần gì phải một chốn song hay một bức thành
/ em chỉ cần gõ cửa tìm anh / và gọi tên một người rất lạ”

(thơ TC trang 9)

Bài 4 : Đề Nghị Hai

“Để thay đổi không khí cho tình yêu / em nên đi lấy chồng / và
nhớ đến anh trong những giờ hạnh phúc”

(thơ TC trang 10)

Bài 5: Nhà Anh (tặng Luân Hoán):

“ nhà anh mái lợp bằng thơ / tường cao phiến nhớ, song thưa
dánh chờ / kể từ em đến trong mơ / đêm đêm mộng trải lên bờ gối
chăn / bâng khuâng môi gọi tên thầm / mùi hương tóc rối vương
nồng má ai / mong trắng, trắng khuất sau đồi / mong người, người
đã nói lời trăm năm”

(Thơ TC, trang 31).

Bài 6: Gọi Tên

“ Nếu em không là Hồng là Mai là Cúc / thì xin gọi em là em /
người con gái phụng phịu trả lời: / anh gọi em bằng...tên anh!”

(thơ TC trang 14)

Bài thứ 7: Rộng Lượng

“ Nếu anh Công giáo/ anh sẽ bảo em / nguyên nhân bẫy mối
tội đầu / nếu anh Phật giáo / anh sẽ gọi em / là bề trâm luân /
nhưng vì anh chỉ lấy tình yêu / làm tín ngưỡng . nên em là người
đàn bà / ngoại tình / đáng kính yêu”

(thơ TC trang 61)

Tôi quen với Trang Châu cũng kể như thân, dù gần như chưa

bao giờ đi lang thang riêng với anh lần nào. Năm 1986, Trang Châu có ghé thăm gia đình tôi một lần, thời chúng tôi còn ở ô gián đường Bourret. Vài năm sau tôi có ghé thăm gia đình anh ở đường Henri Julien. Đường một chiều. Căn nhà bên ngoài không bề thế, nhưng bên trong rất rộng, thoáng và trang trí khá nghệ thuật. Trang Châu có với Kim Uyên hai cậu con trai, và hình như anh kết thúc loại tác phẩm này với con số hai, dù hợp đồng sáng tác với những người khác. Cậu cả của Trang Châu, tên Ngọc, có nhan sắc như một tài tử, biết làm thơ Pháp ngữ, theo học điện ảnh và đã đạo diễn hoàn tất một phim truyện. Trang Châu nhận xét tác phẩm đầu tay của con mình: *“Hình ảnh tạm được, diễn xuất khá, cốt truyện và đối thoại tầm thường”* Anh đã nhận lời con trai tìm đề tài, viết phân cảnh và đối thoại, dĩ nhiên bằng tiếng Pháp. Như vậy, không chừng trong tương lai Trang Châu còn bước sang một lãnh vực nghệ thuật nữa.

Tôi vẫn thường đi ăn nhậu với Trang Châu tại nhiều nhà bè bạn. Trang Châu có sức ăn rất tốt và không bao giờ ‘làm khách’ trong những buổi tiệc. Thời gian đầu giao du thân mật với bạn bè, tửu lượng anh thuộc loại yếu. Nhưng dần dần anh được xếp vào loại “người sao ta vậy”, luôn luôn đi đến nơi về đến chốn. Đó



Trần Doãn Nho, Trang Châu, Luân Hoán, Lâm Chương

là lúc anh chưa thành lập gia đình lần thứ hai, sau khi cô á hậu chuyển địa chỉ sang Hoa Kỳ. Bây giờ ra sao tôi không rõ lắm. Năm 2000 Trang Châu và Hoàng Xuân Sơn tổ chức ra mắt sách tại Toronto. Bạn văn Montréal có xuống tham dự. Bây giờ tối, tôi, Lưu Nguyễn, Song Thao, Trang Châu gặp nhau tại quán cà phê Harvey's ở trước Plaza Côte des Neiges. Trang Châu, nắm tay lái khi khởi hành. Anh điều khiển xe đúng mức qui định trên xa lộ. Nửa đường trời mưa nhẹ. Chạy ban đêm càng dễ buồn ngủ. Song Thao kể chuyện vui. Lưu Nguyễn nhai bánh mì. Tôi ngồi lơ mơ *"Đi chơi sợ chết dọc đường..."* Gần vào Toronto, Song Thao giữ tay lái. Khi đã vào thành phố, chạy tìm nhà ông dược sĩ Tân (người đứng ra tổ chức) lạc đến cả tiếng đồng hồ. Quá giấc ngủ tôi thức trắng đêm và phát hiện Trang Châu cũng đang trằn trọc. Hóa ra ông bác sĩ nhà ta đêm nào cũng uống thuốc ngủ như tôi. Thật vui khi có bạn đồng bệnh. Biết Trang Châu thường dùng thuốc an thần vỗ giấc ngủ đối với tôi có hai điểm lợi. Một, an tâm hơn một chút. Bác sĩ còn dùng hưởng chi mình. Hai, có được một lý do, một bằng chứng, để biện minh khi bà xã cần nhắc về việc dùng thuốc 'không cần thiết' kinh niên.

"Anh Trang Châu, bác sĩ, cũng dùng thuốc như anh có sao đâu. Anh ấy vẫn hồng hào, vẫn minh mẫn thêm ra nữa đấy" Nói xạo với bà xã vậy, chứ Trang Châu chắc không dùng Ativan thường xuyên như tôi. Nửa viên 1mg thật ra chẳng ảnh hưởng gì, kể cả việc làm cho mình dễ ngủ, nhưng như một thói quen ám ảnh, không có nó tự nhiên thấy thao thức. Dù nhiều lúc sự thao thức giúp mình có được nhiều cái làm thú vị.

Trang Châu, ông bạn mang nhiều thứ Sĩ trên người của tôi luôn luôn là người yêu đời. Tôi đã có đến hai lần, vì anh mà đề thơ: *"hiền mẫu sinh một cặp / tuy không là sinh đôi / ghép chung thành bút hiệu / cho ấm nhau suốt đời / chẳng phải mượn sinh khí / của danh sĩ một thời / ông Y Sĩ Tiền Tuyền / vẫn được tiếng chịu chơi"* Và : *"nhìn anh ăn uống tự nhiên / vung tay chân nói huyền thuyên, tôi thèm / giá mình cũng biết hồn nhiên / trái tim chắc chắn có thêm nhiều người"* (LH)



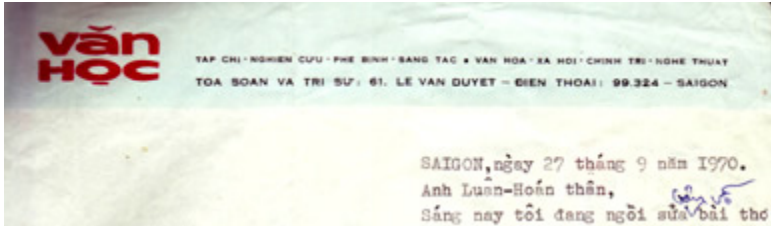
Lê Vĩnh Thọ và bài ai điếu cho người còn sống

Đầu thập niên 60, nhà báo Phan Kim Thịnh (nhà văn Phan Thứ Lang) đứng tên chủ nhiệm tạp chí Văn Học. Tòa soạn và trị sự đặt ở số 61 đường Lê Văn Duyệt (gần Ngã Bảy) Sài Gòn. Điện thoại 99.324. Chủ trương của tạp chí được ghi rõ: Nghiên cứu - Phê bình - Sáng tác - Văn hóa - Xã hội - Chính trị - Nghệ thuật.



Ngay từ những số đầu đã xuất hiện nhiều bài thơ dài, viết với thể loại tự do, được ký tên Lê Vĩnh Thọ. Một cái tên còn rất xa lạ đối với riêng tôi. Tuy vậy kỹ thuật viết cùng nội dung của những bài thơ, đã lôi cuốn tôi theo dõi, đọc kỹ qua mỗi kỳ báo. Tôi thật sự thích thú với những suy nghĩ, cách đặt vấn đề, sự khéo léo trung bày hình ảnh cùng cảm xúc của người viết. Mỗi bài thơ là một tác phẩm, thể hiện những ưu tư của thể hệ chúng tôi. Một thể hệ còn giàu lòng tha thiết với quê hương, dân tộc. Nói như vậy có vẻ hơi lộng ngôn, bởi thể hệ nào mà không có những đức tính, tình cảm tự nhiên và cao quý này. Thế hệ của chúng tôi 'may mắn' nằm ngay trong giai đoạn chiến tranh, nên có lẽ được ưu tiên thể hiện một cách rõ ràng hơn. Và hơn ai hết, những bài thơ của Lê Vĩnh Thọ là những bài tiêu biểu cho trào lưu thơ phản đối chiến tranh tại Việt Nam. Tôi đã ngưỡng mộ khi đọc thơ Phan Duy Nhân, Phan Trước Viên, Thái Luân, Trần Quang Long, Nguyễn Nho Sa Mac, Chu Vương Miện, Nguyễn Bắc Sơn..càng hết lòng khi đến với thơ Lê Vĩnh Thọ. Đọc thơ anh như đọc những gì mình đã viết, những gì mình định viết, thật thích thú vô cùng. Sự gần gũi mật thiết mỗi ngày như một tăng lên, và ý định tìm gặp Lê Vĩnh Thọ càng lúc càng nhiều. Cơ hội đã đến với một người thiếu điều kiện đi đây đi đó như tôi. Những ngày phép cuối tuần từ KBC Bốn Ngàn Một Trăm, trường Bộ Binh Thủ Đức, đã giúp tôi. Nhận địa chỉ và hướng dẫn từ Phan Kim Thịnh, tôi tìm đến đường Lê Thánh Tôn không khó. Tường cao, cổng kín là nơi cư ngụ của người làm thơ tôi muốn gặp. Với một chút ngại ngùng tôi bấm chuông. Lọng ngọng một chập rồi mọi sự cũng qua. Bất tay,

vỗ vai, cười nói vui vẻ như đã từng quen biết, nhưng Thọ quên cả việc mời tôi vào nhà. Và tôi cũng nôn nóng từ già anh, sau chừng năm phút, để đi lang thang một mình. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi ấy tạo trong lòng chúng tôi, mỗi người một hình ảnh riêng, để thành đôi bạn có nhiều liên lạc với nhau về sau.



Lê Vĩnh Thọ là một thanh niên đẹp trai. Anh có khuôn mặt rất giống một người lai Pháp, nhưng nhìn kỹ thì không phải. Cái vò bề ngoài là điều đập vào mắt nhìn của tôi trước tiên, nên xin bạn đừng khó chịu khi tôi nói về Thọ điểm này trước. Thọ có mái tóc rẽ giữa hiếm thấy. Điều đáng nói, chính nhờ cái rẽ giữa này, tạo khuôn mặt Thọ thêm thanh tú. Nhan sắc con trai của Thọ không phải chỉ mình tôi công nhận vượt trội hơn mình, một người bạn khác, một đồng nghiệp của anh, cũng công nhận. Người bạn này là anh Võ Kỳ Điền, có căn bản trong ngành dịch số và bói toán, đã nhìn, đã xem tướng và viết về Lê Vĩnh Thọ như sau:

“... Lê Vĩnh Thọ người tầm thước, da thịt hồng hào sáng sủa, mái tóc bông bênh, ánh mắt sáng và mạnh, nhìn ai như thấy hết cả ruột gan người ta, thuộc hạng đẹp trai. Đặc biệt cái mũi cao thẳng tắp nở nang, đầu mũi tròn trịa, đều đặn, kín đáo. Mỗi lần gặp Thọ, tôi kín đáo quan sát và nghĩ thầm trong đầu bạn mình có cái mũi tốt như vậy, đặc biệt là sơn căn cao đầy, tiếp giáp thẳng với ấn đường, không gãy khúc, đứt đoạn, mặt mũi phân minh, mắt sáng môi hồng, tại sao đời lại vất vả, bôn ba, thiếu trước hụt sau đến vậy? Có lẽ tại dáng đi.”

Võ Kỳ Điền suy luận, giải thích tiếp:

“... Thọ khi đi đứng dáng làm lữ, đầu cúi xuống, mặt thường đăm chiêu. Tôi hiểu rồi, cái phá tướng của Thọ là ở đó. Cũng có lẽ nhờ cái tướng đi đó mà Thọ thành thi sĩ hồng chừng. Mà thi sĩ thì làm sao mà giàu sang cho được...”

Một nhận xét về Lê Vĩnh Thọ rất chính xác khác của nhà giáo Việt văn Võ Kỳ Điền:

“ ... Lê Vĩnh Thọ nghiêm trang, ít cười, ít nói, nhưng khi nói thì hùng biện, lưu loát, lập luận vững chắc, đôi khi châm chọc không kiêng dè, dễ làm mich lòng người đối thoại.. ”

Xin thành thật cảm ơn nhà văn Võ Kỳ Điền, đã giúp tôi khỏi suy nghĩ, vế vời về vóc dáng, tính tình của một người bạn. Bây giờ tôi chỉ cần nhắc lại một số kỷ niệm giữa chúng tôi, để làm quà cho chính tôi, trước khi có thể xem là mua vui cho bạn đọc.

Cùng ở trong ban biên tập tạp chí Văn Học, cùng có những trao đổi thư tín thường xuyên, nên mặc dù không gặp nhau, chúng tôi cũng đã là một đôi bạn thân. Sau ngày tôi gia nhập vào quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc chiến mỗi ngày một gia tăng. Con số thương vong của những lực lượng tham chiến mỗi ngày một cao. Điều này không cần dựa vào những con số thống kê thiếu xác thực của mỗi bên. Những mắt thấy tai nghe hằng ngày, đủ để bất cứ người Việt Nam nào cũng có suy nghĩ, quan ngại. Lê Vĩnh Thọ tin chắc người bạn lính chiến của anh, không trước thì sau cũng kết thúc cuộc đời ngoài mặt trận. Ý nghĩ này càng được củng cố, khi chính anh cũng phải đồng phục trong màu áo ô liu, chứng kiến ngay một bạn đồng khóa, nhà văn Y Uyên, ra đi một cách vội vã. Lê Vĩnh Thọ có khoảng cách với thân chết xa hơn tôi một đoạn, khi anh về phục vụ tiểu đoàn 10 Chiến tranh Chính trị, đồn trú tại bãi biển Thanh Bình, Đà Nẵng. Chỗ ngồi của anh trước đây là của nhà thơ kiêm võ sĩ Hạ Quốc Huy. Vì đỉnh ninh tôi sẽ tử trận, nên Thọ muốn viết trước cho tôi đọc bài anh sẽ chia buồn trước sự ra đi của tôi. Điều này tôi đã nhắc tới nhắc lui một vài lần. Nhưng ở đây cũng không thể không nhắc lại.

Sau một cuộc hành quân, không nhớ rõ là Liên Kết hay Quyết Thắng, tôi về thị trấn Quảng Ngãi. Mở hộp thư, mừng thấy thư Thọ, và hét hồn ngay với những dòng đầu tiên của một bài thơ dài, không có thư gởi kèm:

*“ Mày đã chết / hồi thiếu úy Lê Ngọc Châu / hồi Luân Hoán/
mày đã ngã xuống / mày đã anh dũng đền nợ nước / người ta nói
thể / tao cũng tin thể chẳng / anh dũng đền nợ nước / tổ quốc ghi
on...”*

Phải nói rằng tôi xúc động đến run cả tay cầm giấy. Trước thì

đứng, tiếp đến là bước đi năm ba bước, rồi ngồi xuống, nhưng mắt không rời những gì Lê Vĩnh Thọ viết. Lại một điều, tôi càng đọc càng thấy bình tĩnh lại. Trò chơi của Thọ quả thật mới lạ, nằm ngoài những dự đoán, chờ đợi của tôi. Bài thơ dẫn tôi qua những hình ảnh, những xúc cảm chắc chắn sẽ xảy ra, dù không thiếu ước lệ, quen thuộc. Sự chân thành của Lê Vĩnh Thọ làm tôi nao nao, nhưng lại rất hãnh diện, rất vui trước những thân tình khi mình nhắm mắt xuôi tay, trong tình huống không thanh thản. Đọc xong, tôi xếp bài thơ bỏ vào túi áo trận đang mặc. Tôi chưa kịp tin cho Thọ biết tôi đã nhận bài thơ, thì có cuộc hành quân mới. Tôi là một người lính, tự chọn về binh chủng bộ binh, thuộc Sư đoàn 2, đương nhiên chuyện đi tìm đánh nhau là chuyện thường tình, là một bổn phận. Nhưng chúng tôi không phải là những người “khát máu”. Tôi vừa viết một câu vô duyên, rất thừa. Nhưng không muốn bỏ đi. Bởi sau cuộc chiến, không thiếu người trong vai trò nhà văn, nhưng không vượt được sự bản thiêu của nỗi sợ, để gán ghép cho kẻ thù mình những tội ác chỉ có trong tưởng tượng của một hệ thống tư tưởng tàn bạo, độc tài. Thật rất buồn cho những thành danh vì sự ngây thơ, đồng lõa với sự cố tình thiếu nhân cách. Bài thơ của Lê Vĩnh Thọ khóc tôi theo chân tôi trong nhiều cuộc hành quân, nhàn nhã có, khốc liệt có. Dĩ nhiên rất nhiều lúc tôi đem ra đọc lại. Chẳng thể không mỉm cười khi bạn mình hình dung ra mình rất tru ái:

“... hồi Luân Hoán / tao đang hình dung mày / dáng dấp nhỏ nhắn, thấp, nụ cười cười mở / tóc bông bênh không đẹp trai / nhưng rất dễ thương /

hồi Luân Hoán / tao đang tưởng tượng / mày đang mang ba lô súng đạn / chỉ huy một trung đội / đi hành quân / tao đang nhớ lại / những bài thơ mày đã viết / trên bao thuốc lá trên giấy vệ sinh / trong lúc bị thương, trong cơn bệnh / hồi thi sĩ / của những bài thơ bất diệt / đã viết và sẽ viết / những bài thơ dự tính viết / những bài thơ còn trong trái tim...”

“... ôi những bài thơ rất hiện thực / đầy tình thương / nói với mọi người như nói với chính mình / nói với chính mình như nói với quê hương / ôi những bài thơ như những lời di chúc / của một người biết mình sắp chết / viết bằng máu bằng hơi thở cuối cùng / ôi những bài thơ của một người can đảm / can đảm khi làm thơ / can đảm khi cầm súng / dù muốn dù không / bị đẩy xô vào cái

chết / bình tĩnh và dũng dũng / dù phân đối chiến tranh /và mơ ước hòa bình”

Cũng chẳng thể không ngậm ngùi khi thấy những gì sẽ có thể xảy ra sau khi mình chết thật. Những chuyện đó không mới lạ chút nào trong thời đại của chúng tôi:

“... trên trang tư hay trang tám một vài tờ nhật báo / bên cạnh những tin mừng / một vài ô vuông với một vài hàng chữ nhỏ / ngậm ngùi thương tiếc phân ưu / với một lô tên bạn bè xa gần / thật đối / và này Luân Hoán / trên một trong những trang cuối một vài tạp chí / cũng có lời phân ưu / ví dụ Luân Hoán không còn nữa / hay một bài tưởng niệm /kể vắn tắt tiểu sử tác giả và những tác phẩm đã in / rồi chấm hết rồi thôi / ôi 28 năm đời mày còn lại gì / ngoài năm sáu tập thơ đó ? ”

Bài ai điều của Lê Vĩnh Thọ viết cho tôi quả thật quá đầy đủ. Anh nhắc nhở tất cả những gì có liên quan đến tôi. Anh nêu lên cả sự bi đát, bất lực của một thế hệ phải gánh chịu. Và quan trọng nhất là cái tình của anh. Anh khôn khéo đặt những xúc động của mình trong sự bình thản, tinh tế của từng câu thơ. Sự đùa chơi của anh đã được tính toán, trong một khung định chắc chắn:

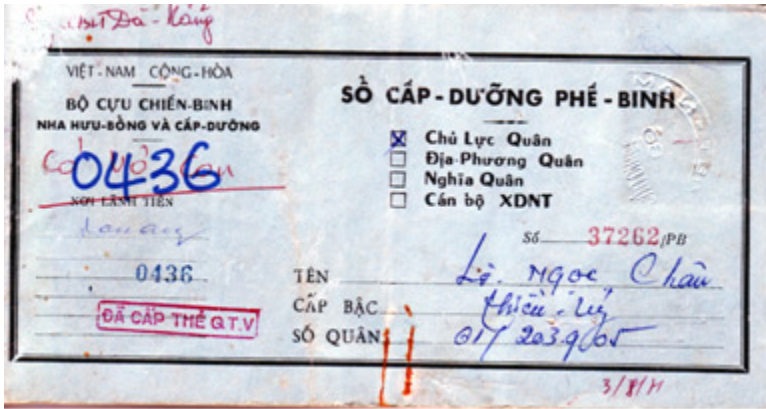
“... hơi Luân Hoán / tao đâu muốn đùa dai / tao đâu muốn tàn ác / tao tưởng tượng mày đã chết / mày còn sống khác chi /trước sau mày cũng chết / thử khóc mày một bài thơ / để mày đọc trước / dù vợ mày giận tao / và dẫu mày đã chết / tao cũng khóc mày thế thôi / mắt tao vẫn rạo hoánh /lòng tao vẫn thản nhiên / thương mày tao còn mỗi niềm tin / trái tim mày bất diệt / trái tim sẽ kết tinh / mà nước mắt vợ hiền / mà nước mắt bạn thân / không làm tan thành nước / chỉ có giọt lệ thơ / và giọt lệ quê hương / mới làm mày xúc động...”
(LVT 21-01-1969)

Hẳn đúng như lời Lê Vĩnh Thọ đã nói, dẫu tôi có anh dững dề nợ nước thật, thì sự thương tiếc cũng chỉ thoáng qua trong một thời gian rất ngắn, kể cả những người thân yêu nhất. Sống chết là chuyện thường tình, từ ngàn đời nay đã nhìn nhận như vậy. Cái táo bạo là Thọ đã không ngại làm một công việc xem như trừ ếm. Nhưng bài thơ của anh không ám ảnh tôi. Mà là một lời nhắc nhở cụ thể và tha thiết. Tôi không có cơ hội được vinh hạnh phủ là cơ

vàng lên quan tài. Tôi chỉ khiêm nhường nhận được cuốn sổ, vốn không mấy người thích có sau đây. Bạn nhìn cho kỹ nhé, để biết, để nhớ lại một thời.

Cuốn sổ “đoạn trường” này, sau 1975, em Lê Hoàng cất giữ, ý chừng mong có ngày dùng lại chẳng ? Năm 2006, em Lê Hân về thăm nhà, Hoàng đã giao cho Hân mang qua, chắc hai em nghĩ rằng tôi sẽ dùng nó cho tài liệu kỷ niệm. Cảm ơn hai em còn cho anh có giây phút ngâm ngùi.

Cũng nhờ lý do có cuốn sổ này, Lê Vĩnh Thọ đủ điều kiện



viết thêm một bài thơ dài nữa, tặng tôi. “Bài Thơ Cho Một Người Sống Lại”, có thể chỉ là một điểm tựa để từ đó nhà thơ phản đối chiến tranh Lê Vĩnh Thọ đưa ra những nhận xét mới của anh về một cuộc chiến mà anh không chấp nhận, dù phục tùng và phục vụ. Nói như vậy không có nghĩa tôi phủ nhận cái chí tình của một nhà thơ, một người bạn dành riêng cho mình. Mà tôi muốn nói đến cái nội dung đích thực của bài thơ, có giá trị trong giai đoạn này. Bài thơ không thiếu những câu chân tình:

“... bài thơ tao khóc hụt mày / không phải là điều quá gở /
tao tin mày sẽ chết và bây giờ mày đã hồi sinh / nên khi nghe
tin mày mất một chân / tao cho là điều may mắn / và tao đã mừng /
thần nhiên như không có gì xảy ra / lên thăm mày ở quân y viện /
không phải để chia buồn / không phải để xót xa / mất một chân
có phải là điều bi đát / và cuộc đời đã đáng bi quan ?

.....

“hãy sống thần nhiên / dù với đôi nạng gỗ / hay với bàn chân

giã / cuộc đời này dù không phải chỗ dung thân / hãy ra đi như đã
đến / bình tĩnh tự nhiên / như mặt trời mọc mặt trời lặn / đừng cho
tao triết lý / cứ sống để tò mò nhìn thấy quê hương /

.....
“ ... vào đời đủ hai chân / bây giờ mất một / mày vẫn đứng
vững / mày hãy đứng vững / từ giờ đời vẫn thong thả ngang nhiên
/ việc gì phải tuyệt vọng / đủ hai chân đã chắc gì không lạc lõng cô
đơn.....hồi Luân Hoán, bạn của ta / tao tin mày can đảm..”

(Lê Vĩnh Thọ - 15.3.1969)

Dù chưa từ giã hẳn đời sống quân ngũ, tôi cũng đã trở lại Đà Nẵng với người cha già, vẫn còn lặn độn vì tôi và người vợ “nhỏ tuổi hơn cuộc chiến” đang chuẩn bị sinh con đầu lòng. Đứa con không may sẽ ra đời không được thấy cha nó là một người lành lặn bình thường. Để vơi nỗi buồn, tôi lao vào chuyện thơ văn cùng bè bạn cho qua ngày, dù sự nhức nhối vẫn thường trực trên da thịt. Đà Nẵng lúc bấy giờ có sự hiện diện của Phạm Thế Mỹ, Lê Vĩnh Thọ, Vĩnh Điện, Tống Nhạn, Thái Tú Hạp là những bạn thường giao du với tôi nhất. Một người bạn thơ gặp và thân trong quân trường cũng đến với tôi là anh Cao Thoại Châu.

Chúng tôi có một vài sinh hoạt đáng nhớ, như đêm ra mắt tập Lục Bát Ca tại thính đường trường Trung học Phan Châu Trinh, như những ngày tháng lo ấn hành những tuyển tập thơ. Cùng sự hâm nóng nhà xuất bản Thơ của ba anh chàng họ Lê: Lê Ngọc Châu, Lê Vĩnh Thọ, Lê Thành Tôn. Công việc thật ra chỉ là một trò chơi, nhưng nhờ đó, chúng tôi có với nhau những đêm thức trắng trên sân gạch đầy trăng của nhà Lê Vĩnh Thọ ở rẽ. Chúng tôi có với nhau một góc đường Lê Đình Dương nghe chuyện tình Cao Thoại Châu tương tư cô giáo Na của trường trung học Sao Mai. Chúng tôi có với nhau những sự giao tiếp với các bạn văn khác, có tuổi đời lẫn tuổi sáng tác lớn hơn, như nhà văn Nguyễn Văn Xuân, nhà văn Duy Lam, nhà văn Phan Du, nhà thơ Ngô Kha... Chuyện bất đồng ý kiến một đôi khi cũng xảy ra giữa Lê Vĩnh Thọ và Cao Thoại Châu. Cả hai bạn đều tốt nghiệp Đại học Sài Gòn. Châu trầm tĩnh và điềm đạm. Anh có nụ cười lưng chừng nửa miệng trông rất hay. Thọ sôi nổi, bộc trực với nụ cười như tự tin, châm chọc. Dù có bất hòa trong tranh luận, hai bạn tôi cũng sớm làm hòa với nhau. Tôi rất tiếc, Cao Thoại Châu đã không

may như Lê Vĩnh Thọ được làm rể người Quảng Nam. Có lẽ vì Châu đã chọn đối tượng cùng nghề, thay vì như Thọ chọn một nữ sinh trong chuyến đi chấm thi của mình. Chấm thi, chấm luôn một người đẹp có tiếng ở con đường Hoàng Diệu, quả là cao tay. Người đẹp này cũng nằm trong danh sách, một thời tôi từng Ng-hiêng Chào Đà Nẵng Tiểu Thư:

... *“Chào em Nguyễn Thị Ngọc Lan / xin đừng quít gót chân vàng thanh xuân / triệu dòng tóc chảy trên lưng / đẩy xô, vẫy gọi ngập ngừng theo nhau / công câu thơ, tôi theo hầu / còn lo em sẽ quay đầu ngoá lui / gió đường Hoàng Diệu nhắc tôi / theo sát chút nữa không thôi lạc đàng / thưa em, Nguyễn Thị Ngọc Lan / thơ Lê Vĩnh Thọ bén sang bao giờ ?”*

Bài thơ được in ra với một cái lỗi khá nặng. Ngay câu đầu, họ của chị Lan, em gái anh Thông, anh Minh, tôi đã đổi thành họ Hồ thay vì họ Nguyễn. Có lẽ tôi nghĩ đến anh bạn thiếu tá thẩm phán Hồ Minh thay vì anh Nguyễn Văn Minh khi đánh máy. Nhưng ở câu áp cuối, tôi lại ghi đúng. Như vậy chỉ trong một bài thơ 8 câu, một người, tôi đã cho mang đến hai cái họ, thật lãng xẹt. Khi đọc được bài thơ, Thọ đã viết ngay mấy câu “Trách Luân Hoán” nhẹ nhàng. Nhưng cũng lợi dụng xỏ xiên một nhân vật.

“Cảm ơn người ở cõi thơ / ‘nghiêng chào Đà Nẵng tiểu thư’ cõi người / cảm ơn tôi được dựa hơi / vợ tôi cũng được vẽ vờ dễ thương / tiểu thư họ Nguyễn đường đường / gán bừa họ giả khó thương là Hồ / dù nguyện rửa hoặc hoan hô / nghìn thu tai tiếng gian Hồ ai mang / bắt quàng trúng kẻ không sang / và không sáng cũng nghênh ngang về trời / thà trôi sông lạc chợ đời / nghìn thu nợ gác cõi người khả nghi ...” Trong chỉ mấy câu như vậy, Thọ đã dùng đến ba tựa sách đã xuất bản của tôi: Về Trời, Trôi Sông, Nợ Giác Cõi Người, thật cảm ơn bạn.

Mặc dù chiến trận nam bắc Việt Nam mỗi ngày một sôi động, nhưng những giáo sư bị động viên hầu hết được biệt phái về dạy học. Lê Vĩnh Thọ cũng được hưởng cái qui chế này. Anh trở lại với bực giảng và góp tay vào một mặt trận mới, chống tham nhũng. Việc làm của Thọ tôi không rõ như thế nào, nhưng nghe ra anh không được cảm tình của cấp cao ngành giáo dục. Cùng với công việc này, Lê Vĩnh Thọ sinh hoạt chữ nghĩa nhiều hơn. Anh viết cả phê bình văn học. Cuốn truyện dài Đường Một Chiều của nhà văn

Nguyễn Mộng Giác, trúng giải thưởng của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam năm 1974, bị anh xuống tay khá nặng. Việc phê bình văn học, tùy theo nhận định của mỗi người. Lê Vĩnh Thọ có thể có những suy luận quá khe khắt, do đó, ở đây, tôi không trích lại nội dung bài viết của anh. Một bài viết, anh đặt nghi vấn với cả cái “đàng sau những cánh gà” của hội đồng chấm thi gồm năm vị: Nguyễn Thị Vinh, Tam Lang, Nhật Tiên, Sơn Nam và Phạm Việt Tuyên. Có thể Lê Vĩnh Thọ sẽ còn gây sôi nổi trong văn giới miền nam nhiều hơn, nếu chính trị miền nam không bị người đồng minh chính bỏ rơi, và vị nguyên thủ quốc gia cao tay hơn một chút.

Chuyện của Lê Vĩnh Thọ, sau 1975, được nhà văn Võ Kỳ Điền, một đồng nghiệp, cùng dạy trường Trịnh Hoài Đức ở Bình Dương với anh kể tiếp:

“... Sau 1975 khi Việt Cộng vô, họ thường tổ chức các buổi học tập chánh trị cho giáo viên, người chánh trị viên tên Tám Nguyễn, Trưởng Phòng Giáo Dục huyện Lái Thiêu, đã bị Lê Vĩnh Thọ kê tù đưng vô ngay hòng ‘- ông nói tội ác nguy quân, nguy quyền, truc Nam son không ghi hết được, nước biển đông không thể nào gột rửa cho sạch được, vậy nhà nước lập ra các trại cải tạo để làm chi, sao không bắn bỏ hết cho rồi?’ Người giảng viên lúng túng, trả lời quanh co, anh em giáo sư chúng tôi ngồi sợ xanh mặt, không biết là Thọ có nhớ mình hiện là Trung Úy biệt phái về Bộ Giáo Dục, con cá đang nằm trên thớt chờ con dao bén thù hận của Việt Cộng bổ xuống hay không?...”

Sau đó Thọ đi học tập mút mùa. Cũng như toàn thể vợ con công chức quân nhân miền Nam, vợ Thọ và các con lâm cảnh neo nhóc. Chị Thọ đành nghỉ dạy và ngồi bán kẹo bánh cho các học sinh trước cổng trường để làm kế sinh nhai. Tôi chưa có dịp gặp qua chị Thọ nhưng nghe các em học sinh nói rằng - cô người Huế đẹp và dễ thương lắm.

Khi đi học tập về, Lê Vĩnh Thọ ghé thăm tôi vào khoảng 1978, quần áo lùì xùì, vóc dáng xơ xác, giọng nói vẫn đầy, ấm và sang sảng như xưa tuy cố ý ghìm lại cho nhỏ hơn. Lúc này bạn làm nghề bán than lậu. Mỗi ngày gò lưng đạp xe chở từng bao than nặng cả trăm ký, đi hàng mấy chục số cây số, len lỏi qua bao nhiêu trạm kiểm soát kinh tế... Ngày nắng ngày mưa, ngày lờì ngày lỗ, mong kiếm số tiền còm cõi với thân xác cũng còm cõi, nuôi vợ nuôi con. Dù vậy nét đẹp trai, hào hùng, cứng cỏi, bất khuất của Thọ vẫn

còn nguyên. Sau năm ba câu chuyện, Thọ từ giã ra về và bắt ngờ hỏi nhắn tôi một câu:

- Chừng nào bạn thấy rồng hút nước nữa thì cho tôi hay liền nghen. Bây giờ thì tôi mong nó đến cho lạ...

Tôi bật cười nói với bạn: thi sĩ Lê Vĩnh Thọ mà cũng nghe được chuyện tầm ruồng của giáo sư Võ Tấn Phước sao !”

Chuyện rồng hút nước ở đây đã được Võ Kỳ Điền kể ở đoạn trên trong bài viết về Lê Vĩnh Thọ, đăng trong trang điện toán Vương Chiếu của Luân Hoán, mục Đất Tinh, kể lại hiện tượng gió xoáy ở gần trường Trịnh Hoài Đức năm 1975, Võ Kỳ Điền, biết bói toán tính ra là quê Phong Thủy Hoán, báo điềm đất nước sắp sang trang.

Năm 1984, trước khi ra đi, tôi được nhà thơ Trần Dạ Lữ đèo xuống Bình Dương thăm Lê Vĩnh Thọ bằng xe đạp. Có hơn mười năm chúng tôi mới gặp lại nhau. Thọ nhìn tôi trong màu da ăn nắng đen thui bảo: *“Trông mày như thằng Cambodgien”*. Quả thật lúc bấy giờ tôi hốc hác, thiếu ngủ lại đi dang nắng cả ngày. Vốn đã gầy tôi càng gầy hơn, không còn nét nào ra vẻ hào hoa, phong nhã. Thọ thì gần như xưa, chỉ khác ở bộ áo quần thiếu nghiêm chỉnh hơn dạo nào. Trại tập trung của chế độ mới không tấy não anh được. Anh vẫn còn giữ khá nhiều sách quý trong nhà. Anh rất thích nhà thơ Pablo Neruda, (tên thật Ricardo Eliecer Neftali Reyesy Bascalto, sinh năm 1904 tại Parall) người Chili, từng được giải Nobel, mà anh cho là *“một thi sĩ gần với máu hơn là mực”*. Chúng tôi vẫn nói với nhau về chuyện thơ văn. Thọ kể lại ngày cùng Chu Ngạn Thư đi nhận tập bản thảo Hơi Thở Việt Nam của tôi gửi vào. Anh có viết một bài ngũ ngôn để kỷ niệm về chuyện này (mời đọc ở Luân Hoán-Một Đồi Thơ). Một bữa ăn tối với gia đình Thọ được dọn ra trong lúc xế trưa. Chúng tôi ngậm ngùi chia tay nhau.

Những năm đầu tại hải ngoại tôi làm thơ mỗi ngày, nhiều tạp chí ưu ái đăng tải. Nhờ đó tôi gặp lại được nhiều bè bạn cũ, cũng như một số bạn mới qua thư từ. Bạn bè của tôi, người nào cũng tốt. Khi định viết Dạ Hơi Bè Bạn, tôi dự trù ghi lại những kỷ niệm có được với bất cứ người bạn nào, không nhất thiết phải là bạn thơ văn. Nhưng dự định này hoàn toàn bất khả thi. Chính vì thế, nhân đây, tôi xin phép bạn đọc, được cố tình trưng ra vài mẫu

thư vốn rất ấm áp thân tình với riêng tôi. Sự khoe khoang này hơi lộ bịch, nhưng tôi vẫn thực hiện, và tin đây là lời cảm ơn thiết thực của tôi gửi đến một số bằng hữu. Xin lỗi Lê Vĩnh Thọ một phút nhé. Thư thì nhiều lắm, của những Đỗ Phan Xuân, bạn cùng thời Phan Châu Trinh, nhưng chưa được quen, gửi từ Toronto, ngày 07-6-1985; Văn Tường, sĩ quan cùng đơn vị tác chiến cũ, gửi từ Indonesia ngày 04-10-1986; Kim Anh, một nữ độc giả xa xưa gửi từ Galang ngày 09-9-1991; Nguyễn Văn Phúc, láng giềng thời ấu thơ, gửi từ Santa Clara, San José, 1986; Phương Hà, người bạn chưa quen, gửi từ Bruxelles, ngày 06-6-1993; Lê Bá Năng, bạn chưa quen từ Florida Tampa, tháng 4-1986; Bội Diệp từ Tampa Fl, 17-11-1985; họa sĩ Vũ Thái Hòa, từ Pháp, 01-12-1986; Phan Việt Thủy, Australia, 04-8-1987; Nguyễn Dũng Tiến, Cali, 30-10-1992... Chẳng thể nào ngớ ngẩn liệt kê hết chồng thư tôi đã đóng thành tập. Vài ba tháng, lung nửa năm tôi lại lôi ra, đọc lại. Có lẽ không có gì thú hơn đọc những lá thư đã cũ. Bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu tâm sự của cả một thời chợt hiện ra sống động trong lòng. Thỉnh thoảng tôi còn hình dung được cái phút trước đây tôi đứng mở hộp thư. Cái giây tôi xúc động lặng im vì một cái tên trên những phong bì. Với những câu viết chân tình, bộc trực, thư là một áng văn chương tôi mê nhất: *“Bạn đừng rửa tôi vì từ khi bạn định cư ở Gia Nã Đại mà tôi chưa viết thư thăm. Đó chẳng qua là tôi lười...”* (Hồ Trường An, Troyes, Pháp, 28-10-1987); *“Mẹ kiếp, mày báo về rồi tiếp tục lặn... Tao hiểu mày, muốn về nhưng chưa đủ điều kiện...”* (Châu Văn Tùng, 11-02-1992)... Đại loại cứ thế mở ra cho tôi những khoảng đời chưa mất, nhưng đã ở sau lưng, không với tay tới, nhưng với lòng chạm ngay:

Thơ tôi làm trong giai đoạn đầu tại hải ngoại, được in trong tập Ngơ Ngác Cõi Người với bìa của họa sĩ Vivi, do nhà in Nhân Văn của anh Lý Khánh Hồng in cho. Trong tập này có bài Thư Về Quê Nhà, gửi chung chung đến nhiều người, nhưng tôi đề tặng Lê Vĩnh Thọ. Một số đoạn tiêu biểu:

“Người dặn ta biết bao nhiêu chuyện / đừng ngồi không, đừng nặng áo com / còn hơi thở xin hãy còn tiếng nói / phú quý đừng quên, đừng ngại cô đơn...

...đời lưu lạc mỗi ngày là một tuổi / dài vô cùng nhưng không đủ xót xa / ta hổ thẹn muốn giấu người tất cả / giấu được người nhưng đâu giấu được ta ...

...ta biết người chờ từng giây từng phút / bỏ gối quê nhà nhẫn
nhục hoài mong / ta thẹn làm người tự do viễn xứ / ngó lại đời
mình trùng điệp số không...

Đã hẹn với người sao ta chột khóc / sống phải làm người xứng
đáng đương nhiên / tội nghiệp thân ta trót già trước tuổi / ngo
ngác cõi người hiu hắt được thiêng..."

Thơ dù hay dù dở, ít nhiều cũng đã giúp cho chính người
viết vui đi rất nhiều nhớ thương. Thơ không thể gởi về Việt Nam,
nhưng thư thì có thể, nếu biết "đắn đo từng chữ, lựa lọc từng lời
cho đỡ... nặng cân". Tôi đã gởi thư thăm Thọ vài ba lần. Mãi đến
ngày 11-6-1992, tôi nhận được hồi âm của Thọ. Anh viết đây hai

San Francisco CA. Mar. 13, 1986
Cháu thân,
Tao rất mừng là mày đã thoát
độc. Tao đọc thơ mày "Tin vui" trên
Lửa Việt số 63. (Tao nhớ dài hạn).
Về con mày có thoát độc với mày
không? Cho tao rõ với.
Tao xúc động quá! Tao mừng
nên viết run tay đây. Tao nhớ mày
luôn nhớ khi có địa chỉ của mày
để viết thư, từ khi tao thoát độc
đến giờ.
Về con mày - con Hòa Bình - ra
sao? Có mạnh khỏe luôn không?
Nhớ viết thư cho tao liền.
Nhớ cho số điện thoại.
Thân
Phùng Minh
(Phùng Chí Trung)
1316 Utah St
Cần Việt Nam Thuận Tin
Là nhân

Aubray, sous-Bois 18-10-1987

Anh Châu thân mến,

Hôm nay tình cờ mua tờ tạp chí "sống" và đọc sơ qua
bản biên tập, thấy hai chữ "Luân Hoán" thật quen mắt trên trang
giấy, tôi vui không tả anh ạ! Không biết thủ này bao
giờ mới đến tay anh (tôi mong tòa soạn sắp xếp chuyển
đến anh thật sớm), nhưng tôi vẫn mong mỗi anh đọc được
những hàng chữ này và hỏi anh cho tôi tin thật muộn,
thật tốt! Tôi không biết hiện anh đang ở Hoa Kỳ, ở
Canada, hay một phương trời nào đó, tôi chỉ cần mong

Scotte Jeanne

Phan (38) 665398
354 Rue St Pierre
43100 ORLÉANS
Orléans 25-5-1986
Anh Luân Hoán, rất mừng
Được tin anh qua bên này, rất mừng
muốn viết thư mà không có địa
chỉ. Vẫn đọc thơ anh thơ hay
vẫn... buồn quá. Chàng tôi bên
này chán đời lắm mà... còn
thưa anh. Anh vẫn còn sống được
vẫn làm thơ được thì là
chuyện không bình thường. Lại
làm thơ hay, là chuyện phi
thường
Tôi phiên anh V.P chuyển gộp
thư này cho anh để tin anh hay
tôi sẽ vô

Đặng Tiển

mặt giấy, vẫn với giọng bông đùa và chân tình:

"Luân Hoán,

Lá thư mà bạn gởi cho mình (nhờ P.N.Em chuyển) có kèm 1
tấm hình bìa các tác phẩm của bạn là lá thư đầu tiên kể từ khi bạn
ra đi - nghĩa là mười năm rồi - không hề nhận được lá thư nào
khác. Rất vui và cảm động...

“...Bàn chân già của bạn không thể đi khắp quê hương thì phải đi khắp thế giới chứ. Còn mình thì cũng không thể, hay đúng hơn không muốn đi khắp quê hương. Không còn nơi nào đáng đi. Bạn than bệnh và nhức nhiều thứ như nhức đầu, nhức chân, nhức lưng...Mình cũng nhức nhối đủ thứ và không có thuốc chữa. Nhưng mình vẫn thế, dù làm lại cuộc đời hay đầu thai thì quyết vẫn thế... Mừng bạn vẫn làm thơ và xuất bản. Thơ vẫn là người tình muôn thuở của mình. Vẫn yêu nàng tha thiết như xưa, và nàng thơ của mình vẫn mãi để. Bốn câu thơ lục bát mà bạn viết cho mình chưa phải là rượu mạnh, dù bạn biết mình thích uống rượu và tiêu lượng khá cao. Không sợ phiền mà chỉ sợ thất lạc nếu bạn gửi sách về cho mình. Thêm một cái phiền thì khác gì đem củi về rừng...” Và đoạn cuối:

Mười bảy năm, mắt mắt nhức quá rồi. Nàng dẫu
 hãy làm việc nếu có việc để làm. Là người đến việc về
 “Chơi” không?
 không có anh để quý dự bạn nhưng đây là chốn dừng
 của mình:
 nhưêu thúi tôi không có
 xin kê ra một vài
 trong túi tiền không có
 trong túi không có ai,
 và trên đầu không có
 một tháng nào làm túi
 Và đây là địa dư cũ mà bạn đã quên:
 26/2 Ấp Thạnh Lợi
 Xã An Thạnh
 Huyện Thuận An
 Tỉnh Long Bình — Việt Nam
 Cuộc đời nếu không có đau buồn thì có lẽ là chỉ
 thười dửng. mà thười dửng không phải là điều mình
 mê thích. Đâu nghĩ sao?
 không chửi gì cả
 Cõ' chào,
 Lê Vĩnh Cho

Như trong thư Thọ viết, anh vẫn làm thơ. Một sinh hoạt có thể là phi lao động nhưng đã giúp anh giải quyết được nhiều vấn đề, ngoài chuyện “cơm áo gạo tiền”. Về sau, nhờ tiến triển của kỹ

thuật điện toán, một người bạn của Thọ, anh Minh Đức đã đưa một số thơ của anh lên mạng, phổ biến hạn chế. Thơ mới của Thọ thường rất ngắn, trái ngược hẳn với thời kỳ trước 1975. Nếu các bạn chịu khó lang thang trên mạng, có lẽ bạn sẽ đọc được một số bài tiêu biểu trong 3 thi phẩm chưa in của Thọ: Thơ Tình Viết Chơi, Cõi Nhân Gian (m thay vì n), Ngụy Tử Loạn Ngữ. Tôi chép (không chọn lọc) giới thiệu trước với các bạn một số bài:

Bài 1: Độc Thân

*“thú thật với em ta chưa có vợ / chưa có người tình chưa có
ý trung nhân / chỉ có một bà đang cùng ta chung chạ / sống với ta
có lẽ chung thân”*

Bài 2: Cõi Lạ Đời

*“từ du kích tới du côn / từ hang cáo tới lãng chồn tinh
thâm/ xưa nay quân tử hợp quần / tiểu nhân lập đảng gian nhân
kết bè /giai nhân thì cứ bị đê / tiện nhân ganh ghét hãm hèn tiên
nhân /gia nhân tán tụng giả nhân / nhân gian nhưng nhúc thánh
thần quỷ ma”*

Bài 3: Cộng sản

*“Chưa đến nỗi vô sản / của quý mình vẫn còn / thì nhân danh
cộng sản / dùng chung cái...và con...”*

Bài 4:Ngu Phụ

*“ Rời đây cả đất trời / vô cùng biết ơn em / vì em dám chứa
chấp / yêu một kẻ không hèn”*

Bài 5: Nổi Cộm

*“ Dù biết em bận rộn / nhưng tình hình rất căng / có vấn đề
nổi cộm / em giải quyết được chăng ?”*

Bài 6: Thực Hư

*“Tôi không tin rằng có / cái gọi là mùa xuân / nhưng chắc
chắn là có / vô số rác và phân /*

*Tôi không tin rằng có / cái gọi là tình nhân / nhưng chắc chắn
em có/ cái gì đó trong quần*

*Không tin vào lời hứa / cái gọi là thiên đường / cả khi em nằm
ngửa / cũng không là quê hương”*

Bài 7 : Nội Chiến

“ Thôi mình đừng chạm trán / tôi cởi áo qui hàng / hãy tiếp
thu súng đạn / nhốt tôi vào trong hang
tường tay trên khinh địch / nào ngờ em ngựa nghiêng / khi
không còn nhúc nhích / em hất tôi lăn chiêng”
vào mặt khu là đại / vẫn liều lĩnh dấn thân /tôi sa cơ thảm bại
/ rút quân và mặc quân”

Bài 8 : Playboy.

“ Tôi cùng trời đất sống / không thờ ai như thần / để vách
tường đỡ trống /treo hình gái khóa thân”.

Bài 9: Trượng Phu

“ Thà trần truồng chết đứng / không quy lụy cường quyền/ vì
em mà nằm xuống / vẫn quen thói nằm trên”.

Bài 10: Tô Tình

“ Sợ tình yêu có thể / sẽ biến thành cùm gông / /tôi đứng ngoài
biên chế yêu em không hợp đồng”.

Bài 11: Hai Cây Đàn

“ Hãy vứt đi cây súng / ôm cây đàn guitar / và khi lòng rung
động / hãy ôm cây đàn bà”.

Bài 12: Máng Cỏ

“Em đừng là cái rọ / cũng đừng là lồng chim / nếu em là máng
cỏ / tôi về nằm trong em
hãy chuẩn bị máng cỏ / tôi đến như tin lành / và chắc chắn sẽ
cỏ / một cái gì giáng sinh”.

Bài 13: Hoa

“ Trên môi và trong hàng / đừng giấu gai hoa hường /em hãy
nằm chàng hàng / để nở hoa hương dương”.

Bài 14: Kinh Nguyệt Tụng

“ Vì sao, em yêu dẫu / phải dùng băng vệ sinh / tà đạo hay âm
đạo /đạo nào cũng có kinh
kinh điển tôi không có / mà em thì có kinh/ máu vẫn âm thầm
đổ / khi đời chưa mãn kinh”

Năm 2002, tôi tưởng đã có cơ hội gặp lại Thọ. Nhưng không.

Thời gian và tính lười biếng của cả hai làm mất đi dịp hội hội này. Thọ cho rằng gặp mặt hay không, không quan trọng, chủ yếu là làm gì, ở đâu cũng nên nghĩ và nhớ về nhau, nhắc nhở đến nhau là đủ.

Sau chuyến về Việt Nam ba tuần, tôi trở lại Montréal, tiếp tục những công việc đang làm. Năm 2005, em tôi, Lê Hân, hoàn tất cuốn *Luân Hoán- Một Đời Thơ*. Tôi cũng tạm xong bản phát hành thăm dò cuốn *Tác Giả Việt Nam*, tôi có nhờ người mang cả hai về tặng Thọ. Anh nhận được nhưng không có một chữ hồi âm. Thọ vốn lười viết thư, nhưng cái lười của anh lần này có chút làm tôi không thoải mái. Nhiều lần, nhắc điện thoại tôi định gọi thăm Thọ, lại thôi. Lúc này anh khá bận rộn. Ngoài việc dạy Anh văn cho nhiều cơ sở, anh còn làm biên tập viên cho nhiều tạp chí ở Sài Gòn dưới nhiều bút hiệu khác nhau. Rất mừng cho Thọ có đời sống tương đối dễ thở hơn thời “chưa đổi mới”. Báo chí trong nước, nhất là báo điện tử, thường xuyên đi tin sinh hoạt văn học của bất quốc gia nào. Nhưng tuyệt nhiên không bao giờ nhắc đến những hoạt động của văn giới Việt Nam hải ngoại. “Khúc ruột Ngoài Ngàn Dặm” chỉ có thể đáng quan tâm, (cho có màu sắc nghị quyết 36) với những ai từng và đang biết “hông” ngay tại hải ngoại. Điều này xem vậy mà rất hay, bởi nó phản ánh đúng bản chất của một chế độ ưa đề cao “Không gì quý hơn độc lập tự do” bằng khẩu hiệu, nhưng tối kỵ khi áp dụng, thực hiện. Trong cuộc điện đàm ngắn với Thọ tại Sài Gòn, năm 2002, Thọ bảo tôi: *“Bây giờ ở đây tìm không ra một thằng cộng sản chuyên chính để chống”* Độ chính xác ra sao không cần biết. Chuyện chính trị, thật sự tôi không mấy hào hứng.

“Và nếu mày chỉ biết làm thơ, cũng không phải là vô ích cho quê hương...” Tôi vẫn nhớ lời nhắc chùng của Thọ. Mền nhau, nhớ nhau, nhưng còn được gặp lại nhau không, chẳng biết đâu mà tiên đoán trước. Và dù không còn bao giờ gặp lại, Thọ cũng không vắng mặt trong tôi. Ngày cuối cùng của tôi sẽ diễn ra như thế nào, Hy vọng cũng có chút gì như Thọ đã từng cho biết qua bài ai điều viết sớm.

*“...Tao đã khóc mày khá dài
mày có khôn thiêng về đọc bài thơ này
ô hô”*

(Luân Hoán Oi, Về Đâu- Lê Vĩnh Thọ)



o : Luân Hoán và Lê Vĩnh Thọ

Thọ ơi, tao sống rất lành. Chết sẽ rất thiêng, yên tâm đi, tao vẫn đọc thơ mày. Những bài thơ pháng phát bắt mắt muôn đời. Mấy câu lục bát trước đây không là “rượu mạnh”, bởi hình như tao đã nhá nhem ánh lửa. Sáu mươi lăm rồi còn gì. Mày sinh năm 1942, nhỏ hơn tao một tuổi, nhưng coi bộ còn cứng gân hơn. Đó là cái vẻ bề ngoài, còn sự thật chưa chắc. Chẳng lẽ khai thật ra đây. Cứ xem thơ của tao lúc này thì khắc biết. Nhưng thôi, Mày đọc chơi mấy câu yếu xiu này nhé:

*“Ở cùng Trịnh Hoài Đức
 một đời không cúi đầu
 ngưỡng mộ Cao Bá Quát
 tia bất tìng con sâu
 gói lòng thơm hương sách
 ngọn Thơ Tình Viết Chơi
 vịn mùi hương âm động
 thong dong cười nhìn đời” (LH)*



Võ Kỳ Điền, kẻ đưa đường lãnh trí

Trước ngày tôi định cư tại Montréal (1985), tại hai tỉnh bang Québec và Ontario của Canada đã có một số tạp chí Việt ngữ khởi sắc như Dân Quyền, Lửa Việt, Làng Văn, Phổ Thông, Sóng. Trong những năm 1982 đến 1990, Làng Văn đứng đầu về việc qui tụ nhiều cây bút đã thành danh cũ lẫn mới. Nhờ có góp bài, tôi nhận được thường xuyên Làng Văn. Từ tạp chí này, tôi gặp được Võ Kỳ Điền, một cái tên rất mới, qua nhiều truyện ngắn, đọc rất thích. Tác giả là một người gốc miền nam, tôi nhận diện được bởi văn phong của anh. Về sau, biết anh cũng cư ngụ tại Montréal, nên tôi đã định bụng sẽ tìm gặp.



Cơ hội gặp Võ Kỳ Điền thật tình cờ. Mùa đông 1985 chưa dứt hẳn, tuyết vẫn còn lai rai, nhưng tôi đã gặp được một người bạn học cũ thời trung học, anh Mai Bá Trác (bố một vài đứa con của ca sĩ Khánh Ly). Trác đang làm chủ một tiệm ăn nằm trên đường Rosemont, quán Huế. Tôi được Trác mời đến gặp mặt một số bạn người Việt vào một đêm tối. Tuy rất ngại, nhưng có cơ hội trình diện cùng đám đông, tôi ham vui, nhận lời.

Được chỉ dẫn rõ ràng. Nhưng cái lơ ngơ cổ hủ cộng với đêm tối mù mù tuyết bụi, đã đẩy tôi lên chuyến buýt ngược chiều đường nơi cần đến. Con đường Van Horne nổi dài với đường Rosemont. Hướng tôi đang đi không có hàng quán nào cả. Ngồi lâu, mới biết mình lầm, phải xuống xe, đứng đợi chuyến đi ngược lại. Cuối cùng tôi cũng tìm thấy mặt mũi cái quán Huế. Một quán ăn chuyên bán những món ngon của đất cố đô Việt Nam. Tôi gặp được khá nhiều bè bạn của anh Trác, và hầu hết đối với tôi đều xa lạ. Tuy vậy buổi gặp gỡ khá vui. Đa số những người bạn này đều có tửu lượng cao, và rất khoái hơi men. Buổi nhậu do vậy kéo rất khuya. Khi ra về tôi được một anh bạn tình nguyện đưa đường. Người bạn này, hình như tôi đã thấy mặt một lần, hôm ở nhà anh chị Đỗ Quý Toàn. Anh chính là Võ Kỳ Điền, người đã viết các truyện ngắn: Cây Sầu Riêng Vườn Cũ, Bác Năm Hớt Tóc, Một Thời Để Yêu,

Có Những Con Sóng...

Võ Kỳ Điền hơi nghiêm nghị, rất tiết kiệm lời nói. Tôi cũng vậy, nên ngồi trong xe, chúng tôi cùng im lặng. Đêm về khuya trời rất lạnh. Cái sưởi trong xe của anh Điền chưa kịp ấm, xe đã ngừng ngay trước cửa trạm *métro* Rosemont. Tôi hấp tấp cảm ơn anh Điền rồi rời chiếc Nisan của anh. Anh Điền lái xe vụt đi. Đường vắng tanh. Ánh điện trước cửa métro bình thân chiếu sáng. Tôi từ tốn bước đến, đặt tay lên tay nắm cánh cửa, đẩy nhẹ. Cánh cửa kính không nhúc nhích. Tường chưa đủ sức, tôi đẩy mạnh hơn. Vô ích. Đã hết giờ đón khách. Một thoáng băn khoăn, tôi nhìn quanh không thấy ai, đành thắc thòm, chờ một chiếc taxi. Tôi kéo lại cổ áo. Cái lạnh mỗi lúc một đậm đặc hơn. Tôi tự giận mình đã quá ham vui, khi chưa rõ đường đi nước bước, giờ giấc của những phương tiện chuyên chở. Sau cái đêm hôm ấy, tôi không được gặp Võ Kỳ Điền trong một thời gian khá dài, tuy vẫn đọc truyện ngắn của anh trên các báo.

Tôi chợt gặp lại Võ Kỳ Điền tại trụ sở Cộng đồng Người Việt tại đường Victoria, khi cùng tham dự buổi họp sơ khởi, để bàn chuyện thành lập Văn Bút ở Canada. Trong buổi họp chúng tôi không ngồi gần nhau. Tôi im lặng theo dõi. Hình như Võ Kỳ Điền làm thư ký cho buổi họp hôm ấy. Anh cũng có đóng góp ý kiến nhiều lần. Tôi có bệnh thiếu tập trung khá nặng, nên dù ngồi im, những câu chuyện của các bạn chung quanh, vẫn bình thân đi ngang qua hai lỗ tai tôi. Sau buổi họp, tôi được bắt tay từ già Võ Kỳ Điền khi cùng ra gần đến cửa *métro* Plamondon.

Có lẽ vào thời điểm này, Võ Kỳ Điền sinh hoạt tích cực nhất. Anh khởi sự viết văn bằng truyện ngắn *Bác Năm Hớt Tóc*, đăng trên tạp chí *Dân Quyền*. Truyện ngắn này, anh cho biết, đã viết trong ngày rằm tháng giêng năm 1981. Trong văn chương Việt Nam, tôi vốn rất thích những nhà văn xuất thân từ miền Nam. Tôi đã từng theo chân ông Hồ Hữu Tường, Phi Lạc Sang Tàu. Rồi cùng ông Sơn Nam nằm đọc *Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư*, hoặc đánh roi chiếc lược chải đầu, gậy rặng trong một tiệm sách. Những lúc buồn buồn, tôi nhảy lên *Đò Dọc* của ông Bình Nguyên Lộc dạo chơi miền sông nước. Tôi cũng không xa lạ với lòng dạ các ông Hồ Biểu Chánh, Phi Vân. Những buổi hẹn hò dưới trăng thanh gió mát của Chú Tư Cầu Lê Xuyên, tôi cũng rất thích thú

rình rập, học hỏi. Cái thú khi đọc văn của tác giả miền nam là nghe họ đối đáp. Lời lẽ giản dị, bộc trực. Cái vui thường lẫn chân cái buồn trong nhiều tác phẩm. Võ Kỳ Điền có cái duyên riêng của anh. Muốn biết cái duyên hấp dẫn thế nào thì phải đọc. Tôi không giải thích, dẫn chứng. Dĩ nhiên để đứng được trong làng văn, làng báo, Võ Kỳ Điền phải có những nét khác người, hơn người nào đó. Điềm này tôi có thể minh chứng bằng những nhận xét của nhiều cây bút đã thành danh, đang sinh hoạt rất tích cực cho nền văn chương hải ngoại.



Luân Hoán, Trần Gia Phụng, Võ Kỳ Điền, Song Thao, Toronto 2005

Trước nhất, hãy nghiệm những lời nhận xét của ông nhà văn cùng cư ngụ với tác giả Kê Đưa Đường, tại Montréal:

“...Võ Kỳ Điền là nhà văn sinh trưởng ở miền Nam. Cái ‘chất’ đôn hậu, thật thà, thẳng thắn của Nam Kỳ không ít thì nhiều đã đi vào cõi văn chương của ông. Võ Kỳ Điền là một người kể chuyện có duyên, mạch lạc và ít làm dáng. Văn chương, nó chỉ là yếu tố phụ nhằm giúp nhà văn Võ Kỳ Điền vượt qua những trở ngại tế nhị vướng víu trong khi trình bày câu chuyện, biến nó thành linh động hơn. Pulau Bidong có thể xem là một cuốn hồi ký hay là tự truyện? Thoạt đọc thì ngỡ là đều đặn, đơn giản một giọng

kể, nhưng xem qua rồi mới thấy sôi động và lôi cuốn biết chừng nào. Buộc phải theo chân nhân vật xưng ‘tôi’ đi từ Việt Nam sang tuốt Mã Lai một hơi không ngừng nghỉ. Và giữa lộ trình gian nan đó, tác giả đã khéo đưa ra, gài vào những chuyện vui buồn làm ta băng khuâng chia xẻ” (Hồ Đình Nghiêm)

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ thường được gọi là đài VOA có mục điền sách rất ăn khách. Ký giả lỗi lạc Bùi Bảo Trúc giữ mục này, khi đọc xong tác phẩm *Kẻ Đưa Đường* do Việt Publications ấn hành năm 1986, ông đã viết:

“... Tập truyện Kẻ Đưa Đường mặc dầu là tác phẩm đầu tay, đã được rất nhiều độc giả yêu mến, và giới văn học Việt Nam hải ngoại coi ông là một tác giả có thực tài với lối viết giản dị, gọn gàng và trong sáng, những tình tiết được trình bày mạch lạc và chừng mực, chân phương như con người mô phạm của ông”.

(Bùi Bảo Trúc)

Một cái tên rất nữ nhi, nhưng vốn là giống đực, từng hành nghề dạy học, qua xứ người mở quán sách Việt ngữ, vừa bán, vừa đọc, vừa viết, không phải lai rai, nhưng cũng chưa hẳn chuyên nghiệp, đọc *Võ Kỳ Điền*, đưa ý kiến:

“... Thông thường những tập truyện ngắn không thể có tính chất luận đề, trừ phi tác giả của tập truyện được viết theo một mục tiêu chung của cả nhóm; thí dụ Nhóm Tự Lực Văn Đoàn chẳng hạn; nhưng dù thế nào thì chỉ truyện dài mới có đủ khả năng để hàm chứa tính chất luận đề. Nhưng với Kẻ Đưa Đường, một trường hợp rất lạ lùng đã xảy ra đối với lịch sử tiểu thuyết của Việt Nam...”

“... Nhìn chung toàn bộ tập truyện ngắn, với ngòi bút bình dân, đôi lúc hàm chứa tính chất hoạt kê, cộng với tính chất luận đề đã nói lên tâm thức của một nhà văn trong thời loạn, chúng tôi nghĩ rằng độc giả sẽ hòa điệu và cảm ứng được khía cạnh thiên chức của nhà văn Võ Kỳ Điền qua tác phẩm ‘Kẻ Đưa Đường’”

(Nguyễn Thị Sông Hương).

Hơi khác với tác giả trên, một tu mi nam tử rất ngon lành, có cả hơi đẹp trai, nhưng có phần nào đó rất yếu điệu thực nữ, đã viết về nhà văn cùng một miền đất phương nam với mình:

“... Võ Kỳ Điền là một nhà văn gốc miền Nam, nên anh áp dụng văn phong miền Nam triệt để. Đó là lối văn bộc trực, chân tình, gợi cảm, nhất là ở những câu đối thoại. Văn phong miền Nam thường dí dỏm, hoạt bát. Cái dí dỏm của Võ Kỳ Điền rất chừng mực, cái cay cú của anh cũng rất mực thước và cái hoạt bát thì là cả một không gian rộng như những cánh đồng ‘cò bay thẳng cánh’

... Võ Kỳ Điền viết lách khiêm nhường, làm văn chương từ tốn, diễn tả đơn giản, trong suốt mà không nguội lạnh. Từng dòng chữ, từng trang sách thoáng nhẹ lên chút men nồng ấm tình người”

(Hồ Trường An, tạp chí Văn)

Một người đẹp chính hiệu giàu nhan sắc, một đồng nghiệp của cả hai nghề, một người vốn ‘có tiếng mà không có miếng’ ở lãnh vực tình cảm với Võ Kỳ Điền, ưu ái ông không kém ai:

“... Học với nhau từ nhỏ, tôi vẫn thấy bên ngoài Võ Kỳ Điền có cái vẻ hiền lành như dòng sông Tiền sông Hậu êm đềm xuôi chảy. Nhưng ai biết được dưới đáy sông kia chứa đựng biết bao điều kỳ bí, sôi nổi thiết tha và mãnh liệt. Văn phong Võ Kỳ Điền cũng thế, sau cái vỏ bề ngoài dung dị, dễ dãi, bên trong là những chất chứa dồi dào cảm xúc, những đam mê sâu thẳm của một trái tim rộng lớn. Có lẽ cái đam mê lớn nhất của Điền là đam mê về giá trị của con người và cuộc đời” (Nguyễn Thị Hoàng Bắc).

Một Bùi Giáng của miền nam trong bộ môn văn, một người ham chơi và biết chơi tới bến, một người rất lạnh tánh như tre trúc, viết về Võ Kỳ Điền rất xác thực:

“... Trong trí tôi nếp sống hồn nhiên, tình thân mật, lời ăn tiếng nói thật thà chất phác, một cách sống nào đó như bạn đã sống, đang bị tuyệt chủng. Đọc Võ Kỳ Điền lại thấy quả có ý chang như vậy và càng thêm tiếc thương. Những cách nói, những cách cư xử của nhân vật Võ Kỳ Điền nghe qua, ngó vô tưởng như vặn lại hồi ký trong đầu hay dở quyển lưu bút ở trường học hồi còn bạn quần xà lỏn, đi cặng không. Giản dị, nhớ hoài, sướng ran. Văn của Võ Kỳ Điền thẳng và chân thành, không hoa hoè hoa sỏi, kết cục có những bất ngờ” (Kiệt Tấn)

Có lẽ đây là một đặc biệt, một ngoại lệ của nhà thơ kiêm nhà

văn Thanh Tâm Tuyền khi ông nhận xét về một nhà văn sau 1975 tại hải ngoại. Dù những ý kiến này được gói ghém trong một lá thư đầy chân tình:

“... Tôi thật không ngờ đã viết nổi một bức thư dài đến chừng này. Từ ngày sang đây, tôi thật ngại cầm đến bút, kể cả khi viết thư về nhà. Điều này chứng tỏ, ít nhất đối với riêng tôi, quyển sách anh viết đã thành công. ‘Chữ đã đẻ ra chữ’ nó đã không đẻ ra được cơm gạo cho người ta qua cơn đói lòng nhưng nó cũng không đẻ ra những phù chú, pháp thuật nhằm ‘mà’ mắt người hầu thủ lợi (ở đây cũng như ở kia). Người ta đã không thể ‘nhá chữ’ mà sống, thì người ta cũng không thể ‘nuốt chữ’ để say sưa quên đời và chết một cách ngu xuẩn. Chữ chỉ dùng để đọc thôi..

Chúc anh luôn luôn khỏe mạnh vui vẻ, luôn có hứng thú tuôn thành chữ để cho những ai thích đọc anh, được đọc chữ nghĩa của riêng anh.”

Thanh Tâm Tuyền: (St- Paul / ngày 18-1-92)

Một lá thư khác, giữa hai người bạn văn với nhau, cũng có một câu nhắc về Võ Kỳ Điền:

“... Chiều nay vừa đọc lại văn Võ Kỳ Điền mà Mai Thảo đăng lại trong Văn, lại thấm thía cái hay thâm trầm của người miền Nam. Có lẽ Võ Kỳ Điền là người viết văn giọng Nam hay nhất đó, chớ chẳng chơi”

Vi Khuê: (thư gửi Hồ Trường An , 6 - 10 -1985)

Tôi chẳng thể nào trích dẫn thật đầy đủ những nhận xét tính tế của những vị vừa kể trên, dành cho nhà văn Võ Kỳ Điền. Họ đã rất tỉ mỉ phân tích nội dung, bút pháp qua từng truyện một, đưa ra cái tài cụ thể của Võ Kỳ Điền. Theo Hồ Trường An, tác giả Kể Đưa Đường có tài khi chung ra những chân dung nhân vật đồng thời hoàn tất các tiêu chuẩn nhân đạo, nhân tính cần thiết cho cái đẹp của một tác phẩm văn chương. Với Bùi Bảo Trúc, rất tâm đắc với những truyện tình, vốn hiếm hoi trong Kể Đưa Đường. Ông thuật lại văn tắt nội dung từng cốt truyện, để đi đến kết luận: ba truyện tình là những truyện hay nhất trong tập truyện. Tôi không may không có tác phẩm in thành sách của Võ Kỳ Điền. Tôi đọc văn anh lắt nhắt qua các tạp chí, chẳng nhớ rõ truyện nào ra truyện nào. Nhưng những mẩu chuyện trong đời thường từ ông Năm hớt

tóc, đến ông thợ rèn, với lối chuyện trò, bày tỏ tâm tình của họ, tôi rất khoái. Lồng vào đối thoại những chữ Tàu khá quen thuộc cũng là một ưu điểm của văn phong Võ Kỳ Điền. Bản chuyện văn chương sẽ không cùng. Sợ sẽ quên một phần quan trọng, nên tôi xen ngay vào đây phần tiểu sử tác giả.

Võ Kỳ Điền tên thật Võ Tấn Phước, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1941 tại Dương Đông, Phú Quốc, trong một gia đình khá giả, Thời niên thiếu theo học tại tỉnh nhà, về sau cha mẹ thương cho lên ăn học tại trường Nguyễn Trãi Sài Gòn. Đòi học sinh trung học, Võ Kỳ Điền đã được làm học trò những người danh tiếng như nhạc sĩ Lê Thương, nhạc sĩ Phạm Duy Nhuận, họa sĩ Ngọc Dũng, nhà thơ kiêm nhà văn Thanh Tâm Tuyền... Tuy vậy anh không nghĩ đến mai sau sẽ sinh hoạt văn học nghệ thuật. “Học gạo” là chủ yếu và anh đã tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn, ban Việt Hán, cùng khóa với các nhà văn Hoàng Chiêu Nhân, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lữ Phương. Ra trường Võ Kỳ Điền được điều về dạy Việt văn tại Trung học Hoàng Diệu ở Ba Xuyên rồi đổi về Trịnh Hoài Đức ở Bình Dương, nơi có mặt của Lê Tấn Lộc (Hiệu Trường, anh nhà văn Kiệt Tấn), Lê Vĩnh Thọ, Phạm Ngọc Em... Sau tháng 4 năm 1975, Võ Kỳ Điền vội vã thành hôn với một nữ giáo sư cùng trường, chị Duyên. Cô giáo hoa khôi này cho anh một cậu ấm duy nhất. Năm 1979, gia đình Võ Kỳ Điền vượt biên đến đảo Pulau Bidong Mã Lai, rồi định cư tại thành phố Laval, Canada. Cũng như nhiều vị giáo chức khác, Võ Kỳ Điền mất bực giảng, anh trở thành công nhân của hãng điện tử Phillip trong nhiều năm.

Lao động chân tay cũng có ưu điểm của nó. Ngoài giờ vất vả ở sở, Võ Kỳ Điền trở lại thú vui đọc sách. Từ một nhận xét trong bài phú tả A Phòng của ông Đỗ Mục bên Tàu, đại ý “*Không ai diệt được Yên, Tề, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, chính lực quốc này tự diệt mà thôi*”, Võ Kỳ Điền cho rằng miền nam Việt Nam đã tự diệt, một phần vì sự hiểu biết hời hợt về chế độ cộng sản, một phần vì thái độ bàng quan của giới có học vấn. Anh viết: “... *Thời đó tôi còn nhớ rất nhiều người sách nào chống cộng thì không thèm đọc, kịch nào chống cộng thì không thèm coi. Họ đồng hoá hễ tiểu thuyết chống cộng thì đương nhiên không hay. Chuyện chống cộng là việc làm của các ông công chức bộ Thông tin hoặc các cơ quan Tâm lý chiến của bộ Quốc phòng. Tiểu thuyết hoặc thơ, kịch*

muốn hay phải có yêu đương gay gắt, mùi mẫn kia...”

Không biết có phải vì điều này Võ Kỳ Điền đã nghiêm chỉnh viết văn, và tuyên bố một câu chắc nịch: “...*Nếu bài nào của tôi mà không có một ý, một câu đã kích cộng sản thì tôi không viết nữa...*” (trả lời Tường Năng Tiến, Làng Văn số 30 tháng 2-1987)

Võ Kỳ Điền thành danh cùng thời với những Nguyễn Ngọc Ngạn, Bắc Phong, Vũ Kiện. Tác phẩm đầu tay, *Kẻ Đưa Đường*, gồm 15 truyện ngắn ăn khách, đã giúp cho Võ Kỳ Điền có cảm giác đầu tiên, khi nhận tiền tác quyền 10% từ một nhà xuất bản của ông chủ bút Làng Văn, Nguyễn Hữu Nghĩa. Số tiền không mấy lớn. Sáu trăm tám mươi tám đô la Canada cộng thêm 80 xu lẻ. Tôi không rõ Võ Kỳ Điền có đãi cả phê cho bè bạn không? Anh là người không mấy thích la cà quán cóc. Bạn bè họp mặt đãi nhau, hú anh đến cũng rất khó. Với một vóc dáng có da có thịt, cùng khuôn mặt vuông vức đầy đặn, không biết có ảnh hưởng đến bản tính ngại trà, sợ rượu của anh không?

Chuyên vượt thoát khỏi tổ quốc cùng những ngày tháng tỵ nạn trên đảo, đã giúp Võ Kỳ Điền hoàn tất cuốn bút ký dày 420 trang: *Pulau Bidong - Miền Đất Lạ* vào đúng ngày 30 tháng 4 năm 1991. Sách được nhà xuất bản Xuân Thu tại Hoa Kỳ ấn hành cùng năm. Cuốn sách này Võ Kỳ Điền ký tặng tôi hỷ hoi. Qua đó tôi hiểu



biết được khá nhiều về cuộc đời thuyền nhân. Một nhân vật của anh làm tôi nhớ hoài là bạn “Dân...gi đó”. Một cái tên và một thói quen, được anh ghép thành tên gọi, với rất nhiều đức tính, thói quen ngộ nghĩnh.

Võ Kỳ Điền không thích đàn đúm nhưng anh thường có mặt trong các cuộc sinh hoạt chữ nghĩa. Hơn thế nữa, anh còn là một trong những diễn giả thường xuyên, có uy tín của cộng đồng người Việt tại Montréal. Anh đã từng đăng đàn giới thiệu tác phẩm của nhiều bạn văn. Những bài phát biểu của anh thường được viết rất tỉ mỉ, súc tích. Nghề dạy học cũng đã giúp anh tự tin, linh hoạt trong khi trình bày trước đám đông. Tác phẩm của tôi, của Lưu Nguyễn, của Phan Ni Tấn, của các nhà văn Nguyễn Văn Ba, Song Thao, Trà Lũ, Nguyễn Tấn Hưng, Trang Châu... cũng từng được anh giới thiệu chí tình đến bạn đọc.

Viết lách nói năng đề huề chuyên nghiệp như vậy, nhưng Võ Kỳ Điền rất khiêm nhường và thành thật khi nói về cái nghề tay trái “viết văn” của mình. Trong tác phẩm đầu tay, Võ Kỳ Điền tự viết lời tựa cho sách mình:

“ Cả đời cho tới giờ phút này, tôi vẫn nghĩ thành thực rằng mình chỉ là một nhà giáo - một thầy giáo ở tỉnh lẻ mà thôi, khó thể làm bất cứ nghề nghiệp gì khác mà coi cho được, nói chi tới chuyện viết văn làm thơ. Theo trí tưởng tượng, theo sự hiểu biết qua sách vở, báo chí, cùng hình ảnh các vị thầy khả kính, tôi cho rằng nhà thơ, nhà văn phải là những người tài hoa, phong lưu và giỏi giẩn rất mực...”

Nhà báo Bùi Bảo Trúc đã thuật lại lời Võ Kỳ Điền phát biểu trong một cuộc nói chuyện tại Đàm trường Văn Bút Canada vào tháng 6-1987:

“... Võ Kỳ Điền đã khiêm tốn không xem những gì ông viết là văn chương. Ông không coi việc ông có những tác phẩm đăng báo là văn chương và việc cầm bút của ông không phải là “viết văn” mà chỉ là “viết”, để nói lên những điều ông trông thấy, nghe thấy hay đã sống qua, trên mặt giấy, một thứ phản ứng của một người bị đè nén, ức hiếp thì phải vùng dậy, một người bị lăng mạ thì phải nói lại.

Văn chương, theo Võ Kỳ Điền, phải là tiếng nói của kẻ yếu đấu tranh chống độc tài, áp bức, bạo lực và bất công bất cứ từ đâu

tới. Trong bài tựa của cuốn “Kẻ Đưa Đường” Võ Kỳ Điền viết tiếp, văn chương phải chống bất cứ hình thức nô lệ nào, chống sự ngu xuẩn, hầu đưa con người vươn lên từ tối tăm, đổ vỡ...”

Qua bài viết của Bùi Bảo Trúc, chúng ta cũng nhận ra được quan niệm sáng tác của Võ Kỳ Điền. Chuyện cầm bút và quan niệm sáng tác, còn được anh xác nhận khi trả lời phỏng vấn của nhà văn Tường Năng Tiên:

“...Tôi chỉ là thầy giáo - một thầy giáo ở Sóc Trăng với Thủ Dầu Một thôi. Khó mà làm một nhà văn tầm thường, nói chi mộng làm một nhà văn lớn. Do đó cái nhìn của tôi bị giới hạn, và đã vào khuôn. Câu văn thì phải có động từ, chủ từ, túc từ. Bài viết phải có nhập, thân, kết. Nguyên tắc của tôi đặt ra giản dị trong sáng trong câu văn, thiết tha chất phát trong ý tưởng, nội dung. Dễ đọc, dễ hiểu...Cái mục tiêu tôi nhắm tới không phải để trở thành một nhà văn tên tuổi...Nói cho rõ, tôi viết để chống cộng...”

Chủ trương viết “dễ đọc, dễ hiểu” nhưng không phải bê nguyên cái sự thật ngoài đời vào trong bài viết. Võ Kỳ Điền chú trọng đến sự sáng tạo trong tác phẩm. Từ cái không-thật trở thành cái thật, theo anh là một nghệ thuật cần có khi viết văn.

Thành phố Montréal qui tụ khá nhiều người sáng tác. Không khí sinh hoạt khá sôi nổi, đẻ ra nhiều thân tình. Tôi và Võ Kỳ Điền cũng nương theo sự phát triển tốt đẹp này mà đến với nhau nhiều hơn. Trong một lễ vu qui của con gái tôi, anh đã có mặt và đóng góp phần giúp vui của mình với một tiết mục đặc biệt. Anh đọc thơ. Bằng một giọng chậm rãi, dễ nghe, anh dẫn thực khách có mặt trong buổi tiệc, ghé qua một dòng sông nổi tiếng trước đây cả ngàn năm. Bên nguồn nước bao la ấy có sự hiện diện của cô gái xinh đẹp tên Hà. Một khởi điểm thi hứng cho một người si tình, đã làm thơ loạn cả một góc trời, đủ để cho dòng sông mang tên Thương Hà. Điển tích này được gói gọn trong bốn câu thơ sống mãi trong Kinh Thi nước Tàu: *“Quan quan thư curu / Tại Hà Chi Châu / Yêu điệu thực nữ / Quân tử hào cầu”*. Dĩ nhiên đọc xong, Võ Kỳ Điền không quên giải thích. Dù trên sân khấu, dưới ánh đèn không đủ sáng, tôi cũng nhận rõ nét mô phạm nghề nghiệp của Võ Kỳ Điền hiện ra. Anh say sưa nói một cách chân tình. Trước mắt anh có thể đang có một con chim curu kêu quan quan thật. Sự

thiết tha và lãng mạn làm phong phú và rực rỡ tình yêu. Dùng những câu thơ đẹp để chúc mừng một cuộc hôn nhân, Võ Kỳ Điền quả thật tế nhị, thông minh. Anh đã tỏ ra một người khéo chọn quà, đồng thời giới thiệu được cái Hán rộng vốn có của mình.

Cuộc sống sẽ mỗi ngày một đẹp hơn, nếu không có những đồ ky, nhỏ nhoi chen chân vào. “Một con bão trong tách trà” đã mạnh nha mở đường đi xuống cho những sinh hoạt văn học nghệ thuật, vốn rất phong phú tại thành phố tráng lệ, nhiều người Việt, Montréal. Phòng triển lãm tranh sơn dầu của họa sĩ Võ Đình ngày 27 tháng 6 năm 1992 tại Les Jardins Du Boisé Montréal, đã chịu tiếng oan cho sự bắt đầu không đẹp này. Võ Kỳ Điền vô cớ bị lôi vào những tin đồn thất thiệt, những lá thư nặc danh đầy ác ý. Chuyện tưởng chơi nhưng không ngờ đã kéo đổ hạnh phúc của một nhà văn đang sung sức. Ngọn bút của Võ Kỳ Điền cũng theo đời sống chẵn gỏi mà chững lại. Anh xuống tinh thần khá nhanh. Có một khoảng thời gian ngắn anh gần như biệt lập, không giao tiếp với bè bạn, không viết. Nhưng rất mừng, giai đoạn khủng hoảng tinh thần chóng qua. Võ Kỳ Điền vui vẻ trở lại với một nghề tự do, vốn đã có căn bản vững vàng. Anh trở thành một chiến tinh gia với nhiều tiếng tốt đồn xa.

Không nhớ vì nguyên do nào chúng tôi có vẻ khá thân với nhau. Lúc bấy giờ Võ Kỳ Điền thuê nhà ở số 9175 đường Saint Michel. Tôi ghé lại thăm anh nhiều lần. Tuy chỉ có hai cha con, Võ Kỳ Điền đã thuê một căn nhà khá lớn. Phòng làm việc của anh thoáng mát. Ngay sau bàn viết của anh là một tủ sách choáng cả bề ngang vách tường. Sách nhiều, đủ loại. Nhìn những cuốn sách nằm chỉnh tề, ngăn nắp trong tủ sách của Điền, tôi chợt thấy thương những cuốn sách được tôi làm chủ. Từ năm dấy cho một tủ sách, tôi chế thành mười dấy. Tủ này nói tủ kia bốn lần giáp mí. Nạn mất sách vẫn không được giải quyết. Tính tôi hình như có hơi lười nên sự lộn xộn càng gia tăng.

Từ bản viết của Võ Kỳ Điền nhìn ra, tôi gặp ngài Bồ Đại vui vẻ cười với cái bụng tròn vo. Nhờ Võ Kỳ Điền giải thích, tôi mới biết sự khác biệt giữa hai ngài Bồ Đại và Thổ Địa. Thiền sư Bồ Đại xuất thân từ Trung Hoa vào thế kỷ thứ 10, thời Ngũ Đại. Ngài mập mập nên không được cao. Áo vận vào người nhưng không mấy khi cài nút. Cái bụng hờ gió cứ thế mà lớn lên. Không chừng những phép màu được thiền sư chứa trong cái bụng dễ thương

này. Thiền sư Bồ Đại đi đứng nghênh ngang, chân tay thoải mái. Đó là tôi nhìn ngài mà suy đoán ra vậy. Không tin bạn có thể nhìn nụ cười vô cùng hoan hỷ của ngài. Ăn ngủ tùy nghi, nói năng tùy hứng nhưng được mọi người kính trọng thương yêu. Trước đây tôi vẫn tưởng cái túi vải bố to tướng trên vai ngài dùng để đựng quà cáp, vàng bạc mà ngài sẽ mang đến phát tận nhà những người có lòng, nghèo khó. Hóa ra không hẳn vậy. Túi vải bố của ngài có thể đựng lương thực, có thể đựng năm bảy người ngài cần đưa qua những khó khăn, tai nạn. Ngài Bồ Đại ở với dân, vui với dân. Lúc ngài lâm chung người đời mới được biết ngài là hiện thân của đức Phật Di Lặc. Sau khi đến chơi nhà Võ Kỳ Điền về, tôi xuống phố Tàu Montréal thỉnh ngay một ngài Bồ Đại được đúc bằng nhựa cứng, có màu xanh như ngọc. Ngài Bồ Đại này ở với tôi chừng năm bảy tháng. Trưởng nữ tôi sinh sống tại Hoa Kỳ về thăm, tỏ ý thần phục ngài, thế là tôi làm quà tặng. Một ngài Bồ Đại khác hoành tráng hơn, phương phi hơn lại được tôi thỉnh về. "*Di Lặc, Chân Di Lặc / Phân thân thiên bách ứng / Thời thời thị thời nhân / Thời nhân tự bất thức...*" Thật ra tôi chẳng cần thông suốt triết lý hành động của ngài. Có ngài cùng ở chung một nhà là vui rồi. Nếu có dịp bạn đến thăm nhà tôi, đừng ngạc nhiên khi gặp Phật tổ, Phật Quan Âm, ngài Quan Công, ngài Phúc, Lộc, Thọ vân vân. Ở nhà Võ Kỳ Điền, tôi còn thấy mẹ con của một bầy cá hóa long bằng gỗ chạm khắc tinh vi, giàu nghệ thuật. Tôi rất thích cái tượng này, Tượng rất lớn, nặng, và quý nên tôi không dám hỏi xin. Dĩ nhiên dù có xuống giọng năn nỉ, Kê-Đưa-Đường-một-lần của tôi cũng không cho. Đền chơi cùng Võ Kỳ Điền, tôi biết thêm anh có một cái thú rất giống tôi: thu phim. Nếu tôi nghiêng về phim du lịch. (Xem như mình đi tham quan đây đó mà không mất nhiều tiền) thì Điền thu được rất nhiều bộ phim Tàu. Anh Hùng Xạ Điêu, Cô Gái Đồ Long, Hoàn Châu Cát Cát, Dòng Sông Ly Biệt, vân vân và vân vân, đầy ứ mấy tủ lớn của Võ Kỳ Điền. Anh giới thiệu và cho tôi mượn một lúc nhiều bộ, xách nặng muốn rớt cánh tay. Nhân chuyện thu phim, tôi hỏi thử anh có phim sex ? Anh lắc đầu. Tôi gợi ý, nếu anh muốn xem tôi cho mượn. Điền chối từ, Anh nói: "*Ở một mình, sợ cái chuyện đó lắm*". Tôi ngẫm nghĩ không hiểu vì sao anh sợ. Thật ra, nếu Điền cần, tôi chạy lên Saigon Video mượn làm quà cho anh vài cuốn, xem giải sầu. Nhưng Võ Kỳ Điền, nhà mô phạm vẫn giữ được bản chất nhà giáo. Hoan hô. Nghề chính

của anh lúc này là chăm tử vi, xem hướng nhà...đủ thứ chuyện của nghề bốc tử. Không bỏ lỡ cơ hội, tôi nhờ Điền soạn cho tôi một lá tử vi. Anh sốt sắng làm ngay, dù không nhận một đồng xu nào. Điền nói về tôi, về cái đuôi của một con rồng, giàu một đời nhào lộn. Anh cho tôi biết tôi không có số làm giàu, nhưng rất mực thông dong. Thuở nhỏ ý vào cha mẹ; ra đời cậy vào bạn bè, đệ tử; hiện tại nhờ vợ quanh năm. Đúng hết chỗ chê. Điền cùng tuổi với tôi, như Thái Tú Hạp, Hồ Thành Đức, Châu Văn Tùng...nhưng mỗi người một hoàn cảnh khác nhau tùy theo cái giờ, cái khắc biết khóc lần đầu tiên. Cuối bài viết này là lá số tử vi của tôi do Võ Kỳ Điền chăm quẻ. Bạn nào có nghề cứ thử suy đoán chơi. Phát giác gì thú vị có thể gọi đến tôi, không mất tiền qua số điện thoại 514-325-6409 hoặc 514, 588-6409.

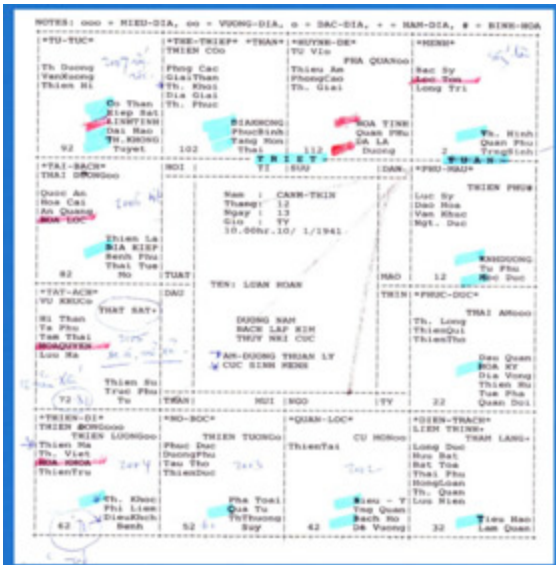
Võ Kỳ Điền đang là người ‘độc thân dễ tính’ nên hình như có nhiều o sồn sồn ngấm nghề. Quán bánh mì trên đường Jean Talon, nơi Điền thường ghé mua thức ăn, hình như muốn dạm mỗi cho anh. Không rong chơi, ngừng viết lách, Võ Kỳ Điền tiêu vào đâu khoảng thời gian thiếu người mê tín ? Tôi cứ ai ngại cho anh cái vụ

4 cặp: VKĐiền, SongThao, LHoán, PhanNiTấn, Toronto 2004



‘chào cờ’ bắt từ. Nỗi lo bao đồng của tôi quả là ‘lo bò trắng răng’. Đùng một cái anh hỏi: “*Ông có đi dự đám cưới của tôi không?*” Tương giỡn, hóa ra thật. Một nữ dược sĩ, nhan sắc mượt mà, có cơ ngơi làm ăn khang trang quyết định mời anh về dinh ở tận thành phố Toronto hiện đại. Hôn lễ giữa anh và chị Trần Ngọc Diệp được cử hành vào ngày 03 tháng 8 năm 2002 tại tỉnh bang dùng tiếng Anh, Ontario, Canada. Tôi vắng mặt, lý do quen thuộc: nhức chân, nhức đầu, sô mũi. Bạn văn tham dự chia vui cùng anh kể lại, đám cưới lớn và trang trọng lắm. Cuộc đời quả thật có nhiều cái bất ngờ. Cùng một tuổi, Điền hơn tôi hay tôi hơn Điền chưa rõ. Nhưng hơn cái gì đây, chẳng lẽ hơn một cái...phù du!

Võ Kỳ Điền đã bỏ Montréal mà đi, như Đỗ Quý Toàn, Bắc Phong, Phạm Nhuận...Dù không thấm thiết tình bè bạn tôi vẫn thấy buồn. Thành phố thân yêu mất thêm một tay viết, một diễn giả, một kẻ lừng khùng thơ ngây, đưa đường không đến nơi đến chốn. Nhưng tôi cũng rất mừng cho anh, tình yêu làm anh hồi sinh. Anh viết lại. Những trang viết chưa là truyện ngắn, truyện dài, nhưng bút ký đã có sau những chuyến du lịch gần khắp thế giới của cặp uyên ương, vừa tìm lại tuổi thanh xuân. Những bài điểm sách, giới thiệu tác giả cũng đã trở về với Võ Kỳ Điền. Tôi lại được hân hạnh anh đảm nhiệm lời trình làng “*Luân Hoán Một Đồi Thơ*” tại Mis-



sissauga. Nhà văn Song Thao cũng được anh ngưỡng mộ nhắc tới trong bài nói chuyện về Phiếm của nhà văn Trà Lũ. Anh vẫn nhiệt tình, bài viết vẫn đầy một tấm lòng. Chân thành cảm ơn chị Ngọc Diệp đã cho anh bạn hơi cù lằn của tôi trẻ lại hơn

mười tuổi. Trẻ lại hơn tôi rất nhiều. Tôi rất yên tâm đóng vai một ông anh, dù thân thể có phần khiêm nhường hơn. Làm anh nên vẫn thường lú lẫn. Có gì quên nhờ ông em, vuốt rượt tình yêu chịu khó làm một kẻ đưa đường, nếu tôi xuống chơi Toronto mà nổi hứng muốn đi lạng quạng nhé. Trả công trước cho “chú” mấy câu thơ đây:

*“Đang hiền như Phật đất / bỗng nhiên có người yêu / gieo
quả gì hay vậy / ông nhà giáo cao siêu / Kẻ Đưa Đường ngày nọ /
Hán rộng đến bao nhiêu / xem giùm trong bồ chữ / còn thừa mấy
chữ yêu ?” (LH)*



Bạn xưa ảnh cũ



Bửu Chánh, Hoàng Anh, Huy Hiền Nguyễn Văn Hạnh
Nguyễn Ca, Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Văn Đài
Trần Hoàn, Đặng Đình Tiến, Nguyễn Văn Long

Song Vinh, người dựng nền cho Web. Vương Chiêu

“Nghề chơi cũng lắm công phu” người xưa đã dạy thế, không sai vào đâu được. Không đúng ít cũng đúng nhiều. Chữ “Chơi”, một động từ quá bao quát. Nó hiện diện trong nhiều lãnh vực, thể thao, nghệ thuật, âm thực...đến cả tình dục. Thật rất dễ dùng, rất dễ xài. Sử dụng máy *computer*, nói là chơi vi tính, mọi người đều hình dung được và hiểu ra, vậy đâu có dùng sai chữ chơi ở đây. Chuyện *computer* chính thức đến với con người



từ bao giờ, tôi không được rõ lắm. Nhưng anh bạn mặt vuông này (chữ dùng của một nhà văn nổi tiếng của chúng ta), càng ngày càng thân thiết với nhiều tầng lớp quần chúng trên thế giới. Cá nhân tôi đã làm quen với anh ta như thế nào, trước khi phải nhờ nhà thơ Song Vinh giúp tôi trải rộng Vương Chiêu Luân Hoán trên mạng lưới điện toán. Câu chuyện khá đông dài:

Trong một lần điện thoại, nhà thơ Lưu Nguyễn cho biết, anh bạn thơ Nguyễn Đức Bạt Ngàn bén tiếng, nếu muốn cho thơ “*lên trời*”, thì chịu khó đánh máy gửi cho anh mười bài. Tôi thuộc loại bà con với anh Hai Lúa miền nam, nên đã ngó ra mắt mấy mươi giây. Khi hiểu ý, tôi nhờ Lưu Nguyễn chuyển lời cảm ơn và từ chối đến người bạn có lòng. Lúc đó tôi nghĩ đơn giản: Thơ vốn ở trên mặt đất, phải cùng con người, hoa lá...vạn vật mà sinh tồn, phát triển. Nếu lên trời không chừng thành mây, thành gió hoặc thành bão thì rất không nên. Quan niệm chậm tiến của tôi không đứng vững được lâu. Nhân một buổi tối đến châu rìa nơi bàn nhậu nhà Khải Minh, một người bạn trẻ mới quen, tôi được Minh mở máy Còm (*computer*), giới thiệu một “trang” văn học. Màn ảnh chớp nháy mấy giây, tôi giật mình và vui trong bụng, khi thấy chân dung, bút hiệu cùng một vài bìa sách của mình, rất rạng rỡ hiện ra. Khải Minh không quên giải thích ngắn gọn cho tôi cái lợi hại vô cùng của *internet*. Tôi tưởng chừng như gặp phải một *coup*

de foudre, qui hàng tức thì.

Con đường đến với máy điện toán của tôi không ngờ rất may mắn. Bà má của cậu con trai út tôi, mua tặng nó một “dàn” IBM ngon lành. Máy đặt ở phòng nó, nhưng khi nó đi học thì tôi nhào qua táy máy. Thật có quá nhiều cái hay, cái đáng tò mò. Nhà thơ Phan Ni Tấn trước đây đã ghi cho tôi mấy địa chỉ thư giãn. Nên trước cả văn học, thể thao... tôi đến với nghệ thuật, nét đẹp. Dù rất say mê trong khoan khoái, tôi cũng canh giờ sẵn để tắt máy trước khi cậu con về. Chỉ sai phạm một điều, những địa chỉ tôi gõ vào ô *address* của *Microsoft internet explorer* cứ tồn đọng đến ngày hôm sau, làm tôi hết hồn, lo lo. Không thể cứ chơi ké máy của con, sự ham muốn sở hữu món đồ chơi hữu ích như thế, không ngớt bành trướng trong bụng tôi.

Có lẽ hiểu thấu tim đen người bạn nghèo qua những lần điện đàm, nên dù không xin, nhà văn Nguyễn Sao Mai cũng đề nghị gửi tặng tôi một bộ. Không rõ vì đâu dàn máy anh tặng đã đi mà không bao giờ tới. Lỡ khoe với đám con sắp có máy, bỗng dung hụt cuộc chơi, bệnh than thở của tôi càng thêm trầm trọng. Thương chồng, má thằng cu út đành mua tặng cho “thằng dưỡng tử lớn đầu” đã lỡ chăm nuôi lâu nay, một bộ giá bèo hơn bộ của Bách, con tôi.

Máy đã nằm trên bàn, đủ bộ. Không thuộc loại sịn nhưng cũng có phần bề thế hơn cái máy bạn Song Thao cho về hưu, vừa chuyên sang, phục vụ tôi hoàn tất bài trả lời phỏng vấn của nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh. Anh bạn Còm về với tôi vào lúc chạng vạng. Đêm đó tôi chạy ngược chạy xuôi, hỏi mượn bè bạn những *program* cần thiết. Khải Minh xắn tay áo giúp tôi tất cả. Để chứng tỏ cái bề dày kỹ thuật cùng cái lão luyện trong nghề chơi vi tính, Khải Minh khuyến khích tôi lập “trang nhà”, và không đợi tôi đồng ý, anh giới thiệu tôi với nhóm bạn “Cây Me” của anh ở Boston, Massachusetts, USA. Trong hộp điện thư mới mở của tôi, chẳng mấy chốc phong phú những thư gửi đến. Anh có, chị có, toàn những danh xưng lạ, nhưng cả thấy đều dễ thương qua chữ nghĩa. Anh nhóm trưởng Trần Trung Đạo còn trẻ măng, tốt nghiệp Kỹ sư điện toán tại Hoa Kỳ, giao phần việc dựng “Luan Hoan Home Page” cho hai anh Kỹ sư điện toán khác, Trần Thái Vân và Song Vinh Ngô Gia Thành. Song Vinh tiện tay điện thoại cho tôi sớm hơn, nên tôi đành cảm ơn anh Trần Thái Vân.

Để bắt đầu cuộc chơi, Song Vinh cho tôi chìa khóa vào thăm

cơ ngơi của anh. Đồng thời anh đề nghị tôi viết ra đầy đủ nội dung những gì tôi muốn thực hiện. Phần đất đai anh lo liệu, hoàn toàn miễn phí và đặc biệt diện tích sẽ vô cùng, không giới hạn. Danh xưng dĩ nhiên tôi phải chọn và cho anh biết ngay để kịp cầm dùi, trung bảng “đang xây dựng” cho oai.

Lúc đầu, tôi không biết nên chọn tên gì, nên bắt chước một số trang đã có sẵn. Tôi nói với Song Vinh dùng chữ Trang Nhà Luân Hoán. Cũng phỏng theo nhiều người, tôi gởi cho Song Vinh một ảnh chân dung để chung ở mặt tiền. Song Vinh trình bày khá đơn giản, chỉ trong một đêm anh hoàn tất. Nội dung lúc bấy giờ gồm chín mục. Chừng một tháng sau, tôi đề nghị Vinh bỏ chữ trang nhà, chỉ dùng chữ Luân Hoán. Cách trình bày cũng thay đổi. Chân dung tôi được thay ảnh mới, cắt sát mặt hơn. (về sau còn được thay lại ba lần nữa). Tôi cũng scan 12 mẫu phác họa Luân Hoán từ Khánh Trường, Hoàng Trọng Bân, Trịnh Cung, Võ Đình, Đình Cường, Trịnh Công Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Quốc Tuấn,



Bé Ký, Nghiêu Đề, Thái Tuấn, Vivi gởi cho Song Vinh, chung ngay dưới ảnh chụp ở mặt tiền. Song Vinh trình bày rất độc đáo. Mỗi đề mục mang hình lá phong, tượng trưng quốc gia tôi đang sống. Trên mặt mỗi lá phong, có hình con nai, vốn là logo nhà xuất bản Thơ, tôi đã chủ trương. Bên cạnh con nai còn có hai chữ LH. Nói thì rườm rà vậy, nhưng trông rất gọn gàng, không đến nỗi cãi lương,

theo chủ quan của tôi.



Năm 2000, tôi nhận thấy Chữ cũng như ảnh Luân Hoán lớn quá và bốn câu lục bát :

“Rước Em mời Bạn vào chơi / trong từng hạt chữ, tình tôi

rót trà/ phũ tay, nghiêng mặt trở ra / không chùng hương phấn
 hương hoa theo về” (LH) mà Song Vinh bố trí cho nằm ẩn trong
 đám lá phong trên đầu trang, không cần thiết, tôi nhờ Song Vinh
 trình bày lại. Lần này ảnh tôi được để bên góc phải. Bên góc trái
 dành cho chữ ký. Năm 2003, thấy việc chung ảnh và chữ ký có
 chút gì lố bịch, tôi nhờ Song Vinh dùng chữ Vương Chiêu để làm
 tên phần đất vui chơi của tôi. Vương Chiêu bắt nguồn từ bài thơ
 mang tên Trên Vương Chiêu Đồi Ta trong tập Rượu Hồng Đã Rót.
 (“... nằm buồn vợ vẫn viết bậy chơi / tình dài giấy đất in chi thẫu/
 viết để mà chơi viết đốt chơi / mai sau ta trở thành thi bá/ dẫu
 chết, hậu sinh cũng bắt ngòi / nhớ để cho ta **vuông chiếu** rộng/
 ta mời bè bạn của ta luôn” (LH,1974). Ảnh Luân Hoán được lấy
 xuống, thay vào là nét phác họa khuôn mặt thiếu nữ của họa sĩ
 Ngọc Dũng. Những bản vẽ chân dung tôi được để vào mục Phác
 họa LH (có cả thơ) bên trang trong. Chữ ký tên vẫn còn, nhưng
 khiêm nhường hơn. Nội dung lúc này gồm các mục: Thư Ngõ,
 Tác Phẩm Đã Xuất Bản, Thơ LH, Đọc Thơ LH, Thi Nhạc, Chiêu
 Hoa, Tác Giả VN, Cõi Trầm, Gối Súng Tìm Thơ. Cuối năm 2003,
 nội dung có thay đổi và tăng lên 16 mục.

vuông
 chiếu

 Luân Hoán



Nội dung này đậm chân tại chỗ đến hiện nay, cụ thể được sắp
 xếp thành hai phần. Phần chung gồm: Thư Ngõ và Nói trang, Tin
 Văn, Tác Giả VN, Chuyện Sáng Tác, Sách Bạn, Thơ VN, Văn
 Xuôi VN, Đất Tình, Sinh Hoạt Từ Thiện. Phần riêng có: Đọc và
 Viết về LH, Thơ LH, Phác họa LH, Trả lời Phỏng Vấn, Âm Thanh,
 Hồi Ký Rời, Lưu Niệm. Bên dưới mặt tiền trang trí một đường
 gạch, vốn là những chiếc lá phong nhiều màu do Song Vinh sắp
 xếp rất nghệ thuật. Một bụi trúc mở đầu cho đường gạch, với ngụ

ý xuất xứ của trang chủ. Khuôn mặt tôi và người bạn đời ẩn núp dưới cái âm áp của những chiếc lá tượng trưng cho hai quốc gia, Việt Nam Canada. Chúng tôi cũng nêu rõ phần nội dung do Lê Bảo Hoàng, phần trình bày bởi Song Vinh. Địa chỉ hộp thư *email* của cả hai đều có. Riêng tôi, địa chỉ, số điện thoại nơi cư ngụ ghi rất rõ ràng.



Viết về Song Vinh, nhưng tôi đã dành hơn bốn trang giấy để kể chuyện về cái “trang nhà” riêng của mình, đương nhiên rất đáng được đề nghị làm kiểm điểm. Nhưng biết làm sao hơn. Thật ra, viết về Song Vinh hay những người bạn, tôi có cơ may dựa vào họ trong cuốn sách này, tôi không nhất thiết phải đưa ra thân thế sự nghiệp của từng người. Tôi cũng hoàn toàn không có ý định đưa vào đây những nhận xét, phê bình công trình sáng tác. của họ. Những trích dẫn có liên quan đến văn học nghệ thuật, chỉ thuần túy là một sự trang điểm cho bài viết âm thêm màu sắc, để không quá tẻ nhạt cho những câu văn kể chuyện vốn thiếu cái duyên. Dĩ nhiên, tôi rất muốn đưa vào đây những suy tưởng, hay nói đúng hơn dựa vào những sự kiện liên quan với từng người mà nêu lên một nhân sinh quan hoặc một vấn đề gì đó, có tính cách văn học một chút, xã hội một chút. Nhưng tôi thật sự không có cái khả năng này. Những bài viết luôn luôn hướng về mục đích chính: đánh bóng cái tôi. Có xem phim Tàu Hồng Kông, Đài Loan, nên tôi chịu ảnh hưởng câu nói quen thuộc: “*Người không vì mình trời tru đất diệt*”. Chính vì thế tôi đã chọn cái tựa cho thật thích hợp: Dưa Hoi Bè bạn. có thể diễn ra văn vần:

“Từ bạn tôi gặp lại tôi / từ tôi bạn thấy nụ cười bạn xưa / thấy từ rêu nắng, vụn mưa / nghìn năm mãi mãi vẫn chưa chịu già / hôm nay sống lại hôm qua / buồn vui còn đủ chánh tà trong tâm / tạm xem như một ổ nằm / nhìn đâu cũng thấy chuyện lòng vòng xưa” (LH)

Khen ngợi cái kỹ thuật điện toán nhà nghề của Song Vinh đâu phải chuyện dễ thực hiện. Khi không am hiểu một công việc ngoài khả năng của mình, mà lên tiếng khen, dễ trở thành nói nhảm. Một

chữ “giỏi” dành cho Song Vinh chắc đã đủ. Song Vinh không chỉ dùng cái giỏi của mình để dựng nên trang Vương Chiêu mà anh còn để vào đấy những chân tình của anh. Anh đã xem trang của tôi như chính trang của anh. Chính chỗ này, sửa chỗ kia một cách tỉ mỉ. Nhờ kỹ thuật trình bày hợp lý, mát mắt, bạn đọc đỡ mất thời gian không cần thiết khi viếng thăm. Tính đến nay, có khá nhiều trang khác sẵn lòng nối trang giới thiệu. Cũng có một ít ý kiến khích lệ. Để kiểm chứng, các bạn có thể mở trang: <http://www.yahoo.com>, điền vào ô Search The Web mấy chữ: luan hoan, hoặc luanhoan, hoặc luân hoán. Xong nhấn vào Yahoo Search.



Gia đình Song Vinh thăm Montréal

Trước khi làm trang nhà cho tôi, Song Vinh đã đảm nhiệm phần kỹ thuật cho nhiều tờ báo trên mạng, trong đó có tuần báo Văn Nghệ Ngân Phương. Với cơ sở này, Song Vinh không phải chỉ lo phần kỹ thuật trong một thời gian, mà anh là một biên tập viên cơ bản. Văn Nghệ Ngân Phương khởi đi từ năm 1996 và dừng chân vào năm 2001. Một số cây bút quen thuộc của Văn Nghệ Ngân Phương: Tường Vi, Trần Thái Vân, Song Vinh, Quan Dương, Phan Xuân Sinh, Hồng Khắc Kim Mai, Hoàng Xuân Sơn, Nhật Nguyễn, Nguyễn Nam An, Cổ Ngư, Hoàng Chính... Song Vinh cũng có thời gian góp tay xây dựng, và cung cấp sáng tác cho nguyệt san Hồn Quê, trên mạng lưới điện toán. Chắc chắn

còn nhiều trang nhà khác có mặt của Song Vinh nhưng tôi không được biết hết.

Điện thoại cho nhau gần như hằng ngày, nhưng mãi đến mùa hè năm 2000, Song Vinh mới đưa vợ (chị Thích) và cậu con trai độc nhất (cháu Vinh) sang thăm chúng tôi. Trong lần đầu tiên đến Montréal này, gia đình Song Vinh từ Apex North Carolina dùng máy bay nội địa đến New York, Portland, Maine rồi từ đây anh thuê xe qua Montréal. Gia đình Song Vinh đến chỗ tôi cư ngụ vào lúc 5 giờ chiều. Nhà chật, nhưng cũng như nhiều lần đón bạn trước, chúng tôi đã có những ngày thật vui vẻ. Cháu “Vinh con” lúc này mới ba tuổi, nhưng nói rất giỏi tiếng Việt. Cháu là một phần bút hiệu của ba cháu, vốn có tên thật Ngô Gia Thành. Không biết cậu bé Thành, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1955 tại Sài Gòn có được thông minh và dạn dĩ như cháu Vinh con sinh trên đất Mỹ năm 1996? Tôi chắc rằng rất giống nhau, khi đọc lại quá trình học vấn của Ngô Gia Thành: Theo học các trường Võ Tấn, Hoài An (Phú Nhuận), Les Laurier (Gia Định), Mạc Đĩnh Chi (Phú Lâm) và Đại học Khoa học (SPCN), cuối cùng là Đại học Kỹ Thuật Minh Đức. Sau 1975 tiếp tục con đường học vấn tại South Western Oklahoma State University, và North Carolina State University. Việc đến nhà trường tạm dừng lại để chính thức bước vào đời với văn bằng Kỹ sư Điện toán và sau đó là Cao học Điện toán. Đại đăng khoa rồi tiểu đăng khoa nhíp nhàng, tự nhiên đến với Ngô Gia Thành. Một cô bạn học cũng thành đạt trên đường học vấn trở thành bà Ngô Gia Thành năm 1986. Tác phẩm chung của họ chính là cậu bé mà tôi gọi “Vinh con”.

Như đã từng nói nhiều lần trước đây, tôi có thói quen hay cù rủ những bạn làm thơ, viết văn in sách. Sau khi đọc thơ Vinh, tôi đề nghị Vinh in thành sách cho vui. Lúc đầu anh tỏ vẻ e ngại, nhưng rồi cũng không tránh được những cảm dỗ, khi nhìn những cuốn sách của bè bạn từ từ ra đời. Anh gửi qua tôi một tập bản thảo để góp ý. Tôi vốn rất thích thơ lục bát của Song Vinh nên càng xúi anh thực hiện sớm. Dĩ nhiên để chúng tỏ sự tích cực hỗ trợ của mình, tôi phải đóng góp đôi lời, gọi là giới thiệu. Ngoài bìa sau thi phẩm Về Dưới Hương Xưa, do đó được in mấy dòng:

“... Thơ Song Vinh hút thở đậm đà hương đất quê nhà, và ngát thơm tình mẹ hiền. Ưu điểm này sinh ra một khuyết điểm:

những bài thơ tình lứa đôi của anh gần như thường phải gắn liền với những hình ảnh chung quanh. Tính chất lãng mạn vì thế có hao hụt đi phần nào. Tôi xin trích một ít đoạn của anh, mời bạn đọc trước. Và tôi tin, bạn sẽ thích thú đọc hết tập Về Dưới Hiên Mưa”

Bốn đoạn thơ, mỗi đoạn 4 câu được trích làm bằng ngay sau những nhận xét có rất nhiều “lấy được” trên. Cũng như tôi, nhiều bạn khác đọc thơ Song Vinh đều cho anh thơ anh có nhiều thành công và rất xứng đáng được phổ biến rộng rãi. Tập Về Dưới Hiên Xưa đã chính thức trước bạ cái tên Song Vinh với làng thơ văn Việt Nam hải ngoại.

Thi phẩm đầu tay của Song Vinh cũng có đầy đủ những bài viết đưa chân. Phạm Ngọc với Vào Thơ, Tường Vi, một nhà thơ nữ với Cảm nhận, và Quan Dương, một người làm thơ đồng thời với Song Vinh, rất thật tình trong lời bạt.. Quan Dương viết:

“... Những lời thơ đi vào lòng người một cách tự nhiên, nhẹ nhàng như những gì sắp xảy ra, đang xảy ra và tất yếu sẽ xảy ra...chính do cách viết, cách xếp ý, cách dẫn ý để đưa vào câu thơ thật tự nhiên có tính cách chọn lọc.

Thông thường, để diễn đạt nỗi cảm xúc của mình sau những ngày xa quê hương trở về thăm lại ngôi nhà xưa yêu dấu mà năm tháng lưu lạc đất người những no đầy vật chất không thể làm phai tiếm thức, người ta thường dùng hình ảnh mái nhà tranh, giàn mướp vv..., Song Vinh lại làm khác, anh chàng dùng hình ảnh con đé, những con bọ rầy để diễn tả ký ức tuổi thơ mà tiếng “chọt” dùng ở đầu câu 6 như một khơi lại ngọn ngành và chữ “ngó” đầu câu tám tiếp theo để diễn đạt cái động tác phản xạ “chọt” kia. Song Vinh không dùng nước mắt nhưng tôi lại thấy được giọt nước mắt của tác giả ngậm ngùi lẫn trong bốn câu thơ xem như bình dị mà chẳng bình dị chút nào:

*Chọt nghe tiếng đé thân thương / Ngó ra đùng đám mù sương
mịt mù / Đàn bù rầy vẫn hình như / Thay nhau công những giọng
ru mẹ già” (SV- Nhà Xưa)*

Nhà thơ Quan Dương còn đưa ra nhiều nhận xét thú vị khác, nhưng tôi muốn dành cho những ngón tay của tôi, gõ một số câu thơ đẹp của Song Vinh, để gửi đến quý bạn:

“Anh đi thơ thẩn bên thềm / nhìn cây vú sữa đếm thềm một hai / một là, ở lại đây hoài / hai là, đi miết cho dài nhớ nhung...”

“Hôm đi, gió nổi cơn say / hôm về, gió ở trong tay ta cầm / tặng em đây một nhành bông...”

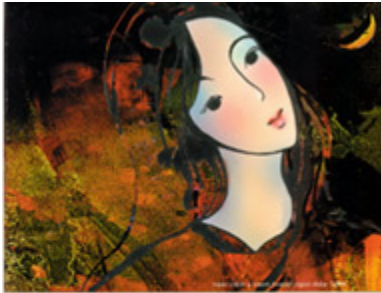
“...em đi yếu điệu vô cùng / hai bàn chân khỏa cả vùng gió bay / em đi, tà áo, gót giày / trở thơm trăm ngọn hoa tay rắc vàng...”

“...ta làm thơ từ đó / em yêu thơ từng ngày .../ trong hồn từng mẫu tự / có hương nhau bay đầy...”

“...ở đây có những người vô tư quá / sống đứng đưng mà chết cũng vô tình / ăn và làm, làm và ăn lẫn quẩn/ chơi mãi trò cút bắt linh tinh...”

“...thu giăng mây phố nhỏ / tay nắm tay về chung / lặng yên nghe nhau thở / trên đường tình vô cùng..”

“...tóc em bay mấy mùa sầu gom lại / mắt em buồn lo ngại mẩu tin xa / hôm nay mưa thành phố lạnh hơn nhiều / nghe heo hút đếm từng chiều về muộn...”



Tập Về Dưới Hiên Mưa dày 138 trang, được trình bày bởi họa sĩ Huỳnh Ngọc Diệp do Văn Tuyển in năm 2000. Như đã có trước, Song Vinh làm thơ nhiều hơn, đều tay hơn và năm 2003 trên tủ sách thơ của người Việt hải ngoại có thêm thi phẩm Hương Mưa

của anh.

Tập Hương Mưa, vẫn có tôi vẽ vờ đôi lời bên cạnh những nhận xét của nhà thơ Nguyễn Đông Giang, cây bút nữ Thảo Nguyên và một ông rất thích màu tím, Thái Thụy Vi. Bìa do Hoàng Vi Kha vẽ và trình bày. Những bản nhạc phổ thơ của Phan Ni Tấn, Mai Đức Vinh tặng thêm phần ám áp cho tập thơ.



Lê Hán, Song Thao, vợ chồng Song Vinh, Luân Hoán (nhà LHàn)

Nhà thơ Nguyễn Đông Giang viết về Hương Mưa của Song Vinh:

“... Song Vinh qua thi phẩm “Hương Mưa” gồm trên 100 bài thơ là một tích cực vô số của anh được tích lũy, chắt chiu bởi một chủ tâm hướng về phục vụ văn học nghệ thuật. Mỗi sáng tác – là mỗi vẽ – linh động, hàm chứa, tỏa ra những cánh tình, xúc cảm, gói ghém những mảnh đời lưu vong qua nhiều góc cạnh của đời sống tha nhân. Thơ anh không cầu kỳ, hầu hết anh gieo lục bát nhẹ nhàng, tiết điệu tự nhiên như nói chuyện nhưng không thiếu cá biệt.

Tình người, tình quê trong thơ anh không than vãn, uẩn khúc, bi thương mà chan chứa, nồng nàn, trong sáng...”

Nữ sĩ Thảo Nguyên, bút hiệu khác của Quỳnh My, với những dòng chân tình cho người bạn thơ:

“... Tập Hương Mưa là những giòng thơ lục bát hiền hoà đầy tình thân. Như món quà gói gọn trong giới hạn ngôn ngữ thi ca...”

Có lẽ tất cả mọi người biết Song Vinh, đều trở nên quen thuộc với chữ “phố chật” mà anh thường dùng trong ngày, trong thơ, trong trang nhật ký của anh. Tôi không hỏi vì sao là phố chật, mà cứ tự nhiên liên tưởng đến một nơi “đi dăm phút đã về chốn cũ”. Ở đó, cánh chim giang hồ đã mỏi, đã dừng, đã chấp nhận làm nơi ở lại, như trong câu thơ ở Hương Mưa. Phố chật nhưng lòng anh mở rộng, với đất với trời, với hoa với cỏ, với nắng với mưa. Cuộc sống qua neo đi về bên này mà lòng vương vấn bên kia. Thời gian đưa làm nỗi nhớ niềm thương trở nên đậm thắm, nhẹ nhàng hơn. Vẫn còn đêm trăng trở bên ngày gọi thầm quanh hình bóng người thân đã khuất, và khuôn mặt nào ngày đó thật gần. .. nhưng thơ Song Vinh bây giờ, nhớ chỉ để mà nhớ, thương chỉ để mà thương...”

Năm 2004, gia đình Song Vinh qua tham dự buổi ra mắt sách của tôi và nhà văn Song Thao tại Mississauga Canada. Thời gian gặp nhau không nhiều, nhưng anh em chúng tôi rất vui vẻ. Song Vinh vẫn cao lớn hồng hào. Vui vẻ, dễ tính, chịu khó giúp đỡ về kỹ thuật điện toán cho nhiều người là thói quen của Song Vinh. Dĩ nhiên tôi không thể biết hết những đức tính tốt, cũng như ít nhiều khuyết điểm bình thường của một người bạn. Nhờ tuổi đời và già ngày tháng trong cuộc chơi, tôi đã đứng ở vai người anh trong việc giao thiệp. Dù gọi trống: Song Vinh hoặc gọi em, tôi luôn luôn tự xưng là anh trong mọi cuộc gặp gỡ, cứ tự nhiên như *You and Me* của người bản xứ vùng Bắc Mỹ, cũng hay.

Song Vinh và gia đình sống tại thành phố Apex, một thành phố hình như không lớn lắm và cũng không có nhiều người Việt định cư. Ngày ngày đi về trên những con đường quen thuộc, có lẽ đã làm cho anh không được nhiều thoải mái. Anh dành nhiều thời giờ cho không gian điện toán. Trang nhà cũ được đóng cửa để mở ra SongVinh Journal. Khu vực chơi mới này của anh, gồm thơ, đoán văn và nhiều đề mục khác mà anh đặt tên:

Ở Đây: với các tiểu mục nhạc, thơ, ẩm thực, hằng ngày, nơi chốn, mời xem, linh tinh, đã xuất bản.

Ở Kho: với bảng lịch tháng để có thể chọn từng ngày vào đọc.

Ở Đó: với phần nói trang bạn (hiện có chừng 16 địa chỉ được Song Vinh giới thiệu).

Ở Bên Kia: cũng là phần nói một số trang tại quốc nội.

Ở Nơi Nhân Gian Không Thể Hiểu: cũng là một phần nói ba bốn trang đặc biệt, trong đó có Talawas (Ta Là Ai?)

Trong khu đất mới này, Song Vinh gần như không trang hoàng hình ảnh nào cả, ngoài cái *logo*, một bông hoa nhỏ, ở đầu trang, mặt tiền. Sự đơn giản được áp dụng đến tối đa

Về sáng tác, Song Vinh vẫn sử dụng đủ mọi thể loại cho thơ mới của mình bên cạnh những bài viết rất có phong thái “tân hình thức”, ít ra là trong cách ngắt câu, xuống dòng. Một đặc điểm tôi thường gặp, cũng như cô Thảo Nguyên đã phát hiện: anh rất thú vị khi dùng hình ảnh “phố chật” trong nhiều bài viết. Không gian nơi



anh cư ngụ có ảnh hưởng đến suy nghĩ, tình cảm của anh chăng ? Tôi lược ra một ít ví dụ:

“ chiều lên **thành phố chật** / tay nghe nỗi buồn vừa / có thêm trong làn mắt / từng nỗi Tết đông đưa ... ” (bài Sốt Lại)

“Mưa / nghiêng giọt ngắn / giọt dài / bão quen **phố chật** / đón / ngày không tên / hỏi / người người đã / ngủ yên / góc phong rề nhớ / vào / miền thiên thu ... ” (bài Mưa)

“...chiều cuối năm thả mình vào **phố chật** / trời tha hương mây lạnh vắt đầy trời / giọt nắng nhỏ chao lòng đời phiêu bạt/ trái chín mùi tiếc mãi tuổi xanh trôi... ” (bài Xin Đề Ngán Sau)

“Chiều lên nhòa **phố chật**, ta chạy hoài giữa xa lộ thân quen, Thánh Thư ơi hoàng hôn đỏ góc trời, ta vẫn thấy tối đen ngày sắp

đến...” (bài Biết Đã Bao Làn)

“...mưa tháng chín dẫu chân em ở lại / chim đã về **phố chật**
buổi sớm mai / anh dãi chúng hạt thóc vàng quê ngoại / cánh chim
già chao lệch những đường bay...” (bài Ru Lại Tình Voi)

“...Tháng Mười, **phố chật** trở mình trong heo may với vài
khoảnh đất sót lại được người ta bày bán đầy những trái bí đỏ.
Buổi chiều trước ngày lễ Halloween trên lối về nhìn những trái bí
đủ cỡ cạnh vài người lớn vây quanh là trẻ nhỏ tự dưng chột nghĩ
không biết họ sẽ làm gì khi qua ngày sau với những trái bí, quá
nhiều của hôm nay, nằm chờ bên lư thưa người lư. Bí ở đây
không phải để ăn mà để chơi vài giờ dẫu rằng nằm đó đủ vài ngày
rồi vào thùng rác” (bài Ngày Cuối)

“...Nóng của **phố chật** vẫn còn dẫu che ngang bằng những
con mưa đến rồi đi vội. Mùa hè đỏ lửa .. Không có hoa phượng
để nhìn, không còn chia ly của hè để biên lưu bút, không có mây
để tìm lũ mây xây thành, không còn ai gần mà níu áo. Mùa hè đùa
dai cứ chơi cái trò đi trốn đi tìm bên giòng thời gian bơ phờ kéo
tay lưng khùng qua chặm...” (Bài tháng Mười).

Ngoài cái thú dùng chữ trên, Song Vinh đã viết như thế nào
sau Về Dưới Hiên Xưa và Hiên Mưa ? Mời đọc :

Bài 1 : Thêm Tháng Tư

“chiều nay có người nhìn mây; phố chật / mây lênh đênh.
Cuộc sống, buộc ràng / mây xôn xao. Mây tụ đám, dày / cụm mây
nhỏ tách riêng tìm quên lãng

cũng nổi xót dật dờ khoe mắt / anh hùng này sao lệ tựa nữ
nhi / hay mắt đi quý báu một đời / nam hay nữ cũng tựa nhau; khi
khóc

giọt nước mắt đọng, dài đời tị nạn / bao năm đi gỡ lại được
chút gì / hay chỉ thoáng lạc, đường trước mặt / nhiều ngã tư đèn;
đỏ thật lâu

con đường rộng quanh co về; lối chật / tháng tư này, nhớ mãi
tháng tư. Kia / bao dân đi về những nước mạnh giàu / mà chúng
tộc tự chia, năm xẻ bảy / lũ vô thần ngoác miệng: Vỡ tay, reo

trong đổ nát xin ngồi/ Chấp nhận / nén hương lòng cầu nguyện
kẻ không may / ngọn nến tắt bên góc phòng khép cửa / tưởng nhớ
người biến cả vùi thân

ngày mai tới cầu: Dân giàu. Nước mạnh / chính thể nào rồi
cũng đổ sụp thôi / mong cho mau ngày nước Việt oai hùng / dù tuổi
hạc cũng góp phần mún mẫn

chiều nay có người nhìn; mây phớt nhạt / tháng tư buồn chỉ
được một bài thơ / nghe nôn nao. Lòng tủi với đất, trời / chiêm
lửa; đốt. Gởi thơ vào tro, bụi / chiều nay có người; nhìn mây phớt
chật”

Bài 2: Quanh Giác Ngũ Vừa

“về đây ngày bỗng chật / mưa ướt khoảnh phớt chiều / em trên
bàn tay mát / chờ ấm nổi nâng niu

về đây người đã khác / không lạnh vẫn co ro / bước chân quen
thối lạt / đi mãi vẫn quanh co /

về đây đời trôi nổi / góp đầy tuổi luân hru / mưa hoen giòng lệ
mới / thềm mãi một chốn ngôi /

về đây ngôi mộ cũ / mùi nhang nến đều hiu / tiếng kinh đêm
vừa đủ / chùng lòng khách cô liêu

về đây ngày mất nghĩa / đêm tha thiết nỗi rời / cuối đời tro bụi
lấp / rong rêu mảnh tình trôi

về đây thêm kỷ niệm / rộng rãi nỗi muôn trùng / chợt thương
đời cửa khép / cây nghiêng lá bao dung /

về đây bình yên trái / rộng rãi cuộc tình mê / thân quen lần
ngoảnh lại / cho ấm tháng ngày theo” .

Tôi là người đã ăn ở lâu năm với văn điệu. Không bảo thủ, nhưng nghĩ rằng nếu nhạc cần có các nốt, các dấu thăng, giáng... thì thơ, muốn khác với văn cũng nên có một chút gì êm đềm gọi là. Đã có thơ tân hình thức, chắc chắn trong tương lai phải có “thơ tân-tân hình thức” hoặc siêu hình thức vân vân. Đây là sự tiến hóa tự nhiên. Nhưng loại thơ siêu đẳng này hiện nay, những tác giả thành công khá ít. Thơ Song Vinh hiện nay có lẽ chưa đủ chân đứng với tân hình thức. Bởi thơ anh còn dễ bị người đọc nắm bắt được những tâm tư, tình cảm của anh. Có lẽ nhờ cái ưu điểm dễ dàng đi vào tâm thức người đọc, nên thơ Song Vinh đã được một số nhạc sĩ vịn vào, để gieo những đường âm thanh. Và trong thời gian qua, anh và những người bạn viết nhạc Mai Đức Vinh, Phạm Anh Dũng, phát hành được CD Thom Ngát Đời Sau. Thị trường âm nhạc Việt tại hải ngoại, bề ngoài có vẻ không có nhiều

cuộc cạnh tranh, tuy nhiên với những nhạc sĩ trẻ, chuyện nhờ ca sĩ nổi tiếng giới thiệu tác phẩm đến giới thưởng ngoạn là một chuyện rất “tốn tiền” ít ai dám thực hiện. Theo nhận xét của tôi, tại hải ngoại không thiếu những nhạc sĩ mới có tài, và cũng không ít những ca khúc có đủ giá trị nghệ thuật.

Ngoài hai thi phẩm đã in riêng, Song Vinh còn có mặt trong một số tác phẩm, cũng như tuyển tập, có thể kể: Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Hải Ngoại (thực hiện tại Pháp), Tuyển tập Văn Học Thời Nay (2004), Gom Những Dòng Trăng, Một Thoáng Kỷ Niệm, Ngàn Phương Thơ Tuyển, Cùm Hoa Tình Yêu (tập 5 và tập 6)...

Xoay qua quay lại, tính ra đã 15 năm quen biết nhau, một đoạn thời gian, cụ Tiên Điền Nguyễn Du dành cho sự trôi nổi thành thơ của người đẹp Thúy Kiều. Chúng tôi có với nhau không ít kỷ niệm, hoàn toàn vui, nhiều khi rất lắm cảm, ngắn gọn:

- *“Không hiểu sao trong bài đánh máy của anh cuối những chữ i ngắn, khi đánh cách khoảng thành chữ I hoa ?”*

- *“ Anh vào Microsoft Word/ click Tool/ click Auto correct / vào Replace text as you.../ clear check box (bỏ dấu v) / click Ok. Xong”*

- *“ Muốn chuyển bài từ trang web xuống trang đánh máy làm sao ?”*

- *“ 1. Copy cho vào Microsoft Word/. Click: Table > Convert > Table To text.*

2.Check : Paragram marks / check Convert nested table

3 - click: Ok . Xong”

- *“ Ngày 7 tháng 5 này, anh, Song Thao, Từ Công Phụng và Hoàng Xuân Sơn có buổi sinh hoạt, trình sách tại Toronto, em qua chơi được không ? Cảnh Phan Xuân Sinh Boston có hứa với Song Thao sẽ qua”*

“ ...Thích và Vinh con ok cả chứ. Đọc chơi bài mới viết”

Đại khái mỗi tuần đều có chuyện để email tương tự như thế. Dĩ nhiên đường giây điện thoại cũng được trưng dụng khi có trục trặc kỹ thuật nghiêm trọng hơn, cần Vinh hướng dẫn cụ thể. Tôi xài hệ thống cable của Videotron, nên việc điện đàm không có trở ngại khi đang ở trên mạng (chuyện này lúc này đã rất thông dụng

cho nhiều người).

“*Nghề chơi quả lăm công phu*” Nhưng cái công phu nhất có lẽ là việc tìm cho được một người đồng điệu, chịu khó và sẵn sàng đỡ một tay khi mình cần. Chúng tôi đã tương kính và đến với nhau như vậy. Nịnh cái vất vả của Vinh, tôi viết:

“*Điện thư qua lại ngày ngày / trang nhà tôi vật bạn quay
mòng mòng / chịu chơi, chơi chịu song song / dạo quanh thế giới
tặng không nụ tình*”

Và vì trong thơ Vinh tình thương của anh dành cho người mẹ rất lớn, dựa vào đó, tôi viết tiếp:

“*Vẫn Về Dưới Hiên Mưa / ngày qua ngày nhớ mẹ / thao thức
giọng nôi đưa / tiếng đời đang thổ thê / tâm đã chỉ là hoa / thức xin
là giọt nắng / hồn thom đất tổ xa / lãng du cùng tình lặng*”

Tuy không phải là xướng họa, thù tạc, nhưng Song Vinh cũng góp mặt cùng đám họa sĩ, anh phác họa chân dung tôi bằng mấy câu lục bát tài tình:

“*quờ tay / nắm mở chữ rời / quẳng vào trang giấy / tiếng cười
bay xa / dòng thơ / ngơ ngẩn cỏ hoa / chiều mưa / hoán đổi ngày
già luân lưu*” (Song Vinh)

Trong tập Luân Hoán-Một Đồi Thơ, Song Vinh bỏ nhiều công gom những đoạn thơ tôi viết tặng nhiều người để bày ra cái “Chỗ Ngồi Của Bằng Hữu” rất thú vị. Trang web Vương Chiêu của tôi được nhiều người vào thăm, có người không quên gọi cho một lời cảm ơn. Tôi xin được thân mến san sẻ những chân tình đến Song Vinh, người bạn trẻ được gặp tại hải ngoại. Dĩ nhiên tôi cũng không quên đa tạ tình cảm của Khải Minh, Trần Trung Đạo, Phan Xuân Sinh, Thu Thuyền, Trần Thái Vân... nói chung là nhóm bạn văn thơ Cây Me. Tình thân.



Hồ Đình Nghiêm, gã nhĩ sĩ nội thành

Bóng đá là tên cúng cơm của túc cầu, một môn thể thao được ưa chuộng vào bậc nhất trên thế giới. Tuy vậy tỉ lệ ghiền môn thể thao vua này có sự chênh lệch khá rõ giữa hai giới tính nam, nữ. Một môn thể thao khác, có sức thu hút lớn hơn và mức độ ghiền gần như đồng đều, có tên gọi lấy từ hình ảnh và mượn một chữ của môn bóng đá, tương tự như đá cá, đá dế, đá gà... Tôi, đương nhiên là người ghiền cả hai môn chơi này. Cùng dân sành điệu như tôi, chỉ kể tại Montréal, tôi có một tri kỷ rất tuyệt vời.



Bảy giờ sáng chủ nhật, ngày 10 tháng 6 năm 2006, tôi lái xe qua 15 cây số để đón anh về nhà, xem các trận đấu giữa ba cặp Serbie vs Pays-Bas, Mexique vs Iran, Angola vs Portugal. của giải *Coupe du monde de soccer* kỳ thứ 18, năm 2006, đang bước qua ngày thi đấu thứ hai tại nước Đức. Xem bóng đá mà thiếu đám đông hoặc bè bạn để đầu hót, bàn ra tán vào thì mất hết 60% hứng thú. Chính vì vậy mà anh bạn trẻ của tôi mới chịu khó đến thăm nhà mới của tôi, sau 4 năm, tôi bỏ con đường Barclay đầy cây xanh bóng mát của anh, ra đi.

Anh bạn của tôi giàu thân tình nhưng khá lười biếng trong giao du. Cả năm, ai cần đến anh thì chịu khó điện thoại, không thì nhà ai nấy ở, tuyệt đối anh chẳng bao giờ gọi thăm ai. Nhưng nếu lỡ gặp nhau ngoài đường lại là chuyện khác, có thể kéo nhau vào cà phê, quán phở hàng giờ không chùng.

Với dáng người thanh mảnh, cao non non một thước bảy, khuôn mặt có đôi mắt rất chịu cười, đôi môi thơm mùi du Maurier, mũi kín và thẳng, tổng thể đứng dưới Alein Delon nhưng rất điển trai. Anh là ai, độc đáo lắm vậy ? Tôi xin công bố mẫu lý lịch trích ngang để bạn đọc đỡ thắc mắc.

Anh là nhà văn Hồ Đình Nghiêm, một trong những cây bút sắc sảo của Việt Nam, sau 1975 tại hải ngoại.

Cách đây gần tròn nửa thế kỷ, vào năm 1957, Hồ Đình Ng-

hiêm đã chọn ngày 20 tháng 10 để ra đời trong một gia đình đông anh em, tại thành phố Huế. Lên năm, lên sáu, Nghiêm đến trường với đầy đủ nắp ken, bi ve, kẹo ú...trong cặp. Mực tím, ngòi bút-lá-tre cùng những trang giấy kẻ dòng theo Nghiêm bước vào cổng trường trung học. Ngoan ngoãn, chăm chỉ nên chẳng bao giờ có cơ hội nhắc cho ai đó:

*“...em có nhớ mấy lần tôi lên bảng / đứng chào cờ vì mãi miết
ngồi mơ / ngồi bàn đầu, em che tay khẽ nhắc / thẹn mặt anh hùng,
tự ái làm ngờ...”* (LH - ĐNVĐĐ).

Thiếu sót không mấy đáng tiếc này, sớm giúp Nghiêm trở thành sinh viên Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế. Hội họa luôn luôn là một thế giới kỳ ảo, thăm thẳm những lời cù rú. Đến với hội họa là đi trên con đường thanh sắc giàu suy tưởng và sáng tạo. Điềm đến khá rõ ràng, nhưng thành danh còn tùy cái duyên cùng cảm hứng. Hồ Đình Nghiêm đến đích với văn bằng tốt nghiệp năm 1978. Nhưng anh không thành, chưa thành họa sĩ. Hình như nổi si mê hội họa, đã bị anh trích ra một phần để tặng cho nhan sắc mỹ nhân. Phần trích này lại hơi rộng tay, nên liền sau đại đẳng khoa là tiểu đẳng khoa. Cô con gái rượu của ông chủ rạp cinema Châu Tinh ở đường Trần Hưng Đạo Huế, đã khớp được yên cương con tuấn mã. Bên ngoài nhìn vào, lắm người bảo gã họ Hồ đã sa vào hũ nếp. Mà đúng vậy, nếu hiểu hũ nếp ở đây là sắc hương và tình yêu của một cô bé vừa bẻ gãy sừng trâu, Châu Ngọc Bích. Gần ba mươi năm sau, Châu Ngọc Bích nhắc lại mối tình đầu với kết quả tốt đẹp của mình:

“... Đạo đó tôi ở ngay phố, mà có một người hình như thích đi phố lắm. Nắng mưa bão lụt gì cũng tạt ngang phố. Thấy mãi đêm...thắc mắc, và rồi biết được là dân học Mỹ Thuật. Có một hôm mưa lụt lớn, ông ấy gặp tôi nói là nhà bị ngập, mắt mắt nhiều thứ, may còn giữ được cái truyện ngắn viết đã lâu gửi tôi để đọc ‘cho vui’. Từ đó, lâu lâu tôi lại được đọc ‘cho vui’; và đôi khi nhận thêm một vài bức tranh để ngắm ... cho khỏi buồn. Đó là một trong yếu tố đã khiến tôi đến với nhà tôi”

(Sóng Văn số 5 tháng 11-1996)

Còn Hồ Đình Nghiêm, anh viết lại những kỷ niệm ngày anh chính thức được làm một người trưởng thành:

“... Tôi lập gia đình. Đó là năm tôi tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật. Căn nhà số 14 Đinh Công Tráng, nơi anh chị tôi thuê, cũng là chốn dùng làm địa điểm sum vầy cho một buổi tiệc nhỏ, hạn chế người dự.

Gia chủ, họa sĩ Đinh Cường dựng một khung bố trắng lên giá vẽ. Những ống màu nặn ra trên palette. Mọi thứ được chuẩn bị. Và chờ đợi. Cũng giống như chị tôi, từ sau bếp đã một mình hoàn tất những món ăn, củi lửa thôi xông khói.

Một tiệc cưới hơi khác thường ? Không, nó chỉ được xem như lời từ giã đã chẳng thể nói ra. Chúng tôi sẽ lên đường sau đó. Con đường có sóng cao, có biển rộng. Và tất cả những bất trắc chờ đón.

Khách lần lượt đến, những người mà anh chị tôi xem như thân thích trong suốt thời gian thăng trầm của Huế nhiều biến động. Bửu Ý, Định Giang, Tôn Thất Văn, Bửu Chỉ, Trịnh Công Sơn và sau rốt, Dương Đình Sang, một họa sĩ trẻ. Tất cả ngồi quanh chiếc bàn gỗ. Vai sát vai, rượu rót ra ly và mọi người chúc tôi những lời tốt lành về một ngã rẽ giữa cuộc đời mà tôi vừa tìm thấy. Theo yêu cầu của Đinh Cường, tất cả những ai có mặt hãy thay phiên lên vẽ bất kỳ thứ gì vào tấm bố trắng. Nó sẽ là món quà mọn nhằm trao gửi cho đôi vợ chồng rứt rề ngồi kia. Và nét cọ khởi đầu của Đinh Cường là hàng chữ “Mùa hạ Nghiêm xuôi dòng Ngọc Bích”. Một vạt màu xanh vắt ngang, tựa đường chân trời rộng mở. Trịnh Công Sơn ghi chú tiếp: “Hạnh phúc là điều không ai có thể hiểu được, nhưng Nghiêm+Bích phải hiểu...”

Một tiệc cưới thật tuyệt vời. Có lẽ chỉ được diễn ra trong gia đình Hồ Đình Nghiêm, một gia đình giống như một phòng sinh hoạt nghệ thuật, văn học thu gọn. Bà chị Tuyết Nhung đã làm chủ ngọn cọ tài hoa Đinh Cường, một bà chị khác, Ngọc Trang, quản lý tác phẩm của nhà văn Dương Nghiêm Mậu. Bên cạnh đó một ông anh Hồ Đình Nam, không kém phần sắc cạnh trong chữ nghĩa và suy luận.

Hồ Đình Nghiêm ra đời, vào đời đề huề, ngon trớn như vậy. Thật hên cho anh chưa kịp có một đêm ngủ đò. Ấy là do tôi suy đoán sai lầm như thế. Chứ biết đâu đấy. Hơn nữa ngủ đò ở Huế đâu phải là một rủi ro. Với kinh nghiệm bản thân, tôi, một người già hơn Nghiêm đến những 16 năm, chưa dám chắc là đã hưởng

được cái ‘rủi ro hạnh phúc’ của đất thần kinh dành cho, dù cũng có đôi lần:

*“trăng đầy ấp một khoang ghe / ta nằm duỗi căng lắng nghe
sông cười / bao la thay một cái lười / bao nhiêu hạnh phúc con
người là đây / lừng lơ hồn nổi theo mây / bênh bồng thân dạt gió
lay mạn đò / em thò đầu ngó, buồn xo / mùi chanh tóc rối nửa lo
nửa mừng / lòng ta bất chợt lừng khừng / sông trắng lai láng, thôi
đừng nghe em”.* (LH-CỒĐĐT,LTHBVVBH)

Chuyện ngủ đò ở Huế, nhìn với tấm lòng cởi mở, đây là một thú tiêu khiển khá tao nhã, đã từng vang tiếng một thời. Những lần ngủ đò bất đắc dĩ của tôi, hầu hết chạy tịnh, thanh khiết. Nhưng để ra cái vẻ ta đây, tôi đã từng ba hoa:

*“...Thút tha thút thít mưa hoài / lác leo đèn ủa sông dài bóng
tôi/ buông màn nghe cái tôi trôi / cùng vuông chiếu ó cùng hơi em
nông ...”*

*“... chồng chênh theo nhịp thân trao / cảm ơn em đã theo vào
cảnh tiên / thềm hôn đôi mắt nhắm nghiền / làn môi nóng bỏng có
phiền em chẳng ?/ thềm ve vuốt mỗi nếp nhăn / của đời nghiệt ngã
đã hằn lên em / thềm nhiều, nhiều lắm...bỗng quên / khi nằm giữa
nước lênh đênh giữa trời / khi thân thể chợt rã rời / như đang tan
giữa tuyết vời cõi em...”* (LH- CỒĐĐT...)

Góm. Như thật. Giai đoạn tôi có mặt tại Huế không rõ Hồ Đình Nghiêm phiêu lãng nơi đâu ? Cho dù anh vẫn ở cùng ‘vàng trắng nội thành’, chúng tôi vẫn chưa có dịp gặp nhau. Anh không biết đấm đá, ba gai để có cơ hội đụng độ. Tôi từng đóng vai “*học trò xứ Quảng ra thi*” nên cũng chẳng thể đi tìm một anh đực rựa vốn còn vô danh. Và dẫu không tìm anh, tôi vẫn là người luôn luôn vô duyên trên đường đi tìm một bóng hồng phương xa. Nứt mắt ra, tôi đã bị mấy cô em xứ-mưa-mau-thắm-đất giữ chặt mắt cái phong lưu còm cõi. Đánh phá vòng cương tỏa, tích cực lắm cũng chỉ đôi lần lên tiếng ‘Chờ Một Người Yêu Xứ Bắc’, hay làm thơ năn nỉ “Xin Huế Một Người Tình”. Với những tha thiết: “*đã từ lâu ta chờ ta đợi / một người yêu xứ Huế đến cùng ta / đến cùng già bồng bênh trăm ngọn tóc / như rừng xanh chiếu thổi gió qua.../ em xứ Huế, hơi người em xứ Huế / hãy yêu ta như yêu trái nhãn lồng / hãy yêu ta như yêu từng viên ngói / trên nóc nội thành vàng*

bóng hoàng hôn...” hoặc : “...em xír bắc, hời các em xír bắc / ta mong chờ, ta ao ước được yêu / như được uống nước xanh Hoàn Kiếm / như được ‘nhai em nuốt vào tim’/như được đến quê hương Nguyễn Khuyến / như được thăm mồ mã Nguyễn Du / như được thở nồng nàn hương rượu / của Tản Đà ngát ngưỡng phiêu du...” cũng đều vô nghĩa. “Sự nghiệp” thu thập nhân tình của tôi hoàn toàn phá sản, không theo kịp truyền thống gia đình. Tôi giữ được cái đạo một vợ một chồng. Có bay bướm nhưng chẳng được đào hoa. Hồ Đình Nghiệm, hình như trái ngược. Anh đào hoa nhưng hơi thiếu bay bướm.

Năm 1980, vợ chồng Nghiệm và hai công tử được gia đình nhà ngoại tài trợ, vượt biên song suốt đến Hồng Kông. Trong chuyến đi này, hình như có ông Lý Nghiệu, chủ cơ sở mè xự̀ng Song Hỷ tại Đà Nẵng, bạn hàng xóm với tôi, cùng đi. Ông nhà giàu này đương nhiên bị lục soát rất kỹ để tìm của, nhưng cuối cùng chỉ tìm được một toa thuốc, bọc trong nhiều lớp bao nylon, lặn kín trong người. Toa thuốc Minh Mạng với chữ nhỏ, chữ Hán ngoằn ngoèo như một bản đồ kho tàng. Rất may có ghi chú ít nhiều tiếng Việt nên ông bạn láng giềng cũ của tôi thoát qua được mọi nghi vấn chính trị. Gia tài của người giàu hóa ra không hẳn là tiền bạc, ngọc vàng. Nghe Hồ Đình Nghiệm kể lại, tôi khoái vô cùng, nhớ ngay ra cô vợ rất trẻ đẹp của ông bạn chịu chơi.

Hồ Đình Nghiệm rời Hồng Kông qua định cư tại thành phố Québec, Canada. Đồng hương và cũng là bè bạn thân tình của Nghiệm, nhà thơ Phạm Nhuận cũng đang cư trú tại đây. Có cả ông Lý Nghiệu Mè Xự̀ng nữa, nên Nghiệm đỡ cô đơn. Thành phố Québec tập trung khá nhiều công chức. Vốn liếng nghiệp vụ văn phòng không mấy thích hợp với những người lưu lạc, bắt buộc phải dành sức lao động chân tay để ổn định cuộc sống. Cũng như Phạm Nhuận, gia đình Hồ Đình Nghiệm tìm đến một thành phố rộng lớn, công nghệ phát triển hơn: Montréal. Chúng tôi gặp gỡ, thân nhau từ thành phố danh tiếng này.

Trong nguyệt san Hồn Quê, trên mạng lưới điện toán, cây bút nữ Quỳnh My, cư ngụ tại Houston Hoa Kỳ, đã gởi đến nhà văn Hồ Đình Nghiệm câu hỏi thứ nhất trong bài phỏng vấn của bà:

“...Được biết ông tốt nghiệp cao đẳng mỹ thuật nhưng thành danh là một nhà văn, ông có thể cho biết diễn tiến đoạn đường từ

chọn nghiệp đến lập nghiệp của ông ?”

Hồ Đình Nghiêm trả lời:

“ Chuyện như thế này: Tôi tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ Thuật Huế năm 1978. Bỏ nhiệm sở vì không thích làm cán bộ Thông tin Văn hoá. Lấy vợ, sinh con và gia đình vợ cho tiền bằng bé nhau vượt biên năm 1980. Qua Hồng-Kông, chạm mặt đời sống mới, giấy bút khi ấy giúp tôi làm nhẹ nỗi buồn. Hoàn cảnh đó, hội họa không thiết thực bằng văn chương. Trong trại tị nạn, cách giết thời giờ hữu hiệu nhất là đùa cợt với chữ nghĩa. Cứ thế mà mình “lạm” hồi nào không hay. Nghĩ cho cùng, tôi không chọn nghiệp mà cũng chẳng lập nghiệp. Vui thì đùa mà buồn thì bay”

Cứ thế, người hỏi kẻ trả lời, coi bộ rất tương đắc dù hoàn toàn chưa thấy mặt nhau. Tôi thì đã biết cả hai. Một người với khuôn mặt thật, thường gặp. Một người với gương mặt qua màn hình internet, vì là em gái nuôi của tôi mà. Cuộc đối thoại giữa My và Nghiêm lý thú ở chỗ cho chúng ta biết được nhiều điểm về một nhà văn đang sung sức. Cụ thể:

Hồ Đình Nghiêm bắt đầu viết văn từ trại tị nạn. Truyện ngắn đầu tiên của anh được hai vợ chồng nhà văn Thanh Nam, Túy Hồng chọn đăng trên báo Đất Mới, một cơ sở của chính họ đặt tại thành phố Seattle Hoa Kỳ. Nghiêm còn cho biết, truyện này anh viết “*về những giấc mơ không thành, những huyền mộng, những niềm đau nhỏ bé giữa cuộc đời rộng lớn này*”.

Nội dung toàn bộ tác phẩm của Hồ Đình Nghiêm đã trình làng, không phải chỉ thu gọn trong nội dung một truyện ngắn anh vừa nói. Càng viết, những sáng tác của Nghiêm càng mở ra nhiều chủ đề, với kỹ thuật mỗi truyện mỗi tiến bộ. Nhưng ở đây, tôi chưa đề cập đến vấn đề này, chỉ theo những thắc mắc của Quỳnh My, để hiểu thêm diễn tiến thành danh của một người bạn.

Sau khi viết được đã khá nhiều. Các tạp chí có chân đứng vững vàng trên nền văn học như Văn, Làng Văn, Phụ Nữ Diễn Đàn, Lửa Việt, Độc Lập, Tân Văn... đều hỗ trợ đăng bài, Hồ Đình Nghiêm khá bạo dạn, bén tiếng với nhà xuất bản uy tín Văn Nghệ để tiến hành việc in tác phẩm. Ông Từ Mẫn, lúc bấy giờ còn là thầy, điều hành nhà xuất bản này, có lẽ đã xài chữ “ok”, nên Nguyệt Thực, tập truyện ngắn đầu tay của Nghiêm ra đời.

Nguyệt Thực với 170 trang cho 12 truyện: Hoa Dại Đường Sương, Chuyện Cũ Và Niềm Đau Mới, Cảnh Đời, Đi Thực Tế, Ước Mơ Ướt Mưa, Nguyệt Thực, Bên Nước Hàng Hoa, Hơi Rượu Cay, Ảo Mộng, Biên Giới, Người Khuất Bóng, Ổ Trạm Cuối. Dù là tác phẩm đầu tay, Hồ Đình Nghiêm cũng không cho nhà văn đàn anh nào đứng ké trong thế giới của mình. Ngoại trừ một phụ bản đen trắng của họa sĩ Võ Đình ở trang trong. Không có bản vẽ nào của ông anh rề, họa sĩ Đình Cường, chung ở ngoài mặt tiền tác phẩm. Sách được in năm 1988. Hồ Đình Nghiêm ký tặng tôi ngày 27-01-1989.



Hai năm sau, 1991, Tờ Mộng Rách Rồi được ấn hành bởi Tổ Hợp Xuất Bản Tân Thư - Thời Văn, một lãng mạn của nhóm nhà văn trẻ gồm Tường Năng Tiên, Khánh Trường, Nguyễn Ý Thuận, Cao Xuân Huy, Nguyễn Mạnh Trinh, Thượng Văn cùng một số bạn khác. Trong tác phẩm thứ hai này, 12 truyện được gửi đến giới yêu sách: Đêm Trắng, Âm Khí, Nơi Không Có Trăng Sao, Chờ Một Chỗ Thường Trú, Niệm Tình Tha Thứ, Thủy Táng, Cổ Tích, Những Chậu Cá, Hồn Mộng, Gạch Nói, Cul De Sac, Tờ Mộng Rách Rồi. Bìa sách, vẽ trình bày bởi Khánh Trường. Phụ bản, Đình Cường đóng góp ba bức, Võ Đình góp một. Vẫn không có lời bạt, lời tựa. Ảnh tác giả ở bìa sau đã bớt vẽ thơ ngày hơn tập đầu. Nghiêm đề tặng tôi ngày 7-9-1991.

Không phải vì sức viết giảm, nhưng mãi đến năm 1997, Hồ Đình Nghiêm mới in được Vàng Trăng Nội Thành từ nhà xuất bản Văn Mới. Lần này mẫu thiếu nữ của Đinh Cường phơi phơi ở mặt tiền. Một bài tựa dài ba trang rưỡi của nhà văn Hồ Minh Dũng, một đồng hương của Nghiêm, viết rất chí tình:

“...Đọc văn Hồ Đình Nghiêm trong hai tập truyện “Nguyệt Thực” và “Tờ Mộng Rách Rồi” xuất bản trước đây và chín (9) truyện trong tập này, dù thời gian, không gian ở đâu, tôi vẫn thấy bàng bạc đâu đó nỗi nhớ dây dưa về quê hương mình, về những gì đã không thể tìm lại được, về những gì đau hơn mất mát, buồn hơn vĩnh biệt...”

Qua: Vàng Trăng Nội Thành, Húy Nhật, Nhấn Tin, Hậu Cứ, Vùng Đất Thấp, Ông Đi Qua Bà Đi Lại, Giới Nghiêm, Thăng Bù Nhìn, Tặng Phẩm, có lẽ nhà văn Hồ Minh Dũng thấy rõ hơn sự trưởng thành của một thế hệ đàn em. Sự khác biệt tâm thức cùng nỗi niềm giữa hai lứa tuổi, không cách nhau bao nhiêu, nhưng tôi tin mức độ trưởng thành của người đi sau lần chân hơn người đi trước. Giáng sinh năm 1997 là ngày tôi nhận sách tặng của Nghiêm. Ảnh sau bìa của anh bạn trẻ chưa là trung niên, nhưng hình như đã nằm trên mức thanh niên một chút.

Trong giao tình thân thiết với nhà văn Nguyễn Sao Mai, chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Sóng Văn tại Hoa Kỳ, năm 1998, tôi giới thiệu và được anh chấp thuận, sẽ chịu phí khoản in một tập truyện mới của Nghiêm. Bản thảo đã hoàn tất, kể cả mẫu bìa. Nghiêm đã gởi qua cho anh Sao Mai. Tiếc rằng tác phẩm của Nghiêm không may mắn hơn tập thơ Cỏ Hoa Gối Đầu của tôi. Chờ mãi, vài năm sau Nghiêm đành xin lại bản thảo. Tôi không



mát tay trong lần làm trung gian này. Ấy náy hết sức. Hụt khai sinh cho một đứa con, Nghiêm vừa bực mình, vừa có chút ngán ngẫm. Anh viết chậm hơn. Ngoài tạp chí Hợp Lưu, cơ sở Nghiêm giữ việc đại diện tại Montréal, những báo khác: Thế Kỷ 21, Văn Học, Văn...bài của Nghiêm, người chủ trương tạp chí khó xin hơn. Trong tình trạng cầm chừng như thế, Hồ Đình Nghiêm chợt được nhà xuất bản Văn Mới in, phát hành, tập Mùi Hương Trên Đồi vào năm 2005. Được tin, tôi còn mừng hơn cả Nghiêm. Lỡ làm mất trốn của bạn, nay được khai thông, niềm vui đến với tôi không có gì là lạ. Giữa tôi và Nghiêm không cách sự khách sáo. Xung hô anh em ngọt ngào. Đại ca, tiểu đệ trong câu viết đề tặng sách qua lại là thường. Tôi không dám chắc, nhưng rõ ràng giao tình giữa những bạn văn tại Canada nói chung, tại Montréal nói riêng, tôi được Hồ Đình Nghiêm thân mật có phần hơn đôi chút. Hẳn nhiên có sự hỗ trợ của Đinh Cường, của Hồ Đình Nam, anh ruột Nghiêm, cùng tuổi tôi, chưa gặp nhưng đã thân qua những lần điện đàm.

Kinh Cầu, Điểm Tâm, Đất Hẹp, Sang Sông, Mùi Hương Trên Đồi, Sứ Giả, Mãn Thiên Hoa Vũ, Liêu Trai, Sứ Xanh, Quí Âm, Mùa Hè Không Trở Lại, Hứa Trong Bóng Tối, Màu Trắng. Bìa Đinh Cường với nét thiếu nữ đặc trưng, khó giải thích, nhưng nhìn vào biết ngay là tranh từ bàn tay ông Thích Từ Từ. Phụ bản Trường Chinh, nhà thơ, có mặt trong nhóm thơ đương đại. Trường Chinh là con trai thứ của chị Tuyết Nhung và Đinh Cường. Chinh phác họa chân dung ông cậu sau bìa sách rất đạt. Vừa nghệ thuật, vừa giống y chang.

Ở tác phẩm mới này, nơi bìa sau, Hồ Đình Nghiêm trích dẫn hai nhận xét của hai bạn văn. Người thứ nhất, nhà văn Trần Vũ, tác giả Sau Lung Văn Miếu, viết trên tạp chí Văn Học, số 74, phát hành vào tháng 6 năm 1992:

“...Ở văn xuôi Hồ Đình Nghiêm không có đơn vị truyện. Từ truyện ngắn này sang truyện ngắn khác, nhân vật có thể trộn lẫn vào nhau, hoặc từ bối cảnh này qua bối cảnh khác mà vẫn giữ được hơi văn, ý tưởng, cùng một cách miêu tả. Cái hay trong truyện ngắn Hồ Đình Nghiêm không nằm ở cốt truyện, dàn bài, kết cấu, diễn tiến, mà roi roi trên lưng dòng chữ, roi roi chát Huế ẩn nấp, roi roi lồi tọc mạch kín đáo. Roi roi cả nổi chán chường

bạc bội, bàng bạc trong sáng tác Hồ Đình Nghiệm chỉ có một và chỉ một điệ̉m chĩnh: Diệ̉n tả tâm trạng của chĩnh mình cùng thệ̣ hệ đõng trang lĩra. Khung cảnh quē hương nhĩng năm khặ́c nghiệ̣t nhất. Và ngoài đậ́t nước, nhĩng năm lạc lõng vô bờ... ”

Nhận xét thứ hai, của một nhà thơ, quen thân với Nghiệm hơn, anh Hoặ̀ng Xuān Sơn. Anh Sơn không dùng bút hiệu quen thuộc mà dùng bút hiệu Sử Mặc, một bút hiệu thường có nhĩng bài thơ thuộc điệ̣n “tiền tân hình thức”. Sử Mặc viết:

“...Đó là một thứ bút pháp kín đáo, ậ̉n dấu nội tâm cùng cực, rất Hồ Đình Nghiệm, không thệ̣ lẫn lộn với ai khác... Con người-qua nhân vật Hồ Đình Nghiệm- dù ở bất cứ không gian thời gian nào cũng đều mang cái tâm nào lơ lửng, bất an. Đó là thứ khí hậu của loại truyện nóng, khô; có lúc ậ̉m ướt nhưng toàn thệ̣ chìm đắm trong bầu khí cực kì ngọt ngào, lửng khĩng, khực khặ́c; và bất cần đời...” (SM-Họ̣p Lưu số 46, tháng 4-1999).

Giự̃a thời điệ̉m nhĩng cây bút nữ mới xuất hiện sau 1975 trong và ngoài Việ̣t Nam, gần như đua nhau đưa vào sáng tác của mình nhĩng minh họa, nhĩng phân tích, nhĩng quan niệ̣n về tình dục, cảnh nhà văn nam hình như có vẻ khiẹ̃m nhường, lép vế hơn. Nhà văn Thệ̣ Uyện, nhà văn Nguyễn Văn Lự̣c, đặc biệt nhà văn Kiệt Tấn đã rất hứng thú nhận xét, mộ̃ xẻ các tác phẩm mong đẹ̃ đời của các người đẹp. Quỳnh My gọi đến Hồ Đình Nghiệm một câu hỏi rất thú vị”

Quỳnh My : *“Nhĩng nhà văn thuộc thệ̣ hệ của ông trong tác phẩm của họ, thỉnh thoảng có khai thác khía cạnh tình dục, ông cũng có làm như vậy? Và quan niệ̣m thệ̣ nào về vấn đề này?”*

Hồ Đình Nghiệm thặ́ng thặ́n:

“ Tọ̃t thọ̃i. Vui thọ̃i. Đọ̃c một truyện “dâm dặ́ng” viết cho thoặ́t sẽ sướng hơn bất kỳ một đệ̀ tài nào khác. Câu hỏi đặ̣t ra là viết có tới nơi tới chốn không? Chĩnh vì không “tới” không “đạt” nên mới đưa đến tình trạng tranh cãi chuyện thanh và tục. Tĩ dụ như truyện “Người thích ngắm vú” hoặc gì gì đó đặ́ng trên tờ Thệ̣ kỷ 21 là một truyện dở. Nó không đặ́ng đẹ̃ người ta đem ra tranh luận mộ̃ xẻ. Uống! Phĩ! Tôi lượng sức mình sợ bị sa ngã nên cứ

thậm thà thậm thụt. Ừ, thì trước đây cũng có chăm mút chút đỉnh. Ăn mặn thì khoái khẩu hơn ăn chay. Yêu thương nhau ra rít mà cứ nhắm mắt trước tình dục thì... chán bỏ bu. Mà tại sao Chàng cứ mãi vuốt tóc Nàng, tả da Em trắng như trứng gà bóc, mắt bồ câu môi trái tim mũi dọc dừa mà không hề biết cơ thể Em còn ẩn chứa hai ba thứ tuyệt diệu hơn? Vượt ra khỏi lối mòn kia thì sợ chúng chửi chằng? Tội nghiệp!”

Đúng như Hồ Đình Nghiêm xác nhận, trong nhiều truyện ngắn của anh có đề cập đến vấn đề sinh lý, nhưng ở mức độ nhẹ nhàng.. vừa đủ để nói lên, đưa ra, một sự việc quen thuộc trong đời sống. Ai mà không quan tâm đến vấn đề tối trọng đại này. Hiền lành số một như tôi, chỉ làm thơ thôi, đôi khi còn lạc bút nữa là:

“Đêm nào tôi cũng nằm mơ / không mơ, chắc chắn xác xơ, bất thường / mơ em nằm ngủ ở trường / hai bàn chân nhót phấn hương mượn mà / còn tôi, ngời ngẩng cuống hoa / chờ trắng mọc trái thơ ra gói đầu...? mơ hoài, gián dị thể thôi / cảm ơn thi vị cuộc đời trong veo” (LH-Cỏ Hoa Gói Đầu)

Không phải chỉ vồn vện chừng ấy. Có ba đoạn đăng tạp chí Thơ đã lâu, quên lưng mang vào tập, tiện tay *copy, paste* vào đây luôn, khỏi thất lạc:

“mỗi lần em nhờ gãi lưng/ bàn tay thô nhám tưởng chừng mềm ra/ bao nhiêu nguồn máu dưới da/ dồn về một cõi hào hoa tuyệt vời / và tôi trốn thoát khỏi tôi / tan ra làm giọt nắng trời tinh khôi

pha nước, giúp em gội đầu / tay mần chân tóc lượm câu thơ tình / em nằm phơi phơi hiển linh / cõi thơ lai láng cung nghinh quý thân / niệm thâm kinh Phật tịnh tâm / vẫn phơi trước mắt mộ phần thanh xuân

bắt đầu ngâm nộ ca dao / dòng đường thi dẫn đời vào động hương / chẳng đâu xa, cõi thiên đường / nằm co dãn giữa những nguồn xuân kinh / tuyệt vời thay phút rừng mình/ ba ngàn thế giới thành linh hóa thân” (LH).

Qua bài phỏng vấn của Quỳnh My, Hồ Đình Nghiêm còn cho chúng ta biết thêm nhiều điều. Trước nhất, viết văn đối với anh không là hoài bão, cũng không là thú tiêu khiển. Anh cho rằng

đây là một công việc “hành xác và rất mực tốn kém. Tiền bạc, sức khỏe, thời gian thấy đều hao hụt” biết vậy nhưng vẫn phải mang thân vào cõi...chơi. Thói quen của anh trong cuộc chơi khá ngộ: thường ngồi viết ở nhà bếp với ly cà phê, điều thuốc lá, thong thả không sợ cô vợ cần nhằn. Không ổn định trước dàn bài. Anh quan niệm: cần đặt nặng tình cảm hơn lý trí trong tác phẩm. Mỗi truyện phải chứa đựng được một khí hậu riêng, lộ ra được cá tính của người viết. Nghiêm giải thích tỉ mỉ hơn:

“...Tôi thích câu nói của Paul Gévaldy: ‘Cần giống nhau một chút để hiểu nhau, nhưng cần phải khác nhau một chút để yêu nhau’. Hãy thử đọc thơ của Bùi Giáng, của Tô Thùy Yên, của Luân Hoán, của Du Tử Lê... ngôn ngữ họ ‘câu chứng tại tòa’ bằng chính chữ nghĩa khác lạ của họ. Bây giờ tôi nói: ‘Thưa cô phỏng vấn lòng vòng. Nhức tim bên nó, đau lòng bên kia’ thì Quỳnh My biết ngay là tôi đã ăn cắp cái hơi thở của Bùi Giáng”

Trong một bài phỏng vấn khác, nhằm nêu cái tài hoa của Hồ Đình Nghiêm, Sử Mặc hỏi:

“Anh có rành chiêu thức ‘song thủ hổ bác’ của nhân vật kiếm hiệp Lão Ngoan Đồng ? Nghĩa là tay phải viết văn, tay trái làm thơ hoặc viết nhạc, hoặc làm gì gì đó..?”

Nghiêm trả lời:

“ Theo tinh thần của câu hỏi này, tôi xin thành tâm khai báo: Dạ thưa, tôi là Độc thủ đại hiệp. Chỉ có một tay mà tay ấy nắm thanh đoản đao, cái mới ngặt ! Múa may quay cuồng vài ba chiêu thức, chỉ có thể thôi. Sức người có hạn, buông cây đao mà nắm cây kiếm thì e không xong. Lo không xuể. Tôi xin bái phục mấy vị Tứ Sĩ, Ngũ sĩ, Lục sĩ...khiếp đảm thật, bao nhiêu chữ sĩ trên giang hồ họ đều tóm thâu về một mối. Văn sĩ, họa sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, bác sĩ, nha sĩ, được sĩ cho tới tận cùng bằng số là...kịch sĩ. Anh có ngờ không? Tôi đây cũng nhị sĩ. Tôi vốn xuất thân trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế”.

Tìm hiểu về một tác giả, không thể bỏ qua những câu trả lời của đương sự trong những cuộc phỏng vấn. Nhưng còn có những câu không do chính tác giả trả lời càng đáng quý. Tạp chí Sóng Vắn của nhà văn Nguyễn Sao Mai đã thực hiện một số bài phỏng

vấn dành cho người phôi ngẫu của những người sinh hoạt nghệ thuật, văn học. Trong số 5 tháng 11 năm 1996, Châu Ngọc Bích, cho biết một số chi tiết thú vị về Hồ Đình Nghiêm, qua một số câu hỏi chung. Tôi xin trích đoạn một vài câu:

Sóng Văn: *“Nhiều người thường quan niệm rằng: các ông bà tác giả, dù sinh hoạt ở bộ môn nghệ thuật nào, cũng thường có tính lơ là đối với công việc gia đình. Theo bà, nhận xét này đúng bao nhiêu phần trăm? Và riêng ông nhà thì sao?”*

Châu Ngọc Bích cho biết:

“Điều này không dám xác quyết. Có lẽ bản chất nghệ sĩ là vậy, những người ‘thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn’. Riêng đối với nhà tôi, nhận xét này chắc cũng đúng tới 50%. Tuy cũng hội viên ‘hội chờ trăng tàn’ nhưng đã có mặt ở nhà thì ‘đối nội’ cũng rành rẽ, phân minh lắm, tận tâm nữa”

Sóng Văn: *“Xin cho biết ít thói quen của ông nhà trong lúc sáng tác?”*

Châu Ngọc Bích:

“Đường như không có hoặc tôi chưa bắt gặp. Nói chung là thất thường. Đôi khi nghe than:” Đạo này đang suy”. Đôi khi ngủ yên một đêm, sáng ra đã thấy viết xong một cái truyện ngắn”

Sóng Văn: *“Bà có những nhận xét tổng quát nào về toàn bộ tác phẩm của ông nhà đã được giới thiệu rộng rãi trong quần chúng?”*

Châu Ngọc Bích:

“Tôi vẫn nghĩ là trên trung bình. Có thể chủ quan, nhưng biết đâu đó là một khích lệ nếu nhà tôi còn tha thiết với văn chương (thì tôi còn có báo để đọc). Chữ quần chúng như quý báo nói, đám đông ấy có giống lên tiếng nói nào không, cái đó mới đáng quan tâm”

Dĩ nhiên số câu hỏi trả lời còn nhiều, nhưng xin được ngưng trích.

Sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt tại Montréal từng có một thời được nhiều nơi ngưỡng mộ. Trong cái không khí lâng lâng hạnh phúc ấy, bè bạn ngồi lại với nhau tận chí tình. “*Chim có bạn cùng hát, tiếng hát mới hay. Ngựa có bạn cùng đua nước đua mới mạnh*” Câu nói đề đời này, tôi nhớ chưa chắc chính xác. Nhưng ý nghĩa đã quá rõ. Nhờ có gặp gỡ nhau thường, chúng tôi đã làm được nhiều việc như làm báo, sáng tác, in sách, ra mắt tác phẩm, triển lãm tranh... Những buổi gặp gỡ thường chỉ có tính cách thù tạc, vui chơi mà địa điểm chính là các quán cà phê, hoặc đôi lúc cao hứng là một sàn nhảy, chúng tôi kéo nhau đến làm khán giả. Hồ Đình Nghiêm đã có cho Quỳnh My biết:

“... Chúng tôi thường tụ họp ở một quán cà phê phường Côte des Neiges, nói năng linh tinh từ thiên địa bệnh hoạn thời tiết Tây đằm cho chí Mông-xù khủng bố trường Bin Laden. Đa phần là đùa giỡn, lấy vui làm trọng, gieo rắc nụ cười là chính. Thằng hoặc có nghiêm trang chuyện đại sự thì đó là dự tính in sách, tổ chức cho bạn văn ở phương xa về ra mắt tác phẩm mới cho có sinh hoạt...”

Chính nhờ các yếu điểm “*đùa giỡn, lấy vui làm trọng, gieo rắc nụ cười là chính*” như Nghiêm nói, nên chúng tôi gần như chưa bao giờ làm sứt mẻ lòng nhau. Riêng tôi với Nghiêm còn có khá nhiều kỷ niệm. Vợ Nghiêm cũng như chị xã nhà tôi, có miệng ăn, thiếu miệng nói. Đi đâu cũng e dè ngại ngùng. Những lễ cưới con cái bạn bè bắt buộc phải tham dự, hoặc tiệc tùng không thể trốn được, hai bà thường dựa vào nhau cho đỡ bối rối. Lý xem Bích như em, nhờ đó chúng tôi càng thêm gần gũi. Nhớ một lần chúng tôi cùng đi chơi xa đến tận... Québec, thật là vui. Một vài phút dành nhớ lại chuyện đi này:

Có hai danh xưng Québec. Một danh gọi tỉnh bang Một danh gọi thành phố. Tỉnh bang Québec rộng 1.560.000 cây số vuông, là một tỉnh bang rộng nhất của Canada, bằng tổng số diện tích của ba quốc gia Pháp, Đức, Tây Ban Nha cộng lại. Tôi, Hồ Đình Nghiêm, Song Thao, Trang Châu, Lưu Nguyễn... đang là dân “*còi*” (Québécois) của tỉnh bang này.

Thành phố Québec, nơi vợ chồng tôi vợ chồng Hồ Đình Nghiêm, vợ chồng Nguyễn Đông Ngạc đi chơi hôm ấy là thủ đô của tỉnh bang Québec, nằm về hướng đông bắc và cách thành

phố Montréal, nơi chúng tôi định cư, 300 cây số. Thành phố này là hậu thân của làng Stadacona do thổ dân Iroquois làm chủ. Năm 1535 nhà thám hiểm Jacques Cartier ghé thuyền vào chính ngôi làng này.



Chuyến đi chơi do nhà văn Nguyễn Đông Ngạc nắm tay lái. Anh là người rất thích lái xe đường trường, và cũng rất thích dừng ngủ năm ba phút ở dọc đường. Trước khi khởi hành anh thường ghi rất rõ lộ trình để ngay trước mặt, nhưng chuyện lạc hướng đều đều xảy ra. Từ Montréal xuống thành phố Québec chỉ cần chạy thẳng một lèo trên xa lộ 40, hướng Est, rồi rẽ vào thành phố. Hồ Đình Nghiêm bẻ thế thân thể hơn tôi, nên được ngồi ghế kê tay lái Ngạc. Chúng tôi lên đường. Trời nắng đẹp. Thật không có gì thú hơn đi chơi xa. Chỉ tiếc túi tiền chúng tôi nhẹ quá, không thực hiện nổi chuyến đi qua vài đêm để đủ gọi là du lịch. Chuyến thăm Québec của chúng tôi không hơn chuyện xuống phố uống cà phê là bao nhiêu. Không vội vội vàng vàng, nhưng để biết, để viết vài dòng về thành phố Québec thì quả thật hơi hợt, lỏng lẻo.

Thành phố Québec đúng là một thành phố để ngắm cảnh, để chụp ảnh, quay phim. Chúng tôi có nhận xét này khi được đến

một rẻo của Vieux Québec. Lâu đài nổi tiếp lâu đài. Những mái nhà xanh màu lá cây già với những đỉnh nhọn như những ngón tay chỉ trời. Có thể mượn chữ *thiên bút phê vân* của Quảng Ngãi để ví những đỉnh nhọn rần rỏi này. Lòng đường hẹp. Có chỗ lót đá, có chỗ lót gạch. Đẹp, cổ, nhưng quả thật đã làm phiền hai chân bước của tôi quá nhiều. Hoa và cây lá giăng giăng khắp nơi. Du khách thanh thần qua lại. Hầu hết đều ăn mặc gọn gàng, giản dị. Người đi lên, kẻ đi xuống. Băng ngang rẽ dọc phơi phới tự nhiên. Và chẳng mấy khi tôi nghe hay thấy họ chào nhau. Nhưng hoàn toàn thân mật, bình đẳng. Trắng, đen, vàng, đỏ lẫn lộn trong một dòng sinh động tuyệt vời.

Chị Nguyên Ngọc kéo Lý và Bích vào một tiệm bán áo quần. Đàn bà đi đâu cũng lo xem thời trang. Ngạc, Nghiêm và tôi đứng đợi bên ngoài. Nghiêm nhả từng hơi khói *du Maurier*. Ngạc hả hê với từng ánh *pipe* đỏ. Còn tôi vô duyên, đứng lọng ngọng ngó những gáy lụa, váy hoa. Buồn tay thọc túi quần. Đầu đã có thơ mà chực rút ra dán thâm lên vai áo ai. Chúng tôi dừng rất nhiều nơi, bấm máy chụp hình lia lịa, nhưng bây giờ chẳng nhớ ra những chỗ nào. Một góc phố có bảng đề *boutique Créaly*. Một vườn cây trước con đường có cửa hiệu *Notre Dame*. Một vườn hoa có trồng những ngọn đèn lồng, những ghé dài bằng gỗ. Một vườn hoa khác đầy hoa vàng, tím trắng và đỏ. Một tam cấp với những viên gạch xám ngậm ngậm bước thời gian. Một vách đá nhiều vân màu, nằm sát một bệ đá dài, đỡ những thùng gỗ lớn đầy hoa nở hồng. Và dĩ nhiên, dưới chân, bên cạnh những tượng đài, những trụ điện rất nghệ thuật. Tôi ngồi bệt lên sàn ván của sân *Samuel de Champlain* cột lại giày giầy, cảm nhận trong tích tắc, dưới móng mình bao nhiêu gót chân người đã qua lại. Trước cảnh thơ chẳng dễ làm thơ, hay đúng hơn không còn muốn làm thơ.

Chiều hôm đó, trên đường về, chúng tôi tạt vào một khu bán hàng đồ cũ lộ thiên trong mùa hè. Thôi thì đủ cả mọi vật dụng, từ lớn đến nhỏ. Khu chợ trời này nhỏ hơn nhiều so với khu *marché aux puces* Saint - Eustache ở Montréal. Nhưng được cái vuông gọn, dễ tìm hàng. Sáu người, xe đã chật, nhưng Ngạc vẫn xúi tôi mang về một ghé da, chân xoay bằng inox bóng ngời. Ngạc và Nghiêm cũng tha một vài món linh tinh. Cái ghé da vốn là hàng xịn, chắc chắn và tiện lợi vô cùng. Tôi đã ngồi lên hần viết bao nhiêu thứ vớ vẩn từ năm 1991 đến năm 2004. Hần được tôi cho

giải ngũ, nhưng không đẩy ra đường chờ xe hốt phế thải. Hiện tại hấn vẫn còn có mặt trong *garare* nhà tôi, bởi chẳng có chỗ nào sút mẻ, trầy da. Thịnh thoảng tôi vẫn còn ngồi lên hấn, khi chợt thấy mỗi chân, trong lúc tôi thi hành nghĩa vụ giặt đồ. Mặt ghế vẫn êm, vòng xoay vẫn nhẹ. Hấn bị thất sủng chỉ vì một món quà tặng sinh nhật của vợ tôi, lấn lướt hơn hấn một chút hình dạng. Tôi có thói quen yêu thích đồ dùng cá nhân. Mỗi một vật đều có hơi hám tôi lâu ngày, bỏ đi thật không đành.

Thật vợ vẫn lạc đề. Nhưng chuyện cùng đi chơi xa với Hồ Đình Nghiêm, hôm đó là lần duy nhất từ đó đến bây giờ. Không kể chuyến gặp nhau ở Boston, Hoa Kỳ, rồi cùng về bằng xe của nhà văn Song Thao. Nếu so sánh cơ hội đi chỗ này chỗ kia, có lẽ tôi thua Hồ Đình Nghiêm. Anh đã thăm nhiều nước châu Âu, trong khi với phương tây, tôi chỉ biết mặt hai phi trường ở Paris, ở Rome. Để tự an ủi mình, tôi thường hát thəm câu ca của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, không quên thêm vào một câu cho thích hợp : “*Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ... (TCS) /Ở nhà lên nét đòm nhiều cái hơn*”

Kỷ niệm cũng là một loại hơi thở. Chúng thẩm thấu vào cơ thể không chỉ qua đường mũi, miệng, còn ngấm vào người qua



từng vuông da. Tôi nghe được mùi thơm. Tôi nhìn thấy sự lấp lánh của chúng từ một cái móng tay, từ một sợi tóc chột rụng. Nhưng lượm nó ra, sẫm soi chơi không phải là chuyện dễ thực hiện. Vì thế tôi đã bỏ sót quá nhiều kỷ niệm với bè bạn, trong đó có những thân thương với Hồ Đình Nghiêm. Nằm nhớ, ngồi nhớ rất nhiều chuyện, nhưng ngồi vào bàn viết kỷ niệm này biến dạng thành kỷ niệm khác. Sự chất lọc đâm ra vụng về, thiếu sót. Hôm qua anh Song Thao có gởi cho tôi xem một truyện ngắn anh mới viết. Đọc xong tôi cứ cảm thấy lo lo. Hình ảnh lấm lấm của một tuổi già. Những nét đáng thương của sự mất ký ức, lãng quên kỷ niệm được Song Thao tô đậm trong từng câu chữ. Mới đó mà tôi đã 65, trí nhớ còn đứng vững bao lâu ? “*Trên tuyết với trí nhớ / phải chăng là lãng quên ? / hạnh phúc là lấm lấm / giữa đôi miên nhớ quên*” (LH). Tôi sớm an ủi tôi chăng ?

Nhưng thôi, chín giờ đến nơi rồi. Hai đội Argentine và Serbie & Montenegro đã sắp hàng dẫn nhau ra sân. Tôi phải thu lại cho Hồ Đình Nghiêm xem trận này. Sẽ không thu bằng DVD, dùng video để dễ bỏ bớt những “phút chết”. Anh bạn Nhị sĩ Nội Thành của tôi đâu có nhiều thời gian sau một ngày bù đầu ở sở làm.

Suýt nữa quên mấy câu diễn văn dành cho Nghiêm:

“*Nguyệt Thực từ đêm nào / ngồi lẫn giữa chiêm bao / lặng lẽ viết thay vẽ / những nét đời hanh hao / vốn liếng từ Mỹ thuật / vẫn đậm đà thờ vào. Hàng nghìn con chữ hát / bắt cần đời ồn ào*”

“*từ khi Nguyệt Thực khai hoa / tiếp theo Tờ Mộng Rách ra máu người / hình như đệ có hơi lười / không rủ huynh ngắm núi đồi, tịnh tu*”



Mục Lục

Dựa Hơi Bè Bạn	7
Gặp Nguyễn Nho Sa Mạc từ Nguyễn Thị Liên Phương	9
Vũ Hữu Định , sáng từ phố núi Pleiku	29
Phan Nhựt Thức Đốt Tuổi Tìm Vui	43
Đỳnh Hoàng Sa bỏ “Vùng Trú Ân Hoang Đường”	55
Phụ bản: Bạn xưa ảnh mới	74
Nguyễn Đông Ngạc , ngọn pipe chọt tắt trên môi	75
Nghiêu Đề cỡi ngựa về ‘Vùng Thanh Thoát’	89
Vương Thanh mãi mãi một khu rừng mùa xuân	103
Phụ bản: Bạn Xưa Ảnh Mới	110
Song Thao , người bạn văn, biết sớm, gặp muộn	111
Phạm Thế Mỹ , nhạc vẫn ngấm trong lòng quê hương	127
Phụ bản: Bạn xưa ảnh cũ	156
Hà Nguyên Thạch , Còn “ngại hồn bay” ?	157
Thành Tôn Thấp Tinh Đi Thuyết Giáo	173
Phan Ni Tấn ND , Câu Thơ Về Khiếm Với Lân	187
Chu Vương Miện , Thơ Với Cuộc Chơi Loanh Quanh Giữa Chợ	205
Thái Tú Hạp trăm năm một dạ yêu đàn	219
Lê Hân , một người thơ cô đơn giàu hạnh phúc	233
Lưu Nguyễn và cõi Thiên Thai giữa đời thường	247
Đình Cường , Mộng Du Những Nhan Sắc	261
Trang Châu , người mang nhiều thứ Sĩ	281
Lê Vĩnh Thọ và bài ai điếu cho người còn sống	295
Võ Kỳ Điền , kẻ đưa đường lãng trí	313
Phụ bản: Bạn xưa ảnh cũ	328
Song Vinh , người dựng nền cho Web. Vương Chiêu	329
Hồ Đình Nghiêm , gã nhị sĩ nội thành	345
Mục Lục	363
Phần giới thiệu	365
Phụ bản: tranh Đình Cường	367

NHÂN ANH



ĐÃ XUẤT BẢN:

Tác Giả Việt Nam (Lê Bảo Hoàng, tái bản, 2006)

Qua Khứ Trước Mặt (Luân Hoán, hồi ký rời)

Phiếm 1 (Song Thao, tái bản, 2006)

Dựa Hơi Bè Bạn (Luân Hoán, hồi ký rời)

Liên lạc: Lê Hân

3359 Scotch Pine Gate

Mississauga, Ont L5N 7M9 Canada

Email: lehan3359ca@yahoo.com

THI PHẨM CỦA LUÂN HOÁN

Về Trời/ Trôi Sông/ Chết Trong Lòng Người/ Viên Đạn Cho Người
Yêu Dấu / Hòa Bình Ồi Hỡi Đến (cùng Lê Vĩnh Thọ, Phạm Thế
Mỹ)/ Nén Hương Cho Bàn Chân Trái (cùng nhiều tác giả)/ Thơ Tình
(cùng Khắc Minh)/Ca Dao Tình Yêu (cùng Khắc Minh)/Lục Bát
Ca (cùng Lê Vĩnh Thọ, Vĩnh Điện), Rượu Hồng Đã Rót/ Hơi Thở
Việt Nam/ Ngơ Ngác Cõi Người/ Đưa Nhau Về Đến Đâu/Cảm Ôn
Đất Đá Trở Thơ.../Mời Em Lên Ngựa/ Nuôi Thơm Chùm Kỷ Niệm
Xanh/ Cỏ Hoa Gối Đầu/ Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ

SÁCH VIẾT VỀ LUÂN HOÁN:

Chân Dung Thơ Luân Hoán (nhiều tác giả, 1991)

Luân Hoán-Một Đời Thơ (nhiều tác giả, 2005)

Nơi đang cư ngụ: 11351 ARMAND LAVERGNE

MONTREAL NORD H1H 5W3 CANADA

514-325-6409

514-588-6409

Lebao_hoang@yahoo.com

luanhoan@hotmail.com

luanhoan@videotron.ca



Tranh Đinh Cường

